

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 5

**NGUYỄN CHÁNH**  
**CON NGƯỜI**  
**VÀ SỰ NGHIỆP**

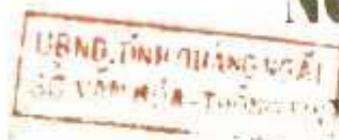


**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

**NGUYỄN CHÁNH**

**CON NGƯỜI  
VÀ SỰ NGHIỆP**

*Kinh biên*



NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC  
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

---

---

9 - 9(V)(092)

199 - 97

QĐND - 97

959.753 092

NG 527 CM

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHIU 5

# NGUYỄN CHÁNH CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP

THU VIỆN T. QUANG NHAI

377 749

ĐỊA CHỈ 188

10/1 H61



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN  
Hà Nội - 1997

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

**THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY, BỘ TƯ LỆNH QUÂN KIỀU 5**

**BIÊN SOẠN VÀ HOÀN CHỈNH BẢN THẢO**

**THÂN HOẠT (chủ biên)**

**NGUYỄN NGỌC**

**PHẠM THỊ TRINH (LÀN)**

**VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA**

**GIÁ ĐÌNH ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH**

**VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ**

**CAO HỮU THỌ, ĐÌNH ANH TUẤN, HUỲNH MÔN,**

**NGUYỄN ANH TƯỜNG, NGUYỄN CHÍ TRỰC,**

**NGUYỄN NGOAN, NGUYỄN NGUYỄN BÌNH,**

**NGUYỄN QUANG MINH, NGUYỄN VĂN LUYỆN,**

**TÔN LONG LƯU, TRẦN NHƯ TIẾP**



**Đồng chí NGUYỄN CHÁNH**  
(1914-1957)



## LỜI GIỚI THIỆU

Tôi biết anh Nguyễn Chánh, quen thân và trở nên người đồng chí, người bạn, người anh em của anh từ khi tôi công tác ở Nam Trung Bộ vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Chánh là một con người thông minh và hiếu học, rất giàu những phẩm chất cao quý của người chiến sĩ cách mạng, từ đó mà cũng rất giàu tri tuệ và tài năng. Anh bắt đầu giác ngộ cách mạng và hoạt động cách mạng từ thời rất trẻ, đã vào tù ra tội nhiều lần và suốt đời phấn đấu vì mục tiêu cao cả là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Một cuộc đời hoạt động như vậy, với phong cách tương thân, tương ái với đồng chí và đồng bào, nghiêm với mình, hào hiệp với bạn bè, được mọi người quen biết gần, xa một lòng yêu mến, kính trọng và khâm phục.

Nguyễn Chánh đã cùng tập thể đưa Đội du kích Ba Tư thoát khỏi tình trạng bế tắc, nhanh chóng phát triển mạnh mẽ, làm nòng cốt vững chắc cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945 thành công hoàn toàn ở Quảng Ngãi và một số tỉnh Nam Trung Bộ.

Du kích Ba Tư thực sự trở thành một trong những lực lượng tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Với cương vị là người lãnh đạo Đảng bộ và quân đội Liên khu 5, anh đã cùng tập thể đưa quân dân Nam Trung Bộ vượt qua muôn vàn khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi

*nhệm vụ, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).*

*Nguyễn Chánh đã từ biệt chúng ta cách đây 40 năm, lúc mới 43 tuổi, còn trẻ quá, lúc đang tuổi xuân xanh của một chiến sĩ cách mạng tràn đầy sức sống, phẩm chất và tài năng, còn có thể làm biết bao việc, góp phần cống hiến biết bao quý báu cho sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Người thân đáng yêu, đáng quý của chúng ta đã qua đời quá sớm. Song tám gương sáng mà Nguyễn Chánh để lại cho đồng chí và đồng bào, cho thế hệ ngày nay và ngày mai quý giá biết bao, nhất là trong tình hình hiện nay của đất nước đứng vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

*Tôi tin rằng tám gương đó sẽ phát huy tác dụng tích cực khác nào ánh sáng xua tan bóng tối, góp phần đem lại những thành quả ngày càng tốt đẹp của sự nghiệp cách mạng mà suốt đời Nguyễn Chánh hằng phấn đấu quên mình để vươn tới.*

*Cuốn sách này là sự thể hiện con người và sự nghiệp của Nguyễn Chánh cũng như những tình cảm và sự đánh giá cao quý của bạn bè và đồng chí khắp nơi trên cả nước đối với anh.*

*Tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách về Nguyễn Chánh nhân dịp tưởng niệm 40 năm ngày mất của anh và hy vọng rằng cuốn sách có thể giúp người đọc tìm thấy những điều bổ ích cho mình trong cuộc sống cũng như trong công tác và chiến đấu.*

**CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG  
PHẠM VĂN ĐỒNG**

## LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Nguyễn Chánh là một nhà lãnh đạo xuất sắc, một tướng quân mưu lược của quân đội ta. Tuy quãng đời ngắn ngủi 43 năm, nhưng đồng chí có gần 30 năm hoạt động cách mạng, đã cống hiến cho Đảng, cho quân đội nhiều kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và lý luận quý báu, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở chiến trường Liên khu 5.

Để tưởng niệm lần thứ 40 ngày đồng chí Nguyễn Chánh từ trần (24-9-1957 - 24-9-1997) và với lòng mong muốn để lại di sản vô giá của cha anh cho các thế hệ hôm nay và mai sau, góp phần phát huy bản chất, truyền thống cách mạng vẻ vang của quân và dân ta; thể theo nguyện vọng của đồng bào bạn bè, đồng chí đã từng sống, chiến đấu và công tác với đồng chí Nguyễn Chánh, Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân khu 5 chỉ đạo tổ chức viết về đồng chí Nguyễn Chánh. Việc làm đó đã nhanh chóng được sự đồng tình ủng hộ của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, của các cơ quan, đơn vị, của các đồng chí và các bạn ở khắp các miền Tổ quốc. Có hàng trăm đồng chí đã kể và viết bài, nội dung rất phong phú, sinh động, giúp người đọc hình dung được phần nào hình ảnh chân thật và sống động về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Chánh. Qua hơn hai năm làm việc miệt mài và cần trọng của tất cả các đồng chí, ban biên soạn và Nhà xuất bản

*Quân đội nhân dân, cuốn sách NGUYỄN CHÁNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP đã được hoàn thành.*

*Thường vụ Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân khu 5 chân thành cảm ơn Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, các cơ quan, đơn vị, tất cả các bạn, các đồng chí đã nhiệt tình cổ vũ và công sức cho cuốn sách.*

*Vì nhiều lý do khác nhau, chắc rằng cuốn sách chưa hoàn toàn đạt được mong muốn và cũng vì khuôn khổ sách có hạn, thành thật xin lỗi các đồng chí có bài mà chưa được sử dụng trong lần xuất bản này, rất mong các đồng chí thông cảm.*

*Chúng tôi mong nhận được những ý kiến nhận xét, góp ý và chỉ giáo của đồng đảo bạn đọc.*

*Ngày 19 tháng 8 năm 1997*

**THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY - BỘ TƯ LỆNH  
QUÂN KHU 5**

## ANH NGUYỄN CHÁNH CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP

**A**NH NGUYỄN CHÁNH LÀ MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO xuất sắc, một danh tướng mưu lược của Đảng, của quân đội và của nhân dân ta. Anh ra đi quá sớm, ở tuổi 43, khi chưa đến thời "tri thiên mệnh", tài năng đang thì xung sức. 43 năm của một đời người thật quả là ngắn ngủi, nhưng anh đã có gần 30 năm cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Anh ra đi để lại cho Đảng ta, quân đội ta và nhân dân ta lòng tiếc thương vô hạn. Anh là một tấm gương mãi mãi sáng trong.

Anh Nguyễn Chánh sinh trưởng trong một gia đình nho học yêu nước và cách mạng, trên mảnh đất Cẩm Thành "Gấm vóc non sông dệt chí người"<sup>1</sup>. Quê hương anh vốn có bề dày truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột và ách đô hộ của thực dân phong kiến; là nơi sớm có Đảng lãnh đạo nên phong trào cách mạng ngày càng dâng cao. Chính đó là những yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến việc xác định con đường hoạt động cách mạng của anh: từ một

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Hồng Sinh.

người dân nô lệ cho đến khi trở thành một nhà lãnh đạo xuất sắc toàn diện, một danh tướng đạt đến mức khá hoàn hảo những tiêu chí mà Bác Hồ đã đề ra cho người làm tướng.

Anh đến với cách mạng, với Đảng, khi mới bước vào tuổi 14.

Khi lăn lộn hoạt động trong quần chúng hay tranh đấu dưới nanh vuốt của quân thù ở chốn lao tù ngục thất đầy tử sinh, cũng như khi đảm nhiệm các cương vị công tác lãnh đạo của Đảng, của quân đội, ở đâu và làm gì, anh cũng đều chiến đấu quên mình cho lý tưởng cộng sản, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Được giáo dục và rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, anh Nguyễn Chánh đã có những bước thành đạt nhanh chóng trên nhiều mặt. Đặc biệt, anh có cái nhìn sắc sảo và đánh giá thời cuộc với độ khái quát cao. Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) anh đã nói ngay với các đồng chí bị giam cầm trong ca-sô Thừa Phủ (Huế): "Tình hình này, thế nào ở Ba Tơ cũng có khởi nghĩa, tôi phải về Quảng ngay"<sup>1</sup>.

Thật vậy, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã nổ ra và thành công tốt đẹp. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, đây là một cuộc khởi nghĩa vũ trang giành được thắng lợi trọn vẹn, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945 ở Quảng Ngãi.

---

1. Hồi tưởng của Võ Trọng Hoàng.

Vừa về đến Quảng Ngãi, anh Nguyễn Chánh được bổ sung vào Tỉnh ủy lâm thời, được phân công phụ trách quân sự và trực tiếp lãnh đạo Đội du kích Ba Tư cùng các đồng chí Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt...

Thật là chọn mặt gửi vàng.

Việc thông báo anh Nguyễn Chánh lên tăng cường lãnh đạo, chỉ huy Đội du kích Ba Tư đã thổi vào toàn Đội một luồng sinh khí mới, một niềm tin và hy vọng của Đảng và của đồng đội.

Lúc này, toàn Đội du kích đang lâm vào tình thế hầu như bị bế tắc, bởi vẫn giữ chủ trương lưu động trên rừng núi để xây dựng căn cứ, để phát triển lực lượng và chiến đấu... Trước tình hình đó, tuy mới lên chiến khu được mấy hôm, qua nghiên cứu các mặt, anh kiến nghị: phải xây dựng và củng cố chi bộ Đảng để làm hạt nhân lãnh đạo, và phải đưa Đội du kích về đồng bằng, dựa vào phong trào cách mạng của quần chúng để xây dựng, phát triển và chiến đấu. Dựa vào dân, được nhân dân che chở là kín đáo nhất, xây dựng căn cứ trong nhân dân là vững chắc nhất<sup>1</sup>.

Trong buổi đầu, vạn sự đều khó khăn, lại không thầy, không sách, phải mò mẫm tìm tòi, thì đây là một cống hiến đầu tiên rất đặc sắc của anh Nguyễn Chánh cho kho tàng lý luận cũng như hoạt động thực tiễn xây dựng và chiến đấu của quân và dân ta. Và nó đã, đang và mãi là phương châm chỉ đạo của sự nghiệp cách mạng nói chung cũng như công

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Đôn, Trần Chí Cường.

cuộc xây dựng và tác chiến của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam nói riêng. Kiến nghị này còn giải phóng cho những nhận thức xưa nay cho rằng, căn cứ địa là cứ phải dựa vào vùng rừng núi hiểm trở...

Cùng tập thể, anh Nguyễn Chánh đã đem hết sức lực và trí tuệ lãnh đạo việc xây dựng và tác chiến của Đội du kích. Nhờ đó, Đội du kích đã phát triển lớn mạnh nhanh chóng, thực sự là lực lượng nòng cốt cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công hoàn toàn ở Quảng Ngãi, và trở thành lực lượng tiền thân của các lực lượng vũ trang Nam Trung Bộ, đồng thời còn là một thành phần trong các lực lượng tiền thân của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Trong những ngày hào hùng và sôi động của cao trào Cách mạng tháng Tám, Quảng Ngãi đã nổ ra phát súng đầu tiên và là một nơi bắt đầu cuộc Tổng khởi nghĩa sớm nhất vào ngày 14 tháng 8 năm 1945.

Trong thời điểm lịch sử quyết định vận mệnh của Tổ quốc, của dân tộc, với cương vị là Trưởng ban quân sự chỉ huy cuộc Tổng khởi nghĩa, anh Nguyễn Chánh, một lần nữa, lại tỏ rõ tài năng chính trị, quân sự kiêm toàn, nhanh nhạy nắm bắt thời cơ, hành động kiên quyết và kịp thời, đã cùng tập thể đưa cuộc Tổng khởi nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn.

Cách mạng tháng Tám vừa thành công, thì quân và dân Nam Trung Bộ cùng quân và dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ đã phải dốc

sức tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tổ quốc lâm nguy!

Trong tình thế hiểm nguy, vận mệnh Tổ quốc như ngàn cân treo sợi tóc, anh Nguyễn Chánh được giao trọng trách làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ, chịu trách nhiệm về quân sự. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, anh Nguyễn Chánh đã cùng tập thể nhanh chóng chuyển cao trào Tổng khởi nghĩa vào chiến tranh cách mạng, đưa quân và dân Nam Trung Bộ bước vào cuộc kháng chiến với khí thế hào hùng và niềm tin tất thắng. Đây là một thành công lớn của Nam Trung Bộ trong thời kỳ đầu chiến tranh. Nhờ đó, quân và dân Nam Trung Bộ đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng, góp phần làm thất bại âm mưu của thực dân Pháp muốn nuốt chửng miền Nam nước ta trong một thời gian ngắn. Đó cũng là lần đầu đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của địch, giữ được một vùng đất đai rộng lớn hình thành hậu phương vững chắc, tạo những tiền đề thuận lợi để bước vào toàn quốc kháng chiến.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân Nam Trung Bộ cùng quần dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ.

Do vai trò và vị trí trọng yếu của chiến trường nên ngay từ đầu cuộc kháng chiến, đồng chí Phạm Văn Đồng thay mặt Đảng và Chính phủ về chỉ đạo chung ở đây, đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm Bí thư Phân ban Xứ ủy Trung Kỳ ở Nam Trung Bộ, sau đổi là Liên khu ủy 5. Các đồng chí đó đã đạt

nền móng ban đầu rất cơ bản, tạo tiền đề vững chắc cho cuộc kháng chiến trên địa bàn này trong những năm sau.

\* Anh Nguyễn Chánh là người đã từng gắn bó từ sinh với đất này suốt cuộc đời mình và suốt từ đầu đến cuối cuộc kháng chiến, phụ trách về quân sự, còn vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, là giai đoạn khó khăn nhất và quyết định nhất, anh lại gánh vác cả trọng trách là người đứng đầu Đảng bộ Nam Trung Bộ và đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Ngay từ những ngày đầu bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài, anh đã nhận rõ phải tổ chức cho toàn dân đánh giặc, chứ không chỉ có bộ đội đánh giặc; cần xây dựng căn cứ cho từng tỉnh, từng huyện để chuẩn bị đánh giặc dài ngày và gian khổ, chứ không phải chỉ có đánh mấy trận là có thể vào Sài Gòn và một số thành phố khác ở miền Nam để duyệt binh; phải tự lực về các mặt để kháng chiến lâu dài trong điều kiện bị bao vây bốn bề, không nhận được sự chi viện của chiến lược; phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang gồm có dân quân tự vệ và bộ đội địa phương một cách rộng khắp, bảo đảm đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi thứ vũ khí có trong tay và bằng các cách đánh phù hợp, đồng thời cần phải xây dựng chủ lực mạnh để có quả đấm quyết định; phải xây dựng thế trận phòng thủ có chiều sâu, hình thành nhiều tuyến, chứ không dàn "mành mành" như trong chiến đấu vừa qua ở một số nơi; phải kiên quyết ngăn chặn

cuộc tiến công của địch ở chính diện kết hợp với đẩy mạnh đánh phá trong hậu phương của chúng, buộc chúng phải bị động đối phó cả trước mặt và sau lưng, rơi vào thế "lương đầu thọ địch"; phải lấy vũ khí địch đánh địch, nhưng về cơ bản và lâu dài thì cần phải tự sản xuất phần quan trọng mọi trang bị vũ khí, do đó cần khẩn trương xây dựng các xưởng sản xuất vũ khí của Liên khu<sup>1</sup>.

Những nội dung trên đây chắc là anh Nguyễn Chánh chưa được học, chưa được nghe, chưa được đọc lúc bấy giờ, nhưng những thực tiễn trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp là những minh chứng đầy thuyết phục cho những phát kiến ban đầu của anh rất sáng tạo, sắc sảo và toàn diện cả về lý luận cũng như thực tiễn.

Trong kháng chiến chống Pháp, Nam Trung Bộ được hình thành như một quốc gia thu nhỏ. Nhưng cái độc đáo đầy sáng tạo ở đây là lãnh đạo đã nhìn thấy rất sớm và đã thành công trong việc xây dựng địa bàn thành một chiến trường thống nhất, có tiền tuyến là vùng tạm chiếm, có hậu phương là vùng tự do, tạo thành thế trận vững chắc bất khả chiến thắng cho cuộc kháng chiến.

Vùng tạm chiếm, bao gồm cả Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia, được xây dựng thành những hướng tiến công chiến lược chủ yếu. Chiến tranh du kích ở đây được đẩy mạnh và thực sự đã trở thành một đòn tiến công chiến lược quan trọng, thực hiện tiêu

1. Hồi tưởng của Nguyễn Đôn, Nguyễn Quyết.

hao về chiến lược quân địch và hạn chế các cuộc tiến công của chúng vào vùng tự do, đồng thời còn chuẩn bị chiến trường cho tác chiến lớn của chủ lực. Chấp hành chỉ thị của Trung ương và mệnh lệnh của Bộ, anh Nguyễn Chánh là người kiên quyết đưa chiến tranh vào sau lưng địch "biến hậu phương địch thành tiền phương ta", và đã vận dụng thật sáng tạo phương thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" vào điều kiện chiến trường Liên khu 5, nhất là Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia<sup>1</sup>. Để tạo điều kiện cho hoạt động của quân dân ta trong vùng địch hậu, Liên khu đã chủ động liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phía sau lưng địch, như các chiến dịch Đông - Xuân 1949 - 1950 ở Quảng Nam và Khánh Hòa, Hè 1949 trên Đường 19 (Gia Lai)... Rõ ràng là vùng tạm chiếm đã phát huy tác dụng to lớn trong suốt cuộc kháng chiến, đặc biệt là trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954. Chính vì vậy, nên không phải ngẫu nhiên mà các đồng chí lãnh đạo quân đội lúc bấy giờ đã đặt vấn đề cần suy nghĩ vì sao chủ lực của Liên khu 5 vào vùng địch thì đứng được và đánh thắng<sup>2</sup>.

Một nét nổi bật và độc đáo là trong suốt cuộc kháng chiến, Liên khu 5 đã bảo vệ vững chắc vùng tự do gồm gần bốn tỉnh với hơn ba vạn ki-lô-mét vuông và số dân 2,5 triệu, nhưng điều đặc biệt quan trọng hơn là vùng tự do ấy đã được xây dựng khá

1. Hồi tưởng của Nguyễn Quyết, Đoàn Huyền.

2. Hồi tưởng của Đặng Hòa, Huỳnh Đắc Hương.

hoàn chỉnh trên tất cả các lĩnh vực: vững về chính trị trên cơ sở khối đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố; có chính quyền cách mạng ngày càng vững mạnh; có kinh tế tự túc không những đủ bảo đảm cho quân dân trong kháng chiến, mà còn chi viện cho các chiến trường bạn; có văn hóa giáo dục phát triển, xã hội lành mạnh<sup>1</sup>... Vùng tự do đã thực sự trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến không những ở Nam Trung Bộ, mà cho cả các chiến trường bạn, đồng thời còn là bàn đạp lợi hại cho các cuộc tiến công thắng lợi trên các hướng.

Liên khu 5 đã xây dựng được một lực lượng vũ trang phát triển mạnh và cân đối, thực sự là lực lượng trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến: có dân quân, tự vệ và bộ đội địa phương được phát triển đều khắp, thực sự là một lực lượng chiến lược làm nòng cốt cho nhân dân đánh giặc trên từng địa phương, thực hiện tiêu hao và tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch, có bộ đội chủ lực mạnh. Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Liên khu 5 có lực lượng chủ lực hơn một sư đoàn đủ khả năng hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trên giao. Và thực tế, nó đã hoàn thành vượt mức nhiệm vụ trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Với thế và lực như vậy, quân dân Nam Trung Bộ, mặc dù nằm trong vòng vây bốn bề bị quân thù

1. Hồi tưởng của Nguyễn Minh Vị, Nguyễn Quyết, Trần Văn Quang.

hao về chiến lược quân địch và hạn chế các cuộc tiến công của chúng vào vùng tự do, đồng thời còn chuẩn bị chiến trường cho tác chiến lớn của chủ lực. Chấp hành chỉ thị của Trung ương và mệnh lệnh của Bộ, anh Nguyễn Chánh là người kiên quyết đưa chiến tranh vào sau lưng địch "biến hậu phương địch thành tiền phương ta", và đã vận dụng thật sáng tạo phương thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" vào điều kiện chiến trường Liên khu 5, nhất là Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia<sup>1</sup>. Để tạo điều kiện cho hoạt động của quân dân ta trong vùng địch hậu, Liên khu đã chủ động liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phía sau lưng địch, như các chiến dịch Đông - Xuân 1949 - 1950 ở Quảng Nam và Khánh Hòa, Hè 1949 trên Đường 19 (Gia Lai)... Rõ ràng là vùng tạm chiếm đã phát huy tác dụng to lớn trong suốt cuộc kháng chiến, đặc biệt là trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954. Chính vì vậy, nên không phải ngẫu nhiên mà các đồng chí lãnh đạo quân đội lúc bấy giờ đã đặt vấn đề cần suy nghĩ vì sao chủ lực của Liên khu 5 vào vùng địch thì đứng được và đánh thắng<sup>2</sup>.

Một nét nổi bật và độc đáo là trong suốt cuộc kháng chiến, Liên khu 5 đã bảo vệ vững chắc vùng tự do gồm gần bốn tỉnh với hơn ba vạn ki-lô-mét vuông và số dân 2,5 triệu, nhưng điều đặc biệt quan trọng hơn là vùng tự do ấy đã được xây dựng khá

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Quyết, Đoàn Huyền.

2. Hồi tưởng của Đặng Hòa, Huỳnh Đắc Hương.

hoàn chỉnh trên tất cả các lĩnh vực: vững về chính trị trên cơ sở khối đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố; có chính quyền cách mạng ngày càng vững mạnh; có kinh tế tự túc không những đủ bảo đảm cho quân dân trong kháng chiến, mà còn chi viện cho các chiến trường bạn; có văn hóa giáo dục phát triển, xã hội lành mạnh<sup>1</sup>... Vùng tự do đã thực sự trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến không những ở Nam Trung Bộ, mà cho cả các chiến trường bạn, đồng thời còn là bàn đạp lợi hại cho các cuộc tiến công thắng lợi trên các hướng.

Liên khu 5 đã xây dựng được một lực lượng vũ trang phát triển mạnh và cân đối, thực sự là lực lượng trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến: có dân quân, tự vệ và bộ đội địa phương được phát triển đều khắp, thực sự là một lực lượng chiến lược làm nòng cốt cho nhân dân đánh giặc trên từng địa phương, thực hiện tiêu hao và tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch, có bộ đội chủ lực mạnh. Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Liên khu 5 có lực lượng chủ lực hơn một sư đoàn đủ khả năng hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trên giao. Và thực tế, nó đã hoàn thành vượt mức nhiệm vụ trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Với thế và lực như vậy, quân dân Nam Trung Bộ, mặc dù nằm trong vòng vây bốn bề bị quân thù

1. Hồi tưởng của Nguyễn Minh Vi, Nguyễn Quyết, Trần Văn Quang.

liên tục đánh phá rất ác liệt, đã không ngừng tiến lên đập bằng mọi khó khăn, làm thay đổi cơ bản cục diện chiến trường, giành chủ động đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi oanh liệt.

Cuộc kháng chiến được tiến hành đều khắp với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, "thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước...". Đặc biệt nổi lên là quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã ghìm chân một lực lượng chiến lược mạnh của địch trong thời gian hơn ba tháng. Và cuộc chiến đấu trong thành phố Đà Nẵng vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển dưới những hình thức phù hợp trong suốt cuộc kháng chiến. "So sánh với toàn quốc, mặt trận Thái Phiên (tức Đà Nẵng) liệt vào hạng đánh mạnh nhất và dẻo dai nhất"<sup>1</sup>. Trên toàn chiến trường Liên khu, cuộc chiến đấu được tiến hành ngày càng phát triển mạnh mẽ, liên tiếp đánh bại các cuộc tiến công lấn chiếm của địch, giữ vững vùng tự do, xây dựng và phát triển thực lực kháng chiến trên các mặt, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. Liên khu 5 còn hoàn thành thắng lợi nghĩa vụ quốc tế giúp cuộc kháng chiến của nhân dân bạn ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia, cũng như chi viện cho các chiến trường bạn. Cuối cùng, quân dân Nam Trung Bộ đã kết thúc tuyệt đẹp cuộc kháng chiến với thắng lợi oanh liệt trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954. Trong

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Quyết, ghi lại lời đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương và Chính phủ tuyên dương Quảng Nam - Đà Nẵng.

đà thắng lợi chung trên chiến trường Đông Dương, đặc biệt là Điện Biên Phủ, bằng lực lượng của chính mình quân dân Nam Trung Bộ đã tiến công giải phóng một phần quan trọng của vùng chiến lược Tây Nguyên nối liền với vùng giải phóng Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia, tạo hành lang chiến lược vào đến Nam Bộ, đồng thời đã đập tan cuộc hành quân Al-lan-te với hơn bốn mươi tiểu đoàn cơ động vào loại mạnh nhất của địch, giữ vững vùng tự do. Thừa thế, quân dân trong vùng địch hậu đã đẩy mạnh chiến đấu giải phóng những khu vực rộng lớn với hàng chục vạn dân. Cuộc chiến đã diễn ra với thế trận vô cùng thuận lợi hãm địch vào thế thất bại hoàn toàn. Với chiến thắng nói trên, Liên khu đã góp phần to lớn kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến toàn quốc.

Mọi thành công cũng như thất bại đều thuộc về tập thể, trong đó người đứng đầu gánh chịu một phần quan trọng nhất. Anh Nguyễn Chánh người lãnh đạo Đảng bộ và lực lượng vũ trang Liên khu 5, chắc có phần không nhỏ, "rất xứng đáng là người có công đầu" đã đưa quân dân Nam Trung Bộ làm nên kỳ tích<sup>1</sup>. Anh luôn tỏ ra là một nhà lãnh đạo, một vị tướng có tầm nhìn chiến lược sâu xa, bao quát, tiên đoán được những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực chiến lược, biết đề ra những quyết sách kịp thời và đúng đắn, đồng thời lại có tài tổ chức thực hiện một cách kiên định, linh hoạt và sáng tạo, có khả năng tập

1. Hồi tưởng Trần Lương và Nguyễn Trọng Vinh.

hợp và động viên mọi lực lượng quên mình trong chiến đấu và công tác.

Là người lãnh đạo, là công bộc của dân, anh Nguyễn Chánh có niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh của dân và lòng thương yêu nhân dân như máu thịt của mình. Có lẽ nhờ sống, công tác và chiến đấu tử sinh cùng quần chúng, lăn lộn trong quần chúng, nên ở anh mới nổi bật được cái đức tính cao quý ấy của một nhà lãnh đạo. Và có lẽ cũng nhờ đó mà anh đã trở thành người lãnh đạo đích thực của quần chúng, chiếm được lòng tin tuyệt đối của họ. Ấu đó cũng là nét nổi bật ngời sáng trong anh và là một nguyên nhân chủ yếu cho mọi thành công của anh trên con đường phục vụ nhân dân. Phải có lòng tin yêu nhân dân đến mức nào đó thì mới dám quyết đoán đưa Đội du kích Ba Tư về đồng bằng, xây dựng căn cứ trong nhân dân là vững chắc nhất; mới có giải pháp đúng đắn cho vụ Sơn Hà, mới "coi cứu đói như cứu hỏa" để giải quyết nạn đói trầm trọng ở Liên khu 5 vào năm 1952. Và cũng chính nhờ có gắn bó máu thịt với đồng bào miền Nam nên anh mới luôn khắc khoải lo âu cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà trước sự tráo trở và tàn sát vô cùng dã man của Mỹ - Diệm đối với đồng bào miền Nam ruột thịt. Còn trong quân đội thì tình thương yêu của anh đã tỏa sáng đến từng chiến sĩ. Anh cũng thường nhắc, cán bộ cũng phải có tình thương ấy. Có lần, khi đi khảo sát chiến trường sau trận đánh Mang Đen (28-1-1954), anh đứng lặng hồi lâu trước vết máu dài theo đường của mở đến tận lỗ cổ địch bị đánh sập. Với giọng

bùì ngàì ãy xúç ãng và thươg cảm, anh nói: "Phải mất bao xương máu mới có được một chiến thắng"; và khi Hiệp ãnh Giơ-ne-vơ sắp có hiệu lực, có cán bộ ãề nghị cho tập kích chỗ này, nơi nọ, anh lệnh ngay: Không được ãề đổ máu của chiến sĩ dù chỉ một giọt..."<sup>1</sup>. Anh thườg tâm sự: "... người làm tướng, dưới cờ có hàng vạn quân, lớp này ngã thì có lớp khác ãng lên ngay, nhưng còn người cha, người mẹ, người vợ, người chồng, người con... họ chỉ có một, ãá ngã xuống là hết...!".

Cái tâm, cái ãức hiêm có này của anh Nguyễn Chánh ãã lan tỏa khắp nơi, vượt biên cương của Tổ quốc, nên khi ãược tin anh ãi về cõi vĩnh hằng ãã có hàng vạn lệ rơi ngoài ãất khách<sup>2</sup>.

★ Anh Nguyễn Chánh là một nhà lãnh ãạo toàn năng không chỉ trong lĩnh vực chính trị, quân sự mà cả trong các lĩnh vực khác. Trong lĩnh vực "trồng người" cũng như ãối với văn học, nghệ thuật là lĩnh vực tướng như xa lạ ãối với một vị tướng, anh cũng in ãậm ãấu ấn của một nhà lãnh ãạo có tầm nhìn chiến lược rất cơ bản, sâu sắc và thoáng ããng, sớm thấy vấn ãề nên ãã có ãược những quyết ãịnh và sự chỉ ãạo thực hiện ãúng ãắn, sắc sảo và kịp thời.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám mới thành công và tiếng súng chống xâm lăng vừa ãang vang

1. Hồi tưởng của Nguyễn ãôn và Nguyễn Văn Luyện.

2. Thơ của Nguyễn Song Khánh, Việt kiều ở Thái Lan.

động ở miền Nam, anh đã đặt ra và giải quyết vấn đề "dân trí" và đào tạo lớp người để xây dựng đất nước về sau. Anh coi đây là những vấn đề quan trọng không kém việc chống ngoại xâm, mà còn có ý nghĩa về lâu về dài. Ai cũng biết, vấn đề giáo dục và đào tạo, nhất là vấn đề bổ túc văn hóa, xóa nạn mù chữ ở Liên khu 5, nhất là trong vùng tự do, nổi lên như một kỳ tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Anh còn có độ sâu am hiểu về khoa học giáo dục và đào tạo, và đã từng là một nhà giáo thực thụ trên bục giảng, đã sớm vận dụng thành thạo những phương pháp giảng bài hiện đại, như phương pháp giảng bài theo cách "đối thoại", "nêu vấn đề"<sup>1</sup>, v.v. Chắc là về những vấn đề khá chuyên sâu của chuyên ngành khoa học này anh cũng chưa hề được nghe thời bấy giờ. Chỉ có từ thực tiễn anh đúc kết, tìm ra được những gì cần phải làm và làm như thế nào...

Trong lúc Liên khu 5 đang bị nạn đói trầm trọng nhất, Liên khu ủy đã phải quyết định giảm mạnh biên chế để đỡ bớt gánh nặng đóng góp cho dân, thì anh Nguyễn Chánh lại kiên quyết cho thành lập Đoàn văn công Nam Trung Bộ, mặc dầu trong lãnh đạo lúc bấy giờ đâu đã hoàn toàn nhất trí. Khi tập kết ra Bắc, bằng mọi biện pháp anh đã kiên trì bảo vệ sự tồn tại và phát triển của các Đoàn văn công miền Nam. Anh đến với nghệ thuật, với văn nghệ sĩ với tư cách là một người am hiểu, có năng khiếu, có tâm hồn nghệ sĩ và với sự đồng cảm tinh tế về

---

1. Hồi tưởng của Y.BHâm, Trần Chí Cường, Hoàng Xuân Thân.

đặc điểm lao động nghệ thuật. Vì vậy, văn nghệ sĩ cũng đến với anh bằng tất cả tấm lòng mến phục và niềm tin yêu sâu sắc. Chính vì vậy mà nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Nho Túy đã nói: "Giá mà ta có được nhiều vị lãnh đạo như thế thì lợi cho nghệ thuật biết bao"<sup>1</sup>.

Trên mọi cương vị, lúc lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ cũng như khi làm Bí thư Liên khu ủy, anh Nguyễn Chánh không ngừng chăm lo nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, luôn giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong quân đội, trong đội ngũ cán bộ, giữa Đảng và quần chúng. Anh luôn là hạt nhân của sự đoàn kết thống nhất ấy. Quán triệt sâu sắc và nhất quán nguyên tắc "tập trung dân chủ" của Đảng, anh thể hiện một cách điển hình sự vận dụng nhuần nhuyễn cơ chế "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách". Anh đòi hỏi người phụ trách phải phát huy hết năng lực và trí tuệ của tập thể, phải dân chủ nhưng không được dựa dẫm, phải quyết đoán nhưng không được độc đoán... Và chính anh luôn là tấm gương sáng về đòi hỏi này. Trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954, khi thế trận đã tạo được nhiều cơ hội thuận lợi để tiêu diệt địch, thì có ý kiến chỉ đạo cần đánh nơi này hoặc không diệt nơi kia... Anh trả lời ngay: "... Thường vụ đã tin tưởng giao cho tôi làm Tư lệnh chiến dịch thì xin để cho Tư lệnh quyết định trên chiến trường, ở xa, Thường vụ khó theo kịp tình huống diễn biến phức tạp và

---

1. Hồi tưởng của Hoàng Châu Kỳ, Nguyễn Tường Nhân,...

mau lẹ"... Cũng trong chiến dịch này, trong một tình huống rất khẩn cấp, tập thể lại chưa thống nhất quyết tâm, anh lệnh ngay: "Đánh theo lệnh của người chỉ huy..."<sup>1</sup> (trận Đăk-pơ, 24-6-1954).

★ Một thành công lớn trên cương vị lãnh đạo chỉ huy là anh Nguyễn Chánh có biệt tài tập hợp và đoàn kết mọi lực lượng, mọi xu hướng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ vào mục đích chung. Ai cũng biết Nam Trung Bộ, ngay từ đầu kháng chiến, có thể nói là nơi "Tụ nghĩa", đội ngũ cán bộ được hình thành từ nhiều nguồn, nhiều địa phương nên rất đa dạng và không thuần nhất. Song tất cả đều được quan tâm đào tạo bồi dưỡng trưởng thành, đoàn kết hòa nhập và giúp đỡ nhau trong mọi nhiệm vụ, không định kiến và phân biệt đối xử. Anh Nguyễn Chánh có khả năng và biết phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể vào công việc. Có đồng chí trước Cách mạng tháng Tám giữ chức vụ Đảng cao hơn anh, nhưng nay lại làm việc dưới sự chỉ đạo của anh mà vẫn cảm thấy thoải mái, cùng anh đóng góp trí tuệ vào công việc. Được như thế là vì anh Nguyễn Chánh có phong cách tuyệt vời của người lãnh đạo<sup>2</sup>. Anh luôn toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, có tâm hồn trong sáng và một cuộc sống thanh bạch; luôn khiêm tốn học hỏi, biết nghe và chịu nghe ý kiến của bất kỳ ai một cách trân trọng; là người lãnh

---

1. Hồi tưởng của Trần Quỳnh, Nguyễn Văn Luyện.

2. Hồi tưởng của Nguyễn Minh Vi, Nguyễn Đường, Nguyễn An Trường, Phan Thượng Dịch, v.v...

đạo nghiêm khắc có tính đòi hỏi cao trong công tác và chiến đấu, còn trong đời thường, anh lại đầy lòng nhân hậu, sống hết mình vì mọi người, gần gũi và hòa nhập một cách tự nhiên không quan cách, đặc biệt là anh biết cười...

Anh Nguyễn Chánh có phẩm chất đặc biệt cao quý của một người lãnh đạo, đó là anh rất quan tâm đến cuộc sống gia đình hậu phương và tình cảm của cán bộ. Ai có điều kiện tiếp xúc với anh cũng đều cảm nhận được cái đức tính cao quý ấy của anh. Và có lẽ, cũng chính nhờ có tấm lòng nhân hậu, yêu thương mọi người nên khi anh có thái độ nghiêm khắc đối với lỗi lầm của ai đó, thì cũng không hề có một ai oán trách, mà trái lại "ông Chánh chửi nghe cũng sướng", hoặc "ngồi nghe anh chỉnh ngon lành sướng ghê"<sup>1</sup>. Anh quả là có cách nói, phương pháp diễn đạt trong các buổi lên lớp, nói chuyện hoặc góp ý cho ai đó rất thiết thực và cụ thể, có sức thuyết phục mạnh mẽ, thấm đậm lòng người, không phải bằng cao giọng hùng hồn, tầm chương, kinh điển, hô khẩu hiệu hoặc đạo lý muôn thuở... mà chính bằng cái tâm của anh.

Phải chăng với tài đức, sự cống hiến và cái tâm của mình, nên anh sống mãi trong tâm mọi người. Chính vì vậy, nên có đông chí đã nhận xét đánh giá về anh với độ sâu, độ chín thật tinh tế và độc đáo. Trong đại thắng mùa Xuân 1975, tuy anh không

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn An Trường. Đỗ Anh Tịnh.

còn, nhưng đồng bào, đồng chí Nam Trung Bộ như vẫn thấy bóng hình anh trong đoàn quân chiến thắng trở về. Vì những gì anh đã cống hiến cho chiến thắng trong kháng chiến chống Pháp là những hành trang vô giá giúp cho quân dân Nam Trung Bộ bước vào cuộc trường chinh chống Mỹ với niềm tin tất thắng. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ mà anh đã dày công góp phần đào tạo, bồi dưỡng, dù trên cương vị gì ở đâu, trong sự nghiệp giải phóng miền Nam hay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, cũng đều có đóng góp xứng đáng, đền đáp được lòng tin và mong đợi của Đảng, của dân và của quân đội<sup>1</sup>.

Tài năng quân sự là một nét độc đáo nổi bật ở anh Nguyễn Chánh. Nó đã bộc lộ rất sớm từ khi anh lãnh đạo và chỉ huy Đội du kích Ba Tơ và ngày càng sáng rõ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh này.

Tuy không được qua trường lớp nào về quân sự và chính trị, dù chỉ một vài ngày, nhưng nhờ sự lãnh đạo và bồi dưỡng của Đảng, của Bác kính yêu, sự giúp đỡ của tập thể, và nhờ trí thông minh trời phú và tài năng vốn có của mình, anh Nguyễn Chánh đã trở thành một danh tướng có những đóng góp xuất sắc về lý luận và thực tiễn cho công cuộc kháng chiến chống Pháp nói riêng, và cả cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa nói chung.

---

1. Hồi tưởng của Trần Văn Quang.

Từ khi còn ở chiến khu Ba Tơ và ngay trong những ngày đầu chuẩn bị và tiến hành cuộc chiến đấu ở miền Nam chống Pháp xâm lược, anh đã thể hiện là người có chiều sâu về tri thức và có khả năng vận dụng sáng tạo những vấn đề rất cơ bản về khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh cách mạng và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân; về lực lượng vũ trang cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng mà ngày nay đã được đúc kết trong đường lối quân sự đầy sáng tạo của Đảng. Đó là vấn đề chiến tranh nhân dân và toàn dân đánh giặc; lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng; Đảng lãnh đạo; vấn đề căn cứ địa và căn cứ không nhất thiết phải dựa vào vùng rừng núi hiểm trở, mà dựa vào dân là vững chắc nhất; kháng chiến lâu dài và phải tự lực đánh địch trong thế bị bao vây bốn bề; tư tưởng tiến công, tiến công cả trước mặt và sau lưng địch bằng cả lực lượng địa phương và chủ lực; và về cách đánh cụ thể,<sup>1</sup> v.v. Nói đến đây chắc không tránh khỏi những nghi vấn, chính De Beaufort Tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Tây Nguyên cũng đã hỏi anh Nguyễn Chánh "người đã làm tôi điếu đứng ở Nam Trung Bộ" trong buổi diện kiến ở Hà Nội rằng: Ngài đã qua trường nào? Anh Nguyễn Chánh đã trả lời ông ta: "Tôi chỉ qua trường thực tiễn đấu tranh cách mạng". Thật vậy, anh Nguyễn Chánh đã trưởng thành từ thực tiễn đấu tranh cách mạng và cũng từ thực tiễn khắc

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Đôn, Nguyễn Quyết, Đoàn Huyền, Phan Hạo.

nghiệt đó anh đã tìm thấy được những gì cần nắm vững để chỉ đạo tiến hành những hoạt động thực tiễn.

Vào những năm 1951 - 1952, lúc mà Liên khu 5 gặp nhiều vấn đề gay gắt, rất hóc búa: vụ Sơn Hà; nạn đói trầm trọng; những sai lầm trong chỉ đạo thực hiện tổng động viên và thuế nông nghiệp; những vấn đề mới nảy sinh trong việc xây dựng và tác chiến của lực lượng vũ trang trong giai đoạn quyết định, v.v. Anh Nguyễn Chánh quả là nhà lãnh đạo có khả năng bao quát mọi lĩnh vực, có tài giải quyết dứt điểm từng vấn đề, từng khâu, biết tập trung vào khâu chủ yếu trên cơ sở một tri thức sâu rộng với đầu óc thực tiễn thật nhạy bén. Anh nói: Những vấn đề trong thực tiễn nói chung và trong chiến tranh nói riêng không bao giờ xuất hiện cùng một lúc, ngay từ đầu. Chính vì vậy, mọi chủ trương ban đầu không phải lúc nào cũng là "khuôn vàng thước ngọc", do đó không được coi là "bất biến". Do vậy, phải luôn tự kiểm điểm, trước hết là ở cấp lãnh đạo và người chỉ đạo. Chỉ có như thế thì mới có thể tìm được lối thoát, mới động viên được quần chúng vượt khó nguy, đưa cách mạng tiến lên. Chính anh Nguyễn Chánh đã nêu tấm gương tiêu biểu về tự kiểm điểm. Ví như vụ Sơn Hà, anh nói: 'Ta làm sai thì phải sửa sai, phải xuống xin lỗi nhân dân...

Trong chỉ đạo xây dựng ba thứ quân, anh Nguyễn Chánh là một người kiên quyết chống khuynh hướng nóng vội, muốn rút lực lượng địa phương quá sớm

lên xây dựng chủ lực, làm yếu cơ sở, đồng thời lại kiên trì khắc phục tư tưởng địa phương chủ nghĩa, du kích đơn thuần, không chịu đưa lực lượng địa phương lên xây dựng chủ lực.

Anh Nguyễn Chánh đặc biệt coi trọng chất lượng chiến đấu của bộ đội theo hướng "tinh binh, tinh cán". Do vậy năm 1952, mặc dù trong giai đoạn quyết liệt nhất của cuộc chiến, Liên khu 5 vẫn kiên quyết giảm quân, từ năm vạn xuống còn ba vạn, mà sức chiến đấu của bộ đội vẫn được nâng cao, bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ. Khi còn là Chính ủy Liên khu, anh đã đi sâu nắm chắc khâu huấn luyện quân sự, trực tiếp làm Trưởng Ban quân sự nắm vấn đề "Luyện quân lập công", "Rèn cán chỉnh quân". Anh chỉ đạo một cách sắc sảo việc thực hiện yêu cầu: "Phải huấn luyện những gì mà chiến tranh sẽ cần đến" và chỉ thị: "Phải huấn luyện theo cách đánh của ta". Từ năm 1950 trở đi, một yêu cầu rất cấp thiết đặt ra trước bộ đội chủ lực Liên khu 5 là phải tiến lên đánh công kiên (đánh địch trong công sự vững chắc). Có thể nói đây cuộc kháng chiến ở đây phát triển, tiến lên giành những thắng lợi quyết định. Muốn thực hiện thắng lợi cách đánh này, cần giải quyết cả tư tưởng và cả chiến thuật, kỹ thuật cũng như vũ khí trang bị. Để tháo gỡ vấn đề, Tư lệnh kiêm Chính ủy Nguyễn Chánh đã cùng cơ quan lại lần vào cuộc và vấn đề đã được giải quyết thành công. Lần đầu, quân ta đã tiêu diệt gọn một cứ điểm mạnh có công sự vững chắc là tiểu

khu Kom-plong, tạo tiền đề tiến lên tiêu diệt nhiều cứ điểm khác về sau, đặc biệt đã tiêu diệt cụm cứ điểm mạnh nhất của địch trên tuyến phòng thủ Đông Kon Tum và các cứ điểm khác trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1953 - 1954.

Người tướng tài là người vừa phải giỏi luyện quân, vừa phải thao lược trong chiến trận. Anh Nguyễn Chánh là người như vậy.

Là Tư lệnh một chiến trường trọng yếu rộng lớn gồm mười hai tỉnh Nam Trung Bộ<sup>1</sup> và các tỉnh ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia, đồng thời là Tư lệnh các chiến dịch lớn ở Liên khu 5, anh Nguyễn Chánh ra trận là đem đến niềm tin và chiến thắng.

Trước hết, vì anh đã nắm vững và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương châm và phương thức tiến hành chiến tranh cũng như những vấn đề nghệ thuật quân sự trong chiến tranh cách mạng trên cả ba lĩnh vực: chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.

Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, của Bác và của Quân ủy Trung ương, lãnh đạo Liên khu 5 và anh Nguyễn Chánh đã thực hiện khá hoàn hảo việc phối hợp chặt chẽ tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của chủ lực, kết hợp đánh địch ở chính diện với đánh phá ở sau lưng, đặc biệt là những nơi xung yếu của địch;

---

1. Trong kháng chiến chống Pháp, Liên khu 5 có 12 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên,...

kết hợp đánh địch khắp mọi nơi, mọi lúc với tập trung lực lượng tiến hành các chiến dịch có quy mô ngày càng lớn và có ý nghĩa quyết định; kết hợp phòng thủ vững chắc vùng tự do với tiến công kiên quyết, tiến công vào vùng địch để bảo vệ vùng tự do... Điển hình tuyệt đẹp là chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công của Đảng, lãnh đạo và chỉ huy Liên khu 5, ngay từ đầu cuộc kháng chiến, đã lấy tiến công làm chủ yếu trên cơ sở thế trận được xây dựng hoàn chỉnh bảo đảm đánh địch một cách chủ động cả trong tiến công cũng như phòng ngự. Anh Nguyễn Chánh là người tiêu biểu đã nắm vững tư tưởng tiến công. Anh nói: muốn bảo vệ được vùng tự do, ta phải kiên quyết và liên tục tiến công đánh phá buộc địch phải luôn ở thế bị động đối phó ngay trong hậu phương của chúng. Cần nói rằng lúc bấy giờ, trong nhận thức cũng như hành động, vấn đề này không phải là không có trở lực, ngay cả trong lãnh đạo. Song nó vẫn được thực hiện một cách kiên định và khá thành công, đã biến hậu phương địch thành tiền phương ta.

Lập thế và tiến công, tiến công một cách chủ động và táo bạo trên cơ sở thế trận được xây dựng vững chắc bảo đảm đánh chắc thắng là một nét độc đáo trong nghệ thuật điều hành tác chiến của anh Nguyễn Chánh và anh đã gặt hái được nhiều trong lĩnh vực này.

Diễn hình nổi bật là ta đã kiên định quyết tâm tiến công Tây Nguyên trong lúc quân địch đã bắt đầu chiến dịch At-lan-te với một tập đoàn lực lượng cơ động mạnh nhằm đánh chiếm vùng tự do.

Còn về cách đánh, ngay từ đầu, anh đã hình dung khá rõ. Anh nói: để ngăn chặn cuộc tiến công của địch phải chuẩn bị trận địa có chiều sâu, hình thành nhiều tuyến, kiên quyết ngăn chặn địch ở chính diện kết hợp với tích cực đánh phá phía sau buộc chúng phải ở vào thế "tứ diện thọ địch", chứ không phải chỉ đánh võ mặt theo kiểu "chọi trâu" hoặc dàn "màn幔" như ở một số nơi trong những ngày đầu chiến đấu<sup>1</sup>. Những phát kiến này của anh đã được thực tiễn ngay từ những ngày đầu kháng chiến ở Liên khu 5 chứng minh là hoàn toàn đúng. Và nó đã góp phần quan trọng vào việc phá các cuộc tiến công của địch, giữ vững vùng tự do. Ở đây còn chứng tỏ, anh Nguyễn Chánh quả là người rất sắc sảo, nhanh nhạy và kịp thời đúc rút kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn.

Phá thế địch, củng cố và phát triển thế ta, buộc địch luôn bị động đánh theo cách đánh của ta, cũng là một dấu son trong nghệ thuật điều hành tác chiến nói chung và điều hành chiến dịch nói riêng của lãnh đạo và chỉ huy Liên khu 5. Để phá thế địch, phát triển thế tiến công của ta, một yếu tố có ý nghĩa quyết định là phải chọn đúng hướng tiến công

---

1. Hồi tưởng của Nguyễn Quyết.

chủ yếu và hướng đột kích chủ yếu trong từng chiến dịch, làm xoay chuyển toàn cục, giành chủ động và kiên quyết tiến hành tiến công liên tục bằng việc vận dụng táo bạo các hình thức và thủ đoạn tác chiến, thực hiện thọc sâu, vu hồi, bao vây chia cắt, băm nát thế trận của địch, không cho chúng phát huy cái mạnh của chúng, để rồi lần lượt tiêu diệt từng bộ phận quan trọng của chúng trong những điều kiện có lợi nhất. Lãnh đạo và chỉ huy Liên khu 5 đã thực hiện một cách khá hoàn hảo những vấn đề nói trên trong chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954. Một yếu tố quan trọng để phá thế địch trong chiến cục này là Liên khu đã biết vận dụng sức mạnh tổng hợp trên toàn chiến trường. Khi giải đáp thắc mắc về việc tung chủ lực tiến công Tây Nguyên, anh Nguyễn Chánh đã khẳng định: phá cuộc hành quân At-lan-te không phải có lực lượng ở vùng tự do. Muốn phá âm mưu của giặc Pháp, ta phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của ba đòn tiến công trên ba chiến trường. Đó là đòn tiến công ở Tây Nguyên là chủ yếu, đòn đánh địch ở vùng tự do đồng bằng và đòn đánh phá quyết liệt ở vùng sau lưng địch. Ba đòn đánh này có mối liên hệ chặt chẽ, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, phối hợp chặt chẽ với nhau cùng phá tan âm mưu của quân Pháp. Vấn đề là ở chỗ phải chọn đúng hướng và khu vực để tiến hành đòn đánh chủ yếu.

Thực tế cuộc chiến ở Liên khu 5 đã diễn ra đúng như vậy.

Trước khi chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu, Bộ chỉ huy Pháp đã tung hơn hai mươi tiểu đoàn cơ động mạnh có hải quân và không quân yểm trợ tiến công Phú Yên, bắt đầu cuộc hành quân At-lan-te với ý định vừa kéo chủ lực ta vào đó để đối đầu với chủ lực của chúng, nghĩa là buộc ta đánh theo ý định của chúng, đồng thời vừa phá cuộc tiến công Đông - Xuân của ta mà vẫn hoàn thành được bước một của cuộc hành quân này của chúng. Tương kế tựu kế, anh Nguyễn Chánh kiến nghị, không những vẫn kiên định quyết tâm tiến công Tây Nguyên mà còn cần phải có cú đánh ban đầu mở màn chiến dịch mạnh hơn dự kiến, bằng cách trong một đêm tiêu diệt một cụm cứ điểm mạnh nhất của địch trên tuyến phòng thủ Đông Kon Tum, mở toang cách cửa vào Tây Nguyên, tạo điều kiện để phát triển tiến công mạnh mẽ hơn nữa, hãm địch vào thế bị động phải điều chỉnh cuộc tiến công của chúng vào vùng tự do.

Chiến cục Đông - Xuân - Hè ở Nam Trung Bộ đã diễn biến đúng như phán đoán và dự kiến ban đầu.

Chiến dịch Tây Nguyên vừa mở màn, Bộ chỉ huy Pháp đã phải vội vã điều binh đoàn cơ động 100 là binh đoàn mạnh nhất từ Phú Yên lên Bắc Tây Nguyên để chữa cháy. Càng bị động, càng lúng túng, càng lúng túng, càng bị động, tiến công ở đồng bằng thì bị ghìm chân, mà ở Tây Nguyên cũng không nổi. Chúng buộc phải rút khỏi Kon Tum, chạy về

Plây-cu để lập tuyến bảo vệ Plây-cu và ngăn chặn quân ta phát triển tiến công vào Trung và Nam Tây Nguyên.

Để thực hiện âm mưu này, Bộ chỉ huy Pháp đã sử dụng vào đây 18 tiểu đoàn cơ động, trong số đó chúng dùng 9 tiểu đoàn bố trí thành hình cánh cung từ Đăk-đoa đến Biển Hồ để phòng thủ thị xã Plây-cu, còn 9 tiểu đoàn khác dùng tổ chức tuyến chốt chặn không cho quân ta vượt Đường 19. So sánh lực lượng hai bên lúc này nghiêng hẳn về phía địch, là 3 trên 1.

Để tạo thế thuận lợi phát triển tiến công liên tục, ta đã kiên quyết tập trung lực lượng tiêu diệt bằng được Đăk-đoa, là cứ điểm mạnh nhất trên tuyến phòng thủ này. Thế trận của địch một lần nữa lại bị phá tung. Năm thời cơ, quân ta đã kiên quyết bằng nhiều hướng, nhiều mũi nhanh chóng vượt đường 19 thực hiện thọc sâu, chia cắt và bao vây quân địch ở An Khê, Plây-cu và Cheo Reo... buộc chúng phải hành quân giải tỏa hoặc rút chạy, tạo điều kiện cho quân ta tiêu diệt chúng ngoài công sự: như trận tập kích ở Plây-ring, trận phục kích tiêu diệt binh đoàn cơ động 100 ở Đăk-pơ, tiêu diệt đoàn xe địch ở đèo Chư Drek trên Đường 14... Trong khi đó, một bộ phận lực lượng quân ta nhanh chóng thọc sâu và vu hồi vào phía Tây và Nam cụm lực lượng địch ở Phú Yên, cùng các lực lượng địa phương liên tục đánh phá trong đội hình địch kết hợp với kiên quyết ngăn chặn các cánh quân địch tiến về hướng Bình

Định, đồng thời cắt Đèo Cả và phối hợp với lực lượng địa phương giải phóng vùng nông thôn Bắc Khánh Hòa, uy hiếp thị xã Nha Trang. Một bộ phận lực lượng chủ yếu của ta nhanh chóng tiến về phía Nam, cắt nát Đường 14 và 21, uy hiếp thị xã Buôn Ma Thuột, tạo hành lang nối với Nam Bộ. Bộ chỉ huy Pháp phán đoán là ta sẽ đánh Buôn Ma Thuột nên đã vội vã lệnh cho binh đoàn cơ động 100 mở đường máu tháo chạy khỏi An Khê về Plây-cu. Thế là chúng đã khai tử cho binh đoàn con cưng này của chúng.

Trong nghệ thuật điều hành tác chiến, Bộ tư lệnh chiến dịch đã nắm vững và kiên định thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo phương châm "tránh mạnh, đánh yếu". Song khi cần ta cũng kiên quyết tập trung lực lượng tiêu diệt gọn các cứ điểm mạnh nhất của địch để phá tung thế trận của chúng (trận Mang Đen, Đăk-đoa, Ai Nu...).

Ở vùng tự do, hơn bốn mươi tiểu đoàn cơ động của địch bị quân dân địa phương vây đánh, ghim chân tại chỗ và bị thiệt hại nặng nề phải co cụm ở Quy Nhơn và Tuy Hòa để cố thủ, rồi tháo chạy... Thế là chiến dịch At-lan-te với lực lượng hơn bốn mươi tiểu đoàn cơ động mạnh được hải quân và không quân chi viện, mặc dù chủ lực ta chưa xuất trận đánh lớn, đã bị phá sản hoàn toàn. Có lẽ đây cũng là một nét độc đáo nổi bật trong nghệ thuật điều hành tác chiến của Bộ tư lệnh Liên khu 5 mà anh Nguyễn Chánh là người đứng đầu.

Trong lúc này, ở chiến trường địch hậu, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của Bộ tư lệnh Liên khu, quân dân ta đã liên tục đánh phá, tiêu diệt địch, giải phóng những khu vực rộng lớn với hàng chục vạn dân, buộc địch phải bị động đối phó ngay trong hậu phương của chúng.

Thế trận của ta trên toàn bộ chiến trường Nam Trung Bộ lúc này diễn ra tuyệt đẹp, đẩy quân địch lâm vào thế thất bại hoàn toàn. Có thể nói, việc điều động quân địch trên chiến trường lúc này không phải do Bộ chỉ huy quân xâm lược Pháp như một số nhận định lúc bấy giờ, mà chính là do Bộ tư lệnh Liên khu 5 tổ chức thực hiện theo ý định của ta. Bọn địch chỉ còn mong chờ kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ hòng cứu vãn tình thế.

Anh Nguyễn Chánh có một khả năng đặc biệt dự đoán khoa học quân sự. Hình như anh đã thấy trước các tình huống sẽ xảy ra trong quá trình tác chiến và tiên liệu được các giải pháp cho từng tình huống phù hợp và chính xác, như người cao cờ đã thấy trước được các nước đi của toàn bộ ván cờ.

Anh Nguyễn Chánh không chỉ giỏi về chiến lược và chiến dịch, mà còn là một nhà chiến thuật sắc nhọn, quyết đoán và linh hoạt. Anh đã trực tiếp chỉ huy đánh những trận chủ yếu trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945 ở Quảng Ngãi; trong chiến dịch An Khê Thu- Đông 1952 - 1953. Đặc biệt trong chiến dịch Tây Nguyên, việc xử trí một cách quyết đoán, chính xác các tình huống khẩn cấp nhất trong

các trận then chốt như Mang Đen, Đăk-đoa, Thượng An, Đăk-pơ... đều không phải do người chỉ huy trực tiếp trận đánh, mà chính là do Tư lệnh chiến dịch - Nguyễn Chánh.

Anh không chỉ có ra lệnh và đòi hỏi chấp hành vô điều kiện mệnh lệnh. Điều đặc biệt là anh đã thấy rõ được những khó khăn mà cấp dưới sẽ gặp phải và không thể tự khắc phục được khi thực hiện mệnh lệnh của anh. Vì vậy, anh luôn sẵn có các biện pháp hữu hiệu giúp cho cấp dưới thực hiện vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Anh đòi hỏi các cơ quan thuộc Bộ tư lệnh cũng phải làm như vậy. Trong chiến dịch Tây Nguyên 1953 - 1954, do tính chất tác chiến rất khẩn trương, ác liệt liên tục dài ngày diễn ra trên chiến trường rừng núi rất phức tạp, anh đòi hỏi mọi mặt chuẩn bị và bảo đảm phải thật khẩn trương, chu đáo và tỉ mỉ... Và cơ quan đã làm hết mình, bảo đảm thực hiện được ý đồ thao lược của Tư lệnh<sup>1</sup>. Vì vậy, khi nhận lệnh vượt Đường 19 vào phía Nam, cán bộ trung đoàn thốc mác về việc vận chuyển tiếp tế, anh bình tĩnh nói: nhiệm vụ của các đồng chí là phải nhanh chóng vượt đường và hoàn thành nhiệm vụ trong khu vực đã định... Đến nơi, đơn vị vượt đường lại diện về đề nghị giải quyết vấn đề tiếp tế, anh điện trả lời ngay: phải đánh thông Đường 7 để đón các đoàn tiếp tế từ Phú Yên lên và liên hệ với địa phương sử dụng các kho

1. Hồi tưởng của Nguyễn Đôn, Nguyễn Văn Luyện.

dự trữ...; đồng thời anh chỉ thị cho tham mưu và hậu cần sử dụng các đội dự bị tiếp tế đã được tổ chức sẵn. Chỉ thị xong, anh vừa cười, vừa nói, nửa đùa, nửa thật: như thế nó mới tích cực đánh, có vút xuống biển nó mới chịu tập bơi... Ở đây, anh thể hiện là một điển hình về tâm lý học trong chỉ huy. Chính vì vậy anh đã chiếm được lòng tin tuyệt đối và sự mến phục sâu sắc của cán bộ và chiến sĩ Liên khu 5.

Anh Nguyễn Chánh không chỉ có như thế, trong bài này, chúng tôi không có kỳ vọng khác họa bức chân dung toàn diện về anh dưới dạng một tác phẩm khoa học. Ở đây, chúng tôi chỉ làm được cái công việc nhật nhạn, thu góp những gì mà mình nhận biết được trong hồi tưởng của các đồng chí, để chấp nối thành những nét chung phản ánh được phần nào về cuộc đời và sự nghiệp của anh, mong sao giúp người đọc có được những nét đại thể về con người mà mình đang tìm hiểu trước khi tiếp cận các hồi tưởng ở cuốn sách này. Nhưng do số lượng các hồi tưởng khá nhiều, nội dung rất phong phú và đa dạng, có nhiều tình tiết thật lý thú và hấp dẫn; mặt khác cũng do khả năng hạn hẹp của mình nên dẫu đã cố gắng hết sức nhưng chắc hẳn chúng tôi cũng chỉ đạt được phần nào của điều mong muốn.

Anh Nguyễn Chánh ra đi, về cõi vĩnh hằng đã 40 năm chẵn, nhưng hình ảnh của anh, một con người tài đức kiêm toàn, nghĩa tình trọn vẹn, một nhà lãnh đạo xuất sắc, một danh tướng mưu lược, người anh

hùng một thời oanh liệt của khúc ruột miền Trung, người anh cả rất đỗi thân thương và vô cùng kính mến của các lực lượng vũ trang Liên khu 5 vẫn sống mãi với thời gian.

BAN BIÊN SOẠN

**NHỚ ANH NGUYỄN CHÁNH  
MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC  
CỦA ĐẢNG  
MỘT VỊ TƯỚNG TÀI CỦA QUÂN ĐỘI**

*Đại tướng VŨ NGUYỄN GIÁP*

Anh Nguyễn Chánh là một cán bộ lãnh đạo trung kiên của Đảng, một vị tướng tài của quân đội, đã có cống hiến lớn với cách mạng và kháng chiến. Anh ra đi quá sớm, năm 1957, lúc mới 43 tuổi, tài năng đang độ phát triển.

Lần đầu tôi biết và làm việc với anh vào những ngày đấu tranh hào hùng của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đặc biệt là vào những ngày cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ diễn ra sôi nổi. Cuối thu năm 1946, tôi được Trung ương và Chính phủ cử vào kiểm tra mặt trận phía Nam, tôi đã dừng chân tại Huế, gặp anh Trần Hữu Dực lúc bấy giờ là Chủ tịch và anh Chánh là Ủy viên trưởng Quốc phòng của Ủy ban kháng chiến Trung Bộ.

Về sau, trong chín năm kháng chiến, anh Chánh đã mấy lần từ Liên khu 5 ra họp và làm việc ở Việt

Bắc. Năm 1950 anh ra dự Hội nghị tổng kết chiến dịch Biên giới, ở lại tham gia Đảng ủy các chiến dịch Đường 18 và Trung Du vào đầu năm 1951 với cương vị Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Anh đã dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 (1951) và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Lúc này Trung ương đã có ý định giữ anh Chánh ở lại làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị thay anh Nguyễn Chí Thanh để anh Thanh tập trung chuyên về công tác Đảng, nhưng do nhu cầu của chiến trường nên anh lại trở về Liên khu 5.

Năm 1953, anh lại ra Việt Bắc, lần này để nhận nhiệm vụ quan trọng về chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Trong thời gian đầu tiếp xúc và trực tiếp làm việc với anh Chánh, anh đã để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc, và chúng tôi đã quý mến nhau ngay từ lúc đó.

Sau năm 1954, anh ra làm Tổng Tham mưu phó, rồi Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, chúng tôi đã thường xuyên làm việc với nhau. Anh và cả chị Trinh, vợ anh, cũng trở nên thân thiết với gia đình tôi và bản thân tôi.

Cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của anh Nguyễn Chánh trước hết gắn liền với Liên khu 5, tức vùng Nam Trung Bộ, một chiến trường khó khăn về kinh tế, bị địch bao vây bốn bề, ở xa Trung ương, nhưng lại có truyền thống cách mạng lâu đời và vị trí chiến lược rất quan trọng, đặc biệt có chiến trường Tây Nguyên rất quan trọng, khống chế cả khu vực Nam

bán đảo Đông Dương và nối liền hành lang huyết mạch nối với Nam Bộ.

Anh Chánh tham gia cách mạng rất sớm, từ những năm 1930 - 1931, là một chiến sĩ cộng sản đấu tranh kiên cường trong nhà tù của đế quốc. Năm 1945, sau khởi nghĩa Ba Tơ, được Tỉnh ủy Quảng Ngãi phân công trực tiếp tham gia lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ vừa mới ra đời, anh Chánh đã có chủ trương rất táo bạo, sáng suốt: không để Đội du kích luẩn quẩn trên vùng rừng núi, trong vòng vây của quân thù mà đã có chủ trương đưa quân về đồng bằng, dựa vào phong trào quần chúng cách mạng để xây dựng và chiến đấu, đồng thời phát triển dân quân tự vệ và tham gia phát động phong trào cách mạng của quần chúng. Anh đặc biệt quan tâm đến việc củng cố sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng chi bộ Đảng trong Đội du kích. Chính do chủ trương đúng đắn, sắc sảo này mà trong một thời gian rất ngắn Đội du kích Ba Tơ từ mười mấy người đã phát triển thành hai đại đội mạnh, cùng với hàng vạn dân quân tự vệ và quần chúng cách mạng, tạo nên cao trào mạnh mẽ. Ngày 14 tháng 8 năm 1945 đã tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Ngãi, một trong những địa phương đã sớm vùng lên giành chính quyền trong thời cơ phát-xít Nhật đầu hàng.

Sau đó Đội du kích Ba Tơ đã thực sự trở thành nòng cốt vững chắc của Giải phóng quân ở Nam Trung Bộ. Đội du kích Ba Tơ xứng đáng là một trong những tổ chức tiền thân của quân đội nhân dân chúng ta.

Nay nhìn lại, nghiên cứu kỹ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và lịch sử Đội du kích Ba Tơ, chúng ta có thể thấy sự lãnh đạo của Đảng ở Quảng Ngãi và của anh Nguyễn Chánh hồi bấy giờ thật vững vàng, sắc sảo; ngay từ đầu đã nắm vững những vấn đề rất cơ bản trong việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng và của nhân dân. Những vấn đề về bản chất của quân đội nhân dân đã được khẳng định và thực hiện đúng đắn ngay từ đầu. Đó là điều hết sức quan trọng và không dễ chút nào, nhất là trong điều kiện cách mạng còn ở trong tình trạng trứng nước và ở xa sự chỉ đạo của Trung ương hồi bấy giờ.

Do vị trí đặc biệt của Liên khu 5 như đã nói trên, nên từ ngày đầu kháng chiến toàn quốc được phát động, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được cử vào làm đại diện của Trung ương và Chính phủ ở đây, trực tiếp chỉ đạo chiến trường này.

Trong thời kỳ đó, có thể nói ở Liên khu 5, Đảng bộ, đồng bào và chiến sĩ ta đã thực hiện được kỳ tích: giữa vòng vây của quân thù, vẫn giữ được một vùng tự do gồm gần trọn 4 tỉnh đồng bằng ven biển liên hoàn, không những đứng vững trước mọi o ép của địch mà còn xây dựng được cả một hệ thống chính quyền cách mạng hoàn chỉnh, có kinh tế tự túc ổn định, văn hóa, giáo dục phát triển, trong nhiều năm giữ vững đường giao thông với vùng cực Nam Trung Bộ, với Nam Bộ, thực sự đã trở thành một vùng hậu phương vững chắc cho kháng chiến lâu dài. Trong vùng địch tạm chiếm thì phong trào đấu

tranh cách mạng của quần chúng và chiến tranh du kích đã phát triển khá đều khắp: ba thứ quân phát triển nhịp nhàng...

Với cương vị là Chính ủy Bộ tư lệnh Liên khu 5, anh Nguyễn Chánh đã có sự đóng góp quan trọng vào kỳ tích nói trên.

Từ khoảng năm 1949 trở đi, đồng chí Phạm Văn Đồng, rồi một số đồng chí lãnh đạo khác lần lượt được điều về Trung ương. Trách nhiệm của anh Chánh ngày càng nặng nề hơn, từ năm 1951, đã giữ trọng trách vừa là Bí thư Liên khu ủy, vừa Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5.

Đối với anh, đây là một thử thách lớn. Chính thử thách này càng làm bộc lộ bản lĩnh và tài năng của anh.

Phong trào cách mạng và kháng chiến ở Liên khu 5 không những tiếp tục được giữ vững, mà từ 1951 trở đi, rõ ràng có những bước phát triển mạnh mẽ và nhanh hơn. Là Bí thư Liên khu ủy, anh tỏ ra là một người lãnh đạo toàn diện. Là Chính ủy kiêm Tư lệnh, anh tỏ ra là một cán bộ có tầm nhìn chiến lược, đồng thời là một người chỉ huy kiên quyết và có tài năng tổ chức.

Có điều đặc biệt đáng nói rõ là ở Liên khu 5 trong thời kỳ này, đi đôi với sự phát triển của lực lượng du kích và chiến tranh nhân dân du kích, lãnh đạo Liên khu và anh Nguyễn Chánh với chủ trương và sự chi viện của Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, đã chú trọng đúng mức, kiên định và liên tục xây

dựng lực lượng chủ lực, biết sử dụng khéo quả đấm chủ lực để thúc đẩy kháng chiến phát triển, vừa tác chiến, vừa xây dựng, trưởng thành khá vững và nhanh.

Chính đây là một trong những nhân tố rất quan trọng khiến Liên khu 5 là một trong những chiến trường giành được thắng lợi rực rỡ nhất trong chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954, phối hợp rất đặc lực với chiến trường chính Điện Biên Phủ.

Lúc này địch đưa một lực lượng khá lớn, mở chiến dịch At-lan-te hòng đánh chiếm vùng tự do đồng bằng Liên khu 5. Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh chủ trương ta không bị động đối phó với địch ở vùng tự do mà chủ động đưa lực lượng chủ lực tập trung đánh lên Tây Nguyên, giành lấy địa bàn chiến lược này, đẩy địch vào thế bị động. Đó là cách tốt nhất để giữ vững vùng tự do đồng bằng. Bấy giờ một số đồng chí chủ chốt trong cơ quan lãnh đạo Liên khu và Bộ tư lệnh Liên khu còn có chỗ chưa thông, sợ mất vùng tự do, muốn dùng chủ lực giữ đồng bằng. Nhiều đồng chí lãnh đạo ở các tỉnh đồng bằng cũng e ngại, lo lắng; bộ đội và đồng bào thì thắc mắc nhiều. Anh Chánh đã kiên trì thuyết phục và đấu tranh với mọi ý kiến trái ngược. Anh đã kiên quyết chấp hành nghiêm chỉnh và tổ chức thực hiện rất tốt chủ trương của Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh.

Kết quả thật rực rỡ: một mảng phòng ngự lớn của địch ở Bắc Tây Nguyên bị phá vỡ, tỉnh Kon Tum và cả vùng Bắc Tây Nguyên được giải phóng. Sau đó, nhanh chóng phát triển chiến dịch, tiếp tục tiến

xướng phía Nam, đánh địch trên tuyến đường chiến lược số 19, tiêu diệt hoàn toàn binh đoàn cơ động số 100 là một binh đoàn tinh nhuệ vào bậc nhất của quân viễn chinh Pháp vừa rút từ Triều Tiên về; bao vây Plây-cu, thọc sâu vào cao nguyên Đắc Lắc, áp sát Buôn Ma Thuột, tạo điều kiện nối liền với chiến trường Nam Bộ, đồng thời tiến xướng cùng quân và dân địa phương đánh mạnh quân địch ở Phú Yên và uy hiếp cả Nha Trang. Ở các chiến trường địch hậu trong Liên khu, thừa thắng quân dân ta đã tiêu diệt, bức hàng hàng chực đôn bốt, giải phóng những khu vực rộng lớn với hàng chục vạn dân. Phía Nam Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia, ta phối hợp với quân dân bạn giải phóng một vùng rộng lớn. Chiến dịch At-lan-te của địch bị đánh bại hoàn toàn, vùng tự do đồng bằng Liên khu 5 được giữ vững và mở rộng. Thế trận ở Tây Nguyên cũng như trên toàn Liên khu lúc này thật đẹp, tạo triển vọng giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Tướng chỉ huy quân viễn chinh Pháp trên chiến trường Tây Nguyên và là Tư lệnh chiến dịch At-lan-te (đợt 1, 2) là De Beaufort đã hết sức thán phục, và sau khi chiến tranh kết thúc đã tỏ ý muốn gặp "vị tướng đã làm cho tôi điêu đứng trên chiến trường...". Tôi đã cho tổ chức và đã dự cuộc gặp gỡ lý thú ấy khi anh Chánh và cả tướng De Beaufort có mặt tại Hà Nội.

Sự phát triển tài năng của anh Nguyễn Chánh có thể nói là một trường hợp khá đặc biệt. Anh chưa từng được qua trường lớp nào, ngay việc được học

tập văn hóa từ nhỏ cũng rất hạn chế. Nhưng đó là một con người thông minh, có ý chí tiến thủ mạnh, khiêm tốn và ham học. Những bài học cơ bản về khởi nghĩa vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính là anh đã học được từ trong nhà lao Buôn Ma Thuột, khi các đồng chí của ta ở đây đã thực hiện *"biến nhà tù của đế quốc thành trường học cách mạng"* và sau đó trong thực tiễn chiến đấu, anh đã vận dụng hết sức thành công.

Mấy lần anh từ Liên khu 5 ra Việt Bắc công tác, tôi luôn nhận thấy anh hết sức chăm chú tìm hiểu học tập với một tinh thần thật sự khiêm tốn và cầu thị. Nhiều anh em ở Liên khu 5 đều bảo rằng sau mỗi chuyến ở Việt Bắc về, anh Nguyễn Chánh lại tiến bộ hơn, vững vàng hơn, sắc sảo hơn.

Anh Chánh còn là một con người có đức tính đoàn kết, tập hợp được cán bộ và chiến sĩ, quân và dân. Trước hết, vì anh luôn toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp lớn của cách mạng, chí công vô tư, có tâm hồn trong sáng và cuộc sống thanh bạch. Hơn nữa, tuy không được học hành nhiều ở trường lớp nào, nhưng từ nhỏ ở anh đã tiếp thu truyền thống quê hương gia đình, về sau đã nhanh chóng thấm nhuần đường lối của Đảng. Anh là một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một người chỉ huy nghiêm khắc, quyết đoán, nhưng cũng lại là một con người cởi mở, nhân hậu, giản dị, biết linh hoạt trong ứng xử, ăn ở thủy chung với đồng chí, đồng bào. Anh được cán bộ, chiến sĩ, được nhân dân Liên khu 5 hồi bấy giờ hết sức quý mến và khâm phục.

Sau năm 1954, anh chỉ mới ra làm việc ở Trung ương mấy năm nhưng cũng đã gây được lòng yêu mến và kính trọng của các cơ quan và đơn vị. Khi được cử làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ thì mọi người đều vui mừng, tin tưởng.

Anh Chánh mất sớm là một tổn thất lớn của Đảng và của quân đội ta; tôi mất đi một người bạn chí thiết.

Cuộc đời một con người mới 43 tuổi đã để lại sự nghiệp như vậy có thể nói là một cuộc đời thật đẹp: cuộc đời của một người cộng sản kiên cường, một cán bộ lãnh đạo xuất sắc, một vị tướng có đức, có tài, một con người mẫu mực.

V.N.G.

## NHỚ MÃI ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH

*Đại tướng VẠN TIẾN DŨNG*

Suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, với trách nhiệm và vị trí quan trọng của anh Nguyễn Chánh ở Liên khu 5, nhất là với những chiến công nổi tiếng của Liên khu trong Đông - Xuân 1953 - 1954, tên tuổi anh Nguyễn Chánh rất gần gũi với tôi.

Tuy vậy, hồi bấy giờ biết tên, biết tiếng anh, nhưng chưa một lần gặp mặt.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ với sự phối hợp các chiến trường cả nước, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Thi hành Hiệp định, sau 100 ngày vào tháng 10 năm 1954, quân đội và Chính phủ ta về tiếp quản thủ đô Hà Nội và một số vùng khác. Bộ Quốc phòng đặt trụ sở ở nhà Con Rồng, các cơ quan của Bộ vào thành nội. Khi đó tôi đang đảm nhiệm Trưởng đoàn đại biểu Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam cùng Đoàn đại biểu Bộ Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đàm phán thi hành Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. Tôi ở nhà số 6, đường Hoàng Diệu. Anh Nguyễn Chánh cùng gia đình tập kết ra Bắc cùng ở chung một nhà với tôi.

Lần đầu tiên tôi được gặp anh. Hai chúng tôi ôm nhau cùng xúc động, niềm xúc động tự nhiên của những người mất nước theo Đảng đấu tranh đã cùng nhau trải qua cảnh bị đày ải, giam cầm qua các nhà lao của thực dân Pháp, nay kháng chiến thắng lợi, giành được độc lập tự do. Anh Chánh, một chiến sĩ cách mạng đã trải qua nhiều thử thách dày dạn từ chiến trường xa trở về thủ đô, đại diện cho Đảng, chính, quán, dân Liên khu 5, miền Trung. Qua chín năm kháng chiến với tinh tự lực cao, gian khổ, ác liệt, Liên khu 5 đã giành chiến thắng trong thắng lợi chung của đất nước để có ngày hôm nay, tuy chưa được thắng lợi hoàn toàn, Tổ quốc tạm thời còn bị chia đôi.

Chúng tôi lần lượt nói cho nhau nghe tình hình chung ở miền Bắc, tình hình Liên khu 5 mấy tháng vừa qua và công cuộc đấu tranh với đoàn đại biểu Pháp, buộc họ phải thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định cho đến khi giải phóng hoàn toàn miền Bắc trong vòng 300 ngày tới.

Cuối năm 1954, anh Chánh được cử giữ chức Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, tham gia Tổng Quân ủy. Anh đã góp nhiều ý kiến thực tế sâu sắc về nhiều vấn đề trong Bộ Tổng tham mưu, nhất là giúp cho cuộc đàm phán với đoàn Pháp có nhiều hiệu quả.

Mấy tháng sau, tôi được Trung ương cho đi nghỉ chữa bệnh ở Liên Xô. Trở về nước, tôi tiếp tục làm việc cùng anh Nguyễn Chánh. Tháng 4 năm 1957, Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh thành lập Tổng cục

Cán bộ, anh Chánh được bổ nhiệm phụ trách cơ quan này.

Anh Nguyễn Chánh đã ra đi vĩnh viễn vào mùa Thu năm 1957. Đây là một tổn thất lớn cho Đảng, cho quân đội và để lại niềm tiếc thương vô hạn cho các đồng chí, đồng đội và gia đình anh.

Thời gian tôi cộng tác cùng làm việc với anh Nguyễn Chánh trong Bộ Tổng tham mưu, trong Tổng Quân ủy không được dài ngày như nhiều đồng chí khác, nhưng tôi hiểu anh Nguyễn Chánh là người cộng sản mẫu mực, được rèn luyện nhiều trong đấu tranh cách mạng, một con người nhân hậu, điềm đạm, sống gần gũi chân thành với mọi người, khiêm tốn và giản dị, một cán bộ cách mạng chân chính.

Anh ra đi đã 40 năm, nhưng tinh thần, tính cách và hình ảnh của anh Nguyễn Chánh vẫn luôn luôn đậm nét trong tôi không bao giờ quên.

V.T.D.

## ANH NGUYỄN CHÁNH, MỘT CON NGƯỜI, MỘT CUỘC ĐỜI MÃI MÃI SÁNG TRONG

*Đại tướng NGUYỄN QUYẾT*

Cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu thì ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Cả nước nhất tề đứng lên kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của mình. Những đoàn quân tình nguyện rầm rập nối tiếp nhau tiến về mặt trận phía Nam.

Tôi tham gia đoàn quân Nam tiến vào cuối năm 1945, làm chính trị viên chi đội độc lập 1. Vào đến Bình Định, chi đội phân thành hai bộ phận: một bộ phận vào tham gia chiến đấu ở Khánh Hòa, một bộ phận khác lên Tây Nguyên.

Vào cuối năm 1946, sau khi Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam giải thể, anh Chánh làm Ủy viên Chính trị kiêm Bí thư Quân khu ủy 5, tôi tham gia Quân khu ủy, được cử làm phái viên ở mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trước khi lên đường, anh Chánh đã trao đổi với tôi về âm mưu địch, tình hình và nhiệm vụ của ta,

về vị trí, nhiệm vụ của mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, những công việc cụ thể của phái viên và những vấn đề cần chú ý. Anh nhấn mạnh: Quảng Nam - Đà Nẵng là mặt trận chính của Quân khu 5. Trong trường hợp kháng chiến nổ ra, đây là bàn đạp chủ yếu của Pháp để tiến công vùng Nam Trung Bộ từ phía Bắc. Quân Pháp ở đây được trang bị hiện đại, là một lực lượng chiến lược quan trọng của đội quân xâm lược nhà nghề đang rất hung hăng, chủ quan, hết sức coi thường ta. Vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng ngay từ đầu cuộc kháng chiến là phải tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, phá hủy phương tiện chiến tranh, ghim chân địch, bao vây không cho chúng phối hợp với các hướng từ Tây Nguyên xuống, từ Khánh Hòa ra, tiến công lấn chiếm vùng đất còn lại, hậu phương của cuộc kháng chiến ở Nam Trung Bộ. Để hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề này, ta phải khẩn trương củng cố các Trung đoàn 96 và 93, đồng thời phải gấp rút xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp. Cần chú ý xây dựng cho được lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương có đủ khả năng bám trụ trong khi bị địch đánh chiếm, đặc biệt là ở nội thành Đà Nẵng. Có lực lượng chặn đánh địch ở phía trước, lại có lực lượng đánh địch ở sau lưng chúng, buộc chúng phải ở vào thế luôn luôn bị uy hiếp. Anh đã có kinh nghiệm tổ chức lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trong nội thành Hà Nội, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Đó là một kinh nghiệm quý, cần vận dụng và phát huy ở đây.

Một vấn đề quan trọng bậc nhất là phải dựa vào dân, phát động toàn quân đứng lên kháng chiến. Muốn vậy, phải tổ chức cho được cơ sở chính trị, tổ chức lực lượng tự vệ. Đội du kích Ba Tơ sở dĩ phát triển vững mạnh và chiến thắng trong khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, một phần chủ yếu là do đã biết dựa vào dân, xây dựng căn cứ trong nhân dân và nhờ có đưa Đội du kích xuống đồng bằng, dựa vào dân nên mới nhanh chóng xây dựng được hàng vạn dân quân, du kích ở các thôn xóm. Đó cũng là những kinh nghiệm có giá trị.

Cuộc kháng chiến sẽ còn dài. Vì vậy cần phải xây dựng căn cứ của tỉnh và cả cho từng huyện.

Việc trang bị cho dân và quân ta đánh giặc hiện nay vẫn là vấn đề khó khăn, nhưng ta phải hết sức chú trọng giải quyết, phải coi trọng cả vũ khí thô sơ. Một mặt, cần chuẩn bị máy móc, phương tiện để xây dựng các xưởng sản xuất vũ khí, chuẩn bị đưa máy móc từ nội thành ra căn cứ của tỉnh để làm việc này. Mặt khác, phải phát động phong trào "lấy súng địch để đánh địch". Có thế mới khắc phục được khó khăn hiện nay của ta để có thể tiến hành kháng chiến trong nhiều năm.

Về cách đánh, cần phải ngăn chặn địch từng bước bằng việc xây dựng công sự, chiến hào, hình thành các tuyến chiến đấu. Không nên dàn "màn màn" như những ngày đầu kháng chiến ở một số nơi mà nên rút kinh nghiệm tác chiến ở Nha Trang; đồng thời đặc biệt coi trọng cách đánh phía sau lưng địch, vận dụng kết hợp chiến thuật phục kích, tập

kích, đánh phá giao thông, bắn tỉa, v.v. kết hợp đánh địch ở phía sau với ngăn chặn địch ở chính diện. Phải linh hoạt không cứng nhắc.

Ra đến nơi, anh tranh thủ trao đổi với anh Đàm Quang Trung, chỉ huy trưởng, và anh Huỳnh Ngọc Huệ, chính trị viên ủy ban quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng về những vấn đề này, dù tôi cũng đã trao đổi với các anh ấy rồi. Cần đặc biệt chú ý đến việc củng cố sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng chủ lực và dân quân du kích, phát động quần chúng xây dựng lực lượng chính trị.

Cuộc chiến đấu sắp tới chắc chắn sẽ hết sức gay go, hết sức ác liệt, Quảng Nam - Đà Nẵng sẽ gặp nhiều khó khăn vì ở đây địch đông và mạnh, và vì đó là hướng tiến công chủ yếu của địch. Nhưng ta có khả năng hoàn thành được nhiệm vụ vì ta có kinh nghiệm trong chiến đấu vừa qua. Mặt trận Nha Trang đã bao vây và ngăn chặn lực lượng mạnh của địch và giữ được ba tháng là một điển hình trong toàn quốc từ những ngày đầu kháng chiến. Nha Trang làm được thì nhất định Quảng Nam - Đà Nẵng sẽ làm được...

Anh cần sẵn sàng chiến đấu lâu dài ở mặt trận này. Anh Huỳnh Ngọc Huệ sẽ đi công tác khác...

Tiếng súng toàn quốc kháng chiến đã vang dậy. Mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, ngày đầu nổ súng chậm. Ủy ban quân sự mặt trận đề nghị với Quân khu ủy cách chức đồng chí trung đoàn trưởng và đề nghị đồng chí Nguyễn Bá Phát, Phó chỉ huy Ủy

ban quân sự thay. Anh Chánh hoan nghênh và đồng ý. Anh Chánh thương cán bộ nhưng rất nghiêm khắc trong khi thi hành nhiệm vụ. Nhờ đó mà kỷ luật chiến trường được giữ nghiêm, tinh thần chấp hành mệnh lệnh được triệt để hơn.

Đầu năm 1947, anh Huỳnh Ngọc Huệ được điều đi công tác khác. Tôi làm ủy viên chính trị Ủy ban quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng.

Qua sáu tháng chiến đấu, Quảng Nam - Đà Nẵng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong lễ tuyên dương thành tích chiến đấu của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ đã nói: "So sánh với toàn quốc, mặt trận Thái Phiên (tên của Đà Nẵng sau Cách mạng tháng Tám) liệt vào hạng đánh mạnh nhất và dẻo dai nhất". Đồng chí tặng quân dân Đà Nẵng lá cờ thêu hai chữ "Giữ vững". Trung đoàn 96, đơn vị lập công xuất sắc, được vinh dự nhận phần thưởng cao quý này.

Cuối tháng 5 năm 1947, tôi về báo cáo tình hình mặt trận. Anh Chánh đã theo dõi sát tình hình nên buổi làm việc diễn ra nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Anh biểu dương và phần khởi trước những thắng lợi của mặt trận chủ yếu, đồng thời anh cho tôi biết hướng Bình Định và Phú Yên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, chặn được cuộc tiến công của địch ra vùng tự do. Như vậy, qua sáu tháng chiến đấu, ta đã phá được kế hoạch của địch hòng mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh. Kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch đã bị phá sản một bước cơ bản ở miền Nam

Trung Bộ. Và như vậy, lần thứ hai, ta phá được âm mưu và kế hoạch của địch hòng chiếm vùng tự do, hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến ở Nam Đông Dương. Một điều rất đáng mừng là ở chiến trường Nam Trung Bộ, các nơi bị địch tiến công đều trụ bám, lập chiến khu, đánh địch. Nơi khó khăn nhất như cực Nam Trung Bộ, cuộc kháng chiến vẫn được duy trì và phát triển tốt.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến, tuy mới trải qua thời gian ngắn nhưng đã tỏ ra vững vàng, có chủ trương, đường lối đúng đắn, có biện pháp và cách đánh phù hợp, có đội ngũ cán bộ kiên cường, dũng cảm, lực lượng vũ trang càng đánh, càng phát triển và được tôi luyện; nhân dân một lòng theo Đảng, kiên quyết chiến đấu theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Ta tin là sẽ đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Dừng lại một lát, với thái độ cởi mở, thông cảm, anh hỏi: Đồng chí có đề nghị gì không?

Tôi trình bày kiến nghị mà tập thể đã thống nhất trước khi tôi về gặp anh. Tôi nói: Trong tình hình thế này, chắc cuộc kháng chiến của ta không thể kết thúc nhanh được. Vấn đề đặt ra là muốn tiến hành kháng chiến thắng lợi phải duy trì và phát triển lực lượng. Muốn vậy, cần phải có lực lượng để thay phiên nhau chiến đấu và xây dựng. Các đơn vị ở mặt trận đã qua nửa năm chiến đấu gian khổ đây ác liệt, hy sinh, cần được củng cố...

Đến đây hình như đã có giải pháp từ trước, anh nói ngay: Sẽ tăng cường cho Quảng Nam - Đà Nẵng,

Trung đoàn 68 hiện đang làm nhiệm vụ phòng thủ Quảng Ngãi. Tôi nghe, vừa mừng, vừa cảm động muốn ứa nước mắt.

Việc đưa Trung đoàn 68 chủ lực của Quân khu ra tăng cường cho mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, không chỉ là tăng số lượng, mà điều quan trọng hơn là tăng cường và củng cố ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta ở chiến trường, tăng thêm niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo và chỉ huy của cấp trên. Nhờ đó, mặt trận ngày càng được giữ vững, cuộc chiến đấu càng giành được thắng lợi hơn. Chính vì vậy, sau đó Trung đoàn 96 rút đi, mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng vẫn duy trì và phát triển vững chắc.

Từ cuối năm 1947, chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp đã bị phá sản, chúng buộc phải chuyển sang chiến lược đánh kéo dài, thực hiện âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" để hòng giành thắng lợi.

Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, của Bác Hồ và Bộ Tổng tư lệnh, Liên khu kiên quyết tập trung lực lượng vào địch hậu, biến hậu phương địch thành tiền phương của ta. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, tất cả các đại đội độc lập đều chuyển vào vùng địch hậu, trung đoàn chỉ nắm một tiểu đoàn chủ lực.

Liên khu đã kịp thời chỉ đạo tổng kết việc xây dựng cơ sở, xây dựng làng chiến đấu, phát động toàn dân đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là các chi bộ.

Anh Chánh rất tâm đắc khi nghe báo cáo về các làng, xã chiến đấu điển hình như Chương Dương, Hoàng Diệu ở Quảng Nam đã chống lại cuộc tàn sát của một tiểu đoàn địch, bảo vệ được cơ sở chính trị, cơ sở vũ trang của ta; anh chỉ đạo cần vận dụng kinh nghiệm đó ở các vùng tạm bị chiếm cũng như ở vùng tự do.

Từ tháng 4 năm 1948, hai Trung đoàn 93 và 68 sát nhập thành Trung đoàn 108, tôi làm Chính ủy, anh Nguyễn Bá Phát làm Trung đoàn trưởng. Anh Chánh thường trao đổi: Cần hết sức quan tâm đến việc xây dựng các trung đoàn chủ lực cơ động mạnh thành quả đấm thép, có thế mới có thể làm thay đổi cục diện chiến trường, mới giành được thắng lợi quyết định trong chiến tranh. Muốn làm được việc đó, trung đoàn phải hết sức giúp đỡ địa phương xây dựng lực lượng đủ sức đảm đương nhiệm vụ tác chiến để trung đoàn có thể rút về làm lực lượng chủ lực cơ động của Liên khu. Thực hiện ý định của anh, Quảng Nam - Đà Nẵng đã xây dựng được tiểu đoàn ở tỉnh, đại đội ở các huyện và đến tháng 5 năm 1950, trung đoàn chủ lực 108 đã rút về Liên khu. Như thế là ý định của anh đã được thực hiện, phong trào chiến tranh nhân dân ở Quảng Nam - Đà Nẵng ngày càng phát triển, và trung đoàn chủ lực 108 và các đơn vị chủ lực khác của Liên khu cũng được phát triển lên một bước mới.

Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 cuối năm 1951, anh Chánh được bầu làm Bí thư Liên khu ủy và anh được bổ nhiệm làm Chính ủy kiêm Tư

lệnh Liên khu 5. Trọng trách của anh thật to lớn và nặng nề. Đặc biệt trong thời gian này, ở Liên khu 5 có nhiều vấn đề gay gắt: vụ Sơn Hà, nhưng sai lầm trong thực hiện chính sách tổng động viên và thuế nông nghiệp..., cộng với thiên tai hạn hán, bão lụt liên tiếp, địch lại tăng cường đánh phá cả vùng tự do và vùng tạm bị chiếm... làm cho đời sống nhân dân rất khó khăn, đời khổ ảnh hưởng không ít đến lòng tin của cán bộ và nhân dân vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Riêng trong quân đội, một vấn đề nổi cộm lên là chiến thuật đánh cứ điểm (công kiên), đánh điểm, diệt viện, đánh có chuẩn bị và không có chuẩn bị, đánh liên tục trong một thời gian dài. Để giải quyết được các vấn đề tác chiến nói trên, cần phải bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ về lập trường, đạo đức cách mạng, ý chí quyết chiến, quyết thắng, nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật đánh lớn, nhất là đánh công kiên; một vấn đề chiến thuật có ý nghĩa lớn góp phần giành thắng lợi trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh.

Là người vốn có lòng tin sâu sắc ở nhân dân, tin Đảng, tin tập thể đội ngũ cán bộ và tin ở bản thân, anh bình tĩnh tháo gỡ các khó khăn đó. Anh đặt vấn đề phải tìm nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại và thiếu sót, trước hết là ở chủ quan, ở cấp lãnh đạo, ở người lãnh đạo. Người lãnh đạo phải tự kiểm điểm và tự nhận trách nhiệm trước nhất.

Về vụ Sơn Hà anh nói: Đây là do ta làm sai, do lãnh đạo quan liêu để cán bộ máy móc, làm sai; làm sai thì phải sửa sai; phải đưa cán bộ xuống tham

gia sửa sai. Trước khi đi sửa sai, anh chỉ thị: Đây là công tác vận động quần chúng, phải lấy chính trị làm gốc, phải khôi phục lại lòng tin của dân đối với Đảng, với cán bộ...

Anh đích thân xuống tận nơi có nạn đói xảy ra, tìm nguyên nhân, xác định biện pháp khẩn trương cứu đói, coi "cứu đói như cứu hỏa", quyết định xuất lương lương thực dự trữ của Liên khu để cứu đói, đưa bộ đội đi cứu đói, vận động đồng bào tương trợ lẫn nhau. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, nạn đói đã được khắc phục.

Bên cạnh việc quan tâm giải quyết những vấn đề cấp bách của chiến tranh, anh đã cùng Liên khu ủy và các cấp ủy Đảng chăm lo xây dựng chính quyền nhân dân, chấn chỉnh những thiếu sót trong tổng động viên, thuế nông nghiệp, chỉ đạo thực hiện các chính sách giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, ruộng đất vắng chủ cho nông dân, vận động nhân dân tăng gia sản xuất để vừa bồi dưỡng sức dân vừa đảm bảo yêu cầu kháng chiến.

Trong các lớp tập huấn, anh chỉ đạo rất sát, giải quyết cụ thể từng vướng mắc, chuyển lòng tin sắt đá của Đảng, của Bác Hồ cho cán bộ.

Ngoài việc quan tâm giải quyết những vấn đề chiến lược, chiến thuật, anh còn đi sâu giải quyết những khó khăn trong trang bị kỹ thuật. Đây là vấn đề rất lớn, một khoảng cách chênh lệch khá xa và kéo dài giữa ta và địch suốt từ đầu đến cuối cuộc kháng chiến. Từ xưởng sản xuất vũ khí thô sơ của Đội du kích Ba Tơ đến những công binh xưởng được

phát triển đồng bộ ở vùng tự do cũng như ở vùng bị tạm chiếm, lực lượng quân giới của ta đã phát triển lớn mạnh; tự nhồi lại các viên đạn ĐAM, tiến lên sản xuất vũ khí trang bị đáp ứng nhu cầu tác chiến của quân dân trong Liên khu và chi viện cho chiến trường bạn.

Trong chiến cục Đông - Xuân 1953 - 1954 ở Nam Trung Bộ, anh đã nắm vững và chỉ đạo thực hiện ý định chiến lược của Trung ương Đảng, của Bộ Tổng tư lệnh vào điều kiện chiến trường Liên khu một cách kiên định, sáng tạo, linh hoạt và quyết đoán.

Tôi nhớ, vào giữa năm 1953, trong cán bộ lãnh đạo và chỉ huy Liên khu 5, vấn đề đưa khối chủ lực tiến công lên Tây Nguyên đã được đặt ra trao đổi. Có nhiều ý kiến khác nhau. Từ khi có chỉ thị của Bộ thì vấn đề này đã trở thành thác mắc chủ yếu trong Đảng, trong quân đội, nhất là trong cán bộ, kể cả cán bộ lãnh đạo. Điều này không phải không có căn cứ, vì lúc đó, thực dân Pháp đang tập trung một lực lượng lớn hùng đánh chiếm vùng tự do theo kế hoạch At-lan-te của tướng Na-va, Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương.

Anh Chánh, quán triệt ý định của trên, thấy rõ tầm chiến lược đặc biệt quan trọng của Tây Nguyên nên trước sau hết sức kiên định quyết tâm tiến công lên Tây Nguyên, làm chuyển biến cục diện chiến tranh, giành chủ động chiến lược trên toàn bộ chiến trường. Đồng thời với việc đưa khối chủ lực tiến công lên Tây Nguyên, Liên khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu 5 đã động viên quân và dân vùng tự do kiên quyết

chặn đứng cuộc tiến công lấn chiếm của địch, bảo vệ vùng tự do. Nếu địch đánh ra vùng tự do, ta ghim lại rồi sẽ tiêu diệt.

Thực hiện phương châm "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" về mặt chiến lược, ta tập trung khối chủ lực tiến công lên Tây Nguyên là chiến trường đã được chuẩn bị, quân địch có nhiều sơ hở, là nơi yếu của địch. Đồng thời ta sử dụng lực lượng địa phương chặn đánh tập đoàn tiến công ra vùng tự do là lực lượng chiến lược mạnh của địch. Khi đã chiếm được Tây Nguyên, giành chủ động, thế ta đã vững, thì chỗ nào và quân địch nào ta cũng sẽ đánh được. Nhưng khi cần, ta cũng kiên quyết tập trung lực lượng tiêu diệt một số cứ điểm mạnh để phá thế địch, phát triển thế ta như: trận Mang Đen, Đăk-đoa, Ai Nu... Trong cuộc quyết đấu đó, ta đã toàn thắng rực rỡ. Đây rõ ràng không chỉ là đấu lực mà chủ yếu là đấu trí giữa hai bộ óc của ta và địch.

Là Tư lệnh kiêm Chính ủy chiến dịch Tây Nguyên, anh đã cùng tập thể Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên hướng chiến lược quan trọng này, và đã góp phần quyết định vào thắng lợi đó...

Cũng cần nói thêm một điểm nổi bật và độc đáo là Liên khu 5, một vùng đất nghèo khổ, xa sự chi viện của Trung ương, suốt trong chín năm kháng chiến chống Pháp nằm trong vòng vây bốn mặt của quân thù, bị chúng rắp tâm bằng mọi giá chiếm đóng và bình định cho kỳ được. Vậy mà vùng đất kiên cường ấy vẫn đứng vững, hình thành và phát triển

trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp như một quốc gia khá hoàn chỉnh. Ở đây, Đảng bộ được xây dựng trong sạch vững mạnh, chính quyền được nhân dân tin tưởng, chế độ mới được xây dựng khá rõ nét, con người mới được hình thành, quan hệ giữa người với người tốt đẹp, kinh tế phát triển, cuộc sống của nhân dân, tuy phải đảm bảo cho nhu cầu chiến tranh ngày càng cao mà vẫn ngày càng được cải thiện, xã hội yên vui, lành mạnh. Cuộc kháng chiến ở đây mang tính chất chung của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, đồng thời lại mang những đặc điểm của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: đó là cuộc chiến đấu bảo vệ vùng tự do. Quân và dân Liên khu 5 đã ba lần đánh bại các cuộc hành quân lớn gồm hải, lục, không quân của Pháp hòng chiếm vùng tự do (vào cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuối năm 1946 đầu năm 1947 và điển hình là chiến dịch At-lan-te 1953 - 1954). Đó là chưa kể các cuộc đánh phá thường xuyên từ đường bộ, đường biển và đường không.

Thành công này trước hết là do nhân dân Liên khu 5 đã hy sinh chiến đấu quên mình, là nhờ có sự chỉ đạo chỉ huy sáng suốt của Trung ương, của Bắc, của Bộ Tổng tư lệnh và của Liên khu ủy 5, trong đó có sự đóng góp to lớn của anh Nguyễn Chánh. Đặc biệt trong những năm cuối của cuộc kháng chiến vô cùng gay go ác liệt, trong những điều kiện hết sức khó khăn, anh Chánh lại gánh những trách nhiệm nặng nề nhất, anh đã tỏ ra là một cán bộ lãnh đạo quân sự, chính trị song toàn. Với tinh thần khiêm

tổn học hỏi, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, anh đã góp phần rất quan trọng vào việc xây dựng Đảng bộ Liên khu 5 trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo nhân dân chiến thắng kẻ thù.

Anh có lòng tin sắt đá và ý thức chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, của Bác, của cấp trên, đồng thời biết vận dụng sáng tạo của phương thức tiến hành chiến tranh và tác chiến, phát huy cao độ tinh thần hy sinh dũng cảm, khắc phục khó khăn, tự lực tự cường của quân dân, huy động được mọi lực lượng tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Ngày 24 tháng 9 năm 1957, ngày anh Chánh (bấy giờ là Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ) hẹn xuống làm việc với tôi (lúc ấy tôi làm Chính ủy Quân khu Tà Ngạn) lại chính là ngày anh ra đi, đi mãi!

Anh ra đi, giữa tuổi 43, đang sung sức và đầy hứa hẹn, giữa lòng tiếc thương vô hạn của nhân dân, của đồng chí, đồng đội và cả của bạn bè quốc tế.

Anh Chánh, một con người, một cuộc đời mãi mãi sáng trong, người anh hùng đã một thời oanh liệt của khúc ruột miền Trung kiên cường và bất khuất.

N.Q.

## NHỮNG NĂM THÁNG SỐNG BÊN ANH

TRẦN KIÊN

*Nguyên Bí thư Trung ương Đảng*

Chị Bảy, chị ruột anh Chánh, có người quen ở làng tôi: Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi. Hàng năm chị Bảy nhờ người quen mua dùm lúa để ăn. Một hôm người quen chị Bảy thuê chúng tôi gánh lúa từ quê tôi sang bắc sông Trà gửi ở nhà cụ thân sinh ra chị và cũng là nhà anh Chánh. Lần này chúng tôi được gặp anh Chánh. Gặp chúng tôi, anh chuyện trò vui vẻ, hỏi thăm việc làm ăn, việc gia đình, mùa màng. Lúc đó, chúng tôi biết tên anh là Chín do nghe bà cụ gọi anh như vậy.

Tiếp xúc với anh, ba đứa trai trẻ chúng tôi đều cùng có cảm tình, mến anh, đều thấy anh là người tốt, gần gũi người lao động, không cách biệt.

Sau đó, anh thường nhắc tôi qua chơi. Tôi đến có lần anh ở nhà, có lần thì không. Qua gặp gỡ, anh biết tôi là thợ hồ nên giao cho tôi làm liên lạc và đưa đón cán bộ hoạt động cách mạng. Hoạt động bí mật với anh, tôi cảm thấy rất an tâm và tin tưởng.

Nhật đảo chinh Pháp. Các anh an trí Ba Tư khởi nghĩa, Đội du kích Ba Tư ra đời. Anh về quê tôi vận động thanh niên gia nhập Đội du kích Ba Tư. Tôi cùng một số thanh niên cứu quốc lên đường nhập Đội du kích. Từ đó, tôi lại được gặp anh và hoạt động với anh ở chiến khu khá lâu. Lúc này, anh lấy bí danh là Thiện, làm chính trị viên Đội du kích, kiêm chính trị viên đại đội Phan Đình Phùng.

Ngoài việc theo dõi, đôn đốc việc luyện tập quân sự, anh thường xuyên chăm lo giảng dạy về chính trị và các bước công tác quần chúng. Anh thường nói về tấm gương chiến sĩ Phạm Hồng Thái với quả bom Sa Diện. Anh dạy cho chúng tôi bài hát: "Cùng nhau ta đi hùng binh...". Anh có một quyển vở bằng hai ngón tay, chữ viết chút xiu, anh em chúng tôi hay gọi chữ bằng con kiến. Với tài truyền cảm sâu sắc, anh dạy cho chúng tôi lòng yêu nước, biết giai cấp công nhân, Đảng của giai cấp công nhân, biết phân biệt đội quân cách mạng (du kích Ba Tư) khác đội quân đế quốc tay sai ở chỗ nào, nó chiến đấu vì lợi ích của ai. Anh kể về sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, giảng giải về học thuyết Mác, nguyên lý Lê-nin. Anh nói đơn giản nên dễ nhớ. Ở chiến khu, chúng tôi gọi nhau bằng đồng chí, chào nhau bằng giơ cao nắm tay và hô: "Hy sinh vì Tổ quốc". Chúng tôi gọi anh Thiện là đồng chí chính trị viên.

Một buổi chiều, anh ở đồng bằng lên. Lần này khác mấy lần trước, anh liền gặp ngay anh T2 (tức anh Phạm Kiệt) và các anh trong ban chỉ huy đại đội trao đổi việc khẩn cấp. Sau một lúc, các anh mới

họp đảng viên. Anh Nguyễn Chánh nói: Nhật đầu hàng đồng minh và có lệnh Tổng khởi nghĩa, đại đội ta phải đánh chiếm các châu ly Sơn Hà, Gi Lăng, Trà Bồng và phát triển về đồng bằng. Anh T2 phân công: Anh Phong, Thủy đi đánh Sơn Hà, anh Chánh và anh Kiệt đi đánh Gi Lăng, Thứ và Chi đi đánh Trà Bồng.

Trung đội Âm Loan được phân công đi hai hướng, hai tiểu đội cùng anh Thủy, trung đội trưởng, đi với trung đội Bồ Khiết đánh Sơn Hà, dưới sự chỉ huy của anh Phan Phong. Còn lại 3 tiểu đội do tôi và đồng chí Núi, đều là trung đội phó, cùng trung đội xung phong Cao Thắng đi đánh Gi Lăng dưới sự chỉ huy của anh Kiệt và anh Chánh. Được lệnh, chúng tôi phân chia lực lượng thành hai bộ phận lên đường. Đến ngã ba Hà Thành, anh Chánh lệnh cho tôi đưa bộ đội vào tước súng Chánh Lái. Tôi dẫn một tiểu đội vào gặp Chánh Lái bảo giao súng. Chánh Lái run sợ giao ngay súng "mỏ cát" (tức súng Romanhtông).

Thu súng của Chánh Lái xong, chúng tôi được lệnh tiếp tục tiến đánh Gi Lăng.

Đến gần Gi Lăng, anh Kiệt gặp chúng tôi cho biết qua tình hình địch trong đồn, phân công đánh chiếm các nhà trong đồn và phổ biến cách đánh cụ thể. Theo đội hình hai hàng dọc song song, chúng tôi men theo đường từ từ tiến vào đồn.

Tôi nhìn thấy anh Chánh, anh Kiệt và mấy người nữa đứng ở cổng đồn. Sau này gặp anh Kiệt hỏi lại tôi mới biết: anh Chánh và anh Kiệt đã dùng cơ sở

binh vận bắt trước tên quân Trần đồn trưởng rồi lệnh cho chúng tôi xung phong chiếm đồn.

Chiếm đồn xong, tôi và anh Nguyễn phân công anh em bố trí canh gác. Một lúc sau anh Chánh đến, chúng tôi báo cáo cả hai trung đội đã có mặt. Nhìn thấy trên tường còn treo một lá cờ "long tinh" của chính quyền bù nhìn, anh hỏi tại sao các đồng chí không vứt bỏ lá cờ kia xuống đất, treo cờ đỏ sao vàng lên, treo cả trên cột cờ nữa. Tôi và anh Nguyễn nhìn nhau thấy mình ngô nghê quá. Nguyễn vội vàng kéo lá cờ kia xuống, tôi đi lấy cờ đỏ sao vàng treo lên. Anh chẳng nói gì thêm, chắc anh cũng biết đàn em trình độ chính trị còn thấp quá. Treo cờ xong, anh lệnh chỉ để lại một tiểu đội canh gác, còn tất cả lực lượng trong đêm nay phải đến Hà Thành và sáng sớm mai phải gặp anh Phong và anh tại đó.

Chúng tôi khẩn trương chấp hành mệnh lệnh. Mờ sáng hôm sau chúng tôi đã đến Hà Thành. Cảnh quân anh Phong, anh Thủy cũng đã có mặt. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, việc đầu tiên hỏi nhau là có đồng chí nào thương vong không. Được biết không một ai bị thương vong, chúng tôi mừng lắm. Đồng bào đem cơm đến, chúng tôi ăn và chờ lệnh. Đang ăn thì anh Chánh xuất hiện. Anh em xì xào: anh Chánh đến, sắp có lệnh! Chúng tôi được lệnh chia quân thành hai cánh, tiến về đồng bằng, một cánh tiến theo ven sông Trà Khúc đến Phước Lâm chờ lệnh, cánh phía bắc xuống An Kim, Đồng Ké về Phước Lộc. Đến Phước Lâm, nhân dân đã chuẩn bị cơm thịt sẵn sàng. Chúng tôi đang ăn thì có đồng chí

liên lạc đem thư anh Chánh đến. Xem thư xong, anh Thủy cho biết: anh Chánh có lệnh điều đơn vị lên đường ngay, theo ven sông Trà Khúc kéo về Xuân Phổ. Đến Xuân Phổ, anh Chánh lệnh phải sẵn sàng đánh Nhật đến càn.

Anh Chánh gọi chúng tôi đến nhận nhiệm vụ. Anh cho biết, Nhật đã lên càn An Hội, Xuân Phổ, và lệnh cho trung đội Ấm Long chuẩn bị phục kích đánh Nhật. Anh hỏi tôi: "Đồng chí Sơn (bí danh của tôi) người ở đây thử đoán Nhật đi đường nào?". Tôi háo hức: "Chắc chắn chúng sẽ đi đường cống Tổng Phúc ra Bàu Sắc". Anh hỏi tiếp: "Vậy ta phục kích chỗ nào?". Tôi đề xuất: "Nên phục kích ở đoạn giữa cống Bàu Sắc đến ngõ Tổng Phúc, trước ngõ Chánh Ám, vì ở đây có hàng tre và ruộng mía, ruộng lầy, từ phía đông đường ta xông ra đánh giáp lá cà, nhất định Nhật bất ngờ sẽ bị sa lầy".

Anh liền ra lệnh cho anh Phong đưa quân đến đó phục kích. Chúng tôi nằm sát mép đường, lấy lá tre, lá mía phủ kín người chờ đánh giáp lá cà bằng kiếm, dao... Trời nhá nhem tối, Nhật đưa đội hình vào ổ phục kích. Anh Phong ra lệnh xung phong đánh giáp lá cà với Nhật. Tiếng gươm, dao va nhau loảng choảng. Một hồi lâu, ta kiếm soát và làm chủ chiến trường. Nhật bị đánh bất ngờ phải rút chạy. Bên ta, đồng chí Thủy hy sinh, đồng chí Bọt bị nhiều vết đâm của Nhật.

Sau khi đồng chí Thủy hy sinh, anh Chánh chỉ định tôi làm trung đội trưởng, tiếp tục triển khai đánh Nhật lên càn. Một hôm vào lúc trưa, tôi được

lệnh của anh Chánh đưa quân vào tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Anh hỏi tôi có thạo thị xã không, đi xuống thị xã thì đi đường nào, đi đường hay lội ruộng hoặc đi bằng thuyền? Tôi xin đi bằng thuyền, anh đồng ý và ra lệnh cho trung đội vào thị xã. Anh dặn hai việc: một là, lính Nhật còn gác trên cầu Trà Khúc, đi thuyền phải ngụy trang cho kỹ để trong đêm lọt qua cầu cho êm. Hai là, liên lạc với anh Mô (Bùi Định) ở cửa Bắc, và với Việt Minh Ba La ở ngã tư. Rồi anh nói: Đồng chí Phương (chính trị viên trung đội) có việc khác, chúng tôi đã bố trí đồng chí Dịch và sắp đưa Truyền Nga về tăng cường cho trung đội của đồng chí. Truyền Nga cũng thạo vùng này. Anh giao mật hiệu liên lạc với anh Mô cho tôi. Tôi rất lo, vì từ trước trong các trận đánh đều có các anh Thủy, Phương, Phong làm chỗ dựa. Giờ đây vào thị trấn một mình, rủi có bất trắc biết dựa vào ai và xoay xử ra sao. Tôi đưa tay lên hô: "Hy sinh vì Tổ quốc", rồi quay về đơn vị chuẩn bị lên đường trong đêm đó.

Về đến đơn vị thì thuyền cũng vừa tới. Chúng tôi xuôi dòng đều trót lọt. Theo ám hiệu, tôi liên lạc với anh Mô được ngay sau khi lên bờ.

Anh Mô cho biết tình hình ở thị xã và nói: Chính quyền ở đây đã hoàn toàn về tay cách mạng. Đồn khố đỏ đã bị du kích khu phố chiếm và canh gác. Quân Nhật đã thương lượng với ta xin đồn về đồn khố xanh chờ giải giáp và yêu cầu tránh xung đột. Anh Mô nói tiếp: Nay du kích Ba Tư đã về đây, chắc đồng bào phấn khởi lắm, cờ đỏ sao vàng đã treo khắp

thành phố, ta nên cho du kích Ba Tư cùng xuất hiện trên đường phố thử xem thái độ Nhật ra sao.

Theo kế hoạch, sáng hôm sau chúng tôi cho tiểu đội du kích Ba Tư và hai tiểu đội du kích xã Chánh Lộ đi về Liên Nông đến Ngã Tư để thử thái độ lính Nhật. Đồng thời, đoàn thương lượng cũng báo cho Nhật biết có du kích xuất hiện, tránh đụng độ. Y như lời ta, du kích xuất hiện đến đâu thì lính Nhật lùi đến đó.

Chúng tôi về Xuân Phổ báo cáo và xin chỉ thị. Anh Chánh đồng ý cách làm và chỉ thị cho đón anh Đôn từ phía Nam ra để báo cáo tình hình cho anh Đôn và các anh.

Từ chiến khu, đến đánh đồn Gi Lăng, đánh Nhật ở Xuân Phổ, vào thị xã vừa thương lượng vừa thị uy buộc Nhật đồn vào đồn khố xanh, luôn có sự chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ của anh Chánh nên chúng tôi rất yên tâm.

Sau Tổng khởi nghĩa, đơn vị tôi bấy giờ là tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến, được Nam tiến. Đến Bắc Khánh Hòa, tôi lại được gặp anh Chánh. Anh em gặp nhau rất mừng...

Tại Đại hội Đảng Liên khu 5 ở La Vương (8-1951), tôi lại được gặp anh. Đại hội gần kết thúc, anh cho gọi tôi lên giao nhiệm vụ và cho về trước khi Đại hội bế mạc. Trước khi giao nhiệm vụ, anh hỏi kỹ tình hình ta, địch trong vùng xung quanh Plây-cu, Kon Tum, hỏi thực lực của đơn vị. Tôi báo cáo tóm tắt tình hình và báo cáo lực lượng ta hiện có chưa

đầy ba trung đội. Anh suy nghĩ hồi lâu rồi giao cho đơn vị tôi nhiệm vụ tác chiến phối hợp với trận đánh Kom-plong với hai mục tiêu cụ thể: một là phục kích đánh xe hoặc bộ binh địch trên Đường 14, hai là cùng du kích, nhân dân bao vây bức rút đồn Kon-mơ-ha. Tôi vội vã về đơn vị. Đúng thời gian quy định, đơn vị chúng tôi đánh xe trên Đường 14, đoạn Kon Tum đi Plây-cu và nghi binh, bao vây bức rút đồn Kon-mơ-ha. Kể từ đó, hễ có dịp về Liên khu ủy, thế nào tôi cũng tranh thủ về Bộ tư lệnh thăm anh. Anh giữ tôi ở lại ăn cơm. Thấy anh vui vẻ, tôi nói: "Trong đợt đánh Kom-plong, anh giao cho em bức rút đồn Kon-mơ-ha, em cố gắng lắm nên nó mới bỏ đồn chạy, nếu lúc đó mà anh bảo đánh đồn, chắc em chịu". Anh cười đáp: "Lực lượng của đơn vị cậu ít như thế thì ai lại bảo cậu đánh đồn. Hù dọa, bức rút là gắng lắm rồi..."

Tôi lại được gặp anh trong chiến dịch Đông - Xuân 1952 - 1953. Sau chiến thắng Kom-plong, tôi được điều về Trung đoàn 120 làm trung đoàn phó. Một hôm, đồng chí Nguyễn Bá Phát đến truyền đạt chủ trương chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch Đông - Xuân 1952 - 1953, tổ chức đoàn chuẩn bị chiến trường và huy động lực lượng của Trung đoàn 120 cùng tham gia. Tôi được chỉ định làm phó đoàn, đồng chí Nguyễn Bá Phát làm trưởng đoàn.

Đến An Khê, anh Phát chia đoàn làm ba bộ phận. Một bộ phận đi hướng chính chuẩn bị đánh An Khê và các chốt phía An Khê do anh Phát trực tiếp phụ trách; bộ phận đi hướng thứ yếu chuẩn bị đánh cứ

điểm Kon Hà, Tú Thủy, Cửu An, Thượng An và chuẩn bị đánh viện, do tôi phụ trách. Hưởng thứ ba lập đài quan sát ở Hòn Hai, nắm quy luật đi lại của địch trên Đường 19 và chuẩn bị đánh địch trên đoạn từ Mang Giang xuống An Khê. Ngoài ra anh Phát còn bảo tôi suy nghĩ và chuẩn bị kế hoạch vượt sông Côn với lực lượng từ 18.000 đến 20.000 người. Anh nói: Chiến dịch sẽ diễn ra nhiều ngày, nhiều trận đánh, chứ không phải chỉ một trận. Anh còn dặn: Các anh trong Thường vụ Khu ủy bảo chúng mình phải cố gắng chiến đấu tốt và trưởng thành trong chiến dịch này.

Dùng ngày quy định, anh Phát về Bộ tư lệnh báo cáo. Tôi ở lại tiếp tục công việc chuẩn bị. Sau 6 ngày, anh Phát trở lại gặp tôi truyền đạt quyết tâm chiến dịch: Chuyển hướng chuẩn bị, hướng chính thành phụ, phụ thành chính và gấp rút bàn giao cụ thể cho các đơn vị đánh đồn, đánh viện. Công việc khẩn trương, các trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng được phân công lần lượt đến nhận chiến trường, bố trí trinh sát bám địch ngay. Đêm trước ngày nổ súng, anh Phát phân công tôi đi đón anh Chánh trong đội hình tiến quân từ đèo Bồ Bồ đến bờ đông sông Côn.

Trời nhá nhem tối, tôi đến bờ đông sông Côn chờ đoàn. Anh Chánh cùng đoàn cơ quan tham mưu xuất hiện, tôi im lặng nắm tay anh xen vào đoàn cùng tiến vào Dinh Nhi, nơi tập kết. Mờ mờ sáng, anh nuôi đem cơm nắm đến phát cho đoàn và cho anh. Anh nhìn chung quanh, thấy tôi và một đồng

chí cùng đi với tôi không có cơm nắm. Anh hỏi tôi: "Không có cơm sao?". Tôi đáp; "Tôi đi từ sáng hôm qua nên chưa có". Anh liền bảo đồng chí cần vụ chia đôi nắm cơm của anh và của đồng chí cần vụ cho hai đứa tôi. Tôi cố tinh từ thác nhưng không được. Anh bảo các cậu lặn lội chuẩn bị chiến trường, ít nhiều cũng ăn với nhau, không được không ăn. Ăn xong, tôi theo anh đến Sở chỉ huy chiến dịch.

Tối hôm ấy trước giờ nổ súng, anh cho kiểm tra điện thoại. Lúc đó xảy ra một việc mà tôi còn nhớ mãi. Đó là đầu hôm, sau khi rải dây và triển khai máy móc, đài canh xong, anh kiểm tra một lần nữa với các đầu mối, các hướng. Các hướng đều thông suốt, sẵn sàng chờ lệnh. Gần đến giờ nổ súng, anh bảo anh Phát cho kiểm tra lại lần nữa. Bỗng dưng hướng Cửu An, Eo Gió không gọi được. Anh sốt ruột gọi tôi và anh Phát đến ra lệnh: một trong hai chúng tôi phải đi theo dây xử lý ngay. Anh Phát nhìn tôi, tôi biết ý nên xung phong đi ngay. Lần theo dây đến suối nước gặp anh em dỡ dây sửa cột chống, vì là dây trần qua nước phải dùng cọc chống nhưng thác rừng chảy quá mạnh làm cọc đổ. Đường dây thông, tôi về báo cáo và đề nghị anh cho rải quân giữ cọc.

Giờ nổ súng bắt đầu, hướng Cửu An, Eo Gió quán ta đã chiếm đầu cầu, vào trung tâm, đánh lộ cốt chỉ huy. Nhưng hướng Tú Thủy gặp khó khăn, ta không vượt qua được đột phá khẩu, vì súng địch ở hầm bắn vào cửa mở, ta bị thương vong nhiều. Anh ra lệnh vừa giữ đầu cầu, vừa xông lên vượt rào vào trong

đồn diệt lô cốt ngầm, tạo thuận lợi cho quân ta vượt qua đột phá khẩu tiến vào tung thâm. Lúc sau, được báo cáo, hầm đã bị thiệt hại, ta đã diệt lô cốt chỉ huy, bắt tù binh, thu vũ khí. Chúng tôi nhẹ nhõm thở phào...

Sáng hôm sau anh cho lệnh chuẩn bị đánh nốt Kon Hía, Thượng An và sẵn sàng đánh viện trên Đường số 7. Quả như dự đoán của anh, ta đã tiêu diệt Thượng An, Kon Hía và đơn vị lê dương đi cứu viện, tên chỉ huy người Pháp bị bắt sống tại trận.

Sau 10 ngày, anh gọi tôi đến và bảo: Chiến dịch sắp kết thúc, cậu về đơn vị, bàn với các huyện chuẩn bị chống càn, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân. Tôi chào anh ra đi, anh bảo sẽ gặp lại nhau trong chiến dịch sau.

Tôi rất đỗi ngạc nhiên trước khả năng của anh tính trước mọi tình huống và cách xử lý tình huống chính xác, sắc sảo và tự tin đến kỳ lạ.

Mùa thu 1953, tôi đang chỉnh huấn, thì được điện gọi về Quân khu gặp anh. Về đến Bộ tư lệnh, tôi đến thăm anh Đôn và đề nghị anh Đôn báo cáo Tư lệnh là tôi đã đến theo lệnh triệu tập của Tư lệnh. Hôm sau, anh gặp tôi tại nơi làm việc và giao nhiệm vụ cho trung đoàn tôi trong chiến dịch Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Anh nói: Trong Đông - Xuân năm nay, Thường vụ Liên khu ủy đã có chủ trương mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên; phạm vi chiến dịch gồm hai tỉnh Kon Tum, Gia Lai... Thời gian chiến dịch dài; lực lượng

tham gia chiến dịch có các Trung đoàn 803, 108, 120 và các tiểu đoàn độc lập. Trung đoàn 120 với lực lượng hiện có, được Quân khu tăng cường cho Tiểu đoàn 40 do anh Lựu làm tiểu đoàn trưởng, có nhiệm vụ tác chiến trên hướng phụ phối hợp với hướng chính của chiến dịch. Trung đoàn phải tập trung lực lượng diệt một số đồn ở nam bắc Đường 19, chặn và cắt Đường 14, đánh giao thông trên Đường 19. Lực lượng của các huyện phải tích cực diệt địch, phá ấp, phá kim và huy động nhân dân đứng lên giải phóng từng mảng.

Nghe xong, tôi hỏi anh: Thưa anh, nếu có thể cho biết hướng phát triển chiến dịch, nhất là các đơn vị chủ lực 803, 108. Anh suy nghĩ một lát rồi nói: Đúng đây, ta phải có dự kiến hướng phát triển để có chuẩn bị trước. Theo dự kiến thì chủ lực ta, sau khi đánh Kon Tum sẽ tiến vào Gia Lai, vượt Đường 19, vây Plây-cu và Cheo Rec, kéo địch ra khu vực Đường 19, Đường 14 và nam Plây-cu, Đường 7 để tiêu diệt. Cậu nhớ chuẩn bị đón mình ở bắc Kon-mơ-ha, và chuẩn bị cho bộ đội chủ lực vượt Đường 19. Tôi nhận lệnh, ra về đầy tin tưởng và phấn khởi nhưng cũng đầy lo lắng cho nhiệm vụ nặng nề sắp đến.

Tôi vội vã đi suốt ngày đêm về đơn vị để kịp triển khai chuẩn bị chiến dịch.

Đúng ngày quy định, Trung đoàn 120 chia làm ba cánh tiến công địch: cánh Đường 14, cánh bắc Đường 19, cánh nam Đường 19.

Cánh bác Đường 19 vì nắm không chắc địch đã tăng cường cho đồn khố đồ Đăk-đoa một đại đội Âu Phi và được cụm pháo chi viện, nên trận Đăk-đoa ta gặp khó khăn, không dứt điểm được. Đồng chí Lưu chỉ huy Tiểu đoàn 40 chuyển sang bao vây địch, chờ chi viện.

Chúng tôi báo cáo diễn biến tình hình và kết quả tác chiến của đơn vị cho Bộ tư lệnh chiến dịch, và được biết là chiến dịch đã giành thắng lợi to lớn và sẽ phát triển theo hướng đã định. Tôi cũng nhận được lệnh: cho đón Bộ tư lệnh chiến dịch ở hướng Kon-xô-hải - Kon-mơ-ha; phải tiếp tục bao vây đồn khố đồ Đăk-đoa, bám cụm pháo A-drôt để bảo đảm cho chủ lực vào tiêu diệt Đăk-đoa; chuẩn bị cho Trung đoàn 803 vượt Đường 19 vào phía nam đánh địch trên Đường 7.

Được điện, chúng tôi gấp rút tiến hành chuẩn bị, tăng cường việc bao vây địch, chuẩn bị sẵn chỉ huy cho Bộ tư lệnh chiến dịch, chuẩn bị các đoạn vượt Đường 19...

Tôi trực tiếp đi đón Bộ tư lệnh chiến dịch. Gặp anh Chánh, Tư lệnh chiến dịch, đang đứng lại bên bờ suối, tôi giờ bản đồ báo cáo tình hình địch, ta, đường đi... Sau đó, anh cùng chúng tôi ăn cơm nắm, chuyện trò vui vẻ như anh em thân thiết.

Từ đây, Bộ tư lệnh chiến dịch trực tiếp chỉ huy toàn lực lượng trên chiến trường Gia Lai; tôi được chỉ định vào Ban Tham mưu chiến dịch. Việc đầu tiên anh Chánh bàn với chúng tôi là kiên quyết tiêu diệt cứ điểm Đăk-đoa, cụm pháo tăng viện A-drôt,

tiến sát chốt Tray-ôn ở đồi ông Mậu, chuẩn bị vây Plây-cu. Có nhiều khó khăn nhưng phải quyết tâm thực hiện cho kỳ được.

Diệt xong Đăk-đoa, anh lệnh cho Trung đoàn 803 vượt Đường 19. Trước khi vượt đường, trinh sát và liên lạc đi chuẩn bị và bám địch trên đoạn vượt, gặp địch đánh tao ngộ, ta bị thương vong. Anh bảo tôi phải trực tiếp chuẩn bị lại và đưa Trung đoàn 803 qua đường ngay trong đêm, đồng thời tổ chức hậu cần cho 803; tổ chức bảo đảm hậu cần cho hai trung đoàn ở đoạn từ Bình Khê, Đồng Vụ lên Mỹ Thạnh. Tôi xin đưa Trung đoàn 803 qua đường, anh đồng ý ngay. Trung đoàn 803 vượt Đường 19 trong đêm thông suốt, an toàn. Hôm sau, trung đoàn tập kích ngay binh đoàn cơ động 100 tại Plây-ring diệt nhiều địch, thu nhiều súng.

Sau trận Plây-ring, anh trac đối với anh Chất và tôi: Thế nào địch ở An Khê cũng rút chạy. Ta cần bao vây chặt buộc chúng phải chi viện lớn để cứu An Khê, tạo điều kiện để ta tiêu diệt quân cơ động cứu viện và bọn địch rút chạy. Anh lệnh cho tôi dùng các đại đội địa phương của An Khê, Kon-mung, Đăk-pơt và du kích bao vây bắn tỉa địch ở An Khê. Tiểu đoàn 50 của Trung đoàn 120 cùng Trung đoàn 96 mới thành lập chuẩn bị tiêu diệt trên Đường 19. Đúng như dự đoán, dưới sự chỉ huy của Bộ tư lệnh chiến dịch, Trung đoàn 96 đã phục kích diệt gọn binh đoàn cơ động 100 và lực lượng địch ở An Khê rút chạy.

Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Anh gọi tôi về Bộ tư lệnh Quân khu nhận nhiệm vụ tiếp nhận quân nhân là anh em các dân tộc từ các chiến trường về để xây dựng thành Trung đoàn 120 mới và đi tập kết. Anh nói: Đây là vốn quý cho sau này.

Một hôm, tôi đi thăm đơn vị về, đồng chí tham mưu đưa điện cho tôi và nói: Tư lệnh Liên khu gọi anh về gấp. Tôi dùng xe đạp đi ngay về Bộ tư lệnh gặp anh Đôn tham mưu trưởng. Anh Đôn bảo tôi lên gặp anh Chánh ngay. Tôi lên gặp anh. Anh thân mật bắt tay và ân cần hỏi thăm gia đình, sức khỏe, rồi bảo tôi qua gặp anh Trương Quang Giao. Anh Giao thân mật tiếp tôi, rồi nói rõ ý định điều động tôi ở lại miền Nam, làm Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum. Tôi sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở lại. Tôi xin anh Giao cho về gặp anh Chánh, anh Đôn bàn việc xây dựng và chuẩn bị cho đơn vị đi tập kết...

Tôi về lại Bộ tư lệnh gặp anh Chánh, anh hỏi về việc gặp anh Giao. Tôi trình bày là Liên khu ủy bố trí tôi ở lại. Anh thân mật nói: Cậu đi tập kết và xây dựng đơn vị là tốt, nhưng việc cần của Đảng ở lại càng tốt. Ở lại chắc gian khổ, gay go. Anh và anh Đôn mời tôi ăn cơm. Bữa cơm đơn sơ nhưng trò chuyện kéo dài như bữa cơm gia đình, bữa cơm thăm tình đồng đội, đồng chí, tình anh em. Sau bữa cơm, trò chuyện vẫn kéo dài hồi lâu, chuyện chiến khu Ba Tơ, chuyện chiến dịch, v.v. Tôi xin về đơn vị. Anh đưa tôi một đoạn rồi nắm tay nhau hồi lâu, tôi xin phép tạm biệt anh và đưa nắm tay lên chào,

nhắc: "Hy sinh vì Tổ quốc", như ngày nào còn ở trong Đội du kích Ba Tơ mỗi khi gặp nhau.

Từ giá anh, tôi về đơn vị, đi vào vùng địch tiếp tục tranh đấu trong lòng dân.

Năm 1960, tôi được cử làm đại biểu dự Đại hội 3 toàn quốc của Đảng. Ra đến Hà Nội, Ban Thống nhất đưa vợ tôi đến gặp. Tôi hỏi vợ tôi có biết tôi ở lại miền Nam không? Vợ tôi nói: Lúc đầu thì không biết anh ở đâu. Em hỏi thì mọi người đều nói là anh đi học ở nước ngoài. Em bần khoản, học nước ngoài sao không có thư từ cho em. Nhưng sau đó anh Chánh nằm bệnh viện, cho gọi em đến nói rõ là anh ở lại miền Nam hoạt động. Anh Chánh khuyên em an tâm công tác... Và vợ tôi khóc nước mắt nói: Anh Chánh đã qua đời vì một cơn đau tim đột ngột.

Tôi vô cùng xúc động, bùi ngùi thương nhớ anh, người anh, người đồng chí, vị Tư lệnh cấp trên, người thầy đã dìu dắt mình trên đường cách mạng và trưởng thành như ngày nay.

T.K.

## GHI NHỚ VỀ ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH

HOÀNG ANH

*Nguyên Phó thủ tướng Chính phủ*

Trong vòng hơn 15 năm, từ năm 1942 đến năm 1957, tôi được gặp và cộng tác với đồng chí Nguyễn Chánh trong những hoàn cảnh khác nhau và mỗi lần gặp và cộng tác với đồng chí Nguyễn Chánh đều đã để lại trong tôi những ấn tượng rất sâu sắc không thể phai mờ.

Đầu năm 1941, sau một cuộc đấu tranh của tù chính trị ở nhà đày Lao Bảo, tôi và một số tù chính trị đã tham gia đấu tranh, trong đó có đồng chí Nguyễn Chí Thanh và đồng chí Tố Hữu, bị thực dân Pháp đưa lên nhà đày Buôn Ma Thuột. Nhà tù Buôn Ma Thuột là một nhà tù lớn, được xây dựng để giam những tù chính trị coi là nguy hiểm ở các tỉnh Trung Bộ. Vì vậy, ở đây có những tù chính trị vốn là cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhiều người đã từng được học tập lý luận về công tác vận động cách mạng một cách hệ thống, có người đã từng được học và tốt nghiệp ở trường quân sự Hoàng Phố ở Trung Quốc... Nhờ vậy, trong nhà tù

Buôn Ma Thuột chúng tôi có đủ thầy dạy để mở những lớp học về chính trị, về quân sự, về văn hóa... Đó cũng là cái may mắn trong hoàn cảnh không may của tù chính trị ở Buôn Ma Thuột cũng như ở các nhà tù khác.

Đoàn của chúng tôi lên Buôn Ma Thuột được khoảng ba tháng thì một đoàn tù chính trị từ nhà lao Quảng Nam - Đà Nẵng và nhà lao Quảng Ngãi, trong đó có đồng chí Nguyễn Chánh, bị đưa lên Buôn Ma Thuột. Tôi được gặp và quen với đồng chí Nguyễn Chánh và nhiều đồng chí Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi bắt đầu từ đó. Trong thời gian bị giam ở Buôn Ma Thuột, chúng tôi đã cùng nhau tham gia nghiên cứu học tập ở hầu hết các lớp học trong nhà tù lúc bấy giờ; cùng nhau tham gia tổ chức và tham gia hai cuộc đấu tranh lớn rất ác liệt trong nhà tù: cuộc đấu tranh chống việc nhà cầm quyền cắt giảm chế độ ăn của tù chính trị, buộc địch phải nhượng bộ vào giữa năm 1942, và cuộc đấu tranh phản đối tên giám ngục nhà lao bán chết 4 anh em tù chính trị trên đường chúng đưa các anh ấy từ Đăk-mil về Buôn Ma Thuột, buộc địch phải nhượng bộ, đuổi tên Mu-xin giám ngục nhà lao vào giữa năm 1943. Cuối năm 1943 tôi mãn hạn tù, bị địch đưa đi tập trung ở cãng Đăk-tô, tỉnh Kon Tum.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám, năm 1945 thành công, tôi làm Phó chủ tịch rồi Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đồng chí Nguyễn Chánh làm Ủy viên trưởng Quốc phòng trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Trung Bộ, cơ quan đóng

ở Huế. Chúng tôi lại có dịp gặp nhau và cùng cộng tác trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ, xây dựng lực lượng vũ trang của nhân dân ta. Chẳng được bao lâu, trước nguy cơ thực dân Pháp, trở lại xâm chiếm nước ta, đồng chí Nguyễn Chánh phải trở về Liên khu 5 lo việc chuẩn bị kháng chiến và lãnh đạo kháng chiến ở miền Nam; tôi ở lại Bình - Trị - Thiên và Liên khu 4. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, tôi chỉ được gặp đồng chí Nguyễn Chánh mấy lần trong dịp cùng nhau dự những cuộc hội nghị do Trung ương Đảng hoặc Bộ Quốc phòng triệu tập ở Việt Bắc.

Tháng 7 năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Sau khi tập kết ra miền Bắc, đồng chí Nguyễn Chánh được cử làm Tổng tham mưu phó rồi Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ thuộc Bộ Quốc phòng, tham gia Quân ủy Trung ương. Lúc này tôi được cử làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và Thường trực Quân ủy Trung ương. Chúng tôi lại gặp nhau và cộng tác với nhau trong các công tác: tập kết chuyển quân, thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đấu tranh chống dịch vi phạm Hiệp định, bảo vệ miền Bắc, xây dựng quân đội nhân dân từng bước lên chính quy, hiện đại... Trước những nhiệm vụ lớn, nặng nề rất phức tạp và khó khăn, và cũng quá mới đối với chúng ta, chúng tôi phải vừa học, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm tuy rất vất vả, khó khăn, nhưng rất vui vẻ và phấn khởi trước những thắng lợi chung

và kết quả bước đầu của mọi cố gắng của cá nhân và tập thể.

Đồng chí Nguyễn Chánh làm Tổng Tham mưu phó được một thời gian ngắn thì Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Tổng cục Cán bộ, một Tổng cục mới trong Bộ Quốc phòng. Đồng chí Nguyễn Chánh được Quân ủy phân công phụ trách việc tổ chức Tổng cục và Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Mọi việc đều phải làm từ đầu cho nên khó khăn vất vả còn tăng lên gấp bội. Lúc này đồng chí Nguyễn Chánh không được khỏe nhưng vẫn cố gắng không kể ngày đêm, nghiên cứu suy nghĩ, phát huy khả năng và trí tuệ của tập thể các đồng chí lãnh đạo, cán bộ trong Tổng cục; xây dựng tổ chức và nội dung công tác của Tổng cục. Nhờ vậy, hoạt động của Tổng cục đã nhanh chóng đi vào nề nếp, góp phần xứng đáng vào việc chấn chỉnh và xây dựng lực lượng vũ trang của chúng ta từng bước tiến lên.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và chặt chẽ của Trung ương Đảng, của Bác Hồ, cuối năm 1956 và đầu năm 1957, kế hoạch khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa ở miền Bắc nước ta được thực hiện thuận lợi, các mặt công tác trong quân đội đều tiến triển tốt. Để nghiên cứu và học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em về công tác xây dựng quân đội lên chính quy, hiện đại, Quân ủy Trung ương đã quyết định tổ chức một đoàn cán bộ cao cấp của Quân ủy và Bộ Quốc phòng đi nghiên cứu và học tập kinh nghiệm xây dựng quân đội ở nước Cộng

hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Trong cuộc họp để quyết định số người đi tham quan và phân công người phụ trách công việc ở nhà (trong nước), đồng chí Nguyễn Chánh đã đề nghị để một mình đồng chí thay mặt Quân ủy lo mọi việc ở nhà, các đồng chí khác trong Quân ủy và lãnh đạo Bộ Quốc phòng cần tranh thủ đi nước ngoài một chuyến học tập kinh nghiệm để về mà làm. Đề nghị của đồng chí Nguyễn Chánh được Quân ủy Trung ương đồng ý. Và mọi việc cần thiết như bố trí công việc ở nhà và tổ chức đoàn cán bộ đi tham quan được tiến hành khẩn trương. Nhưng giữa chừng, vì một cơn bệnh tai ác, đồng chí Nguyễn Chánh đã vĩnh viễn xa chúng ta, lúc sáng sớm ngày 24 tháng 9 năm 1957, để lại cho chúng ta muôn ngàn thương tiếc!

Đồng chí Nguyễn Chánh mất đi là một tổn thất lớn cho Đảng, cho Nhà nước và quân đội ta, tất cả chúng tôi đều sừng sốt và vô cùng đau xót.

Tôi được sống và cộng tác với đồng chí Nguyễn Chánh trong những hoàn cảnh khác nhau: lúc miệt mài nghiên cứu, học tập về chính trị, quân sự, văn hóa trong tù ngục; lúc sát cánh bên nhau hứng chịu những đòn khủng bố đẫm máu của địch trong những cuộc đấu tranh trong tù; lúc được Đảng và Nhà nước giao cho những trọng trách, đồng chí Nguyễn Chánh luôn là một tấm gương sáng: một người đảng viên cộng sản dũng cảm, kiên cường, một người cán bộ lãnh đạo sáng suốt và giản dị được mọi người tin

tưởng, gần gũi và yêu mến. Đối với cá nhân tôi thì những lần gặp và cộng tác với đồng chí Nguyễn Chánh đã để lại trong tôi những ấn tượng hết sức đẹp và sâu sắc, đó là sự tin cậy và lòng mến phục.

H.A.

## MỘT CON NGƯỜI RẤT "CON NGƯỜI"

TRẦN QUỲNH

*Nguyên Phó thủ tướng Chính phủ*

Tôi có hai thời gian được làm việc gần anh Nguyễn Chánh: thời kỳ đầu năm 1948 - 1949, tôi là Trưởng phòng Chính trị, Bộ tư lệnh Liên khu 5, anh Chánh là Chính ủy Liên khu.

Sau một thời gian anh Vinh, bác sĩ khám, xác định tôi bị lao phổi, là một bệnh hồi ấy coi là nan y. Các anh đề nghị cho tôi ra Việt Bắc, để tìm cách ra nước ngoài chữa. Nhưng không hiểu sao khi đến Việt Bắc tự nhiên lại thấy khỏe ra. Tôi đến chỗ anh Nguyễn Chí Thanh. Anh Thanh bảo chắc là các cậu trong ấy chẩn đoán nhầm, và định giữ tôi ở lại làm việc ở Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị. Nhưng tôi xin và được đồng ý, các anh cho tôi trở về Khu 5. Tôi về, tham gia Thường vụ Liên khu ủy, làm việc tại Liên khu 5. Lúc này anh Chánh là Bí thư Liên khu ủy, Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5.

Về công tác chắc nhiều đồng chí khác đã nói. Tôi chỉ xin nói đôi điều suy nghĩ của tôi về con người anh Chánh.

Trong xây dựng quân đội, tôi thấy anh Chánh luôn coi trọng hàng đầu công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang. Điều này đã thể hiện rõ ngay từ ngày đầu trứng nước của lực lượng vũ trang Khu 5, khi anh đảm nhiệm việc lãnh đạo Đội du kích Ba Tư. Có lẽ do anh đã học được sâu sắc từ những năm tháng ở tù Buôn Ma Thuột, nơi các đồng chí chúng ta đã thực sự biến nhà tù thành trường học. Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang Liên khu 5 cũng là quá trình xây dựng và trưởng thành của tổ chức và sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Với cương vị Chính ủy Liên khu, anh luôn luôn nhắc nhở, theo dõi và kiểm tra sát sao công việc của Phòng Chính trị trong nhiệm vụ này. Anh quy định rõ định kỳ Phòng Chính trị phải báo cáo với Chính ủy về công tác đảng, về số lượng và chất lượng kết nạp đảng viên, về phương thức tổ chức và hoạt động đảng bộ các cấp...

Thời tôi công tác ở Phòng Chính trị Liên khu, có nhận định công tác phát triển Đảng của ta có phần hẹp hòi, và có chủ trương mở rộng phát triển Đảng trong quần chúng... Về sau, đến chính huấn 1952, lại có ý kiến phê phán như thế là rộng quá và lỏng lẻo, cần phải uốn nắn lại...

Trong công tác cán bộ, anh Chánh đặc biệt quan tâm đến anh em trí thức. Anh coi trọng trí thức, thực sự tôn trọng anh em, chân thành tin tưởng và sử dụng trí thức. Qua cách bố trí cán bộ trong cơ quan chính trị, Bộ tư lệnh Liên khu 5 hồi đó thì rõ: các anh Ưu Đạo, Đinh Nho Bát, Dương Minh

Đấu, Mai Xuân Xanh ở Tuyên huấn, anh Cấn, anh Lê Hòa ở Địch vận, v.v. đều là trí thức, nhiều người là sinh viên và đều giữ những trọng trách. Ở cơ quan tham mưu và ở cương vị chỉ huy các đơn vị chủ chốt của Liên khu cũng vậy... Ngày nay điều này có thể là bình thường, nhưng thời ấy có thể nói đó là chuyện lạ, chứng tỏ một con người có tầm nhìn xa và rộng. Bạn bị trăm công nghìn việc nhưng anh vẫn thường sắp xếp thời gian, gặp gỡ tâm tình với anh em cán bộ trí thức. Anh bảo rằng các anh em này phần lớn quê ở Bắc, đi chiến đấu xa quê hương là hy sinh rất nhiều, anh lại là những người học rộng, thường có nhiều ý kiến hay, ta cần lắng nghe, bởi anh em thường có nhiều suy nghĩ tinh tế, ta cần hiểu để thông cảm và giúp đỡ anh em.

Lúc bấy giờ ở Khu 5 có một đồng chí cán bộ cấp cao khác, tác phong làm việc khác hẳn. Anh ấy bao giờ cũng có một lịch làm việc hàng ngày, hàng tuần đặt trên bàn, ngày nào, làm việc gì, hẹn gặp ai, gặp bao nhiêu phút... đều ghi trước rõ ràng. Khi một cán bộ được hẹn đến làm việc, anh ấy đặt đồng hồ ra trước mặt bàn, hết giờ quy định mà anh cán bộ nọ trình bày chưa xong, anh cũng cắt ngang ngay, bảo: Thôi hết giờ rồi...

Anh Chánh thì không thế. Anh biết lắng nghe, chịu khó ngồi nghe anh em, thậm chí khi thấy cán bộ cấp dưới lúng túng, khó nhọc, anh còn tìm cách khéo gợi cho anh em nói, bộc bạch. Người ta đến với anh Chánh như đến với một người anh.

Anh Chánh đặc biệt có cách nói rất hấp dẫn, riêng tôi thấy giống như kiểu nói của anh Nguyễn Sơn: mạch lạc, chặt chẽ, mà sinh động và hết sức chân tình, nghiêm khắc nhưng lại đầy độ lượng.

Tôi cũng xuất thân là trí thức, nhưng tôi tự thấy không thể nói chuyện sâu sắc và hay được như anh. Tôi nhớ trong các đại hội thi đua, anh nói say sưa, xúc động và sâu sắc trước những tấm gương anh hùng của nhân dân, của chiến sĩ. Mỗi chiến sĩ thi đua điển hình thường được anh đặt cho một danh hiệu rất chính xác, thú vị, vừa nêu lên được đặc điểm của con người ấy, vừa dễ nhớ, dễ đi vào lòng người.

Hồi bấy giờ có chủ trương xây dựng phong trào vui nhộn trong bộ đội để tạo không khí lạc quan trong sinh hoạt và chiến đấu. Hưởng ứng phong trào đó, đời sống bộ đội quả có vui, cởi mở, thoáng đảng hơn, nhưng cũng có anh em tếu quá trớn, đôi khi thành tục tĩu. Anh Chánh không mắng, anh chỉ khuyên phải có chừng mực, vui nhưng đừng tục và phải biết giữ gìn tư cách người lính cách mạng. Anh bảo: Vui là cần, không thể thì sống sao nổi trong chiến đấu gian khổ, ác liệt đến thế này... Anh Chánh rất khuyến khích phong trào văn nghệ để vui sống đánh giặc. Bài hát "Du kích Ba Tư" của Dương Minh Viên. "Bài ca tự túc" của Lưu Trùng Dương, bài "Tây Nguyên hành khúc" của Đức Tùng, đó là những bài hát do chính anh Chánh "đặt hàng" với tác giả và anh tham gia đặt lời bài hát.

Bảy giờ bộ đội đóng trong dân, được dân rất thương yêu đùm bọc. Nhưng cũng có những hiện tượng quan hệ bất chính với phụ nữ địa phương. Có một số cán bộ, chiến sĩ mắc phải bị kỷ luật, có người bị bắt giam "cải hối thật". Thực ra "cải hối thật" chẳng qua chỉ là giữ lại trong một phòng ở nhà dân, đóng cửa lại, không cho ra. Nhưng có những lúc diễn ra cảnh anh ở trong, á ở ngoài, qua song cửa, tiếp tục tăng tịu với nhau. Còn đồng bào thì quá thương bộ đội, có khi tự tìm đến cấp chỉ huy, xin cho anh em. Biết những chuyện đó. Anh nói: "Tất nhiên không được loạn xạ, nhưng đừng quá khắt khe với anh em. Anh em còn trẻ, thiếu thốn, những chuyện như vậy không có gì là nghiêm trọng, ta không khuyến khích, nhưng cũng đừng quá gay gắt. Nên thả anh em ra, anh em đã biết lỗi thì xin lỗi chủ nhà..." và anh còn nói: "Mình hồi thanh niên thì cũng như tụi nó thôi chứ gì, chỉ vì nhiệm vụ mà cố tự kiềm chế. Phải hiểu anh em"... Anh có một lòng thương người chân thật, thương người, vì sự nghiệp chung.

Là người chỉ huy ở cấp cao, anh quan tâm đến cái ăn, cái mặc của người chiến sĩ. Ở Khu 5 hồi đó có phong trào dệt vải xi-ta tự túc phổ biến, và đã đạt đến trình độ cao, như xi-ta chỉ đánh, anh em ở các chiến trường, ngay ngoài Bắc hồi đó được một bộ xi-ta chỉ đánh là quý lắm. Rét thì có phong trào may áo trấn thủ cho chiến sĩ...

Tuy bận trăm công nghìn việc nhưng anh vẫn luôn chú ý chăm lo tới đời sống bộ đội đến nơi đến chốn, tìm hiểu kỹ càng nhu cầu của anh em để có

chủ trương, biện pháp cụ thể, và kiểm tra chặt chẽ. Có lần động viên bộ đội đi làm nhiệm vụ vũ trang, tuyên truyền ở Hạ Lào bộ đội ta chưa hiểu, hết sức khó khăn, gian khổ; phong tục, tập quán của bà con, anh dặn dò rất kỹ. Có lần anh Chánh hướng dẫn anh em mỗi người cần có một ống tre nhỏ đeo bên hông, trong đó đựng tro, lất được con nhái, con tắc kè... thì bỏ vô đó. Bà con Hạ Lào coi đó là món ăn quý, có khách thân thiết lắm mới lấy ra mời ăn... Làm theo lời anh dặn, bộ đội ta được đồng bào tin yêu, mến phục và giúp đỡ nhiều trong công tác và chiến đấu trên đất bạn.

Anh là một vị tướng, một người lãnh đạo tài năng, nhưng có lẽ điều quý giá không kém ở anh còn là ở chỗ anh là một con người "rất con người". Điều đó có khi còn khó hơn, càng giúp phát triển tài năng của anh nhiều lần.

T.Q.

## THỜI NIÊN THIẾU VÀ THỜI THANH NIÊN SÔI NỔI

PHẠM THỊ TRINH

### *Quê hương - gia đình*

Anh Nguyễn Chánh quê ở xã Thọ Lộc (nay là Tĩnh Hà), huyện Sơn Tĩnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Từ thế kỷ XVII, cụ Nguyễn Cư Trinh đã ca ngợi Quảng Ngãi là "Gấm Thành". Thành Gấm ấy từ xưa đã nổi tiếng có mười hai cảnh đẹp. Anh Chánh thường nói một cách tự hào: Làng mình cũng được xếp vào một trong mười hai cảnh đẹp đó, ấy là "Hà Nhai Vân Độ". Anh Chánh bảo: Quảng Ngãi như thế, làng quê mình như thế, làm sao không yêu quý tự hào được.

Anh Chánh cũng thường nói về cuộc sống và tính cách con người Quảng Ngãi. Theo anh, dân Quảng Ngãi sống trên mảnh đất bạc màu, có vùng chỉ toàn cát trắng, người nông dân phải vất vả hoi dãi lấy bát cơm, nên bản chất con người ở đây tần tiện, sống khuôn khổ, kỷ luật, quen cùng nhau chung sức đấu tranh với thiên' nhiên, với giai cấp bóc lột và

bọn cầm quyền áp bức. Tính riêng của từng con người như vậy đã hợp thành tính cách chung của quê hương Quảng Ngãi.

Nói về quê hương, anh Chánh bao giờ cũng đầy lòng tự hào, nhưng cũng hay hóm hỉnh. Anh cũng thường hay nhắc đến nhược điểm của bà con quê mình. Tôi nhớ sau ngày tập kết ra Bắc, tôi được điều về nhận công tác tổ chức ở Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương, anh Chánh cười cười trêu tôi:

- Người Quảng Ngãi mình về Trung ương toàn được bố trí làm công tác tổ chức, kiểm tra, thuế vụ, bảo vệ, để giữ người và giữ của cho Đảng, cho Nhà nước, em thấy không? Nhưng em nhớ đừng mang cái tính cứng nhắc hẹp hòi của người Quảng Ngãi mình mà áp dụng vào công tác tổ chức là hỏng hết đấy nghe!...

Anh Chánh cũng thường nói về truyền thống đấu tranh anh hùng của quê hương và anh bảo tôi, người đầu tiên đã dạy anh về truyền thống đó ngay từ những ngày anh còn rất nhỏ chính là mẹ anh. Anh bảo chính mẹ anh đã dạy cho anh biết rằng: "Con người đất Quảng mình vốn thông minh, hiếu học, thích việc nghĩa, trọng khí tiết, không khuất phục trước uy vũ". Quê hương đã sinh ra bao nhiêu vị học sĩ, hàn lâm, cử nhân, tú tài nho học. Từ khi Pháp đến xâm lược nước ta, các cụ đã đứng lên lãnh đạo nhân dân liên tiếp làm nhiều cuộc bạo động, chống Tây xâm lược và chống triều đình phong kiến bán nước. Hàng chục cụ cử nhân, tú tài đã bị quân giặc xử chém, bêu đầu, nhưng phong trào vẫn liên tiếp bùng nổ không ngừng, thua keo này lại bày keo khác.

Mẹ anh đặc biệt nói nhiều đến cuộc khởi nghĩa do cụ cử nhân Lê Trung Đình lãnh đạo, dùng kế nội công ngoại kích đánh cướp thành Quảng Ngãi. Lúc xung trận, cụ cử Đình mặc áo bào cưỡi ngựa kéo quân đến cổng thành, tư thế oai phong lẫm liệt. Tên nịnh thần Nguyễn Thân báo với quan thầy và cùng bọn Pháp xả súng bắn vào đám quần chúng đang xông lên. Cụ cử Đình bị địch bắt và sau đó bị chém, nhưng vẫn hiên ngang cho đến phút cuối cùng trước lưỡi gươm của quân thù...

Anh Chánh cũng rất khâm phục các anh Tây học, như các anh tú Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm cũng giàu lòng yêu nước và đầy khí phách anh hùng không thẹn với các bậc cha anh nho học. Anh Trương Quang Trọng là Bí thư Thanh niên cách mạng đồng chí Hội từ năm 1929. Anh Nguyễn Nghiêm là Bí thư Đảng Cộng sản ở Quảng Ngãi từ năm 1930.

Bị sa vào tay địch, bị chúng kết án tử hình, ra pháp trường, anh Nghiêm vẫn hiên ngang hô khẩu hiệu và chửi vào mặt bọn cướp nước, khiến tên đao phủ run sợ, phải chém anh tới mười tám nhát gươm mới gục.

Anh Trọng bị kết án hai mươi năm tù và bị đày ở Kon Tum cùng nhiều đồng chí khác. Anh Trọng đã lãnh đạo anh em trong ngục Kon Tum đứng lên đấu tranh quyết liệt chống chế độ tàn ác của kẻ thù đối với tù nhân. Bọn giặc xông vào đàn áp. Chúng hỏi:

- Ai là Trương Quang Trọng?

Anh Trọng đứng lên:

- Tao đây!

Chúng hô:

- Bắn!

Anh Trọng phanh ngực. Chúng bắn anh ngã xuống.

Anh khác đứng lên xưng là Trọng, lại bị chúng bắn... Lần lượt tám anh đã hy sinh như vậy. Trong sách "Ngục Kon Tum" anh Lê Văn Hiến đã kể lại sự kiện lịch sử bi tráng này và ghi nhiều bài thơ ca ngợi khí phách anh hùng của tám đồng chí. Anh Chánh thường đọc đi đọc lại:

*"Khí xung mât vía phường cai trị*

*Máu đỏ kinh hồn bọn sếp lao..."*

Anh Chánh rất tâm đắc những câu thơ ấy, và anh nói: "Làm người phải như thế, phải là "người biết tử sanh"...".

Đất Quảng Ngãi, thành gấm và truyền thống quê hương giàu nghĩa khí đã hun đúc con người anh Nguyễn Chánh từ tuổi ấu thơ như thế đó.

Gia đình anh Chánh gọi là trung nông, nhưng kỳ thực chỉ có mấy sào vườn chứ không có ruộng.

Ông nội anh Chánh thường gọi là ông "Chánh Bờ". Làm chánh tổng nhưng ông lại nổi tiếng là người hiền lành, phúc hậu, được nhân dân rất kính trọng, yêu mến. Đặc biệt là bà con thường bảo: "Ông Chánh

Bồ con người nhỏ thó, nhưng khôn lạ, thương dân, yêu nước và có tài nói rất hay, đầy sức thuyết phục lòng người. Hễ nơi nào giữa bà con nông dân có tranh chấp, va chạm, là thấy ông đến, khuyên giải, giảng hòa, và ông đã nói thì con kiến trong lỗ cũng phải bò ra". Ông làm chánh tổng nhưng trong phong trào kháng thuế hồi bấy giờ ông lại có hai người con trai đi xin thuế cho dân bị bắt, bị tù.

Cha anh Nguyễn Chánh tên là Nguyễn Chức, bà con ở quê thường gọi là ông Tư Cổ. Ông có nho học và có tham gia phong trào Văn Thân. Về sau ông làm thầy thuốc bắc và thầy đốt (tức một kiểu châm cứu bằng cách đốt thuốc ở các huyệt), vừa lao động âm vườn và vỡ hoang trồng thuốc lá. Ông là một con người hiền lành, khoan hòa rất thương người và tính tình rất rộng rãi. Là anh cả trong gia đình, ông ôm cả đàn em vào lòng, đùm bọc nuôi nấng từ chừa bé cho đến lúc trưởng thành. Đối với em út, vợ hàng như thế đã đành, ông còn mở rộng vòng tay với mọi người. Ông nuôi các đồng chí hoạt động cách mạng và các thầy lang từ Thanh Hóa hay từ Bắc vào như các ông Đặng Bắc, thầy Cừ. Các cụ in ở tại nhà ông bốn, năm năm liền mà ông không hề lấy một đồng tiền cơm. Những người lỡ cơ lỡ vận, không có việc làm, những người lỡ đường đêm tối... đều coi nhà ông như một thứ quán trọ "miễn phí".

Ông bà sinh tám lần nhưng còn sáu người con, bốn gái, hai trai. Trong phong trào 1930-1931, ba người phải đi tù: anh Nguyễn Tải bị kết án 9 năm tù, đày ở Buôn Ma Thuột; chị Nguyễn Thị Hương

tham gia biểu tình bị chúng bắn gãy xương đùi và kết án 3 năm; anh Nguyễn Chánh, án tù 3 năm, vì anh khai mới 14 tuổi, còn tuổi vị thành niên...

Bên ngoài anh Chánh gốc ở xã Trường Xuân, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi. Ông ngoại anh họ Trương, bà con thường gọi là ông Cả Xề. Gia đình họ Trương là dòng nho học và có truyền thống văn chương. Ông cụ có năm người con, ba trai hai gái, người nào cũng hay thơ phú. Ba người con trai, tức ba ông cậu ruột của anh Chánh đều là học sĩ, tú tài nho học, thường gọi là Học Bốn, Tú Sáu, Tú Mười. Người ta vẫn đồn giai thoại cậu Tú Mười ốm sắp chết, cầu Tiên xin thuốc, Tiên lên cho bài thơ nào cậu họa ngay bài ấy. Bài thơ cuối cùng, Tiên khẳng định cậu chết nên cho mấy câu:

*"Mây đã nên mây đã nên*

*Đền sách trăm năm có lúc đền..."*

Mẹ anh Chánh, bà Trương Thị Nhẫn, là một phụ nữ có nho học, phong nhã, thông minh và nhiều dũng khí. Tiếng đồn bà không hề biết sợ ai, thường dùng thơ đá kích vạch mặt bọn quan lại hống hách, bọn thống lý vì háms tiền mà xúi con cháu giết nhau, bọn địa chủ tàn bạo giết cả vợ con...

Hồi mới mười hai tuổi đầu, tôi cũng đã thuộc lòng cả bài vè của bà lên án chánh Bôn ở xã Thọ Lộc, Sơn Tịnh xúi cháu ruột giết mẹ cả và anh ruột để cướp ruộng đất. Bài vè nổi tiếng, khắp huyện Sơn Tịnh đều thuộc lòng.

Quả đó là một người phụ nữ có tính cách mạnh mẽ, luôn quan tâm và lên tiếng về những nghịch cảnh xã hội quanh mình.

Bà cũng là một con người có tâm hồn thơ lai láng, thích du ngoạn đó đây vui thú sơn hà. Nghe đồn "cù lao Lý Sơn đẹp hơn cả Kinh đô", bà thuê thuyền vượt biển đến ngắm chơi tận nơi. Bà đến Lý Sơn, bọn hương lý sinh sự chòng ghẹo, bà liền làm thơ chửi lại chúng. Tôi vẫn còn nhớ mấy câu mở đầu và kết bài thơ:

*'Sực nhớ lời cô nói với mình  
Cù lao xứ ấy đẹp hơn Kinh...'*

và:

*"Chòm ong nhóm kiến đều sanh sự  
Lạc lối đào nguyên mặc kẻ khinh..."*

Người phụ nữ tài hoa ấy qua đời lúc mới tròn năm mươi tuổi.

Gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến con người và cuộc đời anh Nguyễn Chánh: Khí tiết hào hùng kết hợp với đạo nhân nghĩa của bên nội, và sự phong nhã tài hoa nhuần nhuyễn với khí phách xã hội của bên ngoại...

#### *Thời thơ ấu:*

Anh Chánh lúc nhỏ có tên là Nguyễn Hiệp, nhưng đó là tên chỉ trong gia đình biết với nhau thôi, còn bà con hàng xóm thì chỉ vẫn quen gọi anh là anh Nguyễn Chín, vì anh là con út, thứ chín trong nhà.

Về sau, khi bị địch bắt, qua các lần tra tấn, hỏi cung, anh khai tên là Nguyễn Chánh. Cái tên ấy có từ năm anh 17 tuổi, được ghi trong hồ sơ của bọn cầm quyền và đã gắn bó với anh suốt cuộc đời chiến đấu.

Từ khi tôi về với anh, tôi thường được nghe chị Năm tức vợ anh Tài, chị dâu tôi, và chị Ba, chị Bảy, hai người chị ruột của anh kể nhiều về anh. Các chị kể: Thằng Chín hồi mới sinh ra nó yếu lắm nên được cha mẹ thương nhất và chăm lo cho nó tận tình nhất. Cả nhà cũng cưng chiều nó lắm. Nó càng lớn lên thì tình thương yêu đó càng tăng lên gấp bội, bởi nó là đứa rất ngoan, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu anh chị em. Là đứa nhỏ nhất nhà nhưng thằng Chín lại là sợi dây đoàn kết gắn bó cả gia đình. Cứ mỗi lần trong gia đình có việc va chạm, nó tham gia ý kiến là êm cả, ai cũng nghe theo nó.

Anh Tài, anh cả của anh Chánh thường nói: Thằng Chín quá ham học, nó là học sinh giỏi ở trường rồi mà về nhà nó còn rủ các bạn tổ chức lớp học thêm, cha mẹ phải mời thầy Rôm bên kia sông sang dạy. Hồi ấy có Nguyễn Á, con Canh, con Tám Trinh, Hai Chinh cùng học...

Chị Tám Trinh kể lại: Anh Chín hồi nhỏ học thông minh nhất lớp. Có hôm xong buổi học, thầy Rôm ra về rồi, anh rủ chúng tôi ở lại, rồi anh truy bài từng đứa như thầy dạy phụ vậy. Ai tiếp thu kém anh lại giảng thêm cho ghi lại. Ai làm bài sai anh cho giấy làm lại bài. Có bạn quá nghèo, anh cho cả

vở để học. Tôi ở gần nhà hay sang chơi với anh nghe bác gái hỏi anh: Sao con học chóng hết giấy vậy? Anh Chín bảo: Con cho bạn mượn vì bạn làm bài sai mà không có giấy làm lại, mẹ đừng nói lại mẹ bạn sẽ đánh bạn...

Chú Nguyễn Thành Nghi thì kể: Tôi không bao giờ quên được những ngày còn nhỏ ấy. Tôi và anh Chín đi học cùng lớp ở trường làng, hai anh em đều không dép, không guốc. Một bữa đi học về, tôi đạp phải cây gai sâu quá không đi được nữa. Anh Chín bỏ cặp xuống bảo tôi cầm rồi ghé vai cồng tôi về nhà. Tôi thấy anh sức yếu quá, bảo anh cứ để tôi cố lết về nhà, nhưng anh nhất định không chịu. Anh cứ vậy mà cồng tôi đi, khi mệt quá thì đặt tôi xuống nghỉ một lúc rồi lại hi hục cồng tôi. Về tới nhà, người lớn đi vắng cả, anh bảo tôi ngồi đó chờ, anh chạy tìm bác Ba sang lễ hộ. Anh còn đi lấy cơm cho tôi ăn và nước đường cho tôi uống...

Ngày hai anh em chúng tôi đi thi sơ học yếu lược, vào môn vấn đáp, thầy giám khảo hỏi anh Chánh:

- Tại sao người ta lập đền miếu để thờ?

Anh trả lời:

- Thưa thầy, đó là xưa bầy, nay làm, chứ con nghĩ không có ma quỷ thần thánh nào cả.

Câu trả lời khiến thầy giám khảo rất ngạc nhiên.

Tôi cũng ngạc nhiên hỏi anh tại sao anh trả lời như vậy, anh bảo: Mình trả lời thế là đúng. Cụ Phan Chu Trinh đã kêu gọi dân chủ, dân quyền, báo chí thời mới, thơ văn cách mạng viết theo kiểu tân tiến,

tẩy chay thủ cựu hủ bại, chống mê tín dị đoan, em không nhớ bài thơ cụ Phan ở nước ngoài gửi về sao?

Anh Tài kể rằng, hồi đó cha mẹ rất ghét Tây nên khi anh Chánh học hết sơ học yếu lược (tương đương cấp 1 hiện nay) cha mẹ bắt anh đi học chữ nho, mà anh cũng thích như vậy. Anh Chánh học chữ nho của thầy Tú Trầm ở làng bên. Chữ nho rất khó học, nhưng anh tiếp thu rất nhanh, đi học về lại hỏi thêm mẹ, thêm anh chữ này chữ khác. Mẹ thường bảo: Nó hỏi, trả lời cũng đủ mệt! Mẹ có lần nói với thầy Tú Trầm khuyên anh nên học vừa thôi, anh sức yếu quá ham học thế sợ ốm mất.

Học ở lớp về, anh Chánh còn lân mò đi mua tự điển về tra cứu thêm, mua truyện Tam Quốc về đọc. Trong các nhân vật ngũ hổ, anh thích nhất Triệu Tử Long. Anh cũng rất ca ngợi Gia Cát Lượng. Đọc hết truyện rồi, anh tập hợp các bạn lại đóng tuồng. Anh với chú Xi thường đóng đào kép đỏ, cũng có khi sắm vai Khương Linh Tá, Đổng Kim Lan...

Nghe anh Tài kể chuyện có lần tôi cười hỏi anh Chánh: "Hồi nhỏ anh đi học mà lại mê đóng tuồng, vậy bỏ học à?" Anh bảo: "Mình vừa học, vừa chơi như thế đâu óc mới sáng sửa chứ. Mình còn học cả võ nữa, môn võ Tàu Ngọc Trản, mình đánh rất thạo, múa kiếm cũng khá. Trò chơi của mình hồi đó lôi cuốn cả người lớn theo, chú Một, chú Hai, anh Xá Thám cũng nhập bọn với tụi mình. Ông Chương thích quá, mời đãi cơm cả bọn...".

Anh Chánh còn tổ chức bơi lội. Anh bảo tôi: Chính nhờ tập và biết bơi lội giỏi nên về sau, năm

1930, anh tham gia hoạt động cách mạng, dịch vây cả nhà, cả làng, anh đã vác bó tài liệu bí mật nhảy ùm xuống sông ở đoạn này rộng và sâu lút của cây sào, vượt qua bên kia sông, thoát được...

Khi tôi về làm dâu nhà anh Chánh, ông già anh thường bảo tôi: Mẹ mày sinh thời ngoài chuyện làm thơ ra thì tất cả là vì thằng Chín. Nó là đứa cũng ham thích thơ văn nên nó thích bên ngoại. Đặc biệt nó rất ca ngợi cậu Tú Mười, khi ốm nặng, gia đình cầu Tiên để xin thuốc, nằm trên giường bệnh cậu họa thơ với Tiên cho đến lúc chết...

Sau khi cậu Tú Mười mất, mẹ anh Chánh cứ nghĩ cậu thông minh quá nên chết sớm, mới ngoài 20 tuổi, bà rất lo cho anh Chánh cũng sớm phát lộ thông minh như vậy. Bà mời thầy Cừ là một thầy thuốc nổi tiếng ở Bắc vào bốc thuốc cho anh Chánh uống. Thầy Cừ bốc thuốc, rồi còn xem tướng số. Xem tướng anh Chánh, ông nói:

- Thằng này là đứa trẻ thông minh đặc biệt, lớn lên nó sẽ làm quan to. Nhưng tuổi thọ của nó chỉ đến năm mười là cùng...

Gia đình anh Chánh rất quý thầy Cừ, mời thầy ăn ở ngay trong nhà mấy năm liền. Thầy Cừ dạy cho anh Chánh cả phương pháp châm cứu, đốt chữa người bại liệt, anh Chánh học và đã làm được.

Khi thầy Cừ về Bắc, anh Chánh xin thầy để lại cho bộ sách thuốc chữ nhỏ, thầy đồng ý. Anh Chánh nổi nghiệp thầy, cũng đã chữa lành bệnh cho nhiều

người, đến nỗi lúc đó anh mới 15 tuổi mà đã được bà con chòm xóm gọi là "thầy đốt nhỏ".

Ông cụ anh Chánh bảo tôi: Thăng Chín hồi nhỏ sức yếu nhưng rất hiếu động, cái gì cũng thích học hỏi, thích làm, mà đã làm thì làm đến nơi đến chốn chớ không khi nào bỏ cuộc dở chừng. Nó học chữ nho, hay theo các cậu và mẹ mà làm thơ, nên có chịu nhiều ảnh hưởng đạo lý nho giáo. Nó làm cả thơ để nói về cái đạo lý ở đời. Mẹ mà ra cho nó bốn chữ "Quân, Sư, Phụ, Hữu", bảo nó làm bài thơ.

Ông cụ đọc cho tôi nghe một bài thơ anh Chánh làm từ hồi ấy:

*"Quân sư phụ hữu, ấy vì ai  
Chữ ấy về tôi có một vai  
Vì nước lao đao còn gánh nặng  
Vì thầy bận việc phải xía vai  
Vì ơn cốt nhục vàng không nhọc  
Vì nghĩa đồng bào đá chẳng phai  
Gánh nợ non sông thân bầy thước  
Ở sao cho trọn đạo làm trai..."*

Ông cụ bảo ngày cụ Phan Chu Trinh về nước, anh Chánh cứ đi mua sách báo, thơ ca yêu nước về, rồi tập hợp gia đình, chòm xóm lại đọc cho mọi người nghe. Ngay cả các lão Trùm Phượng, lão Cán, Trần Hào, Năm Ám, Bốn Kiềm cũng đến nghe. Anh Chánh và chú Xi thay nhau đọc các sách Tiếng chuông truy hồn, Hồi trống tự do, Quốc gia huyết lệ, Nam quốc

dân tu tri, Nữ quốc dân tu tri... Đọc sách rồi đọc thơ cách mạng.

Ông cụ bảo: Mẹ mày nghe không cầm được nước mắt, bà khóc, nó cũng khóc, khóc rồi lại đọc, tao vừa buồn cười vừa thương hai mẹ con. Nhờ đọc sách cách mạng, yêu nước nhiều nên nó hiểu biết sớm, lúc nào cũng nói đến độc lập tự do và căm thù bọn Pháp xâm lược...

Năm anh Chánh 15 tuổi, anh Tải đưa về nhà các anh Hồ Độ, Võ Sĩ, Nguyễn Tín, chị Trần Thị Hiệp và một số anh chị khác. Đó là các anh chị Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đi "vô sản hóa" ở nhà máy Ba Sơn trong Sài Gòn, nay về lánh ở Quảng Ngãi. Các anh chị về ở nhà anh Chánh khá lâu, về sau mẹ anh Chánh sợ bọn hương lý biệt, sẽ bị lộ, nên phải chuyển một số anh lên Suối Ngõ.

Lúc chuyển đi, anh Chánh giả vờ làm người chủ ti trước, các anh chị giả làm những người làm công việc cuộc đi theo sau. Anh Chánh cũng ở lại trên Suối Ngõ với các anh chị. Được một thời gian, một số anh chị lại chuyển đi nơi khác, còn các chị Hiệp, Hai Tín, Hồ Hồng ở lại lâu nhất. Về sau anh Chánh lại đưa các anh chị về giấu ở nhà ông Vọng tức cha vợ anh Tải.

Những ngày ở trên núi lâu, anh Chánh nhớ nhà, làm bài thơ gửi về cho mẹ có câu:

*"Nhớ cờ độc lập bay sơn hải*

*Nhớ được trung thành rọi quốc gia..."*

Như vậy là ở tuổi 15, anh Chánh lần đầu tiên đã gặp các đồng chí cách mạng và đã bước đầu tham gia hoạt động cách mạng. Công việc đầu tiên: liên lạc, bảo vệ, che giấu các đồng chí. Đây cũng là bước thử thách ban đầu của anh.

Sau thời gian này, anh Tài và các anh chị nhận thấy đã có thể đưa cậu thiếu niên Nguyễn Chí chính thức bước vào con đường hoạt động. Các anh chị dẫn anh Chánh đến gặp anh Tú Trọng, Bí thư Thanh niên cách mạng đồng chí Hội tại quán cơm bắc cầu Trà Khúc, Quảng Ngãi. Anh Trọng là con một của bà Cửu Xứng, là người lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Quảng Ngãi hồi bấy giờ. Giới thiệu anh Chánh với anh Tú Trọng, cũng có nghĩa là chính thức giới thiệu anh với Đảng.

Về sau anh Tú Trọng hy sinh anh dũng tại ngục Kon Tum. Việc gặp anh Trọng đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong đời anh Chánh.

#### *Hoạt động cách mạng những năm từ 1929 đến 1931*

Năm 1929 anh Chánh làm liên lạc cho anh Tú Trọng. Năm 1930, anh làm công tác tuyên truyền cho phân ban Bắc Trà (tức phía bắc sông Trà Khúc) của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Bấy giờ Tỉnh ủy tuyển một số thanh niên chúng tôi lên để làm công tác tuyên truyền. Anh Chánh, anh Nguyễn Tiết, chị Huỳnh Thị Liễu lên trước. Tôi lên sau cùng. Người phụ trách công tác này là anh Trần Thanh, người trực tiếp làm tổ trưởng tổ tuyên

truyền là anh Độ (tức Nguyễn Năng Lực). Lúc ấy bốn chúng tôi đều 16 tuổi. Tôi là một cô gái nông thôn không được học hành bao nhiêu, lại là người hay lo, tôi rất lúng túng và lo sợ. Ở đây chỉ có người quen nhất là anh Chánh, vì anh Tài là anh ruột anh Chánh, bạn thân cùng hoạt động với anh Sáu Trâu là anh trai tôi và tôi cũng đã biết anh Tài từ trước. Cho nên tôi cứ bám lấy anh Chánh mà hỏi những việc tôi chưa từng làm, cũng chưa từng nghe ai nói đến bao giờ.

Lần đầu tôi hỏi anh:

- Tôi lên đây để làm gì?

Anh bảo:

- Chị lên đây để làm công tác tuyên truyền cùng với chúng tôi.

- Công tác tuyên truyền là gì? Tôi có biết đâu mà làm?

Anh Chánh giải thích:

- Chúng ta in ấn tài liệu, chuyển tài liệu cho các nơi, di diễn thuyết trong các cuộc mít tinh để kêu gọi vận động quần chúng đi biểu tình, đòi giảm sưu, thuế, đòi độc lập tự do. Chúng ta cũng đi các xã vận động tổ chức đồng bào vào nông hội đỏ, công hội đỏ, thanh niên cộng sản đoàn, phụ nữ liên hiệp hội để họ đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt.

Nghe anh Chánh nói việc lớn quá tôi càng sợ. Anh Tiết thấy vậy càng trêu: Con gái tính đã nhát gan mà anh Tư lại giao công việc diễn thuyết mới gay chứ.

Anh Chánh cười:

- Chị không lo, chúng mình sẽ giúp nhau, ban đầu khó, sau sẽ quen dần chứ có ai tài giỏi sẵn đâu.

Anh Tiết lại chêm vào:

- Lo là lo tính con gái, chứ con trai bọn mình thì ngại gì.

Anh Chánh gạt đi:

- Cái anh này, cứ trêu người ta mãi. Gái trai đều như nhau. Đàng ta không phân biệt, nam nữ đều bình đẳng, bình quyền. Bà Trưng, Bà Triệu có phải con trai đâu mà cầm quân đánh giặc đuổi bọn xâm lược Tàu khiến chúng mất vía...

Qua nhiều lần động viên của anh Chánh, tôi dần dần bớt lo sợ. Và tôi cảm thấy anh như người ruột thịt. Tôi tò mò hỏi anh:

- Ngày chị Bảy Hương đưa tôi về nhà, tôi thấy anh còn nhỏ, thế mà anh đã đi làm liên lạc cho anh Tú Trọng à? Hồi ấy anh có làm công tác tuyên truyền như chúng ta như bây giờ không?

Anh Chánh bảo:

- Hồi ấy anh Trọng chỉ giao nhiệm vụ liên lạc. Lần đầu gặp anh Trọng hỏi: "Em có dám làm liên lạc cho các anh không? Làm nhiệm vụ này nguy hiểm lắm, em có sợ không?" Tôi trả lời: "Em không sợ, anh giao việc gì em cũng làm. Muốn đánh đuổi thằng Tây, mình sợ thì còn làm thế nào được". Anh Trọng nói: "Anh biết rồi, anh Tái, anh Độ đã kể cho anh nghe chuyện năm ngoái em đưa các anh lính lên núi, giỏi lắm, anh tin em mới giao công việc này

cho em". Anh Trọng giao cho tôi mang giấy tờ tài liệu đi các huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn và các cơ sở khác. Có lần tôi mang tài liệu của anh Trọng đến cho anh Phạm Viết Dương ở Cây Sung, xong anh Dương lại gửi thư, tôi mang về cho anh Trọng. Tôi giấu thư trong gánh bắp quảy đi. Về đến quán cơm, thì gặp một toán lính, chúng gọi: "Thằng nhỏ kia, gánh gì, đưa đây khám xét". Tôi nói: "Thưa các thầy, em đi thăm cô em, có cho ít bắp mang về cho cha mẹ". Chúng hỏi: "Nhà mày ở đâu?" Tôi chỉ phía xã Đông Dương: "Nhà em ở gần đây, có cái vườn mít, nhiều dừa đó, hôm nào các thầy rỗi mời các thầy đến chơi, cha mẹ em được gặp các thầy mừng lắm". Bọn chúng xúm lại lục soát. Tôi nói: "Cô em cho ít bắp giống, lại có cả bắp non, bắp luộc, mời các thầy dùng cho vui". Chúng vợ được bắp luộc, bắp non, tranh nhau lấy, rồi cho tôi đi. Về đến cơ quan, lấy bắp già ra, mới moi bức thư nhét trong lõi trái bắp, đưa cho anh Trọng. Anh khen: "Em bình tĩnh và thông minh lắm...". Anh giải thích cho tôi: "Qua các cuộc biểu tình lớn ấy đường lối của Đảng thể hiện rõ ràng: Đánh đổ đế quốc Pháp, đánh đổ quan lại Nam Triều, độc lập cho dân tộc, xây dựng nền dân chủ, đem lại ruộng đất cho dân cày, nhà máy cho công nhân, tự do bình đẳng, nam nữ bình quyền. Từ khẩu hiệu ấy và hành động dũng cảm của người chỉ huy mà đông bào tin vào cộng sản nên họ tự đứng lên diệt tề, trừ gian, trấn áp bọn phản động, đấu tranh với những kẻ bóc lột, bái công cấy gặt, bái chợ, bái đồ để đòi quyền lợi và chống sưu

thuế, chống chế độ thực dân phong kiến. Phong trào hiện nay đang lên cao, bọn bóc lột phải thực hiện yêu cầu của đồng bào, bộ máy cầm quyền ở các xã, tổng đã tê liệt nằm im, bọn mật thám và bọn chống cộng sản bỏ trốn lên đôn ở với Tây. Hầu hết các xã coi như dân làm chủ. Tự vệ, du kích luyện tập công khai. Nhiều nơi chuẩn bị lương thực, thực phẩm, rèn vũ khí gươm, đao, giáo mác, sẵn sàng lật đổ bọn cai trị, thành lập chính quyền xô-viết như Nghệ An đỏ\*.

Anh Chánh nói say sưa, mấy đứa chúng tôi nhìn anh, cười:

- Anh nói hay quá, anh đang diễn thuyết cho bọn tui nghe đó phải không!

Anh cũng cười và bảo:

- Thì chị Trinh bữa trước diễn thuyết ở bãi biển Mỹ Khê cũng hay quá, đồng bào hô àm lên: "Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo quan Nam Triều!". Anh Tiết diễn thuyết ở An Hải, đồng bào cũng hoan hô nhiệt liệt.

Rồi anh đọc luôn mấy câu thơ của cụ Phan Chu Trinh:

*"Ba tóc lười mà gươm mà súng,*

*Nhà cầm quyền trông thấy cũng ghê gan..."*

Anh Chánh là người có tài nói rất hay, nhiều sức thuyết phục, dễ đi vào lòng người nghe. Anh thường lấy những sự việc cụ thể, thiết thực làm ví dụ, từ đó mà dẫn dắt người nghe đến những vấn

đề lớn và cuối cùng bao giờ cũng đi đến những kết luận, suy nghĩ có tính triết lý.

Anh là người hay ngâm nghĩ sự đời và đầy lạc quan...

Bốn chúng tôi đang công tác tuyên truyền say sưa, thì một hôm chị Liên về công tác ở địa phương, bị địch bắt. Anh Độ sợ lộ, chỉ thị cho chúng tôi không hoạt động ở xã Tư Cung nữa, chuyển sang xóm Gò, Mỹ Khê in ấn tài liệu ở nhà bác Bút, rồi lại liên tiếp chuyển qua nhà anh Thi, anh Tồn. Một thời gian, anh lại bảo phải chuyển nữa. Anh Chánh đề xuất ý kiến bộ phận in ấn nên chuyển xuống sông mà làm. Chúng tôi chưa hiểu ra. Anh bảo: ta lấy một chiếc thuyền, vừa in ấn trên thuyền vừa di động liên tục, nếu bị địch vây thì ta đổ tài liệu xuống sông rồi tẩu thoát. Anh Độ đồng ý. Chúng tôi lấy cái bè rở của anh Phạm Củng làm nơi in ấn tài liệu, di chuyển trên vùng nước lợ. Cứ vậy nay đây mai đó, có lúc chui vào đám dứa nước, lúc vào những vùng có nhiều cây bần, cây đước hay vùng cói rậm rạp. In xong, chuyển tài liệu cho các đồng chí ở các địa phương, liên hệ với cơ sở ở các xã tổ chức mít tinh, diễn thuyết, xong lại quay về bè rở.

Mỗi lần đi mít tinh diễn thuyết ở các xã về, anh Chánh thường trần trọc không ngủ được. Anh bảo đồng bào vùng ven biển sống khổ quá, áo quần thì rách bươm. Những người thợ đi đánh cá, hôm nào trời động, biển không có cá thì cái nôi dặt lại treo trên tường, vợ con bụng lép kẹp đến sát xương

sống. Dân vùng biển sống trên bãi cát trắng, đến cọng rau cũng không có mà ăn.

Nhưng chính vùng dân nghèo khổ nhất này lại là vùng phong trào cách mạng lên cao, hành động cách mạng triệt để nhất. Mấy cuộc biểu tình lớn đầu tiên đều xuất phát từ vùng ven biển cả.

Anh Chánh kết luận: người dân nghèo khổ nhất là người cách mạng triệt để nhất...

Chúng tôi ở bè rở lâu quá, cuối cùng bị lộ. Bọn mật thám theo dõi, rồi bọn dân đoàn vây bắt. Anh Phạm Cùng giải vây cho chúng tôi. Chúng tôi đổ tài liệu và đồ in ấn xuống sông, rồi tẩu thoát. Anh Cùng giết chết một tên mật thám. Anh bị chúng bắt và xử tử hình. Chúng chém anh Nguyễn Nghiêm ngày trước, ngày sau chúng bắn anh Phạm Cùng ở đầu quán Lát.

Đầu năm 1931, địch ra sức khủng bố phong trào Quảng Ngãi. Tri huyện Nghĩa Hành cho lính lê dương về đốt sạch mấy làng... Anh Trần Thanh phân công chúng tôi về các huyện tổ chức mít tinh biểu tình chống khủng bố trắng.

Anh Chánh và anh Phan Bưng được phân công về Tư Nghĩa, Nghĩa Hành. Trong khi đang làm nhiệm vụ thì anh Bưng bị ốm nặng, nhưng không dám đưa đi bệnh viện sợ bị lộ. Anh Chánh đưa anh Bưng xuống thuyền, chở đến nhà thầy Tú Trâm, là thầy dạy chữ nho của anh hồi nhỏ, nhờ thầy chạy chữa thuốc Bắc. Trên đường đi, anh Bưng sốt cao và đã chết trên dòng Trà Khúc.

Anh Chánh cho thuyền ghé vào trước nhà mình, xin cố hậu sự của cha anh để chôn anh Bưng. Anh bàn với chú Nguyễn Thành Nghi nên mai táng thế nào cho khỏi bị lộ. Cuối cùng quyết định chôn trên bãi cát, cạnh một bụi tre, trước nhà anh để có nơi làm dấu dễ nhớ, không lộ, mà cũng tiện hương khói sau này.

Anh Chánh nói với tôi: mình không bao giờ quên được bữa đến thăm mẹ Xách, mẹ anh Bưng. Mẹ ngồi một mình trong túp lều vè vớ, lều lụp sụp đến nỗi phải khom lưng mới chui vào được. Mẹ cứ ôm mình khóc mà hỏi: "Thằng Bưng của mẹ đâu?".

Mỗi lần ghé về nhà, bao giờ anh Chánh cũng đến bụi tre một, cắm một nén hương lên bãi cát, tưởng nhớ anh Bưng. Những lần viếng mộ anh Bưng, anh thường rủ tôi cùng đi.

Ngày lụt lớn, nước ngập bốn bề, anh Chánh sợ bụi tre một bị nước cuốn trôi mất, cứ ra đứng trước nhà ngóng mãi về hướng ấy, xem cái dọt tre có còn lộ lên không...

Ngày di tập kết, anh rủ tất cả gia đình và bà con làng Vạn đến bụi tre một, anh đốt hương vĩnh biệt anh Bưng và gửi anh Bưng lại cho bà con quê hương...

Chôn cất anh Bưng xong, anh Chánh trở về cơ quan tuyên truyền. Chúng tôi cũng tập hợp về đủ mặt.

Tháng 2 năm 1931, sau Tết Âm lịch hai ngày, vào lúc ba giờ sáng, ở xóm Phái Nhi thuộc xã Tư Cung bỗng nghe tiếng súng nổ. Bọn lê dương ập vào vây cả xóm. Chúng vào nhà anh Cát, bắt anh Cát và anh Trần Thanh trói lại để một góc, rồi châm lửa đốt nhà anh Cát và đốt cả Phái Nhi. Lửa bốc ngút trời. Bọn lê dương lùng sục khắp xóm bắt heo, gà, tìm con gái. Nhân dịch sơ hờ, anh Chánh dẫn các anh chị còn lại chạy vào rừng gần chỗ chúng tôi in ấn tài liệu.

Bọn dịch lấy ảnh ra đối chiếu nhận dạng, rồi đẩy anh Cát, anh Thanh lên xe, chở về tỉnh.

Khi chúng đã đi xa, tôi vào rừng báo tin cho các anh chị. Anh Chánh và anh Xáng mở một cuộc họp trong rừng. Anh Chánh chủ trì họp, vì anh là người ở cơ quan tỉnh. Anh nhận định: việc vừa xảy ra là do có người chỉ điểm. Anh nói cả tên người chỉ điểm. Anh chị em đều đồng ý với anh Chánh.

Anh Chánh nêu vấn đề: anh Thanh bị bắt, coi như chúng tôi đã bị đứt liên lạc với cấp trên. Chúng tôi cần làm gì bây giờ?

Chúng tôi bàn bạc và phân công nhau: chị Tám Cheo trước làm liên lạc, nay tiếp tục đi tìm cấp trên. Anh Xáng và tôi về Sơn Tịnh, nơi hoạt động cũ. Anh Tiết về quê hoạt động ở các xã lân cận. Anh Chánh về Nghĩa Hành và đi tìm các anh Trương Hùng, Tôn Diêm.

Họp xong, chúng tôi trở về Phái Nhi, họp cán bộ xã bàn việc tổ chức ngay cuộc mít tinh. Cán bộ

xã đồng ý, cho dân về đi mời bà con, đúng 11 giờ trưa đã tập họp đông đủ. Anh Chánh đứng lên nói chuyện với đồng bào. Anh lên án đế quốc Pháp cấu kết với bọn vua quan phong kiến đàn áp dã man mọi hành động đấu tranh vì tự do độc lập của nhân dân. Vụ Phái Nhì Tư Cung là một chứng minh rõ ràng. Anh kêu gọi đồng bào đốt lên ngọn lửa căm thù, càng đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho đến ngày thắng lợi. Đồng bào hô vang:

*"Đánh đổ đế quốc Pháp.*

*Đánh đổ quan lại Nam Triều.*

*Dả đảo khủng bố trắng!*

*Chúng ta đứng lên tiêu diệt bọn cầm quyền!"*

Anh Chánh kêu gọi đồng bào càng phải siết chặt đoàn kết, đoàn kết là sức mạnh, là chiến thắng. Anh động viên bà con: việc trước mắt là đùm bọc lấy nhau, giúp đỡ nhau trong cảnh điêu tàn này, người có công góp công, người có của góp của, tập trung toàn lực lo cho từng cái nhà đến nắm đũa bếp, không để bất cứ ai đói khát rét mướt. Người cần quan tâm trước tiên là chị Cát và cháu Lành, các cụ già và trẻ em.

Anh Chánh thay mặt tất cả chúng tôi cảm ơn và chào đồng bào, hẹn ngày trở lại. Anh Ba Văn thay mặt cán bộ xã tuyên thệ hứa sẽ làm tròn nhiệm vụ...

Về sau, quả đúng như lời các anh đã hứa, cuộc sống của bà con Phái Nhì đã nhanh chóng ổn định trở lại. Thời kỳ cao trào cách mạng ấy, người có

thể dốc tất cả vào sự nghiệp vì cách mạng, tình đồng chí, nghĩa đồng bào thật sâu nặng.

Đoàn chúng tôi rời xã Tư Cung trên hai chiếc thuyền. Chị Cát ôm cháu Lành khóc ròng. Anh Chánh xúc động ôm cả hai mẹ con chị Cát, hứa nhất định sẽ có ngày trở lại.

Trên thuyền, anh Chánh đưa tay chỉ về phía các thôn An Kỳ, An Vinh, An Hải, Phú Thọ, Mỹ Khê,... gọi lại những ngày chúng tôi hoạt động sôi nổi trong sự đùm bọc của bà con dân nghèo ven biển.

Đi một đoạn, hai thuyền rẽ hai hướng. Một thuyền đưa anh Chánh và tôi ngược dòng bờ nam sông Trà Khúc. Một thuyền đưa chị Tám Cheo, anh Xáng, anh Tiết ngược dòng bờ bắc sông Trà.

Đến Ba La, anh Chánh cho thuyền ghé vào bờ. Anh bảo tôi: "Tình hình càng thẳng tắp, có lẽ chúng ta khó gặp lại nhau. Chị nói với anh Xáng việc phân công vẫn như cũ, đường dây vẫn như quy định, nhưng đừng nên lui tới nhiều để bị lộ".

Bước lên bờ, anh giơ nắm tay ngang vai chào tôi và đồng chí lái thuyền như ngày tuyên thệ vào Đảng.

Anh Chánh lánh về Nghĩa Hành. Anh Xáng và tôi về Sơn Tịnh. Cả ba chúng tôi đều đang bị địch truy lùng. Ít lâu sau, chúng lùng bắt hết cán bộ xã, bắt cả đồng bào, nên anh Xáng và tôi phải trốn lên núi Hòn Dầu. Bấy giờ Nghĩa Hành vẫn cứ chị Bốn Thằng, rồi chị Sáu Nhạn tìm lên núi Hòn Dầu liên lạc với chúng tôi. Trong khi đó anh Chánh đi tìm

được anh Tôn Diêm, anh Trương Hùng, các anh bắt liên lạc được với cấp trên. Anh Hùng giới thiệu anh Chánh vào Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy phân công anh Chánh về Sơn Tịnh cùng với chúng tôi chỉ đạo cuộc biểu tình ngày 1 tháng 5 năm 1931. Lúc này toàn tỉnh đều có biểu tình phản đối khủng bố trắng và phản đối dịch xử tử hình anh Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy. Các cuộc biểu tình ở các huyện đều bị chúng chặn lại, khủng bố, chỉ có cuộc biểu tình ở Sơn Tịnh là thành công tốt đẹp.

Sau ngày 1 tháng 5 năm 1931, do tình hình Nghĩa Hành càng thăng quá, Tỉnh ủy đề nghị chị Nhạn và anh Chánh về Sơn Tịnh họp. Cuộc họp bị lộ, bọn xã đoàn bao vây. Chị Nhạn và đồng chí liên lạc chạy thoát, anh Chánh bị địch bắt. Ít lâu sau tôi cũng bị bắt.

Anh Chánh bị tù lần thứ nhất những năm 'thoái trào' - phong trào cách mạng dân chủ.

Anh Chánh bị bắt trên sông Trà Khúc. Lúc đó tri huyện Nguyễn Bình đã treo giải cho ai bắt được Nguyễn Chánh, nên vừa bắt được anh, bọn xã đoàn vội giải ngay về huyện để lãnh thưởng. Đến huyện, chúng tống anh vào trại giam, rồi phòng hỏi cung, gọi anh lên làm tờ khai. Anh khai tên là Nguyễn Chánh, sinh năm 1916, trình độ văn hóa sơ học yếu lược, lao động chôn trâu ở Suối Ngõ, nơi cha anh vỡ hoang trồng thuốc lá. Bọn phòng hỏi cung bắt anh phải khai nhận làm cộng sản. Anh không nhận và cứ khai di, khai lại mấy lần như cũ. Bọn chúng

trình lên tri huyện Nguyễn Bính. Bính gọi anh lên trực tiếp hỏi cung. Nó hầm hầm mặt, quát nạt. Anh Chánh nói:

- Tôi còn nhỏ, tôi không biết cộng sản. Tôi không trốn, chỉ đi chăn trâu cho cha tôi ở Suối Ngổ.

- Tao đã cho lính tìm mày ở Suối Ngổ không có.

- Thưa quan, tôi chăn đến bốn năm con trâu, phải cho vào rừng sâu mới có cỏ, đi xa quá nên ở luôn trong núi không về được, sợ bỏ trâu đói cha tôi đánh.

Chúng lại đưa anh về trại giam, bắt khai tiếp. Anh vẫn một mực khai y như vậy. Cuối cùng, huyện Bính lại gọi anh lên, dụ giọng:

- Mày khai đi, khai tất cả việc làm của mày bị chúng nó lừa phỉnh như thế nào? Quan chiếu cố tuổi vị thành niên. Quan cho về với mẹ, kéo mẹ mày đang lo sợ. Mẹ mày đang buồn lắm vì thằng Nguyễn Tài, anh mày đi trốn, bị bắt tra tấn gần chết bên tỉnh, mày có biết không?

Về sau anh Chánh nói với chúng tôi: mình còn lạ gì cái sách lừa phỉnh của chúng, xưa nay vẫn vậy, dọa nạt, thuyết phục rồi đánh đập. Chúng làm cái trò đóng tuồng rõ mặt, nhan nhân ai mà không biết. Mình nghĩ bụng: kệ nó, thủ đoạn của nó thì nó làm, việc mình mình cứ kiên định không lay chuyển.

Khai thác không được gì, huyện Bính ra lệnh cho tra tấn. Hai người lính đánh anh mấy tiếng đồng hồ liền, anh cứ kêu la: "Tôi là trẻ con mới 14 tuổi,

tôi không biết cộng sản. Các ông đánh tôi đau quá! Cha ơi! Mẹ ơi".

Hai người lính thấy anh trông còn nhỏ, có vẻ cũng thương, nên đánh nhẹ bớt đi, nhưng anh càng kêu khóc nhiều hơn, vì lúc đó có nhiều người đi xe, đi bộ qua đây nghe tiếng kêu la dừng lại xem. Họ bảo: trẻ con mới 14 tuổi, làm gì mà đánh con người ta dữ thế, tội quá! Có hai bà già cứ ngồi khóc. Hai người lính lên trình lại với huyện Bình, huyện Bình sợ dư luận, ra lệnh thôi tra, đưa anh Chánh trở về trại giam. Hai ngày sau nó chuyển anh qua tỉnh.

Về tỉnh, anh bị tống vào nhà lao Quảng Ngãi và tiếp tục bị hỏi cung. Anh vẫn một mực khai như cũ. Nhiều lần, chẳng tìm thêm được gì ở anh, chúng hèn đưa anh qua chỗ tên lãnh binh Trần Luận để hỏi cung.

Về sau anh kể: khi ra đi, mình đã xác định khó trở về nhà lao gặp lại các bạn. Tên Trần Luận trước nay vẫn bị anh em ta gọi là tên uống máu người, họ hàng con cháu nó mà nó nghi là cộng sản, nó vẫn tra tấn dã man, hưởng chi mình. Nhưng mình đã kiên định thà chết chứ nhất quyết không khai, không làm vỡ cơ sở Đảng.

Ở "trường tra" chúng treo anh Chánh lên đánh. Ban đầu anh còn kêu la, sau cứ mê man không còn biết gì nữa. Đại, tiểu tiện cả trong quần. Chúng hạ xuống đổ cháo cho tỉnh, rồi lại treo lên đánh tiếp. Bị tra tấn hai ngày liền, anh vẫn nhất định không khai gì, chúng đành phải trả anh về lao.

Sau một thời gian, chúng kết án anh hai năm tù vì tội trốn theo cộng sản. Khi ra tòa, anh chống không ký án. Anh nói với chúng tôi: mình không ký là chứng tỏ cộng sản không có tội. Giăng cơ, chúng cứ bắt anh đưa đi đưa lại nhiều lần, nhưng anh vẫn một mực giữ quan điểm: không chịu ký.

Anh bảo: đó là mình đấu lý với nó chứ ký hay không ký, nó vẫn bắt mình ngồi tù hết hạn, chúng nó cần gì pháp luật!...

Nhà tù Quảng Ngãi lúc đó là địa ngục trần gian. Ngoài tra tấn, án chung thân, án tử hình, anh em còn chết vì ngạt thở, vì phù thũng; đêm nào lao "Nam án" anh em tù cũng kêu cửa, đưa người chết ra, ngày nào cũng có xe bò kéo xác tù đi chôn ở núi Bút. Lao "Nam án" chúng nhốt tù đông chật đến nỗi anh em chỉ đứng, ngồi chứ không nằm được. Năm cơm tù thì gạo mục, có hàng chục con sâu, mở rau muống luộc lẫn cả giẻ rách vài màn bẩn thiu... Trước tình hình đó, anh em quyết định thành lập ban đấu tranh. Anh Chánh tham gia ban đấu tranh. Chúng tôi trao đổi quyết định tuyệt thực chống chế độ nhà tù hà khắc. Anh nhắc lại hai câu thơ của anh Trần Toại:

*"Nó dài mình như trâu như chó,*

*Mình sợ gì chúng nó mà làm thinh".*

Các lao đều đồng tâm nhin ăn, không đi làm xấu. Chúng cho lính vào đàn áp, toàn lao hô "Đả đảo" náo động cả thị xã Quảng Ngãi. Chúng phải nhượng bộ, cải thiện một phần chế độ ăn uống. Nhưng chúng bắt một số đại biểu đưa đi các đồn để phân

tấn lực lượng lãnh đạo. Anh Chánh bị đưa đi đồn Hòa Bản.

Đồn Hòa Bản là đồn lính lê dương, sĩ quan trưởng đồn là người Pháp. Anh em tù bị đưa đến đây làm xâu, đào đá, gánh đất, xây đồn trên đồi cao, công việc người tù hết sức vất vả. Các anh Nguyễn Hiệp tức Thông Hiệp, Trương Đình Đầu và anh Chánh bàn kế hoạch vận động binh lính lê dương. Anh Chánh trao đổi với các anh: đường lối vận động hình sĩ của Đảng không chỉ nhằm vào binh lính người Việt mà còn cả binh lính lê dương, tranh thủ gây cảm tình với họ, giác ngộ họ, giúp họ nhận ra họ cũng là dân thuộc địa như ta. Đất nước họ cũng bị xâm lược, họ bị lợi dụng đi làm tay sai cho Pháp và bắt họ xông ra nơi có phong trào cách mạng để làm bia đỡ đạn cho chúng. Vận động họ đấu tranh chống lại bọn chủ Pháp và thông cảm với anh em tù, bớt phân hành hạ anh em trong việc làm xâu nặng nhọc. Anh Hiệp giỏi tiếng Pháp nói được nhiều. Anh Chánh, anh Đầu biết ít nhưng cũng tranh thủ tiếp cận lính lê dương. Sau một thời gian, công tác vận động có kết quả. Nhiều lính lê dương trả súng, không chịu dẫn tù đi làm xâu. Có mấy người hăng hái quá, đến mức lấy súng trôn lên núi định làm binh biến, trong đó có một anh tên là Xit-tô-la. Việc bị lộ, bọn Pháp bắt số lính lê dương đó, đưa ra Hà Nội, còn các anh Chánh, Hiệp, Đầu thì chúng lại đưa về lao Quảng Ngãi, tổng xà lim.

Sau khi ra khỏi xà lim, anh Chánh vẫn ở trong ban lãnh đạo đấu tranh của nhà tù. Một hôm có đơn

vị lê dương đến nhà tù chọn một số người để phục vụ cho họ. Họ cần người biết tiếng Pháp, anh Chánh có biết đôi chút, nên họ chọn anh đi. Việc làm ở đây không có gì nặng nhọc: quét dọn lau nhà cửa, giặt là, hầu bàn, phụ bếp. Bọn lê dương thấy anh nhỏ nên gọi anh là "bé lí". Anh làm ở đây, tranh thủ gây cảm tình trong số lính lê dương, bọn lính thưởng cho anh hoa quả, xà phòng, bao bột mì dùng may quần áo, anh mang về cho anh em trong lao.

Anh Chánh còn tìm được báo, chuyển cho chúng tôi xem để theo dõi tình hình bên ngoài, từ đó tổ chức trao đổi về thời sự, thảo luận các vấn đề chính trị trong nước và quốc tế. Anh cũng vận động các lao tổ chức học văn hóa. Bản thân anh vừa là thầy dạy chữ nho, dạy làm thơ đường luật cho anh chị em, vừa là học trò học tiếng Pháp rất chăm chỉ.

Việc chúng tôi học làm thơ vậy mà khiến cho bọn cầm quyền rất lo sợ. Chúng cho đó là cách thức anh chị em ta tự nâng cao trình độ và tuyên truyền cách mạng. Kẻ thù càng sợ, ta càng hăng hái học.

Còn nhớ năm 1942, khi tôi ra tù, tên mật thám Bùi Trọng Lệ còn dọa: "Mày về còn làm thơ tao sẽ bỏ tù trở lại!".

Thời kỳ 1933 - 1935 ở Quảng Ngãi thường được gọi là "thời kỳ thoái trào". Sau cao trào 1930 - 1931, địch đánh phá dữ dội, cơ sở từ tỉnh đến thôn, xã bị vỡ nhiều, nên phong trào tạm lắng xuống.

Trong tù, anh Chánh thường hay trao đổi với chúng tôi. Anh nói: lúc này là thời kỳ thoái trào, nhưng bọn cầm quyền vẫn còn run sợ trước khí thế

cách mạng của đồng bào Quảng Ngãi. Chúng sợ phong trào xô - viết Nghệ - Tĩnh, chúng lo ảnh hưởng cách mạng Liên Xô tràn vào nên chúng quyết dập tắt ngọn lửa đấu tranh, bóp chết phong trào cộng sản không cho len ra trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng lâu đời này. Đó là con thú dữ quấy lên trước khi giãy chết. Chưa bao giờ hành động khùng bố của chúng điên cuồng như bây giờ. Ngày hôm trước chúng chém anh Nguyễn Nghiêm, ngày hôm sau lại bắn tiếp anh Phạm Củng, rồi chém anh Nguyễn Hùng. Chúng lùng sục bắt bớ bữa bãi cả trong dân, tịch thu ruộng đất, niêm phong nhà cửa lửa trâu đất bò, cướp thóc gạo... Nhưng chúng nó không bao giờ tiêu diệt được phong trào cộng sản trên mảnh đất Quảng Ngãi này.

Anh Chánh vẫn đầy lạc quan tin tưởng. Khi anh hết hạn, ra tù anh gửi lại cho tôi hai câu thơ:

*"Bạn ơi bề bạn non mòn*

*Mà ta với cuộc trần hoàn vẫn trở"...*

Tôi cũng làm hai thơ tiễn anh:

*"Tiên đưa hồi hộp thức thâu đêm,*

*Về ở ta mình dạ chớ quên.*

*Họa khó nên vần trang vẫn trắng.*

*Thơ chưa thành thể mực còn đen.*

*Non song ghi nhớ trang hào kiệt.*

*Sách vở còn đây chữ thánh hiền,*

*Trong lúc chia tay người một nẻo*

*Nghẹn ngào ta bạn rẽ đôi bên!..."*

Anh Chánh ra tù nhưng vẫn bị quản thúc tại gia. Chúng bắt anh nào là tối phải quản điểm canh, nào là hàng tuần lên trình diện phủ đương. Chúng cho bọn mật thám theo dõi, bọn hương lý rình rập. Bọn phòng nhì bố trí một tên phản bội tên là B.Q.B giả vờ là bạn tù cũ lui tới thăm hỏi để ghìm chân anh. Tên này nguyên là con một nhà yêu nước từng tham gia bạo động và bị Pháp xử chém. Có lần tên này đến xin anh Chánh một con thỏ. Anh Chánh cho y một con thỏ bạch, kèm bài thơ nhan đề là "Di truyền tinh huyết" B.Q.B đọc bài thơ, y xấu hổ, từ đấy không dám lai vãng nữa.

Anh Chánh ra tù, ngoài việc bị o ép của kẻ thù, lại còn thêm một mối ràng buộc của gia đình. Ông cụ anh cứ ép anh lấy vợ, ông sợ bà cụ mất vì lúc này bà cụ đang ốm nặng.

Mấy tháng sau bà cụ mất thật. Anh Chánh rất đau buồn. Trong gia đình anh gắn bó nhất là với mẹ. Ngoài tình máu tử, mẹ đối với anh còn là người thầy, giúp cho anh có tâm hiếu đời, hiếu xã hội, tầm nhìn sâu xa về đạo lý. Chính mẹ đã hỗ trợ anh trên bước đường cách mạng từ thời niên thiếu.

Anh Chánh đau đớn viết bài văn tế mẹ thống thiết. Tôi còn nhớ mấy câu:

*"Đâu non gây một cảnh huyền,*

*Mặt đất nhỏ đôi dòng lệ,*

*Mẹ năm mươi phải đành ha thế*

*Con mười chín chịu gánh càn khôn..."*

Anh Chánh lúc này tuy bị kẻ thù o ép, gia đình có nhiều lo buồn, nhưng vẫn có một niềm an ủi ấm áp đối với anh, giúp anh càng kiên định ý chí chiến đấu. Đó là bà con cơ sở cũ mặc dù bị địch uy hiếp vẫn bao bọc, quây quần bên anh và gia đình anh, báo tin cho anh thường xuyên về tình hình trong xã và các vùng lân cận, hoạt động của bọn tổng lý và nhận xét, đánh giá từng người. Anh Chánh nhận định: các anh ấy đều rất tốt, là đảng viên chi bộ cũ, là hội viên nông hội đỏ thời cao trào. Đây vẫn là chỗ dựa tốt. Lúc này, chính mình phải đứng ra lãnh đạo, phải đi tìm lại cơ sở cũ, tìm những anh em mới ra tù, nối lại liên lạc và bàn phương hướng hoạt động.

Không đi đường bộ được, anh tìm cách nhờ anh em làm nghề sông ở làng Vạn đưa anh đi đường sông. Anh tìm trở lại các vùng từng hoạt động trước đây ở ven biển, rồi anh lại đi ngược dòng sông Trà, đến những nơi anh từng diễn thuyết ngày xưa. Những chuyến đi đó, anh tìm gặp được một số đồng chí cũ, cùng nhau bàn cách đi tìm liên lạc với cấp trên.

Các anh chị Trương Quang Giao, Phạm Hồ, Mai Thị Hượt, Hương Kiều, Ngô Lự, Nguyễn Tiết, Nguyễn Thành Nghi, thống nhất là lúc này nên tiến hành tuyên truyền đường lối của Đảng trong quần chúng, chống luận điệu của bọn Tư-rồi-kit và bọn A.B. Đoàn<sup>1</sup>; vận động đồng bào dây dưa không đóng thuế thân, không làm xấu công ích, vận động nông dân đòi tăng

---

1. Anti-bolchévik.

công cấy, công gặt, công cày, tuyên truyền làng mầu của cụ Trương Quan Cận ở xã Trà Bường, gọi là làng "Cải lương hương tục".

Anh Chánh cũng tìm cách liên lạc với các đồng chí đang còn ở trong tù. Anh mặc quần áo màu xám, giả làm nhà tu mỗi khi lên tỉnh. Ở tỉnh, anh thường lánh mặt bọn mật thám trọ ở nhà bà Thất Ngà và bà Nhơn là hai cơ sở liên lạc với nhà tù suốt thời những năm 1930 - 1945. Thư từ của anh gửi đều qua tay các em Nghệ, em Thành đến tay anh chị em tù chính trị. Có lần anh viết thư cho tôi, hỏi về tình hình các anh chị Nguyễn Thị Hành, Phạm Thị Xi, Trần Thị Tư và trao đổi những chủ trương hoạt động mà anh đã thống nhất với các anh khác. Thư được chuyển qua tay anh Nguyễn Giám đi làm xấu mang về. Anh Giám nghĩ chúng tôi viết thư tình cho nhau nên bóc ra xem, thấy không phải, mới xin lỗi chúng tôi. Anh Chánh sợ tôi buồn nên thư sau anh gửi kèm bài thơ:

*"Khỏi nghĩ cách mạng, phải nghĩ tình,  
Khen bạn đồng tâm cũng thật mình,  
Mượn cơ khui thư dò ý Chánh.  
Dùng mưu lược giấy thử lòng Trinh,  
Thôi hồi mô nhục đành chịu nhục.  
Nhớ lúc nào vinh sẽ nhận vinh  
Nhắc bạn đồng tâm đừng ngại tiếng,  
Khỏi nghĩ cách mạng, khỏi nghĩ tình".*

Ngày chúng tôi đã chung sống cùng nhau, nhắc lại chuyện cũ, anh Chánh thường bảo: cái thời hẹp hòi ấu trĩ ấy, quan niệm người cộng sản cứ như người đi tu, phải trong sạch gương mẫu một cách máy móc, thật là thoát khỏi thực tế xã hội. Do đó mà người mang hộ thư cứ nghĩ nếu chúng mình yêu nhau thì là không gương mẫu, còn mình làm thơ thì cũng lại cho mình bị bạn nghi thế là nhục...

Lúc bấy giờ anh Lự vượt ngục về, gặp anh Chánh. Hai anh phân công nhau đi tìm Xứ ủy. Anh Lự đi vào Nam, bị địch truy lùng dữ, phải trốn qua Xin-ga-po, sau đó quay về, lại bị bắt ở Thủ Dầu Một. Anh Chánh đi về phía ngoài cũng không tìm được thượng cấp, phải quay về Quảng Ngãi.

Cuối năm 1934 anh Chánh cùng Xi tức Nguyễn Thành Nghi giả đi làm phu xe lửa, vào Phú Yên, Khánh Hòa tìm liên lạc với anh em cũ và tìm cấp trên, vẫn không tìm được.

Đầu năm 1935 anh Nguyễn Công Phương từ nhà lây Buôn Ma Thuột về. Anh Chánh bảo tôi: anh Phương về là thuận lợi cho hoạt động, vì anh ấy là người lớn tuổi, có uy tín trong tỉnh, đã tham gia hoạt động ở phong trào Văn Thân và liên tục các phong trào về sau, ta phải tìm gặp, trao đổi với anh Phương.

Anh Chánh gặp anh Phương, hai anh đi tìm các đồng chí ở tù vừa về trong dịp chúng gọi là "Bảo Đại hồi loan ân xá chính trị phạm". Các anh thành lập Ban Tỉnh ủy lâm thời do anh Phương làm Bí thư, vào đầu năm 1935.

Anh Chánh được phân công vào Sài Gòn tìm gặp anh Nguyễn Văn Tạo. Anh Tạo đi vắng. Anh Chánh đến tòa soạn báo La Lutte nhận được một số tài liệu Đảng Dương Đại hội và sách "Ủng hộ mặt trận Bình dân Pháp" mang về cho anh em ở tỉnh làm cơ sở mà hoạt động.

Năm 1937 - 1938, Xứ ủy chỉ định Ban Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi. Anh Chánh lúc này là Tỉnh ủy viên, thường trực Tỉnh ủy, phụ trách đấu tranh công khai.

Anh vận dụng phương châm lấy kinh tế che chính trị, lấy hợp pháp che bất hợp pháp, tổ chức các hiệu sách, các nơi đọc báo, các hiệu buôn, nhà hàng, quán trọ để qua đó tuyên truyền công khai và làm nơi đi lại hoạt động, làm đầu mối liên lạc nhận sự chỉ đạo hàng ngày của Xứ ủy.

Phong trào đấu tranh công khai ở Quảng Ngãi lên mạnh: đòi dân chủ, đòi tự do hội họp, tự do báo chí, cải thiện dân sinh, vận động đưa người tốt ra ứng cử Hội đồng dân biểu, đòi Đảng Dương Đại hội, chống vụ án thuế mới, đòi thả tù chính trị số nổi. Các cuộc biểu tình nổ ra liên tiếp, lớn nhất là cuộc biểu tình đón Ga-đa, đại biểu mặt trận Bình dân Pháp, đưa kiến nghị nguyện vọng của nhân dân...

Năm 1939, Xứ ủy chỉ định Ban Liên tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên. Anh Chánh được chỉ định làm Bí thư liên tỉnh.

Lúc này tình thế đã thay đổi. Mặt trận Bình dân Pháp thất bại. Bọn địch trở tay khùng bố mạnh. Anh Chánh lại bị bắt. Năm ấy anh vừa tròn 25 tuổi.

## *Bị tù lần thứ hai: 1939 - 1945*

Lúc này tôi đã về ở với anh Chánh.

Ngày 10 tháng 10 năm 1939, gia đình có làm giỗ bà nên tôi đi chợ sớm, lúc trở về khoảng 9 giờ sáng, từ đầu xóm xa xa đã thấy người áo vàng, áo trắng, áo đen lở nhổ từ xóm nhà tôi kéo ra. Tôi nhanh chân bước tới thì thấy tên Bùi Trọng Lệ, chánh mật thám Quảng Ngãi mặc bộ quần áo trắng đi trước, anh Chánh mặc bộ quần áo dài đen đi sau, hai bên có hai người lính cầm súng đi kèm. Tiếp sau nữa là một tiểu đội cảnh sát đầy đủ súng ống.

Khi đi đến chỗ tôi, anh Chánh nói: "Tôi bị bắt". Tên Lệ quát: "Đi nhanh không được nói". Tôi thấy anh Chánh vẫn ngẩng cao đầu, không hề tỏ vẻ sợ sệt.

Anh bị đưa về sở mật thám, rồi tống vào xà lim số 1. Đây là nơi đã nổi tiếng: ai đã vào đây cũng sẽ trở thành tàn phế vì những đòn tra tấn dã man của bọn mật thám.

Xà lim chỉ cách cánh cửa chừng mười mét mà chúng bố trí đến 4 lính gác, đầy đủ súng ống và cả roi da. Trước cửa xà lim còn một con chó béc-giê.

Phòng xà lim chỉ rộng bằng cái giường con, đứng vừa đụng đầu. Một cái cùm có hai lỗ cùm hai chân người tù trên nền xi măng lạnh ngắt, không sạp, không chiếu. Anh Chánh kể rằng, khi vừa bước chân vào anh đã nhìn thấy bốn bức tường đầy vết máu: máu của những người tù từng ở đây trước kia, bị tra tấn, quệt vào tường, cả máu do họ bị

đàn muỗi như ong từ các cống rãnh chung quanh ùa vào đốt. Vừa ngồi xuống, đã nghe muỗi bay ùn lên như ong vỡ tổ. Chúng bố trí như vậy là để ngay từ phút đầu trấn áp người tù: biết chưa, ngục tù là thế đấy!

Tên Hoàn, nhân viên phòng nhì, ra lệnh cho lính gác cùm ngay hai chân anh Chánh, đóng kín cửa lại, canh gác nghiêm ngặt, cả chó béc-giê cũng để đó.

Trước khi vào xà lim, bọn chúng đã xúm lại lột hết quần áo anh Chánh, chỉ để lại cái quần đùi, suốt đêm lạnh và muỗi đốt, anh không tài nào chợp mắt được. Đến bữa ăn tên lính mở cửa, nhét vào một nắm cơm đầy sâu mọt, không muối, không rau, không nước, lại thêm cái ống tre chúng dựng ngay góc xà lim đó để đựng phân và nước tiểu xông lên nồng nặc, nuốt miếng cơm vào cứ muốn trào ra. Trong xà lim, suốt ngày đêm không nghe thấy tiếng người, chỉ có tiếng chân giày của người lính gác bước đi và tiếng con chó cào cửa đe dọa.

Hôm sau chúng đưa anh lên phòng nhì, những tên ác ôn nổi tiếng là Ngô, Hoàn thay nhau đánh anh chết đi sống lại, buộc anh khai Xứ ủy và nhận là Bí thư liên tỉnh. Anh nhất định không nhận. Chúng đưa anh các đồng chí trong cấp ủy ra, bảo: "Mấy thành này đã khai hết cho mày rồi, mày có chịu nhận không?" Anh nói: "Tôi không biết những người đó". Chúng lại đánh tiếp. Tên ác ôn ăn thịt người ấy đánh anh suốt mấy hôm, rồi đến tên chánh mật thám

Bùi Trọng Lệ dùng món võ nghề nghiệp đá vào ngực anh, anh học máu ngất đi mê man. Chúng khiêng anh về xà lim...

Kêu tù xong, chúng đưa anh lên đồn Ba Tơ. Ở Ba Tơ, anh vận động anh em tù đấu tranh. Chúng bèn chuyển anh sang đồn Gi Lăng để trị. Ở Gi Lăng có tên đội Công nổi tiếng gian ác. Hồi cao trào 1930 - 1931 anh em tù Quảng Ngãi đã xếp nó vào danh sách bốn tên đại ác "nhất Kỳ, nhì Công, tam Hoà, tứ Đạt".

Ở Gi Lăng, tên Công bắt tù làm việc hết sức nặng nhọc, đào đất, gánh đá, xây công sự... chúng không cho gia đình thăm nuôi. Anh Chánh lại vận động anh em tù đấu tranh và vận động cả binh lính trong đồn ủng hộ, giúp đỡ anh em tù. Lúc bấy giờ trong số binh lính ở đây anh Chánh có quen một người là Quyền Duẩn. Anh tuyên truyền, giác ngộ anh Quyền Duẩn. Anh Duẩn thường báo cho anh em tù biết trước âm mưu khủng bố của địch để chuẩn bị đối phó, giúp anh em chuyển tin tức ra ngoài và đưa thư từ vào. Vợ anh Duẩn là cô Đỗ Thị Tuất cũng giúp nhận quà thăm nuôi của gia đình, chuyển vào thăm anh em. Dần dần cả hai vợ chồng đều trở thành cơ sở cách mạng.

Về sau, năm 1945, khi Tổng khởi nghĩa, chính anh Duẩn đã giúp anh em du kích Ba Tơ vào chiếm đồn Gi Lăng.

... Anh Chánh ở Gi Lăng một thời gian rồi bị chuyển đi nhà đày Buôn Ma Thuật. Ở đây, tên sếp

là người Pháp, còn lính canh tù toàn người Ê-dê. Bọn Pháp thâm độc dùng chính sách chia rẽ dân tộc, gây mâu thuẫn Kinh, Thượng, kích động lính Ê-dê đánh tù rất tàn bạo, thậm chí giết tù vô tội vạ. Những anh em chúng đây đi Đăk-to, Đăk-pơt thì coi như không còn hy vọng trở về.

Anh Chánh tham gia ban lãnh đạo đấu tranh chống đàn áp trong tù, tổ chức nhiều cuộc tuyệt thực, làm reo, náo động cả thị xã. Anh em cũng tổ chức đánh lại những tên lính quá độc ác. Anh Phạm Kiệt, là anh ruột tôi, bấy giờ cũng ở nhà đày Buôn Ma Thuột với anh Chánh, có lần đã dùng xà beng nện vào đầu một tên lính, bọn chúng rất khiếp sợ, cứ thấy số tù 12, số tù của anh Kiệt, là chúng sợ bỏ chạy (cũng vì số tù này mà trong thời kỳ khởi nghĩa Ba Tư anh Kiệt còn có tên là "Tê đơ" số tù 12 trông giống như chữ T2).

Chú Nguyễn Thành Nghi kể có lần địch vào khủng bố, anh Chánh đã nằm chõng lên anh Nghi để che đôn cho anh ấy.

Trong nhà đày Buôn Ma Thuột, anh em tù tổ chức học tập rất ráo riết: học lý luận Mác - Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng, thảo luận tình hình thời sự, học cả quân sự, học văn hóa, ngoại ngữ, học làm thơ... Anh Chánh đã học tiếng Pháp, có thể giao tiếp được với bọn cai sắp...

Chính trong thời kỳ ở nhà đày Buôn Ma Thuột là thời kỳ các anh học được nhiều hơn cả, để về sau sẽ vận dụng thành công trong Cách mạng tháng

lăm và kháng chiến chống Pháp. Nhà tù thật sự là được các anh biến thành trường học cách mạng...

Tháng 9 năm 1944 theo pháp luật, anh Chánh là mãn hạn tù. Nhưng bọn địch không cho anh về quê hương, mà lại bắt đi an trí ở cảng Phú Bài, Thừa Thiên. Chúng công tay từng hai người tù vào nhau, tẩy lên xe lửa, chở đi. Khi tàu dừng ở ga Quảng Ngãi, bà Sâm là người làng chúng tôi nhìn thấy anh Chánh, bà chạy về báo cho gia đình tôi. Tôi và ông cụ vội chạy lao đến ga. Đến nơi, ông cụ đứng sững sờ nhìn anh Chánh đầu đã bị cạo trọc lóc, mặt mày xanh xao, gò má nhàn nheo, quần áo tù, tay thì bị còng. Tôi thì ngồi bệt xuống đất, nói không ra lời. Tàu chuyển hánh mà hai bên chưa nói với nhau được câu nào.

Nửa tháng sau, tôi nhận được thư anh từ Phú Bài gửi về, có kèm bài thơ:

*"Cuộc gặp gỡ đầu phải là tái hợp,  
Khi chia tay ta chỉ đứng nhìn nhau,  
Anh ở trên xe không rời được con tàu,  
Em dưới đất mà đôi môi mím chặt,  
Đứng dậy em ơi đừng lau nước mắt..."*

Phú Bài tuy gọi là cảng an trí, nhưng thực chất là nhà tù trung cổ, mục đích là làm cho người tù chết dần, chết mòn. Cảng giống như một ấp chiến lược, chung quanh có hào sâu, dây thép gai, hầm chông chạm bẫy. Anh em tù bị bắt đi làm xâu vô cùng cực nhọc, vào ra bằng một cái cầu treo, qua cầu xong, chúng kéo cầu treo lên. Cảng bị cô lập hoàn toàn.

Lính gác dày đặc trên các vọng gác, sẵn sàng bắn bỏ bất cứ người tù nào chúng nghi. Tên Lê Kim Tuy, quản lý căng, là một tên ác ôn khét tiếng.

Anh Ngọc Hải kể: Anh Chánh cùng một số các anh lãnh đạo tổ chức cuộc đấu tranh quyết liệt, tuyệt thực, làm reo, hô khẩu hiệu: "Đả đảo khủng bố! Trả tự do cho anh em an trí!".

Chúng xông vào đánh, rồi bắt một số các anh trong đó có anh Chánh đưa về nhốt ca-sô ở nhà lao Thừa Phủ (Huế).

Ca-sô là xà lim dưới hầm. Tính mạng người tù ở đây như nghìn cân treo sợi tóc. Ca-sô chật cứng, thấp đến mức đứng phải khom lưng, vừa sít hai người nằm. Lính gác lăm lăm súng trước cửa, bọn sắp cho phép hề nghe có tiếng động cứ xả súng bắn tự do không cần chờ lệnh...

Thời gian này, anh Chánh và các anh ở ca-sô liên lạc được với chị Đào Thị Định là em gái cụ Đào Duy Anh cũng bị nhốt tại đây nhưng không phải ở ca-sô. Chị Định lên tiếp tế cho các anh được ít thức ăn, và nhất là giúp các anh theo dõi tình hình bên ngoài lúc này đang sôi nổi.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945 xảy ra cuộc Nhật đảo chính Pháp. Các anh đấu tranh ráo riết, cuối cùng bọn Nhật phải thả ra.

Anh Chánh vội trở về Quảng Ngãi, gặp Tỉnh ủy. Anh Trương Quang Giao giới thiệu anh Chánh vào Tỉnh ủy và Tỉnh ủy phân công anh Chánh lên lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ.

Tôi gặp lại anh Chánh, mừng mừng tủi tủi, trong cuộc họp của Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi sau khởi nghĩa Ba Tư.

Chúng tôi lại hăng hái cùng nhau bước vào cuộc đấu tranh mới: Tổng khởi nghĩa tháng Tám và kháng chiến chống Pháp...

P.T.T.

## NGUYỄN CHÁNH NGÔI SAO SÁNG TRÊN ĐẤT CẨM THÀNH

NGUYỄN HỒNG SINH  
*Cán bộ cách mạng lão thành*

Dù ở tuổi 77, đôi mắt đã bị mờ, lại nhiễm nhiều bệnh mãn tính nan y có cơ tái phát, nhưng qua bức thư đầy chân tình của Bộ tư lệnh Quân khu 5 và gia đình, tôi vô cùng cảm kích, nên cố tìm những ấn tượng khó quên về anh Nguyễn Chánh và ghi lại những gì mà tôi có thể làm để tỏ lòng ngưỡng mộ và sự kính mến đối với anh.

Từ thuở thiếu thời đến khi trưởng thành trở nên một vị đứng đầu Khu Đảng bộ và quân đội Liên khu, anh Chánh đã trở thành một "Sao sáng sông Trà". Anh rất xứng danh một nhà lãnh đạo, một tướng lĩnh thao lược, trí dũng song toàn. Đất nước, non sông gấm vóc, con người và cuộc đấu tranh ở đây đã hun đúc nên con người đầy tài năng toàn diện Nguyễn Chánh và anh đã góp phần không nhỏ tô thắm thêm truyền thống quê hương gấm vóc.

Nói đến Quảng Ngãi, người đời thường gọi là "Quê hương núi Ấn - sông Trà" và Tân Minh Hầu Nguyễn Cư Trinh (quê làng An Hòa, huyện Hương

Trà, Thừa Thiên), sinh thời (1716 - 1766), lúc làm Tuần phủ Quảng Ngãi, đã có bài Vịnh "Cảnh thành 'hập nhị cảnh'" (mười hai cảnh đẹp của thành Gấm, tức Quảng Ngãi).

Nhà nho nghèo yêu nước Nguyễn Quang Mao, nguyên Bí thư huyện Đảng bộ Ba Tư (1930 - 1931) đã dịch như sau:

### GẤM VỚI NON SÔNG ĐẸT CHỈ NGƯỜI

"Thành Gấm non sông đẹt chỉ người

Càng phở sắc thắm cảnh vui tươi

Ấn trời tô đậm sáu tình nước (Thiên Ân niêm hà)

Bút ngọc tuôn mây thắm nghĩa đời (Thiên Bút phê vân)

Lấy xứ quanh quê ngăn giông tố (Cổ lũy cô thôn)

Vách đá long lanh quét bụi mù (Thạch Bích tá đường)

Rừng vờn nước róc tươi khoai lúa (Long Đẩu hi thủy)

Dá bùa sông giăng xác giặc vùi (La Hà thạch trận)

Non mây thao thức phụng mưa móc (Vân Phong da vũ)

Đệm cát êm đềm lướt dặm khơi (An Hải sa bàn)

Cửa sông thung dung cầu thế cuộc (Tàch Kỳ điều tẩu)

Dò chiều nhọn nhịp điệu hồ vui (Hà Nhai văn đô)

Rừng rậm chênh vênh nai dùa giỡn (Vu Sơn -

Lộc Trường)

Ao sen man mác chị hồng bơi (Liên trì dục nguyệt)

Cảnh này há dễ ai vùi dập?

Quyết trái thân ra giữ đắp bồi".

Quả là "Quyết trải thân ra giữ đắp bồi", nên từ trước năm Tân Mão (1471), thời vua Lê Thánh Tông khi vùng đất này về với Quốc gia Đại Việt, thì đó chỉ là vùng đất hoang tàn. "Đất bạc màu, dân chăm chỉ, tính tần tiện, không xa hoa, người quân tử thích việc nghĩa, trọng khí tiết" (*"Đại Nam nhất thống chí"* quyển VIII nói về Quảng Ngãi). Cha ông ta đã phải đổ mồ hôi, xương máu biến vùng đất này thành ruộng vườn để canh tác, quanh năm thu hoạch bốn mùa, vật phẩm ê hề, thứ gì cũng có:

*"Ai về Quảng Nghĩa mà xem  
Bãi dâu tơ bủa, đồng ken lúa vàng  
Xóm thôn sực nức mùi dăng (dường)  
Nhấp chè Tam Bảo luận bàn văn chương"*

Vậy mà:

*"Ai ôi! Quảng Nghĩa quê ta  
Đất dầm nước mắt, nước pha máu đào  
Dán làm Tây cướp, vua ăn*

...

*Sông Trà nước dội dôi cơn  
Cao Muôn khi uất cuộn lên bạc đầu*

...

*Lửa lò Châu ở nấu nung  
Thiếu loại cường bạo, nường quân tham tàn".*

Nguyễn Chánh sinh ra và lớn lên trong tình cảnh ấy. Khi còn bé anh đã tận mắt chứng kiến bao cảnh áp bức, bất công đó, và được nghe bao tấm gương kiên trung nghĩa khí của các bậc tiền bối quên mình

vì sự nghiệp cứu nước, chống bất công, trong các phong trào Cần Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, trong các cuộc khởi nghĩa, v.v. Anh trăn trở và suy nghĩ nhiều lắm thì được nghe:

*"Sóng cách mạng vang rền mặt đất  
Công nông Nga đã phát cờ đầu  
Mười ngày chấn động toàn cầu  
Làm gương cho cả năm châu soi vào"*

(Trương Quang Trọng)

Nguyễn Chánh như hét lên:

*"Cha chã may! Cha chã may!  
Nước ta độc lập đã tới ngày  
Thanh niên các bạn vùng đứng dậy  
Non nước rồi đây cất cánh bay!"*

(Nguyễn Chánh)

Tinh thể cách mạng đã chấp cánh cho anh bay cao và bay xa. Xiết bao khó khăn ngăn trở nhưng không sao kiềm chế nổi ý chí cách mạng đang sục sôi trong lòng anh. Anh tìm đến tổ chức cách mạng.

Đi vào con đường cách mạng, chấp nhận cuộc đấu tranh tử sinh với quân thù, anh luôn nhớ lời dặn bảo của mẹ hiền lúc ra đi:

*"Thương con mẹ dặn lời này  
Đem thân bầy thước đuổi loài xâm lăng  
Đường đời đã lắm gian truân  
Giữ tròn nghĩa khí thủy chung làm người".*

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, dù bị địch bắt dụ dỗ tra tấn tù đày, Nguyễn Chánh được tấm

gương kiên trung bất khuất, khí phách hào hùng của đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư đầu tiên của tỉnh Đảng bộ Quảng Nghĩa mãi mãi soi sáng, đã nung nấu ý chí vươn lên kể tục một cách xứng đáng con đường của người chiến sĩ cộng sản vừa ngã xuống.

Sau khi ra tù, bước vào cuộc chiến đấu ác liệt mới, anh đã đến tận nơi anh Nguyễn Nghiêm vĩnh viễn yên nghỉ, thắp nén hương với lời thề son sắt:

*"Gặp gỡ nhau đây giữa lúc buồn*

*Tình xưa, nghĩ đến lệ sầu tuôn!*

*Ngón ngang góc tía người qua lại*

*Chan chứa lấu son khách cúi lườn*

*Bụi cát dệp vùi thân chiến sĩ*

*Xe thuyền đưa đón khách gian truân*

*Trần ai, ai hơi bèn gan óc*

*Trà kịp đâu xanh, hết nợ trần".*

Cảnh ấy, tình này đã nâng anh lên tâm cao mới tuyệt vời, hun đúc trong anh ý chí kiên trung, tiết nghĩa, trí dũng song toàn. Trong hơn 25 năm trên cương vị Tỉnh ủy viên, Bí thư liên tỉnh, rồi Trung ương ủy viên, Bí thư Đảng bộ Liên khu 5, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5, anh đã tự khẳng định là một nhà lãnh đạo, chỉ huy chiến lược tài - đức tuyệt vời. Anh đã để lại tấm gương sáng chói về người chiến sĩ cộng sản cho đồng chí, đồng bào mãi mãi noi theo trong sự nghiệp giữ và dựng nước của dân tộc.

N.H.S.

## NHỮNG ĐIỀU TÔI HỌC ĐƯỢC Ở ANH NGUYỄN CHÁNH

*Trung tướng LÊ TỰ ĐỒNG*

Tôi biết anh Nguyễn Chánh lần đầu tiên là thời kỳ ở lao đày Buôn Ma Thuột. Hồi bấy giờ tôi mới độ tuổi 20 - 22, hăng hái nhưng còn non nớt. Việc ăn học trong nhà tù có các anh đã từng trải, già dặn như Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dực, Nguyễn Chánh...

Có một thời gian tôi bị tách ra đưa đi đày tận Đắc Mìn, cách Buôn Ma Thuột đến sáu bảy chục cây số. Chúng tôi đấu tranh bọn Pháp, chúng mới chịu đưa trở về Buôn Ma Thuột. Trở về Buôn Ma Thuột tôi ở nhà lao số 2 (bâtiment deux) cũng còn gọi là nhà lao cách ly (bâtiment isole) gồm toàn những người là được gán anh Chánh, anh Thanh, anh Dực, được các anh dạy dỗ, dìu dắt.

Trong nhà lao, chúng tôi tổ chức học tập rất tích cực, thực hiện chủ trương biến nhà tù của kẻ thù thành trường học cách mạng. Chúng tôi thường xuyên tổ chức thảo luận về chính trị, về tình hình thế giới và trong nước, về những chủ trương đấu

tranh trong tù và phương cách tổ chức vượt ngục... Chúng tôi học cả lý luận quân sự và tập luyện quân sự.

Chúng tôi chia thành từng nhóm học tập. Tôi được phân vào một nhóm do anh Nguyễn Chánh phụ trách, học về công tác quần chúng và học diễn thuyết. Qua tiếp xúc với anh Chánh tôi ngày càng rất quý anh. Tôi thấy anh là một người có hiểu biết rộng và sâu, lý lẽ của anh rất chặt chẽ, vững chắc. Đồng thời anh rất điềm đạm, chân chất, giản dị và khiêm tốn. Đặc biệt anh có lối nói rất lôi cuốn, sự lôi cuốn do lập luận sâu sắc, nhưng cũng do toát lên từ sự chân thành của anh đi thẳng vào lòng người nghe.

Anh sống với anh em đồng chí, cả những người đi sau non trẻ như chúng tôi, rất bình đẳng một cách tự nhiên, chân tình. Anh hết sức kiên định trong đấu tranh đối với kẻ thù, tận tâm giúp đỡ anh em trong mọi việc, cả trong những việc khó khăn nguy hiểm như tổ chức vượt ngục.

Bấy giờ tôi được ở trong một nhóm viết tài liệu phục vụ cho việc học tập trong tù, cùng với các anh Lê Nghĩa Sĩ, Lê Diên. Đúng ra là chép tài liệu. Tài liệu học tập là do anh Chánh soạn ra, chúng tôi làm công việc chép lại, chữ viết nhỏ như con kiến, trên những mảnh giấy bằng mấy ngón tay. (Gần đây tôi biết anh Lê Nam Thắng có tặng lại cho Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh một tập tài liệu như vậy, chính là do các anh Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dực, Nguyễn Chánh soạn và do chúng tôi chép...).

Tôi không nhớ rõ anh Chánh hết hạn tù, ra tù ào ngày tháng nào, chỉ biết là anh ra trước tôi, à nghe nói bị đưa về an trí ở cãng Li Hi, rồi cãng 'hú Bãi. Lúc anh Chánh đã đi khỏi nhà đày Buôn Ma Thuật, thì anh Trần Hữu Dực trực tiếp với tôi.

Sau Cách mạng tháng Tám, năm 1945, Ủy ban cách mạng Thừa Thiên được thành lập và liền sau đó là Ủy ban cách mạng Trung Bộ. Ủy ban cách mạng Trung Bộ do anh Trần Hữu Dực làm chủ tịch, anh Nguyễn Chánh làm Ủy trưởng Quốc phòng. Anh Trần Công Khanh làm Tư lệnh, anh Phan Tử Lăng à Phó tư lệnh. Ủy ban cách mạng Thừa Thiên do ông Tôn Quang Phiệt làm chủ tịch, anh Hoàng Anh àm phó, tôi được cử phụ trách quốc phòng. Như vậy là tôi lại được gặp anh Nguyễn Chánh, trực tiếp àm việc dưới sự chỉ đạo của anh Chánh.

Ủy ban Quốc phòng của anh Chánh đóng ngay ở Huế. Anh Chánh ra đây, giúp chúng tôi nắm lại và chấn chỉnh lực lượng vũ trang cách mạng chặt chẽ hơn. Anh Chánh cũng đưa ra tăng cường thêm cho lực lượng tại Huế một trung đội du kích Ba Tơ do anh Lê Kích phụ trách.

Lúc đó tôi là Ủy viên Quốc phòng trong Ủy ban cách mạng Thừa Thiên, nhưng công việc còn rất lúng túng, chưa biết làm ăn thế nào. Anh Chánh thấy ở điều đó, đưa anh Cao Thanh Trà xuống giúp tôi. Anh Trà trước có làm cai đội khố xanh, có biết chút ít về quân sự, nhưng nói chung cả hai chúng tôi đều còn ít ỏi về mục này. Chúng tôi làm, lúc nào gặp khó khăn lại chạy lên hỏi anh Chánh. Anh chỉ

về cho chúng tôi rất ân cần, tận tình. Và sau đó còn tăng cường thêm cán bộ cho chúng tôi, như các anh Phạm Quang Minh tức Hiến Lùn, Lê Văn Tám, v.v.

Tình hình lúc này rất khẩn trương. Quân Pháp đã gây hấn ở Nam Bộ, đánh ra Nha Trang và Tây Nguyên.

Với cương vị Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ, anh Chánh là người trực tiếp chỉ đạo tổ chức lực lượng Nam tiến. Theo chỗ tôi nhớ, anh Đoàn Huyền dẫn một đơn vị Nam tiến trước tiên, sau đó anh Nguyễn Thế Lâm, rồi anh Hải Râu dẫn các đơn vị đi tiếp. Các đơn vị khác cũng tiếp tục lên đường.

Huế cũng là nơi tiếp nhận các đơn vị Nam tiến từ Hà Nội, từ miền Bắc vào, tổ chức ổn định lực lượng và phân bố tiếp vào các chiến trường trong Nam. Các đoàn Nam tiến của anh Vi Dân, anh Nam Long chính là ở trong số này.

Không chỉ Nam tiến, chúng tôi cùng lúc còn phải tổ chức lực lượng Tây tiến, đưa các đơn vị lên đánh các trận Pha-lang, Mường-phìn trên đất bạn Lào, ngăn quân Pháp từ Lào đổ xuống theo Đường 9. Tôi nhớ đơn vị Tây tiến đầu tiên là đơn vị của anh Lương Xuân Ngọc.

Song song với việc đưa quân vào miền Nam và lên miền Tây, chúng tôi còn lo việc tiếp tế vũ khí đạn dược cho các chiến trường từ Huế. Bấy giờ có kho vũ khí "Chín hầm" nguyên là của Pháp, sau Nhật chiếm, rồi ta chiếm lại của Nhật, vũ khí được khẩn trương đưa vào Nam cả bằng đường bộ và đường biển...

Anh Chánh là người chỉ đạo trực tiếp toàn bộ khối lượng công việc khổng lồ và khẩn trương đó.

Ở cương vị quan trọng với công việc nặng nề nề bộn như vậy, nhưng tôi thấy anh Chánh lúc nào cũng bình tĩnh, điềm đạm, giải quyết những tình huống khó khăn nhất rất quyết đoán, linh hoạt và sáng suốt; đặc biệt quan hệ với trên, với dưới luôn khiêm tốn và chân thành.

Về sau, để gần chiến trường hơn, cơ quan Ủy trường Quốc phòng của anh Chánh rời vào Quảng Ngãi. Tôi thì vẫn ở lại Thừa Thiên, và xa anh từ đó.

Cho đến khoảng 1951, tôi có lần ra họp ở Việt Bắc, trên đường trở về, tình cờ gặp anh Chánh cũng đang trên đường từ Việt Bắc trở về Khu 5. Lúc đi qua Khu 4, gặp anh Lê Cấp bấy giờ là chính trị viên tiểu đoàn đang hoạt động tại đây. Anh Lê Cấp sợ đoàn anh Chánh và chúng tôi vất vả, nên dẫn chúng tôi đi theo một con đường dưới thấp, men theo vùng giáp ranh, chứ không phải leo lối Liên U Ba Rền cao ngất. Khi gặp anh Chánh bấy giờ là Ủy viên Trung ương Đảng, Chính ủy Liên khu 5, anh Lê Cấp đứng nghiêm chào rất đúng quân phong quân kỷ. Anh Chánh cười rất vui, nói:

- Nghĩ lại mới đó mà mau quá chừng, mới ngày nào cùng ở tù với nhau, bây giờ đã cấp trên cấp dưới chào râm rấp...

Anh Nguyễn Chánh là một con người như vậy đó: sự giản dị, bình đẳng toát ra từ đáy lòng, vô cùng chân thật. Tôi nghĩ có lẽ chính vì thế mà ở anh luôn tỏa ra một sức chinh phục con người rất lớn, tự nhiên và sâu sắc.

L.T.Đ.

## ÍT NGƯỜI TẾ NHỊ NHƯ ANH

NGUYỄN CỰ (DUY SINH)

*Cán bộ cách mạng lão thành*

Tôi gặp và biết anh Chánh vào khoảng tháng 2 năm 1931 khi chúng tôi bị bắt và bị nhốt vào phòng 10 ở nhà lao Quảng Ngãi. Gọi là phòng 40 vì phòng này nhốt được 40 người tù. Trong thời kỳ này người bị bắt quá đông, không đủ chỗ nhốt, nên trong phòng 10 có đến trên 100 người.

Độ ấy anh Chánh và tôi đều ở vào tuổi 16, được vào "thiếu niên cách mạng đoàn" - một tổ chức quần chúng của Đảng lúc bấy giờ. Vì phòng quá hẹp nên mạng nhỏ như chúng tôi phải trải bao tải nằm trên sàn xi măng. Vì cùng một lứa tuổi, tính tình dễ hòa nhập nên chúng tôi dễ thông cảm và thân nhau ngay từ đầu.

Tối đến, từ 9 giờ, dịch cấm trong các trại tù không ai được nói chuyện. Bữa nào cũng vậy, khi rải bao tải xong, anh Chánh thường ngâm câu thơ:

*"Mâm nan, gói gói, lon bình tiêu*

*Cơm vắt, nước bầu, ia ống tre".*

Tôi trêu anh và bảo, thơ gì mà dở ẹc. Anh cười và nói: "Mày chê thơ dở, vậy thơ mày hay hay ngâm xem nào". Tôi liền đọc một bài dài. Nghe xong anh Chánh liền cười và bảo: "Đó chẳng phải là thơ của mày làm, mà là bài văn điệu anh Tú Trọng"<sup>1</sup>. Tôi định đánh lừa anh nhưng không ngờ anh có trí nhớ và thuộc nhiều thơ.

Cuộc sống trong tù lúc nào cũng trầm lặng trôi, ban ngày đi làm xấu, tối về nằm queo trong ngục, thỏ thẻ về tình hình phong trào ở bên ngoài thu thập được qua một ngày lao dịch, mặc cho mùi hôi thối do phân và nước tiểu xông lên, và cả đàn muỗi nữa, cũng bay đến góp phần thỏ thẻ bên tai.

Một buổi tối, anh Chánh vui miệng hỏi tôi về nguyên do bị bắt. Tôi kể: anh Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên, giao nhiệm vụ cho tôi. Lúc đầu, đi liên lạc với đồng chí Trần Tú, Bí thư huyện Tư Nghĩa về việc tổ chức kỷ niệm ngày Cách mạng tháng Mười Nga, sau đó, đi phổ biến vấn đề này cho các chi bộ khác. Nhưng do tên Hoàng Kí và Nguyễn Hạc tố giác nên bị bắt. Sau khi tra tấn tôi đã đời, nó nhốt vào đây, mới được gặp các bạn.

Kể xong, tôi lại hỏi, còn anh thế nào? Anh bảo, sự việc của tao dài dòng hơn mày, còn bị tra tấn thì tao đâu có kém mày, đá ném đủ ngón đòn và

---

1. Trương Quang Trọng, bí thư Thanh niên cách mạng đồng chí Hội Quảng Ngãi, quê xã Tịnh Ấn, Sơn Tịnh, bị Tây bán ở nhà lao Kon Tum.

các phương tiện tra tấn "văn minh hiện đại" của "mẫu quốc".

Một hôm vào 9 giờ tối, anh bảo tôi chặn cửa vào cầu tiêu ở phía sau phòng giam. Còn anh nện cho tên Mão một trận ở lối vào cầu tiêu. Tên Mão, quê ở huyện Mộ Đức, van lạy và kêu cứu, anh mới tha. Rồi anh nói với tôi, tao phải sửa lưng nó, vì nó là mật báo viên của Pháp, trà trộn vào nhà tù. Phải trừng trị nó để bảo vệ tổ chức cách mạng trong nhà tù.

Ngày 1 tháng 5 năm ấy, việc tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động được tiến hành rầm rộ. Thực dân Pháp lại khủng bố. Số người bị bắt càng đông. Nhà lao, dù chúng có dồn nén hết sức thì cũng không thể tổng thêm người vào được nữa. Vì vậy, bọn Pháp buộc phải đưa bớt một số đi đây ở Buôn Ma Thuột, Lao Bảo... Bọn thiếu niên như chúng tôi bị đưa lên miền núi, như nhà tù Minh Long, Ba Tơ. Tôi chia tay anh Chánh và anh Xi (Nguyễn Thành Nghi) để đi Minh Long.

Vào phòng giam, tôi thấy trên tường có bài thơ của các đồng chí đã từng sống cảnh tù đầy ở đây để lại:

*"Tù ta lưu lạc đất Minh Long.*

*Cảnh thú ta không nỡ phụ lòng*

*Tranh cãi một ngày đi một gánh*

*Cơm ăn hai bữa tấm hai lần*

*Chiều ngồi mấy phút chơi cơn mắt*

*Tối ngủ nằm canh thẳng giấc nồng*

*Sung sướng kia ai so với sánh*

*Gian truân đâu phải khách phong trần".*

Trong nhà lao Minh Long, chúng tôi có tất cả là 18 người, phải chịu bao cực hình vô cùng tàn ác. Dịch không những bắt tù lao động khổ sai, mà còn cho phép bọn lính coi tù có thể đánh đập và giết chết người tù. Tháng 6 năm 1931, anh Mẹo, một học sinh mới 15 tuổi đã vào tù. Khi đi làm về, anh Mẹo gánh một gánh quá sức nên đá ngã quy bên đường. Tên cai Vạn đã đánh đập anh rất tàn nhẫn, đập đầu anh vào sườn núi cho đến chết. Cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù lại nổ ra quyết liệt. Chúng phải đưa chúng tôi sang nhà tù Ba Tơ. Ở đây, tôi được gặp lại anh Nguyễn Chánh.

Thời gian trong tù như ngừng trôi. Nhưng hạn tù rồi cũng mãn. Anh ra về, tôi mất đi một nguồn vui, một người bạn chí thiết. Anh là người rất tế nhị, thâm trầm, ít nói, nhưng lại vui vẻ và sống chan hòa cùng mọi người.

Ngày anh ra tù, tôi tặng anh bài thơ:

*"Anh là một trong những người bạn thiết*

*Đáy đông tâm siết chặt mối liên tình*

*Gặp gỡ nhau chẳng phải nợ ba sinh,*

*Mà dan díu bởi mối tình non nước*

*Sau mai đây ngày tù anh mãn trước*

*Anh buồn tênh mà tôi cứ vui đùa,*

*Tôi điên chãng hay bởi mãi say sưa*

*Vì cuồng vọng bởi lòng hăng chiến đấu*

*Nếu anh biết lòng tôi anh sẽ thấu  
Khóc vô duyên nên tôi cứ vui tươi  
Giương cổ kim nhân kiệt biết bao người  
Khúc ly biệt mấy ai đưa giọt lệ  
Mai với anh là buổi đời quan hệ  
Ngoài trời xanh biển rộng chỉ tha hồ  
Mai với tôi của kẻ mất tự do  
Của tuổi trẻ trong những ngày u tối  
Ước ao mai ngoài vòng hồng xã hội  
Dem lại ta đây đủ nghĩa tương lai  
Đâu hôm nay về, ở, cảnh chia phôi  
Tình bầu bạn vẫn còn chan chứa mãi  
Và với tôi những ngày mai thất bại  
Kinh nghiệm kia là mẹ đẻ của thành công  
Cười đưa anh hẳn anh gọi tôi ngông  
Nhưng nụ cười ấy là nụ cười đầy ý nghĩa".*

Các bạn lần lượt mãn hạn và ra tù. Chỉ còn lại một mình tôi và cụ Trần Toại, quê ở Ba Động huyện 3a Tơ. Sau Cách mạng tháng Tám, năm 1945, cụ à chủ tịch đầu tiên của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1939, thực dân Pháp ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương và tiến hành khủng bố vô cùng tàn khốc. Biết bao đồng chí lại sa lưới quân thù. Đó là lần thứ hai tôi gặp anh Nguyễn Chánh trong nhà tù ở Gi Lăng, huyện lỵ của một miền sơn

cước tỉnh Quảng Ngãi. Sau đó, chúng đưa anh Chánh lên nhà đày Buôn Ma Thuột.

Trong thế chiến thứ hai, thực dân Pháp biến nhà tù Ba Tơ thành công an trí để giam hãm các đồng chí đã mãn hạn tù. Thật là, mưu thâm thì họa càng thâm. Các đồng chí an trí ở Ba Tơ đã đưa tai họa đến cho bọn thực dân - phát xít: đó là cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945).

Sau khởi nghĩa Ba Tơ, anh Chánh vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi và được phân công trực tiếp lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ, còn tôi ở trong ban quân nhu của Đội. Từ đây, tôi làm việc dưới sự chỉ đạo của anh Nguyễn Chánh.

Nhật đầu hàng đồng minh, ngày 14 tháng 8 năm 1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh. Phong trào cách mạng trong toàn tỉnh âm ầm như sóng dậy, khí thế cách mạng bốc cao hừng hực. Cuộc Tổng khởi nghĩa được tiến hành bằng việc kết hợp quần chúng nổi dậy với tác chiến của Đội du kích Ba Tơ và dân quân du kích các địa phương, tạo nên sức mạnh to lớn chưa từng có. Quân khởi nghĩa được hậu thuẫn của lực lượng chính trị của quần chúng lần lượt đánh chiếm các huyện lỵ ở miền núi, giải phóng nông thôn và tiến về tạo thành vòng vây ngày càng siết chặt xung quanh tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Anh Chánh ngoài việc chỉ huy chung cuộc khởi nghĩa, còn trực tiếp chỉ huy một cánh quân chủ yếu đánh Nhật ở Xuân Phổ, huyện Tư Nghĩa. Ở đây, anh Chánh gọi tôi đến nhận nhiệm vụ. Tuy vị trí công tác có khác nhau, nhưng quan hệ giữa

chúng tôi thì không khác trước chút nào. Chúng tôi cộng tác với nhau trên tinh thần đồng chí thân thương của những người bạn bè như những ngày nào khi chúng tôi cùng chung lưng đấu cật trong cảnh lao tù.

Công việc xong, anh tiễn tôi ra đến cổng và vỗ vai tôi hỏi: "Súng ở đâu mà đưa lên chiến khu nhiều thế". Tôi trả lời: "Đó là kết quả của công tác địch vận". Anh cười và nói: "Duy Sinh thảo vật thật". Anh bắt tay tôi và hẹn gặp nhau tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi.

Ở tỉnh lỵ được gần một tháng, tôi được điều vào công tác tại Bình Định cùng anh Trần Huy, cũng là bạn tù từ những năm 1930 - 1931 quê ở Mộ Đức.

Đầu năm 1947, nhân chuyến đi công tác ở Huế về tôi ghé về Quảng và đến thăm anh. Anh Chánh vốn vấ hỏi tôi về sức khỏe, gia đình, tình hình công việc ở Bình Định và miền Tây. Rồi anh buồn buồn nói với tôi về thất bại trong trận Tú Thủy ở An Khê. Anh phàn nàn là vì không hiểu được tư tưởng và cách đánh của ta, nóng nồm nên đá chụm cả một đại đội gồm toàn là cán bộ tiểu đội trở lên.

Sau đó một thời gian, tôi được điều về Ban Tuyên truyền Liên khu 5, cùng với đồng chí Mai Xuân Cảnh, chúng tôi làm phó cho đồng chí Lê Văn Nhiều. Khi giao nhiệm vụ cho tôi, anh Chánh nói: "Tuyên truyền là nửa phần của kháng chiến. Đây là công việc hết sức khó và phức tạp, phải ra sức mới có thể hoàn thành". Công tác ở đây được hai năm, do hoàn cảnh gia đình quá éc le, tôi phải xin anh Chánh cho tôi tạm xuất ngũ để về giải quyết việc riêng tư. Rất

thông cảm với hoàn cảnh của tôi nên anh đã đồng ý và chúc tôi sớm trở lại quân ngũ. Tôi vô cùng xúc động trước tấm lòng của anh.

Một năm sau, tôi gặp lại anh Chánh trong lớp chính huấn tại Trường An, một xã thuộc huyện Ba Tơ. Được gặp nhau, chúng tôi xiết bao mừng vui và cảm động. Anh Chánh trực tiếp lên lớp và động viên lớp học. Mọi người đều được đón nhận ở anh một tấm lòng của người đồng chí, người anh đầy nhân ái! Lớp học bế mạc, tôi làm bài thơ chia tay anh em:

*"Bốn phương đồng chí  
Về họp Trường An (Ba Tơ).*

...

*Ra về lòng những băn khoăn,  
Lấy điều học tập nguyện răn sửa mình.  
Gian nguy xưa nặng tử sinh,  
Vinh quang nay nở dứt tình cho đang.  
Nguyện xin hai chữ đồng tâm,  
Đến đây sống lại tinh thần Ba Tơ.  
Năm năm tưởng phút bây giờ,  
Máu ta truyền thông Ba Tơ vẫn còn".*

N.C.

## ANH NGUYỄN CHÁNH VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA BA TƠ

*Thiếu tướng NGUYỄN DUY PHÊ  
Nguyên Trưởng ban Cơ yếu Trung ương*

Khoảng tháng 4 năm 1945, giữa mùa hè oi bức của nắng miền Trung, tôi được trên giao nhiệm vụ tổ chức đón một đồng chí cán bộ quan trọng và đưa đồng chí ấy lên chiến khu Ba Tơ. Lúc này, tôi là thành viên của Ủy ban vận động cứu quốc huyện Đức Phổ, đồng thời là huyện ủy viên phụ trách tổng Phổ Cẩm. Tôi trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Huỳnh Danh, một đảng viên của chi bộ xã Tân Phong, đi đón đồng chí cán bộ cấp trên.

Vào hồi 10 giờ sáng một ngày cuối tuần tháng 4 năm 1945, đồng chí Huỳnh Danh cùng đồng chí cán bộ cấp trên từ hướng xã Tú Sơn, huyện Mộ Đức băng đong qua Đường 5A (đường từ Thạch Trụ lên Ba Tơ) vào xã Hùng Nghĩa, đi thẳng qua cánh đồng Gò Pháp vào xóm mới thuộc xã Vạn Lý, đến điểm nghỉ trưa tại nhà ông Mai Nguyệt, bố vợ tôi, cách Đường 5A về phía đông khoảng bốn trăm mét.

Trong thời gian chờ đợi ăn cơm và nghỉ trưa, tôi mới được biết đồng chí cán bộ quan trọng này là đồng chí Nguyễn Chánh, người mới thoát khỏi nhà tù của đế quốc Pháp. Qua tâm sự, đồng chí cho biết trong thời gian ở nhà tại Thọ Lộc, huyện Sơn Tịnh, đồng chí đã tiếp xúc với một số đảng viên cùng thời với đồng chí. Trong số này, có một số không tán thành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Họ cho hành động này là tả khuynh, là phiêu lưu, manh động, sớm muộn gì cũng sẽ bị Nhật khủng bố, tiêu diệt. Đồng chí kể cho tôi nghe một mẩu chuyện khá lý thú sau đây:

*"Tôi thoát tù về nhà được mấy hôm thì anh Trần Quý Hai từ Ba Tơ về gặp. Chúng tôi đang mở đầu câu chuyện thì B, một đảng viên cũ tìm đến. Tôi bảo anh Hai tạm vào buồng ngồi, để nghe xem B đến nói gì. Khi gặp tôi, B, phê phán rất nhiều cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và đề nghị tôi nên khuyên anh em du kích Ba Tơ rút lui và giải tán, vì Nhật hiện nay đang mạnh lắm, ta không thể đương đầu nổi, sẽ bị khủng bố và tiêu diệt. Sau khi bình tĩnh nghe B nói hết, tôi nói anh em Ba Tơ hành động rất đúng đắn và kịp thời, ta phải ủng hộ, việc làm của anh em không sai, vì cách mạng hiện nay đang ở vào thời kỳ tiền khởi nghĩa, một số nơi đã khởi nghĩa, như Bắc Sơn... và đã có chiến khu cách mạng Việt Bắc. Và lại, địa thế châu Ba Tơ rất hiểm trở, dân Ba Tơ rất tốt, nhất là đồng bào thiếu số Ba Tơ có truyền thống chống Pháp lâu đời. Vì vậy khởi nghĩa Ba Tơ, xây dựng chiến khu cách mạng, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa toàn tỉnh hưởng ứng khởi nghĩa toàn quốc khi có thời cơ là hoàn toàn đúng đắn. Hơn*

nữa, ta không phải chỉ có một Đội quân du kích Ba Tư, mà còn cả lực lượng và phong trào quần chúng được xây dựng và phát động thành cao trào mạnh mẽ. Hai lực lượng đó dựa vào nhau và hỗ trợ lẫn nhau thì Nhật không làm gì nổi. Sau khi nghe tôi nói như vậy, B. tỏ vẻ bất bình, nói xà lả mấy câu rồi ra về. Anh Trần Quý Hai ngồi trong buồng nghe rõ ràng nội dung tôi trả lời B. thì rất phấn khởi, coi như đã được một phần lớn công việc cần trao đổi với tôi ngày hôm đó”.

Cũng do tình hình rắc rối trong quan điểm của một số đảng viên cũ nói trên, nên Tỉnh ủy đề nghị anh Chánh lên chiến khu Ba Tư sớm. Do đó, mới có cuộc gặp gỡ này giữa tôi và anh Chánh.

Trong cuộc gặp gỡ này, tôi hỏi anh Chánh về chủ trương khởi nghĩa toàn tỉnh tiếp theo khởi nghĩa Ba Tư và chỉ thị đình chỉ ngay khởi nghĩa toàn tỉnh. Anh Chánh cho rằng, việc đình chỉ ngay cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh tiếp sau khởi nghĩa Ba Tư là đúng đắn và sáng suốt. Nếu khởi nghĩa toàn tỉnh, ta sẽ bị tổn thất lớn và sẽ ảnh hưởng đến khởi nghĩa cướp chính quyền toàn tỉnh khi có thời cơ về sau này.

Về những vấn đề anh Nguyễn Chánh giải thích cho tôi trong câu chuyện buổi trưa tại xóm mới xã Vạn Lý năm nào, sau này anh Trần Quý Hai có lần tâm sự với tôi: khi tôi cùng anh Trần Quý Hai lãnh đạo Ban cơ yếu Trung ương Đảng. Chúng tôi đều thấy rằng anh Nguyễn Chánh có quan điểm rất đúng đắn và là người rất nhạy bén trước tình hình vô cùng phức tạp lúc bấy giờ.

Sau một thời gian ngắn, khoảng giữa tháng 5 năm 1945, trong cuộc hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, anh Trần Lâm (tức Ruộng) và tôi được đại diện cho Đảng bộ huyện Đức Phổ đi dự, tôi lại gặp anh Nguyễn Chánh và cả anh Nguyễn Đôn, hai anh là những đồng chí trong Ban lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ về dự. Tại hội nghị này, anh Chánh và anh Đôn cùng đề nghị điều tôi sang công tác tại Đội du kích Ba Tơ, sau khi tôi được bổ sung vào Tỉnh ủy. Cũng bắt đầu từ đây, ngoài tình đồng chí, quan hệ giữa anh Chánh và anh Đôn với tôi còn là tình đồng đội. Tôi được các anh giao nhiệm vụ tìm địa điểm lập chiến khu Núi Lớn. Bấy giờ ở đây ta đã tổ chức, huấn luyện và xây dựng Đại đội Hoàng Hoa Thám, một bộ phận của Đội du kích Ba Tơ ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi bàn giao công việc ở địa phương cho các đồng chí khác, tôi lên công tác tại Đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn, làm ủy viên chính trị trung đội Nguyễn Nghiêm. Từ đó, đến ngày Tổng khởi nghĩa, tôi không có dịp gặp được anh Chánh nữa.

Mãi đến một hôm, vào xế chiều của một ngày cuối đông năm 1946, tại cơ quan chỉ huy quân sự phía nam tỉnh Quảng Ngãi đóng ở xã Vạn Lý, anh Nguyễn Chánh, cô Trần Thị Thuyết (con gái cụ Trần Toại) và một số anh em đi ô tô đến Vạn Lý thăm chúng tôi. Trên cánh tay anh Chánh lúc này đeo băng đỏ, thêu chữ vàng "*Ủy viên trường Quốc phòng Trung Bộ*".

Tôi ra tận cổng đón anh Chánh. Anh vừa đi vừa hỏi tôi: "Tình hình anh em thế nào?". Tôi báo cáo

đi anh về tình hình ăn, ở, sinh hoạt của anh em... anh hỏi trình độ giác ngộ chính trị? Tôi trả lời: Nói chung anh em giác ngộ về dân tộc thì khá, nhưng giác ngộ giai cấp thì còn yếu". Anh Chánh mỉm cười nói: "Đối với cách mạng Việt Nam ta, vấn đề giai cấp và dân tộc không thể tách rời nhau, không thể giác ngộ dân tộc hơn giác ngộ giai cấp hoặc ngược lại mà hai mặt này luôn luôn quyện vào nhau một cách nhuần nhuyễn...".

Những năm sau này, qua thực tiễn diễn biến của cách mạng Việt Nam, cũng như qua công tác và học tập của bản thân, tôi vô cùng thấm thía về quan liêm ấy, nó đã giúp tôi nhận rõ sâu sắc được tình hình và nhiệm vụ cách mạng của nước ta trong quá trình diễn biến và phát triển.

Anh Nguyễn Chánh luôn luôn nhắc nhở chúng tôi trong quá trình hoạt động cách mạng cần phải có chủ trương và đường lối đúng đắn, không tả, không hữu và khi đã có chủ trương, đường lối đúng, thì phương pháp và hành động cũng phải đúng, nếu phương pháp và hành động lệch lạc cũng có thể làm cho chủ trương và đường lối đó không thực hiện được, có khi còn bị thất bại. Anh Chánh thường không nói dài, nhưng nội dung rất xúc tích, sâu sắc, dễ hiểu, dễ nhớ. Những lời anh Chánh nói với tôi trong những ngày đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, mãi mãi là bài học sâu sắc trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, cũng như chiến đấu của tôi.

N.D.P.

## NHỮNG NGÀY ĐƯỢC GẦN ANH NGUYỄN CHÁNH

VÔ TRỌNG HOÀNG

*Nguyên Phó ban Tổ chức Trung ương*

Tôi chỉ gặp và sống gần anh Nguyễn Chánh một thời gian ngắn trước Cách mạng tháng Tám, năm 1945, nhưng ấn tượng về anh thì rất mạnh.

Tôi sinh năm 1922, quê ở Quế Sơn, Quảng Nam. Tôi tham gia hoạt động từ năm 1937, đến 1939 làm bí thư chi bộ. Năm 1942 phong trào ở Quảng Nam bị vỡ, tôi bị bắt và bị kết án hai năm tù, giam ở nhà lao Hội An. Hết hạn tù, nhưng do trong tù tôi không khai báo và liên tục đấu tranh quyết liệt tại phòng cấm cố, nên bọn địch không thả tôi về quê mà từ tháng 4 năm 1944 đưa tôi an trí tại trại Li Hi thuộc huyện Phú Lộc (nay thuộc huyện Nam Đông), Thừa Thiên, là camp an trí chung của cả Trung Bộ. Lúc tôi đến Li Hi thì chưa thấy có anh Chánh ở đấy. Sau đó, do bị đau ốm, tôi cùng một số anh em được đưa đi chữa bệnh theo chế độ tù ở nhà thương Huế. Khi trở về thì trại Li Hi đã chuyển xuống trại Phèo. Trại này nằm cạnh một đồn lính khố đỏ, cách

Phủ Bài khoảng ba cây số về phía Tây. Khi tôi về trại Phòng thì đã thấy có anh Nguyễn Chánh ở đó. Anh Chánh hết hạn tù từ nhà lao Buôn Ma Thuột được đưa thẳng về đây.

Loại những anh em đấu tranh mạnh mẽ, địch hường dồn chung vào một phòng. Trong phòng của tôi có các anh Phan Triêm, anh Nguyễn Thoàng người Thanh Hóa và anh Nguyễn Chánh. Lúc bấy giờ tôi mới 22 tuổi, nói chung còn non trẻ. Anh Nguyễn Chánh được anh em chúng tôi coi là người anh già dặn, từng trải, thương chỉ bảo, dẫn dắt chúng tôi.

Trại Phòng là trại an trí, nhưng chế độ ở đây rất khắt khe. Lao dịch rất nặng. Ăn uống hết sức chớ, còn hơn cả chế độ tù. Chúng tôi chủ trương đấu tranh đòi địch phải xóa bỏ chế độ hà khắc, thực hiện đúng chế độ đối với những người bị an trí. Anh Chánh là người lãnh đạo chủ chốt trong cuộc đấu tranh này.

Chúng tôi chuẩn bị kỹ lưỡng cho cuộc đấu tranh, về tinh thần, về lực lượng, về vật chất... Về lực lượng, chủ lực là trại chính có khoảng 100 người, các trại khác sẵn sàng hưởng ứng. Cán bộ, đảng viên là nòng cốt. Chúng tôi nhất trí cử hai anh Phan Triêm và Nguyễn Thoàng, hai người giỏi tiếng Pháp, làm đại biểu của anh em để đưa yêu sách với kẻ địch. Anh Nguyễn Chánh và tôi được cử làm dự bị cho anh Triêm, anh Thoàng. Trong chủ trương này cũng có giữ anh Chánh lại, vì anh là người lãnh đạo chủ chốt. Ngoài ra còn tổ chức một lực lượng tự vệ đứng

phía trước, sẵn sàng chịu đòn, bảo vệ cho các đại biểu...

Đúng ngày giờ dự định, cuộc đấu tranh nổ ra. Trại chính, rồi các trại hưởng ứng, nhất loạt làm theo, hô khẩu hiệu, các đại biểu đưa yêu sách bằng văn bản đảng hoàng.

Bọn lính Tây và lính khố xanh ủa vào đàn áp dữ dội. Đồng thời chúng điện về Huế, đưa bọn mật thám Trung Bộ vào và bọn lính khố đỏ ở đồn Phèng cũng kéo qua khủng bố. Chúng vây quanh, đặt súng máy, bắn chỉ thiên uy hiếp. Đồng thời một lực lượng mang gậy gộc, dùi cui, súng trực tiếp xông vào phòng đánh đập, kéo người ra. Chúng tôi chống lại. Suốt một giờ, chúng kéo ra được 11 người, trong đó có anh Chánh, anh Triêm, anh Thoàng và tôi. Tất cả đều bị đánh đập tàn bạo. Quần áo, da thịt chúng tôi rách bươm. Chúng xiềng chúng tôi lại, ném lên xe, chở về Huế. Anh em ở trại Phèng vẫn tiếp tục đấu tranh. Về sau địch buộc phải nhượng bộ, chế độ ở căng an trí được cải thiện khá hơn.

Còn 11 anh em chúng tôi, chúng đưa về Huế, ném vào ca-sô. Đây là nơi anh Tố Hữu, anh Bùi San... từng bị giam. Chúng tống chúng tôi vào, hai người một xà lim. Bấy giờ là khoảng tháng 9 ta và năm đó Huế trời rét ghê gớm. Lúc này ở Bắc Kỳ đang bị đói nặng vì bọn Nhật phá lúa và vỡ đê, hàng triệu người chết. Đồng bào bị đói tràn vào Huế rất nhiều. Trong xà lim chúng tôi hoàn toàn không có chăn màn, không giường chiếu, phải nằm ngay trên nền xi măng lạnh buốt. Chúng tôi hai người phải ngồi

lựa vào nhau để lấy hơi ấm. Chúng tuyệt đối không ho ra ngoài, ăn uống, ỉa đái ngay trong xà lim, hai ngày chúng mới xách thùng vệ sinh ra một lần lên hôi thối vô cùng. Ăn uống thì hết sức cực khổ. Người đói, ngựa đói cũng chết nhiều. Chúng cho chúng ôi ăn thịt ngựa chết mãi, nhiều anh em bị tiêu chảy nặng, hôi thối, rận chấy khắp người...

Bấy giờ ở cạnh chúng tôi có một nhà lao nữ, chúng tôi tìm cách liên lạc được hai chị tại đây là chị Đào Thị Đính, em gái cụ Đào Duy Anh và chị Hồng người Huế. Các chị lên đưa cho chúng tôi lúc sai kẹo, chút đường... cầm hơi. Đặc biệt những ngày tết, các chị lên tiếp cho chúng tôi một ít quà. Các chị còn giúp chúng tôi theo dõi tình hình bên ngoài ngục này đang rất sôi động...

Ở ca-sô được 5 tháng, chúng tôi bàn nhau chuẩn bị một cuộc đấu tranh, không thể để kéo dài tình trạng này, sẽ dần mòn chết hết. Đấu tranh có thể bị đàn áp dã man, có người hy sinh, nhưng thà chết để những anh em về sau còn có thể sống được. Anh Chánh luôn là hạt nhân của tất cả công việc bàn bạc chủ trương chuẩn bị đấu tranh này.

Cuộc đấu tranh đang gấp rút chuẩn bị, sắp nổ ra, thì ngày 9 tháng 3 năm 1945 xảy ra cuộc Nhật - Pháp đánh nhau. Khoảng 11 - 12 giờ đêm, trong xà lim, chúng tôi nghe súng nổ phía đồn Mang Cá và một số nơi khác. Chúng tôi, qua chị Đính và chị Hồng, ráo riết theo dõi tình hình. Sáng ra thì biết cục diện chính trị đã thay đổi, tình hình này nhất định phong trào ở các địa phương sẽ bùng lên.

Nhật lập chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Anh em ở cãng an trí và các nhà tù khác được thả ra. Nhưng riêng 11 người chúng tôi, chúng vẫn giữ lại. Chúng tôi đấu tranh quyết liệt, chúng vẫn không chịu thả. Anh Nguyễn Chánh hồi ở tù Buôn Ma Thuột có biết ông Tôn Quang Phiệt. Qua chị Đinh, chị Hồng, anh liên lạc được với ông Tôn Quang Phiệt và ông Phan Nghi Đệ là con trai cụ Phan Bội Châu. Nhờ ông Tôn Quang Phiệt và ông Phan Nghi Đệ vận động tích cực đấu tranh với bọn Nhật và cả Chính phủ Trần Trọng Kim, cuối cùng chúng tôi mới được thả ra.

Anh Chánh nhận định ngay:

- Tình hình này, anh em ở cãng an trí Ba Tơ nhất định khởi nghĩa. Tôi phải về ngay để tham gia cùng anh em ở địa phương.

Nhưng làm thế nào để đi về được? Chúng tôi ở xà lim ra hoàn toàn không có một xu dính túi, quần áo cũng rách bươm.

Chúng tôi kéo đến thăm ông Tôn Quang Phiệt, cảm ơn ông đã giúp chúng tôi. Rồi đến thăm ông Phan Nghi Đệ, bấy giờ vẫn ở ngay tại nhà thờ cụ Phan Bội Châu. Chúng tôi thắp hương bàn thờ cụ Phan.

Ông Phiệt, ông Đệ bàn bạc, đi quyên góp cho chúng tôi được một số tiền và quần áo.

Chúng tôi dồn tất cả tiền cho anh Nguyễn Chánh mua vé đi tàu lửa về Quảng Ngãi trước. Việc Anh về với các đồng chí khởi nghĩa Ba Tơ là cần kíp hơn cả. Còn chúng tôi lần lượt về sau. Riêng một

số anh em Quảng Nam chúng tôi liên hệ được với một số ghe bầu từ Quảng Nam ra buôn bán ở Huế, đi nhờ ghe của họ mà về.

Từ đó phân tán mỗi người một đường công tác, bước vào cuộc kháng chiến...

Năm 1952, tôi lại được gặp anh Chánh lần nữa, khi anh ra dự Đại hội Đảng bộ Quảng Nam, với tư cách là Bí thư Liên khu ủy. Trong Đại hội này có vấn đề mất đoàn kết giữa Đà Nẵng với Quảng Nam. Có đồng chí phát biểu ví Quảng Nam như cái khay, Đà Nẵng như cái bánh ú, cái khay có giá trị là do có cái bánh ú đặt vào... Anh Chánh đã phát biểu phê phán cái ví dụ thiên lệch đó rất hay, giải quyết được tư tưởng đoàn kết trong nội bộ Đảng bộ Quảng Nam.

Thời gian tôi được cùng ở và gặp gỡ anh Nguyễn Chánh không nhiều, nhưng trong tôi, hình ảnh anh luôn là hình ảnh một người anh, một đồng chí thuộc lớp đàn anh chúng tôi, một đồng chí lãnh đạo từng trải, chín chắn, vững vàng, đồng thời lại rất khiêm tốn, giản dị và chân tình. Những lần bàn bạc thảo luận chủ trương đấu tranh trong tù, cũng như sau này ở cương vị lãnh đạo cao phát biểu ý kiến về những vấn đề đang có gay gắt, anh không bao giờ có lối áp đặt mà thường đưa ra ý kiến khêu gợi, đề xuất để người đối thoại tự suy nghĩ, luận giải, cho nên ý kiến của anh có sức thuyết phục, cảm hóa nhẹ nhàng mà sâu sắc, rất dễ được tiếp thu hưởng ứng.

Tôi vẫn giữ mãi ấn tượng hết sức tốt đẹp về anh.

V.T.H.

## NHỚ MÃI ANH NGUYỄN CHÁNH

PHAN TÂM

*Cán bộ cách mạng lão thành*

Là người cậu, là người anh, rồi trở thành là đồng chí, anh Chánh đã dìu dắt tôi tham gia cách mạng từ khi tôi còn ở tuổi thiếu thời. Trong chiến đấu và công tác, cũng như trong cuộc sống đời thường, anh đã để lại trong tôi những kỷ niệm thân thương, những lời chỉ bảo ân cần sáng suốt.

Năm 1937, sau khi ra khỏi nhà lao Sơn Tịnh về với gia đình, mặc dù được bà con hàng xóm thăm hỏi ân cần, dạt dào tình cảm, nhưng tôi vẫn thấy không thể tiếp tục làm ăn sinh sống ở đây như những ngày qua mà phải làm như thế nào để có hai bữa cơm khoai sắn mỗi ngày và tiếp tục hoạt động. Suốt mấy hôm liền, tôi đang miên man suy nghĩ thì thỉnh linh anh Chánh đến.

Vừa bước vào nhà, anh chạy tới ôm chàng lấy tôi: "Em về hôm nào? Được khỏi ở tù mà sao íu xiu như thế?" Không đợi tôi trả lời, anh buông tay, ngồi xuống ván, nói tiếp: "Sau khi nghe em trắng án, anh xuống tình bàn với các bạn ở đó sắp xếp nơi ăn ở

à việc làm cho em rồi". Tôi hỏi: "Xướng tình làm gì? Anh nói cụ thể: việc làm để sinh sống và tiếp tục hoạt động".

Tôi như mở cờ trong bụng. Thật vượt quá điều mong ước của tôi. Tuy nhiên, tôi chỉ vâng vâng, dạ dạ, không nói được lời nào. Anh Chánh nói tiếp: "Chủ nhật này em xuống tình, đến nhà bà Nhơn gặp anh".

Ra về, anh móc túi lấy ra mấy đồng bạc gửi vào tay tôi. Tôi do dự... Anh bảo: "Của các anh chị dưới nhà gửi cho em đấy".

Đúng hẹn, tôi xuống thị xã gặp anh Chánh, anh Xi và anh Viên tại nhà bà Nhơn. Mọi việc được sắp xếp y như lời anh Chánh.

Tháng 7 năm 1939 theo đề cử của anh Chánh, Tỉnh ủy chỉ định anh Bùi Định và tôi làm đại biểu trong cuộc biểu tình của tỉnh tại thị xã Quảng Ngãi. Tôi bị địch bắt, đày đi Buôn Ma Thuột. Ba tháng sau, anh Chánh cùng nhiều đồng chí lãnh đạo của tỉnh cũng bị địch bắt, bị đày đi Buôn Ma Thuột. Sau gần ba năm ở tù tôi bị đưa về an trí tại căng Gi Lãng, miền núi Quảng Ngãi. Anh Chánh thì đi Li Hì, Thừa Thiên, rồi bị đưa đi nhà lao Thừa Phủ, Huế.

Sau Nhật đảo chính Pháp, anh Chánh thoát khỏi ca-sô Huế về Quảng Ngãi tham gia Tỉnh ủy, phụ trách chính trị ủy viên Đội du kích Ba Tơ. Cũng trong dịp này, tôi chuồn khỏi căng an trí về tham gia công tác Việt Minh địa phương. Anh Chánh đến xá tìm, điều tôi vào Đội du kích Ba Tơ. Vốn biết chút ít

về kiến thức quán sự học được lúc ở nhà thầy Buôn Ma Thuật, nay được tham gia công tác trong lực lượng vũ trang cách mạng thì đúng "tử" của tôi rồi.

Trưa hôm đó, anh ở lại ăn cơm với gia đình tôi. Bữa cơm có thịt gà, song anh chỉ ăn lấy lệ, mời mãi, anh nói: "Ăn coi nồi, ngồi coi hướng, ở nhà còn bao người chưa ăn". Trong bữa cơm hôm sau, mẹ vợ tôi hết lời khen ngợi anh chỉ một cử chỉ tuy nhỏ mà anh đã để lại hình ảnh tốt đẹp trong gia đình tôi.

Sau nửa tháng luyện tập quán sự, anh Chánh giao tôi phụ trách báo "Đu kích xung phong" và chọn anh em lập Đội tuyên truyền xung phong.

Giữa tháng 7 năm 1945, anh Chánh ở tỉnh về, ghé qua chỗ chúng tôi làm báo, lúc ấy ở rừng Lâm Lộc, cho chúng tôi hai bao thuốc lá, nói là thưởng chúng tôi viết đẹp, in tốt và trao đổi với chúng tôi về bài báo: "Nhật - Pháp khai hẳn chi nhật thị Việt Nam độc lập chi thời". Tôi nôn nóng hỏi ngay: "Bài đó thế nào anh?" Anh ôn tồn giảng giải: "Đưa ra đề tài đó là đúng lúc, nhưng chỗ nói về phát-xít Nhật mà "vơ đũa" cả tám chục triệu nhân dân Nhật là sai".

Chúng tôi toát mồ hôi, một đồng chí đứng dậy báo cáo với anh: "May quá, số báo chưa phát hành, vì rau xoa non bị vỡ, in hỏng, chỉ mới gửi về tỉnh một bản". Anh Chánh cười đồng thời rút từ trong cặp ra tờ báo đó giơ lên và nói: "Sáng nay, vào cơ quan tỉnh, thấy có tờ báo này trên bàn, tôi bóc niêm, đọc ngay, thấy chỗ không ổn, như tôi vừa nói, tôi

yếm luôn, mang theo". Mọi người chúng tôi thở phào nhẹ nhõm.

Tôi đưa anh ra đến bia rừng, trên đường đi, anh thủ thỉ: "Đấy về nhà em không xa lắm, lúc nào muốn đi, thành thật trình bày với anh em, xin đi. Mặt trời lặn, em đi, sáng hôm sau trời hửng đông về đến đây là được. Tranh thủ đi, mai mốt về Vinh Sơn, không thể đi được đâu...".

Tối ngày 14 tháng 8 năm 1945 trong khi Đội tuyên truyền xung phong chúng tôi đang thảo luận nghị quyết của Tỉnh ủy về điều kiện Tổng khởi nghĩa, anh Chánh, vừa ở Thường vụ Tỉnh ủy về, vào ngay lều chúng tôi. Vừa ngồi xuống, anh nói ngay: "Nhật đã tuyên bố đầu hàng tối hôm qua, cuộc Tổng khởi nghĩa ở tỉnh ta bắt đầu từ chiều hôm nay rồi". Anh em hỏi: "Vậy, phải chăng là ta Tổng khởi nghĩa trước khi có lệnh của Trung ương? Quân đồng minh vào thì sao?" Anh Chánh giải đáp ngay: "Chắc là Trung ương đã có chỉ thị, nhưng chưa đến ta đấy thôi. Các anh biết không, sau khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945) hơn hai tháng, Tỉnh ủy mới nhận được chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Thường vụ Trung ương (12-3-1945). Còn vấn đề quân đồng minh vào? Chúng ta đều biết rằng các ngài đồng minh đó có cả kẻ thù... Chính Đờ Gôn, ngày 24 tháng 3 năm 1945, đã công khai tuyên bố rằng Pháp sẽ chiếm lại Đông Dương, sau khi Nhật đầu hàng. Do đó, chúng ta không thể chậm trễ, phải căn cứ vào tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 (tháng 5-1941) và chỉ thị ngày 12 tháng 3 năm 1945 của Thường

vụ Trung ương mà phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay giặc Nhật, bóp chết từ trong trứng bọn phản cách mạng và bẻ lủ tay sai của quân xâm lược, xây dựng chính quyền nhân dân cách mạng, ta làm chủ đất nước ta, trước khi các ngài đồng minh đến, nghĩa là ta phải ở vị trí chủ nhà đương hoàng tiếp những ông khách không mời mà đến đấy. Đến đây, anh nói tiếp: "Ban chỉ huy ra lệnh cho Đội tuyên truyền xung phong các anh xuất phát ngay đêm nay về Trung Châu làm nhiệm vụ"...

Tháng 9 năm 1945, tôi gặp anh ở Huế. Sau bữa cơm tối, thấy chung quanh không có ai, tôi đùa: "Ông Thượng thư Bộ binh mà không có lính hầu sao?" Anh phản ứng ngay: "Anh chửi tôi đấy hả. Ở tù đấy! Bây giờ lớn rồi, chứ không còn là "vị thành niên" nữa đâu mà hòng được "miễn nghi"... Thôi đừng đùa nữa...". Với giọng đượm buồn anh nói: "Đảng sắp đặt, giao phó, phải cố gắng làm, mặc dù có vượt quá năng lực của mình. Vừa rồi, biết em đùa vui, anh vẫn cảm thấy xót xa day dứt: quyền cao chức trọng, trật tự tôn ty để mà xa cách anh em, bạn bè, đồng đội! Nhớ ngày nào, mới ba tháng trước đây thôi, anh và anh Vinh (tức anh Trần Công Khanh) phải nhịn ăn bữa trưa vì tự nhận hình phạt không thực hiện đúng điều quy định của đại đội. Lúc đó mình thấy sung sướng lạ: bình đẳng, chan hòa, ấm cúng và tin yêu nhau... Hàng ngày đến cấp dưỡng lĩnh nắm cơm và gói muối rang đem về ngồi ăn dưới gốc cây rừng sao mà ngon thế. Lúc nào cũng thấy thòm thòm, có

hề nói là ngon hơn cả những bữa cơm ở nhà ăn của Tòa khâm xử. Giặc đã đến rồi, giá mà Trung ương cho về Quảng Ngãi, với nhiệm vụ cũ, phát triển thêm lực lượng rồi kéo vào Nam sát cánh chiến đấu cùng anh em ta thì hạnh phúc biết chừng nào".

Năm 1956, Cục Cán bộ đưa người vào "chỉnh biên" Trung đoàn 120 và điều tôi về Tổng cục Chính trị, đưa lên công tác ở Tây Bắc. Trước khi đi Tây Bắc, tôi viết thư cho anh Chánh, trong đó lưu ý anh: đề nghị Bộ Tổng tham mưu giữ lại Trung đoàn 120, Trung đoàn này là vốn quý nhất của Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh vì toàn bộ chiến sĩ và hơn một phần ba cán bộ là người dân tộc thiểu số, nhưng tôi nghe phong phanh rằng, sau "chỉnh biên" sẽ giải tán Trung đoàn. Cán tổ chức cho cả cán bộ và chiến sĩ học tập, trước hết là học văn hóa, cố gắng làm sao khi về miền Nam, số đông chiến sĩ có trình độ có thể làm cán bộ xã đội dân quân trong địa phương họ.

Đầu năm 1957 ở Tây Bắc về Hà Nội học nghị quyết, tôi tranh thủ thời gian đến Trạm đón tiếp cán bộ ở 27 Cửa Đông xin gặp anh Chánh. Hơn 2 năm nay mới gặp, mừng quýnh, nhưng trước mặt anh em bộ đội, tôi đứng nghiêm giơ tay chào.

Hai chúng tôi đi vào trạm. Vừa đi anh vừa cười nói: "Chú em ở Tây Bắc về phải không?" Anh đùa: "Đình Ngô có ra Tây Bắc đâu mà lên đó để khóc với Đình Ngô? Tây Bắc không hợp thủy thổ sao mà người gầy rộc đi như thế?". Anh đùa nhưng thấy thái độ anh không vui, tôi biết anh đang lo nghĩ,

cảm thông về hoàn cảnh công tác của tôi. Không để anh phải bận tâm về tình riêng, tôi di thẳng vào việc trao đổi về công tác, tôi hỏi ngay: "Anh có nhận được thư em chứ... Ý anh thế nào về đề nghị của em trong thư ấy?" Tôi lắng nghe anh giảng giải: "Anh có nhận được thư em, tuy có chậm. Trước tiên, báo cho em biết: Trung đoàn 120 đóng ở Phú Quý (Nghệ An), có "chính biên" nhưng không "giải biên". Em yên tâm. Còn việc đào tạo cán bộ cho Tây Nguyên và tổ chức cho chiến sĩ học tập văn hóa chính trị... anh hoàn toàn đồng ý quan điểm với em... Mỹ - Diệm đã lật đổ Pháp - Bảo Đại, đế quốc Mỹ đã thay chân thực dân Pháp ở miền Nam, hồng chia cắt lâu dài đất nước ta. Hòa bình, thống nhất nước nhà không còn nữa. Việc đào tạo cán bộ cho Tây Nguyên là yêu cầu trước mắt. Em yên tâm công tác. Giữ gìn sức khỏe".

Chia tay anh, tôi trở lại Tây Bắc. Bỗng được tin như sét đánh: Anh Chánh đã qua đời đột ngột! Thật không có nỗi đau buồn nào bằng.

Em không ngờ lần tạm biệt anh vừa rồi cũng là phút vĩnh biệt, anh Chánh ơi!

P.T.

## ANH NGUYỄN CHÁNH RẤT XỨNG ĐÁNG LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU LIÊN KHU 5

TRẦN LƯƠNG

(Trần Nam Trung,

Nguyên Bộ trưởng Quốc phòng

Chinh phủ cách mạng lâm thời CHMNVN)

Tôi với anh Nguyễn Chánh rất thân nhau, không chỉ vì chúng tôi là đồng chí và đồng hương mà còn vì đồng cảm về nhiều mặt.

Rất tiếc vì sức khỏe và bệnh tật, tôi không thể viết hết và chỉ tiết về anh Nguyễn Chánh, chỉ xin ghi lại một vài điều sâu sắc nhất cho đến nay vẫn mãi còn in đậm trong tôi, mong góp được chút gì đó trong cuốn sách lưu niệm về anh.

Tôi thuộc vào lớp học trò của đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (1930), tham gia cách mạng trước những năm 1930 - 1931, từ phong trào Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Hồi đó, trong phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi có hai phái: Một phái do đồng chí Nguyễn Nghiêm lãnh đạo, phái khác do Trần Cừ cầm đầu. Lúc đó, tôi ở phái Trần Cừ, nhưng thấy phái này có nhiều

điều không đúng nên tôi tách ra, theo phái đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Lúc bấy giờ, những người cách mạng tiêu biểu của tỉnh có các đồng chí như Trần Kỳ Phong, Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Công Phương... Đồng chí Nguyễn Công Phương là một đảng viên cộng sản kiên trung và chung thủy. Đồng chí đã tham gia các cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp từ phong trào Văn Thân. Lúc đó, không ít người tham gia cách mạng, nhưng vì không chịu nổi các đòn tra tấn của quân thù nên sau khi ra tù, có người nằm im, có người đi theo hướng khác, phần lại cách mạng. Đồng chí Nguyễn Công Phương thì khác. Sau mỗi lần bị bắt, dù bị tra tấn đến chết đi, sống lại nhiều lần, ra tù, đồng chí vẫn tiếp tục hoạt động rất kiên cường và dũng cảm. Đến nỗi bọn mật thám đã phải gọi đồng chí là Stalin Quảng Ngãi.

Dưới ánh sáng của nghị quyết Trung ương và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư, phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển mạnh, đặc biệt là vào những năm 1930 - 1931, Quảng Ngãi được đánh giá là một nơi có phong trào mạnh nhất trong cả nước, phối hợp đặc lực với phong trào xô - viết Nghệ - Tĩnh.

Thực dân Pháp khủng bố và đàn áp rất dã man, hòng dập tắt phong trào. Nhiều đồng chí phải chịu án tử hình, phải vào các nhà tù, bị dày ải cho chết dần chết mòn. Đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Quảng Ngãi, bị xử chém ở bãi sông Trà Khúc. Bị trói vào cọc, đồng chí không cho bị

nát. Trước giờ hành quyết, đồng chí vẫn kêu gọi lòng báo, đồng chí bền gan quyết chí, liên tục đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng. Tên đao phủ phải chém đến nhát dao thứ mười bảy đồng chí mới chịu ngã xuống. Tâm gương bất khuất, hiên ngang của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trước pháp trường không những đã động viên các đồng chí giữ vững khí tiết của người cộng sản, mà còn làm cho kẻ thù phải hán phục. Anh Nguyễn Chánh và tôi là lớp người nước vào hoạt động cách mạng trong không khí sôi sục đó.

Tôi bị bắt và đi đày ở nhà lao Buôn Ma Thuật. Tôi và anh Chánh thân nhau từ ngày trong tù.

Trong nhà lao, anh em tù chính trị, ngoài các cuộc đấu tranh chống chế độ tù bà khắc, đòi cải thiện đời sống, còn học chính trị, văn hóa, quân sự, v.v. Vào những năm 1940 - 1942, trong nhà đày Buôn Ma Thuật có đồng chí Trương Quang Lệnh quê ở Nghệ An, đã học trường quân sự Hoàng Phố bên Trung Quốc, dạy về quân sự. Chúng tôi học rất say mê. Nhờ đó mà khi ở Ba Tơ, trong chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa, chúng tôi mới có ít miêng võ mã nữa.

Mãn hạn tù, bọn Pháp đưa tôi về các anh Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Quý Hai về an trí ở Ba Tơ. Tại đó chúng tôi đã gặp các anh Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoaán, v.v. Chúng tôi tích cực chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa và trang theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương (1941), được truyền lại cho nhau khi còn ở nhà tù Buôn Ma Thuật.

Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quyết tâm khởi nghĩa đánh chiếm đôn Ba Tư được xác định rất nhanh, và cuộc khởi nghĩa đã thành công. Để giữ bí mật, mỗi người phải có bí danh. Thấy tôi có đôi mắt "tí hí mắt lươn" nên các anh đặt tên tôi là Lương, anh Trương Quang Viên - Bí thư, khi ấy trong tay đang cầm con dao nên các anh đặt tên là Giao (Trương Quang Giao), v.v.

Sau khởi nghĩa Ba Tư (11-3-1945), chúng tôi đón anh Nguyễn Chánh từ nhà lao Thừa Phủ, Huế về tham gia Tỉnh ủy và tăng cường lãnh đạo Đội du kích Ba Tư. Còn tôi, anh Giao, anh Trần Quý Hai... thì về cùng các đồng chí khác phụ trách phong trào ở đồng bằng.

Phụ trách về quân sự, anh Chánh đã cùng tập thể đóng góp xuất sắc vào việc củng cố và phát triển Đội du kích cũng như lực lượng bán vũ trang trong toàn tỉnh.

Để có được sự chỉ đạo của trên, chúng tôi cử anh Trần Huy đi tìm Trung ương, nhưng không tìm được. Anh Tố Hữu nghe nói có người đi tìm nên mới vào, đúng vào lúc chúng tôi đang họp đại biểu của 7 tỉnh Trung Bộ từ Quảng Trị đến Khánh Hòa để thống nhất phương án Tổng khởi nghĩa.

Sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, anh Chánh tham gia Xứ ủy Trung Bộ và làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ. Anh đã cùng tập thể lãnh đạo việc chuẩn bị kháng chiến ở các tỉnh chưa có chiến sự, đồng thời điều hành tác chiến ở các tỉnh đang có chiến sự và chỉ viện cho các tỉnh Nam Bộ kháng chiến.

Sau đó, anh Nguyễn Sơn vào và Ủy ban kháng  
hiến miền Nam được thành lập. Anh Chánh là ủy  
viên đồng thời phụ trách Chủ nhiệm chính trị của  
Ủy ban. Anh Nguyễn Sơn và anh Chánh thân nhau  
 lắm. Vì vậy, khi ra Bắc, trước ngày toàn quốc kháng  
hiến, anh Sơn định kéo anh Chánh cùng đi, nhưng  
đó đây anh Phạm Văn Đồng vào giữ anh Chánh ở  
ở Liên khu 5.

Ở Nam Trung Bộ, trong kháng chiến chống Pháp,  
đó đây, anh Đồng thay mặt Trung ương và Chính  
phủ phụ trách chung. Sau đó anh Nguyễn Duy Trinh  
làm Bí thư Đảng bộ Nam Trung Bộ, còn anh Chánh  
phụ trách quân sự. Khi Quân khu 5, 6, 15 sáp nhập  
hành Liên khu 5, anh Chánh làm Chính ủy Liên  
khu. Sau đó, anh Chánh về Bộ định thay anh Nguyễn  
Thị Thanh về công tác bên Bộ Chính trị Trung ương  
Đảng, tôi thay anh Chánh làm Chính ủy Liên khu 5.  
Thung về sau do yêu cầu của tình hình Liên khu 5  
tôi đến anh Chánh lại trở về. Trong Đại hội Đảng bộ  
Nam Trung Bộ, anh Chánh được bầu làm Bí thư Liên  
khu ủy, được chỉ định làm Tư lệnh kiêm Chính ủy  
Liên khu 5. Từ lúc này, những gánh nặng tương  
đối quá sức đè trĩu trên vai anh. Anh phải chỉ đạo  
và điều hành bao quát mọi mặt, từ xây dựng Đảng  
ở Nam Trung Bộ, xây dựng chính quyền, các đoàn  
thể và các ngành... đến chỉ đạo, chỉ huy việc xây  
lực lượng và tác chiến của lực lượng vũ trang Liên khu  
giành những thắng lợi oanh liệt nhất và hết sức rực  
 rỡ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5,  
góp phần to lớn vào chiến thắng chung của đất nước.

Với cương vị Bí thư Liên khu ủy, chỉ huy và lãnh đạo lực lượng vũ trang liên khu, anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Được như vậy là vì anh có tài năng, có phẩm chất và đạo đức tốt, có được một tập thể đoàn kết của các đồng chí cách mạng trung kiên, vững vàng từ các nhà tù ra hết lòng giúp đỡ. Ngoài ra, anh lại có khả năng tập hợp và sử dụng được mọi lực lượng, nhất là trí thức như anh Cao Văn Khánh ở Quân khu 5, anh Lâm Kèn (Nguyễn Thế Lâm) ở Quân khu 6, v.v. vốn từ Trường Thanh niên tiên tuyến ra.

Anh là người chỉ đạo, chỉ huy sắc sảo, thông minh, nhanh nhẹn, dũng cảm, có tài và có đức, rất xứng đáng là người đứng đầu Liên khu 5 - Nam Trung Bộ.

T.L.

## NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

TRẦN VĂN QUẾ

*Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam*

Sau vụ bê vỡ cơ sở ở tỉnh nhà cuối năm 1936, tôi bị đế quốc bắt. Tuy còn nhỏ, ở tuổi vị thành niên nhưng tôi vẫn bị chúng kết tội xử phạt tù giam và đày đi Buôn Ma Thuột.

Đây là một nhà đày lớn ở vùng rừng thiêng nước độc, nơi tập trung giam giữ những chiến sĩ cách mạng ở các tỉnh Trung Bộ, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Có lúc số tù nhân lên 500 - 600 người. Có người nang án chung thân, có người 15 - 20 năm tù khổ sai. Tội đế quốc, phong kiến dồn hết các đồng chí vào đây đày ải để làm nhụt chí chiến đấu, chết dần chết mòn, hồng tiêu diệt mầm mống cộng sản. Nhưng ngược lại, chính nơi đây là chỗ hội tụ những trí tuệ và tâm hồn cách mạng lớn, nơi các đồng chí có dịp trao đổi, học tập rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ cho cách mạng để tiếp tục đấu tranh với chúng, giành lại độc lập, tự do, giành lại quyền làm chủ đất nước.

Các anh chị em trong tù tổ chức các lớp học, dạy chỉ cho nhau về các mặt hoạt động, từ chính

trị, kinh tế, đến kinh nghiệm sống, các công tác dân vận, binh vận, lối xử thế khi trốn tránh, khi sa vào tay giặc, mặt giáp mặt với quân thù. Ngoài ra, ta còn mở các lớp học Pháp văn, Hán văn.

Trong số các anh mà chúng tôi thường gọi là "*các ông anh*" như các anh Nguyễn Chí Thanh, Trương Quang Giao, Ngô Đức Dệ, Cố Tuấn, Nguyễn Công Phương và anh Nguyễn Chánh, v.v. là những ông thầy, những hướng dẫn viên của lớp.

Số trẻ chúng tôi, như anh Tạ Tường (Phượng), Tống Đình Phương, Lê Nghĩa Sĩ, Nguyễn Ngọc Anh và tôi, theo học nhiều môn, nhưng chúng tôi thích nhất là lớp bồi dưỡng về công tác vận động quần chúng do anh Nguyễn Chánh phụ trách. Anh Chánh coi chúng tôi như lũ em, thường xuyên chỉ bảo căn dặn từng ly, từng tý. Anh Chánh là người ít nói, song anh luôn luôn vui vẻ và ân cần săn sóc chúng tôi. Mỗi buổi chiều, cơm nước xong, chúng tôi rủ nhau đến sau hè nhà, vây quanh anh để học. Anh dặn dò, bày chỉ chu đáo từ việc nhỏ đến việc lớn, từ lời xưng hô khi giao thiệp với quần chúng, đến cử chỉ thái độ đối với từng người, từng lớp người. Anh thường vui vẻ kể các mẩu chuyện dí dỏm trong cuộc sống, ăn, ở, giao tiếp trong nhân dân.

Tôi cùng nằm một buồng với anh. Cứ mỗi tuần lại sinh hoạt buồng một lần để thảo luận các việc trong nhà đày. Có nhiều ý kiến, đôi khi có sự tranh luận sôi nổi. Anh Chánh thường là người phát biểu sau cùng và ý kiến của anh thường là ý kiến kết luận. Chúng tôi thường gọi "*cây phân tích, ông trùm*

ết luận", là để ca ngợi tài tổng hợp của anh. Còn anh Chánh thì thường khiêm tốn nói lại với chúng tôi: "Minh ít học, không qua trường lớp nào, song mình cấp nghề khá, học lom giời".

Người anh Chánh không được khỏe lắm, hay ốm lau, nhưng anh không bao giờ từ chối một việc gì chỉ tập thể cần đến, kể cả tham gia đấu tranh với chủ ngục.

Anh thường hay nói chơi mà thật. Khi tôi sắp nấn hạn tù, anh nói đùa: "Kỳ này mãn hạn tù được về làm nũng với mẹ. Tuổi thanh niên chịu để chúng quản thúc bộ giò, giam chân hay là bay nhảy tiếp? Tuổi còn trẻ cố làm sao cho xứng đáng, làm sao cho bác ông bà có tuổi theo với. Cuộc đời làm cách mạng vất khổ, đôi khi phải hy sinh. Sức trai chịu hy sinh hay đành chịu nhục mất nước? Anh em mình hy vọng và quyết chí gặp nhau ở môi trường hoạt động cách mạng, chứ đừng để cho lũ quân cướp nước cột chân mình lại. Ta có cánh phải bay, có chân phải chạy. Ta phải thực hiện, "chủ đào vi tẩu". Chính lời dặn dò ân cần đó của anh đã làm tăng thêm sức mạnh cho tôi khi tôi quyết tâm vượt trốn thoát ly để hoạt động tiếp.

Thoát khỏi xiềng xích của địch, sau gần một tháng vượt đèo, xuyên núi, tôi về tới quê nhà, cùng với một số đồng chí khác lo vận động tổ chức cơ sở, xây dựng lại phong trào trong tỉnh. Khi cơ sở đã có chỗ đứng rồi, nhớ đến các anh Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Quý Hai, Nguyễn Đôn đang bị an trí tại Ba Tơ, chúng tôi bàn kế móc nối với các anh

ấy, tổ chức cho các anh trốn trại ra ẩn náu ở Quảng Nam - Đà Nẵng để tăng cường cán bộ hoạt động.

Khoảng cuối năm 1944, anh Trần Quý Hai, cải trang thành một lái buôn cước, lưới câu, ra Tam Kỳ nơi cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng đóng để bàn kế hoạch hành động. Bố trí sắp đặt đầu vào đây thì gặp thời cơ tốt. Các anh đành hoãn chuyến đi, ở lại lo tổ chức khởi nghĩa Ba Tơ, tổ chức đội quân du kích. Mỗi liên hệ giữa Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi bắt đầu từ đây. Cũng trong thời gian này, tại Hóc Cò ở Tịnh Tây (Núi Thành), ta tổ chức cuộc họp thành lập Ban liên tỉnh, Quảng Ngãi có đồng chí Trần Quý Hai dự, bàn việc thành lập đây căn cứ địa từ Ba Tơ, Trà Bồng (Quảng Ngãi) cho tới Trà My, Tiên Phước (Quảng Nam - Đà Nẵng), bố trí cán bộ đi mở rộng địa bàn hoạt động vào Bình Định, Phú Yên, phía Nam, và Thừa Thiên - Huế ở phía Bắc.

Sau khi ra khỏi nhà lao Huế, anh Chánh được bổ sung ngay vào Ban Tỉnh ủy Quảng Ngãi và được phân công đặc trách chỉ huy du kích Ba Tơ. Quảng Nam - Đà Nẵng lúc này liên hệ chặt chẽ với anh để bàn bạc kế hoạch mở rộng ảnh hưởng của Đội du kích Ba Tơ. Chúng tôi đưa cán bộ vào Quảng Ngãi dự các lớp huấn luyện quân sự do anh Chánh phụ trách để triển khai mở rộng tổ chức lực lượng tự vệ ở các vùng căn cứ, thực hiện kế hoạch phá các tàu của Nhật bị đắm để lấy súng, đạn, sắt, đồng mang vào Quảng Ngãi rèn dao găm, mã tấu, gươm, cung tên trang bị cho các đội du kích và tự vệ.

Khi đã hoàn tất nhiệm vụ xây dựng và chỉ huy toàn quân du kích Ba Tơ giành chính quyền ở tỉnh nhà trọn vẹn, anh Chánh được cử đảm nhiệm cương vị lãnh đạo các lĩnh vực quan trọng. Khi ở Trung Bộ, khi về Liên khu cũng như lúc ở Trung ương, anh Chánh luôn luôn vững vàng, lo lắng điều hành công việc rất tinh táo và sáng suốt. Ở cương vị cao, làm đương nhiều công việc lớn, nhưng anh Chánh rất giản dị, bình dân, có tính quần chúng, luôn luôn gần gũi anh chị em, lúc nào anh cũng giữ được tình cảm sâu nặng với cán bộ bất kể ở cấp nào.

Tôi không bao giờ quên được sự quan tâm chăm sóc của anh Chánh đối với cán bộ.

Trong kháng chiến chống Pháp, có lần Khu ủy quyết định cử một số đồng chí ra Việt Bắc học chính Đảng, để rồi đi học Mác - Lê ở Trung Quốc. Khi họp Đoàn tại cơ quan Liên khu bộ, anh Chánh với tư cách là Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu đến dự. Anh hỏi cận kề tình hình, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình của từng người, v.v. Anh quan tâm và dặn dò từng việc, từ việc đi bộ qua các binh trạm, đến chuyện mang xách hành trang. Anh nói: "*Từ Quảng Ngãi ra đến Việt Bắc phải đi bộ mất 3 tháng 20 ngày, qua nhiều đèo cao, dốc đứng, qua nhiều suối sông nguy hiểm nên phải có sức khỏe, đi bộ khá, đi lợi giỏi và mang xách được*". Khi anh nói đến chuyện phải biết bơi, tôi liền báo cáo "*tôi không biết bơi*". Tôi đã mang danh họ "*Thạch*" từ bé đến bây giờ. Anh Chánh liền chỉ thị ngay cho Phòng tổ chức phải tìm cho tôi một căn vụ mang công khá và biết

bơi giỏi. Trước khi lên đường một tuần, anh Chánh còn họp Đoàn để kiểm tra từng người một, hỏi từng đồng chí cần vụ. Bữa cơm thân mật trước khi chia tay, anh Chánh cũng đến dự với anh em và còn tiếp tục căn dặn những điều cần thiết.

Nhớ anh Chánh, nhắc lại những kỷ niệm về anh, tôi không sao kể hết. Anh Chánh thật là một đồng chí lãnh đạo vững vàng, sáng suốt, mẫu mực, giản dị, chu đáo, sống có tình có nghĩa, có trước có sau. Thật là một đồng chí lãnh đạo đáng kính trọng, quý mến, đồng thời rất xứng đáng với cái tên mà chúng tôi đã suy tôn từ lâu "*một ông anh trong các ông anh đáng kính*".

T.V.Q.

## ANH NGUYỄN CHÁNH, VỊ TƯỚNG TÀI TOÀN ĐIỆN

TRẦN LÊ

*Nguyên Viện trưởng  
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*

Cuối năm 1950, tôi đang làm Bí thư cực Nam Trung Bộ, thì được lệnh điều về Khu, anh Trương Chí Cương vào thay. Đầu năm 1951 tôi được quyết định về làm Trưởng phòng Chính trị Bộ tư lệnh Liên khu 5. Lúc này anh Nguyễn Chánh đang ra công tác và dự Đại hội Đảng ở Việt Bắc. Đến tháng 7 năm 1951 anh mới trở về Liên khu 5, là Ủy viên Trung ương Đảng và sau đó là Bí thư Liên khu ủy, Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5. Đến tháng 10 năm 1952, tôi được đi học lớp chính đảng do anh Nguyễn Duy Trinh phụ trách, sau đó được giao nhiệm vụ chuyên làm công tác chính đảng cho cán bộ huyện. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, tôi ở lại hoạt động ở miền Nam... Như vậy thời gian tôi được trực tiếp công tác với anh Chánh không nhiều. Nhưng ấn tượng về anh Chánh thì rất sâu sắc.

Có thể nói tất cả cán bộ ở Liên khu 5 hồi bấy giờ đều rất phục anh Chánh, quý mến anh, đồng thời cũng rất sợ, vì sự sắc sảo của anh.

Riêng tôi, tôi thấy điểm nổi bật nhất ở anh Chánh là tinh thần cách mạng tiến công rất mạnh mẽ.

Ở Liên khu 5 hồi bấy giờ, có vùng bị địch chiếm ở Bắc Quảng Nam, ở cực Nam (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) và ở Tây Nguyên, nhưng ta lại có một vùng tự do khá rộng lớn và hoàn chỉnh bao gồm Nam Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, là hậu phương trực tiếp của chiến trường. Phải nói rằng thời trước khi anh Chánh chủ trì, tư tưởng lãnh đạo có phần nặng lo giữ vùng tự do. Còn anh Chánh thì cách đặt vấn đề có khác.

Hè năm 1952, ta mở chiến dịch tấn công ở chiến trường Bắc Quảng Nam. Có ý kiến phê phán, cho rằng như vậy là ham tấn công phía trước, coi nhẹ xây dựng hậu phương, bồi dưỡng sức dân, v.v. Anh Chánh không đồng ý với ý kiến phê phán đó. Anh chủ trương phải luôn luôn lấy tấn công làm chính, từ đó mới giữ được hậu phương, mới xây dựng cho hậu phương mạnh lên.

Khi nổ ra vụ bạo loạn ở Sơn Hà, miền Tây Quảng Ngãi, chủ trương của anh Chánh cũng là kiên quyết tích cực tấn công nhưng với phương châm vận dụng cả chính trị và quân sự, trong đó chính trị là chủ yếu, vừa tác chiến vừa kết hợp nguy vận, dân vận, chú trọng giải quyết tốt đời sống cho nhân dân, đồng thời phải tự phê bình trước nhân dân về những sai phạm của cán bộ trong chính sách dân tộc (hồi đó, trong khi thực hiện phong trào "Đời sống mới" ở vùng này, một số cán bộ ta đã có những hành động quá trớn, trái với phong tục tập quán và xâm phạm một

ổ quyền lợi của đồng bào các dân tộc thiểu số ở đây; bọn địch lợi dụng, kích động, gây phản loạn). Đến cuối năm 1951, vụ Sơn Hà đã được giải quyết ổn, chứng minh chủ trương đúng đắn của anh Chánh.

Đặc biệt trong Đông - Xuân 1953 - 1954, khi lịch tiến hành chiến dịch At-lan-te âm mưu chiếm vùng tự do Liên khu 5, đã đổ bộ lên Phú Yên rồi Quy Nhơn, anh Chánh vẫn kiên quyết giữ vững quyết tâm đưa chủ lực ta chủ động tấn công lên Tây Nguyên như kế hoạch đã định. Đồng thời, trong tương quan lực lượng địch, ta trên chiến trường lúc bấy giờ, anh Chánh đã đánh giá đúng và mạnh dạn giao nhiệm vụ giữ vùng tự do cho lực lượng địa phương tại chỗ kết hợp với phong trào đấu tranh của quần chúng thân dân. Kết quả, ở Tây Nguyên ta đã diệt được nhiều lực lượng chủ lực tinh nhuệ của địch, giải phóng hoàn toàn Bắc Tây Nguyên, giành được dân; ở đồng bằng ta cũng tiêu diệt được địch, thu nhiều vũ khí, giữ vững được vùng tự do; tạo nên thắng lợi to lớn trên chiến trường Khu 5 và phối hợp rất tốt với Điện Biên Phủ và toàn quốc.

Qua đó có thể thấy rõ tư tưởng tấn công mạnh mẽ kiên định, sự phát hiện và đánh giá tình hình nhạy bén, chọn hướng tấn công và sử dụng lực lượng linh dẫn của anh Chánh, chứng tỏ tài năng lãnh đạo và chỉ huy của người cầm quân ở anh Chánh hơn hẳn kẻ địch một cái đầu. Kẻ địch đánh chịu hấp nhận thất bại nặng nề.

Tư tưởng cách mạng tiến công của anh Chánh còn thể hiện ở chỗ anh luôn luôn coi trọng việc xây

dựng lực lượng. Anh là một trong những đồng chí có công lớn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở Liên khu 5, không chỉ lực lượng dân quân du kích mà cả lực lượng chủ lực tập trung.

Ngay từ năm 1948 - 1949, ở Liên khu 5 đã có cao trào luyện quân lập công. Đến năm 1951 - 1952 thì có những đợt học tập quan trọng về tư tưởng chiến thuật và kỹ thuật tác chiến mới, có tác dụng rất lớn trong việc nâng cao trình độ tác chiến của bộ đội.

Trận Kom-plong tháng 8 năm 1951, diệt gọn 200 tên địch, phần lớn là Âu Phi trong công sự vững chắc, chính là kết quả tốt đẹp của những đợt học tập này. Trước đó có thể nói có sự bế tắc về kỹ, chiến thuật. Trận Kom-plong là thành công đặc sắc, mở đầu khả năng diệt địch trong công sự vững chắc, gỡ ra một chỗ bí nhiều năm về kỹ, chiến thuật ở Liên khu 5.

Anh Chánh là người chỉ huy rất quan tâm đến việc xây dựng lực lượng chủ lực, bao gồm cả bộ binh, công binh, đặc công, cối pháo. Đặc biệt trong năm 1953, đầu 1954, việc xây dựng lực lượng được đẩy mạnh, vừa tác chiến, vừa xây dựng, hàng ngàn tân binh được tuyển mộ thêm, không chỉ để bù đắp số thương vong trong chiến đấu, mà còn phát triển, lập thêm một số đơn vị chủ lực mới.

Đầu năm 1954, chỉ trong một tháng, ở Liên khu 5 đã thành lập thêm một trung đoàn mới, Trung đoàn 96, là trung đoàn vừa thành lập xong đã tác chiến thắng lợi rực rỡ, tiêu diệt hoàn toàn binh đoàn cơ

lộng số 100 của quân Pháp, trên Đường 19. Đồng  
hời nhiều tỉnh cùng lập thêm những tiểu đoàn độc  
ập mới.

Trong việc xây dựng, phát triển lực lượng, anh  
Chánh rất quan tâm gắn liền với việc xây dựng hậu  
phương mạnh nhưng không phải ngồi chờ hậu phương  
nới làm mà phải làm đồng thời, phía trước đẩy mạnh  
ấn công địch, vùng tự do hậu phương đẩy mạnh  
ăng gia sản xuất, giải quyết vấn đề ruộng đất cho  
ông dân, bồi dưỡng sức dân, tạo thêm điều kiện  
cho nhân dân không những chỉ đủ ăn mà còn có  
hể đóng góp sức người, sức của ngày càng tăng cho  
chánh chiến.

Nhân đây tôi muốn nhắc đến một chuyện cụ thể:  
Năm 1961, khi đồng chí Trần Lương lên đường đi  
vào Nam, đồng chí Lê Duẩn có căn dặn: "Hồi kháng  
chiến chống Pháp, ở Nam Bộ chúng tôi chỉ nặng  
o dân quân du kích, không có chủ lực mạnh, nên  
lến 1953 - 1954 khi có thời cơ thì không làm ăn  
lược lớn như các đồng chí ở Khu 5. Cần nhớ lại  
bài học đó".

Rõ ràng trong vấn đề này, anh Chánh là người  
có tầm nhìn chiến lược xa và rất đúng đắn.

Tóm lại anh Nguyễn Chánh là một đồng chí có  
sống lao lớn xây dựng, rèn luyện, chỉ đạo và chỉ huy  
ực lượng vũ trang Liên khu 5 từng bước trưởng thành  
và lập nhiều chiến công xuất sắc. Anh là một nhà  
chỉ huy quân sự mưu lược, một vị tướng tài năng  
fang đã phát triển. Rất tiếc là anh mất quá sớm,  
nơi ở tuổi 43, là một thiệt thòi lớn đối với quân

đội ta, Đảng ta nói chung và đối với quân dân Liên khu 5 nói riêng.

Ở anh có những đức tính quý báu, như sự quyết đoán mạnh mẽ trong xử lý công việc, nghị lực cao và tinh thần rất triệt để trong thực hiện các chủ trương đã đề ra.

Về rèn luyện quân phong, quân kỷ cho bộ đội, anh cũng là một người chỉ huy luôn có sự đòi hỏi rất nghiêm khắc, đồng thời cũng tự mình rất mẫu mực. Tôi nhớ lúc có chủ trương giảm biên chế ở các cơ quan để tăng cường lực lượng cho các đơn vị chiến đấu, anh chống gậy đi sụp sạo từng cơ quan, rất cụ thể, yêu cầu thực hiện triệt để.

Anh cũng là người luôn luôn đi sâu nghiên cứu tình hình cụ thể của mình, tự rút kinh nghiệm, đồng thời rất khiêm tốn học hỏi bạn. Đặc biệt anh rất ham đọc sách, anh đọc được tiếng Quan thoại, thường xuyên đọc, học, để tự nâng trình độ mình lên. Những anh em ở gần anh đều nhận thấy sau đợt đi Việt Bắc 1950 - 1951 trở về trình độ anh được nâng lên rất rõ.

Có thể nói, đó là một vị tướng tài toàn diện.

T.L.

## ANH NGUYỄN CHÁNH MÁI MÁI NHỚ ANH

*Thượng tướng TRẦN VĂN QUANG  
Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh  
Việt Nam*

Tôi sống và làm việc với anh Nguyễn Chánh không nhiều, nhưng cứ mỗi lần chúng tôi gặp nhau, anh Chánh đều để lại trong tôi những tình cảm thân thương, những kỷ niệm sâu sắc khó quên.

Lần đầu chúng tôi gặp nhau là trong nhà tù Buôn Ma Thuột. Tôi chuyển từ nhà lao Đăk-mil về nhà đày Buôn Ma Thuột vào đầu năm 1942. Đây là nhà đày vào cỡ lớn ở Đông Dương. Số tù chính trị có lúc đến 500 người. Nơi đây, bằng chế độ nhà tù vô cùng khắc nghiệt và tàn bạo, thực dân Pháp đã đày ải cho chết dần, chết mòn những chiến sĩ yêu nước. Tôi ở trong nhà lao cầm cố và gặp anh Chánh từ đó. Với khẩu hiệu "Biến nhà tù thành trường học và trường đấu tranh cách mạng", trong điều kiện hết sức khó khăn, khắc nghiệt, các chiến sĩ cộng sản vẫn tổ chức học văn hóa, chính trị, quân sự, tổng kết công tác, nhằm nâng cao kiến thức và rút kinh

nhịệm để sau khi ra tù có thể bắt tay hoạt động cách mạng tốt hơn. Anh Chánh tham gia tích cực vào việc tổ chức và tiến hành cuộc đấu tranh trong tù, chịu khó học tập, rèn luyện và tu dưỡng. Tuy anh ít nói nhưng tính tình nhẹ nhõm, dễ hòa nhập nên được mọi người mến mộ.

Trong lúc này, trên thế giới có nhiều biến động. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước vào giai đoạn quyết liệt nhất. Cuộc tiến công của phát-xít Hít-le vào Liên Xô đang bị thất bại nặng nề. Tình thế cách mạng trên thế giới ngày càng đến gần. Điều đó có ảnh hưởng không ít đến nhận thức tư tưởng của những người cộng sản Việt Nam. Trong nhà tù thường xảy ra các cuộc tranh luận về thời cuộc. Có khi cuộc tranh luận ấy diễn ra rất gay gắt, cả trong khi đi làm xâu và cả trong bữa ăn. Anh Chánh là một người tham gia tích cực vào các cuộc tranh luận đó. Anh có nhận thức sâu, cái nhìn khách quan, thái độ chín chắn, mực thước, không cường điệu và chụp mũ, nên thuyết phục và cảm hóa được mọi người.

Hết hạn tù, bọn Pháp đưa anh em tù chính trị về giam lỏng ở các căng an trí. Anh Chánh đi an trí ở Phú Bài, Thừa Thiên. Ở đây, anh tham gia lãnh đạo tổ chức các cuộc đấu tranh, vì vậy thực dân Pháp buộc phải đưa anh vào ca-sô ở nhà lao Thừa Phủ (Huế).

Đầu năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, chúng tôi tự giải phóng khỏi nhà tù Buôn Ma Thuật. Trên đường về, tôi ghé lại Quảng Ngãi. Ngồi trong toa đen của con tàu nhìn những cánh đồng với những nương ngô,

đãi sẵn và ruộng lúa chen nhau, tôi miên man suy nghĩ về cảnh, về người và cuộc đấu tranh ở đây... Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945) đã thành công chỉ hai ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp. Nó kết thúc tuyệt đẹp một giai đoạn của cuộc đấu tranh vô cùng anh dũng chống ách thống trị của thực dân đầu kết với phong kiến, là một chấm son mãi mãi thắm đỏ trong truyền thống đấu tranh cách mạng của Quảng Ngãi cũng như của cả nước. Xa sự chỉ đạo của Trung ương, nhưng các đồng chí cộng sản ở Ba Tơ, Quảng Ngãi, đã nắm và vận dụng sáng tạo nghị quyết 8 của Trung ương (5-1941), làm nên một kỳ tích mà nhiều nơi tuy cũng có tình thế cách mạng như vậy đã không làm được. Theo tôi, được như vậy là vì các đồng chí có tầm nhìn, nắm bắt được thời cơ, hành động kiên quyết và kịp thời. Và tất nhiên là việc đó đã được chuẩn bị kỹ về các mặt từ trước nên mới có thể tiến hành đúng thời cơ và thắng lợi. Khởi nghĩa vũ trang, như Ph.Ăng-ghe-n nói, không phải là trò đùa...

Đến Quảng Ngãi, tôi không ở được lâu vì phải đi Huế ngay nên chỉ gặp đồng chí Bùi Định và được thông báo về tình hình. Lúc đó là vào khoảng tháng 4 năm 1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ vừa nổ ra khoảng một tháng. Khí thế cách mạng ở đây đang hưng hực, cao trào cách mạng đang dâng. Rất mừng cho vận mệnh của đất nước vì thời cơ cách mạng sắp đến. Tôi chìm sâu vào suy nghĩ...

Sau Cách mạng tháng Tám, trong chín năm kháng chiến chống Pháp, phần lớn thời gian tôi hoạt động

ở Quân khu 4. Tôi làm Chính ủy, anh Nguyễn Sơn làm Tư lệnh Quân khu. Mấy năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi về Bộ phụ trách Cục Tác chiến, trực tiếp theo dõi tình hình Liên khu 5. Vì vậy, tôi hiểu khá kỹ, nắm chắc tình hình kháng chiến ở đây, và qua đó tôi càng hiểu và càng mến phục anh Nguyễn Chánh, mặc dù từ khi chia tay ở Buôn Ma Thuột chúng tôi chưa được gặp lại nhau.

Liên khu 5, khúc ruột miền Trung, có mối quan hệ sống còn đối với cả nước, với miền Nam Đông Dương.

Là một hướng chiến lược rất quan trọng, xa sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương, lại nằm trong vòng vây bốn mặt của quân thù, Liên khu 5 luôn là trọng điểm đánh phá ác liệt nhằm khuất phục và chiếm đóng của giặc Pháp. Thế nhưng mảnh đất này không những kiên cường đứng vững trước mọi thử thách khắc nghiệt, mà còn giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập những chiến công rực rỡ trong cuộc kháng chiến.

Vùng tự do Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp được xây dựng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về kinh tế. Là một vùng căn cứ, từ xa xưa luôn bị thiếu ăn, thiếu mặc, hàng năm phải nhập từ các nơi khác, thế mà trong kháng chiến dù bị địch luôn đánh phá ác liệt, vẫn không ngừng phát triển sản xuất, không những đủ cung cấp mọi nhu cầu cho đời sống của nhân dân và bộ đội trong Liên khu mà còn chi viện cho Nam Bộ, Quân khu 4, cho Hạ Lào và Đông-Bắc Cam-pu-chia. Vải xi-ta là một

Điều kiện của tinh thần tự lực tự cường của Liên khu 5 anh dũng. Giao thông trong vùng tự do không những được giữ vững trong suốt cuộc kháng chiến mà còn có những phát triển mới, nhất là tuyến đường sắt dài 300km luôn được duy trì và phát huy tác dụng to lớn trong việc phục vụ sản xuất, phục vụ ác chiến, cũng là một điển hình nổi bật không những với Liên khu 5 mà cả với toàn quốc. Ngành quân giới Liên khu 5 đã sản xuất, cung cấp đủ vũ khí và trang bị cho quân và dân đánh giặc, đáp ứng được yêu cầu ngày càng phát triển của tác chiến. Nó có hệ dây truyền thống, từ quân giới của Đội du kích Ba Tư trước tháng 8 năm 1945, được xây dựng và luôn phát triển ngay từ khi Cách mạng tháng Tám nổ thành công. Đây cũng là nét đặc sắc của Liên khu 5. Có thể nói, vùng tự do Liên khu 5 là hậu phương vững chắc, là một nhân tố quyết định cuộc kháng chiến thắng lợi ở đây, là hậu phương trực tiếp của chiến trường bạn. Khi còn ở Quân khu 4 cũng như lúc về Bộ, tôi thường tiếp các đoàn cán bộ ở các chiến trường phía Nam, Hạ Lào, Đông-Bắc Nam-pu-chia, các đồng chí đó cho biết đều coi vùng tự do Liên khu 5 như hậu phương trực tiếp của mình...

Về quân sự, Liên khu 5 có lực lượng vũ trang khá mạnh gồm các trung đoàn chủ lực mạnh, các tiểu đoàn trực thuộc Bộ tư lệnh, có bộ đội địa phương và dân quân du kích phát triển, đủ khả năng tiến công quân địch ở phía trước, đồng thời phát triển chiến tranh du kích ở địch hậu, bảo vệ vững chắc vùng tự do, đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Thành công đó thuộc về tập thể lãnh đạo, là sự nghiệp của quần chúng, nhưng cá nhân người lãnh đạo là anh Nguyễn Chánh chắc là có phần không nhỏ.

Vào cuối năm 1953, chúng tôi lại gặp nhau trong dịp anh Chánh ra Việt Bắc họp Trung ương, Quân ủy Trung ương về tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, trực tiếp là chiến cục Đông-Xuân-Hè 1953 - 1954. Anh Chánh khá bận, ngoài làm việc ở Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, anh còn phải làm việc với các cơ quan, các ngành của Chính phủ và các đoàn thể. Tình hình rất khẩn trương, anh Chánh phải về Liên khu 5 ngay nên chúng tôi không được gặp nhau hàn huyên nhiều.

Theo kế hoạch chung, chiến dịch Bắc Tây Nguyên được bắt đầu sớm và rất kịp thời.

Các trận đánh mở màn chiến dịch đã giành thắng lợi giòn giã, nhất là trận tiêu diệt cứ điểm Mang Đen, cứ điểm mạnh nhất trong tuyến phòng thủ của Pháp ở Đông Kon Tum. Chúng tôi rất mừng, vì đây không phải chỉ là chiến công của một chiến trường, mà còn là một trận phối hợp tuyệt đẹp với các chiến trường toàn Đông Dương.

Phát huy thắng lợi trong đợt đầu chiến dịch, dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, Bộ tư lệnh Liên khu, mà trực tiếp là anh Nguyễn Chánh, Bí thư Liên khu ủy, Tư lệnh kiêm Chính ủy các lực lượng vũ trang Liên khu, Tư lệnh chiến dịch, quân và dân Liên khu đã liên tiếp giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn hơn, đã giải phóng

các khu vực rộng lớn ở Tây Nguyên và các vùng ở sau lưng địch, đập tan kế hoạch At-lan-te, bảo vệ vững chắc vùng tự do, tạo điều kiện và khả năng thực hiện để tiến lên giải phóng các địa bàn trong quân khu. Chính Beaufort Tư lệnh quân Pháp ở Tây Nguyên kiêm Tư lệnh chiến dịch At-lan-te (đợt 1, 2), khi gặp anh Chánh ở Hà Nội, cũng phải thừa nhận: "... lúc đó các ông dẫn lên thì bắt được tôi...".

Thành và bại đều do tập thể, trong đó không thể không có vai trò và trách nhiệm hàng đầu của cá nhân người phụ trách.

Anh Chánh là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cao cấp của Đảng và của quân đội, rất toàn diện, có khả năng bao quát các mặt và công việc. Gánh vác trọng trách là người chủ trì về Đảng, về chính quyền, lãnh đạo và chỉ huy các lực lượng vũ trang Liên khu 5, anh đã không phụ lòng tin yêu của Đảng, của Bác Hồ cũng như của quân và dân Nam Trung Bộ. Là một cán bộ chỉ đạo có tầm nhìn xa, có khả năng dự kiến chiến lược, lại có năng lực tổ chức thực hiện, huy động được mọi lực lượng và động viên họ quên mình trong chiến đấu và trong công tác, anh còn là một cán bộ chỉ huy chiến dịch, chiến thuật có nhiều kinh nghiệm, nhạy cảm với cái mới, vận dụng một cách sắc sảo và quyết đoán những thủ đoạn tác chiến, luôn nắm quyền chủ động, nhất là trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954 ở Liên khu 5. Nói đến trận Mang Đen, Đăk-đoa, Thượng An,... anh em cán bộ Liên khu đều thán phục anh Chánh về cả chiến thuật và kỹ thuật...

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, anh Chánh về công tác ở Bộ. Anh làm Tổng Tham mưu phó, tôi phụ trách Cục trưởng Cục Tác chiến. Chúng tôi có điều kiện tiếp xúc và làm việc với nhau nhiều hơn. Vẫn với đức độ và tác phong bình dị của một cán bộ cách mạng đã từng lăn lộn trong công tác quần chúng, với bề dày cống hiến, lòng trung thành và sự hy sinh quên mình vì sự nghiệp chung, anh đã chiếm được lòng tin yêu và kính phục của mọi người một cách thật tự nhiên.

Riêng tôi với anh, chúng tôi đã cùng nằm chung trong một nhà tù, cùng chịu bao cực hình của thực dân Pháp, nay lại gặp nhau trong công tác, thật là mừng vui và cảm động! Chúng tôi cộng tác và làm việc với nhau trên tinh đồng chí, tinh anh em mật thiết.

Khi được biết anh rời Bộ Tổng tham mưu để nhận trọng trách Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, chúng tôi vừa tiếc lại vừa mừng. Chúng tôi rất tin tưởng, với tài năng và đức độ của mình, anh sẽ đáp ứng niềm tin và mong đợi của cán bộ trong toàn quân.

Nhưng rồi anh đã ra đi quá đột ngột. Được tin đau buồn này, toàn Đảng, toàn quân đều sững sờ. Tôi không cầm được nước mắt và đã phải òa lên khóc khi đứng trước linh cữu anh. Đã 40 năm vĩnh biệt anh, nhưng trong ký ức của tôi vẫn luôn in sâu, khắc đậm hình ảnh anh Nguyễn Chánh.

Anh là một cán bộ cách mạng, một đảng viên mực thước đức độ. Trong đấu tranh, anh luôn thể hiện lòng trung thành vô hạn với Đảng, với nhân

lân, quên mình vì nghĩa lớn. Trong cuộc sống, anh là một con người nhân hậu, luôn vì anh em, vì đồng chí, sống vì mọi người. Tôi thấy có nhiều người cũng rất trung thành, nhiệt tình và có tài nữa, nhưng lược như anh Chánh thì ít.

Anh là người lãnh đạo chỉ huy rất tài năng và lược sự tin yêu và mến phục xứng đáng không những lối với cấp dưới và đồng cấp, mà còn cả với cấp trên. Khi tôi làm Chính ủy Quân khu 4, trong những cuộc trò chuyện thân mật, anh Nguyễn Sơn, Tư lệnh Quân khu, thường hay nhắc tới anh Nguyễn Chánh với sự vị nể và ưu ái...

Cuộc đời của anh thật trong suốt như giọt sương sớm long lanh. Anh để lại trên đời chỉ có lòng tiếc thương, tiếng thơm và tấm gương mãi sáng trong không gian bị một vết bụi mờ.

Anh tham gia cách mạng từ tuổi thiếu thời, mới 4 tuổi đã tham gia cách mạng và nhanh chóng trưởng thành hành một cán bộ cách mạng tiêu biểu, một cán bộ lãnh đạo xuất sắc ở miền Nam Trung Bộ, nhất là ở khởi nghĩa Ba Tơ cho đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp. Tôi thường tiếp xúc nhiều đồng chí cán bộ các cấp, các ngành đã chiến đấu và công tác ở Liên khu 5, được nghe anh em khen ngợi anh Chánh như "lãnh tụ" ở miền Nam Trung Bộ, người anh cả của bộ đội Liên khu 5.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, anh không còn trong hàng quân, trở về giải phóng quê hương như anh thường nguyện ước. Đó là một thiệt thòi lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng ở Liên khu 5

nói riêng và với miền Nam Việt Nam nói chung. Khi còn sống trong những năm đen tối nhất của cuộc đấu tranh ở miền Nam, anh có nhiều lần trở, day dứt, anh thường tâm sự với anh em: "Trước sau gì mình cũng xin Trung ương cho về miền Nam với chiếc ba lô trên vai để cùng đồng bào, đồng chí tiếp tục cuộc chiến đấu giải phóng quê hương".

Điều này đã trở thành lời thề sắt son tạc dạ không phải riêng của anh Chánh mà còn của tất cả cán bộ, chiến sĩ Liên khu 5 đã hứa với đồng bào trước khi lên đường đi tập kết. Tôi nhớ mãi lời nói và hình ảnh anh Chánh vào đầu tháng 2 năm 1955, khi anh trở lại Liên khu 5, chuẩn bị cho cuộc rút quân cuối cùng theo Hiệp định Giơ-ne-vơ. Siết chặt tay chúng tôi, cùng với nụ cười rất tươi ẩn sâu một niềm tin và quyết tâm sắt đá, anh nói: "Nếu quân thù phản bội thì hẹn gặp nhau sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng...". Tiếc thay, mùa xuân 1975, đồng bào, đồng chí miền Nam; đồng bào, đồng chí Liên khu 5 không được đón tiếp anh trong đoàn quân giải phóng miền Nam và trong ngày thống nhất Tổ quốc.

Tuy không còn đứng trong đoàn quân chiến thắng, nhưng anh đã góp phần xứng đáng trong thắng lợi vĩ đại này. Theo tôi, với những thành công và thắng lợi to lớn trong công cuộc chuẩn bị và tiến hành thắng lợi oanh liệt cuộc kháng chiến chống Pháp, anh đã góp phần tạo tiền đề vật chất và tinh thần cho cuộc chiến đấu tiếp theo trong cuộc chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Nam Trung Bộ. Đặc biệt

anh đã cùng Trung ương và tập thể đào tạo bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ kế tiếp không chỉ cho công cuộc giải phóng miền Nam, mà cả cho sự nghiệp xây dựng miền Bắc. Các cán bộ được anh góp phần đào tạo dù trong cương vị nào, làm công tác gì, ở đâu đều đã đền đáp lòng mong đợi của Đảng và quân đội.

Trong chiến thắng và vinh quang, tôi luôn tưởng nhớ đến những người đã khuất vắng, mãi mãi nhớ anh, anh Nguyễn Chánh.

T V Q

## ANH NGUYỄN CHÁNH SỐNG MÁI

*Thượng tướng NGUYỄN TRỌNG XUYẾN*

Anh Nguyễn Chánh là người lãnh đạo chính trị, quân sự xuất sắc, người anh cả của bộ đội Liên khu 5. Cuộc đời và sự cống hiến to lớn của anh cho dân, cho Đảng, cho quân đội sống mái trong sự nghiệp của nhân dân và các lực lượng vũ trang Liên khu 5.

Trong kháng chiến chống Pháp, cuối 1945, tôi vào miền Nam chiến đấu trong đoàn quân Nam tiến. Suốt chín năm chống Pháp, tôi chiến đấu ở chiến trường cực Nam Trung Bộ thuộc Liên khu 5. Do hoàn cảnh chiến đấu và công tác như vậy nên tôi không có cái may mắn như nhiều đồng chí khác là được gần gũi và làm việc với anh Chánh nhiều. Song cứ mỗi lần được gặp và làm việc với anh là mỗi lần tôi cảm nhận được một điều gì đó hoặc sâu sắc thêm hoặc mới mẻ hơn, một tình cảm càng sâu đậm hơn và những ấn tượng không quên.

Lần đầu tôi gặp anh là vào cuối năm 1952, ở Quảng Ngãi, trong lớp chỉnh huấn về "Cách mạng Việt Nam" và "Quân đội nhân dân". Anh trực tiếp chỉ đạo các lớp chỉnh huấn theo dõi chặt và do vậy

nắm được những ý nghĩ, tâm tư... của cán bộ. Anh nói các lớp chính huấn là dịp tốt, hiếm có để ta có điều kiện hiểu sâu hơn và bồi dưỡng cán bộ về các mặt. Việc tạo được những chuyển biến cơ bản trong đội ngũ này là cơ sở để làm chuyển biến về các mặt trong toàn quân. Chính anh là giảng viên lên lớp những bài quan trọng, ngoài ra anh còn thường đến nói chuyện và động viên lớp học. Anh giảng bài hoặc nói chuyện rất sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người nghe, không phải bằng những lý luận cao xa, trích dẫn kinh điển mà bằng cách trình bày ngắn gọn, mạch lạc dễ hiểu, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn với những dẫn chứng, những ví dụ thực tế trong đời thường rất sinh động nên có sức thuyết phục và truyền cảm cao.

Đặc biệt, khi giảng bài "*Cách mạng Việt Nam*", anh nhấn mạnh và nêu bật vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định hàng đầu sự thành công của cách mạng. Anh nói điều quan trọng bậc nhất đối với người đảng viên là phải luôn trau dồi bản chất của giai cấp công nhân. Đó là giai cấp tiên phong, cách mạng nhất và chỉ có giai cấp công nhân mới có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng... Trong lớp học, có nhiều thắc mắc về giai cấp công nhân Việt Nam, như phần đông công nhân Việt Nam là thợ thủ công (cắt tóc, chữa xe đạp...) thì làm sao có được bản chất ấy. Anh bảo, ta nói bản chất giai cấp công nhân là nói đến bản chất giai cấp công nhân công nghiệp và phải tu dưỡng rèn luyện cái bản chất ấy. Ở Việt Nam hiện nay, tuy giai cấp công nhân còn nhỏ bé,

cơ cấu của nó còn có những thành phần như các đồng chí nói, nhưng nó vẫn có cái bản chất của giai cấp công nhân công nghiệp mặc dù không được hoàn toàn như giai cấp công nhân ở các nước công nghiệp hiện đại. Chính vì vậy, đối với mỗi đảng viên của ta, việc tu dưỡng, rèn luyện bản chất giai cấp công nhân là một yêu cầu cần thiết, không chỉ đối với các đồng chí thuộc các thành phần khác, mà ngay các đồng chí là công nhân lại càng phải rèn luyện nhiều hơn để có thể làm được vai trò lịch sử của mình. Trong điều kiện xã hội ở nước ta, bất kỳ thành phần xã hội nào, dù ít, dù nhiều, cũng đều mang trong mình tính chất tiểu tư sản, thiếu kiên định, hay nghiêng ngửa... Lúc đó ở trên bàn có ấm nước, anh nâng ấm nước lên, vừa đưa qua, đưa lại, vừa nói: tính chất tiểu tư sản nghiêng ngửa như thế này đây...

Bài giảng đá để lại trong tôi cũng như bao đồng chí khác những hiểu biết sâu sắc về lý luận và thực tiễn, nhắc nhở chúng tôi phải không ngừng tu dưỡng và rèn luyện.

Trong tác phong công tác, anh kiên quyết thực hiện chương trình đã đề ra, còn trong lối sống và quan hệ với mọi người thì giản dị, khiêm nhường và hòa nhập. Ai được gần anh dù chỉ mới một lần cũng đều cảm nhận ở anh một sự đồng cảm, một sự thấu hiểu tâm tư tình cảm cũng như những băn khoăn lo lắng trong công tác, một sự ưu ái không phải chỉ là của một người chỉ huy lãnh đạo mà đặc biệt là sự ưu ái của một người anh kính yêu. Tôi nhớ mãi hình ảnh của anh trong lớp học này: theo

lịch công tác mà chúng tôi được phổ biến, anh sẽ đến nói chuyện với lớp chính huấn. Tối hôm đó vào đầu đông, tiết trời trở lạnh, mưa như trút nước, gió từng cơn thổi mạnh làm cho cái hội trường bằng tranh cử đu đưa như sắp quy đổ. Học viên đang phải chia nhau chống giữ cái hội trường xiêu vẹo ấy thì anh đã đến. Anh mặc một chiếc áo dạ nhà binh của Pháp đã cũ và chiếc quần sóc bằng vải xi-ta đã bạc màu. Nhìn anh đi trong mưa đông gió lạnh, chúng tôi vô cùng xúc động. Ôi! Đồng chí Bí thư Liên khu ủy, đồng chí Tư lệnh kiêm Chính ủy kính yêu của chúng ta. Lãnh đạo lớp học muốn kết thúc sớm buổi nói chuyện vì sợ anh bị ốm. Anh không đồng ý và buổi nói chuyện vẫn được tiến hành theo đúng thời gian đã ấn định. Một tình huống thật bất ngờ. Đó là khi buổi nói chuyện vừa kết thúc, tất cả học viên, không ai bảo ai đều ùa chạy lên vây quanh anh hết lớp này đến lớp khác như đàn em vây quanh người Anh để chắn gió đưa anh về chỗ nghỉ. Anh và chúng tôi vừa đi vừa trò chuyện râm ran rất vui và cảm thấy ấm áp mặc cho gió lạnh vẫn từng cơn thổi mạnh.

Sau lớp học, tôi trở về cực Nam Trung Bộ. Cuộc chiến đấu ác liệt ở chiến trường xa xôi và gian khổ này luôn cuốn hút tất cả tâm lực của tôi. Song hình ảnh kính thương của anh vẫn luôn trong tôi. Anh rất quan tâm lo lắng đến chiến trường cực Nam cũng như các chiến trường xa khác của Liên khu. Tuy ở xa nhưng chúng tôi vẫn luôn nhận được sự động viên, khuyến bảo của anh, đặc biệt là trong những tình huống khó khăn, ác liệt. Tôi nhớ mãi câu chuyện

do các đồng chí đi học ở Bộ tư lệnh Liên khu về kể lại. Vào cuối năm 1953, công việc chuẩn bị cho chiến dịch Đông-Xuân-Hè 1953-1954 và phá kế hoạch của Pháp hòng đánh chiếm vùng tự do của Liên khu, đang được tiến hành khẩn trương, sôi động trong toàn dân, toàn quân và toàn Đảng. Phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch này là: tiến công lên Tây Nguyên để bảo vệ vùng tự do. Một thắc mắc bao trùm nổi lên trong cán bộ, nhân dân và đảng viên là: vì sao bỏ đồng bằng, bỏ đồng bào, bỏ vựa lúa để đi giành lấy vùng khoai sắn, đá sỏi?... Nếu địch chiếm vùng tự do thì lấy gì mà ăn, mà sống, lấy ai mà đánh giặc? Trong hội nghị cán bộ Liên khu, khi đề cập đến những thắc mắc nói trên, anh thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với những băn khoăn, lo lắng của mọi người. Anh nói: đó không phải là nỗi băn khoăn, lo lắng của các đồng chí, mà cũng là điều trăn trở day dứt trong suy tư của tôi. Là người chỉ huy, lãnh đạo phải lo chèo lái đưa con thuyền vượt gió to, sóng dữ, phải gánh chịu trách nhiệm trước Đảng, trước sự nghiệp cách mạng, anh không thể chỉ có sự lo lắng, suy nghĩ như mọi người. Khi nói, anh đã làm cho mọi người cảm nhận sâu sắc một điều là anh đã thấu hiểu tâm tư của anh em và cũng mong anh em hiểu thấu hết những băn khoăn lo lắng cũng như niềm tin tất thắng của anh. Khi đó ở trên bàn có chiếc mũ nan của anh, anh chỉ vào mũ và nói: Dưới mũ là vùng tự do đồng bằng của Liên khu ta, còn đỉnh mũ là Tây Nguyên. Ở Tây Nguyên địch sơ hở và nhìn chung là yếu. Còn về

ta thì các tổ chức quần chúng đã được hình thành và củng cố, lực lượng vũ trang đã trưởng thành, chiến tranh du kích phát triển... Nhìn chung, chiến trường đã được chuẩn bị về các mặt, có nhiều thuận lợi, ta đánh là thắng. Vùng tự do của ta đã trải qua 7, 8 năm thử thách trong kháng chiến, được xây dựng về các mặt, nhân dân có lòng tin vững chắc vào Đảng và Bác Hồ, quyết hy sinh chiến đấu đến cùng, vì độc lập, tự do của Tổ Quốc, của nhân dân. Thế trận của ta đã được bày sẵn. Dịch đánh vào vùng tự do của ta khác nào sa vào trận đồ bát quái, chỉ có thất bại. Ta nhất định bảo vệ được vùng tự do, phá được kế hoạch của giặc Pháp, ghim đầu quân địch ở đồng bằng nếu chúng dám liều lĩnh tiến vào vùng tự do. Đồng thời dù trong tình huống nào ta cũng đủ khả năng tập trung chủ lực tiến công giải phóng Bắc Tây Nguyên. Còn trong trường hợp nếu Pháp có chiếm được nơi nào đó ở vùng tự do, ta từ trên cao đánh xuống thì nơi nào ta cũng có thể đánh chiếm lại được. Tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và của Bác Hồ, chúng ta nhất định thắng. Lời nói của anh là cơ sở vững chắc làm chỗ dựa cho công tác tư tưởng lúc bấy giờ.

Lần thứ hai tôi được gặp anh là sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. Tôi được đề bạt trung đoàn phó Trung đoàn 96, anh Nguyễn Minh Châu làm trung đoàn trưởng. Một hôm, anh Chánh gặp cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên để anh chia tay về Bộ nhận nhiệm vụ khác. Trong buổi gặp mặt này, anh em chúng tôi được chiêu đãi nước chè

và bánh ngọt, một loại bánh được sản xuất ở vùng tự do Liên khu 5 lúc bấy giờ, và được xem văn công Quân khu biểu diễn... Trong không khí lưu luyến chia tay, tiễn đưa nhau, anh rất xúc động nói lên những lời tâm huyết từ đáy lòng như để truyền lại cho anh em cán bộ Liên khu những gì mà anh hằng ấp ủ, tâm đắc và đã vận dụng thành công trong suốt quá trình chiến đấu và công tác. Anh nói: trong quá trình làm cách mạng cũng như trong chiến đấu và công tác, có thành công, có thất bại. Thành bại là lẽ thường. Song vấn đề quan trọng và quyết định nhất là ở chỗ biết nhìn thấy và tìm được nguyên nhân của nó. Phải luôn nhớ kỹ như một điều tâm niệm là, khi thành công thì phải tìm nguyên nhân ở khách quan là chủ yếu, còn khi thất bại thì phải tìm nguyên nhân chủ yếu từ chủ quan. Tuyệt nhiên không được tranh công đổ lỗi, thành là do mình, còn bại là do người, do khách quan. Chỉ có như thế thì mới có hướng đi đúng, có giải pháp phù hợp và mới tiến bộ. Chỉ có như thế thì mới có thể đưa sự nghiệp chung tiến lên, mới phục vụ tốt cho dân, cho nước và mới có thể thành người cán bộ chân chính, trung thành của nhân dân và của Đảng. Những lời dặn dò tâm huyết của anh mái ghi sâu trong tôi. Trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ gian lao và ác liệt, cũng như trong tình hình đất nước đang vươn mình đứng dậy trong đổi mới, tôi càng thấy những lời nói đó có ý nghĩa thực tiễn đặc biệt và cấp thiết. Giờ đây, tôi vẫn luôn lấy đó làm điều tâm niệm trong mỗi thành công cũng như thất bại.

Sau khi tập kết ra Bắc, tôi được điều về Sư đoàn 305 làm tham mưu phó, anh Hà Vi Tùng là tham mưu trưởng. Lúc này, anh Chánh là Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Một hôm, tôi được nghe anh nói chuyện với cán bộ ở nhà 28 đường Lý Nam Đế về công tác cán bộ. Trong buổi nói chuyện này, anh đề cập đến nhiều nội dung rất quan trọng với cách trình bày rất hấp dẫn, sinh động, lắng đọng mãi trong người nghe. Đặc biệt khi đề cập đến ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác cán bộ, anh nói: Thời nào cũng vậy, đều cần phải có đội ngũ cán bộ giỏi. Cán bộ giỏi lúc nào cũng là nhân tố quyết định cho việc hoàn thành nhiệm vụ, cho thành công của sự nghiệp. Cán bộ giỏi không bao giờ tự nó có, mà phải qua một chu trình với nhiều công sức và nhiều giải pháp công phu lắm, từ khâu phát hiện, tạo nguồn, cho đến đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng, rồi lại phát hiện... Việc đó không thể thực hiện trong chốc lát và không dễ dàng đơn giản chút nào. Người lãnh đạo, chỉ huy muốn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, làm tròn chức năng của mình thì nhất thiết phải luôn nghiên ngẫm, nắm cho vững, không hao giờ được xem nhẹ vấn đề này. Đặc biệt đối với cơ quan cán bộ và người làm công tác cán bộ, phải coi đây là điều tiên quyết, là chức năng cơ bản và là nhiệm vụ hàng đầu. Có cơ quan cán bộ có đủ năng lực, có người làm công tác cán bộ có đủ tài đức, mới thực hiện được đường lối chính sách cán bộ của Đảng, mới có thể xây dựng được đội ngũ cán bộ giỏi, đáp ứng được yêu cầu ngày

càng cao của nhiệm vụ. Cái nhân và cái quả, về cơ bản và chủ yếu, đều xuất phát từ đây, từ khâu này. Chính vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan tổ chức cán bộ phải thực sự là "cây cổ thụ" có được bóng cả làm chỗ dựa thật sự cho cán bộ về niềm tin và tình cảm, làm cho cán bộ đi đâu, về đâu cũng đều muốn ghé vào cơ quan cán bộ như ghé về mái nhà thân thương của mình... Lời nói của anh tuy rất đơn giản, mộc mạc như củ khoai, củ sắn, nhưng đối với tôi nó đã trở thành chân lý, một bí quyết thành công trên con đường bình nghiệp của mình.

Vào cuối mùa hè năm 1957, chúng tôi lại được gặp anh. Sau khi đi chữa bệnh ở Trung Quốc: về, anh lại lên thăm Sư đoàn 305. Anh Chánh rất quan tâm, chăm lo đến việc xây dựng và từng bước trưởng thành của bộ đội miền Nam tập kết. Anh thường tâm sự, người đầu tiên vượt Trường Sơn tiến về miền Nam giải phóng quê hương chính là các đơn vị con em của miền Nam ruột thịt hiện đang ở miền Bắc. Anh nhắc nhở chúng tôi cần ra sức xây dựng cho bộ đội mạnh, sẵn sàng chờ lệnh. Qua thực tiễn của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đối chiếu với việc làm và lời nói của anh khi đó, tôi nghiệm thấy ngay từ những năm 1956-1957 anh Chánh đã thấy được con đường của cách mạng giải phóng miền Nam. Tuy được đi chữa bệnh ở nước bạn, được Đảng và quân đội hết lòng chăm sóc nhưng người anh Chánh lúc này vẫn còn yếu. Anh muốn đến từng đơn vị thăm anh em. Tôi được phân công đưa anh đi thăm đơn vị. Nhưng theo đề nghị của

anh em, để giữ sức khỏe cho anh, Bộ tư lệnh Sư đoàn triệu tập cán bộ về để anh thăm. Trong buổi gặp mặt cán bộ, anh đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó có một chuyện chữa bệnh ở Trung Quốc. Anh nói: Bạn rất quan tâm và ưu ái với mình nên để mình nằm một mình trong một buồng riêng. Suốt ngày chỉ có cô y tá và bác sĩ đến giường bệnh theo lịch công tác và chế độ chuyên môn của họ. Mình cảm thấy vắng vẻ và buồn vô kể... Trong khi đó, ở các buồng xung quanh dành cho các đồng chí Trung Quốc và các nước khác, thì suốt ngày kẻ ra, người vào, đông vui tấp nập, người thân thì túc trực ngày đêm chăm sóc... Hai cảnh tượng phản đó không khỏi không bắt mình phải suy nghĩ, và tất nhiên là phải đấu tranh tư tưởng. Song suy nghĩ kỹ thì mới thấy việc họ thăm nhau là đúng, là hợp tình hợp lý. Vì người đau ốm cần được chăm sóc, được động viên... Mình ở xa không có được những điều kiện như thế thì đành phải chịu vậy. Ta nên mừng, chung vui và hòa nhập vào cái vui chung của bạn. Trong cuộc sống muôn màu đa dạng, mỗi người mỗi cảnh, làm gì có việc đồng đều, làm gì có việc mọi người đều được như nhau. Cái gì mình không có, không được mà bạn được mà chính đáng thì cần phải và nên mừng cho bạn và coi đó như mình đã được, v.v. Không nên suy bì. Suy bì, ghen tỵ nó nhỏ nhen lắm và như thế là tự hạ mình rồi...

Một câu chuyện đời thường rất giản đơn nhưng lắng đọng mãi trong người nghe. Đối với tôi, đó là

một bài học chống chủ nghĩa cá nhân rất sống động và mãi mãi không quên.

Một buổi sáng cuối thu, tiết trời Phú Thọ đã trở lạnh. Trong khi chúng tôi đang chuẩn bị cho một ngày công tác thì Đài phát thanh đưa một tin như sét đánh: *Anh Chánh đã từ trần*. Không gian như bao trùm thương đau, mọi người đều cố nén tiếng nấc đau thương, nhưng không thể nào cưỡng lại được. Ai cũng cầu mong sao cho đó không phải là sự thật.

Không ngờ, anh Chánh lên thăm Sư đoàn 305 vừa rồi là lần cuối; anh đi vĩnh biệt chúng tôi!

Ôi! Thương nhớ anh khôn cùng, anh Nguyễn Chánh rất đổi kính yêu.

Càng tiếc thương anh, chúng tôi động viên nhau ra sức học tập và thực hiện những lời dạy vô giá của anh.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước gọi chúng tôi lên đường.

Đầu năm 1960, tôi lại trở về chiến trường xưa - cực Nam Trung Bộ cùng anh Nguyễn Minh Châu và nhiều anh khác, đều là những người đã từng gần gũi anh Nguyễn Chánh. Trong cuộc chiến đấu ác liệt ấy, cứ mỗi lần chúng tôi gặp nhau, lại nhắc đến anh. Và hình ảnh và những lời dặn dò đầy tình nghĩa của anh được gợi lại cho nhau như để tưởng nhớ mãi đến anh!

N.T.X.

## **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

*Thượng tướng NGUYỄN MINH CHÂU*

Tôi nguyên là trung đoàn phó Trung đoàn 812 hoạt động trên địa bàn cực Nam Trung Bộ (Liên khu 5) trong kháng chiến chống Pháp. Đến cuối năm 1952, tôi được điều ra phụ trách trung đoàn trưởng Trung đoàn 108 thay đồng chí Giáp Văn Cương đi học chính trị. Khi nhận nhiệm vụ này, tôi đã chân thành bày tỏ nguyện vọng với đồng chí Nguyễn Chánh: Tôi là một nông dân không được học quân sự và chính trị bao nhiêu, lại trưởng thành từ đánh du kích nên không làm được trung đoàn trưởng chủ lực, chỉ làm được cấp phó thôi. Tôi đề nghị để các đồng chí khác đã chỉ huy các đơn vị chủ lực đánh tập trung, lại được học hành nhiều, làm cấp trưởng. Nhưng đồng chí Chánh không chấp nhận nguyện vọng đó của tôi. Đến chiến dịch Bắc Tây Nguyên (1953 - 1954), Trung đoàn 96 được khôi phục, tôi lại được điều sang làm trung đoàn trưởng 96, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Nguyễn Chánh.

... Qua thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, tôi nhận thức sâu sắc về đồng chí Nguyễn Chánh như sau:

Đồng chí Nguyễn Chánh là người lãnh đạo chỉ huy toàn diện, sâu sát về chính trị, quân sự, kinh tế ở Liên khu 5 lúc bấy giờ, mang lại chiến thắng to lớn cho chiến trường Liên khu, góp phần quan trọng vào chiến thắng chung của toàn quốc.

Trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, mặc dù cuộc chiến đấu diễn ra hết sức gay go phức tạp, nhưng quân và dân Liên khu 5 vẫn đẩy mạnh cuộc kháng chiến, càng đánh càng thắng. Đồng chí Nguyễn Chánh với vị trí là người lãnh đạo hàng đầu của Liên khu luôn kiên định lập trường, sáng suốt đề ra cách đánh sáng tạo, sát thực tế, động viên được cán bộ, chiến sĩ và nhân dân toàn Liên khu tiến lên giành những thắng lợi to lớn.

Đồng chí Nguyễn Chánh là người chỉ huy quân sự có tài, nhận định sáng suốt, chỉ huy linh hoạt, quyết đoán: trong trận đánh đồn Thượng An, trước giờ nổ súng, đồng chí điện xuống nhắc nhở: Đây là thời cơ, cần đánh tiêu diệt cứ điểm ngay trong đêm nay. Còn về cách đánh: đồng chí Chánh chỉ đạo rất cụ thể, không phải đánh mở cửa, mà chỉ cho bộ đội nhanh chóng vận động theo đường chính vào cổng đồn, dùng hỏa lực kiềm chế hỏa điểm của địch nhanh chóng vượt cự mã xông thẳng vào đồn. Cách đánh táo bạo bất ngờ này đã làm cho địch hoang mang suy sụp tinh thần nhanh chóng. Nhờ đó, trận đánh

đá kết thúc rất nhanh, thắng lợi hoàn toàn, quân ta hầu như không bị thương vong.

Trận đánh cứ diễn Mang Đen diễn ra rất gay go, ta bị thương vong, chưa giải quyết được, có ý kiến đề nghị rút bộ đội ra củng cố lại rồi hôm sau đánh tiếp, nhưng đồng chí Chánh chỉ thị phải tập trung lực lượng đánh liên tục ngay trong đêm đó thì địch mới không kịp trở tay, nếu để hôm sau mới đánh lại thì sẽ bị thương vong nhiều và khó giành thắng lợi vì địch có thời gian củng cố. Thực hiện chỉ thị của đồng chí, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm, mở màn chiến dịch một cách giòn giã.

Đồng chí Nguyễn Chánh là người có tài tổ chức huy động lực lượng tối đa phục vụ chiến đấu. Đồng chí huy động được sức người, phương tiện vật chất, động viên cả bộ đội, dân công, cả hậu phương và tiền tuyến. Vì đồng chí Chánh rất có uy tín đối với các địa phương, nên khi đồng chí động viên hoặc chỉ thị thì mọi cấp, mọi ngành đều chấp hành nghiêm túc. Đó là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo giành thắng lợi.

Trong quá trình diễn biến cục diện chiến tranh, đồng chí đã sáng suốt tổ chức lực lượng, như phục hồi Trung đoàn 96 đúng thời cơ, duy trì sức mạnh của các trung đoàn chủ lực lúc đó tương đương với sư đoàn bây giờ, đồng thời vẫn duy trì các tiểu đoàn độc lập làm lực lượng cơ động bố trí ở các địa bàn.

Đồng chí Chánh luôn chú trọng đến công tác cán bộ. Đồng chí hiểu rất rõ và rất sát cán bộ cấp dưới, luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng bố trí công

tác cho từng cán bộ theo khả năng. Với cán bộ cấp dưới từ một đến hai cấp, đồng chí nắm rất chắc, quan tâm gần gũi, hiểu được cuộc sống riêng tư, giải quyết những vướng mắc, tạo điều kiện để anh em phấn đấu tiến bộ. Đồng chí nhớ rất tài, không cần ghi chép, nói chuyện rất hấp dẫn. Đồng chí rất được anh em cán bộ chiến sĩ quý mến, uy tín của đồng chí trong quần chúng rất cao. Đó cũng là hiệt tài của người cầm quân hiếm có.

Có thể nói, những thắng lợi to lớn của quân dân Liên khu 5 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không thể tách rời sự lãnh đạo và công lao của đồng chí Nguyễn Chánh.

N.M.C.

## NHỚ THƯƠNG ANH NGUYỄN CHÁNH MỘT TƯỚNG QUÂN LỖI LẠC CỦA LIÊN KHU 5 ANH DŨNG, KIẾN CƯỜNG

*Trung tướng NGUYỄN ĐÔN*

Anh Chánh đi xa, về cõi vĩnh hằng, vừa tròn 40 năm, nhưng những tình cảm yêu thương và biết bao kỷ niệm vui buồn sâu sắc trong suốt 20 năm sống, công tác và chiến đấu bên anh vẫn còn đậm mãi trong tôi. Từ lòng yêu thương da diết người đồng chí, người anh, tôi ghi lại những cảm nhận sâu sắc nhất về anh, cho dù thời gian có phủ một lớp bụi mờ.

Tôi được gặp và hoạt động cách mạng với anh Nguyễn Chánh từ năm 1939, nhưng tên tuổi anh thì tôi đã biết và ngưỡng mộ từ lâu qua anh Nguyễn Chót, anh ruột tôi, đã cùng hoạt động cách mạng với anh Chánh từ những năm 1930 - 1931. Lần đầu tôi gặp anh là trong hội nghị huyện ủy Sơn Tịnh, họp tại xã Đại Lộc, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi vào tháng 8 năm ấy. Anh Chánh thay mặt cho Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi chủ trì hội nghị bàn việc thực hiện chủ trương của trên thay đổi chiến lược từ cách mạng

dân chủ sang phản đế và chuyển mọi hoạt động vào bí mật. Được tiếp xúc và trực tiếp làm việc với anh, tôi càng thêm khẳng định những ấn tượng, những suy nghĩ tốt đẹp mà tôi có về anh. Sau đó một thời gian, chúng tôi lại gặp nhau trong nhà lao Quảng Ngãi, rồi chia tay nhau đi đây. Anh đi vào nhà lao Buôn Ma Thuột, tôi đi đây ở Gi Lăng, một huyện ở miền Tây Quảng Ngãi.

Năm năm sau, chúng tôi lại gặp nhau trong cuộc họp Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi, sau thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), để đề ra chủ trương và biện pháp đẩy mạnh cao trào cách mạng và phong trào Việt Minh cứu quốc trong toàn tỉnh cũng như chuẩn bị sẵn sàng các yếu tố để đón thời cơ mới. Hội nghị cử anh Chánh tăng cường vào ban lãnh đạo lực lượng vũ trang, trực tiếp phụ trách chính trị viên Đội du kích Ba Tơ.

Anh Chánh lúc này người còn yếu lắm vì chế độ hà khắc độc ác của bọn thực dân Pháp ở cảng an trí Phú Bài và nhà lao Thừa Phủ, và còn phải thu xếp một số việc, nên anh hẹn với tôi sau một tuần lễ nữa sẽ bố trí đón anh lên chiến khu. Tôi về trước để truyền đạt nghị quyết của Tỉnh ủy cho Đội du kích và bố trí đón anh.

Tôi thông báo việc anh Chánh được cử lên tăng cường lãnh đạo Đội du kích, như thổi vào toàn Đội một luồng sinh khí mới, một niềm tin và phấn khởi mới. Tất cả đều háo hức chờ ngày gặp anh, người đồng chí, người anh sau nhiều năm xa cách.

Toàn Đội du kích cứu quốc quân tập hợp quây quần trên những thâm đá được nước lũ bào mòn bên dòng suối, chờ đón anh Chánh. Đồng chí liền lạc đưa anh lên chiến khu vào lúc trời gần trưa. Anh Chánh bước đi chậm chạp, vì hai chân còn sưng tấy do ghề lở từ nhà lao Thừa Phủ mang về chưa lành hẳn. Tiếng vỗ tay mừng vui hòa với tiếng suối reo làm sôi động một góc rừng. Cuộc gặp gỡ thật cảm động trong không khí ấm tình anh em ruột thịt, tình đồng chí, tình đồng đội. Một cuộc trò chuyện cười vui sôi động. Anh Chánh kể lại biết bao sự việc đã xảy ra kể từ ngày chia tay nhau ở nhà lao Quảng Ngãi, những năm tháng di đày ở Buôn Ma Thuột, rồi ở cãng an trí Phú Bài do anh tham gia lãnh đạo tổ chức cuộc đấu tranh lớn ở đây nên thực dân Pháp cách ly anh và đưa anh cầm cố trong ca-sô ở nhà lao Thừa Phủ (Huế), cho đến lúc anh tự giải phóng cho mình khi Nhật đảo chính Pháp... Vừa ăn cơm, vừa nói chuyện, không khí đầm ấm vui vẻ há hê thỏa lòng.

Cuộc hàn huyên tạm dừng. Chúng tôi báo cáo tình hình cho anh Chánh nắm rõ về mọi mặt.

Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), chỉ bộ Đảng chúng tôi quyết định rời bỏ đồn Ba Tơ, chuyển quân ra rừng núi xây dựng căn cứ du kích và phát triển lực lượng. Trong buổi đầu, vạn sự đều khó khăn, nhưng ý chí toàn đội vẫn bền gan quyết chiến, không ngại gian lao. Song tình hình diễn biến ngày càng phức tạp không giống như dự kiến của chúng tôi lúc ban đầu. Số anh em đau ốm mỗi ngày một nhiều,

đói cơm, nhạt muối, thiếu mặc, lực lượng không những không phát triển được, mà ngược lại, quân số của đội ngày một giảm. Tuy vậy, chúng tôi vẫn giữ chủ trương lưu động làm chủ rừng núi, mở rộng căn cứ miền Tây Quảng Ngãi, chờ đợi phong trào cứu quốc của đồng bào ở trung châu phát triển lớn mạnh, làm hậu thuẫn cho Đội du kích, chứ chưa nghĩ đến việc đưa quân về đồng bằng.

Sau mấy ngày nắm tình hình, suy nghĩ và nghiên cứu, anh Chánh đề ra mấy vấn đề để cho toàn đội và chi bộ trao đổi, mà bây giờ tôi cho là những quan điểm tư tưởng rất cơ bản chỉ đạo việc xây dựng và tác chiến của lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng. Thứ nhất là vấn đề Đảng lãnh đạo và xây dựng Đảng trong Đội du kích phát triển vững mạnh; thứ hai là trong điều kiện nào và chừng nào thì đưa Đội du kích về đồng bằng? Vấn đề thứ hai được thảo luận sôi nổi nhưng chưa ngã ngũ.

Lúc này, quân Nhật và Bảo an binh đang chuẩn bị cuộc càn vây ráp vào khu căn cứ du kích ở Cơ Nhất. Chúng tôi phải di chuyển lực lượng về núi Tai Mèo phía tây huyện Nghĩa Hành. Toàn Đội lúc này ở vào tình thế khó khăn về các mặt, vừa thiếu ăn, ốm đau, lại vừa phải sẵn sàng chống địch. Trước thực tế đó, chi bộ và toàn đội hoàn toàn nhất trí với đề xuất của anh Chánh là cần phải chuyển quân về đồng bằng. Có như thế mới giải quyết được việc tiếp tế lương thực, nuôi dưỡng bộ đội, tuyển thanh niên để phát triển lực lượng và tránh được việc truy lùng của địch. Và anh Chánh được cử về gặp Thượng

vụ Tỉnh ủy để có quyết định, đồng thời chuẩn bị điều kiện đón Đội du kích xuống núi, về đồng bằng.

Đã mấy ngày chờ đợi. Anh Chánh đã trở về, lại còn mang theo hai vò mạch nha của đồng bào ủng hộ. Anh truyền đạt chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chuyển quân về các huyện đồng bằng.

Lúc này, phong trào cách mạng ở đồng bằng được ảnh hưởng của khởi nghĩa Ba Tơ nên phát triển khá mạnh, các đoàn thể cứu quốc được tổ chức đều khắp. Tuy nhiên, việc chuyển quân về đồng bằng vẫn phải giữ bí mật thật thu đáo để tránh tai mắt của bọn tay sai Nhật.

Chúng tôi chia Đội du kích thành hai bộ phận. Một bộ phận về phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng căn cứ ở Vĩnh Sơn thuộc miền Tây huyện Sơn Tịnh; một bộ phận về phía Nam của tỉnh, xây dựng chiến khu ở Núi Lớn thuộc miền Tây huyện Mộ Đức, Nam huyện Nghĩa Hành. Từ đây, Đội du kích phát triển thành hai đại đội, đại đội Phan Đình Phùng ở phía Bắc, đại đội Hoàng Hoa Thám ở phía Nam. Và cũng chính từ đây, Đội du kích được xây dựng về mọi mặt nên nhanh chóng phát triển lớn mạnh. Từ hơn 20 người khi mới thành lập, đến trước khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, trong hàng ngũ của đội đã có hơn hai ngàn người. Đó là chưa kể hàng vạn tự vệ và du kích dự bị ở các thôn xã chuẩn bị bổ sung cho Đội du kích Ba Tơ, đều do các chiến sĩ du kích Ba Tơ tỏa về các địa phương xây dựng và huấn luyện.

Sự thành công này trong thời kỳ đầu muôn vàn khó khăn, nhất là việc xây dựng lực lượng vũ trang

cách mạng của Đảng còn đang trong quá trình mò mẫm, tìm tòi, không thầy, không sách, cố nhiên là nhờ tập thể Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Đội du kích, song phải công bằng thừa nhận công lao sáng tạo của anh Chánh, người đề xuất những quan điểm rất cơ bản về xây dựng, sẵn sàng chiến đấu của Đội du kích đang ở trong vòng vây tứ phía của Nhật. Nhờ đó, Đội du kích đã thoát khỏi tình thế khó khăn, bế tắc, bị o ép trên núi rừng, rất khó phát triển lực lượng, phát triển kịp với tình thế Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945; khắc phục được tư tưởng nhận thức cho rằng căn cứ địa là chỉ có dựa vào rừng núi; làm cho toàn Đội thấy rõ lấy dân làm gốc, dựa vào dân, được nhân dân che chở là kín đáo nhất, vững chắc nhất. Nhờ nhận thức tư tưởng này, ngày càng được quán triệt sâu thêm qua thực tiễn xây dựng và chiến đấu, nên trong chín năm kháng chiến chống Pháp, lực lượng vũ trang Liên khu 5 với nhân dân luôn luôn như cá với nước, không ngừng trưởng thành lớn mạnh, lập những chiến công oanh liệt trong vòng vây phong tỏa của quân thù. Ngay hiện nay, khi lực lượng vũ trang của Đảng đã trải qua chặng đường 50 năm xây dựng và chiến đấu, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp đã được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện một cách cơ bản và hệ thống, ấy thế mà việc nắm và vận dụng các quan điểm nói trên đâu có phải là đơn giản. Vậy mà hồi đó đã xác định và vận dụng đúng đắn những quan điểm rất cơ bản ấy vào việc xây dựng và tác chiến của Đội du kích, quả là điều không dễ thường. Thật là một tài năng.

Cuộc họp Tỉnh ủy lâm thời lần thứ hai, quyết định tổ chức Ban quân sự của tỉnh, anh Chánh được cử làm Trưởng ban, anh Phạm Kiệt và tôi làm phó. Tiếp theo việc Tỉnh ủy lâm thời phát hành tờ báo CHON ĐỘC LẬP để đập tan luận điệu độc lập giả hiệu của Nhật và Chính phủ Trần Trọng Kim, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban quân sự quyết định xuất bản thêm tờ báo bổ tui cho lực lượng vũ trang, lấy tên là TẬP CHÍ XUNG PHONG, nhằm giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên tinh thần cứu nước, căm thù giặc Nhật và bện phản động tay sai của chúng, sẵn sàng hy sinh chiến đấu, v.v. Anh Chánh trực tiếp chỉ đạo và là một cây bút chủ chốt của tạp chí. Tôi phụ trách biên tập và ấn hành.

### *Những ngày tháng hào hùng*

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, Quảng Ngãi đã nổ phát súng đầu tiên ngày 14 tháng 8 năm 1945, dẫn đầu phong trào khởi nghĩa ở các tỉnh Trung Bộ, làm cho nguy quyền Trần Trọng Kim bẽ tắc và sụp đổ. Quân Nhật không còn chỗ dựa, quân chúng vũ trang nổi dậy ở khắp các tỉnh miền Trung. Sự liên lạc, phối hợp chặt chẽ đó giữa phong trào các tỉnh, từ Khánh Hòa trở ra và Quảng Trị trở vào, là nhờ có phương án thống nhất về Tổng khởi nghĩa đã được lãnh đạo bầy tình thông qua trong cuộc họp tại làng Vĩnh Lộc, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, có phái viên của Trung ương là đồng chí Tố Hữu về dự.

Trong quá trình Tổng khởi nghĩa, anh Chánh với cương vị cao làm việc rất nhiều không kể ngày đêm. Anh nói: Trong thời cơ ngàn năm có một này, bỏ mất thời cơ là có tội với lịch sử, với Tổ quốc, với nhân dân. Với cương vị là Trưởng ban quân sự, Tổng chỉ huy lực lượng vũ trang phối hợp với toàn dân trong cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh, anh vừa lo việc phối hợp phong trào đấu tranh và nổi dậy của quần chúng với hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang, vừa chỉ đạo, chỉ huy hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang toàn tỉnh, lại vừa trực tiếp chỉ huy một cánh quân chủ yếu. Tôi nhớ mãi trong đêm 15 tháng 8 ấy, sau khi vĩnh biệt hai đồng chí Dũ và Nai hy sinh ở thị trấn sông Vệ, tôi nghẹn ngào viết thư báo cáo tình hình cho anh Chánh, nước mắt tôi cứ nhỏ xuống từng giọt làm nhòe cả trang giấy, thì cũng là lúc tôi nhận được thư anh Chánh cho biết đại đội Phan Đình Phùng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ miền núi. Trong trận đánh Nhật ở Xuân Phổ, Tư Nghĩa, đồng chí Phan Diệc đã hy sinh trong tư thế hiên ngang vung gươm chém quân thù. Trong lúc quá đau đớn thương, anh Chánh vẫn bình tĩnh động viên giữ vững quyết tâm chiến đấu và giữ nghiêm kỷ luật để hoàn thành nhiệm vụ nhân dân giao phó. Anh còn nhắc nhở: Đã giành được thắng lợi trong hai ngày qua, nhưng phải hết sức đề cao cảnh giác, tránh mọi sơ hở để khỏi bị tổn thất đáng tiếc, phải đề cao tinh thần trách nhiệm trong mọi tình huống. Những lời dặn dò, nhắc nhở đó của anh là những hành trang vô giá đối với tôi trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình.

### *Tổ quốc lâm nguy, thề quyết chiến*

Tiếp theo cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, anh Chánh tham gia Xứ ủy và giữ chức Ủy trưởng Quốc phòng trong chính quyền cách mạng Trung Bộ. Anh đã cùng tập thể sớm nhận rõ âm mưu của đế quốc đưa thực dân Pháp trở lại hồng tái chiếm Đông Dương, nên đã khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, đặc biệt là về quân sự, để sẵn sàng kháng chiến.

Trong khi tôi đang cùng các đồng chí trong Ban chỉ huy bàn kế hoạch tác chiến và mở rộng giải phóng quân Quảng Ngãi thì được điện phải ra Huế gấp. Tôi vội vàng lên đường.

Vừa đến Tòa khâm, nơi cơ quan Trung Bộ đón cán bộ về dự hội nghị do Đảng triệu tập, thì đồng chí Nguyễn Chí Thanh đến gặp tôi ngay và cho biết: Đồng chí ra không kịp, cuộc họp Xứ ủy lâm thời vừa xong. Tình hình rất phức tạp, phải khẩn trương chuẩn bị để kháng chiến. Phong trào ở Quảng Ngãi mạnh mẽ nhất. Còn nhiều tỉnh, tuy ta đã giành được chính quyền, nhưng phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng mọi mặt còn yếu lắm. Về cụ thể, anh Chánh sẽ phổ biến. Thôi ăn cơm đi.

Cơm nước xong, tôi lên phòng nghỉ để chờ làm việc với anh Chánh.

Anh Chánh nói: Tình hình chung rất khẩn trương. Một mặt, chúng ta phải gấp rút chuẩn bị đối phó với quân đồng minh vào tước khí giới quân Nhật. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng đánh bọn Pháp.

Chúng nó sẽ dựa vào nhau để xâm lược nước ta, bắt dân ta làm nô lệ lần nữa. Mấy thằng Tây vừa nhảy dù xuống Hiền Sĩ, phía Tây thành phố Huế, đã bị bắt. Bọn Pháp tử Xa-van-na-khết theo Đường số 9 tiến về biên giới nước ta. Ta đã điều lực lượng lên án ngữ Pha Lan, Lao Bảo, phòng địch từ Lào đánh sang. Nhiệm vụ của anh là cùng anh Phan Tử Lăng, giám đốc Bảo an binh của chính quyền cũ, đi các tỉnh miền Nam Trung Bộ để kiểm tra tình hình tổ chức lực lượng và vũ khí trang bị, truyền đạt nhận định và chủ trương của Trung ương và của Xứ ủy lâm thời Trung Bộ cho cán bộ Đảng và Việt Minh các tỉnh. Chúng ta phải làm cho các tỉnh tập trung hết mọi khả năng xây dựng lực lượng vũ trang như ta đã làm ở Quảng Ngãi. Đối với Bảo an binh thì động viên anh em, những ai không tự nguyện tham gia lực lượng vũ trang cách mạng thì cho về. Tranh thủ sĩ quan, hạ sĩ quan, người nào có lòng yêu nước thì dùng làm huấn luyện quân sự. Quan trọng nhất là phải nắm cho được vũ khí. Mặt khác, nói rõ cho cán bộ Đảng và Việt Minh phải chuẩn bị kháng chiến lâu dài, phải nắm cho được công nhân, nông dân, thanh niên cứu quốc, đưa những thanh niên hăng hái nhiệt tình vào lực lượng vũ trang, cầm súng thay cho Bảo an binh. Phải chuẩn bị hậu phương, căn cứ cho mỗi tỉnh, huyện. Chuyển những tài sản, phương tiện cần thiết ra khỏi thành phố, cái gì không dùng đến thì đưa về Quảng Ngãi, nhất là máy móc, xe cộ cần cho quân giới... để xây dựng hậu phương chung cho cuộc chiến đấu lâu dài ở Nam Trung Bộ, phải

chuẩn bị tư tưởng cho các đồng chí ở các tỉnh sẵn sàng để khi cần chuyển ngay ra ngoài thành phố, dừng say sưa luyện tiếu. Phải chủ động để kháng chiến khi địch tấn công ta.

Linh ý anh, tôi lên đường với trọng trách mới.

Việc chuẩn bị kháng chiến được tiến hành thật khẩn trương và sôi động trong các cấp và trong toàn dân. Nhiều giải pháp quan trọng được xác định và tiến hành gấp rút. Bộ chỉ huy quân chính Nam phần Trung Bộ được thành lập để trực tiếp điều hành việc chuẩn bị và tiến hành tác chiến ở các tỉnh Nam Trung Bộ và chỉ viện cho Nam Bộ kháng chiến.

Tiếng súng kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã bắt đầu. Cả nước chỉ viện cho miền Nam ruột thịt chiến đấu. Các đoàn quân nối tiếp nhau rầm rập tiến về Nam. Ủy trưởng Quốc phòng bận rộn với trăm công nghìn việc. Công việc vừa nhiều, vừa quan trọng, vừa cấp bách, vừa mới mẻ đè nặng trên con người vốn đã nhỏ bé của anh! Một mặt, anh phải lo chỉ đạo các tỉnh chưa có chiến sự sẵn sàng mọi mặt để kháng chiến. Mặt khác quan trọng hơn, anh trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến đấu đang diễn ra, phân phối các lực lượng Nam tiến về các hướng, chỉ viện các mặt cho chiến trường và cho các tỉnh bạn, v.v.

Công việc quá sức, trong buổi đầu không thể không tránh khỏi những vấp vấp, âu đó cũng là lẽ thường, nhưng đều được tiến hành thắng lợi. Cuộc kháng chiến của quân và dân Nam Trung Bộ đã giành được những thắng lợi quan trọng, góp phần làm thất bại

một bước âm mưu của thực dân Pháp xâm lược muốn nuốt chửng miền Nam nước ta. Trong thắng lợi này, có phần trí tuệ và năng lực tổ chức của anh Chánh chuyển phong trào Tổng khởi nghĩa vào chiến tranh cách mạng, anh tỏ ra là người sớm có tầm nhìn chiến lược. Trong tình thế lâm nguy, anh đã đề ra được những giải pháp đúng đắn và kịp thời, đồng thời có tài tổ chức thực hiện, tập hợp và sử dụng mọi lực lượng tạo thành sức mạnh tổng hợp và động viên họ ra tiền tuyến chiến đấu quên mình.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, và đang sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tôi càng thấy nhiều vấn đề mà anh Chánh đã phổ biến cho lời khi ở Tòa khâm Huế vẫn còn nguyên giá trị về lý luận và thực tiễn cấp thiết, càng ngẫm càng thấm.

*Làm chuyển biến cục diện, tiến lên làm chủ chiến trường*

Nam Trung Bộ, sau Hiệp định 6 tháng 3 năm 1946, trải qua buổi đầu với bao khó khăn, bỡ ngỡ. Phương hướng tổ chức và chuẩn bị chiến trường, tổ chức lực lượng còn chưa phù hợp; nhận thức tư tưởng về chiến lược và cả về chiến thuật... có chỗ còn lúng túng; việc chuẩn bị hậu phương, chuẩn bị chiến trường về các mặt chưa đi vào nền nếp, còn nhiều bề bộn; các trận chiến đấu ở địch hậu cũng như bảo vệ vùng tự do còn nhiều tổn thất, hiệu quả chưa cao...

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy, được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Văn Đồng, Liên khu 5 đã nhanh chóng khắc phục được tình trạng nói trên. Chúng ta đã bảo vệ, xây dựng và củng cố vùng tự do Liên khu vững mạnh về mọi mặt, thành hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến ở Nam Trung Bộ, giúp các tỉnh bạn và làm nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng bạn ở Hạ Lào và Đông-Bắc Cam-pu-chia; xây dựng Đảng bộ Liên khu 5 ngày càng vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi; xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, củng cố khối đoàn kết toàn dân; xây dựng và phát triển kinh tế tự cấp, tự túc không những đủ bảo đảm cho quân và dân trong Liên khu mà còn chi viện cho các chiến trường bạn; công tác văn hóa - xã hội ngày càng phát triển... Đặc biệt đã coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đủ khả năng bảo vệ vùng tự do và giải phóng các vùng tạm bị chiếm. Mỗi tỉnh, mỗi huyện, trong vùng tự do cũng như trong vùng tạm chiếm, đều có căn cứ địa, là yếu tố quan trọng cho chiến tranh nhân dân trong từng địa phương. Đến nay, thời gian đủ độ lùi tôi thấy quan điểm của anh Chánh về căn cứ địa cho mỗi tỉnh, mỗi huyện đã được thực tiễn kiểm nghiệm và ngày càng thấy ý nghĩa đặc biệt của nó.

Trong những thành tích trên, có thể nói, anh Chánh là người chỉ đạo và điều hành có năng lực bao quát công việc và toàn diện, đồng thời biết tập trung vào khâu chủ yếu. Anh đã tập trung năng lực

vào việc xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, trước hết là xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ. Vào cuối năm 1947, anh giao cho tôi phụ trách Phòng Kiểm tra nắm công tác tổ chức và cán bộ. Anh nói: Phải làm sao trong một thời gian ngắn xây dựng cho được chi bộ đảng ở mỗi đại đội và phải nắm cho được cán bộ từ trung đội trở lên, chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về các mặt, đặc biệt là về chính trị tư tưởng và năng lực chỉ huy. Anh cũng rất quan tâm đến việc xây dựng lực lượng hậu cần, vấn đề bảo đảm vật chất, kỹ thuật cho lực lượng vũ trang. Anh đặc biệt chú trọng xây dựng ngành quân giới, các binh công xưởng để bảo đảm vũ khí, đạn dược theo yêu cầu xây dựng và tác chiến của quân đội. Nhờ đó mà quân giới Liên khu 5 từ kỹ thuật nhồi lại từng viên đạn ĐAM đã tiến lên sản xuất vũ khí và đạn dược đủ trang bị cho bộ đội, đặc biệt là đủ bảo đảm cho tiến công địch trong công sự vững chắc.

Sau Đại hội Đảng lần thứ 2 (3-1951), anh Chánh từ Việt Bắc về lại Liên khu 5. Lúc này, tôi được điều về làm Tham mưu trưởng Liên khu và tham gia vào Liên khu ủy, nên có điều kiện làm việc và tiếp xúc với anh nhiều hơn. Tôi thấy ở anh Chánh thể hiện rõ sự phát triển mới toàn diện, là một cán bộ quân sự, chính trị song toàn.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội 2, anh đã vận dụng sáng tạo những điều thu nhận được trong thời gian công tác ở Trung ương và những kinh nghiệm của chiến trường chính vào điều kiện

cụ thể của chiến trường Liên khu 5. Với cương vị Bí thư Liên khu ủy Đảng bộ Liên khu 5, Tư lệnh kiêm Chính ủy lực lượng vũ trang Liên khu, anh truyền đạt lại những kinh nghiệm ở miền Bắc và đem hết sức lực và trí tuệ cùng tập thể lãnh đạo quân và dân trong Liên khu đẩy lên nhiều phong trào sôi động và toàn diện, đưa cuộc kháng chiến của toàn Liên khu phát triển lên một bước mới vững chắc hơn. Đặc biệt, anh đã cùng Quân khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu tập trung sức lực vào việc chỉnh huấn trong quân đội về "trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi", "Quân đội nhân dân vì nhân dân phục vụ", cũng như vận động phong trào rèn cán chỉnh quân, luyện quân lập công, nên đã nâng sức chiến đấu của bộ đội lên một bước mới. Về quân sự, anh cùng cơ quan tham mưu giải quyết những băn khoăn, vướng mắc của bộ đội, nhất là trong cán bộ, về quan hệ giữa du kích chiến và vận động chiến, giữa đánh tiêu hao và đánh tiêu diệt; xây dựng và củng cố nhận thức, tư tưởng cũng như giải quyết về mặt chiến thuật, kỹ thuật đối với cách đánh địch trong công sự vững chắc, đối với hình thức chiến thuật tập kích bí mật của đặc công, rồi đặc công phối hợp với bộ binh tập kích quân địch, tiến lên diệt địch trong công sự vững chắc bằng bộ binh...

Nhờ đó lực lượng vũ trang của Liên khu 5 đã không ngừng phát triển lớn mạnh, tiến lên tác chiến từ nhỏ đến lớn, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác càng to lớn hơn, từng bước tiến lên làm chủ chiến trường, bảo vệ vững chắc vùng tự do, làm

thay đổi cục diện chiến trường, tạo điều kiện và nhân tố mới bảo đảm cho quân và dân Liên khu đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Từ trận đầu san bằng cứ điểm Kom-plong (8-1951) trong hoạt động hè ở Bắc Kon Tum đến hạ đồn Đăk-pơt, Ai Nu... ở Gia Lai và Đăk Lăk vào Hè 1952, rồi tiêu diệt hàng loạt cứ điểm Cửu An, Tú Thủy... trên tuyến phòng ngự của địch ở Đông - Bắc An Khê (1-1953), quân tiến lên kết hợp đánh địch trong công sự vững chắc và đánh vận động, thực hiện bao vây chia cắt cô lập từng cụm lực lượng địch, tạo điều kiện để tập trung lực lượng chủ yếu tiêu diệt địch ngoài công sự là chính trong chiến dịch giải phóng Bắc Tây Nguyên, đánh bại cuộc hành quân At-lan-te của Pháp, giành thắng lợi rực rỡ trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Trong thắng lợi này có công lao to lớn của tập thể, nhưng công đầu thuộc về anh Chánh, người đứng mũi chịu sào chèo lái con thuyền Nam Trung Bộ vượt bao phong ba bão tố, tiến đến bến bờ chiến thắng vinh quang.

### *Tin nhân dân, vì nhân dân*

Anh Chánh là một cán bộ lãnh đạo thấm nhuần quan điểm quần chúng, có lòng tin yêu nhân dân sâu sắc, nhạy cảm với cái mới, với tình hình kinh tế - xã hội, luôn chăm lo bồi dưỡng sức dân để trường kỳ kháng chiến thắng lợi.

Khi ở Việt Bắc về (1952), trong câu chuyện hàn huyên với tôi, anh nói: Mình đọc báo cáo của Liên

khu 3 nói về địch chiếm cả đồng bằng Hà - Nam - Ninh, nhưng "lòng dân Hà - Nam - Ninh không mất". Hay thật, phải tin vào dân, nhân dân ta thật tuyệt vời, hết mình tin vào Đảng. Nhưng về phần mình, Đảng, chính quyền cũng như quân đội phải làm gì để khôi phục lòng tin của nhân dân và cho dân thật tin, tin vững chắc hơn nữa vào Đảng. Đó chính là một nhân tố bảo đảm trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

Năm 1952, Liên khu ủy nhận được báo cáo về tình hình trộm cắp nổi lên làm mất an ninh trật tự ở Bắc Quảng Ngãi và Nam Quảng Nam. Anh bán khoán, trần trở và đặt thành vấn đề phải suy nghĩ, nghiên cứu nghiêm túc. Anh nói với tôi: Sau Cách mạng tháng Tám đến nay, xã hội nông thôn vùng tự do của ta vui sống yên bình như thời Nghiêu Thuấn, đêm ngủ không cần đóng cửa, v.v. Thế tại sao giờ đây quần chúng cách mạng lại nổi lên làm mất trật tự an ninh? Phải đến tận nơi mới rõ. Thế là với chiếc xe đạp cùng vài đồng chí tùy tùng, anh đi đến tận vùng có "trộm cắp, mất an ninh". Anh đi kiểm tra sát xuống tận xã thôn có trộm cắp. Rõ ràng là ở đây có trộm cắp và hiện tượng mất an ninh thật. Nhưng đây là vùng bị hạn hán nặng, nạn đói lan tràn, bệnh dịch phát triển, nhiều người đói nằm liệt giường, có người chết đói. Anh về báo cáo với Liên khu ủy về nguyên nhân của tình hình và đề xuất phải kịp thời tổ chức cứu đói, phải xem cứu đói như cứu hỏa. Trong quân đội, anh động viên toàn quân trong Liên khu nhịn ăn, bớt gạo để cứu đói, và chính

bản thân anh đã nêu gương đầu trong việc này, đưa một bộ phận bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đi cứu đói. Với bát gạo, chén cơm, miếng cháo, bộ đội chăm bón cho trẻ em, người già, phụ nữ đói nằm liệt giường, lại thuốc men lo chữa chạy cho người bệnh. Đồng thời, bộ đội còn lo tổng vệ sinh môi trường, quét dọn, khử trùng thôn xóm... Nhờ sự đồng cảm và nhạy bén của anh nên đã kịp thời khắc phục được nạn đói nghiêm trọng nhất ở Liên khu và nhanh chóng hồi phục sức dân. Lòng tin của dân với Đảng và chính quyền cách mạng càng được củng cố bền vững, tình quân dân càng bền chặt, trật tự an ninh lại trở lại như xưa.

Bài học "lòng dân không mất" và hành động "vi nhân dân" luôn rực lửa trong anh. Chính đó là bài học về quan điểm quần chúng càng in sâu, khắc đậm trong tâm khảm tôi, mãi mãi soi sáng cho tôi trên con đường phục vụ nhân dân...

### *Tài thao lược*

Trong chính huấn ở Liên khu 5 vào năm 1952, có nhiều ý kiến phê phán gay gắt là ta nặng về lo đánh giặc "hết Đông - Xuân rồi đến Xuân - Hè...", mà nhẹ chăm lo bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài... Anh Chánh nói: Trong chiến tranh, nhiệm vụ của bộ đội cũng như của toàn dân là phải đánh giặc. Hết Đông - Xuân ta phải tiếp tục chuẩn bị cho hoạt động tác chiến vào Xuân - Hè, rồi lại đến Đông - Xuân..., không thể khác được. Còn việc thiếu quan

tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng sức dân là một thiếu sót lớn, cần phải nghiêm khắc. Phải nắm vững mối liên hệ biện chứng giữa tác chiến và bồi dưỡng sức dân. Không được cực đoan, lúc thì thiên về bên này, lúc thì lệch sang bên kia. Và như vậy, Bộ tư lệnh Liên khu đã giảm số quân từ năm vạn xuống còn ba vạn, nhưng sức chiến đấu không những không giảm mà còn tăng. Anh chỉ đạo tăng cường chế độ cấp dưỡng và huấn luyện tân binh để kịp thời bổ sung trong chiến đấu. Nhờ đó sức chiến đấu của bộ đội luôn được tăng cường, hiệu suất chiến đấu được nâng cao... Việc các đợt hoạt động tác chiến tập trung, các chiến dịch phải được tiến hành vào Đông - Xuân; Xuân - Hè và Hè - Thu là do điều kiện địa lý và thời tiết của chiến trường. Và lại nếu không liên tục tác chiến, sau Đông - Xuân lại đến Xuân - Hè... thì khó có thể giữ được quyền chủ động và không thể buộc địch phải bị động đối phó, khó bảo vệ vững chắc vùng tự do.

Mùa Hè năm 1953, ta nắm được kế hoạch của địch tiến công chiếm đóng vùng tự do của Liên khu. Bộ đội và nhân dân đều băn khoăn lo lắng, làm sao đánh bại âm mưu của địch, bảo vệ được vùng tự do? Dù vậy, người người đều hăng hái tham gia vào việc xây dựng thế trận, sẵn sàng đánh trả cuộc tiến công của địch.

Anh Chánh đi Việt Bắc họp Trung ương và Quân ủy Trung ương về kế hoạch quân sự trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954.

Cuối quý 3 năm 1953, anh điện về cho biết chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về phương châm tác chiến ở Liên khu 5 trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là "Tiến công lên Tây Nguyên để bảo vệ vùng tự do".

Quán triệt sự chỉ đạo của cấp trên, cơ quan tham mưu Liên khu xây dựng phương án tác chiến theo chỉ đạo của Bộ Tổng tham mưu và trình lên Liên khu ủy. Thay mặt Liên khu ủy, anh Nguyễn Duy Trinh cho biết là không thể thực hiện nổi vì cần phải bồi dưỡng sức dân sau vụ hạn hán, đói kém, và đề nghị Trung ương điều chỉnh mục tiêu chiến dịch hạn chế hơn.

Nhưng Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu và anh Chánh đều đã nhận rõ ý nghĩa chiến lược to lớn của hướng chiến dịch giải phóng Kon Tum đối với toàn chiến trường nói chung, đối với cuộc kháng chiến ở Liên khu 5 nói riêng, mà trực tiếp là đối với việc đánh bại âm mưu của thực dân Pháp mở cuộc hành quân At-lan-te và đối với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc vùng tự do của Liên khu. Anh Chánh là người trước sau vẫn kiên trì bảo vệ phương châm này, từ khi nó còn được đưa ra thảo luận sôi nổi ở Liên khu. Hồi đó có hai ý kiến khác nhau giữa "giữ vùng tự do để tiến công Tây Nguyên" và "tiến công Tây Nguyên để giữ vùng tự do". Tôi còn được anh Chánh cho biết trong hội nghị quân sự do Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương triệu tập (10-1953) vấn đề này cũng được thảo luận sôi nổi.

Cuối cùng Liên khu ủy 5 đã nhất trí với phương châm tác chiến của Bộ Chính trị và giao cho Bộ tư lệnh Liên khu xây dựng kế hoạch chiến dịch.

Lúc này, những thắc mắc sao lại bỏ đồng bằng để lên chiếm Tây Nguyên, khác nào "bỏ hạt thóc để lấy hạt bắp ngô" lại nổi lên trong cán bộ, bộ đội và nhân dân.

Anh Chánh từ Việt Bắc về Liên khu. Trong hội nghị Thường vụ Đảng ủy Quân khu để thông qua phương án tác chiến, Nguyễn Nền, Phó tư lệnh Quân khu, liền xin trình bày phương án của anh ta trước. Anh ta đề nghị dùng chiến thuật bôn tập đánh vào thị xã Kon Tum, rồi phát triển ra giải phóng toàn tỉnh Kon Tum. Phương án này hoàn toàn khác với phương án do tham mưu chuẩn bị. Đồng chí Nguyễn Bá Phát, Tham mưu phó Quân khu, nhìn tôi ngờ ngác. Tôi đề nghị anh Chánh nghe tiếp phương án của tham mưu. Anh Phát trình bày. Cuối cùng, anh Chánh kết luận theo phương án của tham mưu. Nền liền xé phương án của y ngay trước mặt anh Chánh và các đồng chí Thường vụ Đảng ủy.

Sau đó, tôi gặp anh Chánh nói về những nghi vấn của mình đối với Nền...<sup>1</sup>. Anh yên lặng suy nghĩ.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong Đông - Xuân này, anh quyết định tôi, đồng chí Nguyễn Quyết và đồng chí Trần Lung, đảng ủy viên, chịu trách nhiệm chỉ huy mặt trận đồng bằng chống chiến dịch At-lan-te, bảo vệ vùng tự do, và giải quyết mọi nhu

---

1. Nguyễn Nền sau này đầu hàng địch.

câu của chiến trường theo ý định phát triển chiến dịch đã thống nhất. Còn anh sẽ đưa Nê theo làm phó cho anh. Anh chỉ định đồng chí Phát là Tham mưu trưởng chiến dịch. Anh kiên quyết tập trung vào việc chỉ huy khối chủ lực bảo đảm hoàn thành cho được nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng tỉnh Kon Tum, tiếp đó chuyển quân sang Bắc Plây-cu, tiến công địch ở Đường 19, rồi vượt qua đường tiến vào phía Nam Đường 19, phối hợp với lực lượng tại chỗ phản công địch ở Phú Yên, đánh bại kế hoạch At-lan-te của chúng.

Quán triệt được ý đồ thao lược cũng như tính linh hoạt, nhạy bén và quyết đoán của anh trong quá trình chỉ huy việc chuẩn bị và tiến hành chiến dịch và việc vận dụng rất kiên quyết và táo bạo các hình thức và thủ đoạn tác chiến trong quá trình diễn biến của chiến dịch, các đồng chí thủ trưởng cũng như cán bộ trong các cơ quan trực thuộc Bộ tư lệnh đã làm việc hết mình, hầu như không nghỉ, cố sao bảo đảm tốt nhất cho việc thực hiện ý định của Tư lệnh. Nhờ đó, việc tổ chức bảo đảm về các mặt được tiến hành chu đáo, ăn khớp với ý định của anh. Như, để khắc phục việc tiếp tế khó khăn trên chiến trường rừng núi Tây Nguyên, tham mưu chỉ đạo hậu cần luôn tổ chức các đội dự bị tiếp tế để phối hợp với lực lượng địa phương bảo đảm kịp thời nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho bộ đội, nhất là cho các đơn vị làm nhiệm vụ thọc sâu, vu hồi. Công tác chính trị tư tưởng bảo đảm khắc phục những hiện tượng tiêu cực, hữu khuynh trong quá trình

tác chiến, làm cho mệnh lệnh luôn được chấp hành vô điều kiện, nhiệm vụ phải được hoàn thành khẩn trương, kịp thời, nhất là trong tình huống chiến đấu liên tục và ác liệt... Anh Chánh kiên quyết đấu tranh, xử lý những biểu hiện do dự, thiếu quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ tác chiến, dù đó là cấp Liên khu ủy viên. Nhờ đó mà trong quá trình chiến dịch kéo dài, liên tục, mặc dù tình huống diễn biến rất mau lẹ, chiến đấu diễn ra rất ác liệt, nhưng kỷ luật chiến trường vẫn được giữ nghiêm, quyết tâm của Tư lệnh được chấp hành nghiêm túc, chính xác và kịp thời.

Quá trình chiến dịch diễn biến đúng như dự kiến. Từ nhanh chóng giải phóng tỉnh Kon Tum, kiên quyết tiêu diệt cứ điểm Đăk-đoa bằng mọi giá tạo thế trực tiếp uy hiếp Plây-cu, phá tung thế trận địch, củng cố thế ta để nhanh chóng đưa lực lượng phát triển tác chiến như chẻ tre, làm phá sản hoàn toàn âm mưu của thực dân Pháp, ta đã thực hiện thắng lợi và vượt mức nhiệm vụ chiến dịch do Bộ giao cho. Trong khi quân Pháp còn đang lúng túng bị động, anh chớp thời cơ, nhanh chóng dùng một bộ phận lực lượng cắt Đường 19 và bao vây An Khê, đồng thời sử dụng lực lượng chủ yếu kiên quyết vượt Đường 19, hình thành hai bộ phận theo hai hướng. Một bộ phận chủ lực kiên quyết thọc sâu, chặt nát Đường số 7, bao vây Cheo Reo, tiêu diệt địch ở Củng Sơn, đồng thời nhanh chóng vu hồi vào sườn phía Tây và sau lưng tập đoàn lực lượng địch ở Phú Yên, phối hợp với lực lượng tại chỗ tiêu diệt từng bộ phận quan trọng của địch, buộc chúng phải rút về Tuy Hòa co cụm và bị bao vây ở đây; ta liên tục phát

triển tiến công tiêu diệt địch trên Đèo Cả, tiến lên giải phóng vùng nông thôn Bắc Khánh Hòa, trực tiếp uy hiếp thị xã Nha Trang. Trong khi đó, một bộ phận lực lượng khác tiến lên cắt Đường 14, cô lập địch ở Plây-cu, tiêu diệt đoàn xe địch từ Plây-cu chạy về Buôn Ma Thuột trên Đường 14, ở Chư Đrek, cửa ngõ vào thị xã Buôn Ma Thuột, đồng thời đánh địch, cắt đứt Đường 21, tạo thế bao vây uy hiếp thị xã này, mở đường cho lực lượng ta tiến vào phía Nam Tây Nguyên và liên lạc với Nam Bộ. Địch bị đẩy vào tình thế họa vô đơn chí! Khốn quân, binh đoàn cơ động tinh nhuệ số 100 của địch đang bị bao vây ở An Khê buộc phải tháo chạy và đã bị ta tiêu diệt hoàn toàn ở Đăk-pớt trên Đường 19 đi Plây-cu. Lúc này, Tư lệnh Liên khu ra lệnh cho các chiến trường địch hậu đẩy mạnh tác chiến, san bằng và bức rút hàng loạt đồn bốt địch, giải phóng những khu vực rộng lớn với hàng chục vạn dân.

Ta đã dồn quân địch ngấp sâu vào thế bế tắc và thất bại hoàn toàn, còn thời cơ của ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn đã xuất hiện. Đó là khả năng hiện thực. Thực dân Pháp chỉ còn chờ mong vào kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ để cứu vãn tình thế và danh dự của chúng. Chính Tư lệnh quân Pháp ở Tây Nguyên đồng thời là Tư lệnh chiến dịch At-lan-te (đợt 1, 2), trước khi về nước đã cố xin được gặp anh Chánh "người đã làm tôi khốn đốn ở Nam Trung Bộ trong Đông - Xuân 1953 - 1954". Chính viên tướng này phải thú nhận: "Các ông đánh mạnh mà chúng tôi đã hết lực lượng dự bị... lúc đó mà các ông dẫn lên thì bắt được tôi...".

Trong quá trình điều hành chiến dịch, anh Chánh luôn chủ động, bình tĩnh một cách tự tin, nhất là trong tình huống gay cấp nhất, cứ như anh đã thấy trước và đã có sẵn giải pháp đối với từng tình huống.

Thắng lợi to lớn trong chiến dịch Đông - Xuân (1953 - 1954) trên chiến trường Liên khu 5 giành được là nhờ sự phối hợp toàn lực từ hậu phương đến tiền tuyến, từ vùng tự do đến vùng sau lưng địch. Đó là thắng lợi của toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Liên khu ủy... trong đó anh Chánh đã góp phần không nhỏ. Anh đã tỏ rõ tài thao lược của một tướng quân Tư lệnh một hướng chiến lược rất quan trọng, lại ở xa Trung ương, bị quân thù bao vây bốn mặt, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### *Vinh biệt anh*

Sau khi tập kết ra Bắc, anh Chánh làm việc ở Bộ Quốc phòng - Phó Tổng tham mưu trưởng rồi Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, rồi làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 4. Anh luôn luôn theo dõi, chăm lo đến việc xây dựng trường thành của lực lượng vũ trang miền Nam tập kết, giải quyết tư tưởng "Đêm Nam ngày Bắc" của anh em, động viên tinh thần, giữ vững ý chí vì quê hương miền Nam phải ra sức xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, xây dựng đơn vị vững mạnh sẵn sàng giải phóng miền Nam.

Một vài tháng, anh Chánh vào Quân khu 4 một lần. Hai anh em chúng tôi thường trao đổi với nhau

những thông tin về tình hình của đồng bào miền Nam ruột thịt, về hành động dã man của Mỹ - Diệm đàn áp khủng bố đồng bào ta... Anh trần trở và khắc khoải lo âu biết bao cho phong trào, làm sao giải phóng được miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nhưng con đường thì còn bế tắc. Anh thường bảo: Cần phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh để chờ chỉ thị của Trung ương. Anh rất chú ý đến đầu cầu phòng thủ ở Quảng Bình - Vĩnh Linh, động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm tiêu diệt địch nếu chúng dám tiến quân ra Bắc giới tuyến 17. Những tưởng có ngày chúng tôi lại cùng đoàn quân Liên khu 5 đi dưới cờ "quyết chiến, quyết thắng" trở về giải phóng quê hương nếu qua hai năm không hòa bình thống nhất được đất nước, như anh giơ hai ngón tay thề cùng đồng bào trong cuộc mít tinh mừng Đại thắng và kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, được tổ chức tại thị xã Quảng Ngãi, trước khi anh lên đường ra Bắc.

Trong khi tôi đang kiểm tra công tác sẵn sàng chiến đấu trên phòng tuyến Vĩnh Linh, Bắc vĩ tuyến 17, thì được điện báo: Anh Chánh đã từ trần đột ngột! Như sét đánh ngang tai, tôi vội vàng quay về Vinh và suốt đêm ấy chạy ngay ra Hà Nội. Vừa đến nơi thì lễ viếng anh cũng gần xong. Tôi cúi đầu mặc niệm trước linh hồn, vĩnh biệt và lặng lẽ nén đau thương đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng!

Đảng mất đi một cán bộ, toàn quân cũng như quân và dân Liên khu 5 mất đi một người chỉ huy tài đức vẹn toàn. Tôi mất đi một người đồng chí,

một người anh, một người bạn đã từng đồng cam cộng khổ trong chiến đấu và hoạt động, cùng vào sinh ra tử trong nanh vuốt quân thù, cùng bán khoán lo lắng cho vận mạng của Đội du kích Ba Tơ, cùng xông lên vượt qua lửa đạn để giành chính quyền trong khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, cùng nhau tổ chức và động viên mọi lực lượng nhằm ngăn chặn từng bước quân thù trong những ngày đầu Tổ quốc lâm nguy, cùng nhau tiến lên giành thắng lợi rực rỡ trong chín năm kháng chiến chống Pháp; rồi cùng nhau khắc khoải lo âu cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc...

Ôn lại quãng đời gần 20 năm như hình với bóng, lòng tôi vô cùng xót xa, bồi hồi tiếc thương anh, một tướng quân lỗi lạc của Liên khu 5 anh dũng, kiên cường.

N.Đ.

## TÔI ĐƯỢC LÀM VIỆC VỚI ANH NGUYỄN CHÁNH VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

*Trung tướng DẶNG HÒA*

Tôi là lớp sau, là học trò, là cấp dưới của anh Nguyễn Chánh. Năm 1945, sau khởi nghĩa Ba Tơ, tôi được nghe các anh đã từng ở tù cùng với anh Chánh tại nhà lao Buôn Ma Thuật trong những năm 1939 - 1943 kể về anh Nguyễn Chánh, một chiến sĩ cách mạng rất thông minh, lanh lợi, đặc biệt có tinh thần đấu tranh bền bỉ chống chế độ hà khắc trong nhà lao đế quốc.

Tháng 4 năm 1950, được Liên khu ủy điều động bổ sung vào quân đội, và được phân công làm công tác tổ chức cán bộ tại cơ quan Bộ tư lệnh Liên khu 5. Một hôm, tôi được triệu tập đến cơ quan Thường vụ Khu ủy đóng tại An Thường phía Tây Bồng Sơn, anh Bùi San (bấy giờ là Phó bí thư Liên khu ủy phụ trách tổ chức) bảo tôi: "Mai Thường vụ Liên khu ủy họp, anh Chánh sẽ vào (lúc này Bộ tư lệnh Liên khu đang đóng ở Quảng Ngãi), đồng chí sẽ gặp anh Chánh, nhận nhiệm vụ".

Theo hướng dẫn của anh Bùi San, hôm ấy tôi chờ đến 4 giờ 30 chiều, tôi mới thấy ba người (sau này mới biết cùng đi với anh Bùi San là các anh Nguyễn Duy Trinh, Trương Quang Giao, Nguyễn Chánh) đi trước sân hội trường. Anh Bùi San nháy, tôi bước lại gần, và anh ấy giới thiệu tôi với anh Chánh:

- Đây là đồng chí Đặng Hòa, được điều về chỗ anh để làm công tác tổ chức.

Anh Chánh nhìn tôi, cười:

- Trẻ, khỏe, đẹp trai quá. Người Quảng Nam phải không? Dân Quảng Nam là hay cái lắm đây nghen!

Anh bắt tay tôi, bảo tôi sang gặp anh Trần Lương, Phó chính ủy Liên khu, anh Lương sẽ bố trí công việc cụ thể. Anh bảo:

- Cậu sẽ làm công tác đảng thôi. Nghe nói cậu làm công tác cán bộ từ lâu, chắc có nhiều kinh nghiệm?

Tôi thưa:

- Lâu nay tôi làm công tác ở các cơ quan đảng, nay mới vào quân đội, còn nhiều bỡ ngỡ. Các anh dạy bảo cho, tôi sẽ cố gắng làm...

Từ đó tôi được tiếp xúc nhiều với anh Chánh và được làm việc dưới sự chỉ giáo của anh trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi đến khi anh được bổ nhiệm làm Tổng Tham mưu phó, Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, cho đến khi anh qua đời.

Được làm việc gần anh Chánh là một may mắn lớn trong cuộc đời hoạt động, công tác của tôi. Anh là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, là một người

lãnh đạo cao cấp của Đảng, là một vị tướng tài năng xuất sắc gắn liền với cuộc sống chiến sĩ, rất sắc sảo trong chỉ huy quân sự cũng như trong chỉ đạo về chính trị, đã cùng các đồng chí Liên khu ủy 5 đoàn kết toàn dân, đưa cuộc kháng chiến ở Liên khu 5 đến thắng lợi, lập được nhiều chiến công vang dội.

Được công tác gần anh với bao kỷ niệm không bao giờ quên, tôi xin ghi lại một số điều sâu sắc nhất về anh Nguyễn Chánh có liên quan đến công tác và sự trưởng thành của tôi.

Trước hết tôi kể về sự chỉ đạo của anh đối với công tác đảng trong quân đội.

Là một cán bộ có tuổi đảng cao, giữ vị trí cao trong Đảng, trong chính quyền, anh rất chăm lo xây dựng đảng, xây dựng chi bộ mạnh (sau này ta gọi là chi bộ trong sạch vững mạnh). Cùng với các anh Trần Lương (tức Trần Nam Trung), Trần Quỳnh, Nguyễn Đôn, Trần Lê, Nguyễn Quyết, Nguyễn Chính Cầu... anh liên tục mở nhiều hội nghị, nhiều lớp tập huấn về công tác đảng - công tác chính trị; mở hội nghị chính trị viên các cấp đi đôi với phong trào "Rèn cán chính quân" của Quân khu. Chính nhờ vậy mà Quân khu 5 có được một đội ngũ cán bộ chính trị, quân sự, hậu cần, kỹ thuật và văn hóa, văn nghệ rất mạnh. Anh giữ rất nghiêm việc chấp hành nguyên tắc đảng, những việc cần phải thông qua sự phê chuẩn của Liên khu ủy, anh luôn nhắc nhở, kiểm tra cơ quan thực hiện chặt chẽ, và tự anh cũng rất mẫu mực.

Một lần tôi được anh Trần Lương, bấy giờ là Phó chính ủy Liên khu giao cho trực tiếp trình bày với anh Chánh bản dự thảo chức trách, quy tắc lãnh đạo, chế độ làm việc của đảng ủy các cấp trong quân khu, giúp các cấp cũng có tài liệu phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ trong khi chưa có tài liệu chính thức của Trung ương. Anh Chánh nghe rất kỹ, sau đó anh nói: "Đây là vấn đề lớn, thuộc thẩm quyền của Trung ương, Tổng Quân ủy, Tổng cục Chính trị, ta phải hết sức thận trọng, chờ xin ý kiến anh Nguyễn Chí Thanh... Muốn vậy cần hết sức chống cá nhân độc đoán, chuyên quyền, bao biện làm thay, mà phải động viên cho được mọi người cùng làm". Chính anh luôn là một tấm gương mẫu mực, trong chính những điều anh dặn dò chúng tôi.

Là Bí thư kiêm Tư lệnh, anh rất quan tâm xây dựng các cơ quan bộ... Anh thường nói: Bộ tư lệnh có ba cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cầu giống như kiềng ba chân. Đặc biệt anh chăm lo và đặt nhiều niềm tin vào cơ quan chính trị. Nhiều vấn đề lớn cần suy nghĩ, cân nhắc anh thường đến trực tiếp trao đổi ý kiến với cơ quan chính trị, chăm chú và chân thành lắng nghe ý kiến. Sự chăm sóc đó của anh không những làm cho cán bộ chính trị thấy phấn khởi, tích cực nâng cao trách nhiệm, mà còn gây không khí ấm cúng, chan hòa, mọi mặt xây dựng tình đoàn kết, vui vẻ trong toàn cơ quan. Nhờ truyền thống đó mà anh Chánh luôn là trụ cột, nên khi các đơn vị Liên khu 5 tập kết ra Bắc thường được coi là những đơn vị có cơ quan vững mạnh, cán bộ, chiến sĩ luôn duy trì tốt nền nếp tổ chức, kỷ luật quân đội được giữ nghiêm.

Đối với công tác cán bộ, anh là người luôn có đầu óc và con mắt nhìn xa trông rộng, có sức thu phục mạnh mẽ, vì vậy số cán bộ trí thức, đã được sử dụng thành công và khai thác tài năng được nhiều cán bộ như các anh Cao Văn Khánh, Nguyễn Thế Lâm, Lữ Giang, Giáp Văn Cương, Phan Hàm... và bao người khác vốn là học sinh, sinh viên từ Hà Nội vào rất đông. Anh cũng thu hút và giúp đỡ đào tạo được nhiều cán bộ nòng cốt trên mặt trận văn học, nghệ thuật như các anh Nguyễn Văn Bồng, Nguyễn Ngọc, Đới Tảo, Sáu Lai, bà Liễu, Tống Phước Phổ, Vĩnh An, v.v. tất cả anh em đã đem hết tài lực của bản thân phục vụ cách mạng, Anh là một người lãnh đạo vốn xuất thân từ nông dân, được học hành rất ít, nhưng không chỉ các cán bộ trí thức mến phục mà cả các anh lãnh đạo từng trải như Nguyễn Duy Trinh, Trương Quang Giao, Bùi San... đều nể trọng anh.

Đối với những cán bộ cũ, có quá trình hoạt động lâu dài, phẩm chất đạo đức tốt, nhưng năng lực có hạn chế, vẫn được anh bố trí công việc thích hợp. Một số anh em nguyên là binh sĩ thời Pháp đã được giác ngộ cách mạng, anh không thành kiến, mà anh đã mạnh dạn sử dụng như các anh: Nguyễn Bá Phát được bố trí làm trung đoàn trưởng, rồi tham mưu phó Quân khu, và là Tư lệnh Hải quân. Anh Nguyễn Mạnh Thường làm đến tham mưu phó Quân khu. Anh Tuyển được bố trí đến trung đoàn trưởng Trung đoàn 84.

Trước khi tôi được điều vào bộ đội, tôi có nghe dư luận người ta chỉ trọng dụng những người là du kích Ba Tơ. Nhưng đến khi được trực tiếp làm việc với anh Chánh, tôi thấy điều đó hoàn toàn không có, thậm chí còn có phần ngược lại: khi các đồng chí là cán bộ cách mạng cũ, du kích Ba Tơ phạm khuyết điểm, anh Chánh càng tỏ ra nghiêm khắc. Như trường hợp anh L.K, nguyên là du kích Ba Tơ, phạm khuyết điểm nặng, anh Chánh kiên quyết xử tù, anh em xin mãi, anh mới cho hạ kỷ luật.

Có thể nói, tất cả cán bộ Liên khu đều coi anh Nguyễn Chánh thật sự là người anh cả kính yêu. Khi tập kết ra Bắc, anh em cán bộ Liên khu 5 "quần theo anh", đặt hết tin tưởng vào anh với tình cảm rất sâu nặng.

Lúc bấy giờ cán bộ Khu 5 tập kết ra Bắc, phân tán đi nhiều nơi. Anh em rất nhiều tâm tư, thắc mắc, nguyện vọng, vừa vui buồn về thời cuộc, trăn trở về cuộc đấu tranh ác liệt ở miền Nam, thương nhớ quê hương, vợ con, vừa nhiều suy nghĩ khác nhau về công tác, sắp xếp, đề bạt, chính sách đãi ngộ đối với từng người... Tất cả, anh em đều viết thư về cho anh, vì đều coi anh là người anh thân thiết của mình. Anh Chánh có hai người thư ký là anh Nguyễn Văn Luyện và anh Thân Hoạt, giúp anh giải quyết những việc này, mặc dù các anh ấy làm việc với tinh thần trách nhiệm rất cao nhưng cũng không sao làm xuể. Tôi vừa là cán bộ cũ của anh từ Liên khu 5 và lúc này lại làm Trưởng phòng ở Cục Cán bộ, Bộ Quốc

phòng, nên được anh gọi giao giúp anh trong việc này. Tôi đọc tất cả các thư của cán bộ hay gia đình cán bộ gửi về và giúp anh thảo thư trả lời. Vì bận quá nhiều việc, ban ngày không đủ thời gian thì ban đêm anh thức nghe rất kỹ đến khuya, và anh cho những ý kiến giải quyết tận tình, tận nghĩa với cán bộ. Anh còn dặn: Không được để bất cứ một lá thư nào không trả lời. Dù chưa giải quyết được cũng phải trả lời cho người ta biết là đã nhận được thư.

Khi làm Tổng Tham mưu phó, anh dành nhiều thời gian đi thăm các đơn vị, nhiều lần anh gọi tôi cùng đi. Bấy giờ một số đơn vị Liên khu 5 tập kết phải chuyển ra các nông trường, công trường, có nơi rất xa xôi: Vân Lĩnh, Đồn Vàng (Phú Thọ), Tây Nghệ An, Tây Thanh Hóa... Anh đến tận nơi, nói chuyện cận kề với anh em, giải thích tình hình, mà kỳ thực cũng là chia sẻ tâm tình thương nhớ quê hương, lo lắng cùng anh em nên anh em đều rất cảm động, cảm phục và phấn khởi. Các đơn vị đã chuyển ra thành công trường, nông trường vẫn thường để hình ảnh của anh lên vị trí trang trọng, thường nhắc lại lời anh để dạy cán bộ, chiến sĩ.

Trong hòa bình, anh Chánh vẫn luôn giữ một nếp sống mẫu mực. Một lần anh đi bộ từ nhà ở 34 Lý Nam Đế đến cổng gác Cửa Đông để vào cơ quan làm việc. Đến cổng sờ túi, anh mới biết là quên giấy vào. Anh lại đi bộ về nhà lấy giấy, rồi trở lại trình giấy dâng hoàng khi qua cổng.

Trung ương và Tổng Quân ủy đã có quyết định thành lập Tổng cục Cán bộ. Theo chỗ tôi được biết lúc đầu có ý kiến đề nghị anh Hoàng Văn Thái làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Anh Thái phát biểu: Đảng đã phân công, tôi xin sẵn sàng. Nhưng theo tôi, anh Nguyễn Chánh là người có đức độ lớn, tham gia cách mạng rất sớm, từng ở chiến trường lâu, rất giàu kinh nghiệm, nên để anh Chánh làm Chủ nhiệm.

Trung ương và Tổng Quân ủy đồng ý.

Tổng cục Cán bộ được thành lập, anh Nguyễn Chí Thanh bấy giờ là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị triệu tập anh Phạm Ngọc Mậu, anh Trần Hoài Ân và tôi lên (hôm ấy anh Nguyễn Văn Vịnh và anh Đoàn Quang Thìn đi công tác vắng), anh hỏi: "Anh Nguyễn Chánh Tư lệnh Liên khu 5 về làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, các cậu có ý kiến gì không? Tất cả chúng tôi đều vỗ tay hoan nghênh, mấy ngày sau các anh đi công tác về đông đủ, anh Chánh triệu tập cả chúng tôi gồm các anh Nguyễn Văn Vịnh, Phạm Ngọc Mậu, Đoàn Quang Thìn, Trần Hoài Ân, Phan Phúc Tường, Hồng Long đến báo cáo tình hình và thảo luận về việc thành lập Tổng cục mới. Rồi anh gọi riêng tôi lên, hỏi thêm về tình hình cán bộ và cơ quan cán bộ. Tôi báo cáo thì ít, mà nghe anh nhận xét, phân tích, động viên, dạy bảo cho tôi nhiều hơn. Tôi còn nhớ anh nói: "Công tác cán bộ đây là của toàn quân, toàn quốc, của tất cả các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Nó không những là công việc trước mắt mà còn là tương lai của quân đội này, đất nước này. Do đó trách nhiệm

lớn, rất lớn, phải có quan điểm đúng đắn, suy nghĩ chu đáo. Cái khó là cái đã có thì ta cũng chưa nhận thức được hết, cái phát triển trong tương lai lại càng khó hơn. Ta phải nghiên cứu, học tập, nắm cho được đường lối của Trung ương, của Tổng Quân ủy và vận dụng sáng tạo. Các anh lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần rất từng trải giàu kinh nghiệm, ta phải lắng nghe và học kinh nghiệm. Làm công tác cán bộ phải trung thực, không nên gọt chân cho vừa giày".

Anh nói tiếp: "Chú có biết Bắc Hà là nơi nghìn năm văn vật không? Chính Nguyễn Huệ thắng lợi lúc ra Bắc là nhờ biết sử dụng nhân vật Bắc Hà. Cán bộ miền Bắc hiện nay vốn tiếp thu được truyền thống văn hóa cao, trong chiến tranh được thử thách, có nhiều nhân tài, nhiều đồng chí năng nổ, hoạt bát. Nhất là cơ sở chính trị trong nhân dân rất mạnh, đó là nguồn sản sinh ra cán bộ, phải hết sức phát huy cả số có tuổi và số trẻ.

Cán bộ Nam Bộ chiến đấu dài ngày, địa lý ở xa Trung ương, tính tự lực, tự cường cao, lại có khí phách của người phương Nam. Tiếc rằng vì điều kiện chiến trường nên ít được học tập, ít được giao lưu quốc tế, lại chưa có nhiều đơn vị cơ sở đoàn như phía Bắc để rèn luyện. Nhưng đây là vốn quý, rừng nào cọp nấy, phải ra sức phát huy, hết lòng giúp đỡ anh em tiến bộ. Phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ hùng hậu cho miền Nam sau này.

Miền Trung, dải đất hẹp, bị nhiều chia cắt, kinh tế nghèo nàn, cán bộ được tôi luyện trong gian khổ,

nói chung là rất trung thành, tận tụy. Nhưng văn hóa thấp, trừ một số ít được học hỏi Pháp thuộc. Phải chọn những anh có trình độ văn hóa khá để xây dựng các binh chủng, quân chủng hiện đại vì đó là một nhu cầu của toàn quân tiến lên chính quy, hiện đại. Đồng thời phải chọn lựa một số cho đi bổ túc văn hóa để chuẩn bị cho đội ngũ.

Con em miền Nam tập kết ra Bắc cả nam lẫn nữ, có nhiều thành phần khác nhau, nhưng đều là hạt giống. Ra Bắc gặp đất tốt nó sẽ phát triển tốt, là một lực lượng rất cần thiết cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước trong tương lai. Nhưng trước mắt đời sống còn khó khăn, còn thiếu thốn tình cảm và cả vật chất. Phải tìm cách phát hiện, đề xuất ý kiến cho các cơ quan có trách nhiệm để động viên chăm sóc cho số này..." (cũng vì vậy mà anh bắt buộc chúng tôi phải tìm hiểu tình hình và hàng tháng có báo cáo cho anh biết).

Về phong quân hàm cho sĩ quan quân đội. Anh nói: "Việc này chờ Trung ương, Hồ Chủ tịch, Chính phủ, Quốc hội, Tổng Quân ủy quyết định. Theo anh thì quân đội phải có chế độ quân hàm, nước nào cũng vậy. Phải xúc tiến chuẩn bị. Điều quan trọng là làm sao đoàn kết chặt chẽ giữa cán bộ và cán bộ, cán bộ và chiến sĩ, giữa quân và dân như lâu nay đã đạt được. Đừng để vì hình thức cấp hàm mà làm suy yếu đến tình cảm đoàn kết, chung sức chung lòng, làm yếu sức mạnh của quân đội". Trong nhiều lần làm việc anh cũng nêu lên vấn đề: Ta cần có một Học viện Quân sự cấp cao (trước chỉ có Trường trung cao).

Lúc bấy giờ đang đặt ra vấn đề chuẩn bị phong quân hàm. Tôi là Trưởng phòng điều động đề bạt kiêm Trưởng phòng quân hàm. Tôi thường đến nhà anh Chánh để xin ý kiến. Anh Chánh nói: "Tôi sang Trung Quốc thấy họ có tới 12 nguyên soái. Ta có nên phong nguyên soái không? Mình nghĩ mình xem người ta, nhưng đây là quyền của mình, mình làm theo cách của mình. Và quyết định việc này là quyền của Trung ương và phải xin ý kiến Quốc hội."

Riêng mình nghĩ nước ta độc lập nhưng mới được nửa nước, số quân không lớn, đại tướng là được rồi. Sau này thống nhất đất nước, sẽ xin Quốc hội cho ý kiến.

Hiện nay ta đã có một đại tướng. Có nên phong thêm không? Và phong ai? Mình nên thử hai phương án: phong thêm một đại tướng, hoặc phong thêm hai đại tướng. Nếu hai thì đồng chí Nguyễn Chí Thanh và đồng chí Lê Duẩn. Nếu một, thì chọn một trong hai.

Ở Trung Quốc, tướng có 4 cấp, tá cũng có 4 cấp. Quân đội Pháp, Mỹ thì không có cấp thượng tướng, thượng tá. Ta nên thế nào? Việc này tập thể sẽ bàn. Riêng ý mình là: Cán bộ mình đang phát triển không đồng đều, có chiến trường Bắc, chiến trường Nam, tài năng bộc lộ khác nhau, ta lại phải chiếu cố Bắc Nam, dân tộc. Có thể có 4 cấp thì dễ sắp xếp hơn.

Về cấp hiệu, cũng cần nghiên cứu kỹ, không nên lòe loẹt như hát bội, nhưng cũng không nên nền đen như quân đội Pháp, không phù hợp với dân tộc ta. Có lẽ nên dựa vào màu cờ của ta...".

Công việc về phong quân hàm, tôi thường xuyên được đi cùng anh Nguyễn Văn Vịnh, anh Nguyễn Trọng Vĩnh Cục trưởng, làm việc, xin ý kiến Ban Bí thư, Bộ Chính trị, các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh. Có khi phải trực tiếp xin ý kiến Bác Hồ. Tôi nhớ có lần làm việc với Bác, Bác hỏi: "Các chú đã hỏi ý kiến ông Phạm Khắc Hòe chưa? Ông ấy là Vụ trưởng Vụ Pháp chế của Chính phủ cơ mà. Nhà nước đã giao cho ông chức vụ Trưởng pháp chế, phải hỏi ý kiến ông chứ. Ông ấy có nhiều kinh nghiệm sẽ vui khi ta hỏi ý kiến và sẽ ủng hộ ý kiến của ta".

Bác còn dặn: "Tướng là tài sản của quốc gia. Cho nên phải thông qua Thường vụ Quốc hội, sẽ tăng thêm giá trị không chỉ đối với trong nước mà cả thế giới".

Theo ý kiến Bác và Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Lê Duẩn chuyên công tác đảng, đồng chí Nguyễn Chí Thanh trực tiếp với quân đội hơn, nên phong một đại tướng là đồng chí Nguyễn Chí Thanh. Thượng tướng thì nên cân nhắc trong bốn người lấy hai là các đồng chí Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng và đồng chí Nguyễn Chánh. Tôi nhớ khi bàn đến việc này anh Hoàng Văn Thái đã phát biểu: "Nên để anh Nguyễn Chánh là thượng tướng, thôi nhất định phải cấp thấp hơn". Và đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gạt đầu đồng ý ngay. Có lần tôi đi công tác xuống Sư đoàn 312. Khi nghe tin anh Nguyễn Chánh được bổ nhiệm làm Chủ tịch Tổng cục Cán bộ, anh Lê Trọng Tấn là Sư đoàn trưởng,

anh Trần Độ là Chính ủy và anh Đàm Quang Trung là Sư đoàn phó. Các anh bảo: "Thế là rất sáng suốt...".

Nhưng rồi anh Nguyễn Chánh đã mất đột ngột, đang giữa thời phát triển rực rỡ tài năng, ở tuổi 43, chỉ ít lâu trước khi phong quân hàm.

Cuộc đời một con người, một đảng viên cộng sản 43 tuổi như vậy, nay nhìn lại và ngẫm nghĩ, có thể thấy thật thần kỳ. Anh thật xứng đáng là một người học trò giỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Đ.H.

## **ANH NGUYỄN CHÁNH, MỘT VỊ LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY LỐI LẠC Ở LIÊN KHU 5 TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

*Trung tướng, PGS. LÊ HỮU ĐỨC*

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Liên khu 5 (miền Nam Trung Bộ) thường nhắc đến các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh một cách triu mến và kính trọng. Đó là những đồng chí tiêu biểu trong một tập thể lãnh đạo đoàn kết, kiên cường, sáng tạo, vận dụng đúng đắn đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ của Trung ương và Bác Hồ đã lãnh đạo quân dân Nam Trung Bộ vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội,... đưa cuộc kháng chiến ở Nam Trung Bộ phát triển mạnh mẽ, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với chiến trường chính Bắc Bộ.

Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân, cán bộ, chiến sĩ và Đảng bộ Nam Trung Bộ đã khắc phục khó khăn, nỗ lực vượt bậc cùng các đoàn quân Nam tiến từng bước đánh bại chiến lược

"đánh nhanh, giải quyết nhanh" của giặc Pháp; giữ được một vùng tự do rộng lớn, là một trong ba căn cứ và hậu phương lớn của cả nước; bảo đảm thông suốt đường giao thông liên lạc từ Trung ương đến Nam Bộ.

Giữa năm 1947, chấp hành nghiêm chỉ thị của Trung ương "tích cực chuyển mạnh sang du kích vận động chiến", Khu 5 là chiến trường sớm tổ chức được một số trận vận động nhỏ có chất lượng tốt, nổi tiếng là trận đánh giao thông trên đèo Hải Vân (22-5-1947) tiêu diệt gọn một đại đội Âu Phi và nhiều sĩ quan trong đó có tên đại tá Rô-giê, chỉ huy địch ở Đà Nẵng. Đây là ngọn cờ đầu diệt Pháp ở Nam Trung Bộ.

Gần ba năm (1948 - 1950) vận dụng sáng tạo hình thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung", Liên khu 5 đã đưa nhiều cán bộ cùng lực lượng vũ trang tiến sâu vào sau lưng địch... Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tiểu đoàn tập trung và đại đội độc lập hoạt động, Liên khu chủ động liên tiếp mở các chiến dịch như: Đông - Xuân 1949 - 1950 ở Quảng Nam - Đà Nẵng, ở Khánh Hòa; Hè 1949 trên Đường 19 (Gia Lai)... Nhờ vậy, chiến tranh nhân dân bắt đầu phát triển. Có thể nói, thắng lợi quan trọng ở Nam Trung Bộ trong những năm 1948 - 1950, bước đầu đã biến hậu phương địch thành tiền phương của ta ở những vùng trọng điểm. Thắng lợi trên còn tạo điều kiện cho Liên khu tập trung các tiểu đoàn ở những địa phương có phong trào du kích khá mạnh cùng các tiểu đoàn chủ lực của Liên khu thành lập các trung đoàn chủ lực.

Có những thắng lợi ban đầu rất cơ bản trên đây là nhờ có đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, của Bác; nhờ sự hy sinh vô bờ bến của nhân dân; nhờ sự lãnh đạo sáng tạo của Quân khu ủy và Liên khu ủy 5. Anh Chánh với cương vị lãnh đạo Đảng bộ và quân đội Liên khu 5 đã có đóng góp to lớn và rất xứng đáng trong thắng lợi đó.

Tài năng, bản lĩnh và phẩm chất của một người lãnh đạo chỉ huy thao lược quyết đoán trong anh được đặc biệt phát triển vượt bậc có lẽ sau một năm công tác ở Trung ương, tham gia chỉ đạo các chiến dịch Trung du và Đường 18. Thời gian đó anh được Bác, anh Trường Chinh bồi dưỡng chỉ vẽ, được các anh trong Tổng Quân ủy như anh Văn, anh Thanh hết lòng giúp đỡ.

Việc anh Chánh ra mặt trận, trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Chính ủy và Bí thư Đảng ủy chiến dịch Bắc An Khê (Xuân 1953) đã động viên cán bộ, chiến sĩ càng vững tâm, tin tưởng vào chiến thắng vì chưa lúc nào ở Nam Trung Bộ lại có Bộ tư lệnh chiến dịch mạnh, dày dặn kinh nghiệm như vậy. Chỉ trong 15 ngày (13-1 đến 28-1-1953), bộ đội ta liên tiếp diệt ba cứ điểm có công sự vững chắc, thu ba đại bác; đánh ba trận vận động phục kích, nổi bật là trận phục kích tiêu diệt gọn một tiểu đoàn ngụy. Lần đầu tiên bộ đội Liên khu 5 thực hiện được đánh điểm diệt viện, điểm cũng gọn mà viện cũng gọn. Trong lúc bộ đội và cán bộ đang phấn khởi, sẵn sàng tiếp tục lập công thì Bộ tư lệnh chiến dịch lại quyết tâm kết thúc chiến dịch. Lúc đầu cán bộ có phần

phân vân, nhưng khi gặp anh Chánh mới biết: mặc dầu đang bị sa lầy ở Nà Sản, Tổng chỉ huy quân đội Pháp, tướng Sa-lăng cũng phải điều ba tiểu đoàn dù vào Bắc Tây Nguyên, tiếp đó là sáu tiểu đoàn nữa: có tin chúng sắp đổ bộ lên Quy Nhơn. So sánh lực lượng đã thay đổi, nếu cố gắng ta cũng có thể thu thêm một số thắng lợi, nhưng không tránh khỏi thương vong, vừa không bảo vệ trọn vẹn thắng lợi đã giành được, lại vừa không chủ động cho công tác chuẩn bị sắp tới (sau này khi có điều kiện nghiên cứu các chiến dịch quân đội ta trong hai cuộc kháng chiến, tôi mới nhận thức được rằng chủ động kết thúc chiến dịch đúng thời cơ là một nội dung quan trọng của nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch). Với lực lượng hai trung đoàn chủ lực phối hợp với địa phương, trên một không gian từ một đến hai huyện ở rừng núi thì thời gian chiến dịch trong vòng từ 15 đến 20 ngày là hợp lý. Vì vậy, kết thúc chiến dịch Bắc An Khê sau 15 ngày chiến đấu quả là rất đúng, là một thành công mẫu mực về nghệ thuật kết thúc chiến dịch.

Trong chiến dịch này, tôi có một kỷ niệm sâu sắc về anh Nguyễn Chánh, đó là sự chăm sóc chu đáo của anh đối với một cán bộ cấp dưới. Lúc đó tôi làm tham mưu trưởng trung đoàn chủ lực 108. Sau các trận diệt cứ điểm Cửu An và diệt gọn tiểu đoàn nguy trên đường Hoàng Hoa Thám, cán bộ trung đoàn cùng cán bộ tiểu đoàn, đại đội được lệnh đi chuẩn bị đánh giao thông trên Đường 19, từ An Khê đến Thượng An. Tôi bị sốt rét nằm lại hậu cứ trung

đoàn cách Sở chỉ huy của mặt trận khoảng hai giờ đi bộ. Anh Chánh cho gọi tôi lên nhận nhiệm vụ chuẩn bị lui quân. Tôi vừa ngồi xuống cạnh anh thì mặt tái, bắt đầu run. Anh bảo: Cậu bị sốt nặng rồi và vội cho gọi bác sĩ đến tiêm thuốc, đánh gió và nấu nước xông cho tôi. Sau đó chính anh dìu tôi vào giường của anh nằm nghỉ, lấy chân anh đắp cho tôi và dặn: "Đức cứ nằm nghỉ cho khỏe đã, ta sẽ làm việc sau". Khoảng ba giờ sáng, tôi tỉnh dậy, thấy anh còn ngồi bên bếp lửa bàn bạc công việc với anh Nguyễn Bá Phát, Tham mưu trưởng chiến dịch. Anh hỏi: "Đỡ chưa? Có bát cháo đây, ăn cho khỏe đã. Còn nhiều thời gian, ta sẽ bàn". "Anh Chánh, bề ngoài trông nghiêm khắc, nhưng lại hết lòng thương yêu cán bộ, thương yêu cấp dưới và mọi người như thế đó.

Bước vào Đông - Xuân 1953 - 1954, dịch thực hiện giai đoạn thứ nhất của kế hoạch Na-va.

Tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị họp bàn chủ trương tác chiến để phá kế hoạch Na-va. Hội nghị nhất trí hoàn toàn với phương châm tấn công chiến lược là tránh chỗ mạnh, đánh chỗ sơ hở...

Đánh vào hướng địch sơ hở và yếu đối với Liên khu 5 quả là một vấn đề hoàn toàn mới. Lúc đầu chưa thấy tầm chiến lược quan trọng của Tây Nguyên nên cán bộ, nhân dân, kể cả một bộ phận cán bộ lãnh đạo, có nhiều phân vân. Có cán bộ và chiến sĩ đã ví von: "Bỏ đồng bằng phi nhiều, đồng người nhiều của, lên tranh giành mấy nương sắn, rẫy bắp thì đâu hơn?"; hoặc "Tập trung chủ lực lên Bắc Tây

Nguyên đã chắc gì địch nhà đồng bằng cho ta...". Qua chín năm kháng chiến chưa lúc nào công tác chính trị, tư tưởng lại khó như lần này. Nhưng nhờ có sẵn niềm tin vững chắc vào Trung ương, vào Bác kính yêu, lại được anh Chánh, một đồng chí lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm, có uy tín lớn, vừa trực tiếp nhận nhiệm vụ ở Bộ về, phân tích sâu sắc, đầy sức thuyết phục về sự đúng đắn của chủ trương tác chiến của Trung ương, về tầm chiến lược quan trọng của Tây Nguyên, đặc biệt trong chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, nên dần dần cấp ủy, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào cũng nhận ra và nhất trí với trên.

Giữa tháng 10 năm 1953, trước lúc lên đường trở về Liên khu, anh cho gọi tôi lên trạm khách của Bộ Quốc phòng, anh dặn: "Đức biết đấy, tập trung chủ lực lên Bắc Tây Nguyên là rất đúng, nhưng khó khăn lắm; không riêng cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang mà ngay một số cán bộ, đảng viên bên ngoài cũng có nhiều ý kiến. Đức ở Liên khu 5 suốt chín năm, từng phụ trách Phòng Tác chiến Bộ Tham mưu Liên khu 5, Tham mưu trưởng trung đoàn, nay được điều ra Bộ Tổng tham mưu, ở Cục Tác chiến, có điều kiện gần các anh ở trên, cố gắng nắm chắc tình hình Liên khu, báo cáo kịp thời với các anh lãnh đạo Bộ để có sự chỉ đạo kịp thời cho Liên khu. Thôi, cố gắng giữ sức khỏe. Ta lại gặp nhau thôi".

Anh Chánh lại ra trận, làm Tư lệnh kiêm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy chiến dịch Bắc Tây Nguyên. Trong giờ phút khó khăn có anh, bộ đội càng tin tưởng.

Chỉ bảy ngày sau khi Na-va tung 22 tiểu đoàn (có bốn binh đoàn cơ động) đánh chiếm gần hết tỉnh Phú Yên, thì ngày 28 tháng 1 năm 1954, chủ lực ta tiêu diệt toàn bộ cụm phòng ngự then chốt của địch ở Đông Kon Tum gồm ba cứ điểm kiên cố. Cánh cửa tiến vào Bắc Tây Nguyên đã mở. Bộ Tư lệnh chiến dịch lệnh cho các đơn vị kiên định thực hiện quyết tâm đã đề ra. Khi phát hiện chủ lực ta có mặt ở Nam thị xã, trên Đường 14, toàn bộ lực lượng địch trong thị xã Kon Tum (có Binh đoàn 100 Âu Phi rút từ Triều Tiên về) đã bí mật tháo chạy về Plây-cu để lại toàn bộ vũ khí và kho tàng. Tin chiến thắng giải phóng Kon Tum về tới Sở chỉ huy của Đại tướng Tổng Tư lệnh tại Mường Phăng khoảng 17 giờ ngày 7 tháng 2 năm 1954. Đại tướng và cán bộ trong Sở chỉ huy vô cùng phấn khởi. Đại tướng điện ngay cho anh Chánh: "Anh cho biết có phải ta đã giải phóng thị xã Kon Tum chưa, để tôi kịp báo cáo Bộ Chính trị và Bác, đưa tin ngay lên đài phát thanh". Khoảng 23 giờ, anh Chánh trả lời: "Tôi hiện ở trong thị xã Kon Tum". Báo cáo rất ngắn gọn, nhưng rất cụ thể và chuẩn xác. Anh Văn càng phấn khởi và nói: Tiếp theo chiến thắng của bộ đội Lào - Việt ở Thà-khệt Trung Lào, chiến thắng giải phóng hoàn toàn Kon Tum, trong lúc ta chưa bắt đầu tấn công Điện Biên Phủ, buộc Na-va phải xé nhỏ khối chủ lực cơ động tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ thành năm khối, càng chứng minh sự chỉ đạo đúng đắn của Bộ Chính trị và của Bác. Trong hội nghị Bộ Chính trị họp ở Bản Tin - Keo vào đầu tháng 10

năm 1953, Bác đã dự đoán thiên tài: "Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh - không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn".

Còn về thực hiện thì ở Liên khu 5, nhân dân Nam Trung Bộ có truyền thống cách mạng kiên cường, Liên khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu là một tập thể mạnh, đoàn kết sáng tạo. Đặc biệt, anh Chánh là một đồng chí có nhãn quan chiến lược, nắm vững nghệ thuật quân sự, quán triệt sâu sắc đường lối và chủ trương của Đảng, có trình độ tổ chức thực hiện giỏi, được cán bộ, chiến sĩ và đồng bào tin yêu. Ở xa Trung ương phải có đồng chí chủ trì có được những phẩm chất như vậy, thì mới có thể xoay chuyển được thời cuộc ở thời điểm quyết định.

Quán triệt nhiệm vụ "Tấn công lên Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất..."; phán đoán đúng âm mưu địch vẫn tiếp tục tấn công vùng tự do của ta, anh đã kịp thời đề xuất với Thường vụ Liên khu ủy và đảng ủy mặt trận một phương án đúng đắn: tiếp tục đẩy mạnh tiến công ở Tây Nguyên, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng giữa tiến công vùng tự do và giữ Tây Nguyên; vùng tự do phải được bố phòng vững chắc hơn nữa; tăng thêm một bộ phận chủ lực hỗ trợ cho chiến tranh du kích ở vùng địch mới chiếm; động viên hơn nữa sức người, sức của trong nhân dân để phát triển lực lượng, bảo đảm tác chiến lâu dài, cấp tốc xây dựng trung đoàn chủ lực thứ ba - Trung đoàn 96. Với thể bố trí lực lượng hợp lý, Liên khu 5 đã giành nhiều thắng lợi giòn giã trên Đường

19, trong tam giác An Khê - Cheo Reo - Plây-cu, ở phía Nam Phú Yên, ta đập tan âm mưu địch mở rộng tiến công đánh chiếm Bình Định; phối hợp chặt với chiến trường chính Điện Biên Phủ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Liên khu 5 vẫn tiếp tục đánh những trận có chất lượng tốt, nổi bật là trận tiêu diệt gọn binh đoàn cơ động 100 (24-6-1954), trận vận động phục kích lớn nhất của quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trên đường vào thăm bộ đội Liên khu 5 và Nam Bộ tập kết ở Thanh Hóa, Nam Định và Thái Bình, anh Văn nói: "Anh Chánh vốn là đồng chí thực sự có năng lực, giỏi, có kinh nghiệm, có tin nhiệm, nay được gần Trung ương và Bộ, càng có điều kiện phát triển...".

Ở miền Bắc, anh Chánh được cử giữ trọng trách Phó Tổng tham mưu trưởng, rồi Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Chúng tôi nhớ mãi những buổi truyền đạt đường lối, chính sách cán bộ của Trung ương và Tổng Quân ủy, anh thường kết thúc bằng những lời tâm huyết: "Làm công tác cán bộ rất khó, phải đầu tư nhiều, vừa phải quán triệt đúng đắn đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, lại phải tạo điều kiện gỡ gỡ cán bộ, biết được tâm tư, nguyện vọng của anh em. Bản mấy cũng phải sắp xếp thâm nhập xuống đơn vị, gặp cán bộ. Nếu ngại gặp cán bộ, ngại anh em đề đạt ý kiến thì không nên làm công tác cán bộ...". Lời nói của anh dễ thấm sâu vào lòng người. Anh nhanh chóng được cán bộ toàn quân tin cậy, mặc dù trước đó anh chỉ đạo ở một chiến trường xa.

Thường cứ vài ba tháng anh lại gọi chúng tôi, những cán bộ ở Liên khu 5 cũ hiện đang công tác ở Bộ, tới chỗ làm việc của anh hoặc tới nhà riêng ở phố Lý Nam Đế để trao đổi và tâm sự. Trong không khí đầm ấm đầy tình đồng chí anh em thân thiết, bao giờ anh cũng nhẹ nhàng nhắc nhở chúng tôi phải không ngừng phấn đấu vươn lên, sao cho xứng đáng với Đảng, với Bác, với tình thương yêu của đồng bào Liên khu 5. Tối 23 tháng 9 năm 1957, sau lễ kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến, anh còn dặn tôi: "Gần đây mình không khỏe lắm. Mai mình đi Đồ Sơn nghỉ dưỡng ngày, về ta sẽ trao đổi. Cho mình gửi lời thăm Đàm Liên (vợ tôi) và các cháu". Đêm hôm đó, do một cơn đau tim đột ngột, anh đã vĩnh viễn ra đi.

Chúng tôi, những cán bộ được anh dìu dắt suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Liên khu 5, ngẩn ngơ thương tiếc anh đã ra đi quá sớm, trong lúc tài năng và đức độ đang nở rộ.

L.H.D.

## NHỮNG LẦN GẶP ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH

*Trung tướng, PGS. KHIẾU ANH LÂN*

... 1953

Lúc này, tôi còn là một cán bộ rất trẻ vừa được điều động về Phòng Tham mưu Liên khu 5 làm cán bộ tác chiến và được biết anh Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu vừa là người thầy, vừa là người anh cả - người cán bộ trên rất cao của tôi.

Mỗi lần gặp anh, thấy nụ cười dễ dãi trên gương mặt vui vẻ của anh nên tôi càng khấp nép, e ngại. Ở Phòng Tham mưu liên khu lúc đó phần nhiều còn rất trẻ, như các anh Nguyễn Phúc Thức, Lê Đình Văn, Bùi Đình Nguyên... Riêng tôi lại có cái họ đặc biệt: Khiếu Mộng Lân, vừa khó nhớ nhưng cũng lại rất dễ nhớ. Mỗi lần gặp anh Chánh, anh lại nheo mắt cười và gọi: "Cậu Khiếu đấy à..." tôi vừa vui vì anh vẫn nhớ đến họ tên, nhưng lại băn khoăn về chữ lót "Mộng" của mình, nên sau này tôi đã xin đổi lại là Khiếu Anh Lân.

Tháng 12 năm 1953, quân Pháp chuẩn bị tiến công vùng tự do Liên khu 5, lũ chúng tôi, những

cán bộ cấp thấp cũng thấy e ngại. Liên khu 5 sở dĩ đứng vững từ ngày đầu kháng chiến đến lúc đó cũng chính là nhờ có sự hy sinh đóng góp của các tỉnh tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú, nay kẻ địch huy động một lực lượng lớn quyết tâm đánh chiếm, không rõ ta giải quyết ra sao?

Đầu tháng 1 năm 1954, được biết anh Nguyễn Chánh đi họp Trung ương đã về và đã có ý định rõ ràng. Bộ phận tác chiến chúng tôi được lệnh chuẩn bị cho cuộc hội nghị quân chính Quân khu. Tôi còn nhớ rõ, sau khi đã thông qua phương án đánh địch ở Bắc Tây Nguyên, chúng tôi có một bản đồ vẽ đúng như ý định của Bộ tư lệnh, nghĩa là đưa quân lên Bắc Tây Nguyên, bước đầu đánh các cụm địch ở Kon Tum, như: Mang Đen, Mang Bút, Kom Rẫy, rồi sau đó tùy tình hình sẽ phát triển, mà phát triển như thế nào thì bản đồ chưa thể hiện.

Nhưng khi về đến nhà ở của cơ quan tác chiến, mấy anh em chúng tôi lại làm thêm một bản đồ và vạch hướng phát triển sang hướng Plây-cu, còn khu vực Kon Tum thì chúng tôi tô đỏ thể hiện đã hoàn toàn giải phóng. Đang say sưa đứng ngắm cái công trình "tham mưu con" của mình, thì đột nhiên anh Nguyễn Chánh đến. Chúng tôi đứng lặng im nhìn anh, thấy anh nheo mắt cười, ngắm nhìn tấm bản đồ, không quả trách, la mắng gì. Lát sau, anh nhẹ nhàng nói, đại ý: Quyết tâm của các cậu đấy à? Cái này là vô nguyên tắc đấy nhé... Nhưng có làm được hay không cũng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố lắm... Hãy tập trung vào bước một đi đã... Đi ít bước, anh

lại nói: Cứ giữ lại tám bản đồ này xem chiến dịch có diễn biến như vậy không... Chúng tôi đứng lặng nghe những lời dạy bảo độ lượng của người anh cả, chỉ còn liếc mắt nhìn nhau. Riêng tôi nhận thấy mình tội nặng hơn, vì chính tôi là kẻ đầu têu, kẻ hay "tếu" để có cái bản đồ trên.

Lúc đó, chúng tôi đâu có rõ Tư lệnh đã nhận chỉ thị của Trung ương, nhưng anh không muốn để lộ ý định. Sau này chúng tôi cũng không thấy anh nhắc đến chuyện này nữa. Tác phong ung dung, đĩnh đạc, độ lượng của một đồng chí Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu là như vậy. Giọng nói ăm áp và nhân hậu của anh đã chinh phục "lũ tham mưu con" chúng tôi, đến bây giờ vẫn không thể nào quên.

1954 ...

Chiến dịch Đông - Xuân Bắc Tây Nguyên 1953 - 1954 bắt đầu. Sáng 28 tháng 1 năm 1954, quân ta nổ súng theo kế hoạch. Ba cứ điểm ở Đông thị xã Kon Tum lần lượt bị tiêu diệt. Ngoài cái vui mừng chung ra, riêng tôi vui mừng gấp đôi vì chính tôi đã di chuẩn bị ở cứ điểm Kom Rẫy. Theo kế hoạch, Trung đoàn 803 phải đi tiêu diệt cả cánh quân địch rút chạy từ Kon Tum về Plây-cu nhưng do khó khăn nên không thực hiện được. Địch ở Kon Tum rút chạy, ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum đúng như trong bản đồ "tham mưu con" của chúng tôi tháng trước...

Thế rồi, Trung đoàn 803 lại được lệnh tiến công vào tuyến phòng thủ Plây-cu.

Đêm 17 tháng 2 năm 1954, trung đoàn nổ súng tiến công cứ điểm Đắc-đoa. Cuộc chiến đấu thật ác liệt. Địch là một bộ phận của binh đoàn 100 (GM100) vừa ở Triều Tiên về, gồm toàn là Tây trắng, Tây đen, thiện chiến và hung bạo. Chúng lại được các trận địa pháo bố trí rất bí mật quanh đó chi viện.

Trung đoàn 803 đã chiến đấu thật dũng cảm và quyết thắng.

Lúc này sở chỉ huy chiến dịch vẫn theo dõi sát sao trận đánh. Tôi còn nhớ, đêm đó là một đêm trăng sáng. Ở sở chỉ huy bọn chúng tôi đã trải bản đồ quyết tâm trận đánh Đắc-đoa, sẵn sàng cả điện thoại và vô tuyến điện để liên lạc với trung đoàn. Đồng chí Tư lệnh cũng đến đó theo dõi trận đánh. Không khí trong sở chỉ huy im ắng lạ nhưng tôi thấy anh cứ đi đi, lại lại dăm chiêu suy nghĩ, mãi đến khi chúng tôi báo cáo là trung đoàn đã nổ súng mới thấy anh trở lại dáng vẻ ung dung thường ngày. Té ra, từ chiều tới giờ anh đang lo lắng không hiểu trăng sáng như thế kia, liệu quân ta có tiếp cận và triển khai bí mật được không? Trận công đồn Đắc-đoa lần đó thật ác liệt. Tôi vốn là đại đội trưởng đại đội độc lập hoạt động ở vùng đó, và đã một lần tổ chức tập kích vào Đắc-đoa khi đó chỉ mới là một đồn điền cà phê, nay không những địch đã cải tiến công sự, hầm ngầm mà lại còn do bọn lính Âu Phi trú đóng nữa. Tôi lại được anh Nguyễn Bá Phát, Tham mưu trưởng chiến dịch, phái xuống Trung đoàn 803 nắm kế hoạch của trận đánh để báo cáo Tư lệnh chiến dịch theo dõi... Khi nghe tin Lê Công Khai, đại đội

trưởng đại đội chủ công hy sinh, đồng chí Tư lệnh chiến dịch có trực tiếp nghe trung đoàn báo cáo. Tôi không rõ ai báo cáo và báo cáo vấn đề gì nhưng thấy anh cau mặt, suy nghĩ... Một lát anh gọi tôi: Cậu Lân, cậu báo cáo lại kế hoạch sử dụng lực lượng của trung đoàn như thế nào? Sau khi nghe tôi báo cáo xong, anh lại bảo: Cậu gọi trực tiếp cho anh Phan Hàm, nói anh ấy nắm lại bộ đội, nếu chưa sử dụng dự bị thì sử dụng đi, tiếp tục động viên đơn vị kiên quyết dứt điểm trận đánh trước sáng. Tìm mọi cách liên lạc với bộ phận đi tìm pháo và ra lệnh hoạt động ngay. Tôi báo cáo ngay với anh Phan Hàm thì được anh trả lời: Cậu cứ báo cáo Bộ Tư lệnh, bọn mình vẫn vững vàng. Vâng, trận đánh sẽ xong trước sáng. Quả nhiên, sau đó, khoảng từ 4 giờ 30 đến 5 giờ sáng thì trận đánh diệt đồn Đắc-đoa đã xong. Tư lệnh chiến dịch đã thức suốt một đêm để trực tiếp theo dõi và chỉ huy một trận đánh.

Vừa cuốn xong tám bản đồ trận đánh, tôi lại nghe tiếng anh nói chuyện điện thoại với đồng chí trung đoàn. Nghe giọng nói tôi thấy hình như Tư lệnh không hài lòng về một vấn đề gì đó thì phải.

Sau đó, cả lũ chúng tôi được Tư lệnh gọi lại cho ăn một bữa cháo thịt. Đó là một trận đánh ở một thời, tôi cứ nhớ mãi tác phong gần gũi, tình cảm của một Tư lệnh chiến dịch đối với đơn vị, đối với cấp dưới...

Sau 1954, bộ đội Liên khu 5 tập kết ra Bắc và được biên chế thành hai Sư đoàn 324, 305 và nhiều

trung đoàn khác. Tôi được biên chế ở Trung đoàn 96, Sư đoàn 305.

Sau khi đi tập huấn cải cách ruộng đất ở Yên Sở về, tôi được lệnh điều động khỏi Sư đoàn 305 và đúng ngày 1 tháng 1 năm 1956, tôi vác ba lô rời nhà thờ Liễu Giai vượt cầu Long Biên sang nhận công tác ở Đại đội 47 (tiền thân của Bộ Tư lệnh Không quân ngày nay). Tôi có nghe tin anh Nguyễn Chánh bây giờ là Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ quân đội.

Tôi vẫn công tác, học tập và có lần được triệu tập sang nghe thời sự ở Câu lạc bộ Quân nhân. Có một lần tôi được gặp anh Nguyễn Chánh cùng đang nghe thời sự. Bên cạnh anh là các anh Luyện, anh Thân Hoạt. Tôi mừng rỡ chạy lại chào anh. Anh Luyện khê báo cáo đây là Khiếu Mộng Lân ngày xưa, anh Chánh lại nheo mắt nhìn tôi mỉm cười rồi nói: "Cậu Khiếu...". Anh hỏi thăm tôi về công tác, về vợ con và đã đi học ở đâu chưa? Tôi trả lời là mới đi tập huấn cải cách ruộng đất, anh gật gật đầu không nói gì... Sau đó tôi chào anh ra về. Tôi thật sự vui mừng vì đã gặp lại người chỉ huy cũ vô cùng thân thiết năm xưa.

Vào một buổi sáng, cuối tháng 9 năm 1957, khi ấy, tôi phụ trách sân bay Đồng Hới, đột ngột nghe tin anh Chánh từ trần. Tôi bàng hoàng, hẫng hụt, như mất một người thân thiết nhất. Lúc này, ở sân bay Đồng Hới chỉ có một mình tôi là lính cũ ở Liên khu 5, còn tất cả là các đồng chí khác đều từ Sư 325, Sư 312, Sư 308... về nên rất ít đồng chí biết

anh Nguyễn Chánh. Tuy vậy, tôi vẫn tổ chức trọng thể lễ truy điệu anh. Tại lễ truy điệu, tôi nói về công đức của anh đối với Liên khu 5, về tác phong ung dung, đĩnh đạc và nhân hậu của anh đối với đồng chí, đồng đội và tôi đã khóc ròng, khóc không cần che đậy giấu giếm trước mặt anh em đơn vị.

Tôi khóc vì thương tiếc một người chỉ huy có tài, có đức độ, bằng lòng nhân hậu và tác phong giản dị, đã cảm hóa được bao nhiêu người. Tôi lại nghĩ rằng anh Chánh mất đi, cán bộ Liên khu 5 có sự thiệt thòi, vì chính anh đã gần gũi, sâu sát cán bộ, biết tất cả những cái mạnh và cả những cái yếu, để dám sử dụng và sử dụng đúng chỗ.

Sau này, tôi đã đi qua nhiều đơn vị, qua công tác được tiếp xúc nhiều đồng chí Tư lệnh, Chính ủy, nhưng hình ảnh một đồng chí Tư lệnh, một cán bộ cấp trên hiền hậu, ung dung, có tác phong gần gũi cấp dưới, dạy bảo cấp dưới như chính con em mình của anh vẫn sống động mãi trong tôi.

K.A.L.

## NGƯỜI ANH LỚN ĐÃ DÌU DẮT TÔI TRÊN ĐƯỜNG TRƯỞNG THÀNH

*Trung tướng VÕ THỨ*

Như chúng ta đều đã biết, ngày 11 tháng 3 năm 1945 đã nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ đã được thành lập. Tôi tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ là do một sự tình cờ may mắn. Sự thể như thế này:

Hôm đó là ngày 11 tháng 3, tôi đi từ Quảng Ngãi lên Ba Tơ để thăm anh Võ Phấn, anh ruột tôi và là bạn của anh Nguyễn Chánh và cũng là để thăm dò tình hình ra sao trong lúc đang có biến động như thế này. Lên tới Suối Loa thì gặp đoàn biểu tình vũ trang từ Ba Tơ kéo xuống, tôi liền nhập vào đó luôn, từ đó được tham gia trực tiếp vào các diễn biến tiếp sau của cuộc khởi nghĩa và trở thành đội viên Đội du kích Ba Tơ.

Một hôm, anh Nguyễn Đôn báo tin cho chúng tôi: Anh Nguyễn Chánh được Tỉnh ủy lâm thời phân công số lên tăng cường lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ.

Đã biết tiếng anh Chánh từ trước, nên được tin anh Chánh lên, tất cả anh em đều rất mừng.

Đúng ngày hẹn, chúng tôi tập họp toàn Đội, khắp khởi đón anh. Anh Chánh đi chậm, người còn rất gầy yếu, thỉnh thoảng lại ho khọt khẹt, hai chân thì bị sâu quầng. Rõ ràng chế độ lao tù khắc nghiệt của kẻ thù đã khiến sức khỏe anh bị ảnh hưởng nặng. Lúc bấy giờ chúng tôi còn sợ anh bị ho lao.

Dau yếu vậy, nhưng vừa đến nơi là anh lao vào việc ngay. Anh tìm hiểu tỉ mỉ, nghiên cứu tình hình mọi mặt, hàn hạc cùng các anh lãnh đạo Đội (anh Đôn, anh Kiệt, anh Khoách...). Sau đó anh nêu lên một ý kiến quan trọng: Nên mạnh dạn đưa Đội du kích về đồng bằng, dựa vào nhân dân, dựa vào phong trào chính trị của quần chúng để xây dựng và phát triển lực lượng chiến đấu, đồng thời phát triển du kích chiến tranh ở đồng bằng, sẵn sàng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Anh nói: Cứ để Đội du kích lẫn quân trên rừng núi thì sẽ khó khăn, bế tắc, khó phát triển lực lượng mà lại hao mòn dần. Trong tình hình cụ thể lúc bấy giờ, đó là một chủ trương hết sức sáng suốt, có tính quyết đoán và sáng tạo, và thực sự đã tạo ra một bước ngoặt lớn không chỉ của Đội du kích Ba Tơ mà còn cho tình thế cách mạng chung ở Quảng Ngãi hồi đó, đưa đến những thắng lợi lớn sau này...

Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, ở Quảng Ngãi, cùng với các anh lãnh đạo khác, anh Nguyễn Chánh gánh vác trọng trách lớn: vừa là Tổng chỉ huy các lực lượng khởi nghĩa có nhiệm vụ phối hợp hành động tác chiến của lực lượng vũ trang với nổi dậy của quần chúng, vừa chỉ huy toàn bộ lực

lượng vũ trang trong tình, đồng thời trực tiếp chỉ huy cánh quân chủ yếu đánh vào nơi quan trọng nhất của địch. Đồn Gi Lãng là nơi khó khăn nhất, là nơi địch dồn lực lượng về làm căn cứ để trụ chống lại ta. Anh Chánh trực tiếp chỉ huy cánh quân đánh Gi Lãng. Năm chắt quy luật đi lại và hoạt động của tên quân Trần chỉ huy đồn Gi Lãng hằng ngày cuối giờ chiều thường về nhà ăn cơm, sau đó trở lên đồn. Anh Chánh bố trí một lực lượng gồm 5, 6 anh em do anh trực tiếp chỉ huy, bất ngờ ập vào nhà, trong lúc tên này đang ăn cơm, chia súng bắt nó giơ tay lên, tước vũ khí, rồi bắt nó dẫn anh em ta lên đồn. Lúc này trời đã tối, tên quân Trần đi trước, quân ta áp theo sau. Tên lính gác ở cổng đồn hỏi:

- Ai?

Quân Trần trả lời:

- Trần đây.

Anh em ta lập tức đập cổng đồn, tràn vào luôn, buộc địch phải đầu hàng.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, anh Nguyễn Chánh tham gia Xứ ủy Trung Kỳ và được phân công làm Ủy viên trưởng Quốc phòng. Khi thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn và đánh ra các tỉnh cực Nam Trung Bộ, bên cạnh việc chuẩn bị kháng chiến ở các tỉnh chưa có chiến sự, anh cùng tập thể động viên nhân tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến, tiếp nhận và phân phối các đạo quân Nam tiến từ Bắc vào cho các chiến trường, đồng thời trực tiếp tham

gia chỉ huy, điều hành các cuộc chiến đấu đang diễn ra ở các mặt trận (Nha Trang, Buôn Ma Thuột, v.v.).

Lúc này tôi ở Quảng Ngãi cùng anh Nhận được giao phụ trách chi đội 2.

Một hôm tôi nhận được điện của anh Chánh từ cơ quan Ủy trưởng Quốc phòng tại Huế, bảo tôi nhanh chóng phát vũ khí cho các chi đội quân Nam tiến đã vào đến Quảng Ngãi, để tiếp tục tiến vào phía Nam. Lúc bấy giờ có chi đội Vi Dân, do anh Vi Dân chỉ huy, gồm phần lớn học sinh, sinh viên trông rất oai phong. Và chi đội Hữu Thành, do anh Nguyễn Hữu Thành chỉ huy, lại gồm toàn anh em nông dân, nhiều người còn cả răng đen. Anh em đi vào bằng tàu lửa. Còn vũ khí thì chuyển theo đường biển. Tôi thấy chi đội Vi Dân tướng mạo trông có vẻ oai phong hơn nên phát hết vũ khí cho chi đội này trước. Không ngờ vừa phát xong, thì được điện tiếp của anh Chánh phải phát vũ khí cho chi đội Hữu Thành trước để đi ngay vào mặt trận phía Nam, còn chi đội Vi Dân sẽ phát sau. Tôi phải vội chạy ngay đến chỗ anh Vi Dân, yêu cầu trả lại toàn bộ súng ống, để trang bị cho chi đội Hữu Thành theo đúng lệnh anh Chánh. Cũng may mà anh Vi Dân đồng ý, không có phản ứng gì.

Trong thời gian này, công việc của Ủy trưởng Quốc phòng hết sức nặng nề. Anh Chánh có sức làm việc thật lớn, mặc dù anh chưa hồi phục được sức khỏe sau những năm lao tù khắc nghiệt. Có thời gian, nghi anh bị lao, anh Sáu Trần, là anh vợ anh Chánh, chạy tìm cao khí gửi cho anh bồi dưỡng, cũng chẳng

đỡ được bao nhiêu. Có lần anh từ Huế vào Quảng Ngãi kiểm tra công tác, thấy anh gầy yếu quá, chúng tôi rất lo. Nhưng anh vẫn làm việc ngày đêm, với một ý chí thật phi thường...

Cả cuộc đời anh là vậy, gắn chặt máu xương với sự nghiệp đấu tranh của cách mạng và kháng chiến.

Dải đất miền Nam Trung Bộ cần cỗi, nghèo khổ, nhưng có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng đối với cả miền Nam Đông Dương, nên từ đầu kháng chiến Trung ương đã đưa vào đây những đồng chí lãnh đạo có tài năng và uy tín lớn: các đồng chí Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Sơn, Nguyễn Duy Trinh, v.v.

Đến năm 1951, các anh nói trên đều rút về Trung ương nhận nhiệm vụ mới. Anh Chánh trở thành người phụ trách chung, phải gánh vác toàn bộ công việc do các anh tiền nhiệm để lại. Chúng tôi rất lo cho anh, thường trao đổi với nhau không biết anh sẽ xoay xở ra sao, nhất là trong những năm cuối chiến tranh càng gay go ác liệt, khó khăn gấp bội.

Nhưng thực tiễn đã chứng minh: càng trong khó khăn thử thách, tài năng và đức độ của anh càng phát triển rực rỡ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu 5, sự chỉ huy của Bộ tư lệnh Liên khu 5 mà anh là người đứng đầu, cuộc kháng chiến ở Liên khu 5 đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn, đặc biệt lập được kỳ tích xuất sắc trong chiến cục Đông - Xuân 1953 - 1954, góp phần xứng đáng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nói chung và chỉ đạo tác chiến nói riêng, tôi nghiệm thấy ở anh nổi bật những tư tưởng, quan điểm biểu hiện ngay từ khi anh còn lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ, và quán xuyên suốt về sau: đó là chủ động tiến công, tạo bất ngờ đánh vào chỗ địch sơ hở và luôn tìm lược cách đánh phù hợp.

Năm 1947, khi nắm được âm mưu Pháp định lấn chiếm vùng tự do Nam Quảng Nam, anh Chánh và Đảng ủy Bộ tư lệnh Khu 5 quyết định đưa hai tiểu đoàn chủ lực thọc sâu đánh vào khu vực đèo Hải Vân, cắt đứt liên lạc và tiếp tế của địch giữa Quảng Nam - Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế. Kết quả ta diệt nhiều địch, phá nhiều xe, cắt đứt đường liên lạc huyết mạch sau lưng địch, buộc chúng phải quay về đối phó, phá tan cuộc hành quân của chúng lấn chiếm vùng tự do Nam Quảng Nam. Chúng tôi thảo nhau: Đây đúng là cách dùng binh của Khổng Minh.

Tư tưởng quân sự và tài năng lãnh đạo chỉ huy của anh phát triển tới đỉnh cao là cuộc đấu tranh kiên trì để giữ vững và tổ chức thực hiện chủ trương đưa khối chủ lực lên phía Tây, giải phóng Tây Nguyên, trước âm mưu của tên tướng Pháp Na-va chuẩn bị lực lượng hồng nuốt chửng vùng tự do Liên khu 5 trong một thời gian ngắn...

Trong chỉ huy tác chiến cũng như trong công tác, anh rất quyết đoán nhưng lại rất dân chủ, nghiêm khắc mà độ lượng. Trước khi quyết định một vấn đề gì anh đều đưa ra tập thể bàn bạc, đồng thời

còn tranh thủ đi tiếp xúc với những đồng chí có liên quan, đặt ra nhiều câu hỏi để thu thập ý kiến. Do đó quyết tâm của anh được xác định vững chắc và được thực hiện đến cùng. Anh rất nghiêm khắc đối với những hiện tượng do dự, thiếu quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, nhất là trong chiến đấu. Anh em cán bộ thường nhắc đến những lần anh kiên quyết đình chỉ công tác đồng chí tiểu đoàn trưởng trong trận Kom-plong (năm 1951) và đồng chí Chính ủy trung đoàn do dự trong trận Đăk-đoa năm 1954...

Anh sống rất mẫu mực. Hồi ở chiến khu Vĩnh Sơn thời Đội du kích Ba Tơ, một hôm Ban chỉ huy báo động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu. Đến khi mọi người đã ra vị trí chiến đấu, các đồng chí đi kiểm tra thấy có hai cái túi nhỏ bỏ quên tại Ban chỉ huy đại đội. Hai cái túi đó là của anh Chánh. Hôm sau, đứng trước đại đội, anh Chánh tự xin nhận kỷ luật không ăn cơm trưa vì sai phạm của mình.

Một lần khác, kiểm tra nhà bếp thấy còn rá cơm bỏ thừa từ ngày hôm trước, trong khi cơm gạo khó khăn. Anh nhận đó là khuyết điểm của anh, và yêu cầu để anh ăn suất cơm đó.

Trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, tôi làm tỉnh đội trưởng Quảng Nam, có nhiệm vụ tác chiến tiêu diệt địch, phá đồn bót, giải phóng đất đai, thu hẹp vùng tạm chiếm của địch phối hợp với chiến trường chính của Liên khu. Trong kế hoạch có một nhiệm vụ là phải đánh vào sân bay. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng và rất khó... Khoảng giữa tháng 4 năm 1954, anh gọi tôi về báo cáo. Tôi báo cáo có

về thỏa mãn là đã lập được nhiều thành tích, diệt được bao nhiêu địch, hạ được bao nhiêu đồn... Anh ngồi lắng nghe, anh hỏi: Vì sao anh không đánh sân hay? Có phải dễ làm khó bỏ không? Như vậy có hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu không?... Rồi anh nói rõ những việc sắp đến phải hoàn thành, những vấn đề phải đặc biệt chú ý, phải thực hiện cho kỳ được. Xong anh bảo tôi ở lại ăn cơm. Trong bữa cơm, anh em lại trò chuyện thân mật vui vẻ, thỉnh thoảng anh còn nói đùa, thật thoải mái thân tình.

Cũng trong năm 1954, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, ta và Pháp có cuộc trao trả tù binh tại cầu Bà Rén Quảng Nam. Anh Huỳnh Đắc Hương trong ban liên lạc đình chiến từ Khu ra phụ trách việc này, bảo tôi cùng đi. Còn tôi thì cũng thích đi, mặc dù chưa có ý kiến anh Chánh. Trong cuộc trao trả tù binh này, phía Pháp có hai tên sĩ quan phụ trách, một tên quan năm tổ về hiên lãnh, tên quan tư thì láu cá ranh mãnh. Trước khi vào cuộc, ta đã dự kiến những khó khăn phía Pháp sẽ cố tình gây cho ta, như sẽ chỉ trao trả cho ta những thương binh, bệnh binh nặng, không đi được, v.v. Nhưng khi vào cuộc thương lượng, rất lạ là mọi yêu cầu của ta đều được phía Pháp chấp nhận hết. Họ chỉ đề nghị ta cho họ tiếp tế cho số binh lính trên Đường 100 đang bị ta bao vây khốn đốn.

Sau đó, tôi về Chợ Chùa - Nghĩa Hành Quảng Ngãi, gặp anh Chánh. Tôi báo cáo, coi như mọi việc thắng lợi cả, lại còn lên giọng chê hai tên sĩ quan Pháp là đại. Anh im lặng lắng nghe. Cuối cùng anh

hỏi: Ai bảo chú đi? Lệnh của ai? Nếu nó bắt tất cả thì sao? Tôi đờ người ra. Anh nói tiếp: Các cậu không biết gì cả, Pháp đưa hai tên sĩ quan đóng hai vai khác nhau, một vai hiền và một vai dữ là để dễ lừa ta, dễ yêu sách. Công tác ngoại giao phức tạp mà các cậu thì còn quá ngây thơ. Phải rút kinh nghiệm. Nó chịu nhận mọi yêu cầu của ta là để lừa các cậu, các cậu sơ hở để cho nó gỡ chỗ nguy khốn nhất của nó là đồn Phong Thử bị bao vây. Đồng ý cho nó tiếp tế đồn Phong Thử tức là đồng ý cho nó mở Đường số 1 từ Đà Nẵng vào Vinh Điện, rồi từ Vinh Điện lên Đường 100...

Lần này tôi lại được một bài thám thía.

Tối đó anh bảo tôi ở lại, hai anh em lại ngủ chung, lại chuyện trò râm ran.

Anh Chánh là người rất tình nghĩa. Ở cương vị cao và bận trăm công nghìn việc như vậy nhưng anh vẫn rất chân tình chu đáo, chăm lo đến từng cán bộ, cả hậu phương gia đình anh em, nhiều khi đến bất ngờ.

Đầu năm 1947, tôi được điều về làm phó cho anh Vi Dân ở khu vực An Khê. Ngày 13 tháng 4 năm 1947, ta tổ chức đánh đồn Tú Thủy. Đây là một trận đánh rất ác liệt, anh em ta chiến đấu rất dũng cảm, nhưng vì kế hoạch bị lộ nên trận đánh thất bại, ta bị thương vong nặng, anh Vi Dân cũng hy sinh.

Sau trận đánh, tôi nhận được điện anh Chánh phải về ngay cơ quan Bộ tư lệnh Khu 5 lúc đó đóng ở chợ Chùa Quảng Ngãi.

Hôm ấy trời mưa to. Tôi về đến nơi, vội vào gặp anh Chánh để báo cáo nhận nhiệm vụ. Thấy tôi vừa bước vào, anh cười, nói ngay: Chả có nhiệm vụ gì cả? Nghe trận Tú Thủy ta hy sinh nhiều, con Tâm, vợ cậu chắc là cậu đã chết rồi, cứ đến đây khóc âm lên. Mình gọi cậu về là để cho nó thấy mặt mà yên tâm, thế thôi. Thôi, chạy ù về nhà đi cho nó mừng!...

Trong cuộc đời chiến đấu của tôi, tôi trưởng thành và được như ngày nay, cố nhiên là nhờ có Đảng, quân đội, tập thể, nhờ truyền thống cách mạng của gia đình, cha anh. Nhưng người có tác động quyết định trực tiếp dìu dắt tôi tiến bộ từng bước với tất cả tình thương yêu vừa nghiêm khắc, vừa tận tình của một người lãnh đạo, một người anh lớn, chính là anh Nguyễn Chánh.

V.T.

## NGƯỜI ANH RẤT ĐỐI THÂN THƯƠNG, NGƯỜI LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY TÀI BA

*Trung tướng NGUYỄN ĐƯỜNG*

Tôi công tác với anh Chánh trong một thời gian không dài, vì trước năm 1950, tôi hoạt động ở Khánh Hòa, Phú Yên, thuộc Khu 6. Đến năm 1950, tôi mới được điều động ra làm Phó chủ nhiệm Chính trị Liên khu 5 cho đến hết kháng chiến chống Pháp. Tuy vậy, anh Chánh vẫn để lại trong tôi hình ảnh của một người lãnh đạo, người chỉ huy sáng suốt, tài ba, thông minh, sắc sảo, đồng thời là hình ảnh của một người anh rất đối thân thương, gần gũi rất đáng kính trọng.

Tài đức của anh luôn nổi trội suốt cả cuộc đời hoạt động của anh, mà đỉnh cao là vào thời kỳ cuối năm 1953 đến 1954. Sau khi ra họp và nhận nhiệm vụ ngoài Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, anh trở về, với cương vị là Bí thư Liên khu ủy, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu, anh lãnh đạo toàn diện, chỉ huy toàn quân trong Liên khu, đưa quân chủ lực tiến công tiêu diệt nhiều binh đoàn Pháp, giải phóng Bắc Tây Nguyên, phá tan âm mưu địch trong

chiến dịch At-lan-te, bảo vệ mấy tỉnh vùng tự do, phối hợp một cách rất hiệu quả với chiến trường miền Bắc và cả nước, góp phần vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp. Thắng lợi huy hoàng này của Liên khu 5, công lao đầu thuộc về anh Chánh, người lãnh đạo, chỉ huy sáng suốt và cương quyết trong việc xác định các quyết tâm, trong việc điều động bố trí sử dụng lực lượng, trong việc nhanh chóng và kịp thời xử lý các tình huống phức tạp xảy ra trong quá trình phát triển thắng lợi của chiến tranh, trong việc động viên nhân tài vật lực vùng trung châu phục vụ cho chiến trường chính Tây Nguyên.

Phụ trách công tác chính trị trong lúc này, tôi cảm thấy rất khó khăn trong công tác tư tưởng trước tình hình và âm mưu địch quyết chiếm vùng tự do, trong khi đó, quân chủ lực của ta thì cứ ùn ùn kéo lên Tây Nguyên, bỏ trống các tỉnh vùng tự do. Nói đúng hơn là giao vùng tự do cho dân quán và bộ đội địa phương. Hay nói một cách hình ảnh hóm hỉnh của một số người chưa thông lúc đó: "Tại sao bỏ lúa đi nhật bắp?". Anh Chánh đã bình tĩnh và rất tự tin bảo chúng tôi: "Cứ giải thích đến mức có thể được, thắng lợi rồi sẽ rõ. Bắp sẽ có, mà lúa cũng vẫn sẽ giữ được". Anh còn nhấn mạnh: Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, nắm được Tây Nguyên là nắm được miền Nam Đông Dương, ta đánh Tây Nguyên sẽ làm chuyển biến tất cả. Phải làm chuyển biến nhận thức tư tưởng cho cán bộ trước để làm đòn bẩy cho việc làm chuyển biến tư tưởng

trong nhân dân. Thực tiễn đã chứng minh điều anh nói.

Sau đây tôi xin nói thêm một vài chuyện cụ thể làm tôi nhớ mãi về anh Chánh:

### *Gặp gỡ đầu tiên ở Xứ ủy Trung Bộ*

Cướp chính quyền ở Gia Lai (tháng Tám năm 1945) sau mấy ngày, Xứ ủy Việt Minh Trung Bộ triệu tập tôi với tư cách Chủ nhiệm Việt Minh và đồng chí Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời Gia Lai ra Huế báo cáo và nhận nhiệm vụ mới. Sau khi làm việc với các anh Nguyễn Chí Thanh và anh Trần Hữu Dực, chúng tôi được anh Chánh tiếp với tư cách Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ. Sau khi hỏi sơ qua về tình hình cướp chính quyền ở Gia Lai, anh Chánh yêu cầu báo cáo tình hình quân sự. Thú thật lúc đó vốn liếng hiểu biết về quân sự của chúng tôi là con số không nên không biết báo cáo thế nào. Lại thấy trước mặt là một đồng chí Ủy trưởng Quốc phòng, tuy nhỏ con nhưng mắt sáng rực, cử chỉ hoạt bát, nhanh nhẹn, lại còn nghe nói đã từng chỉ huy du kích Ba Tơ, chúng tôi lo lắng. Song thấy anh nói năng khá thân mật, chúng tôi yên tâm và mạnh dạn hơn, biết được gì chúng tôi báo cáo nấy. Biết tôi lúng túng, anh lại động viên, tháo gỡ khó khăn bằng cách vừa hỏi, vừa bày vẽ rất chân thành như anh em.

Cuộc họp báo cáo và nghe báo cáo tự nhiên biến thành một cuộc mạn đàm nhẹ nhàng nhưng rất hiệu

quả, giúp chúng tôi những khái niệm về thuật ngữ quân sự: âm mưu để quốc Pháp, tổ chức và huấn luyện lực lượng vũ trang, trang bị vũ khí, vấn đề lương thực và nuôi quân, kỹ thuật, chiến thuật, Đảng lãnh đạo, vai trò của nhân dân...

Trước khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, tiếng tăm uy tín của các đồng chí cách mạng cũ đối với những người như chúng tôi rất lớn. Sau cách mạng thành công, được gặp các đồng chí ấy là điều háo hức vô cùng. Đặc biệt với tôi, được gặp anh Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Chánh là vinh dự và sung sướng vô cùng. Vì con đường tiến thân của tôi trong xã hội thực dân phong kiến có nhiều gian truân, chua xót. Do đó cuộc tiếp xúc đầu tiên với anh Chánh đối với tôi càng sâu sắc và khiến tôi gắn bó suốt đời với cách mạng.

### *Anh Chánh và Đại hội chiến sĩ thi đua Liên khu 5 năm 1952*

Lúc chuẩn bị cũng như khi tiến hành Đại hội, anh Chánh phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo mọi việc. Anh giao cho tôi phụ trách phần nội dung, tức là chọn cho được những chiến sĩ xứng đáng nhất của Liên khu, tuyên truyền và tổ chức Đại hội. Nguyễn Nên bấy giờ là Phó tư lệnh Liên khu, phụ trách hậu cần, lo nhà cửa lán trại, ăn uống... Việc giao nhiệm vụ này có làm cho Nguyễn Nên suy nghĩ và thắc mắc. Nhưng tôi thấy hình như anh Chánh lúc bấy giờ đã cảnh giác, đã có ý nghĩ đánh giá như

thế nào đó đối với Nguyễn Nền, nên không giao những việc quan trọng. Thực tế chứng minh là anh rất đúng. Vì sau này Nguyễn Nền đã phản bội cách mạng.

Điều tôi muốn nói về anh Chánh trong Đại hội này là sự quyết định chính xác của anh trong việc xét chọn các chiến sĩ thi đua, đặc biệt đối với ông Đinh Núp. Ai cũng biết việc chọn chiến sĩ thi đua được tiến hành từ dưới lên, bình chọn kỹ lưỡng rồi báo cáo lên trên chọn lọc ra đưa biểu dương trọng thể tại Đại hội. Trước khi ra Đại hội, cơ quan chính trị tổng hợp và xem xét từng người, có chỗ nào chưa rõ phải cho người xuống cấp dưới tìm hiểu, kiểm tra; cuối cùng có cuộc họp thông qua tập thể và anh Chánh quyết định. Khi xem xét trường hợp ông Núp, có một số ý kiến còn hơi phân vân về trình độ văn hóa và lý luận của ông Núp. Thấy thế, anh Chánh đã có một số ý kiến rất sắc sảo và quyết định hoàn toàn chính xác. Tôi cho là anh đã vận dụng lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách rất sắc sảo, rất sinh động, rất cụ thể. Anh nói đại thể: Văn hóa và lý luận hết sức cần thiết, nhưng lòng căm thù giặc, kiên quyết đúng cảm hy sinh để đánh giặc, bảo vệ dân lại là điều cần thiết gấp bội. Có thể có lý luận, có văn hóa nhưng chưa chắc đã dũng cảm đánh giặc. Ngược lại, căm thù giặc cao độ, hy sinh dũng cảm đánh giặc nên tìm được cách đánh đúng đắn. Ông Núp đã biết lo cho dân, động viên nhân dân dùng vũ khí thô sơ đánh giặc, mấy lần rời làng, biết đốt tranh ăn thay muối... Đó là hiểu biết, là lý luận, là thực tế. Tất nhiên còn cần có

lý luận cao hơn nữa, nhưng phải chính từ những hiểu biết và hành động cụ thể thiết thực như thế mà đúc kết lại thành lý luận cao hơn... Lý lẽ của anh Chánh đã thuyết phục tất cả và được mọi người hoàn toàn nhất trí chọn ông Đinh Núp làm chiến sĩ thi đua. Và sau này, ông trở thành anh hùng xuất sắc đối với toàn quân và nhất là đối với các dân tộc ít người...

Anh Chánh có biệt tài thu phục trí thức. Tuy anh ít học nhưng anh em trí thức rất phục anh. Có lẽ không phải chỉ vì anh có tài mà còn vì ở anh có tấm lòng nhân hậu, sự đồng cảm, anh có chính sách đúng đắn tạo điều kiện cho anh em trí thức đem hết sức phục vụ cho cách mạng, cho nhân dân.

Như anh Hoàng Xuân Khang là kỹ thuật viên cao cấp về hỏa xa trong thời kỳ Pháp thuộc, anh em với ông Hoàng Xuân Hân (là một trí thức yêu nước có cơ ở Việt Nam lúc bấy giờ). Trước Cách mạng tháng Tám, năm 1945, anh Hoàng Xuân Khang có tiếng là người cứng đầu chống Pháp, theo Việt Minh. Cuối năm 1946, anh Chánh đưa anh Khang làm tiểu đoàn phó tiểu đoàn cảm tử của Quân khu 5 đi chiến đấu ở mặt trận Nam sông Thu Bồn, Quảng Nam. Anh Hoàng Xuân Khang là một trí thức chiến đấu dũng cảm, rất hăng hái hoạt động và công tác, tính tình cương trực. Sau đó, anh Chánh đưa anh Khang ra làm Phó giám đốc hỏa xa Liên khu 5. Dùng đúng người vào đúng chỗ nên ở cương vị này anh Khang phát huy tốt hơn và cống hiến được nhiều hơn.

Trong cuộc sống đời thường, anh Chánh bình dị, anh tâm sự chuyên trò rất thoải mái, rất tự nhiên với mọi người như anh em, không có ranh giới cách biệt. Vì vậy, anh em dễ mến và dễ gần. Còn đối với những đồng chí, những người cộng sự thì anh quan tâm chăm sóc rất chu đáo, cả trong công tác cũng như trong đời sống tình cảm riêng tư. Anh Trần Quỳnh hồi đó làm Chủ nhiệm Chính trị của Liên khu, b ho lao rất nặng, đến nỗi bị thổ huyết, rất bị quan Anh Chánh quyết định để anh Quỳnh nghỉ chữa bệnh khi nào lành bệnh mới trở lại công tác. Một hôm tôi và anh Chánh đến thăm, anh Quỳnh khóc rưng rức vì quá lo cho sức khỏe của mình. Lúc ấy, người ta rất sợ gần gũi người bị bệnh lao. Nhưng anh Chánh thì không, vừa đến nơi là anh vào ngay chỗ anh Quỳnh nằm, ngồi sát, nắm tay và vuốt ve anh Quỳnh thắm mật, một cách rất tự nhiên như đối với người thân ruột thịt. Anh hỏi thăm việc ăn, ngủ, v.v. và nói với anh Quỳnh: "Đừng lo, bệnh này không phải như người ta tưởng đâu, có thể chữa lành, cứ yên tâm mà chữa bệnh". Tôi ngạc nhiên, vì anh động viên anh Quỳnh như người am hiểu về bệnh lý, rất thực tế. Quả nhiên sau đó, anh Quỳnh đã chữa lành bệnh và trở lại công tác rất tốt với cương vị Thường vụ Liên khu ủy Liên khu 5, rồi sau này là Phó thủ tướng Chính phủ. Hiện nay anh đã nghỉ hưu ở Sài Gòn với sức khỏe rất tốt ở tuổi 80.

Anh Chánh còn là người rất đặc biệt quan tâm xây dựng gia đình hạnh phúc cho cán bộ. Vợ tôi là Minh Hải, nguyên là nữ sinh trưởng trung học

Chấn Thanh ở Đà Nẵng, cụ thân sinh công tác ở ngành hỏa xa, sau ngày toàn quốc kháng chiến, gia đình tản cư vào Bình Định, Minh Hải làm công tác ở ga Chương Hòa, do anh Hoàng Xuân Khang làm Phó giám đốc và đồng thời là bí thư chi bộ. Được anh Khang giới thiệu, chúng tôi làm quen nhau, rồi yêu nhau, biết rõ tình cảm của chúng tôi, một hôm vào năm 1950, anh Chánh thay mặt cho Bộ tư lệnh Liên khu vào gia đình Minh Hải ở Bồng Sơn, Bình Định, xin đặt lễ hỏi, hẹn ngày tổ chức đám cưới. Anh đưa cho chúng tôi hai chục đồng và nói: Anh chị muốn tổ chức thế nào thì tùy, nhưng phải tiết kiệm, đời lính chỉ có vậy... Nhưng bà cụ Minh Hải thì muốn làm cho tươm một chút vì bà chỉ có một người con gái. Chiều hôm đó, anh Chánh về Bộ tư lệnh ngay bằng xe lô-ri (xe dành cho ngành đường sắt đi kiểm tra đường).

Sáng hôm sau, được tin anh bị tai nạn trên đường, chúng tôi hoảng hốt lo quá, nếu có chuyện gì thì chúng tôi ân hận biết chừng nào. Vì chuyện riêng tư của chúng tôi mà anh bị tai nạn, không biết chúng tôi sẽ sống làm sao, và sẽ nói thế nào đây.

Một tháng sau, anh lại vào, Minh Hải hỏi anh nguyên nhân xảy ra tai nạn. Anh bảo: "Đương ngồi lim dim ngủ thì xe va vào va-goong trên đường nên bị văng xuống đường, may mà chỉ bị thương nhẹ". Rồi anh nói: "Ngày cưới, anh không vào được nên hôm nay anh vào chúc mừng. Hôm cưới sẽ có anh Trần Lương vào làm chủ hôn".

Ngày tổ chức đám cưới, trời mưa to quá, anh Lương phải đội nón, mang tờ lá vào. Đến nơi, anh bảo xin mồi lửa. Bà cụ hỏi để làm gì? Anh bảo: "Hơ quần áo cho khô mới làm chủ hôn được".

Bà già làm vài mâm cơm đãi khách vào buổi tối. Để có đủ ánh sáng, chúng tôi chằng dây dừa để treo mấy cái đèn dầu. Vì không để ý nên ngọn đèn liếm dần dây dừa. Đang vui thì dây dừa bị cháy đứt, mấy cái đèn dầu tung lên, quần áo mọi người đều bết đàu dừa. Chúng tôi rất hoảng, bà cụ rất lo, vừa run vừa nói: Trời ơi! Giữa đường đứt gánh thế này, không biết vợ chồng nó có được ăn đời ở kiếp với nhau không?... Nhưng anh Lương vẫn tươi cười và động viên chúng tôi...

Thế đấy, trong đời sống tình cảm gia đình và hạnh phúc của chúng tôi luôn có hình ảnh của anh Chánh, người anh rất đổi thân thương.

N.Đ.

## BỐN LẦN GẶP ANH NGUYỄN CHÁNH

*Trung tướng NGUYỄN HUY CHƯƠNG*

Tôi có bốn lần được gặp anh Nguyễn Chánh, cả bốn lần đều để lại kỷ niệm rất sâu sắc.

Lần thứ nhất là cuối tháng 3 năm 1945, sau Nhật đảo chính. Lúc này tôi đang tham gia hoạt động trong tổ chức bí mật của Đảng tại huyện Quế Sơn (Quảng Nam) quê tôi. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, anh Phạm Trọng vừa thoát khỏi nhà tù của địch trở về tìm đến bắt liên lạc với tôi, xem tình hình ra sao và nối lại hoạt động. Sau đó ít lâu, một hôm có một đồng chí khác trong tổ chức do anh Trọng phái đến báo tin cho tôi: Có một đồng chí tên là Nguyễn Chánh vừa ra khỏi nhà lao Thừa Phủ (Huế), chiều tối nay sẽ đi qua chợ Mộc Bài, Hương Quế. Tôi có nhiệm vụ phải bí mật đón anh Chánh và trao cho anh một bộ quần áo. Đó là một bộ quần áo vải ta, tức loại vải sợi bông dệt tay trên khung cửi hẹp ở quê, màu trắng, may theo kiểu bà ba. Anh Chánh vừa thoát tù ra, quần áo rất thiếu, chúng tôi cần đưa cho anh bộ quần áo này để anh có cái mặc, anh đang cần đi tiếp gặp về Quảng Ngãi.

Điểm hẹn gặp là một cái quán nghèo bên đường, ngay chợ Mộc Bài, tên là Quán Bà Thêm.

Đúng 6 giờ tối, tôi thấy có một người đi đến, trông gầy yếu nhưng rất nhanh nhẹn, trán cao, mắt rất sáng. Anh mặc một bộ quần áo đã quá cũ, hai vai sờn hết, ống quần thì rách bươm. Tôi hỏi:

- Anh ở Huế về?

Anh trả lời:

- Đúng!

Vậy là nhận ra nhau. Tôi đưa anh vào quán, gọi cơm hai anh em cùng ăn, như hai người qua đường bình thường. Bữa cơm nghèo, chỉ có một bát cơm, một đĩa rau và tô canh cá đồng. Anh Chánh kể rằng anh em tù ở Huế đôn cho anh một số tiền để mua vé tàu đi về Quảng Ngãi nhưng trên đường đi phải lo lót bọn tai mắt địch canh gác để đi cho lọt, nên chỉ còn đủ tiền mua vé tàu đến Duy Xuyên. Từ Duy Xuyên vào đây, anh phải xuống đi bộ.

Tôi đưa bộ quần áo cho anh và nói:

- Đây là của anh Trọng, giao nhiệm vụ cho tôi trao lại cho anh để anh mặc về quê.

Anh cảm ơn. Tôi hỏi:

- Anh có gặp anh Võ Trọng Hoàng (tức Bốn Hương) cùng bị giam ở lao Thừa Phủ (Huế) không? Sức khỏe anh Hoàng bây giờ thế nào?

Anh bảo:

- Anh Hoàng cũng đã thoát rồi, nhưng vì thiếu tiền không mua vé tàu về ngay được, nay mai sẽ về sau.

Rồi anh nói với tôi về tình thế cách mạng lúc này đang rất khẩn trương, thời cơ giành thắng lợi đang đến gần. Cần phải hành động mạnh mẽ...

Anh nói ngắn, nhưng rành rọt, khúc chiết. Lúc đó tôi mới 19 tuổi, tham gia phong trào cũng đã được gặp một số đồng chí đi trước diu dặt, nhưng chưa có ai mới gặp và tiếp xúc rất ngắn mà đã để lại cho tôi ấn tượng mạnh như anh. Tôi có ngay cảm giác đây là một con người rất thông minh, nhanh nhẹn, rất kiên quyết, mà cũng rất cởi mở, thoải mái...

Cơm nước xong, anh bảo:

- Thôi bây giờ mình phải đi ngay cho kịp công việc, hẹn ngày thắng lợi sẽ gặp lại nhau.

Tôi tiễn anh một đoạn đường chừng cây số, đến Cống Ninh. Trời đã tối. Anh đi khuất dần vào trong bóng đêm.

Trong kháng chiến chống Pháp, tôi hoạt động chủ yếu ở Tây Nguyên. Hồi bấy giờ một phương thức hoạt động quan trọng ở Tây Nguyên là Đội vũ trang tuyên truyền.

Tôi phụ trách một Đội vũ trang tuyên truyền mang tên 103, thuộc Trung đoàn 120, do anh Nguyễn Duy Đề làm Chính ủy.

Năm 1949, đội chúng tôi cũng như các đội khác đều hoạt động ở phía đông Đường 14.

Đến cuối năm 1949, tất cả các Đội vũ trang tuyên truyền chúng tôi được về dự một lớp tập huấn và nhận nhiệm vụ mới: Chuyển lên hoạt động phía tây Đường 14, tức là đi rất sâu vào vùng sau lưng địch, phát triển gây cơ sở vào một địa bàn có ý nghĩa chiến lược: vùng biên giới Tây Nguyên giáp Nam Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia.

Anh Trịnh Huy Quang, Bí thư Ban cán sự liên tỉnh Gia Lai - Kon Tum đến giao nhiệm vụ cho chúng tôi. Sau đó, tôi được gọi về gặp anh Nguyễn Chánh.

Anh Chánh bấy giờ là Chính ủy Liên khu. Anh hỏi tôi rất kỹ về việc gây cơ sở trước nay ở Đăk-bớt, Gia Lai, thuận lợi, khó khăn những gì, địch hoạt động thế nào, khả năng của ta ra sao, đời sống và tinh thần của nhân dân và đặc biệt anh rất chú ý phương thức công tác và tổ chức của chúng tôi thế nào. Anh hỏi chi tiết từng việc, tình hình và tổ chức thanh niên, phụ nữ, người già, trẻ em, cách thức tổ chức các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính quyền...

Sau này tôi mới hiểu đó là lối làm việc đặc biệt của anh Chánh: trước khi phát biểu, chỉ đạo, bao giờ anh cũng hỏi và lắng nghe rất chăm chú ý kiến cấp dưới, từ đó mới suy nghĩ, phân tích, chỉ rõ cho cán bộ chỗ hay chỗ dở, kinh nghiệm và phương hướng hành động tới...

Nghe tôi báo cáo xong, anh khen chúng tôi bước đầu làm như thế là tốt. Nhưng sang năm 1950 nhiệm vụ sẽ nặng nề hơn nhiều: hướng các đội đi sâu vào sau lưng địch, nơi hầu như ta hoàn toàn chưa có gì cả, gây cho được cơ sở ở đó, tạo nên địa bàn mới,

sẽ có ý nghĩa chiến lược về lâu dài. Anh chỉ thị: phải quán triệt mục đích hoạt động địch hậu nhằm gây cơ sở chính trị trong quần chúng, làm cho đồng bào các dân tộc hiểu rõ Việt Minh, hiểu Bác Hồ, hiểu cách mạng, giác ngộ đứng lên tự mình hành động cùng bộ đội đánh Pháp, giải phóng quê hương. Trong hoạt động này, điều hết sức quan trọng là phải nắm vững:

- Bảo đảm bí mật, giữ vững cơ sở, nắm được quần chúng để tiếp tục hoạt động.

- Tránh không đánh địch, không gây tiếng ồn sau lưng địch khiến chúng chú ý quay về đối phó.

- Thực hiện đúng chính sách dân tộc: bình đẳng, tương trợ, đoàn kết, tuyệt đối khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, làm thay, bao biện.

Anh dặn: cốt lõi đảm bảo thắng lợi là nắm vững chính sách và quan điểm dân tộc của Đảng. Nếu ở đồng bằng, kỹ thuật là không xâm phạm cây kim, sợi chỉ của dân, thì ở đây không chỉ là cây kim, sợi chỉ mà là tuyệt đối không được vi phạm phong tục, tập quán của đồng bào. Hễ làm được cho dân tin cách mạng, tin Bác Hồ, thì nhất định thành công.

Anh phân tích rất rõ tầm chiến lược quan trọng của địa bàn Nam - Bắc Tây Nguyên đối với cả vùng trung Đông Dương.

Anh nói: bây giờ ta chưa thể đưa đại đội độc lập lên đây tác chiến, lên thì có thể đánh được nhưng đánh xong không thể nằm lại được. Phương thức hiệu quả nhất tại đây lúc này là Đội vũ trang tuyên truyền.

Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện chiến thuật vết dầu loang, kéo nhân dân lần từng bước, được một nơi, củng cố vững chắc, rồi loang rộng dần ra. Phương thức hoạt động dịch hậu nhớ không được cứng nhắc, có lúc có thể nhảy vọt, đang làm chỗ này, bất ngờ nhảy sâu vào chỗ xa hơn, không nhất thiết tuần tự, để đánh lừa địch. Đồng thời luôn phải vừa xây dựng vừa củng cố, phía sau lưng phải vững chắc, khi phía trước có khó khăn có thể tạm lui về mà đứng vững. Một điều cần hết sức chú ý là phải bồi dưỡng phát triển được cán bộ trong chính người dân tộc tại chỗ. Có thể chọn lựa rút một số thanh niên người dân tộc đi theo cùng hoạt động với đội, qua đó vừa rèn luyện bồi dưỡng họ, sau họ sẽ trở về chủ trì phong trào tại chỗ, và cũng phải nghĩ đến đào tạo cán bộ lâu dài cho vùng dân tộc...

Quả thực, ngồi làm việc với anh Chánh tôi rất ngạc nhiên, cảm động và khâm phục: một đồng chí Chính ủy Liên khu, lo bao nhiêu công việc to lớn, vậy mà đối với tôi là người phụ trách một Đội vũ trang tuyên truyền rất nhỏ, vô danh, ở một chiến trường xa, anh vẫn chăm chú lắng nghe tôi báo cáo hàng giờ, hỏi căn cứ từng chi tiết rất nhỏ, không hề ngắt lời tôi; rồi lại chỉ dẫn cho tôi từ những vấn đề lớn, mở tầm mắt cho tôi thấy những tầm chiến lược lâu dài, đồng thời lại hết sức sâu sát, tỉ mỉ bày vẽ cho tôi từng phương thức hoạt động, sinh sống, ăn ở... nhỏ nhất, chu đáo và hết sức tận tình.

Cuối cùng, anh nêu hai tình huống, hỏi tôi: nếu lỡ gặp phải địch thì sẽ xử trí như thế nào, và khi địch dùng lực lượng lớn vây diệt chúng tôi?

Sau khi nghe tôi trả lời, anh Chánh cười nói: "À như thế là anh có vốn rồi đó...".

Lần thứ ba tôi được gặp anh Nguyễn Chánh là vào năm 1951, khi Đội vũ trang tuyên truyền của chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Lúc này Liên khu tổ chức Đại hội toàn Đảng bộ Liên khu 5. Đội vũ trang tuyên truyền 103 của tôi và Đội 101 được lệnh sát nhập lại, lấy tên là Đội 116, tôi là bí thư liên chi, anh Hồng Hương là đội trưởng. Tôi được chỉ định là đại biểu về dự Đại hội Đảng bộ Liên khu, họp tại La Vương, Bình Định. Gặp tôi anh Chánh bắt tay rất vui, nói:

- Nhiệm vụ giao cho cậu, cậu đã đi đến nơi, về đến chốn, thế là thắng lợi. Cơ sở Nam - Bắc Tây Nguyên đã bắt liên lạc được với nhau, tạo thành một vùng liên hoàn từ ba biên giới nam Đăk Lăk, Đông - Bắc Cam-pu-chia ra đến hắc Gia Lai, Kon Tum - Nam Lào, đó là thành quả quan trọng.

Nhưng có một việc cần nhắc nhở: theo tin tức nắm được, khi qua Đông - Bắc Cam-pu-chia, các cậu đã chủ quan, tổ chức đánh trận Buôn-pá, như vậy là sai phương châm vũ trang tuyên truyền, phải lấy hoạt động chính trị làm chủ yếu, vũ trang chỉ là tự vệ. Do chủ quan đánh Buôn-pá nên các cậu đã khiến địch giật mình chú ý, sắp đến hoạt động ở

vùng biên giới Cam-pu-chia sẽ không còn thuận lợi như trước. Cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

Rồi anh hỏi tôi rất tỉ mỉ về tình hình địch ở Cam-pu-chia, về đồng bào các dân tộc Ê-đê, Gia-rai, H'mông, về đồng bào Việt kiều và bà con người Cam-pu-chia, người Lào...

Lần thứ tư cũng là lần cuối cùng tôi được gặp anh Nguyễn Chánh là vào đầu năm 1957, lúc anh đi chữa bệnh ở Trung Quốc vừa về.

Anh vào thăm Trung đoàn 120, tức là Trung đoàn Tây Nguyên chúng tôi, bấy giờ đóng ở Nam Đàn, Nghệ An.

Tôi nhớ hôm đó trời đang lạnh. Anh Chánh đang yếu. Anh quàng chiếc khăn dày ở cổ. Buổi chiều, vừa đến đơn vị, anh triệu tập ngay một số anh em cán bộ người Kinh ở trung đoàn đến gặp, hỏi chúng tôi rất tỉ mỉ về tình hình đơn vị, đặc biệt là tình hình quan hệ giữa cán bộ, chiến sĩ các dân tộc trong trung đoàn.

Sáng hôm sau, có cuộc mít tinh toàn trung đoàn, anh Chánh nói chuyện với tất cả anh em. Anh nói mấy việc chính:

Anh vừa được Đảng, Chính phủ và quân đội cho đi chữa bệnh ở Trung Quốc. Chữa bệnh về, anh xin phép Trung ương cho anh được đi thăm các đơn vị miền Nam tập kết ra Bắc, đặc biệt trước tiên là thăm Trung đoàn 120, Trung đoàn Tây Nguyên. Ở các đơn vị khác, không có điều kiện tập hợp toàn đơn vị

nhưng riêng ở đây anh muốn được gặp, được thăm trực tiếp tất cả cán bộ, chiến sĩ.

Rồi anh nói chuyện về tình hình miền Nam, vốn đang là nỗi lo lắng, niềm day dứt của tất cả anh em. Anh bảo, ở miền Nam, rõ ràng kẻ thù Mỹ - Diệm không chịu thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đang tàn sát đồng bào ta rất dã man. Đồng bào, cán bộ ta đang đấu tranh rất quyết liệt, nhiều đồng chí đã hy sinh vô cùng anh dũng trong nhà tù, nhiều đồng chí đã tự mổ bụng trước mặt kẻ thù, nhất quyết không một lời khai báo. Một số nơi bà con đang lập căn cứ để chống lại địch...

Chúng ta dứt khoát phải giải phóng miền Nam, nhất định phải trở về giải phóng quê hương với ngọn cờ hòa bình, thống nhất. Nếu không trở về được với ngọn cờ hòa bình thống nhất thì nhất định chúng ta sẽ trở về dưới ngọn cờ quyết chiến, quyết thắng.

Muốn vậy, ngày nào còn ở trên đất Bắc, chúng ta phải ra sức học tập rèn luyện và nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Anh em cán bộ, chiến sĩ người dân tộc phải ra sức học văn hóa. Từ cấp trung đoàn đến từng tiểu đoàn, từng đại đội phải có biên chế giáo viên văn hóa. Phải mở cả trường chuyên dạy văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ người dân tộc. Chọn một số cán bộ chiến sĩ trẻ, triển vọng, đưa đi đào tạo tại trường văn hóa của Quân khu 4.

Những đồng chí đã lớp 10 rồi thì nên cho đi đào tạo các ngành chuyên môn. Một số khác thì đi học trường Lục quân.

Anh bảo: "Các đồng chí nên nhớ, các đồng chí không chỉ là nòng cốt của lực lượng vũ trang cách mạng ở Tây Nguyên mà còn là lực lượng cán bộ nòng cốt để xây dựng và phát triển Tây Nguyên lâu dài về sau này".

Anh còn nói rõ: "Trung đoàn này không phải chỉ là một trung đoàn bình thường như mọi trung đoàn khác. Trong những năm còn ở miền Bắc, các đồng chí phải biến trung đoàn này thành một trung đoàn cán bộ của các dân tộc Tây Nguyên, gồm có: cán bộ quân sự, cán bộ chuyên môn các ngành phục vụ quân đội, cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền, cán bộ chuyên môn về nông nghiệp sau này sẽ phụ trách các nông trường ở Tây Nguyên, cán bộ khoa học - kỹ thuật các ngành...".

Sau cuộc mít tinh chung, anh còn có cuộc gặp riêng với cán bộ từ tiểu đoàn phó trở lên, dặn dò thêm: "Dứt khoát sẽ không có hiệp thương tổng tuyển cử đâu. Cần rất sẵn sàng lên đường trở về chiến trường chiến đấu, bước vào cuộc đấu tranh ác liệt gian khổ. Và anh dặn dò đi lại nhiều lần chúng tôi về việc phải chấp hành nghiêm túc chính sách dân tộc; đồng thời trực tiếp giải quyết một số chế độ ưu tiên cho Trung đoàn Tây Nguyên (như thêm 4kg gạo hàng tháng cho từng chiến sĩ, cung cấp thuốc lá, giày da, mũ kê-pi cho anh em, giải quyết cho tất cả anh em đi trồng rừng vì anh em người dân tộc Tây Nguyên trước có tục cưa răng từ bé...).

Vậy mà hơn bốn mươi năm đã qua. Nay nhớ lại, tôi nghĩ anh Nguyễn Chánh thật là một vị tướng

tài, một người lãnh đạo toàn diện, vừa có tầm chiến lược lớn, nhìn xa trông rộng, vừa sắc sảo, tỉ mỉ, sâu sát đến từng phương châm, phương thức hoạt động chiến đấu của những đơn vị nhỏ nhất. Thật là kỳ lạ.

Anh Nguyễn Chánh là như vậy: một vị tướng tài, một người lãnh đạo lớn, một con người giản dị mà thấu đáo nghĩa tình.

N.H.C.

## ANH NGUYỄN CHÁNH ĐÃ CÙNG NHÂN DÂN KHU 5 LÀM NÊN KỶ TÍCH

*Thiếu tướng NGUYỄN TRỌNG VINH*

Những năm anh Nguyễn Chánh chủ trì công tác ở địa bàn Khu 5, tôi công tác ở Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị đóng ở Việt Bắc. Địa bàn Liên khu 5 đã từng được anh Phạm Văn Đồng, anh Nguyễn Duy Trinh chủ trì công việc, nhưng người trụ lâu nhất và trong giai đoạn quan trọng nhất hồi kháng chiến chống Pháp phải kể là anh Chánh. Trong kháng chiến, ai cũng biết nhiệm vụ trọng tâm là đánh đuổi giặc Pháp, có lẽ vì vậy mà anh Chánh một người chỉ huy du kích Ba Tơ, rồi làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ, đã được cử vào cương vị chủ trì mọi mặt ở đó trong giai đoạn hoạt động quân sự quan trọng nhất. Lúc đó Liên khu 5 như một nước thu nhỏ, phải tự lực cánh sinh; muốn đánh được giặc thì phải chăm lo, xây dựng địa bàn về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa... theo đúng phương châm "*kháng chiến kiến quốc*". Qua nhiều năm phấn đấu trong hoàn cảnh bị quân thù bao vây bốn mặt, sự chi viện của hậu phương chiến lược không còn, Liên khu 5 đã tự túc vươn

lên xây dựng vùng tự do Nam-Ngãi-Bình-Phú có đời sống vật chất và văn hóa tốt nhất so với các vùng tự do lúc đó. Rồi trên cơ sở như vậy, các hoạt động chính trị, quân sự được đẩy mạnh lên đến đỉnh cao là cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân-Hè 1953-1954, Liên khu 5 đã tự lực thực hiện chiến dịch Bắc Tây Nguyên, đã đập tan cuộc hành quân At-lan-te của địch hòng chiếm đóng bốn tỉnh vùng tự do, tạo ra thế thắng như chẻ tre có thể giải phóng toàn bộ miền núi và đồng bằng.

Có thể nói nhân dân Liên khu 5 đã làm nên một kỳ tích, và kỳ tích ấy rõ ràng gắn chặt với tên tuổi anh Nguyễn Chánh. Lúc đó anh Chánh vừa là Bí thư Liên khu ủy, vừa là Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5. Hồi đó, những điều tôi được biết về anh Nguyễn Chánh và Liên khu 5 là như một cán bộ cấp cục ở cơ quan Bộ Quốc phòng. Sau này hiểu biết về anh và Liên khu 5 có nhiều thuận lợi hơn. Khi đó, Liên khu 5 với Trung ương ở Việt Bắc cách xa hàng ngàn cây số mà đi lại thì phải lượn lách qua nhiều vùng địch tạm chiếm và chủ yếu là đi bộ nên tin tức về Liên khu 5, đến với chúng tôi thật ít ỏi. Tôi còn nhớ, mỗi lần ra họp Trung ương hoặc ra báo cáo tình hình với cấp trên, thế nào anh Chánh cũng tranh thủ thời gian đến Cục Tổ chức chúng tôi và cung cấp cho chúng tôi nhiều tình hình Đảng bộ, tình hình cán bộ của Liên khu. Đó là những thông tin rất cần thiết đối với công việc của Cục Tổ chức, vì chúng tôi khó có điều kiện để đi, để nắm tình hình cụ thể. Việc anh đến với chúng tôi

thật là đáng quý; nó thể hiện sự khiêm tốn và ý thức tổ chức của một đồng chí cán bộ cao cấp (lúc đó anh là Ủy viên Trung ương Đảng, là cấp trên của chúng tôi). Tôi thấy anh nắm chắc đội ngũ cán bộ của mình. Anh thường nói rõ ý kiến về việc bồi dưỡng, sắp xếp công việc cho họ thế nào cho phù hợp, phát huy được sở trường, khắc phục được sở đoản và kết cục ai cũng có dịp lập thành tích và phát triển tốt.

Từ sau năm 1954, anh Chánh tập kết ra Bắc và công tác tại cơ quan Bộ Quốc phòng, lại có lúc là cấp trên trực tiếp của tôi nên được hiểu về anh nhiều hơn. Người ta thường nói *"xa thì thương, gần thì thường"*, nhưng đối với anh Chánh tôi thấy trái lại. Trước kia, rất hân hữu mới gặp anh, tôi đã thấy quý mến anh; khi được công tác gần anh, đồng thời gia đình chúng tôi ở cùng phố, con cái học cùng lớp, cùng trường, tôi càng thấy tin cậy và kính nể anh. Tôi thích phong cách luôn bình tĩnh, điềm đạm của anh. Khi làm việc ở cương vị Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, anh giải quyết công việc rất công tâm và có tình có lý, nên đại đa số đều cho rằng *"ông Chánh mà làm công tác cán bộ thì anh em phần khởi yên tâm"*. Tiếc rằng làm việc này chẳng được bao lâu thì anh đã ra đi... Con người của anh thật *"bảo thủ"*, dù làm đến chức vụ quan trọng đến thế mà vẫn giữ phong cách chan hòa cởi mở như xưa, chẳng chút nào quan cách. Một điều thú vị là tuy giữ cương vị chỉ huy, lãnh đạo nhưng anh rất yêu

văn nghệ. Trong khi bận lo trăm ngàn công việc của "300 ngày"<sup>1</sup> chuẩn bị đối phó các tình huống phức tạp, lại phải sắp xếp bao vấn đề trước mắt và lâu dài sau Hiệp định Giơ-ne-vơ... Vậy mà anh vẫn không quên Đoàn tuồng Liên khu 5 và anh đã thu xếp để có thể đưa cả đoàn ra tập kết. Rồi cái Tết đầu tiên trên miền Bắc, anh đã rủ tôi xuống khu văn công đón giao thừa với anh chị em Đoàn tuồng. Tôi vốn cũng mê tuồng nên rất phấn khởi được cùng anh đến vui Tết với các nghệ sĩ tài ba mà tôi rất mến mộ như bác Đội Tảo, bác Sáu Lai, anh Tống Phước Phổ, anh Võ Sĩ Thừa, chị Ngô Thị Liễu, chị Minh Đức... Các nghệ sĩ cũng hết sức cảm động trong giờ phút giao thừa thiêng liêng của cái Tết đầu tiên xa quê hương lại có người bạn tri âm như anh đến thăm.

Hôm nay ngồi nhớ về anh Nguyễn Chánh, một chiến sĩ cách mạng bậc đàn anh (anh Chánh chỉ hơn tôi hai tuổi nhưng anh tham gia cách mạng sớm nên là người trước chúng tôi hẳn một thế hệ; năm nay nếu còn thì anh đã 84 tuổi). Với cái tuổi 80 đã từng mất thấy tai nghe bao sự đổi thay trong cuộc sống, với suy ngẫm của một người đã nhiều năm làm công tác tổ chức cán bộ, tôi có thể nói rằng anh Nguyễn Chánh mà tôi biết là một con người không chệ vào đâu được về đạo đức cách mạng và tư cách cá nhân. Còn tài năng về chính trị, quân sự, văn hóa đều

---

1. Tức là thời gian từ khi Hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực đến ngày hoàn thành tập kết.

giỏi. Anh suy nghĩ rất sâu, rất rộng, nhưng lại rất cụ thể. Quả thật, với phẩm chất con người như vậy, anh đã đóng góp một phần quan trọng vào kỳ tích của nhân dân Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp.

N.T.V.

## TƯỚNG NHỚ NGƯỜI ANH TÀI - ĐỨC VẸN TOÀN

*Thiếu tướng HUỶNH ĐẮC HƯƠNG  
Nguyên Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị*

Anh Nguyễn Chánh là một người vừa có tài lớn vừa có đức lớn.

Lần đầu tiên tôi gặp anh Chánh là một ngày trời nắng ráo cuối năm 1944, tại căng an trí Phú Bài. Hôm đó, nghe tin có một tốp các đồng chí mới từ nhà dầy Buôn Ma Thuột đến đây trong đó có cả anh Nguyễn Chánh, tôi vội chạy đến gặp ngay. Không ngờ vừa gặp mặt, anh Chánh đã hỏi tôi trước: "Anh mới vượt ngục ra bị bắt lại phải không?"... Sau đó anh phổ biến cho một số kinh nghiệm của các đồng chí đã vượt ngục Buôn Ma Thuột và đi thoát được như các anh Tố Hữu, Huỳnh Ngọc Huệ. Anh nói: sau khi thoát ra khỏi nhà ngục hãy tìm chỗ ẩn náu một thời gian nghe ngóng động tĩnh và để bọn địch đờ trụy lòng đã rồi hãy đi đây, đi đó bắt liên lạc và hoạt động trở lại. Tôi cũng cho anh biết, tôi mới nghe được bọn Tây cho cai ngục ở đây cho phép lính "bắn chết người tù nếu họ đi cách xa lính 3 mét",

như vậy là chúng đang kiểm cố để giết anh em. Những người lính ở đây đều là người miền núi, họ bắn rất giỏi mà không cần biết thước tấc là gì. Họ bắn lúc nào cũng được, bắn rồi bọn cai ngục chỉ cần vu lên "tù định trốn" là xong. Anh Chánh dặn chúng tôi muốn trốn thoát phải phân công nhau điều tra theo dõi nắm tình hình quy luật mọi mặt thật chắc rồi chuẩn bị kế hoạch thật chu đáo tỉ mỉ. Lúc đó tôi nghĩ thầm: anh Chánh thật là nhiệt tình và chắc chắn, nếu vượt ngục với người như anh thì đỡ lo nhiều... Tôi phải nói thêm ở đây là trong hoàn cảnh tù đầy khổ cực lâu ngày lại bị bắn giết vô chừng, cách ly với bên ngoài... nhiều người đã trở nên bạc nhược không thiết gì hoạt động, chỉ trông chờ ngày "mãn hạn" để ra về được yên thân. Chúng tôi hẹn nhau một dịp khác sẽ bàn kỹ kế hoạch vượt ngục. Nhưng chưa tìm được thời cơ vượt ngục thì đã phải đối phó với tình hình căng thẳng mới: bọn Tây ngày càng bộc lộ rõ ý muốn tạo hoàn cảnh sống trong nhà đầy thật khắc nghiệt để làm cho tù an trí phải chết mòn chứ không ai có thể mãn hạn ra về được. Vì vậy, nhất thiết phải tổ chức ngay một cuộc đấu tranh công khai với địch, đòi cải thiện đời sống. Ban chỉ đạo cuộc đấu tranh được thành lập, gồm có các anh Chánh, Bán, Cầu, Hương, Phiệt, Triêm, Truật, Thoàng... Anh Chánh và số anh em từng ở nhà đầy Buôn Ma Thuột đã đóng góp nhiều ý kiến rút kinh nghiệm đấu tranh trước đây, nhấn mạnh rằng đấu tranh phải kéo dài được thì địch mới chịu thua. Muốn vậy phải có tổ chức chặt chẽ, phải chuẩn bị lực lượng

dự bị mạnh, có khẩu hiệu đúng mức để lôi cuốn được nhiều người tham gia... Anh Chánh được bầu làm trưởng ban chỉ đạo, còn tôi, vì biết tiếng Pháp nên được phân công cùng anh Căn viết đơn kiến nghị, anh Phiệt đứng vòng ngoài tiếp tế lương thực phòng khi địch khủng bố bắt tù phải nhịn ăn... Anh Chánh đặt kế hoạch cụ thể chia làm hai đợt đấu tranh, lại sắp xếp cách thức làm sao lương ăn đến cho anh em khi địch làm găng cắt cơm nước; anh còn cử anh Bân có điều kiện đi lại ra ngoài nắm tin tức về việc đối phó của địch. Anh chỉ đạo tôi viết đơn kiến nghị; chỉ nêu những yêu cầu vừa mức và thiết thực như: không được cho người an trí ăn cơm mốc, gạo mục; phải cho ăn đủ muối; phải cho mặc quần áo dài (địch bắt anh em ta mặc quần áo cộc trong khi ở đây về ban đêm và mùa đông rét buốt); phải cho người tù an trí được gửi thư và nhận thư... Sau những thứ thiết yếu đó, nếu thuận lợi thì ta có thể đòi thêm như: đòi có ngày nghỉ, đòi tự do đi lại trong phạm vi căng an trí, v.v.

Cuộc đấu tranh nổ ra, địch khủng bố mạnh ngay, chúng bắt anh Chánh, anh Triêm và anh Bân đưa đi Huế. Bắt được ba người mà chúng cho là "đầu sỏ", địch tưởng đã dập tắt được cuộc đấu tranh, nhưng anh em còn lại vẫn tiếp tục tiến hành mọi việc theo đúng tinh thần đã chỉ đạo từ trước. Cuộc đấu tranh kéo dài được một tháng, địch đã phải chịu thua, tuy chúng không tuyên bố nhận các yêu cầu của ta nhưng thực tế đã buộc phải dần dần đáp ứng các yêu cầu đó (kể cả các yêu cầu loại "cao" như đòi được tự do

đi lại sinh hoạt trong căng, vì vậy chúng tôi đã tổ chức được cả những buổi diễn kịch). Đáng nhớ về cuộc đấu tranh đó là anh Chánh đã chỉ đạo rất đúng cho tôi ngay cả trong cách đối đáp với địch để tôi chuẩn bị. Anh cho biết những lúc như thế này, bao giờ địch cũng đánh đòn phủ đầu nên mình phải bình tĩnh tự tin, phải đập ngay lại nó. Quả như lời anh nói, lần đó tên Mọc - đảng, đại diện bọn Tây nói chuyện với tôi, nó phủ đầu ngay: "Cuộc đấu tranh của các người thất bại rồi. Các người chỉ có bọn trẻ, còn những người lớn tuổi họ có tham gia đâu?". Tôi vặn lại: "Các cuộc đấu tranh ở Pháp cũng toàn người trẻ tổ chức đó, vậy ông nghĩ sao?...".

Tôi gặp lại anh Chánh sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (1945), lúc đó anh đang cùng anh Nguyễn Sơn gấp rút tổ chức Ủy ban kháng chiến miền Nam, còn tôi đang làm Ủy viên trưởng Giáo dục tỉnh Quảng Nam (tức Giám đốc Sở Giáo dục). Anh cho biết hiện đang cần tìm những đồng chí đã được rèn luyện thử thách trong tù đưa về quân đội để chuẩn bị tiến hành kháng chiến chống Pháp; anh đang đi các tỉnh để "nhặt" từng người cho quân đội. Anh đề nghị tôi vào quân đội để phụ trách Trường quân chính... Vốn đã quý mến khâm phục anh qua cuộc đấu tranh trong tù, tôi cảm thấy sung sướng vì được anh tín nhiệm và tự nhủ sẽ luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được anh giao với sự cố gắng cao nhất của mình.

Nhớ một lần, khi đó anh Chánh là Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5. Với quan điểm mới mẻ

và mạnh dạn, anh đã sử dụng một hàng binh là "ca-pi-ten Hanx" người Đức để huấn luyện quân sự cho bộ đội ta. Anh có ý phát huy chỗ mạnh của Hanx về huấn luyện chiến thuật, chiến đấu, thói quen chấp hành mệnh lệnh và cách tổ chức phân đội nhỏ... Anh cũng nhanh chóng phát hiện lệch lạc ở Ban Quân huấn trong việc sử dụng Hanx. Lúc đó trong Ban Quân huấn quân khu còn có một số người vốn là cai, quản khố xanh, khố đỏ cũ, họ phục lẫn Hanx và tuân theo cả những cái hạn chế của anh ta như tính quân phiệt và một số biểu hiện quan điểm quân sự tư sản. Để chấn chỉnh lại việc sử dụng tù hàng binh trong huấn luyện quân sự, anh lại gọi tôi về làm Phó ban Quân huấn và tôi đã vui vẻ tiếp thu ý kiến của anh...

Sau đó, khi được cử làm Phó chủ nhiệm Chính trị Liên khu, tôi lại được anh căn dặn rất chí tình. Hoàn cảnh lúc đó không giống bây giờ: Đảng ta còn hoạt động bí mật, số đảng viên trong các đơn vị ít, mỗi đại đội chỉ 4, 5 người và có khá nhiều những người chỉ huy đơn vị là sĩ quan phía địch trước kia, nay đi với cách mạng. Anh Chánh nhấn mạnh rằng hệ thống chính trị viên đã được bố trí toàn những cán bộ đã kinh qua thử thách, đã được rèn luyện để bảo đảm cho các đơn vị luôn đi đúng đường lối chủ trương của Đảng. Phải xây dựng sao cho những chính trị viên luôn giữ được phẩm chất tốt, làm cho họ biết nêu gương cho chiến sĩ qua những hành động thực tế. Tôi đặc biệt ghi nhớ những ý dưới đây của anh: người chính trị viên phải cố gắng hiểu sâu sắc tâm lý con người, phải đối xử rộng lượng và thực

bụng với anh em chiến sĩ; không nên chấp nhặt những cái vặt vặt mà nên quan tâm xây dựng những vấn đề then chốt, bản chất nhất cho con người và tổ chức. Muốn xây dựng tinh thần dũng cảm thì phải tạo điều kiện cho anh em rèn luyện nhiều trong thực tế cho chóng dần. Thấy ai mới ra trận chưa quen tiếng súng nên luýnh quýnh, hồi hộp đừng vội đánh giá họ là thiếu dũng cảm.

Về việc xây dựng lực lượng toàn Liên khu lúc đó, anh thường nhấn rất mạnh đặc điểm của chiến trường Liên khu 5 là xa Trung ương và có vùng tự do rộng lớn, là mục tiêu tiến công của địch. Anh đề ra phải xây dựng dân quân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực mạnh; các địa phương phải đủ mạnh để tự lực giải quyết vấn đề của cấp mình (lúc đó mỗi tỉnh bố trí một trung đoàn tập trung; Liên khu có 2 trung đoàn mạnh là 108 và 803). Anh cho rằng xây dựng lực lượng phải quan tâm cả hai mặt: chính trị tinh thần và khả năng chiến đấu; trong chiến đấu thì coi trọng lối đánh hiểm, đánh phía sau lưng địch, anh đặc biệt coi trọng sử dụng đặc công (có thể nói Liên khu 5 là nơi sử dụng lối đánh đặc công phổ biến nhất trong kháng chiến chống Pháp). Anh coi lối đánh võ mạt kiểu "chọi trâu" với địch là điều kiêng kỵ nhất và hết sức coi trọng thể chủ động, bí mật, bất ngờ. Anh đề ra yêu cầu đánh là phải diệt gọn, phải cố gắng kết hợp nội công ngoại kích. Anh hết sức coi trọng công tác binh địch vận trên cả góc độ là một mặt công tác chính trị có ý nghĩa chiến lược, trên cả góc độ nghệ thuật quân

sự là một biện pháp phối hợp với tác chiến để đạt hiệu suất chiến đấu cao. Tất cả những tư tưởng quan điểm nói trên đối với cán bộ quân đội chúng ta ngày nay không xa lạ và mới mẻ gì nhưng trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp khi ta chưa có trường lớp bài bản gì nhiều về chiến tranh và nghệ thuật quân sự thì việc đưa ra được những quan điểm tư tưởng quân sự đúng đắn như trên và kiên quyết tổ chức thực hiện bằng được quả là rất xuất sắc.

Luôn nắm vững đặc điểm "Liên khu 5 có vùng tự do, là mục tiêu tiến công của địch", anh Chánh đã đề ra phương châm: đẩy mạnh hoạt động ở sau lưng địch để làm bí quyết giữ vùng tự do, vùng tự do thì chăm lo xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân để tự bảo vệ. Phương châm đó đã được thực tế chứng minh là rất đúng đắn. Đẩy mạnh hoạt động địch hậu, Liên khu 5 đã tạo được nhiều cơ sở mạnh ngay trong lòng địch làm chỗ dựa cho bộ đội chủ lực vào đánh địch ngay tại sào huyệt của chúng được tốt. Thực tế đã có lúc khiến các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng ở Trung ương phải nêu ra câu hỏi: "Tại sao chủ lực vào địch hậu ở một số chiến trường khác thì bị bật ra, còn chủ lực vào địch hậu Liên khu 5 thì đánh được?".

Anh Chánh không những đã nêu ra được những quan điểm tư tưởng đúng đắn trong việc chỉ đạo xây dựng lực lượng và xây dựng địa bàn... mà còn tỏ ra là người chỉ huy rất kiên quyết, nhạy bén, linh hoạt. Anh đã chỉ huy nhiều trận đánh rất hay như chiến dịch An Khê, nhất là chiến dịch Bắc Tây

Nguyên... Đó là một chiến dịch có ý nghĩa to lớn đối với Liên khu 5 cũng như chiến trường cả nước. Chiến dịch này cũng thể hiện rõ và tập trung tài năng chỉ huy của anh Chánh.

Diễn biến của chiến dịch lớn và quan trọng này ra sao thì sách lịch sử quân sự đã nói, tôi xin không thuật lại mà chỉ muốn nêu ra ở đây một số điều tâm đắc riêng của mình. Lúc chuẩn bị mở chiến dịch đã có một khó khăn lớn là: ta thì định đánh lên hướng Tây Nguyên trong khi địch rục rịch đánh vào vùng tự do Phú Yên, Bình Định. Nhiều cán bộ trong Liên khu thấy cấp trên cứ tiếp tục chuẩn bị đánh lên Tây Nguyên mà không chuẩn bị đối phó ở đồng bằng thì đâm ra lo lắng, thắc mắc, không thông tư tưởng. Việc dã thông tư tưởng cho cán bộ là rất cần thiết nhưng cũng vấp phải trở ngại là nếu nói sớm và nói rộng thì dễ bị lộ ý đồ của ta, mất đi yếu tố bí mật bất ngờ. Vậy cần phải kiên trì, chờ thời cơ mới làm được. Trong khi chờ đến lúc đó, anh Chánh đã bàn với cơ quan chính trị tìm cách phát động cho anh em nói hết tâm tư thắc mắc để chuẩn bị giải đáp được cặn kẽ và đúng hướng. Cách 10 ngày nữa thì mở chiến dịch, Liên khu triệu tập hội nghị cán bộ để giải thích rõ chủ trương, ý đồ chiến dịch. Anh Chánh đích thân nói chuyện với cán bộ. Với cách nói rất giản dị và sinh động, anh làm cho mọi người hiểu ra một điểm then chốt nhất: ta đánh Bắc Tây Nguyên là giành thế chủ động, là đánh vào cái dạ dày của địch: còn đánh hướng đồng bằng Phú Yên, Bình Định là bị động đối phó, là đánh kiểu

"chọi trâu", mà ta lại yếu hơn địch về trang bị vũ khí và tiềm lực vật chất, sẽ khó mà thắng... Anh không những đã nhanh chóng thuyết phục được mọi người mà còn gây được không khí hào hứng, phấn khởi chung.

Trong quá trình tổ chức và chuẩn bị chiến dịch, anh Chánh tỏ ra là người có năng lực tổ chức thực hiện tuyệt vời, từ công tác chính trị tư tưởng đến các mặt bảo đảm khác đều được anh quan tâm đến mức thật chu toàn. Đặc biệt, để giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ đến khi nổ súng, anh cho gấp rút tiến hành nghi binh, phản tình báo để lừa địch... và mọi việc đã diễn ra tốt đẹp theo đúng ý đồ của ta, giữ được bí mật đến phút cuối cùng.

Trong quá trình diễn biến chiến dịch có nhiều tình huống chứng tỏ những dự kiến từ trước của Bộ chỉ huy chiến dịch là rất sát; đồng thời, trước những diễn biến phức tạp trong chiến đấu anh Chánh đều xử trí rất kiên quyết, dứt khoát. Ví dụ: khi đánh vị trí Mang Đen, anh đã quyết tâm dùng lực lượng diệt luôn đồn Kom Rẫy trong một đêm, tạo thế uy hiếp lớn đối với Kon Tum; sau đó anh đã dự kiến địch sẽ rút chạy theo Đường 14 và lệnh cho một trung đoàn của ta chặn đánh phía bắc Đăk-đoa, nhưng người chỉ huy trung đoàn này chần chừ không kịp thời đưa lực lượng theo hướng đã định, anh kiên quyết ra lệnh phải thực hiện cho được phương án đã dự định. Ta giải phóng Kon Tum nhanh gọn đến mức đồng chí Võ Nguyên Giáp nghe báo tin đã rất ngạc nhiên phải hỏi lại xem có đúng như thế hay

không? Anh Chánh phải điện trả lời rất rõ là: "Tôi và Bộ chỉ huy chiến dịch đang ngồi tại thị xã Kon Tum", lúc đó đồng chí Võ Nguyên Giáp mới thật tin...

Sau đó là những ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Liên khu 5 đi vào tổ chức thực hiện hiệp định. Tình hình lúc này lại nảy sinh những vấn đề mới, thử thách trí tuệ của người cán bộ chủ trì. Và trong tình hình mới này, tôi lại thấy được ở anh những phẩm chất trí tuệ đáng khâm phục. Anh Chánh đã có dự cảm rất sớm về giai đoạn tiếp sau của cách mạng nước ta, anh cho rằng Hiệp định Giơ-ne-vơ chỉ là một giải pháp tình thế, vì vậy anh nêu ra quan điểm là phải kết hợp việc thi hành Hiệp định với việc chuẩn bị các điều kiện cho cuộc chiến đấu sau này. Khi tổ chức ra Ban liên hiệp đình chiến để thực hiện tập kết lực lượng hai bên, anh coi trọng các thành phần của ta rất toàn diện, có đủ quân sự, chính trị, quân báo, công an, ngoại giao, pháp luật,... nên đã nhanh chóng nắm rõ những âm mưu thâm hiểm của địch hòng phá hoại Hiệp định. Anh đã chỉ đạo rất sát và cụ thể, kịp thời việc điều tra các vụ vi phạm Hiệp định, như vụ Ái Nghĩa, Chợ Được, khiến địch không chối cãi được tội ác và phải làm theo ý định của ta. Tôi nhớ một số vụ việc nhỏ như: khi đấu tranh trao trả tù binh, anh chỉ đạo rõ ràng, ta phải cho anh em mới được trao trả thấy ngay, thấy rõ thắng lợi của ta, đồng thời khi đối thoại với địch ta luôn phải nắm đằng chuôi. Nó chưa trả ta hết khu vực Hải Phòng, Hà Nội, ta phải làm cho nó biết ta có thể trụ lâu được ở vùng tự do

Liên khu 5, hoặc khi biết địch định đánh úp phái đoàn ta ở Hàm Tân - Xuyên Mộc, ta phải đặt vấn đề lôi bằng được người phía địch cùng đi để bảo đảm an toàn, v.v.

Anh không ảo tưởng gì vào thời hạn hai năm hòa bình thống nhất đất nước như đã ghi trong Hiệp định, vì biết rõ bản chất ngoan cố tàn bạo của kẻ thù. Anh thường chú trọng nhắc nhở các đơn vị khi thi hành Hiệp định không để lộ tiềm lực, cơ sở của ta ở các địa phương và nêu chủ trương bảo tồn các căn cứ, nuôi giấu lực lượng, thậm chí còn cho chôn giấu cả súng đạn, điện đài, áo quần, muối, v.v. ở những nơi có thể cất giấu được để dùng cho sau này. Anh đã không uống công chuẩn bị, đến thời kỳ Đồng khởi trong miền Nam sau này, vùng căn cứ Gi Lăng - Trà Bồng nổi dậy được sớm (10-1959) chính là nhờ có sự chuẩn bị đó. Sau năm 1954, anh Chánh tập kết ra Bắc giữ cương vị mới là Phó Tổng tham mưu trưởng, sau đó là Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ thuộc Bộ Quốc phòng. Với cương vị đó, anh đã thể hiện được chủ kiến của mình trong việc bố trí lực lượng, xây dựng sức mạnh chiến đấu cho quân đội để chuẩn bị tiến hành chiến tranh chống Mỹ. Trong khi đó, một số cán bộ quân đội, kể cả cán bộ cấp cao, cũng nảy sinh tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, quá nhấn mạnh việc chuyển lực lượng vũ trang sang làm kinh tế và lơ lửng tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Anh Chánh đã mạnh dạn đấu tranh để giữ tỷ lệ thích đáng giữa sẵn sàng chiến đấu và làm kinh tế; giữ các Sư đoàn 330, 338, 305, 324 trực tiếp

làm nhiệm vụ luyện quân để khi cần là vào Nam chiến đấu. Anh luôn luôn dự kiến khả năng Hiệp định Giơ-ne-vơ bị phá và việc ta phải tiến hành đấu tranh vũ trang để thống nhất đất nước. Dự kiến của anh đã hoàn toàn phù hợp với tinh thần nghị quyết Trung ương 15 khóa II của Đảng ta (ra ngày 13-1-1959, hơn một năm sau khi anh mất).

Điều khái quát mà tôi muốn nói về anh: đó là một người tài - đức vẹn toàn. Tài của anh thể hiện ở tầm nhìn chiến lược sâu rộng, nhanh nhạy, ở biện pháp thực hiện phong phú, linh hoạt, năng động, sát thực tiễn, không phiêu lưu ảo tưởng, tinh thần tự lực cao, không ý lại cấp trên. Đức của anh thể hiện ở chỗ tận tình với cách mạng, không sợ hy sinh gian khổ, toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp chung, sống chân thành, thẳng thắn, luôn thương yêu, tin tưởng, độ lượng với quần chúng, đánh giá đúng trình độ năng lực của cán bộ cấp dưới và tôn trọng cấp trên, có tinh thần tự đổi mới vươn lên rất mạnh. Mỗi lần ra Trung ương họp, anh đều gắng sức học tập thu lượm cái hay, cái tốt ở Trung ương và các nơi để áp dụng vào công việc ở địa bàn mình phụ trách nên khiến cho tình hình địa phương Liên khu 5 và quân đội Quân khu 5 luôn phát triển vững chắc.

H.Đ.H.

## ANH NGUYỄN CHÁNH LÀ NGƯỜI LUÔN NHẠY CẢM VỚI CÁI MỚI

*Thiếu tướng NGUYỄN QUANG BÍCH*

Lần đầu tiên tôi gặp anh Nguyễn Chánh là khi tôi ở chi đội Vi Dân trong đoàn quân Nam tiến (Vi Dân là tên người chỉ huy chi đội).

Chúng tôi đi tàu hỏa từng đoạn từ Hà Nội vào miền Nam, giữa đường phải tạm dừng ở thị xã Quảng Ngãi, trong một trại lính cũ. Lúc đó, với tư cách là Ủy trưởng Quốc phòng, anh Chánh đến gặp chúng tôi. Vì đang nôn nóng hăng say đi chiến đấu nên vừa nghe nói có cấp trên đến là mọi người đã xúm lại chất vấn: Tại sao lại phải chờ đợi ở đây lâu thế? Tại sao lại không nhanh chóng tổ chức cho anh em đi vào tới Nam Bộ để đánh giặc ngay?... Có người còn quá khích, đã nói "dối" rằng nếu trên không cần đến anh em thì thôi để cho anh em về quê còn hơn đem con bỏ chợ, v.v. Trước tình hình đó, anh Chánh vừa kiên trì giải thích, vừa có thái độ cứng rắn, anh nói: "Nếu ai không nghe tổ chức thì cứ về...". Đã có 5 người bỏ về.

Sau đó chi đội Vi Dân được nhận nhiệm vụ chiến đấu ngay tại Nam Trung Bộ, chặn địch ở Phú Yên và Phan Thiết. Riêng tôi được phân công chỉ huy đại đội Quang Bích đi làm nhiệm vụ trên Đường 19 Plây-cu... Rồi tôi cứ vậy chiến đấu và trưởng thành ở chiến trường Khu 5, đến khi trở thành trung đoàn trưởng... Có thời gian khá dài chiến đấu và công tác dưới quyền anh Chánh, tôi nghĩ mình đã được chứng kiến quá trình anh tự hoàn thiện và tự "*đổi mới tư duy*". Phần nghiêm khắc cứ vẫn giữ nhưng anh đã tăng thêm phần mềm dẻo và khéo léo. Càng có dịp tiếp xúc với anh, tôi càng bị thuyết phục bởi nhiều lẽ. Cái ấn tượng ban đầu về anh là người xứ Quảng ưa hẹp hòi, gay gắt đã bị xóa sạch trong đầu óc tôi không còn dấu vết.

Tôi thấy anh Chánh là một người rất ham học bởi vì rất thành khẩn. Anh không hề giấu giếm rằng anh đã học ai và học ở đâu những ý tưởng, những kinh nghiệm, những biện pháp để dẫn đến những thành công thắng lợi này nọ trong công việc của mình. Từ ngày toàn quốc kháng chiến đến trước năm 1950-1951, ở địa bàn Khu 5 có các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh chủ trì công tác. Có những người tiên nhiệm là những "*cây đại thụ*" như vậy, anh Chánh đã không ngần ngại ra sức học tập họ để tự nâng cao trình độ lãnh đạo, chỉ huy của mình, để đến năm 1951, một mình anh đã đủ khả năng đảm đương công việc chủ trì Liên khu 5, kế thừa một cách xuất sắc những cây đại thụ đó.

Tôi được biết trong công tác cán bộ, một công việc quan trọng của người chủ trì, anh Chánh đã thể hiện rất "đổi mới". Anh đã mạnh dạn bố trí, sử dụng nhiều cán bộ trẻ, cán bộ trí thức, cán bộ xuất thân từ tầng lớp trên, và cả cán bộ đã từng mắc sai lầm khuyết điểm... Đối với ai, anh cũng rất chân tình, đồng thời cũng rất công minh, nghiêm khắc. Kể cả đối với anh Phạm Kiệt là anh ruột vợ, hoặc những người họ hàng đồng hương khác, làm gì sai trái anh cũng phê phán đến nơi. Đặc biệt ngay từ ngày đó anh Chánh đã không mắc phải cái bệnh thành phần chủ nghĩa, bệnh kỳ thị trí thức..., là những căn bệnh ấu trĩ thường có trong buổi đầu của cách mạng. Tôi xin kể ra đây một số người mà tôi được biết là thuộc thành phần "*không cơ bản*" nhưng vẫn được anh Chánh tin tưởng giao các nhiệm vụ quan trọng và các anh ấy đã hoàn thành tốt. Đó là các anh Giáp Văn Cương, Lư Giang, Đoàn Huyền, Phan Hàm, Phan Hạo, Nguyễn Minh Vĩ, v.v. Anh Giáp Văn Cương là xếp ga của Pháp đi theo cách mạng lúc đầu làm quân giới, sau anh Chánh phát hiện thấy có năng khiếu về chỉ huy nên đưa ra tác chiến. Anh Cương vừa ra đơn vị đã chỉ huy đánh một trận xuất sắc ở đèo Hải Vân năm 1947. Anh Lư Giang xuất thân gia đình địa chủ, bản thân có uy tín và có tài. Khi anh Chánh làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5, anh đã giao cho anh Lư Giang làm trung đoàn trưởng kiêm chính ủy, và anh Lư Giang trưởng thành vững chắc trên cương vị này. Anh Nguyễn Minh Vĩ (tức Tôn Thất Vĩ), dòng dõi Tôn Thất nhưng vẫn

được tin tưởng giao nhiệm vụ Chánh văn phòng Liên khu ủy 5. Chính anh Vi thường nói rằng: tuy không hẳn là một mình ông Chánh đưa mình làm việc này, việc nọ, nhưng nếu ông Chánh mà có óc "*thành phần*" thì cái dòng Tôn Thất nhà mình khi mô được làm này làm nọ!

Anh Chánh trọng trí thức, trọng người có năng lực thực sự và không thành kiến với thành phần giai cấp xuất thân của họ, trong khi chính bản thân anh và gia đình thuộc tầng lớp nghèo khổ, học hành hạn chế. Đồng thời anh cũng hết sức coi trọng các cán bộ xuất thân lao động, không được học hành nhưng háng hái cách mạng và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Chính anh đã kiên quyết bắt buộc nhiều cán bộ phải đi học trường trung học bình dân do Liên khu mở, để các đồng chí đó được phát triển toàn diện. Tờn nghĩ như vậy là anh Chánh đã hết lòng xây dựng đội ngũ cán bộ cho Liên khu 5. Sau này ở cương vị Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ quân đội, anh cũng cố gắng xây dựng đội ngũ với lối tư duy rất mới mẻ và cởi mở như vậy. Anh luôn tìm cách tốt nhất để thực hiện mục đích, luôn đi vào cốt lõi của vấn đề, coi trọng chất lượng và hiệu quả công việc, không bị bất kỳ một định kiến nào ràng buộc chi phối.

Không chỉ chú trọng bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, anh còn rất chú ý lắng nghe ý kiến của cán bộ rồi vận dụng suy nghĩ của mình mà giải quyết công việc. Anh rất bao quát mà cũng rất cụ thể, đặc biệt không ngại ngời nghe ý kiến đề xuất của những ai

muốn đóng góp cho công việc của anh, công việc của đất nước, quân đội. Có người nói ngắn, có người nói dài, dài bao nhiêu anh cũng lắng nghe bằng hết. Một cán bộ cấp đại đội như tôi hồi đó là cấp rất nhỏ mà cũng được anh giúp đỡ một nỗi oan tày đình. Đó là kỷ niệm quá sâu sắc trong đời, cũng chứng tỏ cái tài và cái tâm của anh Chánh trong công tác cán bộ nói chung và đối với cá nhân từng con người đi theo cách mạng. Hồi đó, tôi được phân công lên Tây Nguyên làm công tác vận động quần chúng, xây dựng cơ sở. Để làm tốt được việc đó, tôi phải đi liên hệ với một số linh mục vì nhân dân vùng này nhiều người theo Đạo. Do vậy tôi đã bị một số người lãnh đạo ấu trĩ hẹp hòi ghép vào tội "*hoạt động Quốc dân đảng*". Việc đó được báo cáo đến anh Chánh. Dĩ nhiên là anh không tin, vì trước đây anh đã nhiều lần đến đơn vị tôi và hiểu hết về tôi nhưng anh cũng không vội bài bác ý kiến của họ để bênh vực cho tôi. Anh đã cho người đi điều tra nắm lại tình hình mọi mặt nơi tôi hoạt động; anh lại cho gọi tôi lên gặp, hỏi chuyện, sau đó điều động tôi đi làm việc khác (về Trung đoàn 80 do anh Hà Văn Lâu làm trung đoàn trưởng), điều người khác lên thay vị trí của tôi ở Tây Nguyên. Làm xong từng ấy công việc, anh lại tiếp tục bố trí để theo dõi và đánh giá các việc có liên quan đến tôi. Qua một năm, anh mới công khai kết luận vụ việc, nói rõ động cơ và kết quả công tác của tôi là tốt, không dính líu gì đến "*hoạt động Quốc dân đảng*" cả. Sau khi được giải oan, tháng 2 năm 1947 tôi đã được kết nạp vào Đảng. Qua sự

việc này tôi càng được anh Chánh hiểu và tin cậy hơn. Mấy năm sau anh cử tôi tham gia tổ chức các đơn vị pháo cao xạ đầu tiên của quân đội ta, chuẩn bị đánh căn cứ Nà Sản ở Tây Bắc, tôi cho rằng đó là một nhiệm vụ vinh dự anh đã dành cho tôi.

Tôi không thể không nhắc đến hình ảnh của anh sau khi đi dự Đại hội Đảng lần thứ hai, đầu năm 1951, ở Việt Bắc trở về. Ai cũng thấy anh hân hoan phấn khởi ra mặt; bản tính trầm tĩnh và chín chắn thường ngày cũng không ngăn được, anh sôi nổi kể chuyện với anh chị em trong địa phương Liên khu 5 chúng tôi về những cái hay cái mới mà anh thu thập được trong thời gian Đại hội.

Trong niềm vui phấn khởi không giấu nổi đó, anh bắt tay vào công việc ở địa bàn của mình, đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị cuộc tiến công chiến lược 1953-1954. Anh đã cùng đồng bào chiến sĩ Liên khu 5 làm nên những thành tích to lớn mà mốc son rực rỡ là chiến dịch Bắc Tây Nguyên, đánh tan cuộc hành quân At-lan-te là cuộc tiến công đầy tham vọng của Na-va trên chiến trường miền Nam. Rõ ràng, từ sau Đại hội Đảng lần thứ 2, ai cũng thấy sự phát triển vượt bậc cả về tài năng và đức độ của anh.

Một câu chuyện khác khiến tôi không quên, đó là vào khoảng tháng 2 hay tháng 3 năm 1957, khi chúng tôi đang học ở Học viện quân sự Nam Kinh, Trung Quốc, anh đi công tác ghé vào thăm. Với tác phong gần gũi, sâu sát, anh ân cần tìm hiểu việc học hành, sinh hoạt của chúng tôi. Thấy anh cởi mở nên chúng tôi mạnh dạn đề xuất ý kiến muốn

xin về nước thăm gia đình trong thời gian chờ đợi chuyển đến các trường học chuyên ngành. Nghe chúng tôi nói vậy, anh tỏ ý băn khoăn, vì lúc đó nước ta còn nghèo, quân đội cũng rất nghèo, việc đi về của từng ấy người, từng ấy đường đất phải tốn kém không nhỏ. Anh vừa nói ra ý kiến đó thì có mấy người trong đám chúng tôi bật ra phản ứng liền, nói rằng trên không quan tâm... Có một số ít anh còn nói giọng rất thô thiển, gay gắt khó nghe, khiến cho ngay cả chúng tôi cũng thấy bực mình. Vậy mà anh Chánh lại bình tĩnh lạ lùng. Anh nói đó mới là suy nghĩ ban đầu có tính chất cá nhân của anh thôi, không phải ý kiến quyết định. Anh hứa về báo cáo lại cấp trên nguyện vọng này của anh em. Anh nói là làm, khi về nước anh đã báo cáo ngay nguyện vọng của chúng tôi với Quân ủy Trung ương, là nơi có thẩm quyền giải quyết và nguyện vọng của chúng tôi được đáp ứng. Bên cạnh đó, mấy anh có thái độ sai trái trước đây cũng đã được xử lý thích đáng sau khi về nước. Cách làm rõ ràng, sòng phẳng của anh như vậy đã được đa số anh em trong đoàn học viên chúng tôi tán thành ủng hộ.

Bây giờ ngồi viết lại những dòng này, trước mắt tôi vẫn hiện rõ vẻ mặt hiền hậu mà rạng rỡ của anh, một con người hết sức chân thành, giản dị, trong sáng và đúng là có một tư duy luôn thoáng đạt và hết sức nhạy cảm với cái mới.

N.Q.B.

## KHÔNG PHẢI CÓ NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC NHƯ ANH

*Thiếu tướng ĐOÀN HUYỀN*

Trong số những cán bộ cấp trên mà tôi được tiếp xúc trong công tác cũng như trong tình cảm đồng chí, anh Nguyễn Chánh là một trong không phải nhiều người đã để lại trong tâm trí tôi nhiều ấn tượng tốt đẹp và sâu sắc nhất. Không chỉ vì anh là cán bộ lãnh đạo chỉ huy cao cấp xuất sắc, kiêm toàn chính trị - quân sự, mà còn vì ở anh còn nổi bật một phẩm chất cách mạng trong sáng, một tác phong gần gũi sâu sát, một cuộc sống giản dị, một tình cảm cởi mở chân thành. Chính vì vậy, anh đã chinh phục được lòng tin yêu, mến phục của mọi người.

Rất tiếc là anh mất quá sớm, chưa tới độ tuổi "tri thiên mệnh", tài năng đương bay cao. Nếu không, chắc anh còn đóng góp được nhiều hơn cho Đảng, cho nhân dân và cho quân đội. Một nỗi đau và một niềm tiếc thương vô hạn!

Tôi không có điều kiện gần gũi và làm việc với anh được nhiều, vì trong suốt chín năm kháng chiến

chống Pháp, tôi ở đơn vị chiến đấu ở các chiến trường xa của Liên khu 5. Nhưng cứ mỗi lần gặp anh là một lần đây ấn tượng sâu sắc.

Lần đầu là khi Trung đội 3 của tôi trong Giải phóng quân Huế được thông báo sẵn sàng Nam tiến. Hôm đó là ngày 24 tháng 9 năm 1945, một ngày sau khi quân Pháp gây hấn ở Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở miền Nam đã bắt đầu. Tôi được biết Trung đội 1 do anh Phan Hạo làm trung đội trưởng và Trung đội 3 do tôi phụ trách được chọn vào đoàn quân Nam tiến đầu tiên vào Nam Bộ chiến đấu.

Trung đội tôi là một trong 25 trung đội Giải phóng quân Huế do anh em thanh niên tiên tuyến thành lập, đang đóng quân ở Phú Vang. Trong khí thế cách mạng hừng hực sau khởi nghĩa, chúng tôi ra sức tập luyện, sẵn sàng lên đường ra tiền tuyến. Anh em, hầu hết là học sinh, sinh viên hàng hái "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu...", chúng tôi hình dung cuộc chiến đấu sắp đến còn đơn giản. Vài ba năm sau kháng chiến thành công, còn có thể trở về tiếp tục học tập cũng không muộn, cũng không ít anh em chúng tôi còn nghĩ rằng chẳng bao lâu sẽ được dự duyệt binh ở Sài Gòn hoặc ở một số thành phố nào khác ở miền Nam để mừng chiến thắng. Do đó khi thông báo được đi chiến đấu, tôi vừa thấy vinh dự, vừa mừng vui. Tôi cho anh em về thăm nhà. Tôi cũng về. Là trung đội trưởng nên tôi phải trở lại đơn vị sớm hơn. Vừa về đến đơn vị, tôi nhận được thông báo phải đến gặp Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ - anh Nguyễn Chánh. Vì được thông báo

chậm, quá thời gian lên gặp cấp trên, tôi hồi hộp và lo lắng, vì đây là lần đầu tôi gặp cấp trên lại là một đồng chí cách mạng cũ, là Ủy trưởng Quốc phòng, chưa từng được biết, vậy mà tôi lại đến trễ so với lệnh triệu tập.

Mới bước vào phòng gặp anh Chánh, tôi báo cáo ngay lý do đến chậm. Anh bắt tay tôi, rất niềm nở mời tôi ngồi, và nói: "Việc anh đến chậm là do tôi". Nghe câu nói đó, tôi nhẹ hẳn trong người. Anh mặc quần soóc bằng ka-ki lấy từ kho của quân đội Pháp, người nhỏ, nước da ngăm đen, răn rỏi, phong thái khoan thai, mắt sáng long lanh, luôn tươi cười, giọng nói vang và ấm.

Trước khi vào việc, anh hỏi tôi về tình hình gia đình và về cá nhân. Sau này tôi được biết là anh rất quan tâm đến đời tư của từng cán bộ, đó là một điểm nổi bật của anh, hiếm thấy ở những người khác. Sự quan tâm đó của anh rất chân tình, rất thật lòng, xuất phát từ tình thương yêu cán bộ và lòng mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho hậu phương để cán bộ yên tâm công tác và phục vụ tốt hơn. Chỉ mấy câu hỏi chân tình của anh về tình hình riêng tư của tôi đã làm cho cuộc tiếp xúc càng ấm áp tình anh em, tình đồng chí, tạo sự gắn gũi thân tình.

Sau khi nghe tôi trình bày mấy nét về riêng mình, anh bảo tôi báo cáo tình hình luyện tập và sẵn sàng lên đường chiến đấu của đơn vị. Thì ra, trước đó anh cũng đã nắm khá rõ tình hình các đơn vị chúng tôi. Anh bảo: "Tôi rất mừng là các trung đội thanh

niên tiền tuyến rất hăng say tập luyện và đã sẵn sàng lên đường bất kỳ lúc nào. Theo yêu cầu của chiến trường phía Nam, tất cả các đơn vị thanh niên tiền tuyến rồi sẽ lần lượt lên đường vào Nam chiến đấu. Lần này, hai trung đội của anh và anh Phan Hạo được vinh dự đi trước. Được đi trước là vinh dự nhưng cũng có cái khó đấy, vì bất đầu bao giờ cũng không phải dễ".

Tôi báo cáo là anh em rất phấn khởi, được đi chiến đấu là trách nhiệm và vinh dự lớn. Anh nhìn tôi cười và gật đầu.

Còn về việc tập luyện, tôi báo cáo tiếp, anh em rất tích cực, không ngại gian khổ, nhưng có điều lo là chưa được bắn đạn thật. Anh bảo: "Ý kiến đó là hoàn toàn đúng và đó cũng là điều băn khoăn của bản thân chúng tôi. Nhưng tình thế bắt buộc phải vậy, ta thiếu đạn, ra chiến trường, ta lấy đạn của địch và lấy địch làm bia để tiến hành bắn trong chiến đấu vậy". Anh nói như đùa mà rất thật. Đó là một lời khuyên và nó đã trở thành một phương châm được vận dụng thành công trong suốt cuộc kháng chiến của quân và dân ta chống xâm lược "lấy của địch đánh địch", lấy kinh nghiệm thực tiễn chiến đấu để huấn luyện bộ đội...

Lúc đó, tôi mới có 20 tuổi, vừa học xong tú tài, đã hiểu gì đâu về chiến tranh và nghệ thuật quân sự. Bằng cách nói chuyện với lối diễn đạt giản dị mà sáng rõ dễ hiểu, anh đã đưa tôi vào bài học vỡ lòng trong lĩnh vực tri thức hoàn toàn mới mẻ này.

Anh bảo: Điều căn bản đầu tiên là phải hiểu cho kỹ âm mưu của địch. Thực hiện âm mưu của bọn đế quốc, núp dưới bóng quân Anh, Ấn, thực dân Pháp quyết trở lại xâm chiếm nước ta lần nữa, chiếm cả Đông Dương mà chủ yếu là Việt Nam, bóp chết chính quyền cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước, bắt nhân dân ta trở lại làm nô lệ cho chúng. Còn nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, của Bác Hồ, quyết không chịu làm nô lệ cho chúng, quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ chính quyền, bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Chính vì vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống xâm lược của thực dân Pháp được bọn đế quốc giúp sức sẽ khó khăn, ác liệt và nhất định phải mất một thời gian chứ không thể nào nhanh được. Anh phải làm cho anh em thấy được cuộc kháng chiến của ta còn dài, còn gian lao ác liệt lắm, để chuẩn bị tư tưởng cùng những mặt khác, bảo đảm có thể tiến hành chiến đấu trong nhiều năm. Nếu không thì sẽ bị bất ngờ. Còn kẻ địch mà anh em sắp phải gặp trên chiến trường là kẻ địch mạnh về trang bị tối tân do được đồng minh của chúng giúp sức, được huấn luyện tương đối kỹ, lại có kinh nghiệm trong chiến tranh xâm lược. Nhưng bên cạnh mặt mạnh, cần phải thấy mặt yếu của chúng. Cái yếu nhất của chúng là tinh thần chiến đấu của một đội quân xâm lược vì mục đích phi nghĩa...

Để khắc phục mặt yếu của mình, ta phải lấy của địch để trang bị cho ta mà đánh địch, vừa chiến đấu vừa học, học trong thực tiễn chiến đấu.

Cái mạnh cơ bản của ta là toàn dân đánh giặc, đoàn kết nội bộ, trên dưới một lòng, đoàn kết quân dân tiến hành kháng chiến lâu dài.

Anh em đang tuổi 20, rất hăng hái nhiệt tình theo tiếng gọi cứu nước, và xếp bút nghiên lên đường chiến đấu. Đó là điều cơ bản đáng quý. Vấn đề là phải chuẩn bị cho anh em đi chiến đấu. Trước hết là phải chuẩn bị vượt khó khăn, chịu đựng hy sinh gian khổ chiến đấu trong nhiều năm. Phải tránh bồng bột, đơn giản để khỏi bị bất ngờ và dao động trước khó khăn. Phải kiên gan bền chí chiến đấu. Với cương vị là người chỉ huy, anh phải làm cho anh em trong đơn vị thấy được điều đó, thấy được cái mạnh và cái yếu của kẻ địch và những khó khăn mà anh em sắp phải gặp trên chiến trường. Muốn đánh thắng, một điều cơ bản là phải tìm ra cách đánh cho phù hợp, phải từ thực tiễn mà tìm ra cách đánh. Vì ta là quân đội cách mạng, chưa được qua trường lớp nào, chưa được huấn luyện nhiều.

Quả là, anh đã dạy tôi những bài học vỡ lòng về chiến tranh, về cách đánh giặc trong cuộc kháng chiến thần thánh của quân và dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Bác Hồ muôn vàn kính yêu, làm tan biến dần những ý nghĩ đơn giản ban đầu của chúng tôi.

Thuộc lớp trí thức lúc bấy giờ, có ít nhiều tự hào về vốn hiểu biết của mình, nhưng lần đầu gặp đồng chí cách mạng cũ, tôi đã bị chinh phục ngay không chỉ vì tính nghiêm túc, phong cách điềm đạm, cử mở dễ gần, mà chính vì sự hiểu biết, cách đề

cập vấn đề sâu sắc, mạnh mẽ, cố đọng đi vào những vấn đề rất cơ bản, rất thuyết phục người nghe, nhưng rất nôm na, không một phút phô trương của anh.

Thực tiễn ngay trong những ngày đầu ra mặt trận, tiến vào Nam Bộ đã minh chứng cho những lời dặn của anh.

Một hôm, tôi được giao nhiệm vụ vào thành phố Biên Hòa để nắm tình hình quân Pháp. Tôi cải trang thành người đánh xe ngựa để đi trinh sát. Ngồi trên chiếc xe chạy trên các đường phố chính, tôi thấy xe nhà binh của Pháp đặc đường, hầu hết là xe bọc thép, ở trên có cần an-ten. Quân Pháp được trang bị hiện đại hơn nhiều so với năm 1944, khi chúng duyệt binh ở Huế nhân ngày quốc khánh Pháp (14-7).

Trải qua những năm tháng chiến đấu lâu dài đầy hy sinh gian khổ chống bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, bây giờ hồi tưởng lại, tôi càng thấy rất đỗi ngạc nhiên về những lời nói của anh khi cách mạng mới thành công, quân và dân ta đang chuẩn bị để bước vào cuộc chiến đấu mới. Là một cán bộ vừa trong nhà tù đế quốc ra, nhưng anh đã có được những kiến thức khá vững chắc về chiến tranh và về nghệ thuật quân sự, có tầm nhìn chiến lược cơ bản, sâu rộng, có phương pháp làm công tác tư tưởng, động viên bộ đội ra mặt trận thật hay, thật sát thực tế, không một chút cường điệu, thể hiện sự tự tin vững chắc và tin cấp dưới, tin anh em trí thức. Trong suốt những năm tháng chiến đấu, tôi thường xuyên suy ngẫm về những lời nói của anh

để quán triệt sâu hơn và cũng để truyền lại cho người khác.

Tôi gặp anh lần thứ hai là vào đầu năm 1946, sau khi tôi chiến đấu ở Nam Bộ ra. Lúc vào Nam Bộ, trung đội tôi sát nhập vào chi đội anh Nam Long, chính trị viên, thường gọi là chi đội Nam Long, anh Lương Văn Khâm là chi đội trưởng đã sớm hy sinh ở mặt trận Phan Thiết. Từ nơi đây, tôi được anh Nam Long giao nhiệm vụ về Huế xin lực lượng bổ sung. Đến Huế thì được biết mặt trận Nha Trang bị vỡ. Các anh bảo, tôi được lệnh trở về làm đại đội trưởng thuộc tiểu đoàn Cao Thắng, do anh Võ Bẩm làm chính trị viên, anh Nguyễn Lạc làm tiểu đoàn trưởng.

Lúc này Hiệp định sơ bộ 6-3 đã được ký kết, tiểu đoàn của chúng tôi được điều lên phụ trách khu vực Buôn Hìn, Buôn Dúc ở giáp ranh giữa Phú Yên và Tây Nguyên, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ khu vực, buộc địch phải thi hành Hiệp định.

Vào cuối tháng 5 năm 1946, ở Tây Nguyên đang chuyển mùa, những cơn mưa tầm tã khiến cho thời tiết ở đây bớt oi bức hơn. Tôi được thông báo về gặp anh Nguyễn Chánh.

Đến nơi, tôi vội vào gặp anh ngay. Thấy tôi, anh hỏi ngay: "Đoàn Huyền đây à, ngồi và uống nước đi". Vẫn với phong thái ung dung thân mật như lần gặp trước, anh nói tiếp: "Bây giờ cậu nói cho nghe tình hình anh em trên đó thế nào, chiến đấu và công việc ra sao". Tôi nghĩ chắc anh đã nghe anh Bẩm và anh Lạc báo cáo rồi, nghe mình chỉ để anh hiểu

và nắm thêm cho cụ thể mà thôi. Tôi báo cáo, anh hỏi, như một cuộc nói chuyện rất thoải mái và hòa nhập... Rồi anh trao cho tôi quyết định và nói: "Lần này anh trở lại đơn vị nhận nhiệm vụ tiểu đoàn phó". Tôi vừa mừng lại vừa lo. Cái lo lấn át cái mừng, vì tôi chưa có nhiều kinh nghiệm. Cũng như trước đây, khi chuẩn bị vào trận đánh ở cầu Bình Lợi, anh Nam Long cũng chỉ định tôi làm đại đội trưởng, tôi đề nghị để anh Phan Hạo phụ trách vì anh Hạo học cao hơn (cử nhân) và lớn tuổi hơn tôi.

Lần này lại bất ngờ, tôi trình bày nỗi lo và đề nghị là cho tôi cứ làm đại đội trưởng để có thêm kinh nghiệm... Anh cười: "Hoan nghênh sự khiêm tốn. Nhưng đây là theo đề nghị của các đồng chí đã từng chiến đấu với anh, và là quyết định của tập thể, cứ nên mạnh dạn nhận nhiệm vụ. Tất nhiên là công việc của một tiểu đoàn phó nặng và khó hơn một đại đội trưởng. Dựa vào tập thể, cùng anh em đoàn kết thì sẽ hoàn thành được nhiệm vụ".

Giờ đây, mỗi khi nghĩ lại, tôi thấy anh Chánh rất quan tâm đến công tác cán bộ. Là cán bộ lãnh đạo cao cấp, bận bao nhiêu việc nhưng anh vẫn trực tiếp nắm cán bộ rất sát, đến tận đại đội. Và khi giao nhiệm vụ, anh lại trực tiếp gặp cán bộ để nghe ý kiến và động viên, chứ không phải chỉ theo kiểu giấy tờ truyền đạt...

Những lần sau, tôi được gặp anh Chánh là khi tôi làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào với chức vụ là Khu phó khu Hạ Lào.

Trong thời gian chiến đấu ở Hạ Lào, tôi thường về công tác ở Bộ tư lệnh Liên khu 5. Nhưng lần làm việc với anh Chánh vào đầu năm 1952 đã để lại trong tôi nhiều điều sâu sắc nhất.

Từ cuối 1949 - 1951, theo đề nghị của Ban cán sự Hạ Lào được lãnh đạo của Việt Nam (Liên khu 5) và hạn chấp nhận, ta chủ trương phát triển và mạnh dạn đi sâu vào vùng hậu địch phát động quần chúng và xây dựng cơ sở cách mạng.

Tôi về chiến trường Hạ Lào vào tháng 6 năm 1949. Sau khi nghiên cứu tình hình ở đây, vận dụng kinh nghiệm ở Khánh Hòa một chiến trường nhỏ hẹp, tuy cũng bị địch càn quét đánh phá ác liệt nhưng ta vẫn bám trụ được, chúng tôi đề nghị xin thêm lực lượng để có thể đẩy mạnh phong trào vào vùng địch kiểm soát theo phương thức ban xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền, và đại đội tập trung tăng cường, tạo thế chủ động tiến công địch, buộc chúng phải bị động đối phó. Ta không vận dụng phương châm tiểu đoàn tập trung mà là đại đội tập trung cho phù hợp với điều kiện và khả năng của ta ở chiến trường này. Được bạn (ông Khăm Tày và ông Xi-thôn) đồng tình và ủng hộ, lại có bộ đội địa phương bạn phối hợp, nên ta đã thực sâu được theo nhiều hướng vào vùng đông dân ở địch hậu, cơ sở được xây dựng và phong trào ngày càng phát triển lớn mạnh, tạo được thế uy hiếp ở sau lưng địch, buộc chúng phải rút về co cụm, đối phó. Nhờ đó vùng giải phóng của bạn ngày càng được mở rộng, các khu căn cứ được xây dựng và củng cố, đặc biệt

là căn cứ địa số 5 liền biên giới Việt Nam và căn cứ địa Tây - Nam A-tô-ơ đông Châm-pa-xắc, nối liền với Đông - Bắc Cam-pu-chia. Quân địch phản ứng quyết liệt, tiến hành càn quét Bình Định, đánh phá ác liệt, lập tề, giành dân hòng chiếm lại vùng đã mất, chia rẽ Lào Việt, khoét sâu những khuyết điểm của ta, tổ chức vũ trang cho dân để chống lại ta ở một số nơi.

Hạ Lào lại gặp khó khăn.

Tôi được Ban cán sự cử về báo cáo và xin ý kiến anh Chánh. Cũng như mọi lần, khi nghe tôi báo cáo, anh nghe và hỏi, đặc biệt anh hỏi rất kỹ về những vấn đề mà anh quan tâm, nhấn mạnh những vấn đề quan trọng, biểu dương những thành tích và những việc làm đúng... Sau đó, anh cho ý kiến về những vấn đề có tầm chiến lược quan trọng, về phương châm, phương thức đồng thời giải quyết cụ thể những đề nghị của chúng tôi.

Anh nhấn mạnh đến tầm quan trọng của khu tam giác chiến lược gồm có Tây Nguyên, Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia. Phải bằng mọi cách phát triển phong trào kháng chiến ở khu vực này mở hành lang chiến lược về phía Nam nối liền với Nam Bộ.

Đề cập đến phương châm tiến hành đấu tranh và công tác trên chiến trường, anh biểu dương việc chúng tôi đề ra phương châm hoạt động như đang làm là phù hợp. Về chủ trương dựa vào dân, anh nhắc chúng tôi phải quán triệt ý kiến của anh Phạm Văn Đồng: "Phát động người Lào đứng lên kháng chiến thì mới có phong trào kháng chiến". Anh bảo.

Đây là một cuộc vận động cách mạng, là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng làm, ta phải dựa vào quần chúng và phát động cho được quần chúng.

Về phương thức hoạt động của bộ đội ta và bạn trên chiến trường, anh cho là sáng tạo trong việc vận dụng phương châm chung.

Vì vai trò, vị trí của Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia và tính chất phức tạp của nhiệm vụ ở đây nên anh nhất trí tăng lực lượng cho chiến trường theo đề nghị của chúng tôi, chỉ thị cho cơ quan chọn và điều động cho chiến trường những đơn vị bộ đội có kinh nghiệm chiến đấu và công tác ở địch hậu. Điều đó đã cổ vũ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Về phương thức "tiểu đội xây dựng", anh hoan nghênh và nhấn mạnh: Khi cần thì đại đội tập trung cũng phải có những "tiểu đội xây dựng" làm công tác dân vận, kèm cặp du kích và tăng gia sản xuất với nhân dân.

Anh rất quan tâm đến việc xây dựng đơn vị. Anh dặn phải tranh thủ huấn luyện, học tập, nhất là học tập kinh nghiệm thực tế của chiến trường để không ngừng nâng cao trình độ của bộ đội, đặc biệt là cán bộ.

Về quan hệ với bạn anh nhắc tôi về báo cáo lại với các đồng chí lãnh đạo chiến trường là phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo cán bộ Lào và Cam-pu-chia, xây dựng lực lượng cho bạn, cả lực lượng vũ trang

và lực lượng chính trị. Việc đào tạo cán bộ Lào và Cam-pu-chia là một vấn đề cơ bản mấu chốt. Có như vậy thì phong trào kháng chiến trên chiến trường mới thật sự là của bạn và mới vững chắc được. Phải tôn trọng nhân dân và cán bộ bạn, tôn trọng chủ quyền của bạn, làm cho bạn tự tin vững chắc là bản thân họ có thể tiến hành kháng chiến thắng lợi và coi đó là trách nhiệm của chính mình, còn ta chỉ giúp thôi.

Để khắc phục một phần khó khăn trong việc tiếp tế cho chiến trường xa, anh nhắc phải quan tâm hơn nữa đến việc tăng gia sản xuất trong bộ đội và cả trong nhân dân. Bộ đội cùng làm với dân, gắn sản xuất với dân vận và chiến đấu là cách làm hay, cần phát huy và mở rộng.

Ngoài ra, anh còn đề cập đến nhiều vấn đề cụ thể khác.

Nghe xong, tôi báo cáo là chờ chỉ thị bằng văn bản của Bộ tư lệnh Liên khu để lên đường. Anh liền xoa tay, vừa cười vừa nói: "Không! Không!". Chính anh là người phải viết chỉ thị đó, vì anh ở chiến trường có nhiều kinh nghiệm, có thực tiễn, qua làm việc, anh lại hiểu được ý tôi. Vì vậy anh phải viết bản chỉ thị đó thì khi về mới truyền đạt đúng và sâu sắc được. Viết xong, anh đưa anh Nguyễn Đôn - tham mưu trưởng xem rồi đưa cho tôi.

Tôi rất đỗi ngạc nhiên. Trước đó, và từ đó đến nay, tôi chưa hề thấy ai có cách làm độc đáo như thế, một cách làm rất hay.

Về chiến trường, tôi truyền đạt lại cho lãnh đạo nội dung chỉ thị và đồng thời cũng truyền đạt cả sự quan tâm, tình cảm của đồng chí Bí thư Liên khu ủy, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5 đối với chiến trường xa và phong cách làm việc của đồng chí.

Từ đó, phong trào ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia phát triển mạnh, đều và toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954 giành những thắng lợi to lớn chưa từng có, giải phóng những vùng rộng lớn ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia.

Tôi chỉ là một cán bộ chiến đấu ở một chiến trường xa của Liên khu và chỉ được tiếp xúc với anh Chánh về một mặt công tác trong cuộc chiến đấu rộng lớn của Liên khu. Tôi nghĩ, chỉ qua một số sự việc như thế cũng đủ để thấy anh Nguyễn Chánh là cán bộ chỉ đạo, chỉ huy rất toàn diện về chính trị và quân sự, có tầm nhìn chiến lược sâu rộng, nhạy cảm, sắc sảo và quyết đoán trong những tình huống khó khăn; có cách làm việc rất độc đáo, tác phong cụ thể, sâu sát phong thái ung dung, điềm đạm, có lòng thương và quan tâm đến cán bộ, đến mọi người. Đặc biệt, anh rất quan tâm đến nghĩa vụ quốc tế, đến chiến trường Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia cách xa và khó khăn.

Anh Nguyễn Chánh quả là một người tầm cỡ và phong độ của một vị tướng tài.

## NHỮNG NGÀY ĐƯỢC SỐNG VÀ LÀM VIỆC DƯỚI SỰ CHỈ HUY CỦA ANH NGUYỄN CHÁNH

*Thiếu tướng PHAN HÀM*

Năm 1945, tôi học ở Trường Thanh niên tiên tuyến tại Huế. Đây là một trường đào tạo cán bộ quân sự, do chính quyền Trần Trọng Kim tổ chức, nhưng dần dần bên trong ta đã tổ chức được cơ sở Việt Minh. Tôi là cơ sở Việt Minh trong trường, đã bắt liên lạc được với anh Lê Tự Đồng là người thay mặt Tỉnh ủy Thừa Thiên. Chúng tôi cùng các đồng chí lãnh đạo Thừa Thiên tham gia chuẩn bị và thực hiện khởi nghĩa, cướp chính quyền ở Huế, tháng Tám năm 1945.

Sau khởi nghĩa, tình hình khẩn trương ngay, các đồng chí lãnh đạo ở Huế, giao cho chúng tôi nhiệm vụ tổ chức Giải phóng quân Thừa Thiên - Huế. Tôi được cử làm Chủ tịch Giải phóng quân Thừa Thiên - Huế. Lúc này tôi được gặp anh Nguyễn Chánh, và được nghe giới thiệu anh là Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ.

Anh Chánh cho tôi biết: Việt Minh Quảng Nam đòi tôi về vì tôi xuất thân thành phần lớp trên và tôi đã học Trường Thanh niên tiên tuyến do Phan Anh thuộc chính quyền Trần Trọng Kim tổ chức trước khởi nghĩa. Anh Hồ Văn Diêm, cũng là học viên Thanh niên tiên tuyến và lúc này đang là cán bộ Giải phóng quân Thừa Thiên - Huế, cũng bị Việt Minh Quảng Ngãi gọi về. Nhưng anh Nguyễn Chánh nhất định không cho về, vẫn giữ chúng tôi lại công tác ở Huế. Quả thực, lúc đó nếu chúng tôi bị trả về tỉnh thì có thể bị nguy hiểm đến cả tính mạng.

Thái độ đó của anh Nguyễn Chánh làm chúng tôi thấy rõ trong Việt Minh cũng có người biết tôn trọng trí thức, biết dùng người, không hẹp hòi định kiến. Thái độ đó có ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng quân đội ở Huế lúc bấy giờ, vì trong lực lượng Giải phóng quân ở Huế hồi đó có khá nhiều người là trí thức, cả công chức và binh sĩ trong chính quyền cũ.

Đến tháng 10 năm 1945, tôi về Quảng Nam, xin làm công tác trong Giải phóng quân ở Quảng Nam, được giao nhiệm vụ dạy ở Trường Quân chính. Được hai khóa, đến tháng 2 năm 1946 thì được chỉ thị của anh Nguyễn Sơn rút vào Quảng Ngãi học lớp chỉ đội trưởng.

Sau này tôi mới biết trong những việc này đều có sự chỉ đạo của anh Nguyễn Chánh. Có lần anh bảo tôi: "Để cậu ở Quảng Nam không được đâu, người ta sẽ không sử dụng cậu". Vì ở đó người ta coi tôi, và cả em tôi là Phan Hạo, là trí thức "cố lớn"!

Tình hình hồi bấy giờ, cách nhìn người, cách giải quyết của anh Chánh có thể nói là rất lạ: rất thoág, bình tĩnh và có tầm nhìn xa.

Tháng 2 năm 1947, anh Chánh bố trí tôi ra làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 96 thay anh Đàm Quang Trung.

Đến tháng 2 năm 1948, tôi lại được rút về làm việc với anh Chánh ở Ban Huấn luyện Quân khu 5. Lúc này anh Chánh vẫn là Chính ủy Khu 5, nhưng đồng thời kiêm Trưởng ban Huấn luyện Quân khu 5 và Khu 6. Anh Trần Công Khanh và tôi là phó. Gọi là Ban, nhưng chúng tôi không có cơ quan gì cả, chỉ có mấy anh thư ký giúp chúng tôi. Nội dung huấn luyện cũng không được cấp trên nào chỉ định, chúng tôi phải tự vạch ra. Về quân sự, tôi lấy những nội dung dạy ở Trường Lục quân Quảng Ngãi ra chỉnh lý, soạn lại thành sách, in ra phát cho học viên dùng. Chúng tôi đã liên tục mở được nhiều lớp học chính trị, quân sự. Chính qua đây anh Chánh đã nắm được chắc hơn và hiểu rất rõ cán bộ cả Khu 5 và Khu 6, về sau sát nhập lại thành Liên khu 5...

Đến năm 1951, tôi được điều ra làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 803, đang được xây dựng lại thành Trung đoàn chủ lực mạnh của Liên khu. Lúc này Bộ có cử một số cán bộ vào Liên khu phổ biến kỹ, chiến thuật công đồn. Chúng tôi tổ chức huấn luyện cho bộ đội, đạt trình độ khá điều luyện. Sau đó đưa ra đánh trận đầu, diệt đồn Ai Nu ở Nam Tây Nguyên rất tin tưởng chiến, kỹ thuật mới nên rất háo hức

muốn được đánh tiếp. Nhưng lại được lệnh anh Chánh cho lui quân.

Chính tôi rất thắc mắc. Về gặp anh Chánh, tôi hỏi:

- Chúng tôi còn sung sức, rất tin tưởng lối đánh mới, tại sao anh lại ra lệnh dứt chiến?

Anh Chánh cười:

- Để cho các cậu "thèm". Về rút kinh nghiệm, tập thêm cho thuần thục hơn, sẽ có dịp đánh lớn.

Chúng tôi nghe lời, về tập ráo riết. Quả nhiên, những chiến dịch về sau ở Quảng Nam, ở Tây Nguyên, Trung đoàn 803 đánh công kiên rất vững, diệt gọn hàng loạt đồn kiên cố: Vân Ly, Xuân Đài, Túy Loan, Lệ Sơn, Tú Thủy, Thượng An,... trận nào cũng toàn thắng, thương vong ít.

Tôi nhận ra ở đây cách dùng quân rất hay của anh Chánh: Không dùng cho đến khi kiệt sức, không dùng non, đang lúc đơn vị háo hức thì dừng lại, để cho "thèm"...

Cuối năm 1953, anh Chánh đi họp ở Việt Bắc về, triệu tập hội nghị, phổ biến kế hoạch chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954 đưa chủ lực lên đánh lớn ở Tây Nguyên. Lúc này, địch đang tập trung quân sẽ đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5. Anh em thắc mắc vô kể: "Địch đến nhà không đánh, lại lên Tây Nguyên đi giành mấy cái rẫy bắp!". Anh Chánh bình tĩnh kiên trì giải thích và kiên quyết thực hiện triệt để kế hoạch chiến dịch đã vạch. Cuộc đấu tranh rất gay go nhưng thành công.

Sau loạt trận đánh mở màn, tiêu diệt các cứ điểm Mang Đen, Kom Rầy, Mang Bút, Trung đoàn 803 giải phóng Kon Tum, rồi lại được giao nhiệm vụ đánh đồn Đăk-đoa, là tiền đồn mạnh quan trọng án ngữ thị xã Plây-cu và tuyến phòng ngự của địch trên Đường 19.

Trận đánh diễn ra đúng đêm rằm tháng giêng ta, trăng sáng vàng vạc.

Đánh nhau trong một tiếng đồng hồ hết sức ác liệt. Anh Náo, Trưởng phòng Tác chiến từ chỉ huy sở Tiểu đoàn 365 chủ công chạy về chỉ huy sở trung đoàn chỗ chúng tôi, nằm ngay giữa chúng tôi mà hét lớn: "Chết! Chết rồi! Chết hết cả rồi! Thăng Dư, thăng Lương (tiểu đoàn trưởng và chính trị viên Tiểu đoàn 365) chết rồi! Thăng Khai (đại đội trưởng Đại đội A) cũng chết rồi!" Thực ra lúc này những anh em đó chỉ bị thương thôi. Riêng Lê Công Khai bị thương rất nặng, sáng hôm sau thì hy sinh.

Chính ủy trung đoàn, thấy tình hình nguy ngập, mà pháo địch vẫn bắn dữ dội (bộ phận làm nhiệm vụ kim chế trận địa pháo của địch không đánh được), nói với tôi:

- Tình hình này, nên rút lui, anh Hàm ạ!

Tôi chỉ nói một câu ngắn gọn:

- Anh xin ý kiến của anh Chánh đi!

Anh ấy gọi đây nói cho anh Chánh ở chỉ huy sở tác chiến, xin rút.

Anh Chánh bảo anh ấy bỏ máy xuống và gọi thăng cho tôi, hỏi:

- Thế nào?

- Cứ đánh! - Tôi trả lời.

Chấp hành mệnh lệnh của anh Chánh, chúng tôi xốc lại lực lượng, đưa đội dự bị vào, cuối cùng tiêu diệt hoàn toàn đồn Đăk-đoa.

Trong trận này, rõ ràng anh Chánh tỏ ra là một vị Tư lệnh chiến trường sắc sảo, rất kiên quyết trong những tình huống cần thiết.

Sau Đăk-đoa, anh Chánh lệnh cho Trung đoàn 803 chúng tôi vượt qua Đường 19, phát triển sâu vào phía Nam Tây Nguyên. Đây là một việc hết sức khó khăn. Tôi đi trinh sát, thấy địch đóng ken dày, bịt kín Đường 19, Binh đoàn 100 ở An Khê, Binh đoàn 42 ở Plây-cu, khó lòng đưa cả trung đoàn chủ lực qua đường mà không lộ.

Anh Chánh ngày đêm đôn đốc thúc giục chúng tôi. Sau này tôi mới biết lúc đó Điện Biên Phủ sắp nổ súng, địch đã điều Binh đoàn 15 nhảy dù ra Điện Biên. Khu 5 phải giữ kỳ được Binh đoàn 100 lại. Và cuối cùng Trung đoàn 803 cũng vượt qua được Đường 19, hình thành mũi vu hồi phía Nam Plây-cu, uy hiếp cả Buôn Ma Thuột, tạo nên thế chiến dịch mới rất đẹp phát triển xuống Nam Tây Nguyên, đồng thời góp phần phá tan âm mưu đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5.

Sự đôn đốc kiên quyết và ráo riết của anh Chánh làm tăng thêm quyết tâm của trung đoàn. Không vượt được đường ở phía Tây, chúng tôi vòng xuống phía Đông, nơi địch không ngờ, nhờ du kích của đồng chí Đinh Núp dẫn đường, cuối cùng đưa được toàn trung đoàn vượt qua đường, đi sâu vào địch hậu rồi vòng lên đánh chặn Plây-cu diệt gần 1.000 tên địch.

Trong mười ngày tháng 4 năm 1954, chúng tôi đánh liền bốn trận trên Đường 7, Nam Tây Nguyên, diệt hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn cơ giới, một tiểu đoàn Ngự Lâm quân ở Suối Cối (Phú Yên). Kế hoạch đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5 bị sụp đổ. Về trung châu, chúng tôi đánh tiếp Tuy Bình, rồi Tuy Hòa, Bàn Nham, Đèo Cả, Nam Phú Yên, giải phóng gần hết tỉnh Phú Yên.

Hiệp định Giơ-ne-vơ sắp ký, chúng tôi đã đứng ở cửa ngõ Buôn Ma Thuột, chuẩn bị đánh vào thị xã này thì được lệnh anh Chánh không cho đánh nữa. Anh viết trong điện: "Đã đến lúc đình chiến rồi (20-7) nhất định ta không để cho một giọt máu nào của chiến sĩ chảy nữa".

Trong chiến dịch 1953 - 1954, dưới sự chỉ huy sâu sát và kiên quyết của anh Chánh, Trung đoàn 803 chúng tôi cùng toàn quân Liên khu 5 hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ, giành thắng lợi rực rỡ.

Trong chương nhan đề: "Cái chết của một binh đoàn cơ động" (La mort d'un groupement mobile) của cuốn sách "Chiến tranh Đông Dương" (Guerre d'Indochine) của Bernard Fall viết về tài dùng binh của anh Chánh trong chiến dịch 1953 - 1954, ông ta hết lời ca ngợi việc điều động lực lượng ta ở Tây Nguyên (Trung đoàn 108, Trung đoàn 803, Trung đoàn 96). Tuy ông ta không gọi đích danh tên anh Chánh nhưng những người đọc, chúng tôi cũng biết ông ca ngợi hết lời người chỉ huy trực tiếp của mình.

P.H.

## ANH NGUYỄN CHÁNH ĐỐI VỚI CHIẾN TRƯỜNG XA KHÁNH HÒA

*Thiếu tướng PHAN DƯƠNG*

Sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, chúng tôi từ các xã, huyện trong tỉnh kéo lên thị xã Quảng Ngãi mít tinh. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp anh Nguyễn Chánh. Lúc bấy giờ tình hình đã rất căng thẳng: quân Pháp đã trở lại đánh chiếm Nam Bộ, rồi đánh ra cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tỉnh có chủ trương rút một số du kích tập trung từ các xã lên để thành lập các đội quân cảm tử sẵn sàng ra trận. Xã tôi lên tất cả 18 người. Trong số 18 anh em, anh Chánh chọn một số đưa về học trường quân chính lúc đó đóng tại đồn lính khố đỏ Quảng Ngãi. Tôi về trường đến ngày thứ 13 thì được lệnh anh Chánh gọi lên nhận nhiệm vụ mới. Gặp tôi, anh bảo: "Bây giờ đồng chí về làm chính trị viên đại đội cảm tử số 2. Đại đội đóng tại khu Quán Cơm, Bắc cầu Trà Khúc". Tôi bị bất ngờ nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh, nghe anh nói: "Cảm tử tức là sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, lúc cần sẵn sàng ôm bom nhảy vào địch mà tiêu diệt chúng. Tình hình hiện nay đã khẩn

trương lăm. Bọn Pháp đã đánh ra tới Buôn Ma Thuột, khả năng mặt trận Buôn Ma Thuột có thể vỡ. Đồng chí phải lên ngay Đại Lộ, gặp anh Kiên nhận súng về trang bị cho anh em và sẵn sàng hành quân ngay".

Tôi lên Đại Lộ, nhận một vác súng Múc-cơ-tông mang về trang bị cho mỗi trung đội được ba khẩu, còn lại thì toàn mã tấu và bom ba càng.

Nhận súng ngày hôm trước, ngày hôm sau chúng tôi lên xe lửa, đi vào phía Nam. Đến Quy Nhơn, gặp anh em ta đang đánh Nhật ở Quy Nhơn, chúng tôi được lệnh dừng lại, đại đội tôi xung phong vào đánh, lấy được súng, trang bị hết cho anh em. Sau đó đi tiếp vào Tuy Hòa, ở đây cũng đang đánh Nhật, chúng tôi tham gia chiến đấu hai ngày đêm. Sau trận này lại lấy được cả quần áo và giày của địch trang bị cho anh em.

Chúng tôi được lệnh lên Buôn Ma Thuột. Nhưng lên đến cầu Phượng Hoàng thì mặt trận đã vỡ, chúng tôi đánh một trận, xong lui về và được lệnh chặn địch ở Đèo Cả. Lúc này bọn Pháp đã ở Vạn Giã.

Về sau chúng tôi chuyển thành đại đội độc lập, hoạt động trong địch hậu ở Bắc Khánh Hòa.

Năm 1949 ta mở chiến dịch Trường Chinh ở Nam Khánh Hòa, anh Lư Giang là Tư lệnh chiến dịch, anh Nguyễn Quyết là Chính ủy. Tôi được chuyển từ Tiểu đoàn 121 sang làm phái viên giữ liên lạc giữa Bộ tư lệnh chiến dịch với Tỉnh ủy Khánh Hòa.

Chiến dịch không đánh được địch, ta lại bị tiêu hao lực lượng, cuối cùng hết gạo, phải rút quân.

Tôi được quyết định của quân khu làm Trưởng ban quân sự của Tỉnh ủy. Về sau được chỉ định làm quyền Tỉnh đội trưởng. Anh Bảy Hữu làm Chính trị viên tỉnh đội.

Tình hình Khánh Hòa lúc này vô cùng khó khăn. Lực lượng ta bị đẩy lên núi cao, đói, bệnh, chết. Đói đến nỗi đêm mò vào nhà dân, xin được lát sắn khô, ngâm tường như ngâm củ sắn. Tình trạng bộ đội đào ngũ và đầu hàng giặc đã xảy ra nghiêm trọng. Có thể nói đó là thời kỳ nội bộ chúng ta ở địa phương này xảy ra tiêu cực rất nhiều!

Chúng tôi được điện anh Chánh gọi đích danh tôi và anh Bảy Hữu ra báo cáo. Chúng tôi ra Phú Yên, rồi đi xe đạp từ Phú Yên ra Khu, bảy giờ đóng ở Bình Định. Hôm ấy trời mưa rất to. Chúng tôi vừa đến nơi, anh Chánh đang ngồi trong nhà trông thấy, chạy ra ôm chầm lấy chúng tôi, cởi áo mưa, lấy khăn lau mặt cho từng người. Anh bảo nấu cơm ngay cho chúng tôi ăn.

Chúng tôi là những cán bộ nhỏ, từ một chiến trường xa trở về, được anh đón tiếp thân tình thương yêu, rất cảm động.

Anh ngồi ăn cơm với chúng tôi, vừa ăn cơm vừa hỏi chuyện. Anh Bảy Hữu báo cáo tình hình phong trào sau chiến dịch. Tôi báo cáo tình hình quân sự.

Nghe xong, anh bảo: "Thôi bây giờ khuya rồi, ta tạm nghỉ đã. Anh Bảy Hữu sẽ sang nghỉ bên chỗ cơ quan Khu ủy, anh Đường sẽ sang nghỉ chỗ cơ quan tham mưu".

Trước khi đi nghỉ, anh giữ tôi lại, bảo tôi ngồi với anh thêm chút nữa, và anh hỏi thêm rất tỉ mỉ, đặc biệt về phương thức hoạt động của các lực lượng ta và về cuộc sống của anh em, về ý định sắp đến của chúng tôi trong việc kết hợp hoạt động chính trị với vũ trang như thế nào...

Nghe xong anh nói: Bây giờ mình phát biểu với câu một số ý kiến có tính chất cá nhân thôi, những ý kiến này còn phải bàn bạc nhất trí trong Thường vụ Liên khu ủy. Đây chỉ là ý kiến khêu gợi để cùng suy nghĩ... Theo mình, riêng về hoạt động của lực lượng vũ trang, các đồng chí trong đó còn nóng quá. Cho nên nặng tập trung lực lượng lại trong lúc cơ sở đang còn yếu, đánh lớn trong lúc lực lượng dân quân du kích không có gì. Tức là chưa có ba thứ quân. Khánh Hòa bây giờ có một tiểu đoàn tập trung, mỗi huyện có một đại đội bộ đội địa phương, nhưng dưới xã thì không có dân quân du kích, tức là hồng chân, nên có đánh cũng không thúc đẩy được phong trào lên. Nên nghiên cứu chuyển lại phương thức hoạt động của ba thứ quân, bộ đội phải trở lại cùng cán bộ chính trị đi xây dựng cơ sở, giành dân, giành lấy lúa gạo mà ăn đã.

Về lực lượng vũ trang, tỉnh đừng nên tập trung tiểu đoàn, chỉ nên để ba đại đội, ở Bắc Khánh Hòa một đại đội, Trung một đại đội, Nam một đại đội, nhiệm vụ là hỗ trợ cho lực lượng huyện, xã đánh những trận nhỏ, chắc ăn, nhằm gây dựng phong trào. Có cơ sở chính trị thì sẽ có tất cả, phải ghi lòng tạc dạ điều đó.

Còn một vấn đề nữa, mình chưa phát triển chính thức vì chưa báo cáo Thường vụ Khu ủy, mình chỉ phát biểu riêng với cậu để suy nghĩ: Đó là vấn đề căn cứ địa của tỉnh. Căn cứ của tỉnh hiện nay đứng ở Hòn Hèo là rất bí, bị bao vây bốn phía, nó siết chặt vòng vây thì chỉ có chết đói. Hòn Hèo là căn cứ trong lòng địch, chỉ nên để một bộ phận nhỏ ở đó, không thể để cơ quan chỉ đạo ở đó được. Hòn Hèo chỉ có mỗi đường liên lạc độc đạo với Phú Yên qua Dốc Mỏ. Địch bít Dốc Mỏ là hết đường, làm sao nuôi được hàng nghìn con người. Nên chuyển căn cứ lên Đá Bàn. Chỗ dựa của Khánh Hòa là Phú Yên<sup>1</sup>. Lên Đá Bàn thế dựa vào Phú Yên rất rộng rãi, thuận lợi. Cậu về nên đặt vấn đề với các anh trong lãnh đạo, suy nghĩ thảo luận thật kỹ. Mình đoán việc này các anh trong đó không dễ thông ngay đâu, phải phân tích cặn kẽ, thuyết phục cho ra lẽ...

Mấy hôm sau tôi trở về chiến trường. Anh Bảy Hữu ở lại, tham dự họp Thường vụ Liên khu ủy.

Tôi về đến nơi thì cũng là lúc Phú Yên đưa vào một đại đội tăng cường cho Khánh Hòa. Anh em vào, không có gì ăn, đói quá, ăn nấm, trứng phải độc, cả đại đội đều bị say nằm lăn ra hết. Lúc bấy giờ chỉ còn tôi và một đồng chí nữa còn tỉnh táo vội chạy đi hỏi đồng bào. Đồng bào bày lấy phân khô, nướng lên, cho ăn, anh em nôn ra hết, mới tỉnh lại. Lúc đó đến phân cũng khó tìm ra được. May nhờ kinh nghiệm của đồng bào bày cho, mới cứu sống

---

1. Hồi bấy giờ Phú Yên là tỉnh tự do, không bị địch chiếm.

được cả đại đội. Tôi thu xếp đưa anh em sang Hòn Hèo, vì ở đó còn được một ít gạo.

Tôi đem những ý kiến anh Chánh đã phát biểu ra thăm dò thử các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy. Quả nhiên, gặp ngay phản ứng rất quyết liệt. Các đồng chí nói: "Phương án của cậu là phương án chạy. Cơ quan Tỉnh ủy phải ở ngay trong lòng dân...".

Tôi nghĩ quả anh Chánh là người giỏi quá. Anh đã dự kiến rất đúng suy nghĩ của cán bộ trong thời cuộc lúc bấy giờ. Anh hiểu rõ các đồng chí lãnh đạo tỉnh lúc đó để căn cứ ở Hòn Hèo là sai, sa vào tử địa, nhưng không để gì từ bỏ chủ trương ấy của mình, vì sợ rằng rời Hòn Hèo lên Đá Bàn là "bỏ dân", là chạy dài, là dao động... Tâm lý con người trong thời cuộc bấy giờ là thế. Một quyết định đúng có khi bề ngoài lại có vẻ như là tháo lui, là điều mà người ta đang ở cương vị lãnh đạo khó chấp nhận.

Sau đó anh Bảy Hữu về, họp Thường vụ Tỉnh ủy, phổ biến lại những quyết định của Khu ủy. Tôi có được dự cuộc họp này.

Về việc giải tán một bộ phận lực lượng bộ đội tập trung đưa xuống xây dựng xã thôn, được hội nghị nhất trí nhanh. Nhưng đến việc rời căn cứ lên Đá Bàn thì gặp phản ứng mạnh, rất gay go. Thường vụ Tỉnh ủy không nhất trí. Vấn đề này kéo dài năm, sáu tháng trời, trong lúc địch tăng cường càn quét Hòn Hèo và xung quanh căn cứ Hòn Hèo, chà đi xát lại, phục kích và càn quét đường từ Đốc Mổ, Xuân Sơn, Vạn Ninh, các tàu thủy ngày đêm thường trực chặn đường biển tiếp tế gạo vào Hòn Hèo, ở

đồng bằng thì đồn dân, kiểm soát lúa gạo, đánh bật cán bộ cơ sở của ta ra khỏi dân.

Cơ quan lãnh đạo của tỉnh và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn.

Trước thực tiễn tình hình đó, gắn với việc thuyết phục và đấu tranh, cuối cùng Tỉnh ủy mới đi đến nhất trí chuyển toàn bộ lực lượng lên Đá Bàn.

Khi đã chuyển lên Đá Bàn, chỉ một thời gian ngắn, thế và lực thay đổi ngay. Thế đứng rất vững chắc, tiến thoái đều dễ. Việc liên lạc với Trung ương, với Khu, đặc biệt với Phú Yên là hậu phương trực tiếp rất thuận lợi. Nhân dân chung quanh đều hướng vào căn cứ địa, căn cứ địa biến thành nơi sản xuất ngô, khoai, sắn dồi dào, gần như biến thành một cái chợ lưu thông hàng hóa...

Thực hiện chỉ đạo của Liên khu, qua chỉ thị trực tiếp của anh Chánh, cơ sở chính trị trong tỉnh dần dần hồi phục và phát triển. Lực lượng vũ trang cơ động thuận lợi, chiến đấu tốt hơn, hỗ trợ được phong trào... Một thời gian, phong trào lên, địch phải co lại, Trung đoàn 803 chủ lực của Khu vào đánh ở Khánh Hòa, kết quả tốt. Bộ đội tỉnh lúc này lại tập trung thành tiểu đoàn, được trang bị tốt, các đại đội huyện cũng phát triển, trưởng thành nhanh...

Tình hình Khánh Hòa thay đổi hẳn bộ mặt. Đến khi có lệnh phối hợp với Điện Biên Phủ, trực tiếp là đánh phối hợp để phá chiến dịch At-lan-te của địch đánh ra vùng tự do Phú Yên, chúng tôi đã tập trung được bốn đại đội mạnh thành một tiểu đoàn

chủ lực của tỉnh làm quả đấm chủ yếu. Liên khu tăng cường cho chúng tôi một trung đội đặc công do đồng chí Nguyễn Cự dẫn về. Chúng tôi cho anh em dừng lại ở Đá Bàn, rút một số lực lượng nòng cốt lên để anh em huấn luyện, mở rộng ra thành một đại đội, và đưa về các đơn vị, đơn vị nào cũng có đặc công.

Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi và thắng lợi lớn nhất của Khánh Hòa. Chúng tôi dùng một lực lượng nhỏ đánh liên tục trên Đèo Cả, cắt đứt đường giao thông huyết mạch này của địch rồi diệt đồn Ninh Hòa, ở phía Nam ra tập kích diệt căn cứ Suối Dầu, đánh vào Diên Khánh và thị trấn Cam Ranh...

Trước thắng lợi liên tục đó, chúng tôi một mặt điện xin ý kiến quân khu, một mặt chuyển lực lượng đánh vào phía Nam Khánh Hòa, nhằm vào Nha Trang. Cơ quan địch vận của ta cũng đã nối được với cơ sở nội thị Nha Trang, sẵn sàng hành động. Lúc chuẩn bị lên đường chuyển quân về phía Nam thì có tin Hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký. Anh Chánh điện cho tôi và anh Bảy Hữu ra Khu nhận nhiệm vụ mới.

Quả thực hồi bấy giờ chúng tôi rất tiếc, chỉ chậm một tuần nữa thôi là rất có khả năng giải phóng cả Nha Trang. Nhưng anh Chánh rất cương quyết lệnh phải dừng lại.

Tôi được biết cũng thời gian này anh Phan Hàm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 803 đã áp sát Buôn Ma Thuột, đề nghị xin được đánh Buôn Ma Thuột. Anh Chánh trả lời dứt khoát:

- Lúc này không được để đổ thêm một giọt máu nào của chiến sĩ nữa!...

Qua việc chỉ đạo đối với Khánh Hòa, tôi nghĩ quả anh Nguyễn Chánh là một vị tướng tài, cả về chiến lược quân sự, cả về chỉ đạo chính trị, đúng đức - tài là song toàn. Anh đã chỉ ra rất chính xác, sắc sảo vấn đề Khánh Hòa là vấn đề chính trị: "Có cơ sở chính trị thì sẽ có tất cả", do đó mà từ một tình hình thật hết sức đen tối, vượt qua được hiểm nghèo, lật ngược được tình thế, và đi lên vững vàng sôi nổi.

Trong quan điểm về chiến tranh tư tưởng về căn cứ địa của anh là rất sâu sắc. Trong lúc bi đát nhất của tình hình, anh đã chỉ ra cho Khánh Hòa chia khóa để thay đổi thế, lập thế mới chính là ở chỗ giải quyết đúng vấn đề căn cứ địa. Và đi đôi đó là giải quyết đúng đắn phương thức hoạt động, tạo nên thắng lợi rực rỡ, có thể nói là gần như từ đồng tro tàn.

Sắc sảo, tinh anh, sáng tạo, nhưng anh Chánh cũng là người có tính nguyên tắc rất nghiêm. Là Bí thư Liên khu ủy, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu, những ý kiến của anh về những vấn đề quan trọng anh đều nói rõ là ý kiến cá nhân kêu gọi và được bàn bạc dân chủ nên tính thống nhất về tư tưởng và hành động rất cao trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Liên khu 5. Đạt được điều đó bởi anh là người lãnh đạo có tác phong rất dân chủ, anh hiểu cặn kẽ tâm lý, tâm tư tình cảm cán bộ, luôn thuyết phục, cảm hóa cán bộ, biết chờ đợi, không

áp đặt, để cấp dưới tự nhận ra điều đúng đắn và tự nguyện làm tốt.

Song trong những trường hợp cần thiết, anh cũng là người chỉ huy rất nghiêm khắc, như trường hợp anh thi hành kỷ luật đồng chí Chính ủy Trung đoàn 803 chần chừ không chịu vượt qua Đường 19 trong tình thế cần đưa gấp một quả đấm chủ lực mạnh vào sau lưng địch. Chính quyết định mạnh mẽ này của anh đã đưa Trung đoàn 803 vào thế trận tuyệt vời cuối chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, tạo nên thắng lợi chưa từng có trên chiến trường Tây Nguyên và cả Liên khu 5.

... Sau hòa bình, khoảng đầu năm 1957, anh Chánh đi chữa bệnh ở Trung Quốc về, có điện cho anh Nguyễn Duy Đề và tôi, lúc đó đang ở Khu 4, ra gặp anh ở Hà Nội. Bấy giờ anh đang làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ mới thành lập.

Lúc chúng tôi vừa vào nhà, anh gọi ngay chị Trinh:

- Bữa nay có khách nghe, làm bánh xèo hay làm bún bò đãi khách, tùy bà đó...

Trong bữa ăn, anh kể chuyện đi Trung Quốc, anh cười nói rất vui.

Ăn xong, anh bảo: "Thời bấy giờ bà và các con đi nghỉ đi, để anh em tôi nói chuyện".

Khi chỉ còn ba anh em ngồi với nhau, anh nói với chúng tôi, chậm rãi và giọng hơi trầm xuống: "Quân đội ta phải tiến lên chính quy, hiện đại, sắp đến sẽ phong quân hàm. Anh em ta có người sẽ nhận

cấp tướng, người nhận cấp tá. Còn mình thì mình đã xin Trung ương cho mình về nông trường<sup>1</sup> với anh em. Mình biết nhiều anh em về các nông trường còn nhiều tâm tư lắm. Mình về đó với anh em. Và khi nào Trung ương cho phép, mình xin về Nam. Khi ra đi mình đã cùng anh em hứa với đồng bào hai năm sẽ trở về, nếu không trở về được với ngọn cờ hòa bình thì nhất định phải trở về với ngọn cờ "quyết chiến, quyết thắng".

Ai ngờ đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp anh Chánh. Chỉ mấy tháng sau được tin sét đánh: anh Chánh đã mất đột ngột! Về sau, có lần tôi và anh Đề gặp nhau ở Sầm Sơn, hai anh em nhắc lại chuyện cũ, và nói với nhau: "Có lẽ cả tôi, cả anh và mọi người cũng chưa hiểu hết anh Chánh đâu...".

P.Đ.

---

1. Thời kỳ này có chủ trương giảm quân số 8 vạn quân. Một số đơn vị đã chuyển ra xây dựng các nông trường và các khu công nghiệp.

## NHỚ ANH NGUYỄN CHÁNH

*Thiếu tướng NGUYỄN THẾ LÂM*

Tháng Tám năm 1945, cách mạng thành công tại miền Trung và cố đô Huế, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Trung Bộ được kiện toàn. Anh Nguyễn Chánh từ Ba Tơ, Quảng Ngãi ra Huế nhận công tác làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ. Các anh Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu chủ trì công việc của Xứ ủy và Việt Minh Trung Bộ.

Như vậy là ngay từ ngày đầu của chính quyền cách mạng, Đảng đã giao trọng trách chỉ huy quân sự ở miền Trung đất nước cho anh Nguyễn Chánh.

Trên cương vị này, anh Nguyễn Chánh đã mau chóng tập hợp và sử dụng các cán bộ quân sự lớp du kích Ba Tơ như các anh Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn... và lớp các cựu sĩ quan của chế độ cũ để lại như các anh Phan Tử Lăng, Phùng Duy Phiên... Đặc biệt là anh đã thu hút hầu hết lớp cán bộ quân sự của Trường Thanh niên tiền tuyến do hai anh Phan Anh và Tạ Quang Bửu tổ chức dưới thời Chính phủ Trần Trọng Kim.

Anh em cán bộ của Trường Thanh niên tiên tuyến cũng như lớp cựu sĩ quan của chế độ cũ phần lớn có trình độ văn hóa tú tài, cử nhân. Anh Nguyễn Chánh đã đoàn kết tất cả lại vì sự nghiệp đại đoàn kết của Đảng nhằm giành độc lập dân tộc, chiến thắng thực dân, đế quốc. Một số việc mà anh Nguyễn Chánh giải quyết tại Huế đã để lại những ấn tượng mền phục sâu sắc trong tôi về anh, người cán bộ cách mạng lão thành, Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ.

Hồi đó anh em thanh niên tiên tuyến đã chủ động bầu ra Ban Giải phóng quân Huế bên cạnh Ủy ban quân sự tỉnh Thừa Thiên do anh Lê Tự Đồng làm Ủy trưởng. Anh Phan Hàm và Cao Văn Khánh được bầu làm Chủ tịch và Phó chủ tịch của Ban. Anh em trong Ban đã tranh thủ thời gian tổ chức và huấn luyện được trên 20 trung đội, đa số là học sinh, công chức đang có mặt tại Huế. Sau đợt công tác với anh Nguyễn Đình và sau chuyến đi bảo vệ đồng chí Tố Hữu ra Hà Nội gặp Trung ương trở về, các anh yêu cầu tôi bàn bạc với các anh trong Ban Giải phóng quân nhằm thống nhất chỉ đạo quân sự vào Ủy ban quân sự tỉnh, giải thể Ban Giải phóng quân.

Tôi đã đưa anh Chánh đến gặp tất cả cán bộ thanh niên tiên tuyến. Trong cuộc họp này, anh Chánh đã biểu dương tinh thần tích cực, chủ động và thành tích của Ban Giải phóng quân trong việc huấn luyện tốt hàng chục trung đội, đã có một số trung đội xung phong Nam tiến (trung đội anh Đoàn Huyền, trung đội anh Phan Hạo...), Tây tiến (trung đội anh Đặng

Văn Việt, trung đội anh Lê Thiệu Huy...). Đức tính nghiêm khắc, lấy đường lối chính sách làm nguyên tắc để giáo dục, tính khiêm tốn của anh đã thuyết phục được anh em trong Ban Giải phóng quân. Với phong cách này anh đã cảm hóa được đông đảo tầng lớp cán bộ cũ, mới, công nông, trí thức tham gia cách mạng tại Huế.

Khi bắt đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, anh về Quảng Ngãi làm việc bên cạnh đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh và tiếp tục tập hợp được một đội ngũ cán bộ quân sự đông đảo và mạnh trong Khu và Liên khu 5. Số cán bộ từ thanh niên tiền tuyến tại Huế được anh mạnh dạn sử dụng. Anh đã đưa anh Cao Văn Khánh về làm Khu trưởng Khu 5, khi anh làm Chính ủy. Những anh em khác đều được bổ nhiệm làm cán bộ tiểu đoàn trở lên. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, một bộ phận lớn đội ngũ cán bộ và chiến sĩ trong đoàn quân Nam tiến chống Pháp (từ 9-1945 đến 19-12-1945) đã tham gia hoạt động ở miền Nam Trung Bộ (tức Liên khu 5 cũ), chỉ một bộ phận nhỏ vào được Nam Bộ tham gia kháng chiến. Đội ngũ này gồm gần đủ các thành phần các dân tộc khác nhau, Liên khu 5 đã bồi dưỡng thành công lớp cán bộ này trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Trước hết là nhờ có sự lãnh đạo của Liên khu ủy 5, có sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương tại Liên khu, nhưng phải nói vai trò của anh Nguyễn Chánh rất quan trọng trong thành tích này.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, ra Hà Nội, nhiệm vụ đầu tiên anh được giao là Chính ủy kiêm Tư lệnh Binh chủng Pháo binh (binh chủng đầu tiên của quân đội ta). Lúc đó, hai anh Lê Thiết Hùng và Phạm Ngọc Mậu làm Tham mưu trưởng và Chủ nhiệm chính trị. Tôi về công tác cạnh anh với cương vị Tham mưu phó binh chủng. Anh chưa kịp về làm việc với chúng tôi thì đã nhận quyết định mới, làm Phó Tổng tham mưu trưởng rồi sau đó là Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Những trọng trách đã giao cho anh Chánh chứng tỏ anh được Trung ương đánh giá cao về khả năng tổ chức xây dựng đội ngũ cán bộ theo đường lối của Đảng.

Thời gian tôi được công tác lâu nhất với anh là ở Bộ tư lệnh Liên khu 5. Trong thời gian này, ba năm tôi được giao quyền Tư lệnh Liên khu, còn anh Chánh là Thượng vụ Liên khu ủy 5 làm Chính ủy Bộ tư lệnh Liên khu. Chúng tôi (các anh Quang Trung, Trần Lương và tôi...) thường gọi anh Chánh là "Chính ủy của chúng tôi" một cách triu mến. Đội ngũ cán bộ cao cấp của Liên khu lúc bấy giờ cũng khá mạnh, gồm các anh: Nguyễn Quyết, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Bá Phát, Lư Giang, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Chí Diễm, Giáp Văn Cương... đang phụ trách các trung đoàn trong Liên khu.

Miền Nam Trung Bộ là một địa bàn chiến lược quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ở đây có Tây Nguyên là một vùng căn cứ rất quan trọng, có biên giới với hai nước bạn Lào, Cam-pu-chia và có các hải cảng Cam Ranh, Đà Nẵng...

Liên khu 5 lúc đó giữ được một vùng tự do rộng lớn gồm gần bốn tỉnh đồng bằng (Nam Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) được xây dựng thành một hậu phương lớn cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Chiến trường Liên khu 5 đã phối hợp đặc lực với chiến trường chính miền Bắc trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, đặc biệt là với chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Liên khu 5 đã giữ vững đường liên lạc chiến lược Bắc Nam cho cuộc kháng chiến của Nam Bộ và giúp đỡ cách mạng hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Anh Nguyễn Chánh với cương vị Bí thư Liên khu ủy, đứng đầu Bộ tư lệnh Liên khu 5, nắm rất vững nhiệm vụ quân sự trong chiến tranh nhân dân nêu trong các nghị quyết Trung ương Đảng và trong các mệnh lệnh và chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, và chính anh đã bồi dưỡng những vấn đề cơ bản đó cho chúng tôi.

Trong hoạt động thực tiễn, anh vận dụng đường lối, chỉ thị kháng chiến của Trung ương vào địa phương một cách sáng tạo. Rất nghiêm túc, chặt chẽ và nguyên tắc khi chấp hành chỉ thị của Trung ương, anh luôn động viên, khuyến khích những biện pháp sáng tạo của cấp dưới. Trong chỉ đạo, anh đã giúp chúng tôi nắm đường lối và chỉ thị về chiến lược của Trung ương bằng những chỉ thị đúng đắn và sắc bén. Trong các hội nghị quân chính của Liên khu hoặc khi trực tiếp làm việc với cấp dưới ở trung đoàn, tỉnh đội, anh Chánh không chỉ làm nhiệm vụ của Chính ủy mà còn thể hiện được vai trò chỉ huy chiến lược trong Liên khu.

Hồi đó, anh Chánh đã cương quyết yêu cầu các tỉnh phải bằng mọi khả năng phát triển chiến tranh du kích trong vùng địch hậu chú trọng xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương ở khắp các vùng của liên khu. Đồng thời, anh quyết tâm xây dựng lực lượng chủ lực mạnh, phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu tác chiến của liên khu. Chính trong vấn đề này, vai trò chỉ đạo chiến lược của anh có tác dụng quyết định. Vì lúc đầu, vấn đề xây dựng lực lượng chủ lực cho liên khu chưa được hoàn toàn nhất trí trong nội bộ lãnh đạo Liên khu và giữa Liên khu với các tỉnh. Anh đã thuyết phục kiên trì, trên quan điểm chiến tranh nhân dân, không để thiên lệch về hướng rút lực lượng các tỉnh lên Liên khu xây dựng bộ đội chủ lực quá sớm... Đồng thời anh kiên quyết phê phán tư tưởng du kích đơn thuần. Về điểm này, anh Trần Lương, trước khi vào nghỉ ở thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có tâm sự và khẳng định với chúng tôi: Một vài anh em lãnh đạo ở Nam Bộ cũng có tâm sự: Tại sao trong kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ chỉ có một tiểu đoàn chủ lực mạnh là Tiểu đoàn 307, trong khi đó Liên khu 5 lại xây dựng được mấy trung đoàn chủ lực mạnh? Anh Chánh đóng vai trò quan trọng trong xây dựng lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ và thể hiện tài năng chỉ huy chiến dịch, đặc biệt là trong chiến cục Đông - Xuân 1953 - 1954.

Thành tích của Liên khu 5 trong kháng chiến chống thực dân Pháp là thành tích của quân dân miền Nam Trung Bộ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ

Liên khu 5, của Bác Hồ và Trung ương, trong đó có tài thao lược và đạo đức của anh Chánh, người anh cả của lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ.

Nhắc lại vài sự kiện thời kỳ này, tôi muốn khẳng định tài năng quân sự cấp chiến lược của anh Chánh đã được thể hiện ngay từ đầu, chứ không phải đến lúc Trung ương giao cho anh nhiệm vụ Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5 vào những năm cuối cuộc kháng chiến chống Pháp hay lúc được giao nhiệm vụ Chính ủy kiêm Tư lệnh pháo binh.

Suy nghĩ và nhớ lại về một giai đoạn lịch sử hào hùng của quân dân Liên khu 5, chúng ta càng thương nhớ anh Nguyễn Chánh là một trong những người ở bậc đàn anh xuất sắc của quân đội, của Đảng, đã ra đi quá sớm.

N.T.L.



Một số đồng chí tham gia cao trào cách mạng 1936-1939 ở Quảng Ngãi. Từ phải sang trái là các đồng chí: Nguyễn Chánh (Thường vụ ủy ban), Bà Nhon, Nguyễn Công Phương, Nguyễn Cát, Trần Công...



Liên khu 5 năm 1948. Từ trái sang phải là các đồng chí:

- Hàng thứ nhất: Nguyễn Chánh, Tạ Xuân Thu, Lê Đức Thọ,  
Lê Hiến Mai, Trương Quang Giao.

- Hàng thứ hai: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Dôn, Nguyễn Thế Lâm,...



Đảng ủy chiến dịch Thu - Đông 1949 đang họp bàn lãnh đạo tác chiến. Từ trái sang phải là các đồng chí: Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Văn Linh...



Đoàn đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 (1951) chụp ảnh với Bác Hồ tại chiến khu Việt Bắc. Người đứng đầu hàng là đồng chí Nguyễn Chánh, từ phải sang trái.



Một số đồng chí trong Tổng Quân ủy.  
Từ phải sang trái là các đồng chí: Nguyễn Chánh,  
Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Hoàng Anh



Các đồng chí Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch Trần Hưng Đạo  
(tháng 12-1950). Từ phải sang trái là các đồng chí: Võ Nguyên  
Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Nguyễn Chánh, Trần Hưng



Đồng chí Nguyễn Chánh (người chống gậy, đội mũ cát-két) ra sát mặt trận để chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên, 1953-1954.



Lễ mừng chiến thắng tại Liên khu 5. Người đứng bên phải là đồng chí Nguyễn Chánh, tiếp theo là đồng chí Nguyễn Đôn.



Đồng chí Nguyễn  
Chánh đứng trên  
deck tàu Ba Lụa  
chuyến quân tập kết  
ra Bắc, hẹn ngày trở  
lại quê hương.



Đã dãi ký niệm Quốc khánh ngày 2-9-1957 tại quảng trường Ba  
Đình, Hà Nội. Từ trái sang phải, người đứng thứ hai là đồng chí  
Nguyễn Chánh



Tiền đưa đồng chí Nguyễn Chánh sau truy điệu (9-1957) :  
Cầu lạc bộ quân nhân Hoàng Diệu, Hà Nội



Đại tướng Võ Nguyên Giáp  
chào vĩnh biệt đồng chí Nguyễn Chánh (9-1957)

## NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG SAO QUÊN ĐƯỢC VỀ ANH NGUYỄN CHÁNH

LÊ VĂN HIỀN

*Nguyên Ủy viên Trung ương,  
Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận*

Tôi viết những dòng trân trọng để được nói lên vài kỷ niệm không sao quên được và lòng thành kính đối với anh Nguyễn Chánh, người anh cả của lực lượng vũ trang nhân dân Liên khu 5, người lãnh đạo Đảng bộ nhân dân và lực lượng vũ trang Liên khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Là lớp người trưởng thành, sau Cách mạng tháng Tám thành công, tháng 1 năm 1946, lần đầu tôi chỉ được gặp anh rất ngắn ngủi trước khi vào công tác trong vùng địch tạm chiếm.

Năm 1950, là thành viên trong đoàn đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 đi dự Đại hội Đảng lần thứ 2, tôi đi từ cực Nam ra, nhưng đến Liên khu thì đoàn đã đi rồi. Đến Việt Bắc tôi mới được nhập đoàn.

Sau khi dự hội nghị tổng kết chiến dịch Biên giới, đoàn phân tán, một số đi làm việc ở Bộ Quốc phòng, một số đi dự hội nghị Chính phủ, một số

Ơi dự hội nghị dân vận Trung ương. Gần ngày Đại hội, đoàn mới tập trung lại. Những ngày ở đây tôi mới được sống gần anh Nguyễn Chánh. Đoàn đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 do anh, lúc ấy là Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy, Chính ủy Bộ tư lệnh Liên khu, dẫn đầu.

Đại hội họp vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Để góp phần làm cho những ngày Tết ở Đại hội được vui vẻ tưng bừng, anh bàn với đoàn tổ chức múa Lân chúc tết Bác Hồ, công kênh Bác đi khắp khu Đại hội chúc Tết các đoàn đại biểu các khu, các cơ quan Trung ương, các đơn vị phục vụ... Múa Lân thì phải có trống, nhưng cả khu Đại hội chỉ có một cái trống ở đơn vị bảo vệ, nhưng chiều 30 Tết, đoàn đại biểu Nam Bộ đã mượn đưa về nhà ở của đoàn, chuẩn bị để sáng mừng một Tết tổ chức múa Lân. Làm sao lấy được cái trống đó đem về nhà ở của đoàn mình một cách êm lặng là việc khó. Theo sự điều khiển của anh, chúng tôi đã lấy được cái trống lặng lẽ đem về nhà ở của đoàn mình. Thắng lợi được một bước, nhưng điều khó thứ hai là làm sao biết chắc lúc nào Bác thức dậy tập thể dục để đoàn kéo đến chúc mừng Bác và xin được công kênh Bác. Trinh sát đã nắm được tin, đúng kế hoạch, sáng mừng một Tết lúc Bác vừa thức dậy bắt đầu tập thể dục, theo hiệu lệnh của anh Chánh, đoàn chạy đến vây quanh Bác. Anh Chánh thay mặt Đảng bộ và quân dân Liên khu 5 chúc Bác mạnh khỏe sống lâu để lãnh đạo đồng bào cả nước đưa cuộc kháng chiến thắng lợi hoàn toàn. Anh vừa dứt lời thì cùng với nụ cười rất

đẹp của Bác, tiếng trống múa Lân vang lên. Đồng chí Tố và tôi, người ít tuổi nhất trong đoàn, đã được phân công, bước lên xin công kênh Bác. Chúng tôi sung sướng kiệu Bác lên vai đi vòng quanh khắp khu vực Đại hội theo tiếng trống dập dồn. Lúc ấy những tia nắng đầu xuân của núi rừng Việt Bắc vừa chiếu rọi, và tiếng chim hót ríu ran quanh các mái nhà sàn, nhiều đại biểu vừa thức dậy chạy ùa ra...

Trong liên hoan mừng Xuân, anh Chánh và đồng chí Đoàn Trọng Truyền lên hát Bội. Đồng chí Trương Chính Hàn làm thầy tuồng núp dưới bụi gỗ. Anh Chánh hát giọng Quảng khá điêu luyện, có sức hấp dẫn, diễn tả thành công một đoạn tuồng cổ dân tộc về sự tích nhân dân đoàn kết chống ngoại xâm với ý chí "quyết đánh, quyết thắng". Tiếng hát của anh quện trong tiếng nhị réo rất xúc động mạnh cho người nghe. Nhưng đáng tiếc là ở đoạn gần kết thúc, đồng chí Đoàn Trọng Truyền quên lời, thầy tuồng nhắc không nghe được nên đồng chí lúng túng. Bác cười và khen rồi thưởng cho đồng chí Đoàn Trọng Truyền một quả bí đỏ (bí rợ) khá to. Bác nhìn anh Nguyễn Chánh và chúng tôi âu yếm nói, đại ý: Cùng với đồng bào miền Nam thành đồng Tổ quốc, đồng bào Nam Trung Bộ xa Trung ương, chiến đấu trong những điều kiện vô cùng gian khổ. Cách mạng tháng Tám thành công, đồng bào hưởng độc lập tự do chưa được mấy đã phải đem xương máu ra giành giữ nền độc lập tự do của Tổ quốc. Bằng một hình ảnh dễ hiểu, Bác dùng câu ca dao ai cũng nhớ, cũng thuộc, "Nay tuy châu chấu đá voi, nhưng mai voi sẽ bị lời

ruột ra" để chỉ cho chúng tôi thấy rõ thế ta, thế địch và làm sáng tỏ niềm tin vững chắc vào cuộc kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi.

Được sống gần anh Chánh trong những ngày Đại hội, dù thời gian ngắn, nhưng anh đã cho tôi những bài học không sao quên được về tác phong nhanh nhẹn, sắc sảo, mưu trí, vui vẻ, gần gũi anh em, thông minh, quyết đoán.

Sau Đại hội, tôi ở trong số phải về lại chiến trường trước. Đầu tháng 2 năm 1954, sau khi học chính Đảng khóa 3 do Trung ương mở tại Liên khu 5, tôi được gọi lên Sở chỉ huy của Bộ chỉ huy chiến dịch Bắc Tây Nguyên gặp anh Chánh để nhận nhiệm vụ, trước khi về lại cực Nam. Anh phân tích thế địch, thế ta trên cả nước, trên chiến trường Liên khu 5 và dự kiến sắp đến, từ đó anh cho ý kiến về nhiệm vụ và hướng hoạt động của chiến trường cực Nam. Anh dặn tôi về báo cáo với anh Nguyễn Côn, Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy, Bí thư Ban cán sự cực Nam, phải nắm vững thời cơ, động viên mọi nỗ lực, dốc sức tiến công địch mạnh mẽ giành nhiều thắng lợi, phối hợp với chiến trường chính của Liên khu và chiến dịch Điện Biên Phủ.

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của anh, tháng 5 năm 1954, Ban cán sự cực Nam chỉ đạo quân dân Bình Thuận mở đợt tiến công quét sạch hệ thống đồn bốt giặc từ sông Quao đến Gia Bát, La Dày, Suối Kiệt, Tánh Linh, Di Linh, Đa Kai,... quân dân Ninh Thuận tiến công tiêu diệt các đồn Hoài Trung, Phước Thiện, Phước An, Trường Sanh, Hữu Đức, Cà Ná,

An Xuân, Bình Nghĩa, Ninh Chữ, Mỹ An,... mở vùng giải phóng rộng, liên hoàn từ đồng bằng Bình Thuận, Ninh Thuận lên đến miền núi Di Linh, Tân Linh, Tây Bắc Ái... góp phần đáng kể vào thắng lợi chung, buộc kẻ thù phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, tôi được phân công ở lại chiến trường. Năm 1957, chúng tôi vô cùng sửng sốt và đau buồn khi được tin anh tử trần tại Hà Nội. Anh là một cán bộ có tài, có đức, đã có những đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5. Đang độ tuổi bốn mươi, còn nhiều sức bật, anh mất sớm là một thiệt thòi cho Đảng, quân đội và nhân dân ta.

Tháng 9 năm 1960, trong dịp ra dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, tôi đã viếng mộ anh, đốt một nén hương viếng anh với lòng kính trọng và thương tiếc khôn cùng.

L.V.H.

**ANH NGUYỄN CHÁNH -  
MỘT BỘ ÓC SÁNG TẠO,  
MỘT TÁM LÒNG RỘNG MỞ**

*Đại tá TRẦN CHÍ CƯỜNG*

Tôi có may mắn, ngay từ những năm đầu của cuộc đời quân ngũ, đã gặp được người lãnh đạo và chỉ huy tài đức tuyệt vời. Đó là anh Nguyễn Chánh, người đã có ảnh hưởng quyết định đến sự trưởng thành và tiến bộ của tôi và đã để lại trong tôi những dấu ấn mãi mãi không phai.

Nhưng sự đời thật trở trêu, càng may mắn phần khởi bao nhiêu thì càng đau xót phiền muộn bấy nhiêu. Anh vĩnh biệt chúng ta quá sớm, và chúng ta vĩnh viễn mất anh quá đột ngột.

Tưởng nhớ đến anh, tôi ghi lại những cảm nhận về những ấn tượng qua những tháng ngày bên anh. Và trong dòng suy ngẫm ấy, tôi tiếc thương anh khôn cùng.

*Anh Nguyễn Chánh - một bộ óc sáng tạo, một nhà hoạt động thực tiễn lỗi lạc*

Tuy vốn văn hóa ít ỏi học ở trường làng và chỉ được bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin tại các

óp do các tù chính trị tổ chức trong các nhà tù tế quốc, song với lòng ham say học tập, nghiên cứu và được tôi luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, anh Chánh đã trở thành một nhà lý luận uyên thâm, một nhà hoạt động thực tiễn tài ba. Nhưng điều tôi cảm nhận sâu sắc ở anh không chỉ là về phần lý luận, mà chính là sự nhạy bén, sắc sảo của anh trước những vấn đề thực tiễn của chiến tranh cách mạng, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, những vấn đề chiến lược, nghệ thuật chiến dịch, chiến thuật, kỹ thuật trong cuộc đấu tranh ấy. Nói là vận dụng lý luận vào thực tiễn thì cũng chưa hoàn toàn đúng, vì trong những năm đầu kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược, Liên khu 5 nằm trong vòng vây bốn mặt của quân thù, ai xa sự chỉ viện về các mặt của Trung ương, tài liệu lý luận hầu như không có, những vấn đề lý luận chưa được tiếp thu, thì lấy đâu ra lý luận mà kết hợp, mà vận dụng... Hơn nữa, có một số chủ trương, nghị quyết rất quan trọng của Trung ương cũng chưa được chuyển đến nơi. Trong điều kiện như vậy, anh Nguyễn Chánh, cũng như bao đồng chí lãnh đạo khác, phải tự mò mẫm trong thực tiễn đấu tranh, biết rút ra những vấn đề có tính lý luận, xây dựng thành những nguyên tắc để chỉ đạo những hoạt động thực tiễn,... rồi dần dần tìm chân lý. Đặc biệt anh Nguyễn Chánh làm việc này với bộ óc sáng tạo đến mức tuyệt vời và rất tự tin. Nhờ đó các giải pháp của anh đều đúng trước những tình huống gay gắt nhất và trong thời cơ quyết định, làm xoay chuyển tình thế.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), thoát khỏi nhà lao Thừa Phủ (Huế) về Quảng Ngãi, được bổ sung vào Tỉnh ủy lâm thời và được giao nhiệm vụ tăng cường lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ, anh đã sớm có mặt tại chiến khu.

Sau khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), theo chủ trương của lãnh đạo, Đội du kích Ba Tơ rút ra lưu động trên rừng núi miền Tây Quảng Ngãi để xây dựng căn cứ du kích, phát triển lực lượng và chiến đấu... Lúc này Đội du kích lâm vào tình thế khó khăn hầu như bế tắc, anh em đau ốm ngày càng nhiều, không những không phát triển được lực lượng mà ngược lại, quân số càng bớt đi, sức chiến đấu giảm sút, lại còn bị quân thù o ép ở núi rừng. Trong tình thế bức bách ấy, sau khi lên chiến khu được mấy ngày, qua nghiên cứu mọi mặt, anh đã kiến nghị: Không để Đội du kích tiếp tục "*trường chinh*" trên núi rừng, mà phải chuyển lực lượng về trung châu xây dựng căn cứ trong lòng dân, dựa vào dân, bám vào dân để xây dựng phát triển và chiến đấu. Đây là một phát kiến đầy sáng tạo, có tính lý luận rất sâu sắc. Qua thắng lợi oanh liệt của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống xâm lược trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay, phát kiến nói trên của anh Nguyễn Chánh đã được thực tiễn kiểm chứng và trở thành chân lý, một phương châm hành động trong xây dựng và chiến thắng hết sức oanh liệt của quân và dân Việt Nam. Một điều hết sức kỳ lạ, rất đáng ngạc nhiên là trong điều kiện hết sức hạn chế

và khó khăn trong những ngày đầu của Đội du kích mà đã nhìn thấy và khẳng định được vấn đề chiến lược cơ bản đầy sáng tạo, nhuần nhuyễn quan điểm thực tiễn đến như vậy, thật là kỳ lạ.

Trong xây dựng và phát triển Đội du kích cũng như trong toàn bộ hoạt động của mình trong những năm tiếp sau, anh luôn nắm vững quan điểm thực tiễn, lấy thực tiễn Việt Nam làm thước đo chân lý, lấy thực tiễn để kiểm tra, chủ trương và hành động của mình. Dựa vào thực tiễn, nắm vững thực tiễn nên anh rất sáng tạo trên mọi lĩnh vực. Phải có một tình thương yêu đồng đội và một quan điểm quần chúng sâu sắc, lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh của quần chúng, mới dám chủ trương quyết đoán táo bạo đến như thế. Anh tin rằng dựa vào dân thì dù quân Nhật và bộ máy tay sai có hung ác đến đâu, Đội du kích vẫn phát triển và chiến thắng. Biết bám dân, dựa vào phong trào chính trị vốn có truyền thống của tỉnh nhà, dù địa bàn có hẹp, không có núi rừng che chở, thì đã có lòng dân và lòng đất (hàm hố...) che chở. Còn nếu cứ tránh địch, lên núi cao, không bám đồng bằng thì làm sao tạo được cao trào chính trị, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Anh Chánh chủ trương bám dân, bám đất, địch yếu, địch mạnh ta đều đánh; địch tiến, địch nghỉ ta đều đánh, nhưng phải có cách đánh phù hợp, phải tiến công, bám địch mà đánh. Điều này hoàn toàn khác với những quan điểm chiến tranh du kích của nước ngoài đã lu nhập vào Việt Nam trong những năm đầu của thập kỷ 40.

Khi nêu lên những dòng chảy tâm đắc này, tôi chợt nghĩ rằng, cũng là con Hồng cháu Lạc, không ít người đã từng lăn lộn và tẩm mình trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng số người có đầu óc sáng suốt, nhìn xa trông rộng chỉ khi đấu tranh kiên cường cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc được như anh Nguyễn Chánh không nhiều.

Ngày nay, sau hơn 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong hòa bình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta đã hình thành đường lối chính trị, đường lối quân sự, nghệ thuật quân sự Việt Nam với những nét độc đáo mà sợi chỉ đỏ xuyên suốt là lấy dân làm gốc, dựa vào sức mạnh tổng hợp của quần chúng. Đó là công trình của hàng triệu người, của toàn Đảng và toàn dân, của những bộ óc khoa học... Ta rất đỗi tự hào là anh Nguyễn Chánh của chúng ta đã có vị trí xứng đáng trong đó và ngay từ buổi đầu của cách mạng Việt Nam.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, anh được Đảng và Chính phủ giao cho nhiều trọng trách. Trong những cương vị lãnh đạo và chỉ huy của mình, quan điểm thực tiễn của anh luôn được hoàn thiện đầy sáng tạo không chỉ ở lĩnh vực chính trị, quân sự mà cả trong giáo dục và đào tạo.

Tôi còn nhớ rất rõ vào năm 1947, ở gần làng anh có tổ chức một lớp học cho chính trị viên đại đội do anh trực tiếp chỉ đạo và bồi dưỡng. Anh Chánh xác định nội dung học tập và vận dụng phương pháp dạy học hoàn toàn khác những lớp trước đây. Trước

đó, tôi cũng đã được dự các lớp bồi dưỡng do anh Phạm Văn Đồng và anh Nguyễn Duy Trinh trực tiếp lên lớp. Anh Đồng bồi dưỡng về chính phong, gồm: học phong, văn phong, Dảng phong; còn anh Trinh về lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, về các kế hoạch 5 năm của Liên Xô. Anh Nguyễn Chánh không đi vào những vấn đề có tính kinh điển lý luận sâu xa, anh chỉ đi vào những vấn đề sát sườn mà người chính trị viên gặp phải và phải giải quyết hàng ngày trong lãnh đạo đơn vị. Ví như: tác phong, đạo đức của người lãnh đạo cần có là gì? Quan niệm về công tác giáo dục chính trị là gì? Tại sao phải trường kỳ kháng chiến?... Còn về phương pháp thì anh dùng cách giảng bài theo kiểu nêu vấn đề để chúng tôi thảo luận, tranh luận rồi anh mới kết luận. Bằng cách này, anh đã làm cho lớp học sôi nổi hẳn lên, làm cho mọi người phải tìm tòi suy nghĩ một cách chủ động và sáng tạo, tránh tiếp thu một cách thụ động. Phương pháp đó đã giúp cho người học tiếp thu vấn đề sâu, tự tin hơn, dễ nhớ và khi về đơn vị vận dụng không mấy khó khăn. Dự lớp học đó có một số anh em đã có bằng tú tài hoặc cử nhân ở các trường của thực dân Pháp nên đã tranh luận rất sôi nổi về phương pháp của anh Chánh. Nhiều ý kiến khác nhau... Tôi cũng suy nghĩ và trăn trở mãi để tìm câu giải đáp. Mãi gần đây, tôi có nghiên cứu một số tài liệu về khoa học giáo dục và đào tạo hiện đại, có đề cập đến vấn đề giảng bài theo phương pháp "đối thoại" chứ không phải "độc thoại" như trước đây; giảng bài theo phương pháp "nêu vấn đề", khơi động trong người

học sự tư duy chủ động, sáng tạo, v.v. tôi càng ngạc nhiên đến kỳ lạ. Tôi tự hỏi, lúc đó những vấn đề phương pháp như thế này chưa hề được nghe thấy, mà sao một người ít học như anh Chánh đã nhìn thấy và vận dụng đến nhuần nhuyễn như vậy? Phải chăng, từ thực tiễn sinh động, anh đã nhìn thấy rõ và đã rút ra được một số vấn đề rất cơ bản của khoa học giáo dục, đào tạo!

Cũng chuyện về các lớp học, nay kể lại nghĩ mà buồn cười. Chả là lúc đó, các chính trị viên trước khi vào Đảng đều được học về lịch sử xã hội loài người, về duy vật biện chứng... Nhưng ở các đơn vị tổ chức giảng dạy chính trị cho chiến sĩ, chính trị viên lên lớp lại bỏ nguyên xi điều mình đã học để giảng cho chiến sĩ: nào là nguồn gốc loài người là từ con khỉ vượn, v.v. nên đã gây ra tranh cãi tại sao có loài khỉ không thành người được mà hầu như không giải đáp được. Nắm được thông tin này, anh Chánh đến phân tích, phê phán rất hóm hỉnh cách giáo dục theo kiểu giáo điều đó và đã đề ra yêu cầu dạy và học, cách lên lớp, nội dung và phương pháp giảng dạy. Anh nói rất thiết thực và có tính thuyết phục cao. Đến bây giờ, những điều anh nói từ ngày ấy vẫn còn nguyên ý nghĩa trong khoa học giáo dục.

Về quân sự, anh xem xét và giải quyết vấn đề rất biện chứng và phù hợp với thực tiễn. Vào cuối tháng 2 năm 1947, sau hơn một tháng bị ta vây hãm trong thành phố Đà Nẵng, nhưng vẫn được tiếp viện nên địch có âm mưu phá vòng vây tiến công ta. Biết

được ý đồ đó, anh Chánh đã mời một số sĩ quan Nhật, như Đông Hưng, Thống, Tâm... đi khảo sát mặt trận để góp ý kiến về kế hoạch phòng thủ đánh bại cuộc tiến công của chúng. Sau khi khảo sát, các "*chuyên gia*" theo đúng bài bản quân sự của họ đã đề ra yêu cầu: muốn đánh bại cuộc tiến công của địch, cần phải có ưu thế hơn địch về nhiều mặt (số lượng các binh đội, vũ khí, đạn dược, phương tiện cơ động, bảo đảm, v.v.). Với khả năng của ta bấy giờ, đào đâu ra cái ưu thế đó! Anh Chánh cảm ơn các "*chuyên gia*" và mời họ về nghỉ. Anh tìm ra cách đánh phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của ta và đã hoàn thành nhiệm vụ.

Tư duy quân sự thể hiện tài chỉ huy chiến đấu của anh mà đỉnh cao trong chiến cuộc Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954: phá tan kế hoạch At-lan-te của địch; chủ động mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên, tránh đương đầu với chủ lực mạnh của địch ở đồng bằng Liên khu 5; phát huy thế mạnh của ta; bắt địch đánh theo cách đánh của ta... Anh đã chấp hành rất nghiêm, kịp thời và vận dụng đầy sáng tạo nghị quyết của Trung ương và mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng về quan điểm thực tiễn trong nghệ thuật tác chiến và chỉ huy quân đội ở Liên khu 5. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh của tập thể, với bộ óc thông minh, sáng tạo, anh đã cùng tập thể lãnh đạo và chỉ huy đã đưa quân và dân Liên khu 5 giành nhiều thắng lợi vang dội, hoàn thành vượt mức nhiệm vụ trên giao trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954, giành chiến thắng to lớn thứ hai sau chiến thắng Điện Biên Phủ.

### *Anh Nguyễn Chánh - một tấm lòng rộng mở*

Dấu ấn luôn đậm mãi trong lời mỗi khi nhắc đến tấm lòng rộng mở của anh; tình thương yêu với đồng chí, đồng đội, nhất là đối với cấp dưới của anh.

Trong những năm chống thực dân Pháp, Liên khu 5 - Nam Trung Bộ là hình ảnh của chiến trường toàn quốc thu nhỏ, là cái nôi nuôi dưỡng và xây dựng lực lượng tại chỗ của Liên khu là nơi tập kết lực lượng Nam tiến: từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào, các đơn vị từ Nam Bộ ra, từ Đông-Bắc Cam-pu-chia và Hạ Lào về, v.v. Nhưng toàn chiến trường, tất cả lực lượng đều đoàn kết như con một nhà, không hề có sự phân biệt: địa phương hay chủ lực; cán bộ tại chỗ hay cán bộ của các chiến trường khác đến... Với tấm lòng rộng mở, anh Chánh hết mực chăm sóc thương yêu, tất cả cán bộ, chiến sĩ từ các nơi về "tự nghĩa". Anh coi đó là nghĩa vụ, là trách nhiệm, là tình cảm của Liên khu 5 đối với toàn quốc và quốc tế. Anh đặc biệt chú trọng sử dụng, phát huy hết mức tài năng của cán bộ trí thức của các sĩ quan do Pháp, Nhật đào tạo, các cán bộ trưởng thành từ các nguồn và các địa phương khác nhau, không phân biệt đối xử. Đối với cán bộ và chiến sĩ, chỉ một lần gặp và làm việc là anh đã nhớ ngay, hiểu tỉ mỉ về đời tư, về gia đình, quê hương bản quán cũng như quá trình công tác và trưởng thành của từng người...

Năm 1956, khi chữa bệnh ở Trung Quốc, anh không quên ghé thăm anh em cán bộ trung cao cấp đang học ở Học viện Nam Kinh. Và chính anh với

sự thông cảm sâu sắc hơn ai hết, đã thấu hiểu và đồng cảm với nguyện vọng của anh em nên đã đề xuất với Quân ủy Trung ương cho anh em được về phép một lần trong 4, 5 năm học ở nước ngoài.

Sau mỗi lần phê bình giúp đỡ các đồng chí có khuyết điểm, lúc nào anh cũng nhắc cấp lãnh đạo và chỉ huy của đồng chí đó là phải chăm lo động viên đừng để đồng chí đó bị quan, mà phải phấn đấu tiến bộ...

T.C.C.

**ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH,  
MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ,  
QUÂN SỰ CÓ TÀI, CÓ ĐỨC**

*NGUYỄN VĂN MINH*

*Nguyên Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy 5*

Đồng chí Nguyễn Chánh sinh ra trong lòng nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống đấu tranh kiên cường chống áp bức bóc lột, chống bọn phản động địa phương và bọn đế quốc xâm lược. Đồng chí đã sớm tiếp thụ được truyền thống quý báu đó.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng chí có những đóng góp quan trọng về xây dựng Đảng, về xây dựng lực lượng vũ trang, bộ đội chính quy và dân quân du kích.

Khi có công việc cần bàn bạc, thảo luận với các đồng chí cấp trên, các đồng chí đồng cấp, các đồng chí cấp dưới, đồng chí Nguyễn Chánh đều tập trung tư tưởng nghe kỹ càng, trao đổi chu đáo, chín chắn và thành khẩn tiếp thu có chọn lọc những ý kiến mà đồng chí cho là đúng.

Đồng chí Nguyễn Chánh sống giản dị: bữa cơm đạm bạc, áo quần bình thường, không có gì cách biệt.

với bộ đội với nhân dân. Đồng chí nghiêm khắc đối với bản thân và cũng nghiêm khắc đối với những hành vi vô nguyên tắc, vô kỷ luật của bất kỳ ai.

Bao quát lại, đồng chí Nguyễn Chánh là một cán bộ lãnh đạo chính trị, quân sự có tài, có đức, xứng đáng với sự quan tâm của Bác Hồ và các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp khi được ra Việt Bắc dự Đại hội II của Đảng.

Tiếc rằng đồng chí vĩnh biệt chúng ta quá sớm, ở tuổi 43, tuổi đang trưởng thành về nhiều mặt.

N.V.M.

## MỘT GIỜ VỚI ANH NGUYỄN CHÁNH ỦY TRƯỞNG QUỐC PHÒNG TRUNG BỘ

*Đại tá PHAN HẠO*

Năm 1945, tôi có học Trường Thanh niên tiên tuyến tại Huế, sau đó tham gia khởi nghĩa tháng Tám, rồi tham gia Giải phóng quân ở đây. Lúc đó kháng chiến ở Nam Bộ đã bùng nổ, chúng tôi sẵn sàng Nam tiến. Tôi làm trung đội trưởng Trung đội 1 Giải phóng quân. Một hôm chúng tôi được lệnh các trung đội trưởng Trung đội 1 và Trung đội 3 lên gặp anh Nguyễn Chánh làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ trước khi lên đường vào Nam Bộ. Tôi chưa từng gặp anh Chánh nhưng đã có nghe nói về anh, biết anh là một người cách mạng hăng hái, đã hoạt động từ năm 16 tuổi và từng ở tù Buôn Ma Thuột.

Đúng giờ hẹn, tôi đến Tòa khám sứ Huế rồi đưa vào phòng làm việc của Ủy trưởng Quốc phòng. Tôi thấy anh Chánh người thấp, mặc bộ ka-ki vàng, áo cộc tay, quần soóc mà Ban Chấp hành Giải phóng quân Thuận Hóa đã lấy trong kho quân nhu của Bảo An binh tặng anh. Đợi một lát, không thấy trung đội trưởng Trung đội 3 đến, anh đề nghị cứ làm

việc ngay với tôi trước. Anh hỏi tôi về tình hình Trung đội 1, công việc chuẩn bị Nam tiến ra sao. Tôi báo cáo: Thực ra thì sự chuẩn bị về vật chất chả có gì, ngoài cây súng với 16 viên đạn cho mỗi chiến sĩ, riêng trung đội trưởng thì được trang bị một khẩu cac-bin với hai băng đạn. Anh em chỉ được phát một túi vải dày lấy từ kho quân nhu của lính khố xanh, khố vàng; tiền nong mỗi người chỉ có vài chục đồng bạc Đông Dương. Còn về chuẩn bị tinh thần thì quá đơn giản: anh em ai cũng háo hức vào Nam đánh Pháp rồi duyệt binh giữa Sài Gòn...

Anh Chánh nghiêm túc nói: Chuyến này anh em được Nam tiến, đó là một vinh dự lớn. Tinh thần hăng hái rất cao, đó là một thuận lợi. Súng đạn còn ít, đó là lẽ cố nhiên, ta sẽ lấy súng đạn của địch trang bị cho mình... Ngừng một lát anh hỏi tiếp: Nhưng cần phải xem kỹ đây có phải là sự bông bột của thanh niên trong cao trào cách mạng còn thiếu sự suy nghĩ chín chắn, cần nhắc thực lực hai bên, và hướng phát triển sau này không?

Tôi chăm chú lắng nghe. Anh Chánh cười, rồi nói chậm rãi, ân cần: Kỳ này thực dân Pháp được đế quốc Anh giúp đỡ sẽ sử dụng quân Nhật thua trận để xâm lược lại miền Nam. Ngoài này từ Đà Nẵng, tức vĩ tuyến 16, trở ra thì quân Tàu Tưởng Giới Thạch sẽ vào tước vũ khí quân Nhật, nhân cơ hội đó sẽ quấy rối ta. Bọn Pháp có vũ khí hiện đại, lại có cơ sở nguy quyền, nguy quân cũ, sẽ lập lại khố đỏ, khố xanh như trước, liên kết với bọn Việt gian thân Pháp, ta không nên coi thường. Đừng lửa

rom bông bột kiểu tiểu tư sản học sinh, dễ hăng hái mà cũng dễ xẹp. Cuộc đấu tranh sẽ khó khăn, gian khổ, lâu dài. Có thể ta sẽ phải rút khỏi các thành phố, phải lập các căn cứ ở rừng núi, phát động đồng bào ở nông thôn, thành thị các tầng lớp nhân dân làm vườn không nhà trống, tiêu thổ kháng chiến, đánh lâu dài. Anh giải thích cho anh em rõ để họ biết cái khó khăn có thể có mà bền chí kháng chiến lâu dài.

Trước khi gặp anh Chánh, tôi cũng biết quân mình còn quá yếu về trình độ kỹ thuật quân sự và trang bị, đã lờ mờ thấy khó, nhưng ngọn lửa bông bột trong người thanh niên, sinh viên 25 tuổi quá lớn, lại thêm việc bắt 6 tên sĩ quan Pháp nhảy dù xuống Hiền Sĩ quá dễ, khí thế hừng hực cách mạng trong những ngày đầu khởi nghĩa ở Huế làm cho tôi ước mơ sẽ nhanh chóng đập tan bọn Pháp ở Sài Gòn, rồi duyệt binh, chứ chưa bao giờ tính đến chuyện sẽ phải rút vào rừng núi.

Nghe anh Chánh nói, tôi hiểu ra sự non nớt của chúng tôi và quả tôi không ngờ lãnh đạo lại nói rõ khó khăn cho anh em trước khi lên đường. Lời nói thực của anh Chánh, vừa là của người lãnh đạo nghiêm khắc, vừa chân tình như một người anh, quả là cách động viên hay nhất đối với chúng tôi bấy giờ. Chính điều đó đã giúp chúng tôi kiên định, vững vàng vượt qua được những khó khăn, hiểm nghèo. Sau trận đánh ở cầu Bình Lợi, chúng tôi bị quân Nhật chiếm Biên Hòa, Thủ Đức chặn sau lưng. Trung đội 1 của tôi phải nhờ đồng bào địa phương đưa đường, đi tắt qua

các rừng cao su rộng lớn, tránh đường cái lớn, vòng qua phía Bắc Biên Hòa - Xuân Lộc để rút về Phan Thiết, Bình Thuận...

Những điều anh Chánh căn dặn tôi hồi ấy - khi cuộc chiến tranh của chúng ta mới bắt đầu - nay nghĩ lại, anh đã sớm chỉ ra rất rõ, rất đúng con đường chúng ta đi suốt cả một giai đoạn dài lịch sử. Nhờ có đồng chí Ủy trưởng Quốc phòng ngày ấy, tôi hiểu ra sự lãnh đạo của Đảng thật sáng suốt, biết nhìn xa, trông rộng từ đầu...

P.H.

## NHỚ LẠI VÙNG TỰ DO LIÊN KHU 5 THỬ ẤY

NGUYỄN MINH VÍ (Tên Thật Vĩ)  
*Nguyễn Chánh Văn phòng Liên khu ủy 5*

Là một cán bộ hoạt động từ đầu đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Liên khu 5 (lúc ấy bao gồm từ Quảng Nam đến Bình Thuận và cả Đông - Bắc Cam-pu-chia, Hạ Lào). Cứ mỗi lần ôn lại những điều tâm đắc của mình trong cuộc kháng chiến đó, tôi lại nghĩ tới hình ảnh về vùng tự do Liên khu 5. Ôi, sao mà nó nên thơ và đáng tự hào làm vậy! Cuộc sống về vật chất thì chưa dư dả gì: cơm có khi còn thiếu ăn, áo có khi còn thiếu mặc, trên đầu còn có máy bay địch quần đảo, dòm ngó sẵn sàng bắn súng, ném bom... Ấy vậy mà sống ngày nào cảm thấy sướng ngày đó; trong lòng lúc nào cũng phấp phới, cũng lâng lâng như cờ được gió vậy. Cái gì tạo nên niềm phấn khởi đó? Ấy chính là quan hệ mới giữa người và người; cuộc sống của cả xã hội được tổ chức một cách hợp lý và năng động, khiến mọi người đều được làm và làm được việc, ai cũng thấy giá trị của mình. Tôi cứ nghĩ mãi không

biết cách tổ chức xã hội kiểu đó là theo mô hình gì? Nhưng dù gì đi nữa thì nó cũng đã tồn tại suốt cuộc kháng chiến một cách vững vàng... Tôi cho rằng người đầu tiên xây dựng hình hài cho vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú là đồng chí Phạm Văn Đồng. Trước hết, ông lo đào tạo cán bộ bằng cách cho xây dựng trường "*Trung học bình dân*" và bắt buộc cán bộ mỗi người phải đi học trong 2 năm. Ông làm gắng chuyện này lắm, ai coi thường việc học hành, không thấy việc học là cơ sở thiết yếu để làm việc thì ông nạt thật sự. Đào tạo được nhiều cán bộ, ông coi là điều căn bản để có thể đi vào vận động nhân dân thực hiện những công việc to lớn khác xây dựng vùng tự do. Bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên lúc đó có hơn hai triệu dân, có vùng rừng núi hiểm trở, nhiều tài nguyên, có đồng bằng tuy hẹp nhưng trù phú... Đó là điều kiện quá đủ để xây dựng một vùng làm căn cứ kháng chiến, từ đó có thể đánh địch ở Tây Nguyên, ở Nam Trung Bộ, ở Hạ Lào. Vấn đề là phải tổ chức được nhân dân để nhân lên sức mạnh xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội. Phải làm cho dân ở đây được yên ổn vững vàng về đời sống thì họ mới theo, mới có sức để kháng chiến. Nhân dân đã được tổ chức để xây dựng hàng chục công trình thủy lợi, có thể là lớn nhất trong các vùng tự do lúc đó: kênh Bầu Súng ở Mộ Đức xuyên qua gần 1000 mét núi đá ong; các kênh Sơn Tịnh, kênh Phú Sơn, đập ngăn mặn Tuy Phước... tươi tiêu cho hàng chục nghìn héc-ta lúa. Khẩu hiệu "*Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa*",

chính là được ra đời vào những năm nhân dân Liên khu 5 xây dựng thủy lợi quyết liệt ấy. Trong khi đó, Liên khu ủy phát động phong trào "*Toàn dân canh tác*", đã động viên được mọi người già, trẻ, lớn, bé thi đua thực hiện chỉ tiêu trồng 10 mét vuông rau xanh, 10 cây dâu, 10 cây bông, nuôi 1 con gà, v.v. Có cây dâu, cây bông là nghề dệt vải, dệt lụa phát triển được, hơn một vạn khung dệt thủ công và hàng trăm khung dệt của xí nghiệp Việt Thắng đã dệt ra được bình quân cho mỗi người dân hai mét vải. Ấy là mới đến năm 1949, sau đó còn nhiều hơn. Các ngành nghề cung cấp hàng tiêu dùng khác cũng được mở mang, làm giấy, nấu xà phòng, làm đồ gốm, đồ thủy tinh...

Đặc biệt thú vị là vùng tự do Liên khu 5 giữ được tuyến đường sắt hoạt động từ cuối năm 1946 đến hết kháng chiến với chiều dài trên 300 cây số từ An Tân đến La Hai; các tuyến đường bộ cũng được khôi phục và hoạt động thông suốt.

Về tài chính, Khu 5 đã phát hành được tín phiếu đủ tín nhiệm để lưu hành trong khắp vùng tự do, đã góp phần quan trọng làm ổn định được nền sản xuất. Tín phiếu còn được sử dụng ở cả một số vùng địch kiểm soát. Nhân dân còn được tổ chức lại để tham gia phong trào "*diệt dốt*" sôi nổi; chỉ sau chưa đầy ba năm, giặc dốt đã bị diệt cả trong những người lớn không còn tuổi đi học phổ thông lẫn lứa tuổi học sinh. Trong kháng chiến mà học sinh đi học cấp 2 và 3 ở đây tăng nhanh gấp 40 lần so với thời Pháp thuộc! Phong trào văn nghệ dân gian: tuồng

chèo, bài chòi Liên khu 5... nhân dân phục vụ bộ đội, bộ đội phục vụ nhân dân nở rộ khắp vùng... Phải nói rằng, mô hình vùng tự do đẹp đẽ ấy đã cơ bản được hình thành thời kỳ đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Nguyễn Duy Trinh còn trụ ở đây. Đến đầu năm 1949 anh Đồng ra Việt Bắc, rồi anh Trinh cũng đi tiếp. Từ năm 1950 bắt đầu "*triều đại*" Nguyễn Chánh. Phải nói việc thừa kế anh Đồng, anh Trinh là những người đã nổi tiếng tài giỏi, mà lại nhận một lúc cả hai vai, thực là một gánh nặng đối với anh Chánh. Huống chi, "*càng gần thắng lợi càng nhiều gian nan*" là quy luật chung của kháng chiến. Anh Chánh sẽ làm ăn ra sao trước mắt người dân vùng tự do? Nhân dân Liên khu 5 vốn rất anh hùng, rất tuyệt nhưng không phải họ dễ dàng "*chịu*" một người đứng đầu mà họ cho là không được như ông Đồng, ông Trinh, nhất là người dân vùng tự do đã được hưởng tinh thần dân chủ mấy năm qua. Chiến tranh càng kéo dài, tâm tư, tình cảm con người thường dễ diễn biến, từ lạc quan, tin tưởng đến bi quan chán nản. Vì vậy, chỉ một việc duy trì được không khí hăng say sôi nổi trong nhân dân cũng đã là một nhiệm vụ nặng nề khó khăn rồi. Vậy mà, trong thời gian mấy năm về cuối, anh Chánh một mình gánh trách nhiệm vừa là Bí thư Liên khu ủy, lại là Tư lệnh kiêm Chính ủy Bộ đội Khu 5, anh đã kế thừa xuất sắc những người tiền nhiệm. Đối với vùng tự do, anh rất có uy tín, không những duy trì mọi mặt mà còn đẩy mạnh làm cho vùng này phát triển lên một bước mới. Nói là "*một mình*" nhưng thực ra anh

Chánh không bao giờ một mình làm việc gì. Anh cùng Liên khu ủy, Ủy ban, Mặt trận luôn huy động tất cả trí tuệ của đội ngũ cán bộ. Anh Bùi San lúc đó là phó của anh Chánh nhưng lại là người thâm niên cách mạng hơn, đã từng hoạt động hải ngoại ở Long Châu thời Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, cũng như nhiều cán bộ khác đều cảm thấy thoải mái cùng anh đóng góp trí tuệ vào công việc chung. Riêng bản thân tôi lúc đó làm Chánh văn phòng, là ủy viên thường trực Ủy ban kháng chiến hành chánh Liên khu, tuổi đời và đường học vấn có hơn anh chút ít, gia đình xuất thân là phong kiến thực sự Tôn Thất, thế mà khi làm việc với anh thấy rất hợp, rất thoải mái, có lúc tôi tưởng như tôi với anh có cái "*duyên tiền định*" nào để hợp tác với nhau ăn ý thế. Theo tôi, anh Chánh sở dĩ tập hợp được trí tuệ của nhiều người vì anh có phong cách tuyệt vời của người đứng đầu: rất chịu nghe, biết phân tích giải bày cho quần chúng biết... cười. Nụ cười của anh Chánh thật là cởi mở, thoải mái đáng tin, nó rất có sức lay động lòng người, nụ cười đó "*khắc phục*" cho anh cái vẻ bên ngoài gầy gò khắc khổ, nó làm cho mọi người nhanh chóng cảm nhận được tấm lòng trung hậu thật thà của anh. Riêng tôi thì tôi nói, anh Chánh cười thật dễ thương biết bao!... Để bảo vệ tốt được vùng tự do, anh Chánh thường nhấn mạnh biện pháp tăng cường hoạt động vũ trang vùng sau lưng địch, để chúng lo giữ vùng sau lưng, khó tập trung phá vùng tự do. Anh đã phái cán bộ giỏi đi xây dựng cơ sở ở vùng địch, đặc biệt là ở

Tây Nguyên, Đông - Bắc Cam-pu-chia, Hạ Lào. Tất cả cán bộ trước khi đi, anh đều trực tiếp gặp để trao đổi rất cụ thể về công việc và cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho họ phát huy trí tuệ của mình và hoạt động. Anh luôn nhắc nhở các đoàn đi xây dựng cơ sở ở Tây Nguyên, Đông - Bắc Cam-pu-chia, Hạ Lào rằng: đến đâu cũng phải lo làm sao cho đồng bào bớt đói, đau, lụt, rách. Có lo tổ chức cuộc sống cho thiết thực, cho đồng bào có sức khỏe thì mới có thể cùng bộ đội và du kích quấy rối, phá hoại, gây khó khăn bất ổn cho địch và rừng núi mới thực sự là nơi che chở cho bộ đội, cán bộ, mới là nơi ta thực sự làm chủ.

Anh đã nhiều lần tự mình đi khắp nơi tìm hiểu tình hình và động viên các tầng lớp nhân dân đóng góp công sức bảo vệ và xây dựng vùng tự do. Tôi còn giữ được tấm ảnh anh Chánh trao tặng phẩm biểu dương một cụ bà là dân quân gương mẫu chụp vào năm 1950 để động viên phong trào "*Toàn dân đánh giặc*". Đó là một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng lúc bấy giờ. Liên khu 5 ngày đó không chỉ có vùng tự do lớn Nam - Ngãi - Bình - Phú mà dân dân ở các tỉnh khác đều có những vùng tự do riêng của mình. Các vùng tự do nhỏ đó cũng được tổ chức tương tự như vùng tự do lớn về các mặt đời sống, sản xuất, chiến đấu. Nhờ có sức người, sức của vùng căn cứ đó mà đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, với sự chi viện rất hạn chế từ Trung ương, quân và dân Liên khu 5 đã làm nên chiến thắng của chiến dịch lịch sử Bắc Tây Nguyên phối hợp

đắc lực với chiến dịch Điện Biên Phủ và nếu không vì phục tùng đại cục thì hành dinh chiến, thì Khu 5 đã có thể tự lực giải phóng hoàn toàn...

Sau khi có Hiệp định Giơ-ne-vơ, người dân vùng tự do Liên khu 5 phải chia tay với bộ đội, cán bộ cách mạng đi tập kết, hầu như là chia tay với cách mạng, với kháng chiến. Đó thật là cuộc chia tay như chưa từng có, nhân dân đau buồn, vì phải chia tay với cán bộ và bộ đội, nhưng có lẽ đau buồn đến không thể tả nổi là phải chia tay với cuộc sống tự do tươi đẹp mà họ đã từng được sống, nó khác nhiều với tình cảnh người dân ở căn cứ địa Việt Bắc chia tay với Chính phủ Cụ Hồ.

Hôm nay, có dịp ôn lại những kỷ niệm về anh Nguyễn Chánh mà sao tôi lại nói nhiều về vùng tự do Liên khu 5 như vậy? Phải chăng ở cái tuổi tám mươi này tôi hơi lẩm cẩm? Không đâu, trong ý tưởng của tôi, vùng tự do luôn gắn liền với anh Chánh. Và tôi yêu, tôi nhớ vùng tự do Liên khu 5 ngày ấy ra sao thì tôi yêu, tôi nhớ anh Nguyễn Chánh như vậy. Tôi chỉ tiếc rằng mình không đủ sức viết thật hay, thật rõ về công lao của anh, uy tín của anh đối với nhân dân vùng tự do lúc đó mà thôi.

N.M.V.

## MƯỜI NĂM GẶP GỠ VÀ CÔNG TÁC VỚI ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH

NGUYỄN CHÍNH GIAO

*Nguyên Phó bí thư Quân khu ủy 5*

Mùa thu năm 1944, từ các nhà tù ở Lào về, tôi gặp đồng chí Nguyễn Chánh tại trại an trí Phú Bài, Thừa Thiên. Thói thường, tù cũ thường chủ động lân la bắt chuyện với tù mới đến trại, để làm quen tìm thêm bạn và moi tin tức mới. Đặc biệt lúc này tình hình đất nước và thế giới đang độ sôi động cao.

Sau nhiều lần bắt chuyện và biết tôi bị bắt từ đầu 1939, một hôm đồng chí Chánh lại đến nằm với tôi và hỏi: "Anh biết gì về bọn Nhật và nghĩ gì về Nhật Bản?". Đó là một câu hỏi mà nhiều anh em tù ở Vinh và Hà Tĩnh đã đặt ra với tôi lúc tôi bị chuyển qua những nơi đó. Cũng như đã nói với các bạn khác, tôi trả lời đồng chí Chánh đại khái rằng, phong trào cách mạng vô sản thế giới đang phát triển mạnh, trục phát-xít Đức - Ý - Nhật đã gây chiến tranh thế giới, tiến công Liên Xô, nhưng chúng sẽ thất bại. Hiện nay, Hồng quân Liên Xô đang đẩy quân Đức trở về sào huyệt của chúng, phát-xít Đức

cũng sẽ thất bại. Ý, Đức thất bại thì Nhật cũng không trụ nổi. Nhưng trước khi bị gục, chúng sẽ nắm chặt Đông Dương để lập khu phòng thủ rộng chống quân đồng minh. Nhật chiếm hẳn Đông Dương thì chúng sẽ dùng mọi thủ đoạn tàn bạo để khuất phục nhân dân, tiêu diệt cộng sản... Đồng chí Chánh lắng nghe và gật gù tỏ vẻ tán đồng với những suy nghĩ của tôi, nhưng lại đặt ra câu hỏi mới: "Thế thì chúng ta phải làm gì?". Tôi không trả lời đồng chí câu hỏi đó, vì chính mình chưa tự giải đáp được...

Sau buổi trò chuyện đó, chúng tôi thường tìm gặp nhau đàm đạo về thời cuộc cho đến đầu năm 1945, đồng chí bị cách ly về nhà tù Huế.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, quân Pháp gây hấn ở Sài Gòn và đánh lan ra nhiều tỉnh. Đảng và Chính phủ đưa quân ở miền Bắc vào tham gia chiến đấu với đồng bào miền Nam. Sau Hà Nội và Huế, Hà Tĩnh cũng tổ chức đưa quân Nam tiến. Tôi được Tỉnh ủy Hà Tĩnh giao nhiệm vụ chỉ đạo đơn vị đầu tiên của Hà Tĩnh vào Nam chiến đấu. Vào đến Quảng Ngãi, tôi được gặp lại đồng chí Nguyễn Chánh trên cương vị là Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ.

Sáng ngày 23 tháng 10, tôi dẫn đơn vị đến sân đồn khố đồ cũ, là nơi có Sở chỉ huy tiền phương của Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ đóng, để trình diện và nhận chỉ thị công tác. Đồng chí Nguyễn Chánh từ trên lầu, nhận ra tôi trước, đã lật đật chạy xuống, ôm chầm lấy tôi, hai tay quàng ra sau, vỗ vỗ vào lưng tôi và cất tiếng chào thân mật như ngày nào

ở với nhau trong nhà tù: "Ông Cầu hả, ông vào đây hay quá". Tôi chỉ mới kịp nói lời chào đồng chí thì đồng chí Chánh đã kéo tôi dẫn lên lầu, ấn tôi ngồi xuống ghế rồi lách sang ngồi xuống bên cạnh và nói luôn: "Đọc thư của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, tôi ngờ ngờ, không biết có phải ông Cầu Phú Bài không, té ra là ông thật! Thế nào, ở Phú Bài ra ông đi đâu, làm gì mà nay lại đưa quân vào đây, sao quân ít thế?".

Tôi kể sơ lược cho đồng chí nghe đã sớm bắt được liên lạc, được Trung ương giao công tác sang Thái Lan, hoàn thành tốt nhiệm vụ, được về dự Quốc dân Đại hội và sau đó xin về hoạt động ở tỉnh nhà, đang phụ trách lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh thì được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ đưa bộ đội Nam tiến. Tỉnh ủy nghĩ là ở Việt Bắc về, chắc tôi biết nhiều về quân sự, nên bảo tôi dẫn quân và cử làm chính trị viên. Đây là phân đội đi đầu làm tiền trạm, tỉnh đang tổ chức đưa những phân đội khác vào tiếp.

Đồng chí cười vui và nói: "Hiện nay tình hình đã có sự phát triển mới. Quân Pháp đã lấn ra chặn đường ta ở Khánh Hòa. Chúng dùng cả quân Nhật để chiếm đóng thành phố Nha Trang và có thể đưa một bộ phận quân Nhật ở đó ra tăng cường cho bọn ở Quy Nhơn, làm điểm tựa để lấn ra chiếm Quy Nhơn. Anh và đơn vị không vào Nam nữa mà ở lại hoạt động ở tuyến ngoài. Anh sẽ đưa đơn vị vào nhập với lực lượng ở Quy Nhơn, gồm có hai bộ phận của Bình Định và Quảng Ngãi, sẽ biên chế thành một đại đội nằm trong chi đội Phan Đình Phùng ở Bình Định. Lấy ban chỉ huy phân đội Hà Tĩnh làm ban

chỉ huy đại đội và anh làm chính trị viên, thay thế anh Phan Phong, phụ trách chung việc trấn thủ thành phố cảng, anh Phong bàn giao công việc xong sẽ trở ra Quảng Ngãi làm việc khác.

Nghe những chỉ thị trên, tôi cho là chưa thỏa đáng nên xin phát biểu: Việc đơn vị chúng tôi ở lại hoạt động ở tuyến ngoài và nhập chung với lực lượng ở Quy Nhơn, tôi không có ý kiến gì. Riêng việc lấy ban chỉ huy phân đội Hà Tĩnh làm ban chỉ huy đại đội chỉ huy toàn bộ lực lượng ở Quy Nhơn... Và việc lấy tôi thay anh Phan Phong ngay, thì đề nghị cân nhắc thêm. Bản thân tôi mới nhập ngũ chưa được một tuần, chỉ mới làm quen với anh em trong phân đội trên đường hành quân vào đây. Các anh phân đội trưởng và phó đều là đội và cai khố xanh cũ, mới được lấy vào. Sợ rằng tôi sẽ không làm được nhiệm vụ này. Đề nghị cứ để anh Phong ở lại và lấy cán bộ trong đó làm ban chỉ huy chung. Chúng tôi sẽ hết sức cộng tác với họ. Nếu thấy thật cần thay đổi thì nên để sau sẽ làm.

Đồng chí Nguyễn Chánh ngắt lời tôi và nói tiếp: Ở đây có vấn đề tế nhị là làm sao đoàn kết bộ đội, đoàn kết bộ đội với chính quyền, đoàn thể và nhân dân tại chỗ thì mới làm tốt việc phòng thủ thành phố. Tôi và các anh ở ban chỉ huy chi đội đã bàn kỹ. Ngày mai, trên đường xuống Quy Nhơn, các anh sẽ ghé lại trình diện với ban chỉ huy chi đội ở thành Bình Định, họ sẽ phân công người đi cùng các anh xuống giới thiệu với anh em ở Quy Nhơn.

Nói đến đó, đồng chí đứng dậy, siết chặt tay chào tôi, rồi đi thẳng vào buồng giấy với nụ cười thân mật, có vẻ hài lòng. Tôi không còn cơ hội để nói gì thêm, đành phải trở xuống với đơn vị đang chờ đợi.

Chúng tôi đến thành phố cảng Quy Nhơn giữa không khí trầm lặng của một nơi mà các bộ phận bộ đội còn rời rạc chưa có cơ quan chỉ huy chung, chính quyền và tổ chức Việt Minh chưa có đầu mối phối hợp hoạt động, dân chúng hồ hởi nhưng chưa biết bắt tay làm việc gì trước... Tuy nhiên, với khí thế của Tổng khởi nghĩa mới thành công, lòng phấn nộ của dân chúng đối với sự gây hấn của quân Pháp ở Nam Bộ và với sự nỗ lực chung của các lực lượng, công việc bố phòng thành phố ngày càng được tiến hành khá vững, đồng thời ta đã ngăn được bọn Nhật định đổ vào Quy Nhơn và tiêu diệt bộ phận của chúng đã đóng ở đây từ trước, giữ vững thành phố cảng trong tuyến phòng thủ chung của miền Nam - Trung Bộ.

Sáu tháng làm nhiệm vụ bố phòng Quy Nhơn, tôi càng thấy rõ quyết định của đồng chí Nguyễn Chánh giao việc này cho mình là xác đáng và tôi đã làm tốt nhiệm vụ được giao. Tháng 4 năm 1946, tôi nhận được thư khen ngợi của đồng chí Chánh cùng với quyết định mới cử tôi đi làm chính trị viên một chi đội mới hình thành, đang bắt đầu xây dựng ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum...

Lần thứ ba vào đầu năm 1947, tôi được đồng chí Nguyễn Chánh giao nhiệm vụ mới. Tôi đang giữ

chức Chính ủy Trung đoàn 94 đóng ở Bình Định thì được điện khẩn của đồng chí Chánh triệu tập về nhận công tác mới ở Khu. Trao cho tôi quyết định của Bộ chỉ huy Khu 5, đồng chí Nguyễn Chánh nói: Theo chỉ thị của Bộ và Tổng Quân ủy về phân định ranh giới Khu 5 và về tình hình hiện nay, ta phải tranh thủ thời gian củng cố và tăng cường lực lượng, bảo vệ vùng tự do và đẩy mạnh hoạt động vào vùng sau lưng địch. Phải đẩy mạnh công tác rèn cán chính quân, đẩy mạnh công tác chính trị trong bộ đội mà linh hồn là công tác xây dựng Đảng trên cả hai về phát triển và củng cố. Đồng chí là một đảng viên nhiều tuổi nhất trong bộ đội Khu 5 hiện nay. Bộ chỉ huy Khu quyết định điều động đồng chí về giữ chức Trưởng phòng Chính trị Khu để cùng nhau làm tốt nhiệm vụ được giao. Khác với bên tham mưu và quân nhu, ngành công tác chính trị hiện nay chưa có bộ máy tổ chức. Tổ chức bộ máy phòng Chính trị như thế nào, đồng chí cứ nghiên cứu đi rồi chúng ta sẽ bàn. Tổ chức bộ máy của phòng ở Khu rồi, còn tổ chức các ban chính trị ở các trung đoàn, tiếp theo còn phải xác định chức trách và nội dung công tác của cán bộ chính trị ở tiểu đoàn để cho các trung đoàn tìm người bố trí. Công tác trọng tâm quan trọng trước hết là mở lớp đào tạo chính trị viên đại đội và cán bộ công tác ở phòng, ở các ban chính trị và cán bộ chính trị ở tiểu đoàn. Đồng thời với việc chỉ định nhân sự Bộ tư lệnh Khu, Tổng Quân ủy cũng đã phê duyệt nhân sự Quân ủy khu, gồm có tôi làm Bí thư, đồng chí làm Phó bí thư và đồng

chí Nguyễn Đôn làm ủy viên. Chúng ta cần theo dõi việc cử các trung đoàn ủy và cùng với họ chỉ định các tiểu đoàn ủy, đồng thời thúc đẩy việc phát triển đảng viên mới để thành lập các chi bộ đảng ở các đại đội. Công tác chính trị và công tác xây dựng đảng ở các đại đội là khâu mấu chốt nhất để đẩy mạnh phong trào luyện quân lập công ở Khu và cũng là nhiệm vụ trung tâm của Khu ta hiện nay...

Tôi thật sự bàng hoàng trước khối lượng công việc đặt ra với mình, nhưng cũng vững tâm nhận gánh vác và tin tưởng vào sự hướng dẫn giúp đỡ của đồng chí Chính ủy Nguyễn Chánh. Quả thật hơn một năm rưỡi trên cương vị công tác mới dưới sự chỉ đạo gần gũi của đồng chí Nguyễn Chánh, tôi đã làm được khá nhiều việc, góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua lập công ở các đơn vị và ngành công tác chính trị trong Khu lên một bước.

Vào cuối hè 1948, một sự kiện mới đã diễn ra: một đơn vị Liên quân Lào Việt được Chính phủ Lào độc lập gửi sang yêu cầu chính quyền ta ở miền Nam Trung Bộ giúp đỡ xây dựng khu kháng chiến Hạ Lào. Thế là nhiệm vụ quốc tế cụ thể đã đặt ra với quần dân và Đảng bộ Liên khu 5. Là Trưởng phòng Chính trị, tôi được giao trách nhiệm tổ chức đón tiếp đội liên quân và giúp đồng chí Phạm Văn Đồng, lúc này là đại diện Trung ương và Chính phủ ở miền Nam, tiếp xúc làm việc với bạn.

Theo chỉ thị của Trung ương, miền Nam Trung Bộ được giao nhiệm vụ vừa phải củng cố vùng tự do và đẩy mạnh hoạt động ở các vùng địch hậu trên

lãnh thổ của mình, vừa phải ra sức giúp đỡ cách mạng bạn ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia.

Một chủ trương mới do đồng chí Phạm Văn Đồng đề ra được Trung ương và Tổng Quân ủy tán thành là lập cơ quan chuyên trách công tác phối hợp giúp đỡ Hạ Lào. Đồng chí đã ký hai quyết định thành lập Khu đặc biệt trực thuộc Bộ tư lệnh Liên khu 5 và bổ nhiệm đồng chí Trần Công Khanh và tôi làm Khu trưởng và Chính ủy khu này.

Trên cương vị là Chính ủy Bộ tư lệnh Liên khu 5, tháng 8 năm 1948, đồng chí Nguyễn Chánh trao quyết định điều động công tác cho tôi và căn dặn: Đồng chí đi công tác Hạ Lào là một vùng địch hậu xa xôi, nằm trên đất bạn, có nhiều khó khăn phức tạp, nhưng đây là một công tác có hai ý nghĩa lớn, vừa làm nhiệm vụ quốc tế của Đảng đối với cách mạng nước anh em, vừa là để phối hợp với các chiến trường của Liên khu, nhất là Tây Nguyên, rất thiết thân với sự nghiệp kháng chiến của miền Nam Trung Bộ. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, phải không ngừng nâng cao lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản cho cán bộ, chiến sĩ. Đương nhiên, còn phải nghiên cứu tìm ra phương thức hoạt động phù hợp với đặc điểm địa thế, dân cư, địch tình ở đó và áp dụng phương pháp công tác sát với trình độ dân trí ở từng vùng khác nhau. Những cái đó phải tự các đồng chí tìm tòi sáng tạo ra, làm sao hòa nhập được vào nhân dân. Có thể mới phát động được quần chúng đứng lên đấu tranh và đó là điều kiện cơ bản để đẩy mạnh kháng chiến của bạn.

Đã có quá trình hoạt động cách mạng ở Lào trước kia, tôi có điều kiện thuận lợi nhất định trong việc thực hiện nhiệm vụ này, tuy cũng không ít khó khăn. Tuy nhiên, với những chỉ dẫn thiết thực và sâu sắc của đồng chí Chính ủy và với sự nỗ lực của anh em đồng đội, đơn vị chúng tôi đã đạt được một số kết quả, đồng thời đã thấy được những hạn chế, làm cản trở việc mở rộng phong trào kháng chiến trong toàn khu vực Hạ Lào theo yêu cầu chung.

Thống nhất ý kiến trong Ban chỉ huy Khu đặc biệt, tôi về báo cáo và xin chỉ thị Bộ tư lệnh Liên khu. Tôi trình bày mâu thuẫn giữa một địa bàn dân cư thưa thớt, nghèo nàn và lạc hậu... với yêu cầu phát triển lực lượng kháng chiến của bạn và khả năng có thể bị địch chặn đường, cô lập ta trên vùng biên giới, nếu không kịp thời mở rộng hoạt động xuống các vùng phía Tây, đông dân trù phú hơn. Đồng chí Nguyễn Chánh chú ý theo dõi báo cáo, tỏ vẻ cảm thông những điều trần trở của chúng tôi. Cuối cùng đồng chí phát biểu: Đặc điểm dân cư vùng các đồng chí hoạt động hiện nay có phần giống với tình trạng "Giặc mùa" ở vùng miền núi Quảng Nam - Đà Nẵng. Rơi vào tình trạng như vậy thì phức tạp lắm. Đẩy mạnh kháng chiến ở Hạ Lào là một đòi hỏi của công cuộc kháng chiến hiện nay, nhưng nếu tăng thêm quân thì phương hướng sử dụng cụ thể của các đồng chí là thế nào? Và yêu cầu tăng lực lượng là bao nhiêu?

Như đã bàn trong Ban chỉ huy, tôi trình bày cụ thể phương hướng hoạt động mới và yêu cầu tăng cường lực lượng cho Hạ Lào, trước hết hai đại đội...

Đồng chí Nguyễn Chánh sợ chúng tôi tính toán đơn giản, hành động phiêu lưu, hỏi thêm: Các đồng chí có tin chắc sẽ thực hiện được không? Đó cũng là điều mà chúng tôi thấy trước là Liên khu có thể đặt ra. Tôi trình bày tiếp về những tính toán cụ thể và hành động sắp đến ở chiến trường nếu được tăng cường lực lượng theo yêu cầu...

Nhờ thái độ và tác phong hòa nhập thân tình và cởi mở của đồng chí, chúng tôi đi vào buổi làm việc như một cuộc chuyện trò tâm tình hết ngày nào cùng nằm bên nhau trong trại an trí Phú Bài.

Trong buổi chiều làm việc, đồng chí phát biểu: Đúng là phải chuyển trọng điểm hoạt động vào vùng có điều kiện phát triển hơn. Nhưng đây là một vấn đề lớn, phải có ý kiến của Liên khu ủy. Tôi đã biên thư cho đồng chí Bí thư Liên khu ủy, đồng chí vào báo cáo xin chỉ thị của Liên khu ủy. Bộ tư lệnh sẽ điều động cho Hạ Lào thêm hai đại đội và một số cán bộ đi làm dân vận, nếu phương hướng của các đồng chí đề ra được Liên khu ủy phê duyệt.

Với báo cáo của tôi và thư của đồng chí Nguyễn Chánh, Liên khu ủy 5 đã đồng ý: cho chuyển trọng điểm hoạt động vào phía tây sông Sê-kông như đề nghị của chúng tôi.

Tôi trở lại Bộ tư lệnh Liên khu, đồng chí Nguyễn Chánh cho biết đã điều động hai đại đội là C200 và C44 của chiến trường Khánh Hòa và 20 cán bộ học trường Trung học bình dân Liên khu 5, và nói: Cuối tháng 5, các lực lượng nói trên sẽ tập trung

ở Tam Kỳ, Quảng Nam. Đồng chí phải gặp Huyện ủy Tam Kỳ, tìm địa điểm thích hợp để tập kết anh em và giải quyết các vấn đề cần thiết... Điều có tính quyết định nhất là các đồng chí phải có kế hoạch chu đáo bồi dưỡng cho anh em cả về vật chất và tinh thần, cả anh em mới và cũ. Có lẽ mùa mưa đã bắt đầu ở trên đó, cần cho số anh em cũ lui về nghỉ ngơi bồi dưỡng, tránh mưa và đỡ tiếp tế. Nhưng phải chọn một số cán bộ chiến sĩ có tinh thần, có năng lực, có sức khỏe tốt ở lại bám địa bàn, chuẩn bị hành lang tiến quân và theo dõi tình hình trên các hướng sẽ tiến vào. Cuối tháng 9, các đồng chí phải báo cáo kết quả chuẩn bị và kế hoạch tiến quân với Bộ tư lệnh.

Được chấp nhận các đề nghị nêu ra, nhất là được những điều chỉ dẫn của đồng chí Chính ủy Nguyễn Chánh, tôi trở về đơn vị, mở cờ trong bụng.

Cho mãi đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ, nhớ như in thái độ thân tình, lòng tin cán bộ, tin đồng đội và cấp dưới, sự hiểu người, hiểu việc, nắm chắc tình hình và yêu cầu của chiến trường, giải quyết vấn đề một cách quyết đoán và cụ thể đến thế của đồng chí Nguyễn Chánh.

Phương án chuyển trọng điểm hoạt động vào vùng phía tây sông Sê-kông được thực hiện thắng lợi. Chúng tôi đã chiếm lĩnh và ngày càng mở rộng địa bàn hoạt động, xây dựng và ngày càng phát triển cơ sở, xây dựng và mở rộng bàn đạp, lập được căn cứ ở một vùng rộng, lực lượng bạn phát triển khá nhanh

cả về số lượng và chất lượng. Thừa thắng, ta đã đưa được một bộ phận lực lượng xuống hoạt động ở phía Đông-Bắc Cam-pu-chia, tạo điều kiện thuận lợi cho Liên khu đưa thêm quân sang giúp bạn ở chiến trường này...

Đông-Bắc Cam-pu-chia và Hạ Lào là hành lang và đầu cầu tiếp vận của địch ở trên chiến trường Lào và một phần ở Tây - Bắc Việt Nam. Trong năm 1950, tại đầu cầu tiếp vận này, quân địch gặp nhiều khó khăn. Bởi vậy trong hai năm 1951 - 1952, chúng đẩy mạnh bắt lính, dôn quân, tăng cường lực lượng nguy quân tại chỗ, đồng thời tăng thêm quân liên tục và ngày càng đẩy mạnh đánh phá hồng binh định các vùng ở phía sau lưng chúng và càn quét mạnh vào vùng căn cứ Tây-Nam At-tô-pơ mới được xây dựng. Phong trào kháng chiến ở Hạ Lào mới được phát động đã bị một đòn nặng. Chúng tôi cử đồng chí Đoàn Huyền về báo cáo, thỉnh thị Liên khu. Đồng chí Nguyễn Chánh trực tiếp nghe phản ánh tình hình, nêu ra nhiều câu hỏi về chiều sâu các vùng cơ sở, ý chí của bạn, quyết tâm của các lực lượng ta, và chỉ thị: Phải kiên quyết giữ vững cơ sở, phong trào kháng chiến ở Hạ Lào, vì đó không chỉ là yêu cầu của bản thân Hạ Lào, mà còn là để phối hợp với các chiến trường khác của Lào, Cam-pu-chia và cả Việt Nam nữa, trực tiếp là Đông-Bắc Cam-pu-chia và Tây Nguyên... Liên khu sẽ tăng cường cho Hạ Lào một tiểu đoàn. Nhưng các đồng chí phải biết cách sử dụng lực lượng này cho hợp lý. Theo ý tôi, ta nên phân bố lực lượng này về các vùng Bô-lô-ven

và Sa-ra-van làm lực lượng chiến đấu hỗ trợ cho các đội công tác cơ sở ở các vùng sau lưng địch. Nơi cần, có thể đưa vào thay thế cho các bộ phận tập trung ở đó, để đưa các bộ phận này vào tăng cường cho các đội cơ sở đẩy mạnh đánh du kích ở các vùng địch kiểm soát, buộc chúng phải rút quân cần quét vùng căn cứ về đối phó. Không nên tập trung lực lượng này ở vùng căn cứ, biến thành mục tiêu tìm diệt của địch. Muốn giữ vững căn cứ Tây-Nam At-tô-pơ, cũng như các vùng du kích sau lưng địch, cần phải đẩy mạnh đánh du kích và vận động quần chúng đấu tranh với những khẩu hiệu kinh tế, chính trị và với hình thức thích hợp ở từng vùng khác nhau. Có như vậy, mới đẩy được chiến tranh du kích ở các vùng địch chiếm lên. Phải làm sao cho cán bộ của bạn lặn được vào trong dân, phát động và chỉ đạo quần chúng đấu tranh và làm công tác vận động quần chúng, làm cho hậu phương của địch rối loạn, buộc chúng phải lui về đối phó, ta mới giữ vững được căn cứ... Không những chỉ dẫn bằng miệng mà đồng chí còn bảo đồng chí Đoàn Huyền tự tay thảo văn bản dưới hình thức chỉ thị công tác của Bộ tư lệnh Liên khu cho Hạ Lào.

Kết quả thực hiện kế hoạch chống bình định của địch với lực lượng được tăng cường và nhất là với sự chỉ đạo của Liên khu, chúng tôi ngày càng giành được thắng lợi lớn.

Đối với chiến trường Đông-Bắc Cam-pu-chia, đồng chí Nguyễn Chánh cũng luôn quan tâm theo dõi, kịp

thời điều động lực lượng đi giúp bạn. Năm 1948, đội Phan Thanh được đưa vào hoạt động ở Đông-Bắc Kra-chi-ê; 1949, đội Phan Phong vào tăng cường hoạt động ở Đông-Bắc Stung-treng, các đội 101 và 105 của Trung đoàn 120 sang hoạt động ở khu vực phía Đông hai tỉnh Kra-chi-ê và Stung-treng. Và đến năm 1951, ta đã kịp thời đưa đoàn do đồng chí Võ Toàn phụ trách vào tăng cường và thành lập Ban cán sự Đông-Bắc Cam-pu-chia, giúp bạn ở chiến trường này.

Đông - Xuân 1953 - 1954, để phối hợp được nhịp nhàng và có hiệu quả với các chiến trường khác ở cả ba nước, nhiệm vụ tác chiến đặt ra với Hạ Lào và Đông-Bắc Cam-pu-chia là rất lớn, nhưng lực lượng cả hai chiến trường này đều còn mỏng và rất yếu. Thấy rõ tình trạng nói trên của hai chiến trường, đồng chí Nguyễn Chánh đã kịp thời can thiệp với Bộ Tổng tư lệnh điều động chủ lực vào phối hợp hoạt động. Nhờ đó, Hạ Lào và Đông-Bắc Cam-pu-chia đã có điều kiện tiến hành đợt tác chiến Xuân - Hè 1954, đạt thắng lợi lớn...

Tóm lại, qua tiếp xúc và làm việc với đồng chí Nguyễn Chánh, tôi thấy đồng chí là một cán bộ lãnh đạo năng động, có sự hiểu biết sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, có tầm nhìn sâu rộng, có tác phong làm việc sâu sắc và quyết đoán, và có lòng tin ở cán bộ và cấp dưới. Đặc biệt đối với nghĩa vụ quốc tế, tôi càng thấy rõ sự chỉ đạo của đồng chí đối với chiến trường Hạ Lào và Đông-Bắc Cam-pu-chia thể hiện sự thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản, nắm

vững nhiệm vụ giúp cách mạng hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia, thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của hai chiến trường này và đồng chí đã có những chỉ thị và quyết định kịp thời đúng đắn, nhất là trong những tình huống gay cấp và phức tạp. Đó là yếu tố rất quan trọng để giúp cho quân tình nguyện trên hai chiến trường này vượt qua khó khăn, lập thành tích xuất sắc.

N.C.G.

## NHỚ ANH NGUYỄN CHÁNH

*Đại tá ĐỖ ANH TÌNH*

Anh Nguyễn Chánh là một Chính ủy, một cán bộ cao cấp nhất của Đảng trong bộ đội Liên khu 5. Ngoài tài năng trí tuệ và đức độ mẫu mực của một cán bộ lãnh đạo, ở anh còn thể hiện một phong cách sinh hoạt gần gũi, nghĩa tình đối với cán bộ cấp dưới và chiến sĩ.

Tôi tin chắc ai đã có dịp gặp anh đều có được cái ấn tượng về phong cách đẹp ấy. Riêng tôi, sau những năm biết anh và những lần trực tiếp gặp anh, tình cảm của tôi đối với anh thật sâu đậm, thân tình.

Trong dịp về dự Đại hội cán bộ chính trị toàn Liên khu do anh chủ trì, tôi tình cờ được đọc bài thơ "Năm bên bộ đội" của nhà thơ Tế Hanh. Bài thơ nói lên tình cảm yêu mến cảm phục của tác giả đối với người chiến sĩ. Đọc bài thơ ấy, một sự liên ý đột nhiên đến với tôi về tình cảm của tôi, và cũng có thể nói là của số đông cán bộ chính trị cấp đại đội trẻ, vui có phần tình nghịch đối với đồng chí Chính ủy kính yêu của mình.

Trong mấy ngày Đại hội, tôi đã lấy ý của bài thơ "Nằm bên bộ đội" phỏng theo, viết bài thơ "Ngồi bên Chính ủy" để tặng anh Nguyễn Chánh.

Đã gần 50 năm qua rồi, đến nay tôi vẫn còn nhớ như in đêm hôm ấy là đêm cuối cùng của Đại hội, tiếc rằng anh Chánh bận việc quan trọng nên không đến dự bế mạc với anh em được. Ban tổ chức đã phải mời anh Nguyễn Quyết thay mặt Chính ủy lên ngồi trên sân khấu cho tôi được ngồi gần để trình bày bài thơ:

NGỒI BÊN CHÍNH ỦY  
(KÍNH TẶNG CHÍNH ỦY LIÊN KHU)

"Biết anh đã mấy năm rồi,  
Hôm nay tôi mới được ngồi bên anh.  
Hỡi anh Chính ủy,  
Mái tóc trắng, xanh,  
Ngồi nghe anh "chỉnh" ngon lành sướng ghê!  
Ngoài kia đang lúc nắng hè,  
Tôi toan về nghỉ anh đe chỉnh rồi.  
Anh với tôi, tôi với anh,  
Vì duyên Đại hội nên thành thân thân.  
Hôm nay tôi được ngồi gần,  
Má anh thấy nổi đường gân quá nhiều.  
Lòng tôi hồi hộp bao nhiêu,  
Thương thương như thể tình yêu buổi đầu.

*Quê anh ở đâu? Hỡi anh Chính ủy!  
Sao anh không nghĩ đến chị ở nhà.  
Nhìn anh tôi thấy chưa già,  
Trán cao, tóc hói trông mà thương thương.  
Lòng tôi cảm thấy vấn vương,  
Sau ngày Đại hội lên đường nhớ anh!"<sup>1</sup>.*

Đọc xong, tôi đưa bài thơ cho anh Nguyễn Quyết để nhờ chuyển đến anh Chánh giữa những tràng vỗ tay vang động hội trường. Ít lâu sau, tôi có dịp gặp anh Chánh, anh vui vẻ nói: "Bài thơ cậu viết tặng mình hay đấy! Nhưng có hơi 'tếu'!".

Nói xong, anh ôm tôi và cùng nhau cười xòa.

### *Lời giải đáp không quên*

Sau chín năm kháng chiến, quân và dân Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, làm nên chiến thắng Điện Biên chấn động địa cầu. Trên các chiến trường khắp cả nước đều giành nhiều thắng lợi to lớn dồn dập. Ở chiến trường Liên khu 5, qua chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, bức rút An Khê... đang tiến lên làm chủ Tây Nguyên. Ở đồng bằng đã đập tan cuộc hành quân At-lan-te, giữ vững vùng tự do. Thế tiến công như vũ bão đang diễn ra trên toàn bộ chiến trường, thì Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký

---

1. Bài thơ "Ngồi bên Chính ủy" đã được in vào tập san của Đảng bộ Liên khu 5 hồi ấy.

kết 1954. Bộ đội ta phải chuyển quân tập kết ra miền Bắc. Trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân không tránh khỏi diễn biến tư tưởng, tình cảm, những suy nghĩ lo lắng, băn khoăn cùng một tâm trạng bịn rịn, ngậm ngùi, buồn vui...

*"Chín năm qua đổ mồ hôi, xương máu,  
Tình quân dân hòa trộn giữ quê hương.  
Đến hôm nay quân tập kết lên đường,  
Để giữ vững hòa bình vừa lập lại.  
Buổi tiễn đưa tuy lòng quân hăng hái,  
Lòng dân tin, nhưng không khỏi ngậm ngùi".*

Tôi còn nhớ trong lớp học cuối cùng của cán bộ toàn Liên khu trước khi đi tập kết có những vấn đề tư tưởng rất khó giải quyết. Trong đó có hai thắc mắc đề nặng tâm tư tình cảm mỗi người.

- Nếu hai năm quân địch không thi hành Hiệp định thì sao?

- Việc để gia đình ở lại dưới sự kiểm soát của đối phương sẽ như thế nào? Đối với vợ, với người yêu, ngày về biết còn chung thủy hay không?

Những thắc mắc này mọi người đang chờ đợi sự giải đáp của đồng chí Chính ủy Liên khu.

Ngày ấy đã đến, chiều 15 tháng 10 năm 1954, trong một ngôi nhà rộng làm hội trường ở cầu Nước Mặn thuộc thôn Tài Lương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, lớp học vui mừng đón anh Nguyễn Chánh đến giải đáp. Với một tình cảm chan hòa, thân thiết ruột thịt trong một "gia đình bộ đội Liên khu 5".

Anh đã cùng anh em chia sẻ niềm vui của thắng lợi chung, củng cố thêm lòng tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, vào Bác Hồ, nâng cao tinh thần kỷ luật, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh...

Cuối cùng anh cùng chia sẻ những điều lo lắng, băn khoăn của anh em. Trên cơ sở đó, anh đã động viên tinh thần hy sinh của cán bộ, chiến sĩ trong việc chuyển quân tập kết.

Anh nói, đại ý: việc tập kết chuyển quân, giao quê hương thân yêu và đồng bào ruột thịt lại cho đối phương quản lý là một sự hy sinh to lớn của quân và dân miền Nam. Đó là sự thể hiện: biết đặt quyền lợi Tổ quốc và sự nghiệp chung của đất nước lên trên quyền lợi địa phương, cục bộ. Không có tinh thần giác ngộ hy sinh này thì chúng ta không thể hoàn thành được nhiệm vụ vô cùng khó khăn và phức tạp do bước ngoặt mới của cách mạng đang đặt ra mà Trung ương, Chính phủ và Bác Hồ đã kêu gọi chúng ta nghiêm túc thực hiện...

Trước khi giải đáp vào hai câu thắc mắc cuối cùng của lớp học, tôi thấy anh đứng lặng một lúc trên bục, hình như để cho lòng mình lắng lại, sau đó anh nói:

- Nếu địch không thi hành Hiệp định... Việc băn khoăn này của các đồng chí là có cơ sở và đúng đắn. Vì có ai lại quá ngây thơ tin vào lòng trung thực của kẻ thù!

Nhưng chúng ta lại có một lòng tin khác. Đó là lòng tin vào nhân dân ta, quân đội ta. Nếu hai

năm địch phá Hiệp định, không chịu hiệp thương tổng tuyển cử..., nhân dân ta sẽ có phương thức đấu tranh thích hợp... Quân đội ta, một quân đội chiến thắng có giác ngộ cách mạng và tinh thần chiến đấu hy sinh cao cả, đáp lời kêu gọi của Tổ quốc, sẽ như nước vỡ bờ, kiên quyết lên đường trở về miền Nam chiến đấu để giải phóng quê hương. Trong giờ phút trọng đại này, các đồng chí có dám hứa với Đảng, với dân điều ấy không?

- Xin hứa!

Tiếng của hàng trăm con người bật vang lên trong hội trường như một lời thề gửi lại quê hương.

Để cho lớp học trở lại yên tĩnh anh nói tiếp:

- Riêng tôi, tôi xin hứa với các đồng chí, trong hoàn cảnh ấy, tôi sẽ tình nguyện xin Trung ương và Chính phủ cho tôi được cùng các đồng chí trở về chiến trường Liên khu 5 thân yêu ruột thịt của chúng ta!

Lớp học vô cùng xúc động khi nghe anh nói câu này và thấy anh lấy khăn chấm nước mắt.

... Với thắc mắc thứ hai, sau khi nói rõ hoàn cảnh và điều kiện phải để gia đình ở lại và dự kiến trước những gian khổ, hy sinh, sự gian ác của kẻ thù mà gia đình có người đi tập kết có thể gặp phải, anh nói: "Đây là một hy sinh lớn lao, một thử thách lòng trung thành của chúng ta đối với Đảng, với dân. Cách mạng là hy sinh!". Còn đối với vợ và người yêu, nếu ngày về không còn chung thủy? Giải đáp vấn đề này, anh rất đề cao phẩm hạnh của người

phụ nữ Việt Nam. Anh đã hỏi chúng tôi: "Vì sao trên đất nước ta rất lắm "Núi vọng phu" và "Núi mẹ chồng con"? Một hình tượng tiêu biểu cho tình yêu chung thủy, nghĩa vợ chồng "hóa đá cũng chờ". Hãy biết tin yêu và tôn trọng phẩm chất ấy của chị em. Chắc ngày về của chúng ta sẽ vẹn toàn hạnh phúc!... Còn trong cuộc đấu tranh ác liệt ấy, có thể có đồng chí nào đó, chị em nào đó gặp điều bất hạnh, không giữ được như ngày ra đi, theo tôi đó cũng là một hy sinh cống hiến hạnh phúc riêng cho Tổ quốc. Trong hoàn cảnh ấy, đất nước Việt Nam không thiếu gì "trẻ", dân miền Nam không thiếu phụ nữ, đồng bào nhất định sẽ đền bù lại xứng đáng cho các đồng chí. Các đồng chí đồng ý không?".

Một trận cười bùng lên tán thưởng.

Nghe Chính ủy giải đáp xong, lớp học như vừa cất xong một gánh nặng tâm tình. Lớp học bế mạc trong tin tưởng và thoải mái.

Bữa cơm chiều hôm đó là bữa cơm liên hoan bế mạc và cũng là bữa cơm tiễn anh Nguyễn Chánh người Chính ủy kính mến, người anh cả thân yêu của bộ đội Liên khu 5 ra Bắc trước để nhận công tác mới ở Bộ Tổng tư lệnh.

Đ.A.T.

## ANH NGUYỄN CHÁNH LÀ NGƯỜI CÓ NHIỀU BIỆT TÀI

VÕ PHẤN

*Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi*

Tôi và anh Chánh có nhiều gắn bó trong hoạt động bí mật, trong mối quan hệ tình cảm gia đình và bạn bè.

Trong thời kỳ hoạt động bí mật, cha tôi và anh Tài, anh ruột anh Chánh, có mối quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau. Anh Tài là người thật thà, chân chất. Anh hay đến nhà tôi, hai gia đình ở cách nhau không xa mấy. Cha tôi tham gia cách mạng từ 1925, hoạt động trong tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, và sau đó, trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, rồi bị đi tù. Sau khi ra tù cha tôi thường mua báo, trong đó có tờ "*Tiếng Dân*", nên có nhiều người thường đến tìm đọc. Anh Chánh cũng hay đến, chính từ đó, tôi và anh quen nhau và rất thân. Giữa tôi và anh có nhiều đồng cảm, không chỉ trong công tác hoạt động cách mạng, mà cả trong những việc riêng tư. Mọi việc chúng tôi đều trao đổi với nhau. Tin nhau đến mức có những việc chúng tôi không

nói được với gia đình, nhưng lại nói với nhau. Cả về sau này nữa, tuy mỗi người công tác trong mỗi lĩnh vực khác nhau, ở xa nhau, nhưng hễ mỗi khi được gặp nhau chúng tôi thường kể cho nhau hết mọi chuyện. Đặc biệt, từ sau các trào cách mạng 1930 - 1931, anh Chánh ra tù, lập gia đình và ở riêng, không phải chỉ có anh đến nhà tôi, mà tôi còn thường đến anh.

Anh Chánh là người rất thật thà, sống chan hòa với mọi người, đối xử với mọi người rất đúng mực, không khách sáo. Anh ăn nói hoạt bát, không văn hoa trau chuốt, nhưng rất thuyết phục người nghe. Lúc nào anh ăn mặc cũng dềnh hoàng, đúng mực, tự nhiên chứ không lòe loẹt. Cha tôi rất thương anh, ông thường nói với chúng tôi: "Thằng Chánh nó rất lanh nhưng sống rất thật lòng; nó mặc giản dị nhưng đẹp, cái đẹp rất tự nhiên nên càng thấy đẹp". Nói về anh Chánh, ông hay dùng câu: "*Y phục tùy duyên, tự nhiên khéo léo*". Đối với gia đình tôi, anh tỏ rõ sự tôn trọng thật sự. Và giữa chúng tôi không có một sự ngăn cách nào. Chính nhờ những đặc tính tốt đẹp ấy mà anh đã làm cho cả gia đình tôi ai cũng mến phục anh. Và cũng chính vì thế mà chúng tôi học ở anh rất nhiều.

Vào những năm hoạt động bí mật, có lúc tôi và anh Chánh sinh hoạt trong một chi bộ, gọi là chi bộ ghép của Sơn Tịnh, sau khi tổ chức ở trong huyện bị vỡ, mới được khôi phục lại.

Trong lúc này ở Pháp, Chính phủ của mặt trận Bình dân nắm chính quyền và thực hiện một số cải

cách dân chủ ở các thuộc địa. Lợi dụng tình hình này, Đảng ta chủ trương đưa một số đồng chí ra hoạt động công khai. Anh Chánh được Tỉnh ủy Quảng Ngãi phân công hoạt động công khai. Từ đó, chúng tôi càng thân và khăng khít với nhau hơn.

Anh Chánh là người có nhiều biệt tài.

Anh không những là một nhà lãnh đạo, chỉ huy toàn tài về chính trị, về quân sự, mà còn là một nhà tuyên truyền hùng biện, có cách nói rất hấp dẫn, đầy tính thuyết phục, truyền cảm mạnh mẽ, cuốn hút người nghe. Anh có thể đứng nói chuyện, diễn thuyết liền trong 4, 5 tiếng đồng hồ mà vẫn làm cho người nghe say mê. Anh không chỉ là một người có khả năng về kinh tế, mà còn là một người có năng khiếu về văn hóa, văn nghệ, có tâm hồn nghệ thuật.

Mọi người quý mến và cảm phục anh, bởi anh giàu lòng nhân hậu, có lối sống giản dị dễ hòa nhập hấp dẫn. Anh sống vì mọi người, không hề có một chút tô vẽ cho mình, anh có sự hiểu biết sâu rộng, có thể nói không ngoa chút nào, là sự hiểu biết uyên bác. Nhưng không bao giờ anh dùng vốn hiểu biết đó nhằm khoa trương, trang trí cho bản thân, mà chỉ để phục vụ cho sự nghiệp chung và giúp đỡ người khác một cách vô tư, không một chút cầu báo... Một hiện tượng làm chúng tôi rất ngạc nhiên là có nhiều đồng chí tham gia cách mạng trước anh Chánh và có cấp bậc trong Đảng, trong thời kỳ bí mật cao hơn anh, về sau trong kháng chiến chống Pháp lại cộng tác dưới sự chỉ đạo của anh Chánh với một

tinh thần và thái độ cảm phục, cộng tác thật sự, không hề có thắc mắc trên dưới.

Trong công tác hoạt động bí mật cũng như trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, một vấn đề xuyên suốt và nổi bật trong anh là vấn đề Đảng lãnh đạo. Khi lên lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ, vấn đề đầu tiên anh đề cập đến là vấn đề Đảng lãnh đạo và xây dựng chi bộ mạnh. Anh đề nghị khôi phục sinh hoạt Đảng cho các đồng chí Nguyễn Cừ (Nhập), Tạ Tường (Phượng) và lần lượt đến các đồng chí khác. Sau khi tham gia khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), tôi được phân công về địa phương vận động tổ chức cơ sở quần chúng ở đồng bằng. Điều đầu tiên anh dặn tôi là phải đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng Đảng. Trước tiên phải bắt liên lạc với các Đảng viên lâu nay bị mất liên lạc. Kiểm tra kỹ những đồng chí vững vàng trong quá trình đấu tranh, nay lại hăng hái tích cực công tác thì khôi phục đảng tịch, tổ chức chi bộ để làm hạt nhân lãnh đạo. Anh thường nhắc tôi, không nên hẹp hòi, phải có cái nhìn thực tiễn và phát triển. Tôi nhớ, hồi đó ở Sơn Tịnh, Quảng Ngãi có một số người, trước đó, đã tham gia hoạt động trong các phong trào cách mạng, đã bị tù đày. Khi ra tù, một số thì nằm im, một số ít đi chệch hướng ra phục vụ cho Chính phủ Trần Trọng Kim. Khi anh Chánh ở nhà lao Thừa Phủ (Huế) về Quảng Ngãi, một số người trong họ còn đến thuyết phục anh Chánh đứng ủng hộ khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ, vì họ cho là mạnh động, tá khuynh, thế nào rồi cũng bị bọn Nhật khủng bố tiêu diệt. Với lý lẽ sắc bén, anh

Chánh đã thuyết phục được họ. Trước khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, anh Chánh cho gọi một số người đến nói rõ sai lầm của họ, và họ đã xin nhận nhiệm vụ mà Đảng giao để tỏ lòng tin ở Đảng và mong Đảng tin ở họ. Trong số đó hiện nay, có người là cán bộ cao cấp của Đảng và quân đội.

Anh Chánh có tài thu phục và tập hợp được các lực lượng thuộc các xu hướng khác nhau vào mục đích chung, sử dụng và phát huy năng lực các loại cán bộ thuộc các tầng lớp khác nhau, như công nông, trí thức, cựu binh sĩ, v.v. Anh có ý định sử dụng cán bộ theo quy hoạch để các loại cán bộ hòa nhập vào nhau, đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ. Có hôm, anh tâm sự với tôi: Cậu T. nó cứ đòi mình cho nó ra mặt trận, vì nó không hiểu mình, còn mình thì không thể nào nói hết ý định sử dụng cán bộ cho nó biết. Mình phải bố trí cán bộ thế nào để kết hợp có già, có trẻ, có công nông, có trí thức, kết hợp trước mắt và lâu dài, sao cho họ phát huy khả năng được cao nhất, nhưng phải hết sức tiết kiệm cán bộ. Đối với cán bộ Đảng và đoàn thể cũng vậy. Anh đã mạnh dạn cất nhắc và sử dụng chị Nguyễn Thị Sâm, vốn gia đình địa chủ, bản thân là trí thức. Anh cho chị Sâm là cán bộ tốt, có tính quần chúng, hòa nhập, nên đưa vào Tỉnh ủy. Anh trao đổi về vấn đề này với anh Trần Quý Hai. Anh Chánh và anh Hai có nhiều điểm tương đồng và là hai người hiểu tôi nhiều nhất ở Sơn Tịnh.

Như vậy, chị Sâm được đưa vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi cuối năm 1946.

Anh Chánh vốn không phải là người lao động chân tay nặng nhọc nhưng lại có quan điểm quần chúng, quan điểm lao động vững vàng. Vì vậy, anh rất hiểu người lao động, đánh giá họ đúng mức, hiểu nguyện vọng của họ. Có lẽ đây là cơ sở vững chắc nhất để cho anh trở thành người lãnh đạo chân chính của quần chúng.

Về kinh tế, anh là người có tài. Sau khi ra tù, vào những năm từ 1936 - 1939, anh hoạt động công khai. Lúc này, anh đã lập gia đình, ở riêng, rất nghèo. Anh đóng vai người mua đường thuê để đi lại, giao thiệp. Tuy không phải là nhà buôn chuyên nghiệp, nhưng anh tỏ ra rất già dặn, đến nỗi những tay buôn có cơ cũng phải phục anh Chánh.

Về văn hóa, tuy anh học ít, chỉ đến lớp 3, nhưng có tài thơ ca. Có lẽ anh được di truyền gien của bà cụ thân sinh ra anh. Bà cụ sinh trưởng trong một gia đình nho học, có mấy người anh em đậu tú tài. Riêng bà cụ cũng hay làm thơ, anh Chánh làm thơ rất nhanh, có thể nói ứng khẩu thành thơ.

Anh sống với mọi người rất tình cảm, thủy chung thật lòng, không tô vẽ, rất quan tâm đến công tác và sự tiến bộ của đồng chí. Cán bộ miền Nam ra tập kết được anh đặc biệt quan tâm, có trường hợp nào bố trí chưa hợp lý là anh can thiệp ngay, như trường hợp cụ Nguyễn Công Phương, cụ Nguyễn Tông...

Rất tiếc là anh mất quá sớm, mới 43 tuổi, tài năng đang độ. Một thiệt thòi lớn cho Đảng, quân đội và nhân dân, nhất là đối với cán bộ Liên khu 5, vì không ai hiểu và nắm chắc cán bộ Liên khu 5 bằng anh.

## NGƯỜI ANH RẤT ĐỐI THÂN THƯƠNG

*Đại tá HUỲNH MÔN*

... Khoảng tháng 6 năm 1952, là chính trị viên huyện đội Tuy Hòa, tôi được về Quân khu dự lớp chính huấn chính trị. Trong lớp chính huấn này, anh Chánh khai mạc, anh Nguyễn Quyết, Chủ nhiệm Chính trị, trực tiếp theo dõi hướng dẫn. Trong lớp học, tôi làm tổ trưởng một tổ. Khi phản ánh tình hình học tập, các tổ đều báo cáo là hầu hết anh em đều nhất trí cao với nội dung của lớp học. Nhưng cũng còn thắc mắc là việc hy sinh cho Tổ quốc, hết lòng phục vụ nhân dân, với việc nuôi dưỡng cha mẹ già, chăm sóc vợ con, nên như thế nào cho vẹn cả đôi đường? Nhiều cán bộ tiểu đoàn, trung đoàn đều giải thích là lúc này phải hy sinh tất cả vì Tổ quốc, đặt Tổ quốc lên trên hết, trước hết, vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh, đã hy sinh cho Tổ quốc thì không được tính toán riêng tư. Về lý thì anh em chịu, nhưng trong tâm tư tình cảm vẫn còn vướng mắc, chưa giải quyết được giữa chữ trung và chữ hiếu.

Sau khi nghe phản ánh, anh Chánh nói: "Anh em chưa thông suốt tư tưởng là đúng, vì đạo làm

con, ai mà không nghĩ đến công ơn của cha mẹ, trách nhiệm của người làm con, làm chồng, làm cha...".

Nói hy sinh tất cả vì Tổ quốc, vì nhân dân mà quên mình là đúng, nhưng bỏ mặc cha mẹ, vợ con chết sống như thế nào cũng không biết đến thì cũng không đúng, không trọn nghĩa vẹn tĩnh. Vì cha mẹ, vợ con cũng là nhân dân, lại là những người có quan hệ máu thịt mà không được quan tâm chăm sóc, thì nói vì nhân dân quên mình chỉ là lý luận suông, không thuyết phục được ai. Phải nói rằng, xung phong ra trận để tiêu diệt quân thù, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống của nhân dân cũng đồng thời là bảo vệ gia đình, bảo vệ cha mẹ, vợ con của mình. Vì vậy nên không có điều kiện để giúp đỡ, chăm sóc cha mẹ, vợ con được thì đành phải chịu. Nhưng với khả năng của mình nên khuyên bảo vợ con, động viên nhau tham gia kháng chiến, góp công, góp của, góp sức vào cuộc kháng chiến. Kẻ ở tiền tuyến, người ở hậu phương đều làm tốt nhiệm vụ đánh giặc cứu nước để giành lấy độc lập, tự do, đem lại hạnh phúc chung. Có như thế mới gọi là hy sinh vì Tổ quốc.

Sau khi nghe anh phát biểu, anh em rất đồng tình và thông suốt cả trong nhận thức và tình cảm. Lời nói của anh cách đây hơn 43 năm, nhưng giờ đây vẫn ngời sáng như một chân lý vẹn toàn, sống mãi với thời gian và mãi mãi là đạo lý, là lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng.

Vào cuối tháng 10 năm 1953, tôi được quyết định của anh Nguyễn Chánh đề bạt lên cán bộ tiểu đoàn, đồng thời điều về Liên khu làm phái viên của Bộ

tư lệnh, di hướng dẫn và kiểm tra việc chuẩn bị tác chiến bảo vệ vùng tự do. Tôi được chỉ định làm tổ trưởng một tổ đi xuống Tuy Phước (Bình Định). Trước khi xuống cơ sở, chúng tôi được nghe anh Chánh nói rõ cho cán bộ đi làm phái viên cũng như cán bộ của cơ quan Liên khu bộ, là cần nắm vững chủ trương của cấp trên đưa tất cả chủ lực của Liên khu lên chiến trường chính Tây Nguyên không phải là bỏ đồng bằng. Việc tập trung chủ lực lên Tây Nguyên chính là đánh vào nơi hiểm yếu của địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng bị động đối phó với ta ở chiến trường Tây Nguyên, cũng là để hạn chế sức tấn công của chúng vào vùng tự do, tạo điều kiện cho quân và dân vùng tự do ghìm chúng lại. Và khi đã đánh thắng địch ở Tây Nguyên, ta sẽ có điều kiện thuận lợi để đánh bại chúng ở vùng tự do. Đó chính là cách bảo vệ vùng tự do Liên khu 5 một cách chủ động và tất thắng. Vì vậy, bộ đội địa phương, dân quân du kích cùng toàn dân phải phát huy sức mạnh tổng hợp để ngăn chặn, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo vệ địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực đánh thắng ở Tây Nguyên, rồi sẽ quay trở về tiêu diệt địch ở vùng tự do.

Anh nói rất ngắn gọn, cách lập luận rất đơn giản, không văn hoa, cầu kỳ nhưng có sức thuyết phục lạ thường, càng nghe càng thấu, càng ngẫm càng sâu. Chúng tôi lên đường với niềm phấn khởi và tin tưởng vững chắc vào thắng lợi.

Đi đến đâu chúng tôi cũng truyền đạt ý kiến này cho các cấp ủy, các bộ chỉ huy và các đoàn thể.

Tất cả đều tin tưởng và tích cực đánh địch... Đúng như lời anh Nguyễn Chánh, quân Pháp không chỉ có thất bại ở Tây Nguyên mà còn bị thất bại hoàn toàn trong chiến dịch At-lan-te.

Tôi lại được quyết định của Liên khu, do anh Chánh ký, điều về làm Tiểu trưởng ban Bảo vệ thuộc ban Bảo vệ - Phòng chính trị Liên khu 5.

Tôi về nhận công tác bảo vệ cùng với anh Trinh Anh là Trưởng ban. Lúc đầu mọi việc còn rất bỡ ngỡ, nhất là trong tình hình mới nên càng lúng túng. Anh Trinh Anh cùng tôi lên thăm anh Nguyễn Chánh (anh Trinh Anh cũng là một trong 28 anh của Đội du kích Ba Tư khi mới thành lập). Anh Nguyễn Chánh thấy chúng tôi đến thì rất vui vẻ đón chào và bắt tay niềm nở như người anh ruột thịt, không phân biệt cấp trên, cấp dưới. Anh hỏi: "Hôm nay tôi có điều gì vi phạm mà ban Bảo vệ đến kiểm tra đây", rồi anh cười thoải mái và mời chúng tôi uống nước. Anh Trinh Anh nói: "Công tác bảo vệ lúc này quá phức tạp, địch ta lẫn lộn, xen kẽ lẫn nhau. Nguyễn Nên phản bội bị bắt giam rồi, công an lại thả sống, một số cán bộ, chiến sĩ gây mất trật tự; bộ đội tình nguyện quân về nước; có kẻ xấu giả quân nhân chui vào bộ đội đi tập kết, lại có cán bộ và chiến sĩ trốn, không đi tập kết; việc bảo đảm an toàn các khu vực bàn giao rất khó khăn phức tạp; một số đơn vị cơ quan lơ là, mất cảnh giác trong việc tiếp đón bà con, gia đình, v.v. Chúng tôi đến thăm anh và xin ý kiến của anh".

Anh Chánh suy nghĩ một đôi phút rồi nói: "Đúng là công tác bảo vệ, nhất là công tác bảo vệ nội bộ lúc này rất phức tạp, vì địch đang theo dõi nắm tình hình mọi mặt của ta để kích động các phần tử xấu phá hoại Hiệp định, phá hoại việc chuyển quân tập kết của ta. Ban Bảo vệ các anh phải viết tài liệu phổ biến để giáo dục cho các lực lượng vũ trang về tinh thần cảnh giác trong tình hình mới nhằm khắc phục lơ là, mất cảnh giác trong việc bảo vệ nội bộ. Mặt khác, phải có quy định về mặt tổ chức nhằm bảo đảm chặt chẽ trong việc quản lý lẫn nhau... Cuộc chiến đấu này còn lâu dài, kẻ địch vẫn dùng thủ đoạn chui sâu, leo cao để phá hoại ta. Trước mắt chúng tìm mọi cách phá ta cả về chính trị, tư tưởng và về tổ chức, gây khó khăn cho ta cả trước, trong và sau khi ta tập kết ra miền Bắc. Vì vậy, phải làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận rõ, có hai loại chiến tranh luôn luôn gắn chặt với nhau. Đó là "chiến tranh nóng" và "chiến tranh lạnh" (tình báo, gián điệp) suốt trong cuộc đấu tranh giai cấp. Khi chiến tranh nóng chưa và đang tiến hành thì chiến tranh lạnh phục vụ cho chiến tranh nóng. Khi chiến tranh nóng kết thúc thì chiến tranh lạnh vẫn được tiếp tục nhằm phục vụ cho âm mưu đen tối của chúng. Phải thấy được bản chất, âm mưu và thủ đoạn vô cùng nham hiểm của địch để luôn nâng cao cảnh giác. Chúng tôi ghi chép đầy đủ những ý kiến của anh. Sau đó anh Trinh Anh giao cho tôi biên soạn thành tài liệu hoàn chỉnh rồi khẩn trương gửi xuống các đơn vị.

Đó là lần thứ hai tôi được trực tiếp làm việc với anh Chánh. Anh đã để lại trong chúng tôi những tình cảm sâu đậm của người đồng chí, người lãnh đạo, người chỉ huy luôn gần gũi cấp dưới như anh em ruột thịt, tôi không bao giờ quên.

Sau khi tập kết ra Bắc, tôi được chọn đi học lục quân khóa 10 tại Bạch Mai, Hà Nội. Vào khoảng cuối tháng 8 năm 1956, sau bữa cơm trưa, chúng tôi được Ban Giám hiệu nhà trường thông báo mời anh em học viên ở Liên khu 5 đến hội trường để gặp anh Nguyễn Chánh. Được tin này, chúng tôi rất đổi vui mừng vì từ khi tập kết đến nay, chúng tôi chưa được gặp anh, chỉ biết tin anh đi chữa bệnh ở Trung Quốc.

Đúng giờ chúng tôi đến, thì ra anh đã đến trước rồi. Anh vui vẻ bắt tay chào hỏi từng người như người anh đi xa gặp lại đàn em. Chúng tôi thấy anh hơi gầy, rất thương và rất lo cho anh. Trong buổi gặp ấm tình anh em này, anh nói, đại ý: Tôi đi chữa bệnh ở Trung Quốc nhưng nóng ruột quá, không thể ở lâu được. Vì sau chiến tranh, công việc còn rất bề bộn. Kẻ thù đang ra sức phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, hồng chia cắt lâu dài đất nước ta. Do vậy, làm gì thì làm cũng phải xây dựng hậu phương vững mạnh, quân đội phải tinh nhuệ, hiện đại; cán bộ phải vững vàng về chính trị, tư tưởng, giỏi về chiến kỹ thuật. Đến thăm anh em, mong anh em có sức khỏe tốt, học tập tốt, ra sức xây dựng quân đội mạnh để tiếp tục cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Khi nghe đến đoạn "tiếp tục chiến

đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc", chúng tôi như được vứt bỏ đi gánh nặng khác ngoài lo âu ngày đêm về con đường cách mạng ở miền Nam.

Ngày 24 tháng 9 năm 1957, được tin báo anh mất đột ngột, chúng tôi đau xót, tiếc thương anh vô hạn và khóc nước mắt. Vì chúng tôi đã vĩnh viễn mất một người anh, người lãnh đạo, người chỉ huy tài ba vô cùng kính mến và rất gần gũi.

Hôm nay, khi viết những dòng này, hình ảnh anh lại hiện rõ trong tôi và những lời dặn dò của anh như còn vang vọng mãi trong tôi.

H.M.

## VÀI MẪU CHUYỆN VỀ LỄ SỐNG CỦA ANH NGUYỄN CHÁNH

*Đại tá LÊ QUỐC BẢO*

*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*

Ai đã gần gũi công tác, chiến đấu với anh Nguyễn Chánh đều thấy ở anh có những đức tính của người cộng sản: trung kiên, dũng cảm, sáng tạo, đức độ và nghĩa tình...

Là một người cần vụ bảo vệ anh Chánh trong hai năm (1947 - 1948), tôi xin ghi lại một vài mẫu chuyện mắt thấy, tai nghe về cách đối xử, giáo dục, rèn luyện của anh đối với đồng chí, đồng đội và với bản thân tôi.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nghe theo lời Đảng, Bác, người người, lớp lớp tòng quân đánh giặc, trong đó có tầng lớp trí thức. Họ đi theo cách mạng, tự nguyện xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, trong đó, có một số anh em được điều về cơ quan Quân khu. Tuy anh em đã xác định rời bỏ cuộc sống công danh, nhàn hạ của cá nhân, vì nghĩa cả và sẵn sàng chịu mọi hy sinh và gian khổ nhưng đau dễ dàng thích ứng được ngay.

Anh Chánh rất thông cảm với anh em, nên hàng tháng anh bàn với lãnh đạo hậu cần Quân khu dành ra chút ít trợ cấp cho anh em, để cuộc sống của họ bớt khó khăn, tạo điều kiện cho anh em dần dần thích nghi, không bị hẫng hụt đột ngột, đồng thời cũng thể hiện chính sách của Đảng đối với trí thức, quan tâm và sử dụng họ. Cách giải quyết đó được anh em trí thức coi như một niềm động viên, cổ vũ lớn đối với họ, là một hình thức diu dặt họ làm quen với cuộc sống, vượt được khó khăn, hòa nhập được với đồng đội trong cuộc sống, công tác và chiến đấu, nên anh em rất hăng say, nhiệt tình công tác, và họ càng quý trọng anh, kính phục anh, coi anh như người anh cả.

Trong cơ quan, có cán bộ quá khắt khe với anh em, cho họ là thiếu rèn luyện, kém lao động. Bằng một ví dụ sinh động anh Chánh nói: Một cái bể cần 10 gánh nước mới đầy, nếu một mình đồng chí gánh thì phải mất một buổi, 4 giờ, lại rất mệt nhọc. Nếu đồng chí biết tận dụng, đồng viên anh em tham gia, họ làm tuy chậm, nhưng trong một buổi cũng gánh được 4 gánh, đồng chí chỉ phải gánh 6 gánh và như vậy đồng chí còn thời gian mà đỡ mệt nhọc, lại rèn luyện được cho anh em, dần dần anh em cũng làm được như đồng chí, thế là được người, được việc, có lợi cả hai bên, lại vui vẻ đoàn kết.

Trong buổi đầu kháng chiến hồi 1946 - 1947, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của cán bộ, chiến sĩ rất ít ỏi, món chủ lực là "nước mắm toàn quốc (cách pha chế: 1 mắm 3 nước), món phụ là "mắm dúi" nghĩa

là muối giá với ớt. Trong bữa ăn, cơ quan ngồi chung một bàn dài khoảng 10 - 12 người, vừa là bữa ăn, vừa chung vui trò chuyện để đưa miếng cơm cho ngon miệng. Riêng đối với anh Chánh, trên có chi thêm một ít tiền vào bữa ăn để bồi dưỡng cho anh đủ sức làm việc. Nói là bồi dưỡng, nhưng trong lúc bị địch đánh phá ác liệt, ngoài biển bị phong tỏa, thứ gì cũng hiếm và đắt đỏ, muối cũng không có mà ăn, bộ đội và nhân dân phải đi gánh nước biển về nấu thành muối để ăn, nên không biết mua thứ gì, nấu làm sao cho được. Thú thật, tôi phải san sẻ khẩu phần chung, cộng với tiền bồi dưỡng của anh nên mỗi bữa tôi mới có thể làm riêng cho anh được một món, bữa thì quả trứng, bữa đĩa xào, hoặc lát cá, miếng thịt, và tôi để về phía anh ngồi, nhưng anh lại đưa qua phía các cháu thiếu sinh quân. Tôi buộc phải đem chế độ ra trao đổi với anh, anh lại bảo: Biết thế nhưng mình quen kham khổ rồi, miễn ngồi chung trò chuyện vui vẻ là ngon cơm, ngon miệng rồi, dù sao cũng hơn nhiều so với khi bị đày ở các nhà lao đế quốc. Các cháu còn nhỏ cần được bồi dưỡng chút ít để chúng nó phát triển, nên dành cho các cháu, có sai anh chịu, em đừng lo. Sau đó, tôi phải bố trí cho các cháu ngồi gần anh để chú cháu cùng ăn cho vui. Nhưng lại xảy ra chuyện khác, khi các cháu được biết chuyện thì các cháu lại nhường cho anh, chú cháu nhường nhau, cuối cùng không ai ăn. Tôi lại trở thành anh chiến binh thu dọn "chiến trường". Trong cái khó ló cái khôn, từ lòng thương anh và chiều theo ý anh, các món ăn trong bữa tôi nấu đồng

loạt, nhưng các tô, các đĩa để chỗ anh và các cháu tôi dành riêng một phần thức ăn pha trộn vào. Từ đó tôi thấy mình đã làm được một việc, như người bắn một mũi tên trúng nhiều mục tiêu: bảo đảm chế độ cho anh, nuôi dưỡng được các cháu, chan hòa với anh em, và như thế, tôi đã hoàn thành trách nhiệm, tôi thấy vui và nhẹ nhõm...

Một hôm tôi cùng đi với anh xuống Tiểu đoàn 50 đóng ở Bình Định khi kiểm tra biết có một số cán bộ đại đội đánh một chiến sĩ, bị chiến sĩ đánh lại, anh cho tổ chức sinh hoạt đại đội và anh đến dự. Anh cảnh cáo chiến sĩ đó và nhắc anh em không được có hành động như vậy. Nếu cán bộ có sai thì báo cáo lên cấp trên xử lý, hành động như vậy là cán bộ cũng sai, chiến sĩ cũng sai, mọi người phải biết kính trên nhường dưới, trên dưới một lòng, đoàn kết thống nhất, kỷ luật nghiêm minh mới tạo thành sức mạnh để chiến thắng. Tôi tưởng anh chỉ giáo dục chiến sĩ có như vậy thôi. Nhưng đến chiều, anh cho triệu tập cán bộ toàn tiểu đoàn và phê bình đồng chí cán bộ đánh chiến sĩ. Anh nói: Chiến sĩ đánh lại anh là sai phạm. Con người cũng như các loài động vật, khi bị đánh, dù lớn nhỏ đều có sự phản ứng tự vệ, yếu như con giun cũng giãy giụa... Với con người lại là chiến sĩ của quân đội cách mạng, cho dù hành động của chiến sĩ có sai đi nữa mà anh đánh họ là xúc phạm thân thể công dân, là sai với Hiến pháp, trái với Điều lệnh của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là bài học chung cho chúng ta. Từ nay trở đi, cán bộ nhất thiết không được có hành

động quân phiệt, đối với chiến sĩ và cấp dưới. Có như vậy mới đảm bảo kỷ cương, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong đơn vị, trên dưới một lòng, tạo sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng.

Phong trào rèn cán chỉnh quân vào những năm 1948 - 1949, trước hết rèn luyện Điều lệnh nội vụ và quân phong quân kỷ cũng giống như học trò bắt đầu vào học phải: tiên học lễ, hậu học văn. Với cơ quan chỉ huy, anh luôn nhắc nhở anh em phải mô phạm. Trong hoàn cảnh khó khăn lấy đâu ra xà phòng, bàn là để giặt và là quần áo. Với kinh nghiệm trong tù, anh bày cho anh em lấy tro bếp lọc nước để giặt cho sạch, bày cách là quần áo "theo kiểu Cường Để".

Anh kể: "Khi Pháp xâm lược nước ta, Cường Để chạy sang Đông Kinh, Nhật Bản, cầu cứu Nhật hoàng giúp đánh đuổi thực dân Pháp. Triều đình Nhật thấy không thể lợi dụng được ông để thực hiện mưu đồ xâm lược của họ, nên Nhật hoàng xa lánh, bỏ rơi ông thân cô, thế cô, ông phải sống tự lập. Mặc dù gặp khó khăn mọi bề, ông vẫn giữ phong độ của người Việt Nam sống trên đất Nhật, ông phải tự giặt và là quần áo bằng cách: tối ngủ trải quần áo dưới đệm nằm lên, sáng mai quần áo có ly, có nếp phẳng phiu, ngay ngắn như là thật. Các chú thử làm xem". Từ đó, anh em và tôi đều làm kiểu đó, nên lúc nào quần áo cũng chỉnh tề.

Do tàn dư phong kiến để lại, hồi bấy giờ không ít cán bộ còn khinh thường, thiếu tin tưởng vai trò của phụ nữ. Có lần anh nói chuyện với cán bộ về vai trò của phụ nữ trong gia đình, trong xã hội, anh

nói: "Mẹ chúng ta là phụ nữ, các mẹ mang nặng đẻ đau, nuôi dưỡng, dạy dỗ chúng ta nên người, tục ngữ có câu "công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Công ơn của phụ nữ to lớn như vậy, hễ ai khinh thường phụ nữ là khinh thường mẹ mình, là bất hiếu". Mặt khác anh động viên cần giúp đỡ hướng dẫn cho chị em làm tốt công tác. Anh rất quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ phụ nữ trong Liên khu trưởng thành...

Ngay từ buổi đầu kháng chiến, trong quân đội ta đã có sử dụng một số sĩ quan đồng minh đã giác ngộ theo ta. Trong cơ quan Quân khu cũng có một sĩ quan quân đội Đức giác ngộ theo đồng minh chống phát-xít Đức, tên là Hồ Chí Long (tên Việt Nam mới) được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được sinh hoạt trong chi bộ cơ quan và cùng một tổ Đảng với anh Chánh. Là người Âu châu, đồng chí ấy rất quý chó và ham thích nuôi chó. Một hôm, đồng chí vào Bồng Sơn, Bình Định, xin được con chó béc-giê đem về nuôi rất chu đáo, nhường cả tiêu chuẩn ăn cho chó. Chi bộ sợ đồng chí không có ăn, sức khỏe giảm sút, đã họp quyết định đồng chí phải đem chó đi trả. Đồng chí thực hiện nghị quyết chi bộ một cách nghiêm túc. Lúc đó, anh Chánh đi công tác ở Bình Định. Khi về thấy đồng chí Long buồn, anh hỏi mới biết đầu đuôi câu chuyện. Anh mời các đồng chí chi ủy họp và nhất trí để đồng chí Long nuôi lại con chó theo sở thích của người Âu châu và tìm cách tăng tiêu chuẩn cho đồng chí để đồng chí bảo đảm sức khỏe và nuôi được chó. Anh còn gọi tôi bảo: "Chú có biết người Âu châu thích ăn

món gì không?". Tôi đang do dự và quả thật tôi không hề biết điều đó, thì anh nói: "Người Âu châu họ thích ăn các món rán. Ở ta có sẵn củ lang, củ mì (sắn), chuối, cà dĩa (cà to trái), đu đủ, v.v. lại sẵn dầu dừa. Từ nay, chú phục vụ đồng chí Long luôn. Hàng ngày chú thái và ngâm nước tro bếp các thứ đó cho cứng, khử dầu dừa cho khỏi hôi, rồi rán cho đồng chí Long ăn, vừa rẻ tiền, vừa bổ và hợp khẩu vị. Chú nhớ, các món đó phải thay đổi từng bữa, làm được như vậy vừa bảo đảm sức khỏe cho đồng chí Long, vừa nuôi được chó để đồng chí khỏi cô đơn, tạo nguồn phấn chấn cho đồng chí công tác tốt, anh tin chú làm được". Từ đó tôi đã thực hiện sự hướng dẫn của anh và đã thành người đồng chí, người chiến hữu thân thiết nhất với đồng chí Hồ Chí Long. Nhưng rất tiếc, không biết vì ý thức chấp hành nghị quyết chi bộ hay vì lý do gì mà đồng chí Long không đem chó về nuôi nữa...

Mỗi khi cùng anh Chánh đi xuống các đơn vị, anh đều nhắc nhở phải mang theo gạo, thức ăn để tự nấu, anh em cùng ăn. Vì quỹ tiếp tân của đơn vị hàng tháng chỉ có 500 đồng tín phiếu, nếu anh em đãi mình thì khách ba chủ nhà bày là hết sạch, buộc ta phải cho thêm 500 hoặc hơn nữa. Như vậy, ngân sách Nhà nước phải chi hai lần. Trong lúc nhân dân đang gặp nhiều khó khăn, sự đóng góp cho ngân sách rất hạn hẹp, ta hạn chế chi tiêu chừng nào hay chừng ấy...

Những lần anh đi công tác mà tôi phải ở nhà, thì tùy theo thời gian, một ngày anh giao tờ báo, hai ngày anh giao quyển sách mỏng như *Điều lệ Đảng*,

*Đạo đức cách mạng*, còn ba, bốn ngày thì anh giao sách dày như *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*, anh bảo ở nhà đọc, khi về anh sẽ kiểm tra. Anh hỏi: Báo nói những gì, điều gì thích thú cần học tập. Sách có mấy mục, mục nào cần vận dụng vào cuộc sống và công tác. Nhờ đó mà không những tôi biết cách đọc sách báo, mà còn học được nhiều trong sách báo, nâng cao trình độ lý luận, nâng cao kiến thức để vận dụng vào các cương vị lãnh đạo của người đảng viên, của người chỉ huy sau này.

Được gần gũi anh, học tập đức tính của anh, được anh giáo dục, dìu dắt nên tôi từ một người dân nỏ lệ, đói cơm, mù chữ đã trở thành một đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1947), rồi được tin nhiệm giao cho các cương vị lãnh đạo, chi ủy viên, đảng ủy viên tiểu đoàn, trung đoàn, tỉnh ủy viên, thường vụ tỉnh ủy, từ người chiến sĩ giúp việc cho anh đã trở thành người chỉ huy tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn và tỉnh đội trưởng. Ở cương vị nào tôi cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được cấp trên tin nhiệm, được anh em quý mến, kính trọng, được nhân dân yêu thương, và đáng tự hào nhất là được Đảng và Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mọi cống hiến, mọi thành tích mà tôi đạt được đều bắt nguồn từ những đức tính do anh truyền lại, nên suốt đời tôi không bao giờ quên mà còn càng rèn luyện để xứng đáng là người em gần gũi của anh, được anh dìu dắt trưởng thành.

L.Q.B.

## ANH NGUYỄN CHÁNH, MỘT CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH

LÝ VĂN SÁU  
(Nguyễn Bá Đản)

Đối với anh Nguyễn Chánh tôi chỉ là một người em và là một cán bộ dưới quyền. Nhưng thời gian được sống gần anh đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc và những kỷ niệm không phai mờ. Đó là hình ảnh một con người kiên nghị, giản dị, có cái nhìn sâu rộng, sống gần gũi với mọi người. Anh là nhà lãnh đạo chính trị lỗi lạc, vị tướng tài năng, nhưng với tôi, anh mãi mãi là con người chân chính.

Mãi tới đầu năm 1949, từ cực Nam ra Liên khu công tác, tôi mới được gặp anh. Lúc bấy giờ Liên khu ủy có mở một lớp bồi dưỡng văn hóa cho các đồng chí hoạt động cách mạng lâu năm. Lớp học ở làng Sung Tích, huyện Sơn Tịnh, trên bờ sông Trà. Tôi may mắn được chọn làm một trong những "giáo viên" cho các anh chị. Anh Chánh không học lớp này nhưng anh thỉnh thoảng lại ghé thăm, xem lớp học hoạt động ra sao, tình hình sinh hoạt và sức khỏe các học viên. Anh thường ngồi ở sau cùng lắng

nghe chúng tôi trình bày bài học, thỉnh thoảng lại ghi chép trong sổ tay nhưng không hỏi gì. Chỉ sau giờ học, anh mới thân mật gọi tôi ra, hỏi han về cuộc sống và góp ý về nội dung và cách giảng bài. Thú thật, đối với tôi là một sinh viên, mới tham gia cách mạng, chưa có kinh nghiệm sư phạm, lại mặc cảm về tuổi tác, trình độ, tôi rất "ngợp" khi phải "dạy" những đồng chí cao tuổi mà tất cả đều là những đồng chí lãnh đạo tôi. Anh Chánh đã ân cần trò chuyện làm cho tôi an tâm làm việc. Tôi còn nhớ anh bảo: Chúng tao lớn lên chân trâu, chân bò rồi theo cách mạng, có điều kiện học hành lám đâu, trường học chủ yếu là trong tù, nơi lưu đày. Dốt là phải và dốt thì phải học, đó là nhiệm vụ cách mạng, cậu dạy cho chúng mình cũng là làm công tác cách mạng, không có gì phải tự ti, mặc cảm. Tôi nghiệm thấy không phải chỉ có anh mà hầu hết các đồng chí trong lớp đều đối với tôi với tấm lòng thương yêu như vậy, đều chăm chú học tập rất nghiêm túc. Tôi nhớ mãi trong lớp lúc đó có đồng chí Trương Quang Giao vẫn thường gọi tôi là "thầy Đan".

Bẵng đi một thời gian, do tôi công tác ở Đài Phát thanh đóng trên núi nên không có dịp gặp anh, nhưng tôi vẫn thường nhận được sự chỉ đạo và lời thăm hỏi của anh qua các đồng chí về khu làm việc hoặc lên thăm Đài. Anh không quên gửi cho chúng tôi thuốc chống sốt rét là thứ quý nhất và thiếu thốn nhất hồi ấy.

Mãi đến Đại hội Đảng Liên khu ở La Vương, năm 1952, tôi mới lại gặp anh. Lúc bấy giờ anh đã

là Ủy viên Trung ương dự khuyết, được bầu tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai. Anh về Đại hội với bộ quần áo xi-ta, quần xắn móng lợn vì trời mưa, đường trơn. Anh vẫn là con người khiêm tốn dễ thương. Tôi được nghe anh trình bày: sau khi được bầu vào Trung ương Đảng anh rất lo, nghĩ rằng mình không đủ sức đảm đương trọng trách và anh đã giải bày mối lo lắng đó với Bác Hồ. Bác cười vỗ vai anh và nói: *"Làm cách mạng là luôn luôn phải học tập, có ai sinh ra để làm Trung ương đâu. Chú cứ an tâm, Đại hội tin nhiệm bầu chú vào Ban Chấp hành Trung ương là có cân nhắc, chú về trong đó cố gắng làm tốt trách nhiệm của mình. Các đồng chí và Bác luôn theo dõi và giúp chú"*. Tôi có cảm giác, mặc dầu được Bác giải đáp, anh vẫn không an tâm và hành động của anh càng thận trọng hơn, tác phong anh càng gần gũi với đồng chí hơn, anh càng sống gần với chiến sĩ và đồng bào hơn. Anh bắt tay tôi hỏi thăm xem có còn bị sốt rét không và anh chị em ở Đài công tác tiến bộ không.

Thế rồi cuộc kháng chiến lại làm cho tôi không có dịp gần anh, chỉ được nghe tin về anh qua các chiến dịch mà anh là Tư lệnh và được đưa tin về các chiến công của quân dân Liên khu 5 dưới sự lãnh đạo của anh.

Tập kết ra miền Bắc, tôi được điều về công tác tại Ủy ban đấu tranh hiệp thương và thống nhất đất nước, lúc bấy giờ đóng ngay trong Phủ Chủ tịch và do đồng chí Phạm Hùng lãnh đạo. Cuộc đấu tranh này cũng gay go, gian khổ. Quân thù vẫn từ chối

tổng tuyển cử, chúng tăng cường đàn áp, khủng bố đồng bào, trong đó có đồng bào Liên khu 5, với những làng mạc, địa danh từng gắn bó với chúng tôi trong những năm dài kháng chiến. Lòng chúng tôi như bị xát muối. Chúng tôi thường tìm đến anh. Nhà anh lúc đó ở đường Lý Nam Đế. Mặc dầu với chức vụ cao nhưng anh vẫn sống giản dị như ngày nào. Anh nói với chúng tôi về những suy tư của anh về cuộc đấu tranh còn phải lâu dài, gian khổ.

Lần cuối cùng tôi được gặp anh, đó là đầu năm 1957, khi tôi sắp lên đường sang Liên Xô học tập. Tôi đến chào anh và hỏi: Em đi học những bốn năm, nếu trong thời gian đó mà nước nhà thống nhất được thì anh cho gọi chúng em về. Anh nói: Cậu cứ yên tâm mà đi, tình thế này chưa thống nhất ngay được đâu, có khi các cậu học xong rồi mà nước nhà vẫn còn bị chia cắt, cuộc đấu tranh này còn gian khổ lâu dài, đổ máu hơn cả những năm kháng chiến.

Lúc bắt tay tiễn tôi, nét mặt anh buồn và nghiêm nghị. Anh đang suy nghĩ tới cuộc chiến đấu mà anh vừa nói đó chẳng?

Cuối năm 1957, qua báo Nhân Dân, chúng tôi được tin anh đã ra đi và không bao giờ chúng tôi còn được gặp lại anh nữa. Anh ra đi nhẹ nhàng như anh đã sống. Có lẽ anh chỉ mang theo gánh nặng canh cánh bên lòng về những lo âu, trăn trở cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam, trong đó có đồng bào Quảng Ngãi quê hương anh. Cuối tuần đó, chúng tôi mời cháu Tuyết, con gái anh lúc bấy giờ đang học tại Mát-xcơ-va và con một số đồng chí

khác cũng ở Liên khu 5 tới dự bữa cơm thân mật. Quanh mâm cơm Việt Nam trên quê hương Lê-nin, chúng tôi cùng khóc, cùng nhắc đến anh, cùng nhớ anh, một chiến sĩ cộng sản, một CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH.

Mãi đến 46 năm sau, tháng 9 năm 1994, cũng vào tháng anh qua đời, chúng tôi mới có dịp được vào thăm xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, nơi người con chân chính đó của đất nước đã ra đời, lớn lên và làm cách mạng. Cùng đi với chúng tôi có anh Nguyễn Ngoan - người cháu gọi anh là chú - cũng đã trên sáu mươi tuổi. Bờ sông Trà ngút ngát màu xanh của mía, màu vàng của màu lúa sắp gặt. Chúng tôi lại cùng nhắc về anh và cảm thấy như anh đang nhìn chúng tôi với nét mặt lúc đêm chiều, lúc tươi cười. Những hoài bão của anh ngày nay đã thành hiện thực.

L.V.S.

## KHỐC THƯƠNG ANH NGUYỄN CHÁNH

LÊ CHÁNH HỒ

*Du kích Ba Tư*

Cả cuộc đời phục vụ cách mạng, anh Nguyễn Chánh có nhiều cống hiến cho đất nước, cho Đảng, cho dân và cho quê hương. Nếu còn sống thì trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chắc anh còn cống hiến được nhiều hơn.

Thương nhớ anh vô cùng, tôi ghi lại vài điều sâu đậm nhất về anh, vẫn khắc sâu trong tôi mãi mãi.

Được tin anh Nguyễn Chánh làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ thuộc Bộ Quốc phòng, anh em cán bộ chúng tôi, miền Nam cũng như miền Bắc, trong toàn quân, đều rất mừng và rất tin tưởng ở tài năng, đức độ, lòng nhân hậu của anh đối với cán bộ cũng như đối với mọi người.

Trên cương vị người lãnh đạo và chỉ huy, anh rất quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các cấp về các mặt, đặc biệt anh là một vị lãnh đạo rất giỏi trong việc dùng người. Về điểm

này, tôi thấy anh xứng đáng là học trò của Bác Hồ. Anh đã phát huy được khả năng của mọi lực lượng công - nông, thanh niên, trí thức, v.v. dùng người đúng vị trí, đúng cương vị, đúng khả năng. Anh có tài thu phục và sử dụng trí thức. Có đồng chí trí thức ở nơi khác không phát huy được nhưng gặp anh thì phát huy tốt, cho đến nay, nhiều anh em trí thức vẫn thường tâm sự với tôi như vậy. Bên cạnh việc sử dụng và phát huy hết khả năng và cái mạnh của anh em cán bộ trí thức, anh rất quan tâm chăm sóc bồi dưỡng và sử dụng nhằm phát huy hết mặt mạnh của đội ngũ cán bộ cách mạng lão thành, cán bộ công - nông cốt cán. Anh có biệt tài đoàn kết được cán bộ công - nông và cán bộ trí thức, làm cho họ thật sự tin nhau, hợp tác với nhau, cùng đưa cuộc kháng chiến và sự nghiệp cách mạng không ngừng phát triển lớn mạnh.

Bản thân tôi được như thế này là nhờ ơn Đảng, ơn Bác, nhưng trực tiếp là nhờ anh Chánh. Khi tôi vào du kích Ba Tơ, văn hóa chỉ mới lớp 2. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, anh đã hai lần cho tôi vào học trường văn hóa. Lần đầu tiên tôi học hết lớp 6, lần thứ hai hết lớp 8. Tiếp theo, tôi lại được vào học ở trường Quân chính Liên khu. Sau đó, tôi được bổ nhiệm đại đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 89 đi lên miền Tây Quảng Ngãi xây dựng cơ sở. Đối với cán bộ công - nông ít được học, anh đào tạo và bồi dưỡng rất toàn diện, cả chính trị, quân sự, văn hóa, đạo đức, mối quan hệ với mọi người, v.v. Nhờ đó mà suốt trong 37 năm phục vụ quân đội, trong

kháng chiến cũng như trong hòa bình lúc công tác ở cơ quan Bộ Quốc phòng, ở đơn vị làm bất kỳ công tác gì, tôi cũng luôn hoàn thành được nhiệm vụ chuyên môn, cũng như công tác đảng - công tác chính trị, giữ được phẩm chất người cộng sản, quan hệ tốt với mọi người...

Với cương vị và trọng trách của người đứng đầu ở miền Nam Trung Bộ, phải trực tiếp chịu trách nhiệm chính về tất cả các mặt trên địa bàn chiến lược này, anh Chánh đã cùng tập thể rất nghiêm túc chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và của Bác Hồ.

Việc tiến hành thành công chủ trương "diệt giặc đói", xóa nạn mù chữ ở vùng tự do Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp là một kỳ tích, làm cho nhiều nơi khác phải ngạc nhiên. Nhiều đồng chí ở Quân khu 4 hỏi bảy giờ, cũng có vùng tự do, đều khen và phục vụ thành tích này và thường nói: Trong điều kiện kháng chiến vô cùng khó khăn như thế mà các cậu vừa đánh giặc giỏi, vừa sản xuất giỏi, mà lại còn xóa được nạn mù chữ, thật là một kỳ công, một điển hình đặc sắc, hiếm có!

Chủ trương tăng gia sản xuất tự cấp tự túc để thực hiện phương châm "ăn no, đánh thắng", được anh Chánh cùng tập thể lãnh đạo của Liên khu ủy đặc biệt quan tâm. Liên khu 5 bị giặc Pháp bao vây bốn phía, sự chi viện của Trung ương gặp nhiều khó khăn và rất hạn chế, nên lãnh đạo Liên khu 5 coi đây là chủ trương sống còn của cách mạng, của cuộc kháng chiến. Tất nhiên, chính sách diệt giặc đói là do Bác và Trung ương đề ra và được đồng chí Phạm

Văn Đông chỉ đạo thực hiện từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Nhưng anh Chánh là người cùng tập thể không chỉ duy trì được mà còn phát triển phong trào tăng gia sản xuất lên một bước cao, đẩy mạnh kinh tế của ta, đấu tranh kinh tế với địch. Cao trào tăng gia sản xuất đã phát triển sâu rộng trong toàn quân và toàn dân. Ở miền Tây, bộ đội chúng tôi đến đâu, ở đâu, đều hăng hái tăng gia sản xuất, đến mức đã thành thói quen, không làm thì không chịu được. Ở thì dùng, đi thì giao lại cho dân. Anh Chánh yêu cầu đơn vị phải định kỳ báo cáo thành tích tăng gia. Nhờ đó, Liên khu 5 trong suốt chín năm kháng chiến không những đủ dùng cho mình mà còn chi viện cho các chiến trường khác. Tôi nhớ, đời sống của nhân dân và bộ đội hồi đó được cải thiện nhiều, có thể nói là sướng hơn nhiều chiến trường khác. Các anh ở Quân khu 4 vào và Nam Bộ ra đều có nhận xét như vậy.

Với nhân dân anh có cái nhìn, một tình thương và sự quan tâm đặc biệt. Anh không chỉ quan tâm chăm lo cho dân mà còn rất tin và đồng cảm với dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc ít người ở miền Tây. Dầu công việc rất bận anh vẫn dành thời gian đi về các bản làng, hoặc trên đường đi công tác anh tranh thủ ghé vào nhà quen hoặc nhà dân để tìm hiểu đời sống, những khó khăn và nguyện vọng của họ. Điển hình như: việc anh giải quyết vụ Sơn Hà, khi anh ở Việt Bắc về; việc cứu đói cho dân trong năm 1952, v.v.

Một điểm nổi bật ở anh Chánh là lòng nhân hậu, tình thương yêu cán bộ, sự chăm lo hết lòng đến

cuộc sống tình cảm hạnh phúc gia đình của họ. Một sự chăm lo, một tình thương chân thành, rất tự nhiên vốn có ở anh, không một chút tư hào cho bản thân mình. Ai có khó khăn, anh đến khuyên bảo, trực tiếp giúp tháo gỡ; ai có khuyết điểm, lỗi lầm, anh càng đến, không ghét bỏ, không định kiến mà tỏ sự đồng cảm, khuyên răn, vừa nghiêm khắc vừa chân tình. Vì vậy, anh em chúng tôi thường nói với nhau: "Mỗi khi có lầm lỗi hề gặp cụ Chánh mình càng thấy hối hận và càng quyết tâm sửa chữa nhiều hơn".

Trong những năm tháng chiến đấu dưới sự chỉ đạo và chỉ huy của anh, trong đầu óc tôi vẫn khắc đậm hình ảnh anh như một nhà lãnh đạo và chỉ huy chẳng những rất tài giỏi về chính trị, chỉ đạo chiến tranh, xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng tự do, hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến ở miền Nam Đông Dương, mà còn giỏi chỉ huy về chiến lược, chiến dịch, điều hành từng trận đánh, rất quyết đoán, linh hoạt, táo bạo và sắc sảo, có tác phong rất sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ.

Việc đưa quân chủ lực lên Tây Nguyên là một thành công có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong chiến cục Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954 ở chiến trường Liên khu 5, cả Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia. Khi trao đổi với tôi về chiến dịch Tây Nguyên, anh Đoàn Huyền nói: Có chiến dịch Tây Nguyên, mới có chiến thắng ở Hạ Lào và Đông - Bắc Cam-pu-chia. Tôi nhớ hồi đó, các đồng chí lãnh đạo các tỉnh và một số đồng chí trong Liên khu ủy cũng như Bộ tư lệnh Liên khu 5 lúc đầu còn chưa

thật nhất trí về chủ trương đưa khối chủ lực tiến công lên Bắc Tây Nguyên. Nhưng quán triệt ý định của Bác và Trung ương, anh Chánh đã kiên trì thuyết phục và kiên quyết thực hiện thành công lớn. Ở chỗ nào hoặc đơn vị nào đó còn chưa thông, anh bảo phải nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh và thực tiến thắng lợi trên chiến trường sẽ chứng minh. Công tác tư tưởng của anh lúc đó thật là tuyệt vời.

Mở màn chiến dịch này ta dùng hai trung đoàn chủ lực đánh hai đồn Mang Đen và Kom Rầy, còn Tiểu đoàn 89 của chúng tôi phối hợp với đặc công nhận nhiệm vụ tiêu diệt đồn Mang Bút. Đồn này, anh Hồ Xuân Anh của Trung đoàn 108 đã đi chuẩn bị chiến trường. Sau đó Bộ tư lệnh Liên khu do anh Chánh trực tiếp quyết định giao lại cho chúng tôi. Sử dụng lực lượng như vậy là nhằm tập trung lực lượng chủ yếu vào nhiệm vụ tiêu diệt Mang Đen, Kom Rầy và phát triển lên Bắc Kon Tum.

Mang Bút là một cứ điểm có công sự vững chắc, có hệ thống hỏa lực và vật cản mạnh, do một đại đội địch chiếm giữ. Với một cứ điểm như vậy mà lại giao cho một tiểu đoàn địa phương phối hợp với đặc công đánh nên các anh đề ra cho chúng tôi nhiệm vụ, có 2 mức: một là tiêu diệt; nếu không tiêu diệt được thì bao vây, không cho địch rút chạy. Khi giao nhiệm vụ, anh Chánh còn dặn đi, dặn lại chúng tôi: "Chờ khi nào Mang Đen nổ súng thì Mang Bút mới được nổ súng". Đây là vì lợi ích chung của toàn chiến dịch, các cậu phải chấp hành nghiêm túc".

Chúng tôi quyết thực hiện phương án thứ nhất. Trận đánh diễn ra gay go, ác liệt và kéo dài đến 8 giờ ngày 28 tháng 1 năm 1954 mới xong. Chúng tôi chưa kịp báo cáo. Tướng căn cứ Mang Bút chưa giải quyết xong nên các anh cho một lực lượng của Trung đoàn 108 đến giúp. Khi đơn vị đến nơi, chúng tôi chỉ còn có việc bắt tay chúc mừng chiến thắng.

Sau trận đánh đó, đơn vị tôi được thưởng Huân chương Quân công, còn tôi được đề bạt lên chức tiểu đoàn trưởng. Tôi rất xúc động và hứa càng cố gắng xứng đáng với công lao đào tạo và lòng tin của anh.

Cuộc kháng chiến của quân và dân Liên khu 5 đang phát triển trên thế "chẻ tre", vô cùng thuận lợi thì được lệnh đình chiến, chuyển quân tập kết ra Bắc, giao vùng tự do và các khu vực giải phóng cho địch. Đó là nỗi buồn và day dứt của Liên khu 5.

Khi ở miền Bắc, có lần anh gọi tôi đến chơi và tâm sự về thế cuộc, nhất là tình hình đấu tranh của đồng bào miền Nam. Anh thường dặn căn phải chuẩn bị sẵn sàng, trước sau anh em ta cũng sẽ với chiếc ba lô trên vai vượt Trường Sơn về giải phóng quê hương như đã hứa với đồng bào trước khi đi tập kết...

Không ngờ anh lại ra đi quá sớm và quá đột ngột. Chúng tôi chỉ còn biết tiễn đưa anh về nơi yên nghỉ cuối cùng bằng nước mắt tiếc thương vô hạn!

L.C.H.

## ANH NGUYỄN CHÁNH MỘT PHONG CÁCH ĐỘC ĐÁO

*Đại tá NGUYỄN AN TRƯỜNG*

Tôi biết anh Nguyễn Chánh từ trước khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, còn trực tiếp làm việc với anh thì từ năm 1950 cho đến hết cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5.

Những mẩu chuyện về anh thì nhiều lắm, phong phú và sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, trong công tác và cả trong tình cảm riêng tư. Câu chuyện thật về con người thật mà sao cứ như huyền thoại. Anh là người có công lao to lớn đối với Liên khu 5. Không những anh là người lãnh đạo và chỉ huy rất tài năng cả về chính trị và quân sự, đóng góp xuất sắc vào việc chỉ đạo xây dựng và củng cố chính quyền, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, văn học và nghệ thuật, khối đoàn kết toàn dân ở miền Nam Trung Bộ mà còn là con người có đạo đức, độ lượng và bao dung, sống hết mình vì mọi người, vì đồng bào ruột thịt.

Có thể nói, anh là một vị tướng toàn tài.

Về phần mình, tôi chỉ xin ghi lại một vài mẩu chuyện có quan hệ đến lĩnh vực chuyên môn trong công tác của mình cũng như đối với tình cảm gia đình chúng tôi.

Anh có phương pháp làm việc rất đặc biệt.

Từ năm 1950, tôi về nhận chức Trưởng ban Bảo vệ Quân pháp thuộc Phòng chính trị Liên khu 5. Anh Chánh, Chính ủy Liên khu, trực tiếp chỉ đạo công tác bảo vệ, quân pháp, tòa án và trại giam.

Khi trao đổi bàn bạc công việc với cấp dưới, anh hoàn toàn khác với nhiều cấp chỉ huy mà tôi đã gặp ở chỗ anh không bao giờ có thái độ trịch thượng, không tỏ ra là mình hiểu biết hơn người, mà chịu lắng nghe ý kiến của cấp dưới, bàn công việc bằng cách trao đổi, tọa đàm rất thoải mái, nhưng rất sâu, làm cho cấp dưới tự tin hơn và phấn khởi hơn khi bắt tay vào công việc. Đối với tôi, phong cách làm việc của anh đã để lại cho tôi những ấn tượng rất sâu đậm.

Khi mới nhận nhiệm vụ Trưởng ban Bảo vệ, tôi lo không biết làm thế nào, vì chưa được qua một lớp vỡ lòng về công tác này. Nhiều lúc muốn lên xin ý kiến anh, nhưng lại ngại vì lần đầu gặp thủ trưởng, chưa biết tâm tính của anh thế nào. May mà anh lại gọi tôi lên làm việc. Tôi cố chuẩn bị kỹ mọi nội dung để báo cáo anh rõ ràng nhưng vẫn hồi hộp.

Gặp anh rồi thì những lo lắng của tôi được giải tỏa dần bởi ngay những giây phút đầu tiên, tôi đã

nhận được ở anh một thái độ thân mật, nhẹ nhõm, tươi cười, đôi mắt rất tinh nhanh lúc nào cũng như cười. Anh hỏi tôi về tình hình công tác khi còn ở đơn vị; tình hình sức khỏe gia đình, vợ con. Tôi trình bày vắn tắt với anh, cứ như nói chuyện với một người anh. Nghe tôi nói anh tươi cười, vui vẻ rồi đi vào công việc. Anh hỏi:

- Cậu thấy công tác thế nào?

- Báo cáo anh, phức tạp quá, không biết làm thế nào cho tốt.

- Mình cũng thấy như thế - anh nói - nhưng phải xem cái nào quan trọng nhất, nắm mà làm. Còn việc khác thì giao cho đồng chí Lê Tự Thắng, phó ban. Công tác bảo vệ là quan trọng nhất, cậu phải trực tiếp nắm lấy.

Tôi chăm chú lắng nghe anh nói tiếp: "Công tác bảo vệ là thế nào? Công tác bảo vệ là giữ gìn nội bộ là đúng rồi, nhưng chỉ có giữ thôi thì không được, thụ động lắm, phải tiến công để bảo vệ". Nghe đến đây, tôi thấy ngạc nhiên, nhưng nghĩ kỹ mới thấy sáng. Trong suốt quá trình phục vụ trong quân đội Liên khu 5, dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh, tôi thấy tư tưởng "tiến công để tự vệ" luôn rực sáng và xuyên suốt trong mọi lĩnh vực hoạt động của anh. Anh thường bảo: Phải tiến công địch, đánh phá hậu phương của chúng để bảo vệ vùng tự do. Điển hình nhất là cuộc tiến công lên Tây Nguyên để giữ vững vùng tự do, phá kế hoạch At-lan-te của tướng Na-va, Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương

vào cuối chiến tranh xâm lược Đông Dương (1953 - 1954).

Và cứ như thế, buổi làm việc tiếp tục rất thuận lợi. Anh hỏi, tôi biết tới đâu trả lời đến đó. Chỗ nào khó khăn anh lại giúp tháo gỡ, chỉ vẽ cụ thể. chỗ nào tôi nói đúng thì anh tỏ vẻ hài lòng, biểu dương.

Kết quả của buổi làm việc đầu tiên từ khi tôi nhận nhiệm vụ này đã làm cho tôi hình dung tương đối rõ về công việc mình đảm nhiệm và thấy tương đối cụ thể những việc phải làm và cách tiến hành.

Được nghe anh nói, tôi hiểu anh nắm vấn đề rất sâu, rất chắc, và rất nhạy với công việc. Mặc dù đây là công việc rất mới, những việc anh nêu ra rất lớp lang, tuần tự và giải quyết từng vấn đề rất tự tin và cụ thể.

Từ đó, trong quá trình triển khai công việc, khi gặp những vấn đề khó gỡ, tôi lại chạy lên nhờ anh chỉ bảo.

Một hôm, tôi lên làm việc với anh về trại giam, anh hỏi tôi tình hình trại giam thế nào. Tôi báo cáo trại giam đông quá. Anh bảo, cậu đến kiểm tra lại thật kỹ, chọn lọc những trường hợp nào không nghiêm trọng lắm thì thả bớt. Thực hiện chỉ thị của anh, tôi đến tận nơi xem xét từng trường hợp, rồi làm kế hoạch cho trại tiến hành giáo dục phạm nhân. Sau đó cho anh em về địa phương, ai tình nguyện ở lại quân đội thì cho xuống đơn vị.

Khi nghe tôi báo cáo việc thực hiện ý kiến của anh, anh bảo tôi phải cùng với các đồng chí có liên quan nghiên cứu cải tiến toàn bộ công tác trại giam, từ việc giáo dục cải tạo đến việc ăn ở, lao động,... thể hiện cho được tính nhân đạo của quân đội cách mạng, quân đội nhân dân.

Tuy công tác bảo vệ rất khó khăn và phức tạp, nhưng nhờ anh Chánh diu dặt, nên tôi dần dần trưởng thành được như hiện nay.

Anh Chánh còn có biệt tài nói chuyện. Anh nói rất hay, rất trôi chảy, mạch lạc và rất hùng biện. Tôi còn nhớ rất rõ sau khi Trung đoàn 96 do anh Nguyễn Minh Châu làm trung đoàn trưởng tiêu diệt binh đoàn cơ động 100 của Pháp, anh Chánh báo bộ phận giúp việc chuẩn bị cho anh một bài nói chuyện. Anh em thức mấy đêm chuẩn bị rất kỹ bài nói đó và đưa lên anh. Anh chỉ xem qua, xem rất nhanh và bảo được. Sáng hôm sau cán bộ các cấp về rất đông để nghe anh nói chuyện về chiến thắng này. Tôi ngồi theo dõi, nhưng thấy anh hoàn toàn không sử dụng bài viết mà anh em đã chuẩn bị. Anh nói liền trong bốn tiếng đồng hồ mà tất cả bộ đội đều ngồi im phăng phắc, không một tiếng động, như để cố thu nhận hết từng ý, từng lời anh nói.

Anh Chánh rất thương cán bộ. Đặc biệt anh rất chăm lo đến hạnh phúc gia đình của từng người một cách chân tình. Vào cuối 1950, khi duyệt danh sách số người đưa đi lao động sản xuất, tôi phát hiện ra người phụ trách là anh Nguyễn Hoa. Anh Hoa quê Tịnh Bình, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, là cán bộ cách

mạng bị tù và bị an trí ở Ba Tơ. Anh đã tham gia khởi nghĩa Ba Tơ, và hiện là một cán bộ rất nghiêm túc trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật, vui vẻ nhận và hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì. Còn đối với đồng chí, đồng đội thì anh luôn sẵn sàng vì mọi người, chân thành và gần gũi. Nhưng có lẽ vì không có gia đình nên anh ít nói, trầm lặng. Anh em rất quý mến anh.

Tôi hỏi anh Lê Tự Thắng ai đưa anh Hoa đi phụ trách lao động, rồi lên xin ý kiến anh Chánh. Anh Chánh rất ngạc nhiên và hỏi vặn tôi ai làm việc này và chỉ thị cho tôi phải tìm người thay anh Hoa ngay và anh quyết định rút anh Hoa về làm Phó ban Bảo vệ. Sau đó chuyển anh sang làm Phó ban Thông tin thuộc Phòng Tham mưu Liên khu 5.

Vào tháng 11 năm 1953, trên đường từ Việt Bắc về Liên khu 5, chúng tôi đi trước, đoàn của anh Chánh đi sau. Đến Bồng Lai, Quảng Trị, thì anh đuổi kịp, vì anh phải đi nhanh, vượt cung trạm để về kịp chuẩn bị mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên, anh bảo chúng tôi nhập đoàn cùng đi. Chúng tôi đi theo anh được vài ngày thì ngút hơi. Hôm thứ ba, đi được một quãng thì tôi tụt lại. Không thấy tôi, anh cho đoàn dừng lại và cho anh Thân Hoạt trở lại tìm tôi. Tôi cố theo anh đến Mỹ Chánh. Anh nhìn tôi và bảo: Cậu bị bệnh rồi. Vượt sông Mỹ Chánh xong, tôi bị sốt, anh liền hệ gửi tôi lại nhà dân và cử người ở lại chăm sóc tôi. Mấy hôm sau, tôi thấy khỏe, lại tiếp tục lên đường. Đến trạm Dương Hòa, được biết có đồng chí cùng đi về Liên khu 5, tôi mừng lắm, vì

chúng tôi sắp phải vượt qua đoạn đường thường bị địch phục kích. Nhưng khi vượt qua hết đoạn đường nguy hiểm này thì "người bạn đường" ấy lại quay trở lại. Tôi rất ngạc nhiên hỏi thì đồng chí ấy cho biết: "Anh Chánh dặn chúng tôi phải đưa các anh qua khỏi đoạn đường nguy hiểm này". Tôi siết chặt tay đồng chí ấy, lòng đầy xúc động.

Anh Chánh không chỉ là người lãnh đạo, người chỉ huy của tôi trong thời kỳ tiền khởi nghĩa (8-1945) và trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, mà còn là người anh cả đầy ân tình đối với gia đình tôi.

Quê tôi ở xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ tôi quê ở Thạch An cùng huyện, thuộc gia đình Minh Hương gốc Hoa, chuyên nghề buôn đường nên cuộc sống cũng khá giả. Vợ tôi lại được nuông chiều từ nhỏ.

Sau khởi nghĩa tháng Tám, năm 1945, tôi vào bộ đội và đi chiến đấu ở các tỉnh phía Nam. Đến 1950, tôi về công tác ở cơ quan Bộ tư lệnh Liên khu. Công việc cứ cuốn hút nên tôi ít về nhà. Biết được hoàn cảnh gia đình và điều kiện công tác của tôi, anh Chánh rất thông cảm nên cố tạo điều kiện cho tôi thỉnh thoảng được về thăm gia đình và cứ mỗi lần về thăm nhà, lại được nghe vợ tôi kể chuyện về anh Chánh đến thăm. Cô ấy nói với sự kính phục, quý mến anh Chánh như người anh cả, rất đổi kính thương: "Trên đường đi công tác, anh thường ghé thăm gia đình. Mỗi lần anh ghé thăm cũng chỉ thấy có vài đồng chí cùng đi theo bảo vệ. Anh chỉ hỏi thăm tình hình, động viên trong 5, 10 phút rồi lại

đi. Có lần đã sắp đến bữa cơm trưa, em cố nài anh ở lại ăn cơm trưa kéo nếu đi thì lỡ bữa. Thấy các đồng chí cùng đi tỏ vẻ đồng ý nên anh bảo, có gì ăn nấy, đừng bày vẽ, nếu cô bày vẽ thì lần sau tao không đến nữa.

Lúc nào ghé vào, anh cũng bảo, có gì gửi cho nó (tức là tôi) không, nhưng chỉ gửi ít thôi còn để mà nuôi con. Anh thường dặn: "Em còn trẻ, nó lại đi luôn, gian khổ và thiếu đủ thứ, đến điều thuốc cũng không có mà hút, nên em phải cố mà giữ cho trọn vẹn nếu không thì tội nghiệp nó". Em chỉ chảy nước mắt và hứa giữ đúng như lời anh dặn.

Có lần anh ghé vào thăm, thấy người vào ra mua đường đông đúc, anh bảo: "Thạch An phức tạp đấy, số người buôn bán qua lại lắm loại, em phải cảnh giác, đề phòng, đừng để xảy ra điều gì mà phụ lòng nó".

"Khi Hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết, địa phương tổ chức cho gia đình cán bộ đi tập kết theo quy định của trên. Em không muốn đi vì nghĩ rằng chỉ có hai năm anh lại về, đi xa quê hương, đất khách quê người, mình không quen. Trên lại cử đồng chí về thuyết phục nhiều lần, em cũng không đi. Một hôm, em nhận được thư anh Chánh, trong thư chỉ có mấy dòng. Anh bảo: Em phải đi, ở lại thì sẽ gặp nhiều khó khăn lắm, không lường được. Trong thư không thể nói hết, nhưng phải sắp xếp mà đi. Tin anh Chánh nên em mới đi".

"Đến hôm nay, được sống trong gia đình hạnh phúc, chúng tôi luôn tưởng nhớ đến anh. Để tạ lòng anh, tôi xin có mấy vần thơ:

## MƠ GẶP ANH NGUYỄN CHÁNH

### I

Vẫn quần áo vải, dép quai râu  
Vẫn dáng nhỏ nhoi trái dãi đầu  
Giọng nói tiếng cười vang ấm áp  
Như người anh ruột vắng nhà lâu.

### II

Anh đến hỏi tôi: các cháu đâu  
Học hành, công tác đã ra sao  
Cũng như ngày trước, khi làm việc  
Câu chuyện hậu phương, phần mở đầu.

### III

Tôi kể anh nghe những sự tình  
Anh cười ánh mắt sáng niềm tin  
Không đường cách mạng nào bằng phẳng  
Thắng lợi vượt trên mọi thác ghềnh.

### IV

Thế rồi anh lại tiếp đi xa  
Tôi tiễn chân anh mắt lệ nhòa  
Anh Nguyễn Chánh ơi! Anh vẫn sống  
Hòa trong suối nhạc vạn lời ca.

NAT.

## ANH NGUYỄN CHÁNH LÀ NGƯỜI SỐNG ĐẦY TÌNH NGHĨA

NGUYỄN THỊ NGA

*Nguyên Thủ trưởng Bộ Nội thương*

Tháng 9 năm 1945, tôi được điều về công tác ở Thường vụ Tỉnh đoàn Phụ nữ cứu quốc Quảng Ngãi. Lần đầu, tôi gặp anh Chánh, khi anh đến thăm chị Trinh (vợ anh, lúc ấy chị là Bí thư Tỉnh đoàn Phụ nữ) tại Tỉnh đoàn. Lần đầu được gặp anh mà sao tôi cảm thấy như đã thân quen từ lâu. Anh ân cần hỏi thăm gia đình tôi và chuyện trò rất thân tình, cởi mở. Anh tự giới thiệu, anh là đồng chí của ba tôi. Anh bảo: Gia đình em là gia đình có truyền thống cách mạng, em phải tự hào và cố gắng phấn đấu trong công tác, chịu khó học tập, đừng để hổ thẹn với ông cha. Anh kể: Ông nội tôi đậu tú tài nho học, đã tham gia vào các phong trào chống Pháp nên đã bị di tù ở Côn Đảo 9 năm và sau đó ở tù tại Quảng Ngãi 5 năm. Còn ba tôi đậu tú tài Tây học, người nho nhã, nói chuyện rất hay, đầy thuyết phục, là người hoạt động đầy nhiệt huyết, rất kiên cường, dũng cảm, đã nhiều lần thoát khỏi sự vây

lùng, bắt bớ của địch. Nhưng cuối cùng, ba tôi vẫn bị bắt là do sự phản bội trong nội bộ. Tên tuần vũ Nguyễn Bá Trác, một tên tay sai của Pháp, khét tiếng gian ác lúc bấy giờ, đã dùng mọi mảnh khước dụ dỗ, nào là "phải thức thời, cộng sản hết đời rồi, nên khai báo để được dãi ngộ", v.v. Ba tôi đã nhổ vào mặt tên chó săn đó...

Anh Chánh kể với giọng trầm, buồn và đầy kính phục. Về khí phách của ba tôi trước quân thù, chúng tôi đã được má tôi kể cho nghe nhiều lần. Nhưng lần này, nghe anh kể tôi càng xúc động, nước mắt cứ trào ra...

Cuối cùng, anh dặn tôi: Trong công tác có gì khó khăn em cứ hỏi anh chị. Anh chị có nghĩa vụ giúp đỡ em. Anh chị coi em như em ruột. Đây là tình cảm mà cũng là trách nhiệm của anh chị trước ba và má em. Từ đó, anh coi tôi như đứa em trong gia đình, vì vậy, mỗi khi gặp mắc mớ trong công tác, trong suy nghĩ, tôi thường đến nhờ anh giúp đỡ. Tuy bận trăm công ngàn việc, bao giờ anh cũng dành thời gian trao đổi, chỉ vẽ cho tôi. Thường là anh không trực tiếp giải đáp ngay những điều tôi nêu ra, mà chỉ gợi ý để tôi suy nghĩ dần dần tự tháo gỡ. Chỗ nào khó khăn tôi bí quá thì anh mới trực tiếp chỉ bảo cặn kẽ. Lúc bấy giờ, tôi mới 18 tuổi, tính sôi nổi, bằng bột nên mỗi lần trao đổi như vậy tôi hay tranh luận. Thấy vậy, anh hay nêu vấn đề để tôi phát biểu, tranh luận... Và cứ mỗi lần như vậy, anh thường cười, gõ đầu tôi bảo: "Em là cô gái bướng bỉnh và lý sự". Qua những lần trao đổi như

vậy, tôi mở mang thêm kiến thức và biết thêm bao nhiêu điều cụ thể trong công tác.

Anh là người rất dễ gần, sống giản dị, có cách nói rất hay đầy thuyết phục, có phong cách công tác là gợi ý đưa dần người nghe vào lĩnh vực mình muốn đề cập chứ không áp đặt. Vì vậy, làm việc với anh, ai cũng thấy thoải mái, mà lại nhớ kỹ, hiểu sâu nên khi về làm cảm thấy yên tâm, tin tưởng.

Cuối năm 1945, tôi được đi học một lớp do Xứ ủy Trung Bộ mở để bồi dưỡng cho cán bộ. Lớp học do anh Nguyễn Chí Thanh và các anh trong Việt Minh Trung Bộ phụ trách.

Sau lớp học, tôi được chọn đi học lớp tình báo, do anh Ngọc phụ trách. Học được một tháng thì anh Chánh ra xin tôi về. Anh Ngọc bảo: Quảng Ngãi hết người hay sao mà lại đòi về. Tôi phải bỏ dở lớp học, đi theo anh về lại Quảng Ngãi.

Anh Chánh rất quan tâm đến phong trào phụ nữ. Anh bảo: Phụ nữ là lực lượng quần chúng cách mạng to lớn. Muốn vận động được lực lượng này, người cán bộ phải đi sâu, đi sát cơ sở quần chúng để tuyên truyền, giác ngộ, hướng dẫn họ tham gia tích cực công tác cách mạng. Đồng thời từ đó rút kinh nghiệm bổ sung cho công tác lãnh đạo của mình. Có những vấn đề tuy nhỏ nhưng cán bộ làm công tác phụ nữ phải rất chú ý. Như khi sống trong nhà dân, phải gần gũi, không xa cách, mà phải quan tâm đến con cái họ. Công tác phụ nữ có nhiều điểm khác với công tác thanh niên và các đoàn thể khác... Theo lời anh bày vẽ, mỗi khi xuống cơ sở, tôi cứ như thế

mà chan hòa trong quần chúng nên công tác có hiệu quả hơn. Tôi lại biết dệt vải, đến nhà ai có khung cửi là tôi giúp họ dệt. Thấy tôi làm được nhiều việc, không cách xa, họ để gần gũi mình và còn giúp mình được nhiều việc trong công tác vận động quần chúng phụ nữ.

Điều chỉ báo của anh đã có ảnh hưởng rất lớn đến phong cách công tác của tôi trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, khi ở miền Nam hay ra miền Bắc, ở công tác đoàn thể hay lúc chuyển sang công tác chuyên môn.

Tôi còn nhớ, đầu năm 1946, tôi và chị Võ Thị Bản được giao nhiệm vụ tổ chức lớp huấn luyện ngắn ngày cho chị em cốt cán cấp huyện. Về phần tổ chức thì chúng tôi có thể tự xoay sở được, nhưng phần nội dung thì còn nhiều lúng túng. Tôi chạy đến cầu cứu anh Chánh. Anh rất ân cần chỉ bảo, bày vẽ từng vấn đề cụ thể và còn nhận đến giảng bài. Theo hướng dẫn, giúp đỡ của anh, chúng tôi còn mời được đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Sơn đến giảng bài.

Anh Chánh giảng về tình hình thế giới và trong nước; vai trò và tầm quan trọng của công tác phụ nữ; đặc điểm công tác vận động quần chúng phụ nữ khác với công tác vận động các đoàn thể khác thế nào? Các khái niệm: hội nghị, khai hội...; trình tự các bước tiến hành chuẩn bị và điều hành một cuộc họp. Còn đồng chí Nguyễn Sơn giảng về kinh nghiệm công tác vận động phụ nữ ở Trung Quốc, v.v. Thế là lớp học của chúng tôi đã được hai vị chỉ huy, lãnh đạo cao cấp đến giảng dạy. Do đó, tuy lớp học

chỉ có 15 ngày, nhưng kết quả đạt được rất tốt ngoài sự mong muốn của chúng tôi.

Anh Chánh rất quan tâm đến các mặt công tác của tỉnh, anh thường xuống tỉnh dự các cuộc họp, nắm tình hình rất cụ thể, chỉ đạo sâu sát.

Khi Hội mẹ chiến sĩ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, tôi đến gặp anh để xin ý kiến, nhờ anh giúp đỡ, chỉ bảo cho cách làm. Anh hướng dẫn về việc tổ chức "mẹ gặp con", "mẹ nhận con" về nuôi dưỡng... Rồi anh chỉ thị cho các đơn vị bộ đội tổ chức đưa thương binh và bệnh binh về các huyện, xã, cho mẹ gặp con và nhận con. Nhiều lúc, anh còn đến dự các buổi gặp đó để góp ý kiến.

Năm 1946, chúng tôi tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày 8 tháng 3, đại biểu của các huyện về dự rất đông. Tôi được phân công lên "diễn thuyết". Tôi rất lo nên lại tìm đến anh Chánh và được anh hướng dẫn rất tỉ mỉ. Lúc nào anh cũng sẵn sàng chỉ bảo rất cặn kẽ. Hôm mít tinh, anh và cả anh Nguyễn Sơn cũng đến dự. Anh còn đưa các đơn vị bộ đội đến dự nên cuộc mít tinh càng thêm trọng thể.

Nhờ anh nên tôi mới được vào Đảng sớm và đến cuối năm 1946 được vào Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Anh nói với các đồng chí ở tỉnh lúc bấy giờ: Cô ấy trẻ nhưng có học (bởi lúc đó có đồng chí còn phân vân vì tôi còn trẻ) gia đình có truyền thống cách mạng, bản thân phấn đấu tốt trên các mặt công tác, học tập và quan hệ với mọi người...

Đối với mẹ tôi, anh coi như người chị, có trách nhiệm và đầy tình nghĩa. Tuy bận bao nhiêu công việc, nhưng có dịp là anh ghé vào thăm bà. Anh hỏi mẹ tôi có gì cho ăn không và má tôi coi anh như người em ruột, có nhân, có nghĩa.

Khi Hiệp định Giơ-ne-vơ vừa ký kết, anh đến gặp má tôi ngay và gợi ý đi tập kết, trong khi địa phương chưa kịp có ý kiến. Má tôi giữ ý, bà nói, chờ địa phương có ý kiến, chưa thấy ai nói gì. Anh nói với má tôi, việc đưa bà đi tập kết là trách nhiệm và bốn phận của Liên khu ủy và của chúng tôi, bà đừng ngại.

Lúc ở miền Bắc, anh thường hay đến thăm má tôi với thái độ chăm sóc ân cần đầy tình cảm và trách nhiệm. Có lần tôi đến thăm anh, anh hỏi vì sao đã lâu không thấy em đến. Tôi nói, vì lính gác, việc ra vào phức tạp, nên chỉ thỉnh thoảng mới đến thăm anh được. Với giọng buồn buồn anh bảo. Chẳng lẽ trong kháng chiến khó khăn biết bao nhiêu mà còn thường được gặp nhau, trong hòa bình, lại khó khăn như thế sao!

Đối với tôi, anh vừa là đồng chí, vừa là người anh rất đỗi kính thương. Anh đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi rất nhiều trong mỗi bước đường công tác và trưởng thành của mình. Được như hôm nay, tôi không bao giờ quên công lao của anh.

Một hôm, tôi đến thăm anh ở số nhà 34 Lý Nam Đế, thấy anh đang xới đất, tôi hỏi, anh nói làm để trồng hoa cho vui. Sau đó, tôi mang đến cho anh giống hoa huệ. Và rồi vào một buổi sáng, tôi đến

thăm gia đình anh (24-9-1957), tôi vô cùng sửng sốt khi biết anh đã qua đời cách đây mấy tiếng đồng hồ. Đứng nhìn những bông huệ anh trồng đã nở trắng tỏa hương, tôi không sao cầm được nước mắt. Chị Trinh bảo: Tại mày đưa giống huệ đến nên hôm nay huệ nở để thờ anh. Rồi chị em ôm nhau khóc nức nở.

Tôi ghen ngào không sao nén nổi xót đau. Người anh giàu tính chiến đấu, tài đức vẹn toàn, tình sâu nghĩa nặng đã vội vã ra đi quá sớm, để lại bao tiếc thương cho đồng chí, đồng đội, nhất là đồng bào Quảng Ngãi quê hương anh.

N.T.N.

## ĐƯỢC PHỤC VỤ ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH LÀ VINH DỰ VÀ HẠNH PHÚC

TRẦN NHÀN

*Nguyên cán vụ đồng chí Nguyễn Chánh*

Được tổ chức phân công làm nhiệm vụ vừa bảo vệ, vừa là cán vụ phục vụ đồng chí Nguyễn Chánh, tôi rất băn khoăn và lo lắng. Gặp tôi lần đầu, qua thăm hỏi quê quán gia đình, đồng chí Nguyễn Chánh nói: "*Chúng ta cùng một chí hướng, nên càng hiểu nhau, và càng giúp nhau hơn nà tốt hơn*". Được đồng chí động viên kịp thời, từ hôm ấy, thực hiện nhiệm vụ được phân công tôi rất vui vẻ và phấn khởi.

Đồng chí Nguyễn Chánh đi công tác nhiều nhưng toàn bằng xe đạp. Đồng chí thường đi xuống các trung đoàn, tiểu đoàn và đến tận các đại đội. Đến đâu, đồng chí cũng được anh em tiếp đón một cách thật kính trọng nhưng cũng thật đầm ấm như đón người anh ruột thịt rất đỗi thân thương. Thấy đồng chí đến, mọi người đều gọi to: "*Anh Chánh!*". Rồi chẳng ai bảo ai, mọi người ùa vào vây quanh rồi rít, người thì nắm tay, nắm bóp như xem thử cơ bắp của anh

có còn cứng cáp, sức khỏe anh có còn đủ đưa bộ đội Liên khu đến thắng lợi cuối cùng hay không. Thấy tình cảm của mọi người đối với đồng chí như vậy, tôi càng cảm động và thấy hạnh phúc biết bao khi được phục vụ đồng chí Nguyễn Chánh.

Năm 1952, có số xã bị đói, như ở Tĩnh Bình, Tĩnh Kỳ, Sơn Tĩnh, Quảng Ngãi. Tôi lại đi theo đồng chí Chánh về huyện Sơn Tĩnh và các xã khác để bàn cách cứu đói. Anh làm việc suốt ngày, đêm (ngày đi kiểm tra các nơi bị đói, đêm cũng lãnh đạo địa phương bàn biện pháp cứu đói). Thấy nhân dân đói khổ, đồng chí Nguyễn Chánh bảo tôi: phải bớt tiêu chuẩn ăn uống và sinh hoạt phí của đồng chí để đóng góp cứu đói cho đồng bào.

Trong chuyến đi từ Khu 5 ra Việt Bắc để họp, đường đi toàn qua rừng núi, đèo, dốc, sông, suối rất hiểm trở. Có nhiều đoạn đèo, núi cheo leo, không nơi nghỉ ngơi nhưng đồng chí rất vui vẻ cùng anh em đi và cùng ăn uống kham khổ.

Gần đến chiến khu Ba Lòng, tôi bị ốm, trên vai lại mang quá nặng. Thấy thế, đồng chí đòi mang bộ ba-lô cho tôi. Tôi sợ đồng chí bị ốm nên không chịu giao, đồng chí quyết định tôi phải đưa cho đồng chí mang. Tôi không chịu đưa, đồng chí tức mình "đánh tôi ba gậy" (đánh vờ ở đất) rồi đưa cho tôi hai viên thuốc uống. Đến chiến khu Ba Lòng, đồng chí nhờ Ban chỉ huy chiến khu lo thuốc thang cho tôi chóng lành để tiếp tục cùng đoàn lên đường.

Trở về Liên khu 5, tôi được tiếp tục phục vụ đồng chí Nguyễn Chánh. Trong chiến dịch Đông -

Xuân - Hè 1953 - 1954, đồng chí làm việc suốt ngày, đêm. Ngay đến bữa ăn, đồng chí cũng vội vàng, để tranh thủ làm việc. Đồng chí cho rằng, để một chút thời gian đi qua là để mất một cái gì đó quý giá mà không bao giờ lấy lại được. Tôi lo sức khỏe của anh nhưng không biết làm sao được. Tôi nghĩ, giá như mình có thể giúp cho đồng chí được một tay thì hạnh phúc biết chừng nào. Đạo ấy, ở Tây Nguyên rét lắm, nhất là vào ban đêm. Tôi tìm củi để đêm đốt sưởi ấm cho đồng chí. Tôi cũng thức suốt đêm, vừa để chăm cho đồng chí không tắt, vừa để trong đêm khuya đồng chí cảm thấy đỡ vắng vẻ. Thấy tôi thức mãi, đồng chí cứ giục tôi đi ngủ, nhưng tôi ngủ làm sao được, khi đồng chí thức thâu đêm để làm việc. Tôi thương đồng chí quá, có lúc thương đến muốn khóc.

Tập kết ra Bắc, tôi vẫn tiếp tục phục vụ cho đồng chí Chánh và suốt thời gian phục vụ đồng chí tôi nghĩ: được phục vụ một đồng chí có đức, có tài, đầy tình thương yêu giai cấp như vậy thật là vinh dự và hạnh phúc vô cùng.

T.N.

## CHÍNH ỦY NGUYỄN CHÁNH VỚI GIA ĐÌNH QUÂN GIỚI

*Đại tá NGUYỄN VĂN TẠO*

Nguyên là thợ nguội nên trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, tôi phục vụ trong ngành quân giới Liên khu 5 - một lĩnh vực mà đồng chí Nguyễn Chánh đặc biệt quan tâm và đã khắc sâu trong tâm trí tôi không bao giờ quên.

Vào một buổi sáng tháng 4 năm 1947, một cán bộ quân sự vóc người tầm thước, dáng dấp nhanh nhẹn đến cơ quan vận tải quân sự đóng tại nội thành Quảng Ngãi, gặp các đồng chí Nguyễn Lợi, Nguyễn Ngọc Vinh, Chủ nhiệm chính trị và Giám đốc Ban cơ khí vận tải quân sự bàn việc tận dụng cơ giới vận tải đường bộ phục vụ quân đội ở các tỉnh vùng tự do Quân khu 5.

Thật tình tôi không biết đồng chí cán bộ quân sự ấy là ai, chỉ thấy hai đồng chí Nguyễn Lợi, Nguyễn Ngọc Vinh niềm nở, kính cẩn đón tiếp và trân trọng giới thiệu với anh em có mặt: "Cơ quan chúng ta hân hạnh được Chính ủy đến thăm". Sau lời giới thiệu, tất cả đều đứng nghiêm chào. Chính ủy lần lượt bắt tay mọi người. Khi nắm tay tôi, chính ủy hỏi:

- Đồng chí trẻ này là ai?

Tôi xúc động áp ứng, chưa kịp đáp thì đồng chí Nguyễn Lợi nói:

- Đồng chí ấy từ coi chốt trở về, là thương binh của mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, chiến sĩ của ngành quân giới.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh tiếp lời:

- Đồng chí này là thợ nguội - máy, về với cơ khí vận tải, phụ trách một bộ phận làm lựu đạn, sửa súng.

- À! - Chính úy cười, thân mật nói - Đúng! Cơ khí vận tải nên chuyển một số anh em làm vũ khí. Cuộc kháng chiến toàn quốc vừa bắt đầu, chúng ta cần có nhiều vũ khí hợp với cách đánh của ta. Trước họa xâm lăng ai cũng muốn xông ra mặt trận cầm súng bắn vào quân giặc cướp nước. Người muốn ra tiền tuyến trực tiếp đánh giặc rất nhiều, còn người làm ra súng thì quá ít. Vì vậy để thực hiện thiết thực nhất lòng yêu nước của công nhân, những người biết nghề rèn, đúc, tiện, nguội, máy, điện, gò, hàn... tức là những người có tay nghề sản xuất cơ khí, thì hãy về với các xưởng sản xuất quốc phòng, tham gia làm vũ khí. Như vậy, những người cầm súng, những chiến sĩ ngoài mặt trận, mới có súng mà cầm.

Nói như thế để có nhận thức đúng: người làm ra súng đạn cũng quan trọng như người sử dụng súng. Người làm ra súng có chất lượng cao, phục vụ chiến đấu tốt, là thành tích đáng kể. Việc hoàn thành kế hoạch sản xuất được xem như một trận chiến đấu thắng lợi. Có khác chăng là ở chỗ chiến công ở tuyến sau thì thầm lặng, không vang dội như ở tuyến trước.

Quan hệ giữa hậu phương với tiền tuyến là như vậy đó. Hai nơi có vai trò vị trí và tầm quan trọng như nhau.

Chính ủy nói tiếp:

- Ngành cơ khí vận tải quân sự quan trọng như thế nên Quân khu ủy mới đưa đồng chí Nguyễn Lợi về phụ trách Chủ nhiệm chính trị lo mặt xây dựng Đảng, đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh làm Giám đốc, đồng chí Trần lo công tác công đoàn. Có điều là các đồng chí chưa rõ đồng chí Nguyễn Lợi là ai. Tôi tiết lộ điều "bí mật" - Chính ủy cười tươi và nói: - đồng chí Nguyễn Lợi là bí thư chi bộ ghép nhà máy diêm Bến Thủy và nhà máy xe lửa Trường Thi ở Vinh, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, người đã đánh ba hồi trống trong cao trào xô-viết Nghệ - Tĩnh năm 1930..., người đã lĩnh hai án tù khổ sai chung thân... Còn đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh là thợ máy bậc thầy của tổ chức cơ khí vận tải tại mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa từ tháng 9 năm 1945...

Các đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh và Nguyễn Lợi cần trọng giới thiệu với Chính ủy:

- Đây là ông Phan Hữu Lộc, nguyên chủ ga-ra Phú Xuân Long, người cống hiến toàn bộ tài sản cho cách mạng để lập xưởng quân giới Đồng Trăng - Khánh Hòa và tổ chức cơ khí vận tải Nha Trang, rồi tình nguyện nhập ngũ và nay đã trở thành đảng viên cộng sản.

Chính ủy nắm tay đồng chí Phan Hữu Lộc:

- Cách mạng vô cùng biết ơn những người con yêu nước, tôi được nghe báo cáo về anh từ lâu, bây

giờ mới gặp mặt. Hàn huyền thế là đủ rồi, bây giờ ta cùng bàn chuyện phải làm sắp tới.

Anh em chúng tôi đều chăm chú lắng nghe từng lời nói dành giọt của đồng chí Chánh: "Hiện nay, hầu hết các huyện trong tỉnh đều có cơ sở sản xuất quốc phòng, riêng huyện Minh Long chưa có. Cơ khí vận tải nên đặt một xưởng sửa chữa trên ấy. Trước mắt là phục vụ cho giao thông vận tải cơ giới, rồi chuyển dần sang sản xuất các mặt hàng phục vụ quân đội. Trong tay các đồng chí có đội ngũ lành nghề. Đó là cái vốn rất quý, một thuận lợi rất lớn để làm ra các sản phẩm quân giới. Tôi biết, khí hậu ở Minh Long không được tốt. Ở vùng rừng núi Trường Sơn ít nơi có khí hậu trong lành. Minh Long có đường sang Ba Tơ, lên Bắc Kon Tum, có đường sang Giá Vụt, Sơn Hà, Gi Lăng, Trà Bồng, có đường xuống Nghĩa Hành về các huyện đồng bằng ven biển. Chúng ta đóng xưởng ở đây, cải tạo địa hình, không khí sẽ trở nên trong lành. Minh Long là một vị trí quan trọng trong các huyện miền Tây Quảng Ngãi..."

Buổi gặp Chính ủy hôm ấy thực sự là một buổi học rất sinh động, rất quý giá đối với tôi về mối quan hệ giữa tiền tuyến với hậu phương, giữa người cầm súng và làm súng, và khẳng định nhà máy là trận địa, kế hoạch sản xuất như kế hoạch chiến đấu.

Ít lâu sau Chính ủy Nguyễn Chánh lại đến thăm gia đình quân giới chúng tôi. Lúc bấy giờ vào đầu năm 1948, nhà máy cơ khí vận tải được xây dựng tại Minh Long, Quảng Ngãi. Chỉ một thời gian ngắn, trong khu rừng trên một ki-lô-mét vuông, các phân

xưởng tiện, máy, đúc, rèn, điện, nguội, mộc, sản xuất lựu đạn được dựng lên. Nhà phát động lực, quả tim của xưởng, cách nhà máy chính (tiện, nguội) ngoài 200m.

Chính ủy đi thăm nhà máy, gặp chị em nuôi quân, khế lặc đầu khi thấy thức ăn đạm bạc quá. Tối ấy, Chính ủy chủ trì buổi họp chi bộ. Trước khi vào nội dung chính, đồng chí nhận xét về xây dựng nhà máy, đại ý: Kết hợp xây dựng mà không làm ngưng trệ sản xuất, đó là điểm tốt. Xưởng máy kang trang, ban bộ hợp lý, là điểm tốt thứ hai. Nhưng các đồng chí bố trí trong một khu vực khá dày đặc, máy bay địch phát hiện, oanh tạc sẽ không lường được tổn thất. Nhà máy cần có công sự bảo vệ người và công cụ, cần có giao thông hào và hầm trú ẩn. Nên phân tán với cự ly xa hơn, trước mắt cần có giao thông hào và hầm trú ẩn cho người... (Đúng như Chính ủy nhận xét, cuối năm 1949 nhà máy bị oanh tạc. Nhưng nhờ chúng tôi nghiêm chỉnh thực hiện những chỉ thị của Chính ủy nên không bị thiệt hại về người và của. Ban nóng gồm: rèn, gò, đúc... bị oanh tạc theo tọa độ, song đã chuyển sang địa điểm mới).

Vào nội dung chính của cuộc họp, Chính ủy nghiêm giọng nói: Hôm nay chi ủy họp bất thường để quán triệt chủ trương của Quân khu ủy. Toàn quốc kháng chiến đến nay đã hơn một năm. Thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, những ngôi nhà gạch ngói ở các thị trấn, thị xã... trong vùng tự do đều triệt phá hết; đường sá đều đào ngang, xẻ dọc và cầu cống đều bị phá sập nhằm ngăn bước tiến của địch muốn

chiếm vùng tự do Quân khu 5. Như thế, giao thông vận tải bằng ô-tô không hoạt động được. Quân khu ủy có chủ trương sát nhập cơ khí vận tải vào quân giới, nhà máy này chuyển sang sản xuất các mặt hàng quân sự... Chính ủy đang nói thì có ý kiến hỏi: Như thế là giải thể cơ khí vận tải? Chính ủy giải đáp ngay: Nói "*giải thể*" thì chưa thật đúng. Đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không... là mạch máu giao thông của đất nước. Chỉ tạm ngưng vận tải bằng ô-tô trong một thời gian thôi. Các đồng chí là chủ lực của giao thông vận tải cơ giới đường bộ, bây giờ nên bổ sung người và phương tiện vận tải sang đường sắt. Chúng ta vẫn duy trì vận tải đường sắt dài trên 300km. Có đoạn tiếp tục chạy tàu lửa, có đoạn tiếp chuyển bằng cam-nhông ray, có đoạn chạy bằng xe goòng. Một số đồng chí thợ máy, thợ điện thì về thông tin liên lạc; một số đồng chí thợ máy cùng động cơ về quân khu để chạy máy nổ làm giấy; một số khác về công thương miền Nam. Như thế theo nhu cầu kháng chiến nên cơ khí vận tải tạm phân tán sang nhiều ngành nghề khác nhau. Sau khi bổ sung, tăng thêm cho các ngành, nhà máy này nhanh chóng ổn định các ban bộ để sản xuất hàng quân sự.

Có đồng chí đề nghị: Chúng tôi phần lớn đều ở các tỉnh phía Nam, vậy cho trở về miền Nam, trở lại Nha Trang - Khánh Hòa phục vụ chiến đấu trong vùng địch kiểm soát. Sau ý kiến đề nghị đó, tất cả mọi người lại đều chăm chú lắng nghe Chính ủy nói: Ý kiến ấy rất đáng hoan nghênh. Sau này cũng có thể, ngay từ bây giờ, các đồng chí lãnh đạo cần tổ chức những tổ hay trạm hoặc kíp sửa chữa lưu động

làm nhiệm vụ quân giới, quân khí trong vùng địch tạm kiểm soát. Đồng thời tổ chức vận chuyển bằng gùi thồ, mang vác, tận dụng vận chuyển đường thủy, khi có điều kiện thì tận dụng vận tải cơ giới của đối phương. Khi cần thì triệt hạ phương tiện và mạch máu giao thông của địch. Cuộc chiến tranh này là chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện. Ta lại không chỉ lo việc giải phóng cho ta, mà còn có nghĩa vụ giúp bạn Lào và Cam-pu-chia, đặc biệt là vùng Hạ Lào, Đông - Bắc Cam-pu-chia... Với nhiệm vụ như thế, cơ khí vận tải đâu có giải thể, mà là sát nhập với quân giới. Đến một thời gian nào đó phải tách ra, cầu đường sẽ thông suốt...

Chính ủy cười rất tươi nói tiếp: Về vấn đề tổ chức kíp sửa chữa vũ khí lưu động phục vụ lực lượng vũ trang hoạt động trong vùng địch tạm chiếm, chúng tôi trao đổi với Sở quân giới từ năm 1947, đã tổ chức một số đồng chí trở về tham gia hoạt động trong vùng tạm chiếm.

Hội nghị im phăng phắc. Chính ủy hỏi: Như thế có đồng ý về với quân giới không?

Tất cả đảng viên đưa tay biểu quyết tán thành và chú ý nghe Chính ủy phổ biến quyết định mới: Do phân công của tổ chức, đồng chí Nguyễn Lợi đi nhận công tác khác - phân khu trưởng Bắc Kon Tum. Chi bộ, chi ủy lãnh đạo một mặt của xưởng. Quân khu ủy, trực tiếp là tôi thường xuyên liên hệ giúp đỡ các đồng chí... Ngay tại xưởng này, đồng chí Hồ Chí Long (người Đức) ở tham mưu Quân khu cùng với Quân khu trưởng Cao Văn Khánh, sẽ đưa một

số hàng binh người Đức đến ở cạnh xưởng, dựa vào xưởng để nghiên cứu sản xuất thử nghiệm "bom bay" theo kiểu V.1, V.2 của Đức trong thế giới chiến tranh vừa qua. Phần lớn hàng binh nói được tiếng Pháp, tiện cho việc giao dịch và công tác. Tôi đã làm việc với Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Minh Long. Các đồng chí địa phương lo xây dựng lán trại, nhà ở cho anh em hàng binh, còn xưởng máy tạo điều kiện thuận lợi giúp hàng binh sản xuất thử nghiệm loại vũ khí này (sau thời gian sản xuất thử nghiệm, xưởng hoàn thành tốt sản xuất về cơ khí, nhưng bom không bay được vì thiếu phần thúc đẩy thích hợp).

Sau khi sát nhập với quân giới, nhà máy mang phiên hiệu X.035 vào năm 1948, đến năm 1949, đổi phiên hiệu là QB.240 đã gắn bó với tôi nhiều năm trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Liên khu 5.

Năm 1949, Chính ủy Nguyễn Chánh cưỡi ngựa đến QB.240 trao đổi với các đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh, Lê Chức, Nguyễn Văn Xuân, Bùi Diêu... quản đốc, đốc công, trưởng ban nóng, trưởng ngành rèn... về việc làm một công sự di động, để đưa súng không giật (SKZ) vào sát lộ cốt, địch triệt hạ hỏa điểm thực hiện cách đánh công kiên.

Chính ủy nói:

- Công sự di động này nhằm hai mục đích. Thứ nhất, bảo vệ an toàn xạ thủ; thứ hai, bảo vệ súng SKZ, điều quan trọng là bảo đảm an toàn cho bộ phận phá viên, cho bộ đội ta vượt qua đột phá khẩu... Chính

mắt tôi đã từng thấy một tiểu đội ôm bộc phá mở hàng rào đánh lô cốt địch. Người trước ngã, người sau thay, toàn là chiến binh rất trẻ, lần lượt ngã gục dưới làn đạn dày đặc của địch. Tinh thần hy sinh cứu nước cao đẹp quá, nhưng tổn thất đó thật đau lòng! Hơn nữa, cuộc kháng chiến còn lâu dài, ta làm thế nào tiết kiệm được xương máu cho từng gia đình, cho toàn dân tộc...

Chính ủy nói bằng một giọng rất xúc động, lời cuốn mạnh mẽ anh em cũng theo tâm trạng đó!

Chính ủy nói tiếp:

- Công sự di động phải chịu được đạn đại liên, thuận tiện cho việc sử dụng, mang vác, tất nhiên không thể tự hành bằng máy móc, mà do sức đẩy của con người...

Đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh chăm chú nghe, phác họa hình dáng công sự di động, vừa trao đổi, vừa vẽ hình dáng chiếc xe và cách cấu tạo. Chính ủy Nguyễn Chánh xem xét bản thiết kế của đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh, thân mật bắt tay những người có mặt và chúc QB.240 hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tháng 8 năm 1951, công sự di động tham gia hạ đồn Kon-phong, do đồng chí Nguyễn Bá Phát chỉ huy nên chiến sĩ gọi là "*xe tăng ông Phát*" còn anh em QB.240 thì gọi là "*xe tăng công đồn...*".

N.V.T.

**ANH NGUYỄN CHÁNH**  
**MỘT CÁN BỘ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC,**  
**MỘT DANH TƯỚNG TÀI, ĐỨC TUYỆT VỜI**

*Đại tá NGUYỄN VĂN LUYỆN*

Một ngày vào cuối tháng 7 năm 1953, anh Chánh được điện ra gặp Việt Bắc để nhận chỉ thị của Trung ương và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh.

Ngày 4 tháng 8 năm 1953, đoàn lên đường. Theo giúp anh Chánh, có tôi và anh Thân Hoạt, lo việc giấy tờ kiêm bảo vệ. Anh Hoạt còn làm nhiệm vụ y tá cho đoàn. Anh Ba phụ trách cơm nước. Anh Trần Nhanh - cần vụ anh Chánh - gánh tài liệu.

Khác lần trước, để bảo đảm an toàn, lần này đoàn đi theo đường núi rừng đại ngàn cây cối còn giữ nguyên vẻ hoang sơ. Anh Chánh vừa đi, vừa nói vui: "Đây là đoàn đi thỉnh kinh qua bao núi, bao sông, nhiều ma lại nhiều cọp, khác gì Đường 'lăng". Anh nhớ nhiều chuyện cổ, đọc nhiều tiểu thuyết bằng chữ Hán. Hồi còn nhỏ, thú say mê nhất của anh là đọc Tam Quốc.

Do bị thất bại liên tiếp trên chiến trường Việt Nam, nên Pháp cử tướng Na-va sang làm Tổng chỉ

huy quân viễn chinh với kế hoạch bình định Đông Dương trong 18 tháng. Năm được âm mưu và thủ đoạn của địch, Trung ương và Bộ Chính trị đã có kế sách đánh bại kế hoạch đó của thực dân Pháp.

Làm việc xong ở Việt Bắc, anh Chánh lên đường về gặp Nam Trung Bộ để kịp triển khai kế hoạch Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954 ở Liên khu 5.

Ngày 11 tháng 1 năm 1954, hội nghị cán bộ Liên khu 5 phổ biến và bàn phương án tác chiến, sau khi anh Chánh nhấn mạnh tiến công lên Bắc Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, nhiệm vụ quan trọng thứ hai là phải bảo vệ vững chắc vùng tự do, anh lưu ý: Chiến dịch này kéo dài và liên tục, không đánh giặc mùa. Vì vậy, kế hoạch hậu cần phải thật chu đáo, các mặt bảo đảm phải kịp thời; phải có lực lượng để kịp bổ sung quân trong chiến đấu, xây dựng thêm các đơn vị mới. Vừa tác chiến, vừa rút kinh nghiệm để bồi dưỡng cho cán bộ và bộ đội ngay tại chiến trường.

Ở hội nghị, có nhiều ý kiến thắc mắc về việc tập trung chủ lực tiến công lên Tây Nguyên, trong khi đó kẻ địch lại tập trung một lực lượng mạnh chuẩn bị tiến công hòng chiếm vùng tự do; bộ đội địa phương không đủ sức bảo vệ vùng tự do. Bằng lý lẽ sắc sảo, anh đã phân tích cho mọi người thấy cần phải tập trung lực lượng tiến công lên Tây Nguyên. Anh nói: Tiến công lên Tây Nguyên ta nắm quyền chủ động, buộc địch phải đánh theo ý định của ta. Còn nếu để chủ lực của ta ở lại phòng thủ vùng tự do là bị động, là sai lầm, dễ rơi vào kế hoạch

bình định 18 tháng của Na-va. Tiến công thắng lợi ở Tây Nguyên chẳng những thực hiện được nhiệm vụ chiến lược tiêu diệt một bộ phận lực lượng quan trọng của địch, mở địa bàn chiến lược nối liền với Hạ Lào, Đông - Bắc Cam-pu-chia, tạo hành lang chiến lược Bắc - Nam Đông Dương, mà còn bảo vệ vững chắc vùng tự do...

Trước tình hình địch đang tập trung một lực lượng lớn để đổ bộ vào vùng tự do, Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định kế hoạch của Na-va sắp bắt đầu. Muốn buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, ta cần phải có cú đánh ban đầu rất mạnh, uy hiếp trực tiếp thế chiến lược của địch ở Tây Nguyên. Anh Chánh đề xuất bổ sung phương án tác chiến ban đầu, bằng cách đồng thời phải tiêu diệt ba cứ điểm Mang Đen, Mang Bút và Kom Rẫy, án ngữ phía Đông Kon Tum (kế hoạch ban đầu chỉ tiêu diệt Mang Đen, Mang Bút). Nếu ta phá toang cánh cửa phía Đông, áp sát Kon Tum thì kẻ địch buộc phải điều lực lượng lên bảo vệ Kon Tum và Plây-cu. Như thế, ta có điều kiện tiêu diệt đội quân ứng chiến của địch, làm cho sức tiến công của chúng vào vùng tự do bị suy giảm.

Bộ Chỉ huy chiến dịch hoàn toàn nhất trí và cho đây là sự vận dụng sáng tạo chỉ đạo của trên phù hợp với tình hình mới ở chiến trường Liên khu.

Cuộc hành quân At-lan-te của địch bắt đầu vào ngày 20 tháng 1 năm 1954. Đêm 27 tháng 1 năm 1954 chiến dịch Bắc Tây Nguyên mở màn. Chỉ trong một đêm, ta tiêu diệt cả ba cứ điểm, trong đó có cứ điểm mạnh nhất là Mang Đen, phá tung hệ thống

phòng ngự kiên cố của địch, mở toang cánh cửa vào Kon Tum. Trận Mang Đen diễn ra rất gay go, ác liệt và kéo dài. Mũi đột phá chính bị hỏa lực địch chặn lại, lực lượng đột phá mất sức. Ban chỉ huy Trung đoàn 108 báo cáo tình hình khó khăn, không phát triển được... Anh Chánh đang ngồi ở Sở Chỉ huy chiến dịch trả lời ngay: Cần tìm chỗ yếu của địch mà đánh, hỗ trợ cho mũi điểm. Anh gợi ý: Cho mũi diện là tiểu đoàn của Sơn Diệp (tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 79 thuộc Trung đoàn 108) vượt qua sân bay có được không? Lệnh cho đồng chí Sơn Diệp đã được chuyển đi ngay. Một lúc sau, được báo cáo là đồng chí Sơn Diệp đã vượt qua sân bay, vu hồi đánh sập lô cốt C, phát triển vào tung thâm. Đến 6 giờ 30, trận Mang Đen đã toàn thắng. Sở Chỉ huy thật nhẹ nhõm, mọi người đều thở phào! Ở đây nổi lên sự chỉ huy quyết đoán và sắc sảo của Tư lệnh chiến dịch.

Bộ Chỉ huy chiến dịch kiên quyết tập trung hai trung đoàn tiến công trên hướng chủ yếu tiêu diệt hai cứ điểm quan trọng ở Đông Kon Tum... Còn cứ điểm Mang Bút chỉ giao cho Tiểu đoàn 89 địa phương và đặc công. Khi giao nhiệm vụ diệt cứ điểm Mang Bút cho đồng chí Chánh Hồ, Tiểu đoàn 79 và đồng chí Châu Khải Định đặc công, anh Chánh chỉ thị cụ thể về cách đánh: Dùng lực lượng ít mà tinh, đặc công bí mật lườn sâu vào đồn, bất ngờ từ trong đánh ra, kết hợp với từ ngoài đánh vào, địch sẽ bị rối loạn. Ta có thể lấy một địch mười và nhất định thắng. Và trận Mang Bút đã toàn thắng. Ở đây một

lần nữa lại nổi lên sự chỉ đạo chiến thuật sắc sảo và đúng đắn của anh Chánh.

Trận Mang Đen thắng lợi, anh Chánh đi kiểm tra lại trận đánh trên thực địa. Một vết máu dài đã khô từ lỗ cốt dịch bị phá rạ tới hàng rào ngoài cùng; nhìn vết máu, anh Chánh đau lòng lắm. Anh nói: "Bao nhiêu xương máu mới có trận thắng này".

Ngày 6 tháng 2 năm 1954, địch rút khỏi Kon Tum, Tiểu đoàn 59 đánh hụt đoàn xe 80 chiếc rút chạy từ Kon Tum về Plây-cu. Anh Chánh cho đây là thiếu sót lớn từ khi bắt đầu chiến dịch. Để chúng về Plây-cu cụm lại ta phải tốn nhiều xương máu của chiến sĩ.

Trong khi anh Chánh đang đi xem xét tình hình trong thị xã Kon Tum thì được điện hỏa tốc của Bộ Tổng hỏi: Có thật ta đã giải phóng Kon Tum chưa... Anh Chánh trả lời: "Tôi đang đứng tại thị xã Kon Tum, ta đã giải phóng toàn tỉnh Kon Tum".

Để vá víu thế trận bị xé nát, Bộ Chỉ huy quân Pháp vội vã điều binh đoàn cơ động số 100 từ Phú Yên lên tổ chức phòng thủ Plây-cu và giữ Đường 19, ngăn chặn quân ta phát triển về phía Nam. Đăk-đoa là cứ điểm mạnh nhất trong tuyến phòng thủ này.

Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định kiên quyết tiêu diệt cứ điểm Đăk-đoa, phá thế phòng thủ của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch phát triển qua Đường 19 vào phía Nam, cắt Đường 7 và Đường 14, uy hiếp và cô lập Plây-cu. Trận Đăk-đoa là một trận then chốt của chiến dịch. Trận đánh diễn ra rất ác

liệt, quân ta bị pháo binh và hỏa lực mạnh ngăn chặn, lực lượng chủ công bị thương vong, không phát triển được. Chính ủy Trung đoàn 803 điện về Sở Chỉ huy chiến dịch xin rút để mai đánh lại. Anh Chánh không trả lời, gọi trung đoàn trưởng Phan Hàm hỏi: "Quyết tâm của anh thế nào?". Anh Hàm đáp: "Tôi quyết tâm đánh". Anh Chánh lệnh: "Củng cố lực lượng, tiếp tục tiến công". Rồi anh bỏ máy. Quân ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm này vào lúc 3 giờ 30 ngày 17 tháng 2 năm 1954.

Đồng thời, quân ta tập kích Plây-cu, chặn đánh địch hành quân giải tỏa ra xung quanh thị xã, chặn đánh các đoàn xe vận chuyển và cắt đứt Đường 19. Trên chiến trường, thương binh của địch được quân ta băng bó và cho phép Pháp đưa xe cứu thương đến chuyển về. Anh Chánh thường nhắc cán bộ: "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,... Ông cha ta đã làm như vậy, bây giờ ta phải phát huy truyền thống tốt đẹp ấy trong thời đại Hồ Chí Minh".

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, địch đổ bộ lên Quy Nhơn, một lực lượng từ Phú Yên vượt đèo Cù Mông ra Diêu Trì, còn một lực lượng chủ yếu từ An Khê ra chiếm đầu cầu Thượng An, sẵn sàng đánh xuống Bình Định hợp điểm với lực lượng đổ bộ vào Quy Nhơn.

Thấy thế địch như vậy, anh em trong cơ quan tỏ vẻ lo lắng. Anh Chánh vẫn bình tĩnh và tận tụy nói: "Ta đã giành thắng lợi lớn bước đầu rất cơ bản. Nay mai quân ta ở Nam Đường 19, Phú Yên và Quy

Nhơn đánh mạnh buộc địch phải phân tán đối phó, nhất định chúng sẽ còn bị thất bại nhiều hơn nữa.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân ta tiến công Điện Biên Phủ, chỉ trong năm ngày cả phân khu Bắc của Điện Biên Phủ đã hoàn toàn bị tiêu diệt.

Bộ Tham mưu Pháp hốt hoảng phải vội vàng điều binh đoàn dù từ Tây Nguyên về Hà Nội.

Một lần nữa trên chiến trường Liên khu 5, quân Pháp lại bị sa lầy đến tận cổ, đang trong thế tiến thoái lưỡng nan. Ở đây một lần nữa thể hiện tài tiên đoán sắc sảo của người chỉ huy chiến dịch.

Quán triệt ý đồ tác chiến và tính quyết đoán của Tư lệnh, tất cả mọi người trong cơ quan đều đem hết sức mình làm tròn phận sự, hầu như không nghỉ, nhất là các đồng chí trong Bộ tư lệnh. Riêng anh Chánh, sức làm việc hầu như căng ra hết mức. Như con thoi không nghỉ, hết làm việc với bộ phận này, anh lại tới bộ phận khác. Nghe thương binh thiếu đường sữa, anh nhắc anh Hoạt bàn với hậu cần, vét hết các kho chiến lợi phẩm, nếu thiếu thì mua ở Kon Tum, không để thương binh thiếu sự chăm sóc chu đáo. Nhanh chóng khôi phục sức khỏe cho thương, bệnh binh để anh em sớm trở về đơn vị trong lúc này là rất cần thiết, đơn vị đang cần những cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm tác chiến.

Các hoạt động tác chiến diễn ra rất khớp với ý đồ và kế hoạch chiến dịch. Các đơn vị đánh phá phía sau quân địch ở Phú Yên đã buộc địch rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: Tiến ra Bình Định

thì sơ hở ở phía sau; dừng lại củng cố thì không nối được với bộ phận ở Quy Nhơn. Bọn ở Quy Nhơn cũng bị đánh rất nên phải co cụm, không dám nống ra xa.

Anh Chánh rất quan tâm đến cánh quân của Trung đoàn 803 đang hoạt động ở Nam Đường 19 và tiến về Đường 7, chưa có tin, thì trung đoàn trưởng Phan Hàm báo cáo về trận đánh Plây-ring: binh đoàn cơ động 100 của địch bị thiệt hại nặng.

Trên Đường 19, tiểu đoàn 17 của địch làm nhiệm vụ phòng ngự Thượng An, bảo vệ An Khê, đồng thời cũng là lực lượng tiến công khi đối phương đánh xuống Bình Định. Ngày 27 tháng 3 năm 1954, tên tiểu đoàn trưởng đưa bộ phận ra tiếp viện cho một đại đội của chúng đi càn, bị ta chặn đánh tan tác, hấn không trở về đồn được. Mất chỉ huy, bọn còn lại trong đồn điện báo cầu cứu cấp trên.

Nắm thời cơ, anh Chánh lệnh cho Trung đoàn 108 đánh Thượng An ngay trong đêm. Thượng An là một cứ điểm mạnh do một tiểu đoàn được tăng cường pháo binh chiếm giữ, công sự kiên cố. Bộ đội ta đánh cứ điểm có công sự vững chắc bao giờ cũng phải có chuẩn bị chu đáo. Đêm này, lệnh trên buộc phải đánh ngay trong đêm, không có chuẩn bị. Cán bộ trung đoàn bàn nhau phải đi chuẩn bị chiến trường mới có thể thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này. Có ý kiến của trung đoàn đề nghị đến hôm sau mới đánh để có thêm thời gian chuẩn bị. Để bảo đảm quyết tâm được thực hiện triệt để, anh Chánh cử

anh Nguyễn Bá Phát, Tham mưu trưởng chiến dịch cùng cán bộ xuống dốc chiến.

Về sau này, anh Nguyễn Minh Châu, Trung đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy trận đánh, thuật lại: Anh Chánh chỉ huy thật tài tình, nắm vững thời cơ, ra những quyết định thật táo bạo và sáng suốt. Anh nói địch hoang mang cực độ, tên chỉ huy bị mất tích, rấn không đầu, đó là thời cơ thuận lợi cho ta tiêu diệt địch. Cần tổ chức cho bộ đội bôn tập trong đêm nay. Anh thường xuyên theo dõi việc chấp hành mệnh lệnh. Trong khi Thường vụ Đảng ủy trung đoàn đang bàn cãi về phương án tác chiến, anh lại hỏi: Đơn vị triển khai đến đâu rồi. Được báo cáo, anh Hồ Xuân Anh, Trung đoàn phó, còn đi điều tra xác minh cửa mở, chưa về. Anh Chánh lệnh ngay: Cho bộ đội tiến theo Đường 19 vào thẳng cửa đồn, dùng DKZ phá các lô cốt mà vào, không cần mở cửa đột phá. Anh nói gọn và chắc nịch. Không trù trừ một giây, tôi tổ chức thực hiện ngay ý định của anh. Bộ đội cấp tốc vận động. Đến nơi trời gần sáng. Lợi dụng sương mù, tôi cho nhanh chóng triển khai hỏa lực, ra lệnh nổ súng. Quân địch hoàn toàn bất ngờ. Toàn bộ quân địch trong đồn đã bị bắt sống trong một thời gian rất ngắn.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt. Tin chiến thắng đã làm nức lòng quân và dân Liên khu 5.

Có tin địch tập trung ở Bình - Trị - Thiên. Liệu có phải chúng chỉ cần quét ở Bình - Trị - Thiên

hay còn khả năng xuất phát từ Quảng Nam đánh vào vùng tự do, chiếm Quảng Ngãi.

Trong khi cơ quan tham mưu còn đang cân nhắc, anh đã nêu ý kiến để trao đổi. Anh nói: Địch không có khả năng xuất phát từ Quảng Nam để đánh vào vùng tự do. Tuy vậy, các tỉnh vùng tự do vẫn phải sẵn sàng chiến đấu.

Để bảo đảm trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy được các mặt trận trong trường hợp địch xuất phát từ Quảng Nam tiến công vùng tự do, Sở Chỉ huy chiến dịch rời về Quảng Ngãi.

Tại Sở Chỉ huy, anh Chánh ở trong một căn phòng bằng tre nứa, đồng thời cũng là nơi làm việc của anh. Trên vách nứa treo một tấm bản đồ. Anh dặn tôi, hàng ngày theo dõi tình hình địch, ta ghi chép thay đổi trên bản đồ. Từ đó, trên tấm bản đồ ấy, những mũi tên, các phiên hiệu xanh đỏ được trình bày kịp thời để anh có thể hàng ngày đứng bên cạnh nó mà suy nghĩ các phương án thích hợp nhất...

Tình hình quân địch ở An Khê trong lúc này thật nguy khốn. Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định: Nhất định địch sẽ rút bỏ An Khê. Anh Chánh chỉ thị cho các đơn vị phải theo sát tình hình di chuyển của địch trên Đường 19, kiên quyết tiêu diệt khi chúng rút chạy về Plây-cu.

Sáng ngày 24 tháng 6 năm 1954, địch bắt đầu rút, đảng ủy trung đoàn bàn thực hiện chỉ thị của Bộ tư lệnh. Hai ý kiến: tiêu diệt toàn bộ hay chặn đánh tiêu diệt một bộ phận? Cuộc thảo luận kéo dài,

chưa dứt khoát, nên phải thỉnh thị Bộ Chỉ huy chiến dịch. Anh Chánh sau khi hỏi quyết tâm của Trung đoàn trưởng Nguyễn Minh Châu, ra lệnh: "Đánh tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy. Không tiêu diệt nó ở đây, để nó chạy về Plây-cu, anh cũng phải đánh. Lúc đó, xương máu của chiến sĩ sẽ tốn hơn nhiều lần".

Với tinh thần quyết thắng, chấp hành triệt để mệnh lệnh, Trung đoàn 96 đã tiêu diệt hoàn toàn binh đoàn cơ động 100 rút chạy trên Đường 19, ở đoạn cầu Đăk-pơ. Đây là trận phục kích lớn nhất trong kháng chiến chống Pháp.

Ngày 17 tháng 7 năm 1954, Trung đoàn 803 báo cáo đã dừng chân tại Đường 21, và đề nghị cho tập kích Buôn Ma Thuột.

Chỉ còn ba ngày nữa là Hiệp định ngừng bắn có hiệu lực. Anh Chánh trả lời ngay: "Thu quân, chuẩn bị thực hiện lệnh ngừng bắn vào ngày 20 tháng 7 năm 1954. Không được tổn phí một giọt máu nào của chiến sĩ. Đợi lệnh tiếp sau...".

Anh Chánh rất bồi hồi khi biết Hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký kết. Quân đội Liên khu 5 phải tập kết ra Bắc. Mảnh đất thân yêu này, đã nhuộm đỏ bao nhiêu máu của quân và dân ta mới giữ được, nay lại phải trao cho đối phương. Chờ hai năm nữa nếu có tổng tuyển cử thì mới có hy vọng thống nhất đất nước.

Anh Chánh suy nghĩ rất nhiều. Cũng như nhiều nhà lãnh đạo khác, anh đã nhìn thấy trước khả năng tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Anh biết,

khi phổ biến tin này, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Liên khu 5 sẽ suy nghĩ gì...?

Trong hội nghị cán bộ toàn Liên khu để tổng kết chiến cục và bàn việc chuyển quân tập kết, bằng lời lẽ chân thành, anh thể hiện rõ sự đồng cảm sâu sắc với anh em. Với quyết tâm sắt đá và nỗi xúc động sâu sắc, anh nói: "... tôi cũng xin hứa với các đồng chí, nếu sau hai năm, quân thù vẫn ngăn trở nhân dân ta thực hiện nguyện vọng chính đáng của mình là hòa bình thống nhất đất nước, thì tôi sẽ xin phép Trung ương, Chính phủ được cầm lá cờ "quyết chiến, quyết thắng", cùng với các đồng chí trở về giải phóng quê hương yêu quý. Chúng ta nhất định thắng"...

... Tháng 4 năm 1957, anh được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Được tin này, nhiều anh em đã từng quen biết hoặc chỉ được nghe về đạo đức, tác phong, tài năng lãnh đạo, chỉ huy của anh, ai cũng vui mừng phấn khởi. Anh làm việc quá nhiều, sức khỏe của anh giảm sút, nhất là những cơn đau đầu thường xuyên hành hạ anh. Có hôm, đang làm việc anh ôm đầu ghì sát đầu vào chấn song cửa sổ như muốn nhờ các chấn song đè mạnh vào óc mình cho đỡ bớt những cơn đau co giật ghê gớm và nước mắt anh trào ra!

Anh ra đi quá sớm, quá đột ngột!

Anh Chánh vĩnh biệt chúng ta khi mới 43 tuổi, tuổi tràn đầy nghị lực, tuổi đơm hoa kết trái của tư duy và sáng tạo, đức kết được biết bao tinh hoa của cuộc đời đấu tranh cách mạng. Mất anh, quân

đội và nhân dân ta mất đi một người cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, tài đức tuyệt vời.

Sự nghiệp của anh được nhiều người ngưỡng mộ, kính phục. Ở anh, các đức tính, phẩm chất quý báu của một người làm tướng đã đạt đến mức toàn vẹn như Bác Hồ đã dạy: trí, nhân, dũng, trung, liêm, tín.

Anh Chánh là một con người như thế đó. Chẳng những quân đội và nhân dân ta quý trọng, thương tiếc anh, mà đối phương cũng phải kính nể anh.

Đe Beaufort, viên Tư lệnh vùng Tây Nguyên thời chiến tranh, khi gặp anh Chánh ở Hà Nội, đã phải ngả mũ kính chào vị tướng tài ba đã làm cho quân Pháp kinh hoàng trong hai mùa xuân 1953 và 1954 ở miền Nam Trung Bộ.

Anh Nguyễn Chánh ra đi đã 40 năm rồi, nhưng quân và dân Liên khu 5 vẫn luôn tưởng nhớ tới anh, người anh cả của bộ đội Liên khu 5, một danh tướng xuất sắc của nhân dân ta trong thời kỳ chống Pháp, anh đã để lại một tấm gương người sáng cho hậu thế noi theo.

N.V.L.

**ANH NGUYỄN CHÁNH**  
**NGƯỜI LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY TÀI GIỎI,**  
**NGƯỜI ANH, NGƯỜI THẦY MẪU MỰC**

*Đại tá PHAN THƯỢNG DỊCH*

Trong suốt cuộc đời chiến đấu, tôi có cái may mắn được sống và làm việc một thời gian khá dài dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Nguyễn Chánh. Theo tôi, đối với lực lượng vũ trang cách mạng Liên khu 5, anh Chánh là một trong những người sáng lập, là người lãnh đạo chỉ huy tài giỏi, là một người anh, người thầy mẫu mực. Còn riêng đối với gia đình tôi, anh như một người anh cả.

... Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tôi theo lực lượng Nam tiến vào Quy Nhơn, rồi vào chiến đấu ở Khánh Hòa, sau đó lên chiến đấu ở mặt trận Buôn Ma Thuột.

Đến năm 1950, tôi được lệnh gọi về tổ chức và phụ trách Ban Quân lực thuộc Bộ tư lệnh Liên khu 5. Từ đó, tôi mới được gần anh Chánh, và chính qua công tác quân lực, ngày càng hiểu sự đúng đắn, sáng tạo, vững vàng trên con đường xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang Liên khu 5

dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy và Đảng ủy, Bộ tư lệnh Liên khu 5 mà người đứng đầu là anh Nguyễn Chánh.

Liên khu 5 là nơi chiến tranh đến rất sớm, chỉ sau Nam Bộ một tuần. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, thì một tuần sau đã đánh ra cực Nam Trung Bộ, rồi Tây Nguyên. Sau đó, trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, có thể nói Liên khu 5 chiến đấu trong vòng vây của kẻ thù, bị cắt đứt với Trung ương. Vậy mà nay nhìn lại, có thể thấy rõ lịch sử xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân Liên khu 5 suốt thời kỳ ấy gần như hoàn toàn đúng theo quy luật chung, những vấn đề cơ bản nhất đều giải quyết đúng, phù hợp với đặc điểm chiến trường.

Lực lượng vũ trang đi từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, vấn đề xây dựng bản chất của quân đội nhân dân và Đảng Cộng sản lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện quân đội được đặt ra từ đầu, và đó là nguyên nhân sâu xa nhất của sự phát triển trưởng thành về sau. Ngay từ khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ tháng 3 năm 1945, Đội du kích Ba Tơ ra đời, anh Chánh được Tỉnh ủy lâm thời phân công lên trực tiếp lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ, thì anh đã nêu ý kiến được toàn Đội tán thành: Không để Đội du kích lẩn quẩn mãi trong rừng núi, mạnh dạn đưa ngay Đội về đồng bằng, dựa vào nhân dân mà tồn tại phát triển, tin tưởng ở nhân dân. Ngày nay, nhìn lại tôi nghĩ đó là một tư tưởng lớn, làm cho lực lượng rõ ràng từ không đã phát triển thành có, từ nhỏ thành lớn, từ mười mấy con người ban đầu, trong thời gian rất

ngán, phát triển thành hai đại đội đồng mạnh, là lực lượng chủ lực của cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 giành chính quyền ở Quảng Ngãi, và về sau là nòng cốt xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang không chỉ ở Khu 5, mà cả Khu 6, Khu 15.

Là người làm công tác quân lực, tôi được biết anh Chánh luôn luôn coi việc xây dựng bản chất cách mạng của quân đội là quan trọng hàng đầu. Thời kỳ khó khăn nhất của Liên khu 5 theo tôi là thời kỳ từ 1945 đến 1950, hoàn toàn cô lập, xa Trung ương. Lực lượng bộ đội thì từ nhiều nguồn hợp lại, khá phức tạp. Quan hệ giữa bộ đội với chính quyền, quan hệ quân dân, quan hệ cán binh rất nhiều thiếu sót, lắm khi nặng nề. Ở Phan Thiết bộ đội thiếu ăn có lần kéo quân bao vây cơ quan chính quyền đòi ăn. "Bộ đội lá mít" (tức một tiểu đoàn nổi tiếng ở cực Nam hồi bấy giờ, thường đội mũ có lưới gài lá mít để ngụy trang) vào xin ở nhà dân, dân chưa cho ở thì bắt chủ nhà bỏ xuống giếng, đặt trung liên bắn lên mái nhà đồng bào. Ở nhiều đơn vị, cán bộ dùng nhục hình, đánh mắng chiến sĩ, thậm chí cạo trọc đầu, nhốt hầm...

Anh Chánh biết những điều đó, anh rất đau lòng, anh nói: Đó là lỗi ở chúng ta. Anh tổ chức học tập về bản chất quân đội cách mạng, quân đội nhân dân cho cán bộ trong các đơn vị, và anh đã đến nói chuyện với anh em nhiều lần. Anh nói rất nghiêm khắc, nhưng có lý, có tình, lấy những dẫn chứng cụ thể mà giảng giải, đặc biệt không bao giờ nặng lời hay mạt sát ai. Những người từng được nghe anh Chánh nói chuyện

đều có cảm giác nghe một người anh, một người bạn lớn và đều giữ ấn tượng rất sâu về cả nội dung lẫn cách nói của anh. Đối với người có khuyết điểm, tôi chưa thấy bao giờ anh Chánh có thành kiến, anh nghiêm khắc khi phê bình, kỷ luật khi thật cần thiết, nhưng rồi chân tình mở đường cho người ta sửa chữa và đi lên. Anh luôn nhắc đi nhắc lại: Nếu anh em có khuyết điểm thì trước hết là tại mình.

Có thể nói từ năm 1948 trở đi, người cán bộ, chiến sĩ ở chiến trường Liên khu 5 đã biết rõ mình cảm sung cho ai, vì ai và chống ai. Quân đội đó mới thực sự là quân đội nhân dân.

Anh Chánh là trụ cột đoàn kết trong lực lượng vũ trang và cả quân dân trong Liên khu 5. Anh đặc biệt có tài cách sử dụng cán bộ. Cái tài đó của anh trước hết là do từ cái tâm của anh, thật lòng yêu quý từng người, không hề định kiến với ai, biết thông cảm, biết lắng nghe, biết chờ đợi từng người, đồng thời sức thuyết phục của anh cũng tỏa ra từ trí tuệ của anh. Anh nói chuyện với đồng người, hay từng người đều giản dị nhưng chặt chẽ, uyên bác. Anh Chánh có nho học, còn Tây học thì anh chưa có bao nhiêu, nhưng tôi chưa thấy một người trí thức nào phần lớn bấy giờ là Tây học chê anh Chánh.

Thời kỳ đầu còn có vấn đề cán bộ miền Bắc và cán bộ miền Trung. Anh em cán bộ từ miền Bắc vào phần lớn là trí thức, học sinh, sinh viên. Cán bộ miền Trung thì số đông là công nông.

Ngay từ lúc làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung Bộ sau khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, anh đã trực

tiếp cùng các anh lãnh đạo ở Thừa Thiên - Huế giải quyết rất tốt việc hòa hợp lực lượng vũ trang cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức, lãnh đạo với lực lượng Thanh niên tiên tuyến, có thể nói đó là công việc cách mạng hóa tổ chức quân sự.

Trong suốt quá trình kháng chiến, anh vừa sử dụng cán bộ, vừa giáo dục, dìu dắt từng người tận tình.

Tôi biết có một số trường hợp rất khó mà anh Chánh đã giải quyết thành công, như trường hợp ông Phan Quỳnh được sĩ ở Quy Nhơn, là người có theo Tân Việt bị Việt Minh giết hồi khởi nghĩa tháng Tám. Việc này có sai, anh Chánh về sau có gặp gỡ bà vợ ông Phan Quỳnh. Qua nói chuyện, anh đã cảm hóa được bà, và bà đã ra tham gia hoạt động phụ nữ Cứu quốc rất tích cực. Trường hợp anh Võ Xáng bị giết cũng vậy. Về sau chị Cán, vợ anh Xáng vẫn là một cán bộ phụ nữ hăng hái.

Có thể nói, ở Liên khu 5 trong suốt cuộc kháng chiến chín năm, anh Chánh là người đã đoàn kết, thu nạp, hòa hợp được tất cả các xu hướng chính trị yêu nước thành sức mạnh chung, tạo nên thắng lợi lớn ở một chiến trường vô cùng khó khăn.

Về tổ chức sử dụng lực lượng và phương thức tác chiến trên chiến trường, nay nhìn lại ta thấy Liên khu 5 cũng đã vận dụng rất đúng quy luật chiến tranh chung trong điều kiện chiến trường. Sau thời kỳ đầu chưa có kinh nghiệm và một chừng nào thoát ly thực tiễn về khả năng trang bị vũ khí, về yêu cầu tác chiến và trình độ cán bộ, đã tổ chức lớn

như đại đoàn và dàn đều trên các mặt trận. Liên khu 5 đã nhanh chóng tìm ra phương thức có hiệu quả: đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, trung đoàn chủ lực cơ động mạnh, chú trọng cả dân quân tự vệ và bộ đội địa phương, bộ đội đặc công. Có tổ chức đúng mới đi đến thắng lợi cuối cùng rực rỡ trong Đông - Xuân 1953 - 1954. Đương nhiên ở đây có sự chỉ đạo sáng suốt của Trung ương, nhưng cũng là sự tìm tòi trong thực tiễn tại chiến trường của cán bộ, chiến sĩ và quần chúng, mà người có công đầu là anh Chánh.

Trong chiến đấu, tôi thấy anh Chánh là người rất am hiểu và nắm chắc cán bộ, sử dụng cán bộ rất đúng, là người có tầm bao quát rộng, đồng thời cũng là người rất chu đáo cụ thể.

Tôi nhớ trận đánh đồn đèo Thượng An năm 1952, được lệnh anh Chánh, tôi đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, bộc phá ống được chuẩn bị đến gấp đôi. Đánh được nửa giờ, mới phá được một hàng rào thì anh Phan Hàm báo cáo đã hết bộc phá. Anh Chánh gọi tôi: "Địch, sao vậy?". Tôi vội kiểm tra lại. Thì ra anh Hàm mới sử dụng hết số bộc phá anh em mang lên đợt một. Chúng tôi cho mang lên tiếp, anh em đánh cho đến khi tiêu diệt được đồn.

Một vị tư lệnh Liên khu tỉ mỉ, cụ thể đến thế trong chỉ huy, anh Chánh là người như vậy.

Tôi cũng nhớ anh Nguyễn Bá Phát, lúc đầu không được tin dùng lắm. Khi bắt đầu kháng chiến, anh Chánh giao cho anh Phát nhiệm vụ phá hoại Quy Nhơn, thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Anh Phát

làm rất tốt. Khi nổ ra toàn quốc kháng chiến ở Đà Nẵng, người chỉ huy thực hiện lệnh nổ súng chậm, anh Chánh đưa anh Phát xuống thay, đánh rất tốt. Về sau anh Phát đánh nhiều trận xuất sắc ở Hải Vân, Gò Cà,... là một người chỉ huy giỏi, rất được tin nhiệm, làm đến Tham mưu phó Quân khu và Tư lệnh Hải quân.

Tôi cũng còn nhớ anh Phan Hàm ở Tham mưu Quân khu, anh Nguyễn Bá Phát là Trung đoàn trưởng, anh Hàm xuống phổ biến nhiệm vụ cho anh Phát, anh Phát không nghe. Anh Chánh bèn điều anh Phát về làm tham mưu và đưa anh Hàm xuống làm Trung đoàn trưởng. Anh bảo: Để cho hai cậu ấy hiểu ra khó khăn của cấp trên là gì, khó khăn của cấp dưới là gì...

Trận đánh địch ở Play-ring, anh dặn chưa được báo cho đồng chí trung đoàn trưởng biết, bọn địch ở đó chính là bọn GM 100 tức binh đoàn cơ động của Pháp rất mạnh vừa rút từ Triều Tiên về, anh bảo: "Biết rõ, nó sẽ ngại...".

Trận đánh đã thắng lợi giòn giã. Tôi nghĩ trong trường hợp này không phải anh không tin cán bộ, nhưng là người chỉ huy nắm bao quát được tình hình và rất hiểu tâm lý cán bộ, anh biết lúc nào cần nói rõ điều gì, lúc nào chưa, để cấp dưới qua va chạm với kẻ địch tự hiểu rõ khả năng của mình, lòng tự tin sẽ càng vững vàng hơn.

Là một người cầm quân đánh giặc, anh Chánh biết rõ trong chiến tranh khó tránh đổ xương máu để giành thắng lợi, anh rất xót xa trước sự hy sinh

của chiến sĩ. Anh thường xuyên làm việc với quân giới, bàn bạc với anh em tìm mọi cách cải tiến vũ khí, đặc biệt là bộc phá ống trong đánh đồn, để cố gắng tối đa giảm thương vong.

Trước mỗi trận đánh, anh thường xuống ăn, ngủ, tâm sự với anh em hỏi còn khó khăn gì và tìm mọi cách giải quyết.

Đối với chính sách chiến lợi phẩm, anh rất nghiêm. Chiến dịch Đông - Xuân 1952 và 1953 - 1954, ta thu được nhiều chiến lợi phẩm. Anh em hậu cần mang một số lên cho Bộ tư lệnh. Anh nghiêm nét mặt hỏi: Đã mang hết cho thương bệnh binh chưa?... Mang hết về cho thương bệnh binh đi, rồi chia cho các đơn vị. Còn Bộ tư lệnh là sau cùng...

Bạn trăm công nghìn việc vậy mà bằng tấm lòng chân tình như người anh, anh Chánh rất chăm lo đời sống, cả tâm tình của cán bộ. Và anh em ở Khu 5 thường bảo: Ông Chánh là người có duyên làm mối. Tôi biết có hàng chục cặp cán bộ đã nên vợ chồng là đều do anh giúp đỡ.

Riêng cá nhân tôi cũng được anh đi hỏi vợ cho. Nhà tôi là con cụ Trần Toại, một đồng chí cách mạng tham gia từ thời Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, về sau làm Chủ tịch tỉnh Quảng Ngãi một thời gian thì mất. Ông thuộc lớp người đi trước anh Chánh. Anh Chánh tự thấy có trách nhiệm với đồng chí đi trước, với gia đình con cái của đồng chí.

Hiệp định Giơ-ne-vơ sắp ký, một hôm anh Chánh gọi tôi lên bảo:

- Hiệp định Giơ-ne-vơ sắp ký rồi, ta sẽ phải tập kết. Cậu phải lo giải quyết chuyện vợ, con đi.

Tôi đáp:

- Nhưng bạn quá, anh ạ.

Anh bảo:

- Bạn thì để tao đi hỏi vợ cho.

Tưởng anh nói đùa, hóa ra anh đi thật. Lúc đó chúng tôi đóng ở Nghĩa Hành, nhà vợ tôi thì ở tận trên Trường An, Ba Tư. Vậy mà anh đi, đi suốt một đêm, cùng với anh bảo vệ là anh Nhành. Hồi đó ở đèo Đá Chát, cây số 13 đường lên Ba Tư có con cọp dữ nổi tiếng, đá bắt nhiều người. Anh đi, bất chấp nguy hiểm. Lên gặp mẹ vợ tôi, anh thay mặt Liên khu xin con gái bà cho tôi, bà bảo:

- Anh là người nắm quân đội, anh biết ai ra sao, ai hay ai dở? Thầy nó ở nhà mất rồi, anh như người anh cả trong gia đình, trăm sự nhờ anh định liệu.

Còn tôi thì trước đây tôi cũng chỉ mới gặp gia đình vợ tôi một vài lần: đó là lần tôi thay mặt đơn vị xin hỏi chị Thuyết là chị vợ tôi cho ông Tứ, nguyên Trưởng ban Thông tin - liên lạc Liên khu 5.

Hôm sau anh Chánh về, bảo tôi:

- Xong rồi, lo liệu cưới đi.

Tôi kêu:

- Trời ơi, đêm hôm, cọp beo, anh đi như vậy xảy ra chuyện gì, làm sao!

Anh chỉ cười...

Ngày làm lễ chiến thắng và chia tay với đồng bào trước khi đi tập kết, vợ tôi xuống, chúng tôi

đến thăm anh Chánh, tạ ơn anh. Hôm ấy trời mưa như trút nước.

Anh Chánh hỏi:

- Đêm nay chúng mày ở đâu?

- Thưa, ở nhà dân ạ!

- Không được đâu, nhà dân, vợ chồng ăn ở với nhau, người ta kiêng. Thôi hai đứa vô cái lán này của tao mà ở. Ngủ cái giường tre này của tao.

Tôi nói:

- Không được, anh ạ!

Anh bảo:

- Tao ra lệnh... Và anh qua lán khác, mắc võng nằm.

Ngày tập kết anh nói với Tỉnh ủy tổ chức đưa bà mẹ vợ tôi đi, để lại thế nào chúng nó cũng trả thù. Bà già bảo:

- Tôi già cả quá rồi, đi làm sao!

Anh nói:

- Vậy thì bác đem theo một đứa cháu cùng đi để chăm sóc bác...

Anh Chánh đã qua đời 40 năm rồi. Biết bao nhiêu biến đổi trên cõi đời, nhưng một người đã trở thành biểu tượng sâu đậm không bao giờ phai nhòa trong tôi: đó là anh Nguyễn Chánh, một người lãnh đạo sắc sảo của quân và dân Liên khu 5.

P.T.D.

## HẾT LÒNG CHĂM LO VUN TRỒNG THẾ HỆ TRẺ

*Đại tá CAO HỮU THỌ*

Đầu năm 1946, trong khí thế hào hùng, sự sôi cách mạng của nhân dân cả nước và hưởng ứng phong trào "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu" của học sinh thành phố Huế, tôi và nhiều bạn bè cùng lứa xin thôi học, xung phong vào Đội Thiếu niên tuyên truyền xung phong nội thành Huế.

Học hành và tập luyện cấp tốc một thời gian, chúng tôi được biên chế vào Đội Thiếu sinh quân của Trung đoàn 94, rồi đi theo đơn vị làm các nhiệm vụ tuyên truyền trinh sát, liên lạc ở Khu 5.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, một sự kiện "không vui" đến với Đội Thiếu sinh quân Trung đoàn 94: thi hành chỉ thị của đồng chí Nguyễn Chánh, chính ủy Khu 5, chúng tôi phải trở về địa phương để tiếp tục học tập. Đó là vì tương lai của các em, vì sự nghiệp xây dựng và kiến thiết đất nước sau này. Chỉ một số ít bạn được Quân khu giữ lại và được giao những công việc phù hợp.

Năm 1954, tập kết ra miền Bắc, những thiếu sinh quân của Trung đoàn 94 ngày trước thỉnh thoảng có dịp gặp gỡ nhau cùng nhau ôn lại những kỷ niệm đẹp của một thời trai trẻ. Không một ai trong chúng tôi quên tấm lòng nhân ái của anh Nguyễn Chánh ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đã hết lòng chăm lo cho tương lai của thế hệ trẻ.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, nhiều cán bộ miền Nam chúng tôi tập kết ra miền Bắc được Nhà nước và quân đội cho đi đào tạo chuyên môn kỹ thuật ở các trường trong và ngoài nước để xây dựng quê hương đất nước trong tương lai. Lúc chúng tôi tập trung ở khu Học xá Bộ Giáo dục để chuẩn bị lên đường đi học ở nước bạn. Tháng 5 năm 1955, tuy bận lo trăm ngàn công việc, anh Nguyễn Chánh, lúc này là Phó Tổng tham mưu trưởng, vẫn dành thời gian viết thư ân cần dạy bảo chúng tôi. Trong thư anh viết; "Hôm nay các em sắp lên đường đi học ở nước bạn, anh thấy sung sướng và cảm động, vì các em đã được Đảng giáo dục, đến nay đã trưởng thành, được tin cậy giao cho nhiệm vụ đi học để xây dựng Tổ quốc. Nhìn đến tương lai, chắc sẽ gặp các em trong những ngày tươi sáng của dân tộc. Anh mong các em luôn luôn cố gắng thi đua học tập, quyết không lùi bước trước mọi khó khăn; điều cơ bản các em luôn luôn rèn luyện là suốt đời chiến đấu vì dân, vì nước...".

Những lời dạy bảo ân cần của anh khắc sâu trong tâm khảm thế hệ trẻ chúng tôi, là hành trang vô

giá đối với mỗi chúng tôi trong những năm tháng học tập trên đất nước bạn và mãi mãi là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động của chúng tôi trên con đường phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Ngày được tin anh đột ngột qua đời, những lưu học sinh Việt Nam chúng tôi đang sống xa Tổ quốc hết sức bàng hoàng, nhớ thương anh vô hạn.

Trong buổi lễ truy điệu anh, chúng tôi lặng lẽ nén đau thương, vĩnh biệt anh và mãi mãi biết ơn một người anh, một người thầy lỗi lạc, đã nhìn xa trông rộng, một nhà cách mạng mẫu mực, trong sáng đã vì tương lai của đất nước, hết lòng chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ tiến bộ và trưởng thành.

Riêng với cá nhân tôi, người đã nhiều năm được gần gũi giúp việc anh Chánh, đó là những năm tháng được bồi dưỡng và rèn luyện để tôi có thể trưởng thành như ngày nay. Hình ảnh anh Chánh đã khắc sâu trong tâm khảm tôi như hình ảnh một người anh, một người thầy, cả về đức độ và tài năng, để tôi noi gương; những lời hướng dẫn, khuyên bảo và cả những lời phê bình của anh tôi vẫn ghi nhớ không bao giờ quên.

C.H.T.

## ANH CHÁNH VỚI NGHỆ THUẬT TUỒNG

HOÀNG CHÂU KÝ

Thời ấy hầu như hè nào tôi cũng vào nghỉ mát ở Sầm Sơn, kết hợp đạo diễn hoặc mở lớp bồi dưỡng chuyên môn cho đoàn Tuồng của Thanh Hóa. Tôi quen thân với anh Vĩnh<sup>1</sup> từ đấy, thường cùng anh trao đổi ý kiến về Tuồng.

Có lần anh Vĩnh tâm sự với tôi rằng, sở dĩ anh hiểu Tuồng rồi dần dần thiết tha với nghệ thuật này bởi đã được anh Nguyễn Chánh đưa đi xem và giảng giải về cái hay, cái đẹp của Tuồng, về nội dung cũng như về biểu diễn. Kì càng xem càng phát hiện, nhận thức được tính ưu việt của nghệ thuật truyền thống này. Đó là thời gian anh Chánh làm Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ.

Tôi biết và quen anh Chánh từ lâu, nhưng mãi đến năm 1952, khi tôi được Khu ủy giao nhiệm vụ xây dựng đoàn Tuồng Liên khu 5 thì mới được nhiều dịp gặp anh và cùng nói chuyện thân mật về Tuồng, về văn nghệ. Thi ra không những anh yêu mến mà

---

1. Đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa.

còn am hiểu khá sâu về bộ môn nghệ thuật này. Anh rất thích xem Sơn Hậu đánh giá cao vở này. Anh bảo, đại ý: Vở này nêu cao tính chất anh hùng chính nghĩa của mọi lớp người: lão thành có phân Định Công, Triệu Khắc Thương, phụ nữ có Nguyệt Hạo, Phàn Phụng Cơ, trung niên có Kim Lân, Linh Tá, thanh niên có Phàn Diệu. Loại hoạn quan thường xấu, nịnh hót, nhưng hoạn quan Lê Tự Trinh trong vở này cũng trọn nghĩa, trọn tình. Bên phe phản diện thì tên tướng Ôn Đình có sức mạnh phi thường, trông như cây cột đá, oai phong lẫm liệt, lại là trí tướng. Thế mà cuối cùng nó bị thua bởi thiếu chính nghĩa, không đọ được với cả một tập thể hùng mạnh quyết chiến.

Cái đặc biệt là mỗi nhân vật trong vở này đều có tính cách riêng rất rõ, không thể nhầm lẫn với ai... Nghệ thuật biểu diễn cũng tuyệt diệu, từng câu nói, câu hát đều đúng chỗ, từng động tác cũng vậy, không thiếu, không thừa, thể hiện đúng tính cách nhân vật...

Tôi nói với anh: Cái kết của vở Tuồng này rất nhân đạo. Sau khi sụp đổ, đầu hàng, tên vua ngụy Thiên Lăng lại được tha tội chết, cho về quê sống cuộc đời thường dân, còn được cấp cho ruộng để sinh sống. Phe chính nghĩa chiến thắng xét rằng các tướng em Thiên Lăng đã đền mạng, chị ruột hắn là bà Nguyệt Hạo lại có công với cuộc chiến thắng của phe trung thần.

Anh Chánh gật đầu đáp: "Ông" có cái nhận xét ấy rất hay, có thể nghiên cứu thêm để thấy rõ tình

thần nhân đạo của dân tộc ta. Đó có thể là xuất phát từ tính nhân dân, tính dân tộc.

Anh thường gọi tôi bằng "ông" một cách thân mật, tôi hiểu từ "ông" ở đây tương đương từ "cậu" đối với người đồng chí ít tuổi hơn. Trong những trường hợp này hoàn toàn anh không ý thức về quyền lãnh đạo của mình đối với cán bộ cấp dưới.

Nhiều lần làm việc với các lão nghệ sĩ trong đoàn Tuồng chúng tôi như các ông Nguyễn Nho Túy, Nguyễn Lai, bà Ngô Thị Liễu... anh Chánh nói chuyện rất vui, nhắc lại bao kỷ niệm của anh đối với ngành Tuồng. Anh nhắc đến ông phó ca Trập ở Quảng Ngãi đóng vai Trương Phi rất oai, múa rất đẹp, đóng "Cáp tồ văn năm gành" cũng rất hay... Anh nhắc mãi về trống châu, bảo rằng Tuồng mà không có trống châu là mất một cái hay. Đó là tiếng nói khen chê, phẩm bình của khán giả, mặt khác trống châu góp phần làm tăng khí thế của buổi biểu diễn, giúp khích lệ diễn viên.

Những buổi nói chuyện như thế, dù ngắn ngủi, cũng chứng tỏ không những anh rất yêu nghệ thuật này, mà còn là người sành về nghệ thuật, đánh giá cao ngành hát Bội của dân tộc ta. Anh thường nói giọng hát Tuồng lành mạnh, hào hùng, gập tình huống khóc người chết vì nghĩa cả cũng không bi thương mà bi tráng.

Sau khi đoàn chúng tôi công diễn mấy vở *Tam nữ đồ vương hồi III*; *Trưng Vương khởi nghĩa* và *Sơn Hậu hồi II* được khán giả hoan nghênh, chúng tôi bàn nhau là đương trong kháng chiến, nên làm

sao có được một vở trực tiếp phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp.

Chúng tôi cùng nhau bàn bạc vấn đề trên về điều nhận thấy cần tiến hành gấp việc đó.

Sau một thời gian miệt mài làm việc, chúng tôi sáng tác được vở "Chị Ngộ" và khẩn trương dàn dựng. Anh Chánh xem vở "Chị Ngộ" nhiều lần và gặp chúng tôi tỏ ý hoan nghênh vở này và góp ý một vài điểm. Đại ý anh nói rằng, qua vở này ta thấy Tuồng vẫn có khả năng phản ánh cuộc sống đương đại nhưng phải chọn lọc đề tài cho phù hợp. Cũng có phần khó, nhưng cứ tiến hành rồi từng bước rút kinh nghiệm, bớt đi những chỗ sơ đoán, gia tăng chỗ sơ trường. Phản ánh được cuộc sống nhân dân đương sống vẫn dễ thu hút xúc cảm của người xem. Cũng không nhất thiết cuộc sống hiện nay chỉ là chống Pháp, cũng có thể có chuyện chống Pháp quyết liệt nhưng không xuất hiện nhân vật Pháp. Về vở "Chị Ngộ" không nên đưa cái đầu nặn bằng đất giống y cái mặt anh Sơn, không phù hợp với nghệ thuật ước lệ tượng trưng của Tuồng (lúc ấy bác Sơn đóng nhân vật anh Tài bị Pháp giết và chặt đầu, anh Song Văn nặn cái đầu bằng đất giống y mặt bác Sơn để đưa ra sân khấu).

Sau khi nói chuyện như trên, anh lại nhắc rằng cũng không vì chạy theo đề tài hiện đại mà bỏ những vở Tuồng cổ, đó không những là những tác phẩm tuyệt diệu về biểu diễn, hun đúc tài năng của bao thế hệ mà còn là những tác phẩm có tính tư tưởng rất cao. Hiện nay có thể còn có người chưa đánh

giá đúng, nhưng giá trị đích thực của những vở ấy càng ngày càng được nhận thức đúng. Đó là những tác phẩm mang tính kinh điển của ta...

Ai cũng biết anh Chánh có nghệ thuật nói rất hấp dẫn. Tôi từng nghe anh giảng bài rất mạch lạc dễ hiểu, nhưng vẫn với cách diễn đạt hào hoa. Khi nói chuyện với những nghệ sĩ Tuồng thì cách nói của anh càng sôi nổi, hấp dẫn dù rất thân mật nhẹ nhàng.

Có lần tôi hỏi anh:

- Anh có biết hát không?

Anh cười đáp:

- Nghe mãi cũng thuộc và hát quạch quạc vài câu, nhưng không biết nhịp.

Sau một buổi gặp và nói chuyện với anh Chánh, bác Nguyễn Nho Túy nói với chúng tôi:

- Giá ta được nhiều vị lãnh đạo như thế thì lợi cho nghệ thuật biết bao.

Tôi tập kết ra Bắc chuyến tàu cuối cùng và khi đương học tập ở một địa điểm thuộc ngoại thành Hà Nội, thì anh Chánh đến thăm lớp học rồi gọi tôi ra nói chuyện. Anh bảo, vừa đi tham quan khu mỏ về, ở đấy không những có mỏ than lớn, tài nguyên lớn của đất nước mà cảnh đẹp vô cùng, đẹp lại hùng vĩ, "ông" nên tìm dịp đi tham quan Quảng Ninh, Hạ Long để có xúc cảm mới mà làm nghệ thuật.

Những năm sau, Anh thường đi xem đoàn Tuồng Khu 5 diễn ở rạp Ái Liên, đường phố Huế, có khi anh dắt đứa con trai nhỏ bị câm cùng đi theo. Có

hôm, xem xong anh vào hậu trường thăm và nói chuyện với diễn viên năm mươi phút. Bao giờ cũng vậy, các nghệ sĩ được gặp anh là rất mừng.

Tôi không nhớ cụ thể vào năm nào, sau một thời gian đi chữa bệnh ở Trung Quốc về, anh Chánh tìm đến gặp tôi và bảo:

- Tôi sang Trung Quốc có cái thú nhất là được xem nhiều bộ môn hí khúc của bạn. Các "ông" có sang xem, nghiên cứu thì cũng không thể xem nhiều được, tôi có thuận lợi là đi nghỉ an dưỡng kết hợp tham quan nên đi nhiều nơi, đến đâu cũng xem kịch hát, nhiều thứ lắm. Sân khấu kịch hát của họ phong phú, đa dạng, kỹ thuật điêu luyện, nhưng tôi cho là hát Bội của mình chẳng kém giá trị nghệ thuật. Xem Tuồng của mình vẫn thắm thía hơn. Nên học họ cái gì cần nhưng không nên chạy theo cách của họ. Tuồng mình hay lắm. Càng xem họ càng biết mình.

... Hôm nghe tin anh Chánh mất, đoàn Tuồng Liên khu 5, trước hết là các lão nghệ sĩ và chúng tôi như ngư ngác, bàng hoàng, bàng hoàng...

H.C.K.

## ANH NGUYỄN CHÁNH MỘT CON NGƯỜI THẬT ĐẶC BIỆT

*Đại tá HOÀNG XUÂN THÂM*

### *Nhìn xa lắm*

Chúng tôi là học sinh Trường trung học Trần Phú, một trong những trường được ra đời đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám ở phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Chúng tôi ngồi học trong không khí quê hương sôi sục cách mạng. Các đoàn quân Nam tiến đi qua, dừng chân lại ở gần trường càng thôi thúc lứa tuổi 15, 16 chúng tôi lên đường vào Nam chiến đấu.

Sau tết Bính Tuất 1946, ở trường chúng tôi xảy ra một sự kiện: anh Đặng Giáo (sau này là Thứ trưởng Bộ Lương thực - thực phẩm) lúc đó là cán bộ tình báo ở Chiến khu 6 được cử về trường liên hệ với một người đang dạy học là anh Hoàng Nguyên Cát tuyển chọn một đội thiếu sinh quân và Khu 6 làm liên lạc và trinh sát.

Có hàng trăm lá đơn tình nguyện, nhưng cuối cùng chỉ có 20 bạn được chọn trong đó có tôi. Được

tuyển lựa và lên đường Nam tiến, chúng tôi háo hức, sôi nổi vô cùng, cho đây là một vinh dự lớn...

Vào đến vùng Bàn Nham, Bàn Thạch nay thuộc xã Hòa Xuân huyện Tuy Hòa, Phú Yên, chúng tôi được huấn luyện cấp tốc về các môn cần thiết... Trong khi chuẩn bị về các đơn vị làm nhiệm vụ thì được một tin sét đánh. Chuyện là thế này: Anh Nguyễn Chánh, lúc đó là Ủy viên Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, khi nghe báo cáo về Đội Thiếu niên Nam tiến, đã có ý kiến: "Hoan nghênh, khen ngợi tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm của Đội Thiếu sinh quân Nam tiến của phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đánh giặc là nhiệm vụ sống còn, cả nước ai cũng phải tham gia. Nhưng đánh giặc xong, mục tiêu của chúng ta là kiến thiết đất nước giàu mạnh. Trước <sup>đ</sup>mất, chưa phải động viên các em thiếu niên vào quân đội chiến đấu. Cần tổ chức cho các em về, liên hệ với các trường cho các em tiếp tục học tập để tham gia xây dựng đất nước sau này...". Chúng tôi được tập hợp, động viên giải thích trở lại quê hương tiếp tục học tập, tất cả chúng tôi đều yêu cầu xin được ở lại. Nhưng quân lệnh thì phải chấp nhận. Đại đa số đội viên phải lên đường trở về, chỉ có anh Nguyễn Duy Phiên và tôi "già dặn" hơn một chút và được "bao che" cho nên được ở lại. Lúc đó chúng tôi bực và giận "ông" Nguyễn Chánh "nhiều sự" đã bắt phần đông bạn bè chúng tôi trở về.

Mãi đến lúc trưởng thành chúng tôi mới hiểu được tầm nhìn xa của anh Nguyễn Chánh. Trong bọn bè công việc, đang phải quần nhau với kẻ địch trước

mất, anh vẫn nghĩ đến việc chuẩn bị cho tương lai, cho sự nghiệp xây dựng đất nước về sau.

### *Thật giản dị và rõ ràng*

Trong một lần học chính trị của cơ quan Liên khu bộ Khu 5, một số anh em có trình độ văn hóa khá, được nghiên cứu ít nhiều về chủ nghĩa Mác, thắc mắc: Theo Mác thì hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc; quan hệ sản xuất phải phù hợp với sức sản xuất... Vậy tại sao ta không tập trung xây dựng kinh tế, xây dựng lực lượng sản xuất để thay đổi quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc, mà lại dồn sức làm cách mạng chính trị, phát động đấu tranh vũ trang. Câu hỏi có vẻ hóc búa nên phải viện đến Chính ủy Nguyễn Chánh.

Anh Chánh nở một nụ cười rất tươi và nói:

- Về quy luật thi hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc là đúng, nhưng phải hiểu và vận dụng quy luật đó vào trong điều kiện cụ thể cho đúng mới là quyết định. Xin nêu một ví dụ về quy luật tự nhiên mà nói, một cái xe muốn chạy được phải có một lực tác động. Nhưng trong trường hợp chiếc xe bị một thanh sắt gài vào hai bánh, muốn xe tiến lên, việc trước tiên là phải rút thanh sắt ra khỏi hai bánh. Còn anh nào nắm quy luật máy móc, cứ bậm môi đẩy, mặc kệ bánh xe đang mắc kẹt thì xe sẽ ra sao, chắc các đồng chí đều rõ. Ở nước ta, muốn xây dựng kinh tế, phát triển xã hội, trở lực chính là kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai. Do đó trước

tiên phải đánh đổ chúng mới có thể đưa con thuyền Việt Nam tiến lên được.

Thật giản dị, rõ ràng biết bao.

### *Am hiểu về nghệ thuật*

Tháng 1 năm 1955, tôi được điều sang phụ trách đội 3 Văn công Liên khu 5. Anh Đinh Nhỏ Bát, Trưởng ban Tuyên huấn, gặp giao nhiệm vụ và truyền đạt những ý kiến của anh Nguyễn Chánh, đại ý: ... Văn công Liên khu 5 phải chú trọng xây dựng hình tượng người dân, người lính của Liên khu trong kháng chiến, trong thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, phải sử dụng các loại hình nghệ thuật dân tộc, nhất là các loại hình đặc thù của Liên khu 5, như hát Bội, bài Chòi, nói Lúa, v.v. Phải vừa xây dựng, vừa phục vụ, nghĩa là vừa cử người đi sưu tầm các làn điệu dân ca, dân vũ trên địa bàn Liên khu để xây dựng tiết mục, giới thiệu với bà con miền Bắc và làm vốn về lâu dài; đồng thời tuyển chọn thêm những nam, nữ thanh niên có khả năng để bổ sung cho đội. Tuy nhiên, tuyển thì có hạn mà thanh niên xin vào đội chắc sẽ đông. Vì vậy các cháu được nhận vào đội chắc là không có vấn đề, nhưng còn đối với các cháu không được nhận thì cần phải đối xử tử tế, động viên các cháu ở lại với niềm tin và hy vọng vào ngày thống nhất nước nhà.

Những lời chỉ giáo của anh Nguyễn Chánh đã trở thành phương châm hành động của toàn đội. Nhờ đó, đội đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng đội, phục

vụ bộ đội và đồng bào Liên khu 5 trước khi đi tập kết, cũng như khi đã ra miền Bắc.

Ở miền Bắc, tôi về Tổng cục Chính trị làm cán bộ thanh niên quân đội, thường gặp anh Chánh ở sân vận động cột cờ. Cũng với thái độ thân mật, gần gũi và nụ cười tươi, anh Chánh thường trao đổi với tôi về công tác thanh niên, về văn nghệ, anh tâm sự: làm cái nghề văn công ấy thế mà khó. Trên sân khấu thì thấy công việc thật vui vẻ, nhẹ nhàng thoải mái, nhưng đằng sau thì vất vả vô cùng. Có một tiết mục mới dựng được chưa dám nói là hay. Phải có đầu óc, tâm hồn, tài năng, phải lao tâm khổ tứ.

Lúc tập phải đổ mồ hôi và nước mắt. Thế mà mới quyết cho các cô cậu văn công ăn trung táo đã có lăm ý kiến. Công tác quản lý cũng khó. Chúng mình gặp một cô gái đẹp mà liếc ngang, liếc dọc là người ta có ý kiến ngay. Trên sân khấu "liếc càng hay vỗ tay càng nhiều". Làm đội trưởng quản lý các cô cậu mà không để xảy ra chuyện lời thôi là khó thật. Anh nở nụ cười tươi và rất có duyên.

Một vị lãnh đạo có tầm chiến lược sâu xa hiếm thấy, một tướng lĩnh tài ba mà lại có sự am hiểu sâu sắc về nghệ thuật và chỉ đạo nghệ thuật thật sắc sảo như anh lại càng hiếm. Quả là một con người thật đặc biệt.

H.X.T.

## ANH NGUYỄN CHÁNH NHÌN XA LẮM

*Thiếu tướng Y BẰM*

Tôi có may mắn được gặp anh Nguyễn Chánh nhiều lần, nhưng có ba lần đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc nên tôi nhớ mãi.

Vào khoảng đầu tháng 12 năm 1945, chúng tôi có 30 anh em người dân tộc thuộc ba tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk, được Quân khu triệu tập về học lớp quân sự ở Phú Phong thuộc tỉnh Bình Định. Thời gian khóa học là ba tháng.

Anh em chúng tôi được học rất phấn khởi nên đều cố gắng học tập cho có kết quả tốt. Lớp học bắt đầu đã được một tuần.

Vào một buổi sáng, khi chúng tôi đang ngồi học trong lớp thì có một chiếc xe con đến dừng trước cửa. Mọi người xuống xe và đi quanh doanh trại xem xét, rồi đi vào xem nơi ăn, chốn ở của chúng tôi.

Buổi chiều cùng ngày, vào khoảng hai giờ, chúng tôi được lệnh tập họp ở lớp học. Đoàn cán bộ cấp trên đến. Anh Đoàn Khuê giới thiệu: anh Nguyễn Chánh là Chính ủy Khu 5 đến thăm anh em. Anh Chánh cười rất tươi và rất hiền. Anh ân cần hỏi

thăm sức khỏe anh em, hỏi chúng tôi ăn cơm có đủ no không, có đủ thuốc hút không, chỗ ăn, chỗ ở như thế đã được chưa, trong học tập có gì khó khăn không?

Chúng tôi báo cáo với anh rằng chúng tôi được đến đây học rất phấn khởi. Nơi ăn, chốn ở rất tốt và ăn uống đầy đủ. Chúng tôi hứa cố gắng học tập đạt kết quả tốt.

Anh Chánh ân cần nhắc nhở chúng tôi. Anh nói: Thời gian học còn hơn hai tháng nữa, vì thế các đồng chí phải giữ gìn sức khỏe, đoàn kết thương yêu lẫn nhau, giúp đỡ nhau học tập, để sau này công tác và phục vụ được tốt hơn.

Sau khi anh Chánh đi, anh em chúng tôi ai cũng nói: Anh Chánh là cán bộ cấp cao, thế mà khi gặp anh em dân tộc tụi mình, anh ấy lại hỏi thăm rất cụ thể, quan tâm đến cả thuốc hút của bọn mình. Anh ấy nói chuyện thật hiền từ.

Lần thứ hai, tôi gặp anh Nguyễn Chánh là vào tháng 5 năm 1946. Kết thúc lớp học, tôi trở về đơn vị công tác, chuẩn bị chiến đấu, tuy Hiệp định sơ bộ 6-3 đã ký kết, nhưng tiếng súng vẫn nổ, quân địch lấn chiếm các nơi. Chúng đang sẵn sàng tiến công lấn chiếm nốt các tỉnh vùng tự do của Liên khu 5.

Mọi người lăn vào cuộc chuẩn bị để sống mái với quân thù, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc thân yêu. Khí thế đang hừng hực bốc cao. Thì một hôm, tôi được gọi về gặp anh Nguyễn Chánh, Chính ủy.

Tôi hồi hộp và lo quá, không biết có chuyện gì mà ông Chánh lại gọi mình về gặp thế này. Nhưng bình dung, nhớ lại cái cười của anh khi đến thăm lớp học lần trước, tôi đỡ lo một phần.

Vừa đến nơi anh Chánh làm việc, đồng chí bảo vệ nói ngay: Anh Chánh đang đợi anh trong phòng, vào ngay đi. Tôi chưa vào ngay được vì còn phải đứng ngoài cửa một lúc để trấn tĩnh.

Tôi vừa bước vào phòng, anh đứng dậy vừa cười, vừa vỗ vào vai tôi, anh bảo: Ngồi vào đây, uống nước đi. Anh rót nước và chỉ chiếc ghế trước mặt tôi. Tôi rất đỗi ngạc nhiên. Tại sao một cán bộ cấp cao như anh khi tiếp một người thường như tôi mà lại quá gần gũi, thân mật như vậy? Tôi nhớ, hồi tôi học ở Trường quốc học Buôn Ma Thuột, khi có việc đến gặp hiệu trưởng, chỉ có đứng cúi đầu, đầu có được một tiếng chào.

Anh hỏi tôi về tình hình gia đình, sức khỏe và văn hóa đã học hết lớp mấy. Anh hỏi nhiều thứ lắm. Qua những lời thăm hỏi, thái độ và giọng nói của anh, tôi thấy anh dễ mến, gần gũi và dịu hiền; nỗi lo ban đầu của tôi cứ dần dần vơi đi gần hết. Tôi kể cho anh nghe những gì mà anh đã hỏi, rồi nói tôi học hết năm thứ nhất bậc thành chung ở Trường quốc học Buôn Ma Thuột.

Anh gật đầu, cười và bảo: Thế thì tốt lắm. Cậu có học chữ được nhiều. Đó là vốn quý lắm đấy. Bây giờ, nhiệm vụ chủ yếu của cậu là ra Hà Nội học cách dạy chữ để về dạy chữ cho đồng bào Tây Nguyên... Nghe đến đây, tôi quá đỗi ngạc nhiên, nghĩ thầm

Trong bụng: Cách mạng mới thành công, chính quyền vừa giành được, biết bao nhiêu công việc to lớn và phức tạp của đất nước còn bề bộn chưa giải quyết được, hơn nữa chiến tranh đang xảy ra, nay mai quân địch sẽ tiến đánh vào vùng đất còn lại của Khu 5... mà sao ông Chánh lại tính chuyện xa xôi như vậy?... Tôi chưa kịp trả lời. Như đã hiểu được những điều băn khoăn suy nghĩ của tôi, anh đứng dậy đi đến chỗ tôi ngồi, rồi vỗ vai tôi, nói tiếp: Tôi biết, cấp trên điều các cậu về học lớp quân sự vừa rồi là để tiếp tục phục vụ lâu dài trong quân đội. Nhưng việc phục vụ trong quân đội thì còn có nhiều người, còn tìm được người có học chữ như cậu để dạy chữ cho đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên thì không phải dễ, vì đâu có được nhiều. Đây là công việc rất quan trọng, không kém việc đánh quân cướp nước đâu, mà còn có ý nghĩa lâu dài lắm. Thôi cứ yên tâm mà đi, cố học cho tốt. Đồng bào Tây Nguyên đang chờ các cậu.

Tôi không biết nói gì hơn, chỉ đứng dậy xin về. Anh đưa ra đến cửa và tươi cười bắt tay tôi.

Từ đó, cho mãi về sau, trong kháng chiến chống Pháp, rồi kháng chiến chống Mỹ... tôi vẫn chưa hết băn khoăn: vì sao từ lúc đó mà anh Chánh lại đã nghĩ đến vấn đề dạy chữ cho đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên? Mãi cho đến gần đây, khi Đảng ta có chủ trương mở mang dân trí, tôi mới hiểu hết ý nghĩa chiến lược cơ bản, lâu dài của những điều mà anh Chánh đã nói với tôi vào đầu năm 1946, từ khi cách mạng mới thành công.

Năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Trung đoàn 120 gồm phần lớn những chiến sĩ người dân tộc Tây Nguyên, đóng quân ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Anh Chánh rất quan tâm đến các đơn vị người dân tộc nên hay đến thăm trung đoàn. Lúc đó, tôi là cán bộ tham mưu của trung đoàn. Lúc nào đến, anh cũng gặp nói chuyện với cán bộ, xuống thăm các đơn vị, thăm nơi ăn chốn ở của anh em, tận mắt xem sinh hoạt và đời sống của anh em. Anh lại hỏi: Ăn có đủ no không, mặc có đủ ấm không, đêm ngủ có lạnh không, có thiếu thuốc lá không?... Anh thường bảo: Phải đưa anh em người dân tộc đi học, học quân sự và học các ngành khác để đào tạo cho được cán bộ người dân tộc, cả cho trước mắt và cho lâu dài về sau... Anh hứa sẽ cố gắng cấp gạo tốt cho đơn vị, với các đồng chí người dân tộc sẽ ưu tiên mũ kê-pi, giày dép, chăn cho đủ ấm, tặng thêm tiền thuốc lá. Các đồng chí người Kinh không nên so bì...

Hôm nay, nghĩ lại những lần gặp anh Chánh, tôi nhớ anh chỉ muốn khóc.

Y.Bh.

## ANH NGUYỄN CHÁNH RẤT AM HIỂU VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

NGUYỄN CHÍ TRUNG

Thái An nhập vào đoàn Anh Vũ do kiến trúc sư Võ Đức Diên tổ chức, sau khi đã mua cả Đoàn cải lương Tây Thi và Ban kịch Thổ Lữ. Trước đó, Thái An đã vào Ban Đồng Ấu của Đoàn cải lương Tây Thi Hà Nội.

Ngày 1 tháng 4 năm 1945, đoàn Anh Vũ đi dần vào các tỉnh phía Nam để biểu diễn.

Đến Quảng Ngãi, đoàn biểu diễn các vở Phan Đình Phùng tiếp sứ, Hoàng Hoa Thám, Hận Nam Quan,... ở đây, Thái An xin gia nhập quân đội, Chi đội 2 Vệ quốc đoàn, vào Đội vũ trang tuyên truyền.

Trong một đêm diễn, Thái An hát bài *Nhớ chiến khu* của Đỗ Nhuận.

Hồi đó còn theo phong tục hễ ai hát hay thì được người xem thưởng bằng cách vãi tiền lên sân khấu. Thái An gom hết số tiền thưởng và gửi lên Bộ tư lệnh nhờ chuyển cho chiến sĩ và đồng bào ở phía Nam kháng chiến.

Mấy ngày sau đang diễn tại tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến thuộc Chi đội 2 thì đồng chí chính trị viên tiểu đoàn gọi Thái An lên cơ quan tiểu đoàn.

Một chiếc xe ô tô, hiệu Ci-tro-en đến đậu ngay trước nhà ban chỉ huy. Một người khoảng trên 30 tuổi, trán cao, đầu hơi hói. Đó là anh Chánh. Anh nói với Thái An:

- Cấp trên đã nhận được thư và tiền của đồng chí ủng hộ chiến sĩ và đồng bào phía Nam kháng chiến. Hôm nay tôi phải đi vào mặt trận. Chúng tôi có trách nhiệm gửi tiền đến tận tay chiến sĩ và đồng bào phía Nam.

Nụ cười của anh chân tình, con người anh rất dễ mến, nói năng giản dị, bình đẳng, trân trọng.

Anh chính trị viên tiểu đoàn khích lệ:

- Thái An hát một bài...

Thái An hát bài *Nhớ chiến khu*. Sau đó, hát tiếp đoạn cuối trong vở ca kịch Hận Nam Quan, tả lại cảnh chia tay giữa Nguyễn Trãi với người cha bị vua Tàu bắt đi đày biệt xứ.

Anh Chánh nghe say mê, kỷ niệm thời xưa đang gợi lại.

Anh Chánh nói với Thái An:

- Cảm ơn đồng chí, tôi phải đi vào mặt trận hôm nay.

Thái An đứng dậy:

- Thưa Anh, thế thì cho tôi đi theo với!

Anh Chánh nói:

- Tôi phải đi ngay bây giờ. Tôi nhớ nguyện vọng của đồng chí. Hiện nay thì bộ đội đã đông, nhưng người biết diễn kịch và biết hát như đồng chí thì ít. Đồng chí tiếp tục diễn kịch, hát cho các đơn vị Vệ quốc đoàn nghe để thêm háng hái diệt giặc thì cũng như ra mặt trận, cũng như trực tiếp diệt giặc.

Thái An lại trình bày:

- Thưa đồng chí, nhưng tôi muốn ra mặt trận!

Ít lâu sau, nguyện vọng của Thái An được giải quyết. Thế là sau mấy ngày, Thái An lên đường ra mặt trận trên chiếc xe Ci-tro-en mới quay về...

Lần cuối cùng Thái An gặp anh Chánh là tại khu nhà 34 Lý Nam Đế sau ngày tập kết ra Bắc.

Anh Chánh đang ở nhà dưới vội lên.

- À nghe tin Thái An về Đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị phải không?

- Vâng ạ!

- Có phát triển được không?

- Dạ, mới về thì được đóng vai ngay.

Thái An kể: Anh Nguyễn Chánh vẫn thế. Nụ cười chân tình, con người dễ mến, nói năng giản dị, bình đẳng và trân trọng.

Tôi ghi lại mấy mẩu chuyện trên qua lời kể của Thái An về anh Nguyễn Chánh.

Cũng như Thái An, điều để lại trong tôi về người anh cao quý ấy là: Nụ cười chân tình, con người dễ mến, bình đẳng và trân trọng.

Hồi đánh Pháp, thường Bộ tư lệnh Quân khu có thư động viên gửi bộ đội vào mùa chiến dịch. Một đôi lần các anh trên có giao cho tôi dự thảo. Hôm dự thảo xong thư động viên bộ đội bước vào đợt 2 chiến dịch Bắc Tây Nguyên, tôi đưa lên xin anh Chánh thông qua.

Anh Chánh sửa song, cười hỏi tôi:

- Chiến tranh hồi trước người ta có làm động viên lệnh không?

Tôi cười theo không trả lời.

Anh Chánh lại cười:

- Họ cũng làm động viên lệnh đấy, Chung có biết cái chuyện tiểu lâm người ta kể về động viên lệnh trong chiến tranh thời xưa không? (Hồi chống Pháp tôi có tên là Chung).

Tôi cười theo.

Anh nhìn tôi, đôi mắt tinh anh và hóm, kể cho tôi câu chuyện tiểu lâm đó.

Đảng là trí tuệ, là đạo đức, là lương tâm, là văn hóa. Ở anh Chánh toát ra tư chất ấy. Ở anh, văn học nghệ thuật không phải là sử dụng theo thô.

Qua những lần nghe anh, quan sát anh, nhìn anh suy nghĩ, gợi ra đôi điều về văn học nghệ thuật, tôi nghĩ rằng: Anh Chánh hiểu, rất hiểu văn học nghệ thuật, như một mối quan hệ tổng hòa, một bộ phận hữu cơ, một mục đích, một nhu cầu tự thân của đời, của người, của chính dân tộc và cuộc đấu tranh giành độc lập, đấu tranh xây dựng chủ nghĩa

xã hội lâu bền và sâu xa vì con người, vì nhân dân, vì lao động, công bằng và văn minh.

Tư chất cộng sản của anh Chánh, phải chăng đó là một khía cạnh.

N.C.T.

## MỘT TÂM HỒN NGHỆ SĨ TRONG MỘT VỊ TƯỚNG THAO LƯỢC

NGUYỄN NGỌC

Thời kháng chiến chống Pháp, tôi có một thời gian khá dài làm việc ở báo Vệ quốc quân Liên khu 5 (từ năm 1952 đổi tên thành báo Quân đội nhân dân Liên khu 5). Là một cán bộ ở cấp rất thấp, tôi ít có dịp được làm việc trực tiếp với anh Nguyễn Chánh, bấy giờ là Bí thư Liên khu ủy, Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu. Nhưng anh Chánh là người rất quan tâm đến báo chí, nên anh thường hay qua chỗ tòa soạn chúng tôi, thăm hỏi từng anh em, phát biểu những ý kiến chỉ đạo chung đối với tờ báo và nhiều khi đối với từng hài báo của chúng tôi. Tôi nhớ những ý kiến của anh thường rất nghiêm khắc, cặn kẽ, chứng tỏ anh rất coi trọng vai trò của tờ báo và anh đọc báo rất kỹ. Nhưng cách nói của anh, ngay khi phê phán, vẫn rất ân cần. Anh thường không "chộp" ngay vào những chỗ khuyết điểm sai sót của chúng tôi trên báo, mà bằng các câu hỏi nhẹ nhàng, khéo gợi cho chúng tôi tự thấy ra, cuối cùng chính tự chúng tôi rút ra bài học, kết luận.

Những lần đến tòa soạn, anh rất quan tâm đến số anh em trẻ, là học sinh mới vào bộ đội. Lúc bấy giờ ở tòa soạn có Ngọc Anh và tôi đều mới 17, 18 tuổi. Chúng tôi vừa làm báo, vừa có tập tò sáng tác văn học chút ít: viết đôi bài bút ký nhỏ. Không ngờ anh Chánh biết và chú ý đến việc đó. Một hôm anh cho gọi tôi và Ngọc Anh lên. Thú thật lúc đầu tôi rất lo: chắc có khuyết điểm gì nặng trong bài báo nào của chúng tôi rồi đây. Đã chuẩn bị tinh thần để nghe anh "chỉnh"...

Nhưng, rất ngạc nhiên, anh bắt đầu như là một người anh lớn tâm sự với hai đứa em nhỏ. Anh hỏi tỉ mỉ hoàn cảnh gia đình của từng đứa, học hành ra sao, vào bộ đội đã qua những công tác gì, "có phải có nguyện vọng muốn trở thành nhà văn không"... Chúng tôi đành nhận là quả có như thế thật, nhưng chúng tôi còn lúng túng lắm, không biết học hỏi ở đâu.

Anh bảo, đại ý: làm văn học là công việc rất cao quý, nói là thiêng liêng cũng không quá đáng, phải học hỏi rất nhiều. Học trường, học thầy, học trong sách. Nhưng có một cái học hết sức quan trọng không thể thiếu, đó là học hỏi từng trải ở đời. Cái thiếu lớn nhất của chúng tôi bây giờ là sự từng trải đó. Nên đi ra chiến trường, đi xuống đơn vị, sống và tham gia cuộc chiến đấu cùng đồng bào và chiến sĩ, đó là trường học hay nhất. Qua đó mà tích lũy lâu dài, về sau mới mong may ra có thể có chút thành công gì trên đường văn chương...

Quả thật tôi rất cảm động và kinh ngạc: không ngờ một vị Tư lệnh, bận bao nhiêu lo toan lớn lao phức tạp, lại có thể quan tâm đến hai anh chàng phóng viên trẻ, vô danh, hiểu thấu đáo cả ước mơ thầm kín của chúng tôi và lo nghĩ sâu sắc đến vận về con đường đi lâu dài trong cuộc đời của chúng tôi.

Ngọc Anh và tôi đều đề nghị anh cho chúng tôi ra đơn vị chiến đấu. Anh bảo: cũng chưa cần như thế ngay đâu. Nhưng đừng ru rú ở tòa soạn mãi làm gì, nên đi xuống chiến trường, xuống đơn vị cơ sở, và xuống đó đừng có chỉ làm anh nhà báo sướng mà phải thực sự tham gia công tác cùng anh em, đồng bào...

Sau đó, chắc là anh có nói với anh Đinh Nho Bát, Trưởng ban Tuyên huấn Quân khu, và cả anh Trương Khả Liệu, rồi anh Ngô Thông, Thư ký tòa soạn của chúng tôi, nên các anh đưa ngay Ngọc Anh và tôi đi làm "phóng viên chiến trường" và giao nhiệm vụ: cứ nằm ở dưới cơ sở, càng lâu càng tốt. Tôi đi Nam Tây Nguyên, Ngọc Anh đi mặt trận miền Tây tức vùng dân tộc thiểu số tây Quảng Ngãi, bắc Kon Tum. Chúng tôi đã làm đúng như lời anh Chánh dặn: Ngọc Anh trở thành cán bộ gây dựng cơ sở ở mặt trận miền Tây. Tôi thì trực tiếp tham gia như là một đội viên một đội vũ trang tuyên truyền ở Đăk Lăk, rồi sau ra Bắc Tây Nguyên... có thể nói chính nhờ sự chỉ bảo của anh Chánh mà về sau này tôi mới có được *Đất nước đứng lên*, Ngọc Anh có những bài thơ tuyệt vời như *Bóng cây Kơ-nia*...

Có lần trong chiến dịch Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954, trên đường hành quân lên mặt trận, gặp tôi, anh hỏi tôi đi với đơn vị nào. Tôi báo cáo, tôi sẽ đi với tiểu đội bộc phá của Trần Xung thuộc Tiểu đoàn 59 đánh đồn Kom Rẫy. Anh bảo vậy là tốt nhưng cũng đừng đi sâu quá thế, có thể hy sinh không cần thiết, nên đi với ban chỉ huy đại đội là vừa...

Năm 1956, ở Hà Nội, tôi viết xong quyển *Đất nước đứng lên*, quyển sách được xuất bản và được giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam. Một buổi tối anh gọi tôi đến nhà anh ở 34 Lý Nam Đế. Anh khen, động viên tôi và hỏi:

- Giải thưởng với nhuận bút, được bao nhiêu tiền?

Tôi báo cáo anh Chánh được hơn một triệu (tiền cũ hồi bấy giờ). Anh hỏi:

- Cậu định sử dụng số tiền đó như thế nào?

Thật tình tôi rất lúng túng: tôi chỉ có một mình, chưa vợ con, gia đình gì, tiền quả cũng chẳng biết làm gì bây giờ.

Anh bảo:

- Có tiền nhiều, không khéo cũng dễ thành người ăn chơi hư hỏng. Thôi bây giờ để mình bày cho cậu cách tiêu: có một số gia đình cán bộ quân đội ta tập kết ở Hà Nội, nay rất khó khăn. Cậu nên cho họ mượn mỗi nhà một ít để các bà nuôi heo. Cậu không quen quản lý tiền nong, để mình nói cậu Kỳ (thư ký riêng của anh Chánh) quản lý hộ cho và cho các bà vay.

Tôi quá mừng, liền giao gần hết số tiền vừa có cho anh Kỳ, chỉ giữ lại một ít cho cậu em trai tôi đủ mua chiếc xe đạp...

Tôi nghĩ có lẽ không phải ngẫu nhiên mà anh Chánh, một vị tướng giữ trọng trách chỉ huy cả một chiến trường lớn, quan trọng và khó khăn, lại có thể quan tâm, lặng lẽ nhưng tận tình, chu đáo cuộc đời một người lính, một người viết văn như tôi, dù dẫu và theo dõi từng bước trưởng thành, chỉ cho cả phương hướng cuộc đời lâu dài, và cẩn thận răn ngừa cho cả những khi có thể vấp vấp. Chắc ở đây không chỉ có trách nhiệm của một người lãnh đạo. Ở anh Chánh còn có một sự hiểu biết và đồng cảm sâu sắc với nghệ thuật và những người làm nghệ thuật. Bởi vì trong anh, theo tôi, ẩn chứa rất sâu, có tiềm tàng một tâm hồn nghệ sĩ, theo nghĩa sâu và đúng nhất của từ đó.

Anh Chánh không có Tây học bao nhiêu, nhưng Hán học thì anh khá giỏi. Gia đình anh, nhất là về phía mẹ, là một gia đình có truyền thống văn chương. Không phải chỉ ở chỗ có nhiều người làm thơ phú (chính anh Chánh cũng làm nhiều thơ), mà ở chỗ những con người này có một dòng máu tài hoa phong phú và thâm thúy. Hoặc nói cho thật đúng hơn: đây là sự có một nền tảng văn hóa thật sự, một tinh thần văn hóa sâu sắc.

Anh Chánh là một con người tài hoa. Trong tài hùng biện của anh - mà tất cả những người từng tiếp xúc với anh đều nhớ và cảm phục - trong tài năng tập hợp, thu phục lòng người, kể cả nhiều loại

trí thức "có cơ" mặc dầu anh đi học ở trường chưa hết bậc phổ thông, ngay cả trong cách xử trí các tình huống khác nhau của anh ở cương vị một người lãnh đạo cao và một vị tướng, nhìn kỹ đều có in dấu chất tài hoa đẹp đẽ ấy.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà anh Chánh là người am hiểu và yêu mến đến thế các loại hình nghệ thuật sân khấu dân tộc, đặc biệt là nghệ thuật Tuồng. Các anh chị trong ngành đã nói nhiều về công lớn của anh Chánh trong việc khôi phục, gìn giữ, phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống tuyệt vời này. Riêng tôi, có lần được chứng kiến một trường hợp thú vị. Ấy là trong dịp một hội nghị nào đó, hình như là đại hội thi đua hay hội nghị Quân chính Quân khu thì phải. Anh em tổ chức một tối hát Tuồng, toàn cán bộ các phòng ban của Quân khu tự diễn, tôi nhớ có anh Lô, cán bộ tác chiến, diễn rất giỏi. Lúc anh em đang tập, anh Chánh ghé qua, thấy thích quá, anh bảo:

- Cho mình đóng một vai với.

Anh em bảo:

- Không được đâu, bọn tui phải tập suốt ngày thế này, anh bận lắm, thời giờ đâu để tập mà đòi sắm vai.

Anh Chánh nói:

- Thế thì tối nay cho mình cầm chầu vậy!

Trong hát Bội, người cầm chầu (đánh trống chầu) là người rất sành nghệ thuật. Tối đó, trong đêm biểu diễn, anh Chánh ngồi cầm chầu, tiếng trống điểm

nhịp, tiếng trống khen, tiếng trống chê... rất hay, ai cũng trầm trồ không ngờ Tư lệnh giỏi nghề hát Bội đến thế.

Đến lúc kết thúc đêm diễn, anh em vây quanh, anh Chánh cười rất vui, nói:

- Đời mình ấy mà, nếu không đi làm cách mạng, thì mình đã đi hát Bội rồi!...

Quá thật, có một tâm hồn nghệ sĩ sâu xa tiềm ẩn trong vị tướng thao lược ấy... Hơn nửa thế kỷ đã qua kể từ những ngày đầu tiên tôi được gặp và biết anh Nguyễn Chánh. Bốn mươi năm đã qua kể từ ngày anh mất.

Trong những năm tháng về sau này, trong cuộc đời hoạt động đầy đó của mình, tôi có nhiều lần nhớ, và suy nghĩ về anh.

Trong hiểu biết thiên cận của tôi, tôi nghĩ anh là một vị tướng tài và một người lãnh đạo giỏi. Nhưng chắc hẳn không phải là tướng giỏi nhất, cũng không phải là người lãnh đạo giỏi nhất trong những người lãnh đạo hiện đại của ta.

Nhưng vẫn có một dấu hỏi: vì sao anh để một dấu ấn sâu đậm, thấm thiết và một niềm nuối tiếc đến vậy trong hầu như tất cả những ai từng ít nhiều gặp và biết anh?

Có lẽ rõ nhất là vì con người của anh.

Nhưng trong con người đó, thì là điều gì?

Có lẽ có một lý do, thoạt nghe có thể hơi bất ngờ, nhưng nghĩ kỹ thì càng nghĩ càng thấy thấm: Anh Nguyễn Chánh là một con người văn hóa, một

thuật dân tộc trong đời sống con người, kể cả đang sống giữa lúc chiến tranh.

Tôi chắc anh Chánh đã có nhiều trăn trở về việc sân khấu truyền thống dân tộc, bị bỏ quên, mai một và từng có ý kiến đề xuất việc khôi phục nhưng hình như chưa được đồng tình lắm trong lãnh đạo.

Về sau tôi được nghe Trần Tống, bấy giờ là Khu ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu 5 kể lại: năm 1951, sau khi đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai ở Việt Bắc về, trong một hội nghị Thường vụ Liên khu ủy, anh Chánh đã kiên quyết đưa ra chủ trương khôi phục các hình thức ca kịch dân tộc truyền thống ngay trong kháng chiến và trước mắt nhằm phục vụ kháng chiến. Trong hội nghị anh nêu rõ giá trị, ý nghĩa của các hình thức ca kịch truyền thống đã từng tồn tại lâu dài ở Nam Trung Bộ, đặc biệt giá trị, ý nghĩa sâu sắc của nghệ thuật hát Bội (Tuồng). Anh bảo rằng, Liên khu 5, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên xưa nay là đất hát Bội; có nhiều tác giả và nghệ sĩ nổi tiếng, nhân dân đặc biệt say mê Tuồng. Mà Tuồng là một trong những hình thức nghệ thuật truyền thống ưu tú nhất của cả nước ta. Bấy giờ dù đang kháng chiến có nhiều khó khăn, chúng ta vẫn nên thành lập lại một đoàn hát Bội của khu, làm nòng cốt cho phong trào, dần dần phát triển, khi có điều kiện có thể sẽ cho thành lập các đoàn hát Bội ở từng tỉnh. Song song với hát Bội, cần khôi phục phát triển các loại dân ca truyền thống của địa phương như bài Chòi, Vè, nói Lúa, v.v. làm như vậy, vừa

nhằm phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân, vừa khôi phục, giữ gìn và phát triển một nghệ thuật truyền thống quý báu và cũng không để mai một những nghệ sĩ ưu tú thật sự tài năng...

Theo như anh Trần Tống kể lại, trong Thường vụ Liên khu ủy lúc bấy giờ có một số đồng chí không đồng ý với anh Chánh. Các đồng chí ấy hoặc cho rằng bây giờ đang chiến tranh khó khăn không cần thiết những sinh hoạt giải trí linh tinh đó, hoặc bây giờ cần xây dựng "nền văn hóa mới" không nên đi khôi phục các thứ văn hóa "phong kiến, lỗi thời"...

Ý kiến đấu tranh có lúc khá căng. Anh Chánh một mặt kiên trì giải thích, thuyết phục, một mặt cũng tỏ rõ sự quyết đoán cần thiết. Anh nói: "Ta cứ nên làm, các đồng chí ai thích thì xem, ai không thích thì đừng xem. Thử hỏi Khu 5 không hát Bội thì hát gì? Chúng ta nên mời các nghệ sĩ Tuồng có tài năng lớn, họ là vốn quý của nhân dân, ta phải có trách nhiệm chăm lo, giữ gìn và phát huy họ. Lời ca tiếng hát của họ có tác dụng lớn trong nhân dân, chúng ta là những người cộng sản phải biết tận dụng tài năng của họ vào công việc tuyên truyền cách mạng, kháng chiến,...".

Ý kiến vừa sâu sắc và vừa mạnh mẽ của anh Chánh, cuối cùng đã thắng. Thường vụ Liên khu ủy có nghị quyết về việc khôi phục, phát triển nghệ thuật Tuồng và các hình thức dân ca kịch truyền thống ở Khu 5.

Thực hiện nghị quyết của Thường vụ Liên khu ủy, Ban Tuyên huấn Liên khu 5 giao nhiệm vụ cho

anh Hoàng Châu Ký trực tiếp lo việc này. Anh Ký giới thiệu tôi cùng anh xúc tiến thành lập Đoàn Tuồng Liên khu 5. Anh Ký khẩn trương đi các tỉnh sưu tầm và tập hợp được các nghệ sĩ và tác giả có tên tuổi như Nguyễn Nho Túy, Nguyễn Lai, Ngô Thị Liễu, Văn Phước Khôi, Tống Phước Phổ (đa số trong các nhân vật này về sau đều trở thành nghệ sĩ nhân dân) làm nòng cốt ban đầu, từ đó mở rộng dần, lập nên Đoàn hát Bội Liên khu 5. Đoàn diễn một số vở truyền thống nổi tiếng như *Ngọn lửa Hồng Sơn*, *Trung Nữ Vương*, v.v. được công chúng khắp nơi hoan nghênh nhiệt liệt.

Theo gợi ý của anh Chánh, song song với việc diễn các vở truyền thống, anh em chúng tôi từng bước mạnh dạn thử đưa nghệ thuật Tuồng vào đề tài hiện đại. Anh Ký sáng tác vở *Đường về Vụ Quang*. Đây là những mò mẫm tìm tòi rất khó khăn. Anh Chánh mặc dầu bận trăm công nghìn việc, lúc này anh là Bí thư Liên khu ủy, Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5, vẫn ân cần theo dõi công việc của chúng tôi, thậm chí có thể nói cùng chúng tôi suy nghĩ, trấn trở, tìm tòi và chính qua công việc này chúng tôi càng hiểu thêm ra: anh Chánh không những là người rất yêu nghệ thuật Tuồng đến say mê, mà còn có thể nói là người khá tinh thông nền nghệ thuật vừa dân dã, vừa uyên bác này. Những ý kiến anh trao đổi với anh Ký và các bác, các anh chị trong Đoàn chúng tôi còn chứng tỏ trong lĩnh vực chỉ đạo nghệ thuật và làm việc với các nghệ sĩ, anh là một người tinh tế, tinh nghĩa, rất tôn trọng tài năng và

rất cần trọng trong phán xét tác phẩm và con người nghệ sĩ.

Chính do rút kinh nghiệm từ vở *Đường về Vụ Quang* và với sự gợi ý khiêm tốn và ân cần của anh Chánh, nghệ sĩ Nguyễn Lai đã sáng tác vở *Chị Ngô*. Có thể coi đây là trường hợp đầu tiên và có lẽ cả cho đến nay là trường hợp thành công hơn cả trong việc đưa đề tài hiện đại lên sân khấu Tuổi Trẻ. Trong những năm cuối kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, nhất là trong chiến dịch Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954 giữ vững vùng tự do và giải phóng Tây Nguyên, vở *Chị Ngô* đã gây chấn động mạnh trong đời sống tinh thần nhân dân và của bộ đội Khu 5, thật sự góp phần đắc lực tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân dân ta trong chiến thắng quan trọng này.

Từ nòng cốt là Đoàn hát Bội Liên khu 5, các tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định lần lượt thành lập đoàn Tuổi Trẻ riêng của mình.

Có thể nói một cách chắc chắn rằng anh Chánh là người lãnh đạo có công lớn trong việc khôi phục, giữ gìn và phát triển nghệ thuật Tuổi Trẻ Liên khu 5. Quả thật nếu thời kỳ đó không có người lãnh đạo như anh, thì rất có thể có một trong những nghệ thuật truyền thống đặc sắc nhất của dân tộc đã bị tàn lụi, mai một, thậm chí mất tích hoàn toàn, một loạt nghệ sĩ tài năng đã bị chìm trong quên lãng mãi mãi và hậu quả tai hại đối với ngành nghệ thuật này thật khó lường.

Cùng lúc thành lập Đoàn hát Bội Liên khu 5, anh Chánh còn cho thành lập Đoàn Văn công tổng

hợp, trong đó anh rất chú trọng bài Chòi là thể loại dân ca đặc trưng của Khu 5. Phần bài Chòi trong Đoàn được giao cho anh Ngô Quang Thắng phụ trách. Cũng chính do gợi ý của anh Chánh mà anh chị em đã tìm tòi, dần dần nâng cao bài Chòi trước nay chỉ là một lối hát dân gian lên thành một ngành sân khấu ca kịch độc đáo, về sau ngày càng phát triển.

Lúc bấy giờ có anh Huỳnh Văn Cát, vốn là người Long Xuyên, lúc kháng chiến bị mắc kẹt ở Khu 5. Biết anh Cát là người có tài, anh Chánh đã thu phục anh Cát, lo thu xếp cả gia đình vợ con cho anh Cát chu đáo, để anh Cát phát huy khả năng trong Đoàn Văn công tổng hợp Khu 5. Chính anh Cát là người đã khởi xướng thể độc tấu rất độc đáo (có thể bắt nguồn và sáng tạo từ cơ sở lối nói về truyền thống) trên sân khấu, có tác dụng rất tốt trong kháng chiến. Anh Huỳnh Văn Cát cũng là một trong những người đầu tiên có công khôi phục, xây dựng ngành múa rối ở ta.

Anh Cát còn tìm được anh Võ Bài, là người góp phần xây dựng đầu tiên ngành múa trên sân khấu ở Liên khu 5...

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, trong không biết bao nhiêu công việc bộn bề và quan trọng của người lãnh đạo chủ chốt và trong thời điểm rất phức tạp, anh Chánh vẫn đặc biệt chăm lo cho việc đi tập kết của các đoàn văn công. Anh trực tiếp chỉ thị đưa các đoàn hát Bội, đoàn ca múa tổng hợp, đội bài Chòi, đoàn ca múa Tây Nguyên ra Hà Nội để kịp dự Đại

hội Văn công toàn quốc. Đặc biệt đối với các nghệ sĩ nổi tiếng như bác Sáu Lai, bác Đội Tảo, bà Ngô Thị Liễu, ông Tống Phước Phổ... anh dồn dốc phải nhất thiết đưa đi tập kết chu đáo, đây là vốn quý của dân tộc. Đồng thời anh cho thành lập một số đoàn văn công (một đoàn ca múa tổng hợp và một đội bài Chòi) ở lại phục vụ nhân dân trong thời kỳ 300 ngày, sau đó cũng lên đường đi tập kết. Trước khi anh chị em lên đường, anh dặn dò: Ra miền Bắc, ngoài việc biểu diễn phục vụ đồng bào và giới thiệu nghệ thuật của miền Nam Trung Bộ, còn phải cố gắng học tập anh em, đồng chí, đồng nghiệp, bạn bè đi trước, nâng cao phát triển nghệ thuật, để sẽ có ngày trở về phục vụ bà con quê hương đang gian khổ đấu tranh và chờ đợi.

- Sau khi bộ phận thứ hai đã đi tập kết, anh còn cho đi tìm tuyển thêm một số các cháu trong học sinh, thanh niên, đưa đi tiếp theo, để ra Bắc đào tạo làm lực lượng bổ sung, v.v.

Trong những năm tháng ở Hà Nội, anh Chánh rất tận tình chăm lo cho lực lượng văn nghệ Khu 5 tập kết. Tết đầu tiên ở miền Bắc, đêm giao thừa, anh dành riêng đặc biệt xuống với anh chị em văn công Khu 5, động viên an ủi anh chị em. Sau mỗi lần đi công tác xa về, lần nào anh cũng xuống thăm anh em, nhiều hôm anh ở lại tâm sự với anh em tận khuya. Anh thường tâm sự rất chân tình với anh em ba điều:

- Một là, anh có nguyện vọng tha thiết được trở về Nam ngay. Định rõ ràng đã xé Hiệp định, đồng

bào trong ấy đau khổ, đau lòng nóng ruột quá, không sao chịu được.

*Hai là*, anh không thật đồng tình với việc cho một số đơn vị bộ đội miền Nam chuyển ngành, "hạ sao"... anh bảo muốn xin cho về làm giám đốc nông trường, cùng lao động với anh em, cùng anh em chờ ngày được trở về Nam chiến đấu giải phóng quê hương.

*Ba là*, anh lo lắng nhiều về xây dựng các đoàn nghệ thuật Khu 5. Anh đã bàn và gửi cho anh Lê Liêm, đề nghị anh Lê Liêm hết sức quan tâm việc này...

Sau khi anh Chánh mất, một số lãnh đạo ở Bộ Văn hóa lúc đó có ý định giải tán các đoàn nghệ thuật Liên khu 5 và cả đoàn Tuổi. Các đoàn bấy giờ nhắc lại lời anh Chánh và đề nghị anh Nguyễn Trọng Xuyên xuống gặp Bộ Văn hóa nói rõ ý kiến anh Chánh và yêu cầu: Nếu Bộ Văn hóa không nuôi được các đoàn nghệ thuật Liên khu 5 thì anh em bộ đội các đơn vị Liên khu 5 sẽ đảm nhận nuôi. Các sư đoàn Liên khu 5 cũng cử người xuống nói rõ ý kiến của mình. Có lần các em học sinh mới về các đoàn, trời rét, thiếu thốn, lạnh giá, Sư đoàn 305 chở xuống cho cả một xe quần áo và 7 con bò.

Anh Lê Liêm giữ đúng lời hứa với anh Chánh, đã kiên định đấu tranh trong việc giữ và phát triển các đoàn nghệ thuật Liên khu 5. Anh Lê Liêm có lần nói với một số anh ở Bộ Văn hóa: Anh Chánh khi còn sống vẫn thường tâm sự tha thiết: "Đưa anh chị ra miền Bắc là để anh chị em trưởng thành chứ không phải để giải tán...".

Quả thật, nếu không có anh Chánh, tấm lòng và tầm nhìn sâu sắc của anh, và những người hiểu rõ và tận tâm thực hiện tư tưởng của anh Chánh, thì cũng chưa biết cả một mảng lớn nghệ thuật sân khấu truyền thống Liên khu 5, trong đó có nghệ thuật Tuồng tuyệt vời, sẽ ra sao...

Ngày 24 tháng 9 năm 1957, tin anh Chánh đột ngột qua đời đến với chúng tôi như một tiếng sét đánh. Hầu như tất cả chúng tôi ai cũng khóc òa lên. Chín giờ sáng hôm ấy, chúng tôi đã vội chạy ủa đến nhà anh. Anh chị em nghệ thuật Liên khu 5 đã cử một đội nhạc ai điệu trang trọng đến nơi tang lễ, đau đớn tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng.

N.T.N.

## NHỚ VỀ ANH, MỘT NHÂN CÁCH, MỘT TÂM HỒN, MỘT TRÍ TUỆ

*Đại tá NGUYỄN VĂN HIẾN*

Tôi là một thanh niên Huế, học sinh Trường quốc học, hoạt động cách mạng từ trước năm 1945. Khi thực dân Pháp xâm lược quê hương, cũng như bao học sinh khác, tôi trở thành anh giải phóng quân.

Sau khi mặt trận Huế vỡ, đồng chí Nguyễn Chí Thanh lúc này là Bí thư Xứ ủy Trung Bộ, giao cho tôi mang một bức thư của đồng chí gửi đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương ở miền Nam.

Vượt Trường Sơn vào Quảng Ngãi, tôi chuyển thư của đồng chí Nguyễn Chí Thanh cho đồng chí Phạm Văn Đồng, và xin phép trở ra mặt trận Bình - Trị - Thiên. Nhưng đồng chí Phạm Văn Đồng bảo tôi ở lại Khu 5. Trong một buổi nghe tôi báo cáo tình hình, đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ vào tôi và nói với một đồng chí cán bộ có đôi mắt rất sáng cùng ngồi nghe với đồng chí Phạm Văn Đồng về tình hình mặt trận Huế.

- Đây là cháu Hiến, mới 19 tuổi, nhưng đã dẫu tú tài, lại là đảng viên, bộ đội giải phóng quân. Đề

ngợi anh nhận cháu qua chỗ anh, cháu có thể giúp được nhiều chứ?

Đồng chí cán bộ nhìn tôi, mỉm cười độ lượng và gật đầu. Đồng chí Phạm Văn Đồng giới thiệu với tôi: đây là anh Chánh, Chính trị Ủy viên Bộ Chỉ huy Khu 5.

Và từ đó, tôi được ở với anh Chánh, làm thư ký cho anh một thời gian. Một hôm anh nói với tôi: Khu mở lớp đào tạo chính trị viên đại đội, em nên đi học lớp đó để được rèn luyện thực tế trong chiến đấu. Sau một thời gian rồi trở về cơ quan.

Tốt nghiệp lớp chính trị viên đại đội, tôi được điều động về chiến trường Bắc Tây Nguyên. Một thời gian sau, đúng như anh nói tôi lại trở về Phòng Chính trị Khu 5.

Lúc này, cán bộ còn ít tuổi như tôi rất nhiều, nhưng ít người học đậu tú tài. Các anh có học vấn cao vào bậc thầy như anh Cao Văn Khánh, khu trưởng, còn các anh Phan Hàm, Phan Hạo, Võ Quang Hồ đều ở những vị trí chỉ huy cao.

Ở cơ quan, tuy rất bận rộn với công việc, hàng ngày anh Chánh đều dành thời gian học hỏi về văn hóa. Anh rất thông minh, sâu sắc, có những điều anh hỏi tôi không trả lời được.

Tôi hay e dè, mặc cảm về thành phần giai cấp tiểu tư sản của mình. Ở cơ quan chính trị của Khu, đa số các anh chị đều thuộc thành phần cơ bản.

Anh Chánh tỏ ra rất tin tôi, có khi giao cả những việc cơ mật, và tôi đều hoàn thành tốt. Anh thường

nói với tôi: Em là đảng viên, tức là thuộc giai cấp công nhân, vì Đảng, vì dân mà phục vụ. Đảng không định kiến về giai cấp mà yêu cầu đảng viên phải rèn luyện để xứng đáng với vai trò tiên phong của mình.

Có một lần, anh Cao Văn Khánh, khu trưởng, bảo tôi lên gặp anh vào đúng buổi họp chi bộ. Tôi rất lo, không gặp anh Khánh thì không chấp hành mệnh lệnh, mà gặp anh thì lại không họp chi bộ được. Anh Khánh lúc này chưa phải là đảng viên, không lẽ báo cáo với anh Khánh là đi họp chi bộ, có đúng nguyên tắc không? Hơn nữa, anh Khánh lại là thầy giáo của tôi ở Huế, trong khi học trò đã là đảng viên, thầy lại chưa phải đảng viên khó nói quá.

Tôi mạnh dạn thưa với anh Chánh về việc này. Anh cười: Em đừng lo, để anh nói cho. Rồi anh đưa tôi đến gặp anh Khánh, hỏi anh Khánh có cho phép tôi gặp anh vào hôm khác được không để tôi đi họp chi bộ. Anh Khánh tỏ vẻ ngạc nhiên: Ừa, thằng Hiến là đảng viên rồi hả! Không có chuyện chi cần đâu, gặp hần để hỏi thăm, thầy trò gặp nhau thôi, để bữa khác cũng được.

Tôi mừng quá. Một việc khó như vậy mà anh giải quyết rất hay vừa tôn trọng anh Khánh, khu trưởng, vừa giúp cho tôi giữ được nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và giữ được tình cảm thầy trò.

Một hôm, anh nói với tôi: Em có trình độ học vấn giúp được nhiều việc cho cơ quan. Nhưng em nên đem học vấn đó bồi dưỡng cho nhiều cán bộ

nâng cao được kiến thức, góp phần vào việc đào tạo cán bộ quân sự, chính trị phục vụ cho xây dựng quân đội.

Thời gian này, ở Liên khu 5, đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trương mở Trường trung học bình dân miền Nam để dạy văn hóa, cho cán bộ dân, chính, đảng. Anh Chánh cho mở Trường trung học bình dân quân sự Liên khu 5 để nâng trình độ học vấn, quân sự, chính trị cho cán bộ quân đội. Tôi được cử làm giáo viên văn hóa, giáo viên chính trị. Tôi còn nhớ ngày khai giảng, anh Chánh đến đội mũ cối, mặc quần soóc, giọng sang sảng, thay mặt Bộ Chỉ huy Liên khu 5, giao nhiệm vụ dạy và học cho nhà trường.

Do sáng kiến của anh với tầm nhìn chiến lược lâu dài, Trường trung học bình dân quân sự Liên khu 5 đã đào tạo được 500 cán bộ quân đội có trình độ học vấn cấp 2, trình độ quân sự, chính trị nhất định, đáp ứng kịp thời cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Liên khu. Sau này, nhiều cán bộ và học sinh nhà trường đã thành đạt một cách tự hào như đồng chí Võ Chí Công, nhiều tướng lĩnh trong quân đội, nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế, kiến trúc sư, kỹ sư, tiến sĩ, thầy giáo, thầy thuốc, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhạc sĩ, họa sĩ...

Mãn khóa, Trường trung học bình dân quân sự Liên khu 5 đưa học viên về các trường quân sự, chính trị để được đào tạo tiếp và về các đơn vị. Anh Chánh vẫn chủ trương mở tiếp Trường bổ túc văn hóa quân đội Liên khu 5, giao tôi nhiệm vụ làm hiệu trưởng.

Trong những năm đầu kháng chiến gian khổ của Liên khu 5, anh vẫn tích cực học tập, học một cách miệt mài, say sưa. Với trí thông minh trời phú cho, anh học ít nhưng hiểu nhiều, có tầm chiến lược nhìn xa trông rộng, lo cho trước mắt và nghĩ đến lâu dài, hiểu người, biết việc và có tài dùng người, lấy thuyết phục mà thu phục. Anh Chánh rất xứng đáng là đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ đầu tiên của quân đội ta, và là đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ duy nhất của quân đội ta.

Tiếc rằng, anh qua đời quá sớm, mới ở tuổi 43.

Nhớ về anh, một nhân cách, một tâm hồn, một trí tuệ.

N.V.H.

## ANH NGUYỄN CHÁNH, CON NGƯỜI CÓ NHIỀU RUNG CẢM NGHỆ THUẬT

*Nhà thơ NGUYỄN VIỆT LÂM*

Những năm đầu của thập kỷ 30, quê hương Quảng Ngãi của tôi sống trong không khí thường xuyên căng thẳng vì sự khủng bố của thực dân thống trị Pháp. Tôi đang học lớp nhì trường tiểu học của tỉnh, chứng kiến cảnh mật thám đến lùng bắt nhiều người, ngay cả những bạn học lớn tuổi của tôi trong trường. Đêm đêm lê dương tuần tra ngoài đường, giày đinh rít trên sỏi đá. Nhà tôi ở xã Nghĩa Lộ, nhìn sang bờ bắc sông Trà Khúc, thấy cả một trời đỏ rực tàn lửa bay đầy mặt sông. Tây đốt nhà dân ở những làng Phú Nhuận, Tịnh Hà... nơi có phong trào cách mạng sôi nổi. Vùng quê kiên cường ấy là nơi sinh trưởng của anh Nguyễn Chánh, người lãnh đạo tài năng, người chiến sĩ anh hùng của quê hương tôi.

Sau Cách mạng tháng Tám, bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi mới có dịp gặp anh nhiều lần trên dải đất Liên khu 5 nên càng hiểu và càng khâm phục, yêu mến anh. Vóc người anh thấp đậm, vầng trán cao như một nhà bác học, đôi

mắt anh sáng lấp lánh, tia mắt lúc nào cũng như cười vừa hóm hỉnh, vừa thông minh. Những đồng chí làm việc trong cơ quan chỉ huy cao nhất của Liên khu đều nói về sự nhạy bén của anh nắm bắt tình hình chiến trường, về sự quyết đoán tài ba của anh trong những giờ phút nghiêm trọng...

Đừng nghĩ rằng người lãnh đạo cao nhất của Liên khu, người cộng sản kiên cường ấy, chỉ có sắt thép trong tâm hồn. Anh Nguyễn Chánh là con người có nhiều rung cảm nghệ thuật. Anh yêu các nhà văn, nhà thơ và bản thân anh cũng làm nhiều thơ, nhất là khi anh còn hoạt động bí mật. Bài thơ anh viết trong tù gửi cho chị Phạm Thị Trinh, vợ và đồng chí của anh là một bài thơ đầy xúc động.

Anh em văn nghệ sĩ Liên khu 5 cảm thấy rất gần, gũi với anh. Ngày ấy, con đường sắt của Liên khu 5 vẫn tiếp tục hoạt động, trên mỗi chuyến tàu đều có một vài toa dành riêng cho các chỉ huy quân sự. Đó là những toa có giường nằm. Một hôm tôi lên tàu từ Quảng Ngãi vào Liên khu, đang đi ngoài hành lang, bỗng nghe tiếng gọi. Ngoảnh nhìn ra sau, thấy anh Nguyễn Chánh cùng một vài đồng chí bộ đội đang đi tới. Anh Chánh đập tay vào vai tôi, nói vui: "Tay này dám đi vào khu quân sự hả? Vào đây, vào đây!...". Nói xong, anh kéo tôi vào toa của anh, thân tình như một người anh. Mỗi lần gặp anh em nhà văn như thế, thường anh không tiếc thì giờ nói chuyện với anh em về tình hình, về âm mưu địch, về thắng lợi của ta. Anh còn cho nhiều ý kiến về văn học, về sáng tác. Tôi nhớ một hôm ở La Châu,

Quảng Ngãi sau buổi truyền đạt chủ trương mới của Đảng về công tác giảm tô, chuẩn bị cải cách ruộng đất, trong đó có uốn nắn một số lệch lạc trong nhận thức về sách lược đối với địa chủ kháng chiến, có một bạn viết truyện ngắn hỏi anh:

- Tôi vừa viết xong mấy cái truyện ngắn về đề tài này, tất nhiên viết tập trung chủ đề tội ác của địa chủ. Nay đối lại thì khó quá, không khác gì xóa bỏ hết. Thế nay có in được không?

Anh Chánh cười, hỏi lại:

- Giữa việc in truyện và việc vi phạm chính sách của Đảng, anh chọn việc nào?

Giữa lúc anh bạn tỏ ý hoang mang, anh vỗ vai nói thêm:

- Anh bạn nhà văn ạ, nhiều khi vì lợi ích của cách mạng, chúng ta vẫn phải sẵn sàng hy sinh những cái to lớn hơn nhiều!

Giữa năm 1954, đoàn Tuồng Liên khu 5 dàn dựng vở Trưng Trắc, Trưng Nhị. Buổi công diễn báo cáo được tổ chức trên mảnh sân rộng, nơi Ban Tuyên giáo Liên khu ủy đóng cơ quan. Vở diễn khá hấp dẫn, mọi người như bị cuốn hút theo sân khấu. Tôi đang ngồi xem, bỗng có người ngồi phía sau vỗ vai tôi. Tôi quay lại. Anh Nguyễn Chánh đến ngồi xem từ bao giờ chúng tôi không biết. Anh chỉ vào một đồng chí ngồi bên cạnh, cao lớn, mặc bà ba đen.

- Anh Ba có ý kiến về vở Tuồng đó.

Thì ra, người ấy là đồng chí Lê Duẩn. Anh Ba nói:

- Vợ Tuồng diễn khá đấy. Nhưng anh em cũng nên cẩn thận khi đưa sự kiện lịch sử lên sân khấu, nhất là lịch sử các triều đại. Tôi thấy ở Chợ Lớn, người ta cũng diễn tích truyện xưa, nhưng bị dịch lợi dụng gây chia rẽ giữa ta và Trung Quốc, ở đây, anh em cũng cần chú ý điều đó...

Chúng tôi hồi ấy chỉ được biết tiếng đồng chí Lê Duẩn, hôm nay mới được gặp, lại được nghe đồng chí nói về kinh nghiệm trong khi diễn kịch lịch sử, tôi cảm thấy như một điều may mắn. Anh Nguyễn Chánh ngồi bên cạnh anh Ba, nheo mắt cười, vẫn đôi mắt tinh anh và ưu ái ấy, bảo tôi truyền đạt những ý kiến nói trên cho các bạn ở văn nghệ Liên khu.

Sau ngày ký Hiệp định đình chiến tại Giơ-ne-vơ, tôi có việc lên cơ quan Bộ tư lệnh Liên khu 5. Suốt chín năm qua, ai ra đường cũng phải nguy trang che màu sáng kim loại trên xe đạp, ngoài đồng các chị em đều không dùng nón trắng để tránh máy bay địch. Hôm ấy, nghĩ rằng đã hết chiến tranh rồi, tôi cứ dắt xe đàng hoàng bước vào nơi cơ quan làm việc. Vừa gặp lúc anh Chánh cùng với các cán bộ Bộ tư lệnh trong ngõ đi ra. Thấy tôi, anh gọi trước, nói như reo to:

- Ố hay, tay này chủ quan khinh địch gồm nhỉ! Không nguy trang mà dám đi à. Coi chừng máy bay nó bắn cho hết làm thơ đấy nhé!

Tôi cũng cười:

- Giặc nó sợ anh, nó chạy rồi.

Tính anh Chánh vốn thế, lúc nào cũng vui, cũng lạc quan, không phải chỉ khi thắng lợi mà cả những lúc khó khăn.

Tập kết ra Bắc, tôi về công tác ở Hội nhà văn, ít có dịp được gặp anh. Anh Chánh về làm việc ở Bộ Tổng tham mưu được mấy năm. Một buổi sáng năm 1956, Tế Hanh và tôi đang đứng nói chuyện với nhau dưới gốc cây bên lề đường phố Hà Nội, thì một chiếc xe con từ xa chạy đến, xích đỗ ngay cạnh chúng tôi. Từ trên xe anh Nguyễn Chánh bước xuống. Lúc ấy vào khoảng 11 giờ trưa. Anh vẫn vậy, mắt nheo cười, giọng Quảng Ngãi chắc nịch, anh bước đến:

- Chào hai nhà thơ. Lâu lắm không gặp các cậu.

Cả hai chúng tôi cảm động, vui mừng thấy anh vẫn khỏe. Hôm ấy, anh Chánh thuật cho chúng tôi nghe cuộc gặp buổi sáng với tướng De Beaufort, nguyên Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở mặt trận Tây Nguyên năm trước, anh nói:

- Tướng De Beaufort nhờ anh Tạ Quang Bửu bố trí cho ông ta gặp tôi, người đã đánh gục ông ta ở Tây Nguyên. Tôi đồng ý, nên hôm sau anh Bửu mời tôi đến ăn cơm có ông ta cùng dự. Buồn cười sau khi ông Bửu giới thiệu, De Beaufort cứ ngấm nhìn tôi rất lâu, từ đầu đến chân, nói với tôi: Ông cho phép tôi nhìn kỹ người đã làm cho tôi mất ăn mất ngủ ở cái xứ cao nguyên ấy. Tôi sẽ về viết lại cuộc gặp hiếm có này vào cuốn sách tôi đang viết.

Trầm ngâm một lát, De Beaufort nói tiếp: Quả thật, tôi khâm phục quân đội của các ông, lính của các ông giỏi hơn lính của chúng tôi, các ông thắng là phải.

Tôi nghĩ: anh này vẫn đổ tội cho lính sự thất bại của họ, để hàm ý rằng tướng Pháp, cũng tài giỏi không kém gì ai. Tôi đã trả lời ông ta: Không phải lính Pháp kém cỏi đâu, họ đã từng chiến thắng phát-xít Đức từ châu Âu đến châu Phi. Các ông thua vì các ông không có chính nghĩa mà thôi. Bộ đội chúng tôi biết họ chiến đấu vì mục đích gì, còn quân đội của các ông đi đánh không có lý tưởng nào cả, thua là phải...

Kể chuyện xong, anh từ biệt chúng tôi, lên xe. Từ hôm đó về sau cho đến lúc được tin anh mất, tôi không còn được có dịp gặp anh lần nữa. Nhận được tin anh Chánh không còn nữa, chúng tôi rất đau buồn, tiếc anh mất sớm trong lúc tài năng anh đang lên đỉnh cao. Mỗi lần nhớ anh, biết bao kỷ niệm thân yêu trong những ngày kháng chiến gian khổ ở Liên khu 5 lại đến với tôi, mãi mãi không quên.

N.V.L.

# **ANH NGUYỄN CHÁNH VỚI NGÀNH QUÂN Y LIÊN KHU 5 TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

*Bác sĩ CÁT HUY DƯƠNG  
Nguyên Phó phòng Quân y Liên khu 5*

Năm 1950, sau khi kết thúc chiến dịch Biên giới thắng lợi, tôi được Cục Quân y điều vào chiến trường Liên khu 5. Trước khi lên đường, các anh lãnh đạo Cục Quân y cho tôi biết: đây là theo yêu cầu của anh Nguyễn Chánh để làm nòng cốt cho Phòng Quân y Liên khu 5.

Sau khi dự hội nghị Quân y Liên khu 5 ở Chợ Chùa, anh Chánh gọi tôi đến gặp. Anh nói: Lê ra cậu ở lại Phòng Quân y nhưng do yêu cầu đột xuất là có một trung đoàn đi Hạ Lào, chiến trường có nhiều khó khăn, cậu lên đó làm Trưởng Ban quân dân y giúp củng cố trong một thời gian rồi về. Tôi vui vẻ lên đường. Đầu năm 1952, Bộ tư lệnh Liên khu 5 rút tôi về làm Phó phòng Quân y Liên khu cho đến ngày tập kết ra Bắc. Trong quá trình tôi phục vụ quân y kháng chiến chống Pháp tại Liên khu 5, tôi rất quý mến anh Nguyễn Chánh, người

đã luôn luôn quan tâm tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển ngành.

Điều anh quan tâm hàng đầu là công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng trong ngành quân y. Sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức công tác chính trị trong ngành đã được hình thành sớm và ngày càng được tăng cường. Từ năm 1950, hệ thống chính trị được hình thành trong các cơ quan và cơ sở quân y. Hệ thống chính trị trong ngành đã từng bước nâng cao quan điểm lập trường phục vụ cách mạng của cán bộ, nhân viên quân y, xây dựng và củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ và nhất là tinh thần đoàn kết quân dân ở địa phương đóng quân. Cũng từ thời gian này quân y nằm trong hậu cần chứ không độc lập như trước. Trong ngành có nhiều vướng mắc, khó thông. Anh Chánh giải quyết tư tưởng rất khéo. Từ đó nhiều lớp học chính trị được mở cho các cán bộ quân y. Trong các lớp chính huấn, chỉnh quân, cán bộ quân y cùng dự với cán bộ quân chính cùng cấp nhằm tạo điều kiện cho cán bộ quân y và cán bộ quân chính hiểu nhau hơn và hợp tác với nhau chân tình hơn.

Việc xây dựng tư tưởng nghiệp vụ của ngành cũng được anh Nguyễn Chánh đặc biệt chú ý. Các tài liệu về năm phương châm y học cách mạng do Cục Quân y gửi vào (Lương y như từ mẫu, y học dự phòng, điều trị toàn diện, Đông - Tây y kết hợp và tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng ngành) được anh cho tổ chức học tập từ năm 1951. Qua các lớp chỉnh huấn, chỉnh quân và các lớp học về tư tưởng

nghiệp vụ, cán bộ quân y Liên khu 5 đã từng bước trưởng thành về lập trường tư tưởng, quan điểm thương bệnh binh, quan điểm phục vụ được xác định một cách sâu sắc và đúng hướng hơn trên cơ sở giác ngộ chính trị. Điều đó có tác dụng quyết định trong việc nâng cao không ngừng chất lượng công tác phục vụ của ngành.

Sau khi ngành tổ chức học tập quán triệt các phương châm y học cách mạng, anh Nguyễn Chánh còn bàn với Phòng Chính trị tạo điều kiện về mặt tổ chức để thực hiện các phương châm y học trong quân đội. Ví dụ như về phương châm y học dự phòng (lấy phòng bệnh là chính), Bộ tư lệnh đã chỉ thị cho các trung đoàn chủ lực làm thí điểm. Ở đại đội, thành lập ban bảo vệ sức khỏe do đại đội phó làm trưởng ban, hai phó ban là quản lý và y tá đại đội. Ở Trung đội, có tổ vệ sinh trung đội do trung đội phó làm tổ trưởng, cứu thương trung đội và một chiến sĩ vệ sinh làm ủy viên. Ở tiểu đội, có một chiến sĩ vệ sinh (tích cực và gương mẫu về vệ sinh phòng bệnh) do anh em trong tiểu đội bầu. Chân rết của các chiến sĩ vệ sinh tiểu đội là các tổ trưởng tổ ba người. Các chiến sĩ vệ sinh và các tổ trưởng đã hình thành một mạng lưới sâu sát trong đời sống bộ đội, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, bộ đội phải sinh hoạt phân tán, y tá và đại đội trưởng không thể đi sát đơn đốc theo dõi từng chiến sĩ... Phong trào phòng bệnh nuôi quân được phát triển và phổ biến rộng rãi cả ở các trung đoàn Tây Nguyên, các trung đoàn ở địch hậu và ở các tỉnh đội. Từ năm 1952, theo

chỉ thị của Bộ tư lệnh Liên khu, trong toàn bộ đội Liên khu 5, hàng tuần có hai giờ học tập về vệ sinh phòng bệnh vào sáng thứ bảy do y tá trưởng tiểu đoàn hoặc y tá đại đội hướng dẫn. Các quân y trung đoàn và tinh đội hàng năm tổ chức hội nghị chiến sĩ vệ sinh và hội nghị anh nuôi để đúc rút kinh nghiệm đẩy mạnh công tác phòng bệnh nuôi quân, tỷ lệ bảo đảm quân số đạt 95-96%, làm cho sức chiến đấu của quân đội ngày một dẻo dai.

Qua học tập phương châm Đông - Tây y kết hợp và phương châm cần kiệm xây dựng ngành. Ngành Dược Liên khu do dược sĩ Nguyễn Sĩ Dư phụ trách đã sản xuất được "dầu đặc công" để bôi cho khô lạnh và chớ không phát hiện được; thuốc cao để dán các vết thương nhỏ, tiết kiệm bông băng; dầu cù là, dầu trị bỏng, sản xuất phi-la-tốp miếng cấy trong da và phi-la-tốp tiêm theo kinh nghiệm của quân y Nam Bộ, sản xuất nước pê-ni-xi-lin phục vụ điều trị các vết thương trong chiến dịch Quảng Nam, Hè 1953.

Tôi nhớ mãi những lần được tiếp xúc làm việc với anh Nguyễn Chánh, vì mỗi lần gặp anh đều để lại trong tôi một điều gì đó càng nghĩ, càng thấy thấm sâu. Đó là vào đầu năm 1952, khi tôi về làm Phó phòng Quân y Liên khu 5. Biết tôi khi ở Việt Bắc phụ trách Ban Quân y 303 - phục vụ sức khỏe cho Bác và cho các đồng chí Trung ương, anh Chánh gọi tôi lên gặp. Tôi đến, với thái độ và cử chỉ rất thân mật, anh cười bắt tay tôi và mời tôi ngồi. Anh hỏi thăm sức khỏe, tình hình công tác ở chiến trường Hạ Lào, rồi bảo: Việc đưa anh lên Hạ Lào là bất

đắc dĩ. Vì vậy, nay phải điều anh về, ở đây rất cần anh. Sau khi trao đổi công việc xây dựng và củng cố Phòng Quân y và ngành Quân y, anh Chánh hỏi tôi, khi ở với Bác được Bác dạy những gì. Tôi trình bày là Bác dạy phải chăm sóc sức khỏe cán bộ và nhân dân thật hết lòng. Bác dạy nhiều điều rất cụ thể. Khi đi thăm bệnh xá, Bác thăm nhà bếp trước, xem tình hình tăng gia, sản xuất, rồi lên bệnh xá gặp bệnh nhân, sau đó mới gặp nhân viên. Anh Chánh gật gù nói: "*Đúng là Bác*"... Tôi kể: Bác bảo, bệnh xá của các chú thuốc không đủ, phải cùng địa phương dùng thuốc Nam để chữa chạy cho anh em. Anh Chánh nói: "*Lời khuyên đó thật là có giá trị với Liên khu 5*". Tôi nói tiếp vì thấy anh Chánh nghe rất say sưa, thú vị và tán thưởng: Bác còn bảo, đây vừa là bệnh xá, vừa là văn phòng Trung ương, các chú phải tạo điều kiện cho anh em chơi thể thao để tăng sức khỏe. Chứ không phải chỉ có chạy chữa không thôi, phải làm xà đơn, chổ nhảy xa, sân bóng chuyền... Anh Chánh lại gật gù nói: "*Phải vận dụng ở Liên khu 5, đó là lời khuyên tuyệt vời*".

Tôi thấy anh Chánh là người rất nhạy cảm, sắc sảo, rất trân trọng những lời dạy của Bác, biết lắng nghe điều hay lẽ phải, đặc biệt là vận dụng rất nhanh.

Trên cương vị Bí thư Liên khu ủy Khu 5, anh Nguyễn Chánh đã luôn vun trồng xây đắp việc kết hợp quân - dân y trong công tác vệ sinh phòng bệnh, trong công tác cứu chữa thương bệnh binh trong và sau các chiến dịch, trong công tác bảo đảm sức khỏe cho dân công trên các hành lang vận chuyển. Năm

1953, được biết có tập tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ cho dân công tải thương và cho hộ lý rất thiết thực, anh cho in ty-pô và đưa xuống các xã với chỉ thị của Liên khu ủy là cho dân công và phụ nữ phải học trước khi đi phục vụ chiến dịch. Nhờ đó, dân công và hộ lý đã phục vụ tốt công tác chăm sóc thương binh, bệnh binh trên các hành lang vận chuyển, trong các trạm phẫu thuật và bệnh viện tiền phương...

Để đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công, anh Nguyễn Chánh thường chú ý xây dựng các ngọn cờ của các ngành. Trong Đại hội chiến sĩ thi đua Quân khu từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11 năm 1952, bác sĩ Nguyễn Thúc Tùng, Phó phòng Quân y Quân khu, y tá Trần Ba, cứu thương Nguyễn Bốn, Tăng Thị Hòe, dược tá Văn Huy Chương, nuôi quân bệnh viện Nguyễn Tư đã được vinh dự là chiến sĩ thi đua Khu, những lá cờ đầu của ngành Quân y Liên khu 5.

Các bác sĩ, dược sĩ và học sinh y dược phục vụ ở Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp rất đông, anh em nào cũng thấy anh Nguyễn Chánh là một nhà lãnh đạo uyên bác cả về chính trị và quân sự, một vị chỉ huy nghiêm nghị, sắc sảo, nhưng nhân hậu, luôn gần gũi anh chị em, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của anh chị em, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ dưới quyền hoàn thành tốt nhiệm vụ, động viên dắt dẫn anh chị em từng bước trưởng thành.

Anh Chánh đặc biệt chăm lo đến thương bệnh binh, nhờ đó đã tạo điều kiện cho quân y hoàn thành nhiệm vụ cứu chữa thương binh và bệnh binh.

Trong các trận mở màn chiến dịch Bắc Tây Nguyên, thương binh về nhiều, lán trại chưa đủ, thiếu thốn đủ thứ. Trước tình hình đó, anh Chánh thay mặt Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định tập trung ưu tiên bảo đảm cho thương, bệnh binh (thực phẩm, đường sữa, chăn màn, v.v.). Anh bảo: Chiến lợi phẩm phải dành cho thương binh, bệnh binh. Nhưng anh nuôi có kỹ thuật khá được điều về trạm Quân y tiền phương, anh còn cho điều công binh đến xây dựng thêm lán trại, đưa cán bộ chính trị với ra-đi-ô chiến lợi phẩm đến để tăng cường công tác chính trị trong nhân viên và thương, bệnh binh. Sự chăm lo đó đã động viên thêm bệnh binh yên tâm điều trị, cổ vũ nhân viên quân y quên mình cứu chữa thương bệnh binh, điển hình như y tá Trần Bằng, phẫu thuật viên Tôn Như Khuê, Nguyễn Hữu Huy, v.v.

Anh rất thông cảm với anh chị em trí thức quân y vì lòng yêu nước, căm thù thực dân Pháp, không muốn làm dân nô lệ, đã từ bỏ cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc đi theo cách mạng, gia nhập quân đội, tinh thần chịu đựng gian khổ ác liệt chưa quen. Vì vậy từ năm 1948, Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ mà anh là một thành viên đã có chủ trương cho y, bác sĩ làm tư để cải thiện sinh hoạt và góp phần vào việc khám chữa bệnh cho nhân dân trong vùng đóng quân. Đúng là một chính sách thể hiện tầm nhìn xa trông rộng ngay từ những năm đầu đây khó khăn của cuộc kháng chiến chống Pháp. Anh chị em quân y rất thoải mái và hoan nghênh chủ

trương đúng đắn này, càng tin tưởng quyết tâm phục vụ và công tác tốt hơn.

Hồi đó trong việc khám chữa bệnh tư tại nhà, lại xảy ra một đôi việc rắc rối trong quan hệ nam - nữ giữa một vài bác sĩ, y sĩ và bệnh nhân nữ. Liên hiệp phụ nữ Liên khu phản ứng mạnh, chọ đây chủ yếu là do khám chữa bệnh tại nhà... Phòng Chính trị Liên khu báo cáo với anh Chánh. Anh Chánh bảo: Phải kiểm điểm trách nhiệm là do ai? Do ta lãnh đạo và giáo dục kém đó thôi. Ta chủ trương cho anh chị em làm là để chữa bệnh cho nhân dân, việc đó hoàn toàn đúng. Còn việc quan hệ nam nữ bất chính là do cả hai bên đều có phần, do đó Hội phụ nữ cũng phải có trách nhiệm, phải kiểm điểm, chứ không nên bới ra, vạch áo cho người xem lưng, không hay ho gì đâu...

Anh còn quan tâm chăm lo đến cuộc sống gia đình của các đồng chí bác sĩ, y sĩ, v.v. Ngay trong những năm kháng chiến còn biết bao gian khổ, thiếu thốn mọi điều. Hồi đó, có hai chị từ Hà Nội vượt "tam tứ núi" vào Liên khu 5 tìm người yêu là anh Võ Văn Vinh và anh Ngô Ứng Lân. Anh Lân lúc đó là Giám đốc bệnh viện Quảng Ngãi. Anh Chánh bảo phải sắp xếp công tác cho hai chị và anh lo tổ chức đám cưới cho hai cặp vợ chồng này. Anh lại tổ chức đám cưới cho anh Y T'Lam và chị Trà. Anh thường nói với chúng tôi: Đây không đơn thuần chỉ đối với gia đình hạnh phúc của riêng các đồng chí đó, mà còn là vì sự nghiệp chung, nếu không thì các bà lại kéo các ông đi mất.

Năm 1952, một năm đầy thử thách, địch tích cực đánh phá vùng tự do, ném bom, đổ quân phá hoại mùa màng. Cách mạng Việt Nam lại chuyển qua giai đoạn mới, một số bác sĩ đã dao động bỏ hàng ngũ, chạy vào vùng địch. Tuy nhiên anh không định kiến với trí thức quân y mà còn cho đây là trách nhiệm của lãnh đạo, nên càng gần gũi anh, chị em hơn, chăm lo cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của anh chị em, như cấp vải xi-ta loại tốt cho cán bộ trí thức, may đo quần áo; cấp bánh sữa cho quân y; anh em rất cảm động. Trước các chiến dịch anh thường đến gặp gỡ anh chị em, giải quyết khó khăn trong công tác chuẩn bị và động viên anh chị em làm nhiệm vụ. Chính sách của anh Chánh đối với trí thức rất tuyệt vời. Anh có công rất lớn đối với ngành quân y. Anh Nguyễn Chánh đã thật sự cảm hóa đội ngũ cán bộ quân y Liên khu 5, nổi bật ở anh là sự trung thực trong đời sống, lòng nhân hậu, vị tha trong đối xử, là tình thương yêu cán bộ sâu đậm. Anh để lại trong anh chị em cán bộ quân y Liên khu 5 nhiều ấn tượng rất sâu sắc.

C.H.D.

## **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH VỚI NGÀNH QUÂN - DÂN Y LIÊN KHU 5 TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

*Bác sĩ NGUYỄN SĨ LÂM*

*Tức Y Tam Kbour*

Trong kháng chiến chống Pháp, tôi hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên với cương vị là cán bộ quân - dân y, có hiểu biết nhiều về đồng chí Nguyễn Chánh qua quan hệ công tác và tiếp xúc riêng tư.

Ngoài những trọng trách lớn lao theo cương vị chính yếu của mình, đồng chí Nguyễn Chánh còn quan tâm rất nhiều đến ngành quân - dân y.

Tùy theo nhiệm vụ, phương châm của các giai đoạn cách mạng và quy mô phát triển của lực lượng vũ trang, của cuộc kháng chiến, đồng chí Nguyễn Chánh và Liên khu ủy đã đề ra những chủ trương, phương hướng chỉ đạo ngành y tế phát triển luôn đáp ứng yêu cầu bảo đảm quân y và dân y phục vụ cho nhân dân, cho sản xuất, nhất là bảo đảm cho cuộc kháng chiến thắng lợi.

Ngay trong những năm đầu kháng chiến, Liên khu ủy, Bộ tư lệnh đã đề ra phương hướng nhiệm

vụ là: ngành y tế, cả quân và dân y, phải tích cực phục vụ cuộc kháng chiến đánh bại chiến lược đánh nhanh, đánh thắng của thực dân Pháp, giữ vững và xây dựng vùng tự do lớn mạnh và vùng căn cứ vững chắc của ta.

Trước yêu cầu này, ngành y tế Liên khu 5 đang gặp nhiều khó khăn, nhất là thiếu cán bộ và thuốc men.

Trong từng lĩnh vực, đồng chí Nguyễn Chánh đều có sự chỉ đạo giải quyết rất cụ thể, sắc sảo và quyết đoán...

Về công tác cán bộ, đồng chí Nguyễn Chánh rất quan tâm đến chính sách. Trong các cuộc tiếp xúc cũng như chuyện trò, đồng chí thường nhắc nhở chúng tôi phải luôn luôn nắm vững khâu sử dụng và đào tạo. Về sử dụng, đồng chí nhấn mạnh phải phát huy sở trường của cán bộ thầy thuốc, chủ yếu là y sĩ, bác sĩ được đào tạo thời Pháp, hiện đang phục vụ kháng chiến. Anh em đều có tinh thần yêu nước, tay nghề cứng, nhưng có một số còn nặng gánh gia đình, chưa quen với cuộc sống gian khổ, mà đồng lương kháng chiến lại không đủ nuôi vợ con. Do đó Nhà nước ta đã thông cảm, cho phép họ được khám bệnh tư ngoài giờ hành chánh, để có thêm thu nhập, đỡ bớt khó khăn. Tuy nhiên, số này không nhiều, dần dần qua ngày tháng gian khổ, họ được rèn luyện và sẽ thích nghi với môi trường mới. Bên cạnh đó, ta cần phải gấp rút đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ trẻ có ý đức, năng lực và tinh thần phục vụ vì nước, vì dân.

Về công tác đào tạo cán bộ, đồng chí còn nói tiếp: Phải tiến hành khẩn trương, vừa bảo đảm yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa đáp ứng cho lâu dài. Về phương hướng đào tạo, đồng chí nhấn mạnh, phải tích cực đào tạo tại chỗ, tại địa phương cho phù hợp với điều kiện chiến trường, trình độ văn hóa của anh em. Và đồng thời gửi ra miền Bắc đào tạo đối với anh, chị em có trình độ văn hóa cao hơn, có thể học được y sĩ, bác sĩ, dược sĩ; phải chú ý đào tạo cán bộ các dân tộc miền núi Tây Nguyên.

Đối với hướng đào tạo tại chỗ, ngành quân - dân y phải tiến hành mở các trường, lớp y tá, cứu thương và nữ hộ sinh, v.v. đáp ứng yêu cầu phục vụ tiền tuyến và hậu phương, phục vụ kháng chiến.

Trong những năm 1947 - 1948, tình hình thuốc men, dụng cụ y tế rất thiếu thốn, theo báo cáo ngành quân y và dân y, thì các kho dự trữ gần như trống rỗng. Nguồn thuốc và vật tư y tế mà ta tiếp quản lúc Tổng khởi nghĩa đến nay đã cạn. Giá thuốc chữa sốt rét, chiến thương, v.v. trên thị trường tự do ngày càng đắt, do địch bao vây cấm đưa vào vùng tự do của ta một số thuốc và hàng hóa thiết yếu.

Trước tình hình này, đồng chí Nguyễn Chánh cùng Liên khu ủy chỉ đạo ngành quân y, dân y phải phối hợp cùng các ban ngành tìm những biện pháp thiết thực cụ thể. Từ năm 1949, ta thay khẩu hiệu bao vây kinh tế địch bằng đấu tranh kinh tế với địch. Nhà nước cho phép nhập hóa chất, thuốc chữa bệnh, v.v. thông qua con đường mua bán của nhân dân và các chợ vùng địch hậu. Ngoài ra, ngành y

tế phải có kế hoạch liên hệ với các cơ quan ngoại thương mua thuốc, dụng cụ y tế ở vùng tạm chiếm, còn các loại thuốc mà ta pha chế được thì chỉ mua hóa chất. Ngành quân y và dân y phải bằng mọi cách tìm cho được nguồn thị trường để mua thuốc từ vùng tạm chiếm, do các hiệu thuốc tư nhân, do được sĩ tư nhân sản xuất bán hoặc ủng hộ kháng chiến để cung cấp một phần cho nhu cầu của ngành. Đồng thời về cơ bản lâu dài, phải thực hiện cho được phương châm kinh tế tự cấp tự túc về thuốc men, dụng cụ y tế. Nghĩa là xây dựng và phát huy được vai trò của các Viện bào chế ở Nam Trung Bộ và Viện bào chế quân y, bảo đảm tự sản xuất thuốc men và dụng cụ cho quân y và dân y. Ở các tỉnh, các trung đoàn đều phải có các phòng bào chế, tổ sản xuất thuốc Tây và thuốc Nam - Đông dược, để vừa có thuốc dùng ngay cho đơn vị, lại vừa đỡ được khâu vận chuyển từ xa, tốn kém nhiều.

Với sự quan tâm hết mức, có tầm nhìn rất xa và rất thực tế, và với tác phong sâu sát, cụ thể, đồng chí Nguyễn Chánh đã giúp cho ngành quân y và dân y tháo gỡ được những vấn đề phức tạp một cách rất có hiệu quả trong tình thế rất gay gắt. Ngoài ra, đồng chí Nguyễn Chánh rất quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo ngành quân y và dân y thực hiện đúng đường lối phương châm, quan điểm y tế cách mạng của Đảng trong Liên khu 5. Đó là: "Lấy công tác phòng bệnh, phòng chống dịch bệnh làm hàng đầu, với khẩu hiệu phòng bệnh hơn chữa bệnh; phòng bệnh là chính, chữa bệnh là quan trọng".

Đầu tháng 12 năm 1953, Liên khu ủy có cuộc họp quán triệt quyết tâm thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, động viên toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân tiến công địch ở Tây Nguyên, bảo vệ vùng tự do; các chiến trường sau lưng địch đẩy mạnh chiến tranh du kích và binh vận...

Để nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị nói trên của Bộ Chính trị, ngành y tế Liên khu 5, cả quân và dân y, phải bảo đảm phục vụ cuộc tiến công chiến lược lên Tây Nguyên, trong Đông - Xuân - Hè 1953 - 1954, phục vụ tốt hơn nữa cho bộ đội, dân công và nhân dân ở tiền tuyến và hậu phương, cả vùng tự do, vùng tạm chiếm. Ngành y tế đã huy động tất cả lực lượng nòng cốt của mình phục vụ quân và dân hoàn thành nhiệm vụ. Khí thế ra quân sôi nổi và quyết thắng dâng cao hơn lúc nào hết.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đặc biệt của đồng chí Nguyễn Chánh và Liên khu ủy, anh em cán bộ, nhân viên ngành y rất phấn khởi vì được vinh dự góp phần cùng quân và dân Liên khu 5 giành thắng lợi oanh liệt trong Xuân - Hè 1954.

Trái qua chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy tài tình và sắc sảo của Liên khu ủy 5 và đồng chí Nguyễn Chánh, ngành y tế Nam Trung Bộ, kể cả quân y và dân y, rất tự hào là sát cánh cùng nhân dân và lực lượng vũ trang Liên khu 5 đã chiến đấu dũng cảm chống quân thù, góp vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Theo tôi, đồng chí Nguyễn Chánh là người lãnh đạo có công đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5. Chúng tôi rất quý mến và kính phục đồng chí Nguyễn Chánh chẳng những vì đồng chí là người lãnh đạo chỉ huy đầy tài năng mà còn là một con người rất đổi đức độ, lúc nào cũng sống hết mình vì công việc, vì mọi người. Chính vì vậy, chứ không phải ngẫu nhiên mà cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, rất chân thành coi đồng chí Nguyễn Chánh là vị lãnh tụ của Liên khu 5.

N.S.L.

## MỘT NGƯỜI LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY TÀI ĐỨC SONG TOÀN

*Giáo sư, bác sĩ NGUYỄN THỨC TÙNG*

Trong cảm tưởng chung sâu sắc của tôi, anh Nguyễn Chánh là một người lãnh đạo, chỉ huy tài đức song toàn. Thực vậy, trong kháng chiến chống Pháp, ở Liên khu 5, anh Chánh đã làm rất tốt các cương vị và trọng trách của mình. Hồi bấy giờ tôi là Chủ nhiệm quân y Liên khu 5. Tôi cho rằng, với cương vị là người lãnh đạo, chỉ huy ở Nam Trung Bộ, anh Chánh giỏi cả về quân sự và chính trị. Tôi được dự các lớp chính huấn có anh Chánh giảng bài, nhiều lần tôi cảm nhận được những ấn tượng rất sâu đậm. Nhưng anh em từng được nghe anh nói đều cho rằng anh nói vừa sâu sắc, vừa dễ hiểu, rất có sức thuyết phục, lôi cuốn người nghe cả về mặt lý trí và tình cảm, tâm lý. Một lần, vào khoảng cuối năm 1951, anh Chánh nói chuyện ở lớp chính huấn gồm có nhiều cán bộ là trí thức, bác sĩ, kỹ sư, văn nghệ sĩ, để động viên tinh thần quyết tâm kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến. Lúc đó, có người trong cán bộ ta tỏ ra chán nản, mệt mỏi hoặc sợ vũ khí tối tân của

Pháp. Anh Chánh đã khéo léo thuyết phục, phân tích tình hình một cách có tình, có lý để chứng minh nhận định của Trung ương: "Ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Tâm tư anh em cán bộ được lòng viên giải tỏa, nên đã phấn chấn hẳn lên. Đột nhiên máy bay địch đến ném bom bắn phá suốt một giờ đồng hồ, mọi người phải vội chạy ra hầm trú ẩn. Khi máy bay đi rồi, mọi người trở về chỗ học tập, anh Chánh đã nói vui: "Máy bay nó đánh phá áu vây chắc làm mất công tôi thuyết phục mấy tiếng đồng hồ phải không? Có ai thấy máy bay đánh quá nà lung lay tư tưởng không? Mọi người cười vui vẻ, không ai coi việc địch đánh là ghê gớm nữa".

Về quân sự, mọi người đều nói anh Chánh có tư tưởng quân sự rất đúng đắn và có nghệ thuật quân sự rất sắc sảo. Quả thực là đúng, tôi nêu ví dụ: Trong khi tổng kết hoạt động quân sự của ta trong mùa Đông 1952, anh Chánh mới nói rõ về việc chuẩn bị chiến dịch An Khê và ý định của anh. Anh nói: Lúc đó địch còn mạnh, ta đánh An Khê rất khó, ta phải tập trung hai trung đoàn mạnh của Liên khu cùng đánh. Lúc này, ta có một trung đoàn ở Quảng Ngãi phải di chuyển vào Bình Định. Muốn giữ bí mật hướng chiến dịch và bí mật việc hành quân, ta phải nghi binh, giả vờ đánh ở Quảng Nam, phao tin sẽ cử Tiểu đoàn 365 ra đó. Anh Chánh nói một chi tiết vui thú vị, chứng tỏ tính hóm hỉnh và sắc sảo của anh. Số là anh nắm được đặc điểm của đơn vị 365 là rất hăng say đánh giặc và đánh khá giỏi, nhưng cũng hay làm lộ bí mật. Vì vậy, muốn tung

tin lừa địch thì chỉ cần ra lệnh cho 365 chuẩn bị ra đánh Quảng Nam. Lập tức tin đó được "bật mí" ra khắp nơi ngay. Anh còn tổ chức một động thái nghi binh lừa địch nữa là cho một số dân công, bộ đội ào ào vận chuyển lương thực ra Quảng Nam. Một công đôi việc, thực tế ta cũng đang cần đưa lương thực ra cứu đói cho đồng bào Nam Quảng Nam. Quả nhiên địch tin rằng hướng chiến dịch của ta là ở Quảng Nam. Trong khi đó, anh bí mật cho sửa chữa đường sắt và cho bộ đội hành quân vào An Khê bằng xe lửa rất nhanh gọn, mà tập kết quân được bí mật, bảo đảm được yếu tố bất ngờ cho đến trước giờ nổ súng đã là giành được một nửa chiến thắng...

Trong khi chiến dịch đang phát triển, anh chỉ huy rất kiên quyết và cũng thường có phân tích tình huống ngắn gọn rõ, kịp thời để anh em hiểu được ý đồ của người chỉ huy. Khi đánh đồn Thượng An có một đại đội quân nguy, ta chỉ có một trung đội mà lại không có hỏa lực yểm hộ, anh em lo lắng, anh Chánh phân tích: Ta đang thế thắng, chỉ nổ súng là địch chạy. Anh em làm theo và kết quả đúng như vậy.

Có lần trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên, bộ đội Trung đoàn 803 đánh xong đồn Đăk-đoa án ngữ bắc Đường 19, đã rất mệt và hết gạo, có người không muốn tiếp tục cuộc tiến công nữa. Anh Chánh động viên anh em cần và có thể đi tiếp vì "có dân là có gạo". Kết quả Trung đoàn 803 đánh địch tiếp vào tận Nam Phú Yên, Bắc Khánh Hòa, được nhân dân rất nhiệt tình giúp đỡ. Tổng kết chiến dịch, ai cũng

thấy trong chiến dịch này lực lượng ta tuy ít nhưng đi được xa, giải phóng được nhiều dân, giành được nhiều đất, thu được thắng lợi rất lớn, vượt mức kế hoạch trên giao cho. Trong việc quản lý bộ đội, anh tỏ ra vừa nghiêm lại vừa rộng lượng. Điều gì có hại cần chấn chỉnh thì dù nhỏ anh cũng nhanh chóng phát hiện và chấn chỉnh ngay, điều gì hợp tình, hợp lý thì sẵn sàng thông cảm. Tôi còn nhớ có lần phát hiện bộ đội đi chiến đấu và huấn luyện, nhiều chiến sĩ mang đàn đi theo mãi mê đàn hát làm ảnh hưởng không tốt đến việc hoàn thành nhiệm vụ, anh nhắc vui: "Coi chừng bộ đội ta yêu đàn hơn súng đó!". Và một lần nữa, phát hiện anh em gọi kêng ăn cơm là kêng "cầm xác", anh đã tự mình xem xét bữa ăn của anh em, nhắc nhở nhà bếp cố gắng tìm cách khác phục, làm cho bữa ăn được tươi khá hơn mức "cầm xác" như anh em đã nói; mặt khác anh cũng tìm lời động viên giải thích để anh em thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của quân đội về mặt cung cấp. Đạo ấy có một chiến sĩ thắc mắc về việc cán bộ có xe đạp, họ hay tụt tạt về thăm gia đình trong các dịp công tác gần nhà. Anh Chánh đã giải thích: "Minh là người chiến sĩ trong hàng ngũ quân đội cách mạng, do không có điều kiện nên không có dịp được gặp gia đình, nhưng mình cũng rất mong có dịp gặp được vợ con chứ. Cán bộ nào có dịp được ghé về thăm gia đình một chút mà không ảnh hưởng đến công tác thì cũng đáng mừng cho họ chứ, sao lại còn thắc mắc?".

Riêng đối với ngành Quân y Liên khu 5, anh Chánh đã để lại nhiều ấn tượng rất sâu sắc, rất tốt

đẹp. Anh em cán bộ và nhân viên ngành quân y rất quý mến anh.

Ngành quân y lúc đó có thể nói là nơi tập hợp nhiều người "trí thức" nhất. Anh Chánh tỏ ra rất thông cảm với những đặc điểm tâm lý riêng của các bác sĩ, dược sĩ, v.v. Anh thường nói: Các bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, v.v. có khi nói năng cử chỉ không bình thường, nhưng không nên xét nét họ về chỗ đó, điều quan trọng là họ làm tốt công việc của mình. Mỗi khi có dịp học chính trị hay chính huấn, anh Chánh đã cho sắp xếp một tổ riêng "giới trí thức" để thảo luận cho dễ hiểu nhau, anh cử đồng chí Lê Duy Trinh là một kỹ sư canh nông làm tổ trưởng tổ này và chỉ đạo cho anh Trinh động viên anh em nói thẳng, nói thật, nói hết mọi thắc mắc.

Về chính sách đối với bác sĩ, anh Chánh có chủ trương rất cởi mở và thực tế. Anh đồng ý cho các bác sĩ nào có điều kiện thì có thể khám chữa bệnh giúp nhân dân địa phương, đối với người nghèo thì khám chữa giúp, đối với người có khả năng trả thù lao thì được lấy một ít tiền bồi dưỡng giúp vào việc cải thiện đời sống. Chính sách lúc đó đơn giản như vậy thôi nhưng cũng đã có tác dụng rất tốt. Nó vừa phát huy hết năng lực làm việc của bác sĩ, y sĩ lúc không đi chiến dịch, giúp nhân dân chữa bệnh tật, lại làm cho đời sống người bác sĩ không đến nỗi bức bách. Theo tôi nghĩ, có lẽ do vậy mà địa bàn Liên khu 5 "tứ diện thọ địch" rất khó khăn gian khổ nhưng các bác sĩ, dược sĩ đều vững vàng kiên định kháng chiến.

Khi đi chiến dịch, anh Chánh thường rất quan tâm đến sức khỏe, đến việc ăn uống của các bác sĩ, y sĩ, dược sĩ, nhân viên quân y... Bản thân anh Chánh người gầy gò nhưng sức chịu đựng khá dẻo dai, anh ít khi phiền đến quân y mà quan tâm đến cán bộ chiến sĩ và nhân dân nhiều hơn.

Khi Liên khu 5 tiến hành tập kết, những người được anh Chánh đặc biệt quan tâm là những anh em nhận nhiệm vụ ở lại miền Nam để tiếp tục chiến đấu. Anh trực tiếp căn dặn tôi, lúc đó là Chủ nhiệm quân y Liên khu, tổ chức khám bệnh và cấp thuốc ưu tiên đầy đủ cho các đồng chí đó.

Khi tập kết, ta đã giao Quảng Nam cho địch, cơ quan Liên khu còn đóng ở Quảng Ngãi. Anh rất đau lòng khi nghe tin địch khủng bố đồng bào Quảng Nam dã man. Anh tự kiểm điểm và nói: Phải rút kinh nghiệm, ta đấu tranh với địch ở Quảng Nam hơi cứng quá, tạo cơ cho địch khủng bố mạnh. Anh chỉ đạo phải đấu tranh ở Quảng Ngãi khéo léo mềm dẻo hơn. Khi vào Bình Định, anh Chánh còn tranh thủ cho mang tiền Đông Dương ra đổi bằng hết tín phiếu cho đồng bào ở Quảng Nam, Quảng Ngãi để đồng bào khỏi chịu thiệt, khiến đồng bào rất cảm động. Quy Nhơn là điểm cuối cùng mà nhân dân mang tín phiếu đến đổi, anh Chánh lệnh cho các đồng chí phụ trách đổi tiền phải ở đó làm việc đến phút chót, khi địch đến nếu có tình hình gì thì vào chỗ Ủy ban quốc tế, không cho chúng bắt.

Anh Chánh đi tập kết, ra ở Hà Nội, nhưng trong lòng không bao giờ quên nghĩ đến đồng bào, đồng

chí miền Nam. Anh vẫn thường xuyên quan hệ chặt chẽ với cán bộ Liên khu 5 cũ. Tôi nhớ hồi năm 1956, một lần anh đến thăm tôi và anh Võ Văn Vinh, anh nói: Buồn lắm, vì trong Nam địch khủng bố đàn áp đồng bào dữ quá, phải chuẩn bị tốt lực lượng để trở về đánh địch bảo vệ đồng bào, giải phóng quê hương.

Anh em cán bộ đã hoạt động ở Liên khu 5 hồi kháng chiến chống Pháp, nhiều người nói: Cả nước có Bác Hồ, Liên khu 5 có anh Nguyễn Chánh. Nói thế không biết là chính xác đến đâu nhưng cái chính là mọi người muốn nói đến công lao to lớn của anh Chánh và tình cảm thiết tha của anh đối với Liên khu 5, với đồng bào miền Nam ruột thịt.

N.T.T.

## ANH ĐỘT NGỘT QUA ĐỜI ĐỂ LẠI BAO NIỀM THƯƠNG TIẾC

*Đại tá TRẦN VĂN HIẾN*

*Thầy thuốc ưu tú*

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, về Thủ đô, Phòng Quân y là cơ quan trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh đóng ở trong thành, có bộ phận trực tiếp bảo vệ sức khỏe cho thủ trưởng Bộ, được sinh hoạt tập trung do bác sĩ Khiêm phụ trách. Hằng ngày chúng tôi đến thăm hỏi và cấp thuốc cho các thủ trưởng tại gia đình, ngoài giờ làm việc. Đột nhiên, sáng ngày 24 tháng 9 năm 1957, nhận được điện cấp cứu đến nhà đồng chí Chánh, Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ, ở nhà riêng tại 34 Lý Nam Đế. Khi tới nơi, đồng chí bảo vệ nói là: Anh Chánh đã đi rồi! Vào phòng, nhìn anh nằm giữa giường như người ngủ say, tôi cảm động quá, để văng cả túi thuốc xuống sàn gỗ. Gia đình cho biết: có thể anh đã mất lúc 5 giờ sáng. Sau khi khẩn trương làm các thủ tục chuyên môn, chúng tôi báo cáo với tổ chức chuyển anh ngay xuống Bệnh viện 108.

Thế là anh đã đột ngột qua đời vào một buổi sáng, ở tuổi 43. Chiều hôm trước anh còn tham gia

Chủ tịch đoàn trong lễ kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9).

Hằng ngày, anh em chúng tôi thường đến phục vụ anh và gia đình. Nay đột ngột phải vĩnh biệt anh, lòng băng khuâng, thương tiếc vô hạn một cán bộ cách mạng hiền hậu, thân mật, gần gũi với quần chúng.

Tôi nhớ lại, khi được gặp anh, anh thường nhắc nhở phải có tinh thần phục vụ tận tình chu đáo với các cán bộ về làm việc với cơ quan đầu não quân đội... phải làm cho khách từ quân khu, sư đoàn tới có được không khí đầm ấm như về nhà mình.

Với tinh thần hết lòng phục vụ các cán bộ chỉ huy từ chiến hào về nhận lệnh, nghe phổ biến kế hoạch tác chiến ở Điện Biên Phủ xưa, chúng tôi luôn nhắc nhở lẫn nhau làm theo lời anh dặn. Vì vậy được cán bộ, chiến sĩ về Bộ công tác quý mến, và uy tín Quân y 354, T.66 và sau này T.83, trở nên quen thuộc với nhiều đơn vị trong toàn quân.

Bản thân tôi có nhiều ấn tượng sâu sắc về anh. Đó là lúc tôi thay mặt Phòng Quân y, lên trình bày công việc với các đồng chí phụ trách phòng hoặc trợ lý thuộc cơ quan Tổng cục Cán bộ. Tôi thường được phát huy tự do tư tưởng, được tận tình giúp đỡ giải quyết những khó khăn. Cũng nhờ đó giường máy quân y có đủ cán bộ làm việc tốt hơn.

Trong lòng suy ngẫm, lại thấy: thù trường nào, thì đào tạo ra cán bộ ấy!

Tôi không thể quên được tác phong nghiêm túc chấp hành kỷ luật chuyên môn của đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ. Qua nhiều năm hoạt động cách mạng gian khổ, do hoàn cảnh gia đình, nay mang trong người nhiều bệnh mãn tính như về tiêu hóa, tiết niệu, những hội chứng thần kinh, đau đầu, làm anh nhức nhối nhất.

Được các bác sĩ trong nước và nước bạn hết lòng chăm sóc, có đợt anh phải tiêm đến 10.000.000 đơn vị kháng sinh, nhưng anh vẫn thường xuyên tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện liệu trình, đúng giờ, luôn có thái độ vui vẻ, ngay trong cả những lúc bận việc nhất.

Về sự ra đi đột ngột của anh Nguyễn Chánh, theo chẩn đoán cuối cùng, anh mất trong tình trạng có xơ dính viêm màng não mãn, một bệnh âm ỉ kéo dài nhiều năm và thật nan giải.

Đối với tôi, một người tham gia làm công tác bảo vệ sức khỏe cho đội ngũ cán bộ cách mạng, vốn quý nhất của Đảng và Nhà nước ta, việc anh Chánh qua đời để lại cho anh em tôi, cho gia đình quân đội lòng tiếc thương vô hạn.

Bản thân tôi luôn nhớ anh, một con người đạo đức, kiên trung, một cán bộ cách mạng lão thành mẫu mực... Và xin có mấy dòng thơ:

*Gió thoảng trắng trong buổi mát trời  
Ngủ quên không dậy chuyện tiên thai  
Anh hùng Trà Khúc ra đi gấp*

*Để lại tiếng thơm mãi cho đời  
Đừng trách gì quên không kịp dặn  
Bạn bè, con cháu một đôi lời  
Di chúc thiêng liêng! Lòng trung hiếu  
Ham học, ham làm gấp mấy mươi.*

T.V.H.

**KÍNH TẶNG HƯƠNG HỒN  
ĐỒNG CHÍ NGUYỄN CHÁNH**

*TẾ HANH*

*Ngon lửa Ba Tư bùng giữa núi  
Anh góp phần chuyển xuống đồng bằng  
Cách mạng đẩy lên từ Quảng Ngãi  
Lan tràn như sóng khắp khu Năm  
Giặc Pháp ào ào lên phía biển  
Anh tiến quân giải phóng Tây Nguyên  
Âm mưu xâm lược thành mây khói  
Chiến thắng hợp đồng với Điện Biên.  
Vị tướng tài năng của nước nhà  
Qua đời giữa tuổi bốn mươi ba  
Ghi một dấu son hình núi Ấn  
Sáng ngời soi xuống dải sông Trà.*

T.H.

## XIN GỬI ĐẾN HƯƠNG HỒN ANH NGUYỄN CHÁNH

VŨ THỊ LỆ THỊ  
Nghệ sĩ nhân dân

Làm sao quên được ngày anh lên thăm Đoàn  
ở ô Cầu Giấy\*.

Anh bình dị chan hòa, ôi biết mấy thân thương.

Là Tư lệnh Liên khu 5 tri dũng kiên cường.

Nhưng với văn nghệ sĩ vẫn dành cho chúng em  
một tình thương yêu ái.

Dẫu anh vinh viễn ra đi, nhưng bóng dáng  
người Chính ủy Liên khu 5 vẫn còn đây mãi mãi.

Trong sử sách Việt Nam thì anh - một người con  
lưu lại muôn đời.

Dù đất nước thăng trầm có lúc đây vơi.

Nhưng Tổ quốc quê hương vẫn nhớ anh -  
anh ơi hãy yên nghỉ!

Dù ở tuổi cổ lai hy, bảy mươi xuân còn lẻ.

---

\* Đoàn: Đoàn văn công Liên khu 5 sau khi tập kết ra Bắc đóng  
tại khu Văn công Mai Dịch (ngoại ô Hà Nội).

*Xin được gửi đến anh - tấm lòng người nghệ sĩ  
của quê hương được chia sẻ tự hào.  
Ta ước một trong những người sáng sủa  
tâm cao.*

V.T.L.T.

## NGHIÊNG BÓNG KÍNH NIỆM ÔNG VÀ CHIA BUỒN CÙNG GIA QUYẾN

*Huyết lệ biên thư khóc mấy vần:  
Than ôi! Nguyễn Chánh sớm từ trần.  
Đời ông cống hiến thân cách mạng.  
Nghĩa Đảng lo tròn trước quốc dân.*

*Sống đã hy sinh cao khi phách.  
Chết mà không chết khối tinh thần.  
Mười vạn lệ rơi ngoài đất khách.  
Chia buồn nghiêng bóng gởi gia nhân!*

Thái Lan, ngày 26 tháng 9 năm 1957

NGUYỄN SONG KHÁNH

Thay mặt Việt kiều

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu của Cố vấn Ban Chấp hành Trung Đảng Phạm Văn Đồng	5
- Lời nói đầu của Bộ tư lệnh Quân khu 5	7
<b>1 Ban biên soạn</b>	
Anh Nguyễn Chánh, con người và sự nghiệp	9
<b>2 Võ Nguyên Giáp</b>	
Nhớ anh Nguyễn Chánh, một cán bộ lãnh đạo xuất sắc củ Đảng, một vị tướng tài của quân đội	41
<b>3 Văn Tiến Dũng</b>	
Nhớ mái đồng chí Nguyễn Chánh	60
<b>4 Nguyễn Quyết</b>	
Anh Nguyễn Chánh, một con người, một cuộc đời mãi mãi sáng trong	53
<b>5 Trần Kiên</b>	
Nhưng năm tháng sống bên anh	67
<b>6 Hoàng Anh</b>	
Ghi nhớ về đồng chí Nguyễn Chánh	83
<b>7 Trần Quỳnh</b>	
Một con người rất "con người"	89

<b>8</b>	<b>Phạm Thị Trinh</b>	Thời niên thiếu và thời thanh niên sôi nổi	95
<b>9</b>	<b>Nguyễn Hồng Sinh</b>	Nguyễn Chánh, ngôi sao sáng trên đất Cẩm Thành	138
<b>10</b>	<b>Lê Tự Đồng</b>	Những điều tôi học được ở anh Nguyễn Chánh	143
<b>11</b>	<b>Nguyễn Cư</b>	Ít người tế nhị như anh	149
<b>12</b>	<b>Nguyễn Duy Phê</b>	Anh Nguyễn Chánh với cuộc khởi nghĩa Ba Tơ	157
<b>13</b>	<b>Võ Trọng Hoàng</b>	Những ngày được gần anh Nguyễn Chánh	162
<b>14</b>	<b>Phan Tâm</b>	Nhớ mãi anh Nguyễn Chánh	168
<b>15</b>	<b>Trần Lương</b>	Anh Nguyễn Chánh rất xứng đáng là người đứng đầu Liên khu 5	175
<b>16</b>	<b>Trần Văn Quế</b>	Những kỷ niệm khó quên	181
<b>17</b>	<b>Trần Lê</b>	Anh Nguyễn Chánh, vị tướng tài toàn diện	187
<b>18</b>	<b>Trần Văn Quang</b>	Anh Nguyễn Chánh, mãi mãi nhớ anh	193
<b>19</b>	<b>Nguyễn Trọng Xuyên</b>	Anh Nguyễn Chánh sống mãi	204

- 20 Nguyễn Minh Châu**  
 Đồng chí Nguyễn Chánh trong kháng chiến  
 chống Pháp 215
- 21 Nguyễn Đôn**  
 Nhớ thương anh Nguyễn Chánh, một tướng quân  
 lỗi lạc của Liên khu 5 anh dũng, kiên cường 219
- 22 Đặng Hòa**  
 Tôi được làm việc với anh Nguyễn Chánh về  
 công tác đảng và công tác cán bộ 246
- 23 Lê Hữu Đức**  
 Anh Nguyễn Chánh, một vị lãnh đạo, chỉ huy lỗi  
 lạc ở Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp 259
- 24 Khiếu Anh Lân**  
 Những lần gặp đồng chí Nguyễn Chánh 269
- 25 Võ Thứ**  
 Người anh lớn đã dìu dắt tôi trên đường  
 trưởng thành 276
- 26 Nguyễn Đường**  
 Người anh rất dỗi thân thương, người lãnh đạo,  
 chỉ huy tài ba 286
- 27 Nguyễn Huy Chương**  
 Bốn lần gặp anh Nguyễn Chánh 295
- 28 Nguyễn Trọng Vinh**  
 Anh Nguyễn Chánh đã cùng nhân dân Khu 5  
 làm nên kỳ tích 306
- 29 Huỳnh Đắc Hương**  
 Tưởng nhớ người anh tài - đức vẹn toàn 311

- 30 Nguyễn Quang Bích**  
Anh Nguyễn Chánh là người luôn nhạy cảm với  
cái mới 323
- 31 Đoàn Huyền**  
Không phải có nhiều người được như anh 330
- 32 Phan Hàm**  
Những ngày được sống và làm việc dưới sự  
chỉ huy của anh Nguyễn Chánh 344
- 33 Phan Đường**  
Anh Nguyễn Chánh đối với chiến trường xa  
Khánh Hòa 351
- 34 Nguyễn Thế Lâm**  
Nhớ anh Nguyễn Chánh 362
- 35 Lê Văn Hiền**  
Những kỷ niệm không sao quên được về anh  
Nguyễn Chánh 369
- 36 Trần Chí Cường**  
Anh Nguyễn Chánh, một bộ óc sáng tạo, một tấm  
lòng rộng mở 374
- 37 Nguyễn Văn Minh**  
Đồng chí Nguyễn Chánh, một cán bộ lãnh đạo  
chính trị, quân sự có tài, có đức 384
- 38 Phan Hạo**  
Một giờ với anh Nguyễn Chánh, Ủy trưởng  
Quốc phòng Trung Bộ 386
- 39 Nguyễn Minh VI**  
Nhớ lại vùng tự do Liên khu 5 thuở ấy 390

- 40 Nguyễn Chính Giao**  
Mười năm gặp gỡ và công tác với đồng chí  
Nguyễn Chánh 397
- 41 Đỗ Anh Tịnh**  
Nhớ anh Nguyễn Chánh 412
- 42 Võ Phấn**  
Anh Nguyễn Chánh là người có nhiều biệt tài 419
- 43 Huỳnh Môn**  
Người anh rất đỗi thân thương 425
- 44 Lê Quốc Bảo**  
Vài mẩu chuyện về lẽ sống của anh  
Nguyễn Chánh 432
- 45 Lý Văn Sáu**  
Anh Nguyễn Chánh, một con người chân chính 440
- 46 Lê Chánh Hồ**  
Khóc thương anh Nguyễn Chánh 445
- 47 Nguyễn An Trường**  
Anh Nguyễn Chánh, một phong cách độc đáo 452
- 48 Nguyễn Thị Nga**  
Anh Nguyễn Chánh là người sống đầy  
tình nghĩa 461
- 49 Trần Nhanh**  
Được phục vụ đồng chí Nguyễn Chánh là vinh dự  
và hạnh phúc 468
- 50 Nguyễn Tạo**  
Chính ủy Nguyễn Chánh với gia đình quân giới 471

- 51 **Nguyễn Văn Luyện**  
Anh Nguyễn Chánh, một cán bộ lãnh đạo  
xuất sắc, một danh tướng tài, đức tuyệt vời 480
- 52 **Phan Thượng Địch**  
Anh Nguyễn Chánh, người lãnh đạo, chỉ huy  
tài giỏi, người anh, người thầy mẫu mực 493
- 53 **Cao Hữu Thọ**  
Hết lòng chăm lo vun trồng thế hệ trẻ 503
- 54 **Hoàng Châu Kỳ**  
Anh Chánh với nghệ thuật Tuồng 506
- 55 **Hoàng Xuân Thâm**  
Anh Nguyễn Chánh một con người thật  
đặc biệt 512
- 56 **YB'Hàm**  
Anh Nguyễn Chánh nhìn xa lắm 517
- 57 **Nguyễn Chí Trung**  
Anh Nguyễn Chánh rất am hiểu văn học,  
nghệ thuật 522
- 58 **Nguyễn Ngọc**  
Một tâm hồn nghệ sĩ trong một vị tướng  
thao lược 527
- 59 **Nguyễn Tường Nhân**  
Anh Nguyễn Chánh với sân khấu dân tộc 535
- 60 **Nguyễn Văn Hiến**  
Nhớ về anh, một nhân cách, một tâm hồn,  
một trí tuệ 544

- 61 Nguyễn Viết Lâm**  
Anh Nguyễn Chánh, con người có nhiều rung  
cảm nghệ thuật 549
- 62 Cát Huy Dương**  
Anh Nguyễn Chánh với ngành Quân y  
Quân khu 5 trong kháng chiến chống Pháp 555
- 63 Nguyễn Sĩ Lâm**  
Đồng chí Nguyễn Chánh với ngành quân - dân y  
Liên khu 5 trong kháng chiến chống Pháp 564
- 64 Nguyễn Thúc Tùng**  
Một người lãnh đạo, chỉ huy tài đức song toàn 570
- 65 Trần Văn Hiến**  
Anh đột ngột qua đời để lại bao niềm thương tiếc 577
- 66 Tề Hanh**  
Kính tặng hương hồn đồng chí Nguyễn Chánh 581
- 67 Vũ Thị Lệ Thi**  
Xin gửi đến hương hồn anh Nguyễn Chánh 582
- 68 Nguyễn Song Khánh**  
Nghiêng bóng kính niệm ông và chia buồn cùng  
gia quyến. 584

---

**NGUYỄN CHÁNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP**

\*\*\*

Chịu trách nhiệm xuất bản: PTS. PHẠM GIA ĐỨC  
Biên tập: HÀ HỮU KHIẾU  
Bìa: PHẠM VĂN BẰNG  
Trình bày: NGUYỄN MINH HUYỀN  
Sửa bản in: VŨ THỊ NGÀ

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

23 Lý Nam Đế - Hà Nội, DN: 8455766

---

Bắt đầu in: 8-7-1997. In xong: 8-1997. Nộp lưu chiểu: 9-1997.

Khổ sách: 13x19 Số trang: 592. Số lượng: 1550

Số xuất bản: 19/199CXB

Sắp chữ tại: Nxb Quân đội nhân dân

In và đóng sách tại: Nhà máy in Quân đội

Số in: 7385.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000749

SÁCH ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRỢ GIÁ

Giá: 28.000<sup>đ</sup>